

Biểu mẫu 18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022 - 2023

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I			1439	522				
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III			1385	42	x	x	x	x
4	Khối ngành IV	2	21	49		x	x	x	x
5	Khối ngành V	5	56	1140	98	x	x	x	x
6	Khối ngành VI		14	2487	234	x	x	x	x
7	Khối ngành VII		96	1147	346	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I	237	3.8	19.8	63.7	85.9
2	Khối ngành II	0	0	0	0	0
3	Khối ngành III	155	0.6	13.5	52.9	86.1
4	Khối ngành IV	19	0	5.3	57.9	90.0
5	Khối ngành V	235	0.9	7.2	51.1	85.2
6	Khối ngành VI	620	0.5	16.9	64.7	85.6
7	Khối ngành VII	128	0	3.9	49.2	82.9

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Khoa Nông lâm nghiệp

1.1. Nghiên cứu sinh – Khoa học cây trồng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Các học phần bắt buộc					
1.	Sinh lý và tính chống chịu của cây trồng	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức căn bản, bổ sung thông tin mới, cập nhật, về các quá trình sinh lý - sinh hoá cũng như cơ chế đáp ứng của cây trồng dưới ảnh hưởng của các nguyên nhân “stress” vô sinh và hữu sinh, và các biện pháp khắc phục.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2.	Sinh học phân tử trong chọn giống cây trồng	Sau khi học xong học phần, nghiên cứu sinh có khả năng nắm được các kiến thức chuyên sâu về sinh học phân tử, sử dụng các marker ứng dụng trong di truyền chọn giống cây trồng.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
3.	Công nghệ cao trong sản xuất giống cây trồng	Cơ sở để chọn tạo giống, các nguồn gen trong công tác chọn tạo giống, các phương pháp tạo giống và nhân giống cây trồng, đánh giá về vật liệu giống. Cung cấp các kiến thức nâng cao về chọn giống và công tác chọn tạo giống các cây trồng ở khu vực Tây Nguyên: lúa, ngô, cây công nghiệp dài ngày. Cập nhật về những thành tựu ưu thế lai của các cây ngắn ngày.	2	Học kỳ I	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Các học phần tự chọn					
4.	Dinh dưỡng và sản xuất cây trồng bền vững	Giúp cho học viên nắm được những vấn đề vai trò giữa dinh dưỡng cây trồng, từ đó vận dụng nghiên cứu dinh dưỡng cây trồng cụ thể trên địa bàn cụ thể, đặc biệt trong điều kiện Tây Nguyên. Xây dựng phương pháp bón phân phù hợp cho cây qua các chỉ tiêu phân tích cây và phân tích đất tùy theo đặc điểm của từng loại cây trồng chủ yếu như cà phê, cao su, ngô	2	Học kỳ II	- Điểm tiểu luận, seminar: 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
5.	Hệ thống canh tác bền vững cây trồng vùng cao	Cung cấp cho học viên về đặc điểm tự nhiên đặc thù vùng cao; Nắm được cơ sở khoa học hệ thống canh tác vùng cao và đặc điểm hệ canh tác vùng cao; Xây dựng được cơ cấu cây trồng vùng cao bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH khu vực	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
6.	Biến đổi khí hậu và sản xuất cây trồng	Học viên nắm được cơ sở khoa học và những tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp bền vững; Nắm được cơ sở khoa học để xây dựng cơ cấu cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu, phù hợp với và dạng sinh học trong từng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể.	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
7.	Vi sinh vật hữu ích và sản xuất nông nghiệp bền vững	Nắm được vai trò của các nhóm vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Đề xuất được các giải pháp để nâng cao vai trò của các vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8.	Phương pháp viết bài báo khoa học	Sau khi học xong học phần, nghiên cứu sinh có khả năng: Tổng hợp và xử lý kết quả cho bài báo khoa học; Có kỹ năng trong viết bài báo khoa học để có thể đăng được trong các tạp chí trong và ngoài nước; Tránh được các lỗi thường gặp khi viết một bài báo khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm seminar: 50% Bài tập: 50%
9.	Nghiên cứu phát triển nông lâm kết hợp trên đất dốc	Phân tích được các tiềm năng, lợi ích của nông lâm kết hợp trong phát triển đời sống cộng đồng và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Trình bày được khái niệm, đặc điểm nông lâm kết hợp trên đơn vị diện tích và cảnh quan Nông lâm kết hợp. Phân tích được các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH Phân tích thực tế canh tác ở địa phương để thiết kế, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
10.	Sâu bệnh hại và bảo vệ thực vật	Giúp nghiên cứu sinh nắm vững các loại sâu bệnh mới phát sinh và gây hại nghiêm trọng trên cây trồng quan trọng ở khu vực Tây Nguyên. Hiểu được các qui luật phát sinh phát triển, các quan điểm mới trong BVTV và các biện pháp BVTV trong sản xuất nông nghiệp tiên tiến và nông nghiệp cấp chứng chỉ.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
11.	Dinh dưỡng vi lượng trong nông nghiệp	Giúp nghiên cứu sinh nắm vững vai trò của các nguyên tố vi lượng cần thiết cho cây trồng; Các dạng vi lượng trong đất; Cơ chế	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quá trình hấp thu, vận chuyển trong cây; Ảnh hưởng đất và môi trường đến nguyên tố vi lượng			Điểm thi kết thúc học phần: 70%

1.2. Nghiên cứu sinh – Lâm sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Các học phần bắt buộc					
1.	Sinh thái rừng nhiệt đới	Môn học Sinh thái rừng nhiệt đới là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành lâm sinh, cung cấp những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về sinh thái rừng nhiệt đới. Các nội dung cơ bản tập trung vào 4 vấn đề chính, bao gồm các chuyên đề chuyên sâu như những kiến thức cơ bản về sinh thái rừng nhiệt đới, phân loại hệ sinh thái rừng, động thái hệ sinh thái rừng và ý nghĩa nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Môn học đi kèm với phần thảo luận tổng hợp nhằm vận dụng kiến thức sinh thái rừng vào định hướng nghiên cứu về phục hồi và quản lý rừng.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.	Kỹ thuật lâm sinh cho rừng nhiệt đới	Đây là học phần kiến thức bắt buộc đối với Nghiên cứu sinh chuyên ngành Lâm sinh. Nội dung chủ yếu của môn học nhằm bổ sung, cập nhật những kiến thức thực tiễn và thành tựu khoa học mới về vấn đề kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng nhiệt đới, đặc biệt liên hệ trong điều kiện phát triển của ngành lâm nghiệp Việt Nam. Học phần này cung cấp cho NCS những kiến thức mới về xu hướng phát triển của kỹ thuật lâm sinh trên thế giới, khu vực và Việt Nam; kỹ thuật lâm sinh cho rừng trồng; kỹ thuật lâm sinh cho rừng	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự nhiên phục hồi và kỹ thuật lâm sinh cho một số hệ sinh thái rừng đặc thù ở Việt Nam.			
Các học phần tự chọn					
3.	Quản lý rừng nhiệt đới bền vững	Môn học Quản lý rừng bền vững là một môn học tự chọn dành cho NCS ngành Lâm học. Môn học giới thiệu cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý tài nguyên rừng theo mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung chính của môn học là từ việc giới thiệu khái quát về quản lý rừng bền vững, các nguyên tắc và phương pháp tiếp cận từ đó áp dụng trong công tác quản lý bền vững rừng tự nhiên và rừng trồng tiến tới mục tiêu cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao giá trị và vị thế của tài nguyên rừng trong quá trình hội nhập và phát triển của đất nước cũng như giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4.	Dịch vụ sinh thái / môi trường rừng	Dịch vụ sinh thái rừng là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái rừng; khí tượng – thủy văn rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học, GIS – viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng... Đây là học phần kiến thức ngành bắt buộc đối với NCS chuyên ngành Lâm sinh. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các nội dung kiến thức về các giá trị dịch vụ hệ sinh thái, môi trường rừng cung cấp cho NCS các phương pháp định giá các giá trị dịch vụ sinh thái tài nguyên rừng. Học phần này cung cấp cho NCS những khái niệm, đặc điểm dịch vụ hệ sinh thái/ môi trường rừng; thị trường dịch vụ môi trường rừng; phương pháp định giá dịch vụ môi trường rừng; và một số kỹ năng nghiên cứu, phương pháp đo tính để chi trả dịch vụ môi trường lưu giữ và hấp thu CO ₂ của rừng; phương pháp đo tính để chi trả dịch vụ	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường rừng đầu nguồn. Các vấn đề tồn tại của dịch vụ sinh thái, môi trường rừng ở Việt Nam.			
5.	Ứng dụng GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	Môn học cung cấp các kỹ thuật và phương pháp cơ bản để biểu diễn và phân tích không gian của đất đai và lãnh thổ (theo nghĩa rộng nhất), với mục tiêu cuối cùng là giải quyết vấn đề và quy hoạch đất đai. Viễn thám là khoa học liên quan đến việc phát hiện, xác định, phân loại và phân tích về lớp phủ mặt đất, việc sử dụng đất/rừng và các hiện tượng xảy ra ở bề mặt Trái đất thông qua các bộ cảm được lắp đặt trong các nền tảng không gian. Trong khi đó, GIS là hệ thống thông tin địa lý theo định hướng khoa học và công nghệ quản lý, truy vấn, cập nhật, phân tích và mô hình hóa thông tin không gian được tạo ra thông qua các phương pháp khảo sát và / hoặc viễn thám, trong một mô hình tích hợp. GIS và viễn thám dựa trên sự quản lý của phần cứng và phần mềm cụ thể. Việc sử dụng các công nghệ này rất được quan tâm và ứng dụng trong các vấn đề khác của chuyên ngành như đa dạng sinh học, nông lâm kết hợp, quản lý rừng bền vững... đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khai thác sử dụng đất và lớp phủ thực vật, quản lý hệ thống tài nguyên rừng, quy hoạch lãnh thổ và môi trường, cháy rừng, trồng rừng, phân tích sự thay đổi của mặt đất bao gồm, phân tích cảnh quan, đánh giá tác động môi trường hoặc phân tích thủy văn đầu nguồn... Tóm lại, các mô tả cơ bản của khóa học là: Viễn thám. Các nguyên tắc vật lý của viễn thám. Kỹ thuật thu thập dữ liệu viễn thám. Xử lý hình ảnh kỹ thuật số. Hệ thống thông tin địa lý. Các cấu trúc GIS data (Vector và Raster). Phân tích không gian thông tin bề mặt/rừng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Học phần Tin học thống kê trong lâm nghiệp trang bị kiến thức cho Nghiên cứu sinh ngành lâm nghiệp sử dụng tiến bộ tin học để xử lý các vấn đề thống kê trong nghiên cứu, thử nghiệm, khảo sát đánh giá trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng và môi trường rừng. Nội dung của học phần không đi sâu vào lý thuyết toán xác suất thống kê mà tập trung vào giải quyết các vấn đề thống kê trong thực tế nghiên cứu, thử nghiệm; trên cơ sở ứng dụng một cách tổng hợp các chương trình thống kê như: phần mềm mã nguồn mở, SPSS và phần mềm đơn giản, phổ biến như Excel. Nội dung học phần gồm các nội dung chính sau: tổng quan về ứng dụng tin học thống kê trong lâm nghiệp; tin học ứng dụng trong mô hình hóa rừng; tin học thống kê chuyên đề.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
7.	Phương pháp viết bài báo khoa học và luận án Tiến sĩ	Học phần phương pháp viết bài báo khoa học và luận án tiến sĩ gồm 2 phần chính: Phương pháp viết bài báo khoa học và phương pháp viết luận án tiến sĩ. Với phần Phương pháp viết bài báo khoa học bao gồm phương pháp luận, khung logic cấu trúc, cách thức triển khai từng nội dung của một bài báo khoa học. Bên cạnh đó học phần này còn bao gồm tư duy khoa học và cách đặt vấn đề và xử lý vấn đề của một bài báo khoa học, đặc biệt là bài báo uy tín chuyên ngành và bài báo quốc tế. Với học phần phương pháp viết luận án tiến sĩ bao gồm các nội dung xây dựng đề cương nghiên cứu, cấu trúc luận án, phương pháp luận và cách thức tiếp cận vấn đề của đề tài tiến sĩ. Bên cạnh đó nghiên cứu sinh còn được trang bị phương pháp triển khai các nội	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung của luận án, cách thức giải quyết các phần, hạng mục của một luận án tiến sĩ. Học phần được dạy ngay kỳ đầu tiên để làm cơ sở cho các các môn học chuyên ngành và xây dựng đề cương luận án tiến sĩ.			
8.	Quản lý mâu thuẫn trong quản lý tài nguyên rừng	Học phần này thuộc nhóm các học phần tự chọn, sau khi học viên đã học xong các học phần sinh thái rừng nhiệt đới và Kỹ thuật lâm sinh cho rừng nhiệt đới, Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức về hợp tác, mâu thuẫn từ thực tế quản lý, sử dụng tài nguyên rừng; từ đó vận dụng trong quản lý rừng gắn với phát triển bền vững. Bao gồm giới thiệu chung về sự hợp tác và mâu thuẫn trong quản lý tài nguyên rừng; phân tích mâu thuẫn và nguyên nhân của những mâu thuẫn tồn tại trong quản lý tài nguyên rừng; thương thảo và tạo sự đồng thuận để giải quyết mâu thuẫn liên quan đến sử dụng và quản lý tài nguyên rừng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9.	Sản lượng rừng	Sản lượng rừng là môn học cung cấp cho Nghiên cứu chuyên ngành lâm nghiệp những kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp xác định, dự đoán tăng trưởng và sản lượng cây rừng và lâm phần, đồng thời cung cấp các giải pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm nâng cao năng suất và sản lượng rừng. Nội dung của môn học bao gồm các phần chính sau: Sinh trưởng cây cá thể; Phương pháp phân chia cấp năng suất rừng trồng và rừng tự nhiên; Dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng trồng; Dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng tự nhiên; Ứng dụng phần mềm máy tính để xây dựng mô hình dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
10.	Quản lý rừng trồng bền vững	Học phần “Quản lý rừng trồng bền vững” có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho NCS những kiến thức cơ bản và chuyên sâu	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về lĩnh vực trồng rừng – Đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của nhà Lâm nghiệp. Kiến thức sẽ bao gồm: Về lý thuyết: NCS sẽ được nghe bài giảng theo các chủ đề, gồm: i) Rừng trồng trong hệ thống phân loại rừng của Việt Nam và Thế giới; ii) Quản lý nguồn giống trong trồng rừng; iii) Quản lý lập địa; iv) Quản lý dinh dưỡng ; v) Quản lý nước trong trồng rừng; vi) Bảo vệ & kiểm soát xói mòn đất; vii) Quản lý mật độ trồng và tỉa thưa; viii) Quản lý thực vật cạnh tranh; ix) Luân kỳ và tính ổn định của kinh doanh rừng trồng. Về thực hành: NCS sẽ được nghe báo cáo, tham khảo và thảo luận các kết quả NC của Dự án / Đề tài NCKH ở trong và ngoài nước về Quản lý rừng trồng (bao gồm: rừng trồng thâm canh, rừng sản xuất (SX) cung cấp gỗ nhỏ, gỗ lớn; rừng phòng hộ (PH), rừng ngập mặn, rừng chống cát bay; rừng đặc dụng (ĐD).			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11.	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Giới thiệu cho các NCS hiểu rõ và nhận diện được thế nào là suy thoái các hệ sinh thái rừng, thực trạng suy thoái rừng hiện nay, các nguyên nhân dẫn tới suy thoái rừng, hệ quả của suy thoái rừng, quan điểm và cách tiếp cận trong phục hồi hệ sinh thái rừng, các giải pháp kỹ thuật cơ bản trong phục hồi hệ sinh thái rừng; Các chương trình, dự án và chính sách phục hồi rừng ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay; Những xu hướng và cách tiếp cận mới về phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới hiện nay.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12.	Định giá rừng	Việc định giá rừng có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý và phát triển các hệ sinh thái rừng (như cho thuê, đền bù, xử lý vi phạm, chuyển nhượng...), rất cần thiết đối với cán bộ nghiên cứu và quản lý về lâm nghiệp. Định giá rừng là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo tiến sinh lâm nghiệp, đây là môn học	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quan trọng nâng cao trang bị cho học viên lý luận và các phương pháp về định giá giá trị hệ sinh thái rừng. Đây là môn học yêu cầu kiến thức nền tảng về xác định và định lượng các loại sản phẩm và dịch vụ hệ sinh thái rừng và các kiến thức định giá các sản phẩm và dịch vụ rừng theo quan điểm về tổng giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng (TEV).			
13.	Các phương pháp phục hồi hệ sinh thái rừng tự nhiên	Môn học Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới là môn học tổng hợp đa ngành đa lĩnh vực phát xuất từ vai trò quan trọng của hệ sinh thái rừng và sự suy thoái kéo dài của hệ sinh thái rừng do tác động liên tục của con người, nhu cầu thị trường và xã hội. Song song với nhu cầu khai thác tài nguyên từ hệ sinh thái rừng của con người thì các tác động khác như đô thị hóa, phát triển năng lượng, biến đổi khí hậu, sự suy thoái đất canh tác và ô nhiễm môi trường đã đóng góp không nhỏ điều kiện cản và đủ cho sự suy thoái đề từ đó đòi hỏi dịch vụ tái phục hồi các hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới mang lại lợi ích cho xã hội thông qua cải thiện sự bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cộng đồng cư dân gần rừng, nâng cao năng lực người dân địa phương và cải thiện hiệu năng sản xuất của hệ sinh thái. Khóa học này sẽ tập trung chú trọng và cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học tiến trình tái phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới đã bị suy thoái.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14.	Phân tích chính sách lâm nghiệp	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về phân tích chính sách lâm nghiệp. Các nội dung chính bao gồm 1) Giới thiệu về chính sách lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách lâm nghiệp, 2) chính sách và thể chế lâm nghiệp, 3) các biện pháp và công cụ phân tích chính sách, 4) các bước trong tiến trình phân tích chính sách, 5) cách viết	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách, và 6) cách viết một bản tin chính sách (policy brief).			

1.3. Thạc sĩ – Khoa học cây trồng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: (<i>chương 1</i> : Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (<i>chương 2</i> : Bản thể luận; <i>chương 3</i> : Phép biện chứng; <i>chương 4</i> : Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (<i>chương 5</i> : Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; <i>chương 6</i> : Triết học chính trị; <i>chương 7</i> : Ý thức xã hội; <i>chương 8</i> : Triết học về con người).	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.	Tiếng Anh	Tiếng Anh là một trong những học phần bắt buộc nhằm giúp học viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho học viên cao học của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh giúp học viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ	6	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau) Ngoài ra, học phần tiếng Anh còn giúp học viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho học viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
Kiến thức cơ sở					
3.	Phương pháp luận NCKH trong	Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, là học phần cơ sở của ngành Cao học Khoa học cây trồng. Học phần này cung cấp cho học viên các khái niệm về khoa học, nghiên cứu khoa học và công nghệ. Phân biệt được các loại hình nghiên cứu khoa học. Phân biệt được Đề tài, Dự án, Chương trình, Đề án. Trình tự triển khai một đề tài nghiên cứu. Các phương pháp cơ bản để thu thập, xử lý thông tin. Phương pháp xây dựng được đề cương nghiên cứu. Lập kế hoạch về thời gian và nguồn lực để thực hiện các nội dung nghiên cứu. Phân biệt được các tài liệu khoa học: Bài báo khoa học, Báo cáo khoa học, Thông báo khoa học, Tổng luận khoa học, Tác phẩm khoa học, Kỷ yếu khoa học, Chuyên khảo khoa học... Nắm được phương pháp viết các kết quả nghiên cứu.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4.	Hóa sinh nâng cao	Là học phần giới thiệu các kiến thức mới về hóa sinh có liên quan, ứng dụng đối với thực vật. Các kiến thức tập trung vào các nội dung: Gen và hoạt động của gen ở thực vật; gen và hoạt động của gen ở lục lạp; genomics; PCR và ứng dụng trong chọn giống; Các kiến thức về hóa sinh miễn dịch thực vật.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5.	Những vấn đề Sinh lý thực vật hiện đại	Tiếp cận và hiểu biết tổng thể các quá trình sinh lý liên quan đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng, tính bền vững trong trí cơ cấu cây trồng, giải pháp sản xuất. Người học cần nắm vững cơ chế các quá trình sinh lý trong tế bào, mô và toàn cây: membrane, cơ chế hấp thụ nước và chất khoáng, cơ chế quang hợp, khả năng hấp thụ CO₂ điều kiện ngoại cảnh tác động đến quang hợp; các tác động tới sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng. Học phần cập nhật những kiến thức mới về các quá trình sinh lý diễn ra trong cơ thể thực vật, sự thay đổi các quá trình khi điều kiện môi trường thay đổi, các phương pháp nghiên cứu chỉ tiêu sinh lý thực vật. Kiến thức của học phần là cơ sở để tiếp cận và nắm vững quá trình sinh lý các loại cây trồng, cơ sở để hiểu nông nghiệp công nghệ cao, tiết kiệm nước tưới, phân bón, sản xuất bền vững.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6.	Sinh thái nông nghiệp	Học phần Sinh thái học nông nghiệp là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành lâm sinh, cung cấp những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về sinh thái học nông nghiệp. Các nội dung cơ bản tập trung vào 6 vấn đề chính, bao gồm các chuyên đề chuyên sâu như những kiến thức cơ bản về sinh thái học, quần thể, quần xã, hệ sinh thái và sinh thái học trong nông nghiệp. Học phần gắn liền với phần thảo luận tổng hợp nhằm vận dụng kiến thức sinh thái học nông nghiệp nhằm hướng đến một nền nông nghiệp có tính bền vững.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7.	Phương pháp thí nghiệm và thống kê Sinh học	Học phần gồm 8 chương, cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phương pháp bố trí thí nghiệm và cách xử lý số liệu nghiên cứu khoa học để thực hiện được luận văn, bài báo khoa học. Các nội dung học phần bao gồm: Phương pháp thiết kế, bố trí, tiến hành thí nghiệm, soạn thảo số liệu, tính các thông số thống kê mô tả, phân tích quan	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hệ giữa các biến định lượng và định tính, kiểm định giả thuyết thống kê tham số và phi tham số, phân tích tương quan và hồi quy, phân tích phương sai số liệu từ các loại bố trí thí nghiệm. Đồng thời, học viên biết sử dụng thành thạo phần mềm thống kê chuyên dụng để phân tích số liệu, đọc hiểu kết quả thống kê để giải thích kết quả nghiên cứu.			
8.	Di truyền học trong chọn giống cây trồng	Di truyền học trong chọn giống cây trồng là môn học nghiên cứu về nguyên tắc và các phương pháp thu thập vật liệu khởi đầu, nhập nội giống cây trồng, các nguyên tắc và phương pháp tạo giống, các phương pháp chọn lọc giống cây trồng, khảo nghiệm giống, đánh giá và sản xuất giống, các phương pháp lấy mẫu và kiểm tra đánh giá chất lượng giống. Đây là học phần quan trọng cho ngành Cao học Khoa học cây trồng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9.	Sinh học phân tử	Học phần này cung cấp các kiến thức về cấu trúc gen ở prokaryote và eukaryote; quá trình phiên mã và dịch mã ở prokaryote và eukaryote; điều hòa biểu hiện gen ở prokaryote và eukaryote; các kỹ thuật phổ biến dùng trong sinh học phân tử như PCR, tạo dòng, giải trình tự gen, biểu hiện và tinh sạch protein; và các ứng dụng của sinh học phân tử với vật nuôi và cây trồng. Bên cạnh đó, phần thực hành góp phần củng cố kiến thức và ứng dụng thực tiễn của học phần cho học viên.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
10.	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	Nắm vững vấn đề: biến đổi khí hậu tác động đến đời sống thực vật và sản xuất nông nghiệp, tính chống chịu của cây trồng trong điều kiện bất lợi là bắt buộc, sản xuất nông nghiệp buộc phải thích ứng. Người học cần hiểu các khái niệm stress, nguyên nhân gây stress; các phản ứng của thực vật khi gặp stress từ mức độ phân tử đến tế bào, mô, cơ quan, cơ thể và quần thể, quần xã. Các biện pháp thích ứng	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong sản xuất nông nghiệp đối với tính chống chịu hạn, nhiệt độ cao, nhiệt độ quá thấp, sinh lý chống chịu úng (ngập nước), sinh lý chống chịu muối, khả năng chống chịu và thích ứng với sâu bệnh, cỏ dại, tương tác hoá học giữa các loài cây cỏ. Kiến thức học phần là sự kết nối với Sinh lý thực vật, Sinh thái thực vật, Hoá sinh nâng cao, Bảo vệ thực vật. Kiến thức là cơ sở cho bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, thích hợp của trồng trọt với biến đổi khí hậu.			
Kiến thức chuyên ngành					
11.	Chọn giống cây trồng nâng cao	Chọn giống cây trồng nâng cao là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Cây trồng. Học phần này trang bị những kiến thức lý thuyết và ứng dụng các phương pháp chọn tạo giống cây trồng như lai tạo, gây đột biến, gây đa bội thể, tạo ưu thế lai, các phương pháp chọn lọc cơ bản và nâng cao cho học viên Cao học ngành Khoa học cây trồng. Ứng dụng các phương pháp này vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất Nông nghiệp, nhằm tạo ra các giống cây trồng có khả năng sử dụng ánh sáng, nước và dinh dưỡng hiệu quả cao để tạo ra năng suất sản phẩm chính như hạt, thân, lá củ... cao nhất trên một đơn vị diện tích, chất lượng sản phẩm tốt gồm (protein, vitamin, vi lượng), Các giống này thích nghi với môi trường và hệ thống canh tác của các vùng sinh thái khác nhau, có khả năng chống chịu với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và phù hợp cho cơ giới hóa và công nghiệp chế biến.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12.	Cây lương thực	Cây lương thực nâng cao, (TC: 2-0). Hiện trạng và xu thế phát triển cây lương thực; Cơ sở sinh lý của quá trình hình thành năng suất và chất lượng cây lương thực; Mối quan hệ giữa quang hợp, hô hấp và tích lũy hydratecacbon với năng suất hạt; Ảnh hưởng của điều kiện	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh thái tới sinh trưởng và hình thành năng suất cây lương thực; Đồng hoá dinh dưỡng của cây lương thực; Sinh lý quần thể năng suất của cây lương thực; Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây lương thực.			
13.	Cây ăn quả	Hiện nay cây ăn quả đã trở thành một trong những loại cây là thế mạnh kinh tế ở Việt Nam. Sản phẩm cây ăn quả ngoài cung cấp cho thị trường trong nước, đồng thời là nguồn xuất khẩu sang các nước trong khu vực cũng như một số thị trường lớn trên thế giới như Châu Âu và Hoa Kỳ. Cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp, sản phẩm cây ăn quả ở Việt Nam ngoài việc sử dụng ăn tươi, còn là nguyên liệu cho các nhà máy chế biến. Do đó, cây ăn quả có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế Việt Nam. Hàng năm, cây ăn quả của Việt Nam xuất khẩu đạt hơn 4 tỉ USD. Môn học Cây ăn quả được xếp là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành Thạc sĩ Khoa học cây trồng. Sau khi học xong học viên trên cơ sở những kiến thức chuyên sâu về cây ăn quả đã được học từ bậc đại học và cao học về cây ăn quả như nguồn gốc, giá trị, phân loại, đặc điểm thực vật học, yêu cầu ngoại cảnh và kỹ thuật trồng, chăm sóc, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, nghiên cứu một số cây ăn quả chủ lực của Tây Nguyên và Việt Nam.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14.	Bảo vệ thực vật nâng cao	Trong quá trình canh tác, cây trồng luôn bị nhiều loài dịch hại tấn công, gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng cây trồng. Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về 3 nhóm dịch hại chính trên đồng ruộng, gồm: sâu hại, bệnh hại và cỏ dại. Học viên sẽ được trang bị các kiến thức về cơ sở lý luận của sự gây hại cũng như tính kháng dịch hại của cây trồng, vai trò của bảo vệ thực vật trong nông nghiệp. Học viên cũng	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sẽ được trang bị thêm kiến thức về các chiến lược mới trong công tác bảo vệ thực vật hiện nay. Ngoài ra, học viên sẽ được trang bị các kỹ năng nhận dạng, chẩn đoán các triệu chứng và tác nhân gây hại chính trên một số loại cây trồng chủ lực tại Tây Nguyên và đề xuất các biện pháp quản lý các dịch hại một cách có hiệu quả.			
15.	Cây cao su	Cây cao su là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học của ngành Khoa học Cây trồng tại các trường đại học. Học phần Cây cao su cung cấp cho học cho học viên ngành Khoa học cây trồng những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất cao su bền vững từ trồng, chăm sóc, thu hoạch đến chế biến cao su thiên nhiên và gỗ cao su, tạo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến thành phẩm. Đồng thời bổ sung và cập nhật những giải pháp tiến bộ, hiệu quả, không gây tác động tiêu cực đến môi trường, tăng năng suất và thu nhập cho người sản xuất kết hợp với cải thiện đa dạng sinh học và hỗ trợ bảo vệ rừng trong vùng trồng cao su.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16.	Cây cà phê	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây cà phê trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lí hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây cà phê. Mối quan hệ cây cà phê và môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
17.	Ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt	Học phần chuyên ngành được bố trí học sau khi đã học các học phần cơ bản và cơ sở chuyên ngành. Học phần Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm 4 phần: - Phần 1: Giới thiệu chung: cung cấp cho người học các kiến thức chung về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: các thuật ngữ và định nghĩa; Tình hình sản xuất NNCNC trên thế giới và	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam; Lợi ích và thách thức của sản xuất NNCNC; Các hình thức canh tác NNCNC. - Phần 2: Doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các mô hình canh tác ứng dụng công nghệ cao trong các doanh nghiệp như: Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong doanh nghiệp; Công nghệ nuôi cấy mô trong nhân giống; Công nghệ trồng cây trong nhà kính, nhà màng; Công nghệ tưới nước, bón phân bán tự động, tự động và tiết kiệm; Công nghệ thu hoạch và chế biến. - Phần 3: Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đào tạo, tập huấn và chuyển giao ứng dụng công nghệ cao trong xuất nông nghiệp; Sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; Đào tạo nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; Tổ chức triển lãm, trình diễn sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Phần 4: Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: cung cấp cho người học những thông tin cập nhật về các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nước và tại Tây Nguyên.			
18.	Dinh dưỡng khoáng và cây trồng	Thông qua quá trình bón phân (phân khoáng và phân hữu cơ) cho cây trồng phân tích ưu nhược điểm của cách bón phân truyền thống từ đó đề xuất cách bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng, cách thức để có thể bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng (quy trình cách bón	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân theo chẩn đoán dinh dưỡng) và hiệu quả kinh tế cũng như triển vọng khi bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng.			
19.	Cây rau	Rau là nguồn thực phẩm quan trọng, cung cấp các dinh dưỡng thiết yếu cho con người. Rau tươi và các sản phẩm rau chế biến là nguồn hàng xuất khẩu có giá trị, mang lại nguồn thu ngoại tệ rất lớn cho quốc gia. Ở Việt Nam, nhu cầu về rau xanh trên thị trường tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ngày càng tăng cả về lượng lẫn về chất. Hiểu biết về cây rau và công nghệ sản xuất rau sẽ giúp cho người học áp dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về: thực trạng và xu thế phát triển của ngành sản xuất rau nước ta; sản xuất rau an toàn và thực hành nông nghiệp tốt (GAP); các yếu tố tác động đến sinh trưởng, phát triển của cây rau và biện pháp kiểm soát; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau; công nghệ vườn ươm; sâu bệnh hại rau và biện pháp kiểm soát; kiểm soát tồn thất sau thu hoạch sản phẩm rau.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20.	Cây chè	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây chè trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây chè. Mối quan hệ cây chè và môi trường. Học phần chuyên ngành được bố trí học sau khi đã học các học phần cơ bản và cơ sở chuyên ngành. Học phần cây chè gồm 4 chương:	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Chương 1: Nâng cao chất lượng chè nguyên liệu: cung cấp cho người học các kiến thức về cây chè, vai trò của chè nguyên liệu với chất lượng chè thành phẩm; Công nghệ chế biến chè và phân loại chè thương phẩm; Các yếu tố ảnh hưởng chất lượng chè nguyên liệu; Các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng chè nguyên liệu. - Chương 2: Giống chè: cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về giống chè và kỹ thuật nhân giống. - Chương 3: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất chè: cung cấp cho người học các thông tin cập nhật về các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất chè; các công nghệ tiên tiến được áp dụng trong sản xuất chè hiện tại và tương lai. - Chương 4: Nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất chè: cung cấp cho người học những hiểu biết về sản xuất chè an toàn và bền vững.			
21.	Cây Hồ tiêu	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây tiêu trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây tiêu. Mối quan hệ cây tiêu và môi trường. Học phần chuyên ngành được bố trí học sau khi đã học các học phần cơ bản và cơ sở chuyên ngành. Học phần cây tiêu gồm 5 chương: - Chương 1: Đại cương: cung cấp cho người học các thông tin cập nhật về sản xuất và tiêu thụ tiêu trong nước và trên thế giới. - Chương 2: Đặc điểm sinh học cây tiêu: cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về đặc điểm sinh học của cây tiêu làm cơ sở để xác định các biện pháp kỹ thuật tác động.	5	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Chương 3: Cây trụ tiêu: cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về cây trụ tiêu và kỹ thuật tạo cây trụ tiêu. - Chương 4: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất tiêu: cung cấp cho người học các thông tin cập nhật về các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất tiêu; các công nghệ tiên tiến được áp dụng trong sản xuất tiêu hiện tại và tương lai. - Chương 5: Nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất tiêu: cung cấp cho người học những hiểu biết về sản xuất tiêu an toàn và bền vững.			
22.	Nông nghiệp hữu cơ	Nông nghiệp hữu ngày càng được ứng dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp hiện nay đặc biệt là các sản phẩm sử dụng cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các mặt hàng nông sản đi các nước Châu Âu và các thị trường khó tính khác. Học phần nông nghiệp hữu cơ này giúp học viên có quan điểm, cách tiếp cận chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ, đất trong nông nghiệp hữu cơ, phân bón trong nông nghiệp hữu cơ và kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp hữu cơ nhằm thúc đẩy sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững theo xu thế chung hiện nay. Học phần sẽ trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về đất, phân bón, kỹ thuật canh tác hữu cơ trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững và công nghệ cao.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Cây công nghiệp khác	Nội dung của học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về đặc điểm sinh lý, sinh trưởng, phát triển, dinh dưỡng, quan điểm chọn giống, mô hình canh tác, chế biến của một số loại cây công nghiệp dài ngày ở vùng Tây Nguyên như Ca cao, macca...từ đó học viên có thể áp dụng vào thực tế để cải thiện năng suất và chất lượng những loại cây trồng này theo hướng bền vững. Đồng thời bổ sung và cập nhật những giải pháp tiến bộ, hiệu quả, không gây tác động tiêu cực đến môi trường, tăng năng suất và thu	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhập cho người sản xuất kết hợp với cải thiện đa dạng sinh học trong vùng trồng cây công nghiệp.			
24.	Công nghệ nhà kính trong nông nghiệp	Nội dung của học phần gồm những kiến thức: Lịch sử hình thành, phát triển và xu hướng xây dựng nhà kính nhằm ứng dụng trong nông nghiệp; Thiết kế mô hình, lắp đặt và xây dựng nhà kính; Công nghệ quản lý và điều khiển trong nhà kính; Các mô hình sử dụng nhà kính để ứng dụng trong canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Công nghệ nhà kính là mô hình thực hành quan trọng và phổ biến để triển khai ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất rau củ quả bởi môi trường tiểu khí hậu được điều chỉnh phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của từng loại cây trồng, môi trường tách biệt được kiểm soát cộng với việc sử dụng các biện pháp sinh học tổng hợp nên hạn chế tối đa và dần loại bỏ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc diệt nấm bệnh. Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin về kỹ thuật điện toán đám mây và truyền tải thông tin không dây đã được áp dụng trong nhà kính và cả trang trại rộng lớn, xây dựng nên một nền nông nghiệp thông minh với nhiều ưu việt so với sản xuất nông nghiệp truyền thống. Do đó CNNKTNN là một học phần không thể thiếu trong đào tạo học viên cao học ngành Khoa học cây trồng, nhằm trang bị cho học viên cơ sở lý thuyết, các mô hình, phương pháp vận hành và những ứng dụng của nhà kính trong canh tác nông nghiệp. Học phần này có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi trong chương trình đào tạo cao học Khoa học cây trồng.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25.	Hệ thống nông nghiệp	Là học phần nghiên cứu về các kiến thức xây dựng hệ thống nông nghiệp trên cơ sở phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và bền vững. Học phần sẽ giới thiệu trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về hệ thống nông nghiệp, phát triển và áp dụng hệ thống nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững và áp dụng công nghệ cao. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu để học viên hình thành phương pháp tư duy mới, tư duy hệ thống thay cho tư duy riêng lẻ. Từ đó xây dựng quan điểm phát triển nông nghiệp theo hướng tôn trọng quy luật phát triển, nông nghiệp bền vững ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao. Trang bị cho học viên phương pháp nghiên cứu phát triển nông nghiệp mới đó là phương pháp tiếp cận đa chiều, tiếp cận từ dưới lên thay cho cách tiếp cận từ trên xuống nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, chỉ đạo sản xuất, trang bị cho học viên về kiến thức sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng bền vững và áp dụng công nghệ cao.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26.	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	Công nghệ sinh học (CNSH) trong Nông nghiệp là học phần giới thiệu cho học viên cao học Khoa học cây trồng các công nghệ liên quan đến sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại; Các Kỹ thuật gen trong chọn tạo, cải tiến giống cây trồng; Các kỹ thuật nhân giống cây trồng in vitro, nuôi cấy sinh khối tế bào; Các ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm soát sinh học sâu bệnh, phân bón sinh học và phân bón nano.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
27.	Mối quan hệ đất và cây trồng	Mô tả mối quan hệ đất - phân bón và cây trồng, vai trò của các yếu tố dinh dưỡng đối với cây trồng, khả năng đồng hóa dinh dưỡng của cây trồng, khả năng cung cấp dinh dưỡng của đất; các loại phân bón cho cây trồng và các định luật sử dụng phân bón giữa dinh dưỡng đất và cây trồng, làm cơ sở để tính toán hiệu quả sử dụng đất, bố trí cây trồng hợp lý, phục vụ công tác quy hoạch sử dụng, cải tạo, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất hiện có của Việt Nam. Vì vậy,	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học này gắn liền với môi trường hoạt động là đất và tác động bổ sung dinh dưỡng để đáp ứng yêu cầu của cây trồng là nông hóa để có môi trường thuận lợi cho cây trồng, tạo ra nông sản có chất lượng cao góp phần phát triển sản xuất bền vững.			
28.	Quản lý dịch hại tổng hợp	Quản lý dịch hại tổng hợp (Integrated Pest Management = IPM) là một học phần tự chọn thuộc chương trình đào tạo bậc Thạc sỹ chuyên ngành Khoa học Cây trồng. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản vận dụng trong IPM, sinh thái học và ứng dụng trong quản lý tổng hợp dịch hại; các nguyên lý, nội dung chính và các thành phần cơ bản của IPM; các biện pháp phòng trừ dịch hại và sự vận dụng theo quan điểm IPM. Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng được các khái niệm, nguyên tắc IPM, hệ sinh thái nông nghiệp và các biện pháp quản lý dịch hại để đề xuất được mô hình IPM cho một loại cây trồng trong điều kiện hệ sinh thái nông nghiệp cụ thể theo hướng hướng an toàn, bền vững và có hiệu quả kinh tế.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
29.	Khoa học cỏ dại	Khoa học cỏ dại là một học phần tự chọn thuộc chương trình đào tạo bậc Thạc sỹ chuyên ngành Khoa học Cây trồng. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về cỏ dại, vai trò của cỏ dại trong hệ sinh thái, mối tương tác cỏ dại-cây trồng-môi trường và các biện pháp quản lý cỏ dại nhằm hạn chế các tác hại của cỏ dại, đồng thời phát huy những lợi ích có thể có của cỏ dại trong hệ sinh thái nông nghiệp. Trên cơ sở những hiểu biết về cỏ dại, kỹ thuật canh tác các loại cây trồng và điều kiện sinh thái, người học có thể xây dựng được biện pháp tổng hợp để quản lý cỏ dại một cách hiệu quả theo hướng canh tác nông nghiệp an toàn và bền vững.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30.	Sản xuất nông nghiệp có chứng nhận	Học phần chuyên ngành được bố trí học sau khi đã học các học phần cơ bản và cơ sở chuyên ngành. Học phần Sản xuất nông nghiệp có chứng nhận gồm 3 chương: - Chương 1: Mở đầu: cung cấp cho người học các kiến thức về an toàn thực phẩm và sản xuất nông sản thực phẩm an toàn - Chương 2: Các chương trình chứng nhận đối với nông sản hàng hóa: cung cấp cho người học những hiểu biết về các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các loại hình chứng nhận nông sản tự nguyện như chứng nhận về môi trường, về xã hội, an toàn thực phẩm... - Chương 3: Các chương trình chứng nhận nông nghiệp có ưu thế hiện nay: cung cấp cho người học những hiểu biết chuyên sâu về các chương trình chứng nhận phổ biến hiện nay như: Nông nghiệp hữu cơ, Rainforest Alliance (RFA), GlobalGAP, VietGAP...	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
31.	GIS trong quản lý và canh tác nông trại	GIS trong quản lý và canh tác nông trại là một học phần giúp học viên có kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và công tác chuyên môn của mình nói riêng. Môn học cung cấp kiến thức về hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ viễn thám (RS), mô hình hóa và kỹ năng sử dụng các công cụ trên trong quản lý và canh tác nông trại thông qua việc thành lập các bản đồ chuyên đề như bản đồ thủy hệ, bản đồ thủy lợi, bản đồ cơ cấu các loại cây trồng; tính toán khả năng sinh trưởng, khoanh vùng dịch bệnh và dự báo năng suất cây trồng; tính toán nhu cầu sử dụng nước của các loại cây trồng... Đây là cơ sở cho các học viên có thể triển khai các nghiên cứu chuyên sâu như thực hiện các biện pháp khi cây trồng có dấu hiệu sinh bệnh; xác định, dự	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		báo năng xuất, sản lượng của cây trồng; hay dự báo được nhu cầu sử dụng nước của cây trồng trong điều kiện biến đổi khí hậu...			
32.	Vi sinh vật ứng dụng trong nông nghiệp	Trong tự nhiên, thành phần vi sinh vật rất đa dạng. Rất nhiều nhiều vi sinh vật có những tương tác có lợi với cây trồng giúp tăng sức khỏe và khả năng sinh trưởng của cây trồng. Những vi sinh vật có lợi này giúp làm gia tăng độ phì nhiêu của đất thông qua khả năng hòa tan các khoáng chất khó tan, cố định đạm sinh học, cải tạo đất sinh học của chúng. Ngoài ra, chúng còn giúp cây trồng tăng khả năng kháng các điều kiện vô sinh (hạn, mặn...) và hữu sinh (vi sinh vật gây bệnh, sâu hại...). Học phần này sẽ giới thiệu những tác dụng có lợi của vi sinh vật đối với cây trồng và cơ chế hoạt động của chúng. Những nghiên cứu khoa học ứng dụng nhằm cải thiện độ phì đất, tăng khả năng kháng các điều kiện bất lợi và tăng sức khỏe của cây trồng, giúp tăng năng suất và chất lượng của cây trồng sẽ được thảo luận trong học phần này.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
33.	Công nghệ sau thu hoạch	Cập nhật những kiến thức mới về nguyên lý ứng dụng trong công nghệ sau thu hoạch. Các kỹ thuật mới được ứng dụng trong bảo quản và sơ chế nông sản hạt, rau quả sau thu hoạch. Học phần được chia làm 3 chương: Chương 1. Cơ sở kỹ thuật của Công nghệ sau thu hoạch sẽ giới thiệu tầm quan trọng của công nghệ sau thu hoạch đối với nông sản sau thu hoạch, những tổn thất và nguyên nhân gây hư hỏng sau thu hoạch Chương 2. Phương pháp hạn chế những biến đổi sau thu hoạch sẽ trình bày những phương pháp sử dụng nhiệt độ thấp, phương pháp sử dụng khí quyển hiệu chỉnh, sử dụng bao bì thông minh...	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Chương 3. Sẽ cung cấp một số phương pháp bảo quản một số loại nông sản dạng hạt và rau quả tươi.			
34.	Quản lý đề tài và dự án nghiên cứu khoa học	Là môn học nghiên cứu về các kiến thức trong quản lý đề tài, dự án trong nghiên cứu khoa học. Môn học sẽ trình bày các khái niệm, vai trò của công tác quản lý và phương pháp xây dựng được đề cương và cách thức triển khai thực hiện đối với đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ. Cung cấp cho học viên các kỹ năng trong quản lý đề tài, dự án và biết xây dựng đề cương chi tiết nghiên cứu khoa học đối với đề tài, dự án đồng thời còn nắm rõ các phương pháp trong quản lý đề tài, dự án từ đầu vào đến đầu ra của một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Ngoài ra còn trang bị cho học viên kinh nghiệm trong nhận xét đánh giá thuyết minh đề cương và kết quả các công trình nghiên cứu khi kết thúc.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
35.	Chuỗi giá trị nông sản	Giới thiệu về ý nghĩa và phương pháp tiếp cận chuỗi; Phương pháp luận về tiếp cận chuỗi giá trị; Phân tích các hệ thống chuỗi giá trị; Phương pháp lựa chọn chuỗi giá trị; Chuỗi giá trị liên quan đến người nghèo; Chuỗi giá trị liên quan đến giới; Xây dựng và mô tả bản đồ chuỗi giá trị sản phẩm; Phân tích kinh tế chuỗi; Phân tích hậu cần chuỗi; Phân tích rủi ro trong chuỗi cung ứng sản phẩm; Phân tích các chính sách liên quan đến chuỗi giá trị; Xây dựng các chiến lược nâng cấp và hỗ trợ chuỗi giá trị; Hỗ trợ thành lập các liên kết kinh doanh; Các công cụ nối kết thị trường.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
36.	Thực tập giáo trình tổng hợp	Học phần giúp cho học viên hệ thống các kiến thức về ngành Khoa học cây trồng đã học qua thực tế sản xuất ở các vùng sinh thái khác nhau ở Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung, đặc biệt là các mô hình	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sản xuất hiện đại ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, Ứng phó với biến đổi khí hậu.			

1.4. Thạc sĩ Lâm sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: (<i>chương 1</i> : Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (<i>chương 2</i> : Bản thể luận; <i>chương 3</i> : Phép biện chứng; <i>chương 4</i> : Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (<i>chương 5</i> : Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; <i>chương 6</i> : Triết học chính trị; <i>chương 7</i> : Ý thức xã hội; <i>chương 8</i> : Triết học về con người).	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.		Tiếng Anh là một trong những học phần bắt buộc nhằm giúp học viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho học viên cao học của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm	6	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau) Ngoài ra, học phần tiếng Anh còn giúp học viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
Kiến thức cơ sở					
3.	Phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học	Học phần phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học là học phần cơ bản trang bị cho sinh viên phương pháp luận, tư duy và cách thức viết luận văn cao học và bài báo khoa học. Học phần giúp sinh viên định hình các ý tưởng nghiên cứu, hiểu về cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, cấu trúc và cách thức tổ chức thực hiện luận văn cao học, bài báo khoa học. Đặc biệt giúp học viên cao học tiếp cận với vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học và xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4.	GIS và Viễn thám trong lâm nghiệp	Môn học cung cấp các kỹ thuật và phương pháp cơ bản để biểu diễn và phân tích không gian của đất đai và lãnh thổ (theo nghĩa rộng nhất), với mục tiêu cuối cùng là giải quyết vấn đề và quy hoạch đất đai. Viễn thám là khoa học liên quan đến việc phát hiện, xác định, phân loại và phân tích về lớp phủ mặt đất, việc sử dụng đất/rừng và các hiện tượng xảy ra ở bề mặt Trái đất thông qua các bộ cảm được lắp đặt trong các nền tảng không gian. Trong khi đó, GIS là hệ thống thông tin địa lý theo định hướng khoa học và công nghệ quản lý, truy vấn, cập nhật, phân tích và mô hình hóa thông tin không gian được tạo ra thông qua các phương pháp khảo sát và / hoặc viễn thám, trong một mô hình tích hợp. GIS và viễn thám dựa trên sự quản lý của phần cứng và phần mềm cụ thể. Việc sử dụng các công nghệ này rất được quan tâm và ứng dụng trong các vấn đề khác của chuyên ngành như đa dạng sinh học, nông lâm kết hợp, quản lý rừng bền vững... đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khai thác sử dụng đất và lớp phủ thực vật, quản lý hệ thống tài nguyên rừng, quy hoạch lãnh	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thổ và môi trường, cháy rừng, trồng rừng, phân tích sự thay đổi của mặt đất bao gồm, phân tích cảnh quan, đánh giá tác động môi trường hoặc phân tích thủy văn đầu nguồn... Tóm lại, các mô tả cơ bản của khóa học là: Hệ thống thông tin địa lý GIS: Các cấu trúc GISdata (Vector và Raster); Phân tích không gian thông tin bề mặt/rừng; Viễn thám: Các nguyên tắc vật lý của viễn thám; Kỹ thuật thu thập dữ liệu viễn thám; Xử lý hình ảnh kỹ thuật số.			
5.	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Học phần Tin học thống kê trong lâm nghiệp trang bị kiến thức cho học viên ngành lâm nghiệp sử dụng tiến bộ tin học để xử lý các vấn đề thống kê trong nghiên cứu, thử nghiệm, khảo sát đánh giá trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng và môi trường rừng. Nội dung của học phần không đi sâu vào lý thuyết toán xác suất thống kê mà tập trung vào giải quyết các vấn đề thống kê trong thực tế nghiên cứu, thử nghiệm; trên cơ sở ứng dụng một cách tổng hợp các chương trình thống kê như: phần mềm mã nguồn mở, SPSS và phần mềm đơn giản, phổ biến như Excel. Nội dung học phần gồm các nội dung chính sau: tổng quan về ứng dụng tin học thống kê trong lâm nghiệp; khoa học rút mẫu thống kê và thiết kế các thử nghiệm; tin học ứng dụng trong mô hình hóa rừng; tin học thống kê chuyên đề.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6.	Sinh thái rừng nhiệt đới	Môn học Sinh thái rừng nhiệt đới là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành lâm học, cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về sinh thái rừng nhiệt đới. Các nội dung cơ bản tập trung vào 4 vấn đề chính, bao gồm các chuyên đề chuyên sâu như nhưng kiến thức cơ bản về sinh thái rừng nhiệt đới, phân loại hệ sinh thái rừng, động thái hệ sinh thái rừng và ý nghĩa nghiên cứu hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Môn học đi kèm với phần thảo luận tổng hợp nhằm vận dụng kiến thức sinh thái rừng vào định hướng nghiên cứu về phục hồi và quản lý rừng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
7.	Sinh thái môi trường	Học phần Sinh thái học nông nghiệp là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành lâm sinh, cung cấp những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về sinh thái học nông nghiệp. Các nội dung cơ bản tập trung	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào 6 vấn đề chính, bao gồm các chuyên đề chuyên sâu như những kiến thức cơ bản về sinh thái học, quần thể, quần xã, hệ sinh thái và sinh thái học trong nông nghiệp. Học phần gắn liền với phần thảo luận tổng hợp nhằm vận dụng kiến thức sinh thái học nông nghiệp nhằm hướng đến một nền nông nghiệp có tính bền vững.			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8.	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp	Công nghệ sinh học (CNSH) trong Lâm nghiệp giới thiệu cho học viên các công nghệ liên quan đến sản xuất Lâm nghiệp hiện đại; Kỹ thuật gen trong tạo giống cây rừng chuyển gen; Sử dụng chỉ thị phân tử Biomarker ứng dụng trong chọn tạo giống cây lâm nghiệp như RFLP, PCR, RAPD, SSR... Các kỹ thuật nhân giống cây lâm nghiệp in vitro, nuôi cấy sinh khối tế bào; Các ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm soát sinh học sâu bệnh cho cây lâm nghiệp.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9.	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	The subject is compiled on the basis that students have learned the basic English program and obtained some knowledge of English grammar. A course of English for graduate forestry students is designed including 5 modules. Each module consists of different topics such as techniques, statistics applications, plantation silviculture, forest health, and bio-ecological forest. Learning English in Forestry helps forestry students to understand useful terms and common expressions in their daily professional duties or situation-based classroom activities. When students finish this unit, they can acquire practical skills in reading, writing, and translating basic English for the forestry area. Therefore, this unit enables learners to get familiar with the tech-sci English style, practice reading comprehension skills of scientific documents, provide students with specialized vocabulary and terminology, and practice writing and translating some substantially common grammatical structures. English for Forestry is a fundamental course targeting to the learner's ability to use useful terms and common expressions in their daily professional duties or situation- based classroom activities. At the end of the course, students can acquire necessary professional terminologies that can be useful in their both	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		daily profession and researches. Hence, the course of English in Forestry is designed for			
10.	Di truyền và giống trong lâm nghiệp	Di truyền và giống trong lâm nghiệp là môn học cơ sở cung cấp những kiến thức về các quy luật di truyền, biến dị ở thực vật là cơ sở cho môn học di truyền chọn giống. Các quá trình di truyền trong quần thể. Đặc điểm cấu trúc di truyền của các quần thể thực vật với các phương thức sinh sản khác nhau. Nghiên cứu cơ sở di truyền và các phương pháp chọn, gây giống, nhân giống cây rừng. Tầm quan trọng của công tác giống trong trồng rừng, đặc biệt là trồng rừng thâm canh hiện nay.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11.	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	- Khái niệm sinh thái thực vật rừng nhiệt đới; - Các nhân tố sinh thái; - Lập bản đồ phân bố sinh thái thực vật rừng; - Mô hình đa biến xác định tổ hợp các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến phân bố thực vật rừng nhiệt đới.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức chuyên ngành					
12.	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	Giới thiệu một số chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên rừng; quy hoạch sử dụng đất; giao đất rừng cho hộ gia đình; phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp; phương thức quản lý rừng tự nhiên và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp. Chương 1. Phân tích một số chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên rừng, Chương 2. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp, Chương 3. Phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp, Chương 4. Phương thức quản lý rừng tự nhiên và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp, các hình thức tổ chức trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13.	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn	- Kiến thức về sinh vật ngoại lai và ngoại lai xâm lấn cần được trang bị cho cán bộ ngành lâm nghiệp để phục vụ cho công tác quản lý rừng bền vững. Môn học giới thiệu cho sinh viên nắm được khái niệm về sinh vật ngoại lai xâm lấn và tác động của chúng đến hệ sinh thái rừng ở trong và ngoài nước; - Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài ngoại lai xâm hại rừng chính bao gồm các loài ngoại lai là thực vật, côn trùng và sinh vật gây bệnh...; - Giới thiệu biện pháp quản lý các loài sinh vật ngoại lai xâm hại rừng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14.	Đa dạng sinh học	Học phần này được học vào học kỳ II của chương trình đào tạo Thạc sĩ Lâm học, sau khi học viên đã học xong các học phần sinh thái môi trường, sinh thái rừng nhiệt đới, Học phần này nhằm cung cấp những ở mức nâng cao những quan điểm về đa dạng sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học; phương pháp tiếp cận trong bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn gắn với quản lý bền vững tài nguyên rừng; hướng ứng dụng thực tế của điều tra, giám sát đa dạng sinh học trong quản lý tài nguyên rừng. Kiến thức của môn học có liên quan đến các môn chuyên ngành ở Học kỳ III và chủ đề của luận văn tốt nghiệp nếu học viên lựa chọn (hướng nghiên cứu có liên quan) ở Học kỳ cuối	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
15.	Nông lâm kết hợp	Nông lâm kết hợp là môn khoa học chuyên nghiên cứu về các hệ thống quản lý tài nguyên đặt cơ sở trên đặc tính sinh thái và năng động nhờ vào sự phối hợp cây trồng lâu năm vào nông trại hay đồng cỏ để làm đa dạng và bền vững sự sản xuất giúp gia tăng các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường của các nông trại. Môn học này trang bị cho các học viên có phẩm chất và năng lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển, áp dụng, nhân rộng và quản lý các hệ thống sử dụng đất bền vững dựa trên nông lâm kết hợp. Vì vậy, môn học nông lâm kết hợp vừa mang tính chất của môn học cơ sở, vừa mang tính chất của môn học chuyên môn trong cơ cấu chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học ngành nông lâm nghiệp. Môn học này liên quan chặt chẽ về mặt kiến thức với nhiều môn học khác như Sinh lý thực vật, Sinh thái rừng, Lâm nghiệp xã hội,	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Khuyến nông lâm, Lâm sinh, Trồng rừng, Luật và chính sách lâm nghiệp, Bảo tồn đa dạng sinh học, Đất và vi sinh vật rừng...			
16.	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	Khái quát về những thiệt hại do sâu, bệnh hại đối với thực vật ở trong và ngoài nước; Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học các loài sâu, bệnh hại chính cây rừng ở vườn ươm và rừng trồng đối với các loài cây trồng rừng chính hiện nay (keo, bạch đàn, thông...); Giới thiệu biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với các loài sâu, bệnh hại chính ở vườn ươm và rừng trồng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17.	Sản lượng rừng	Sản lượng rừng là môn học cung cấp cho học viên chuyên ngành lâm nghiệp những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và phương pháp xác định, dự đoán tăng trưởng và sản lượng cây rừng và lâm phần, đồng thời cung cấp các giải pháp nâng cao năng suất và sản lượng rừng. Là khoa học ứng dụng, nên môn học sản lượng rừng vừa mang tính chất của môn học cơ sở, vừa mang tính chất của môn học chuyên môn trong cơ cấu đào tạo đại học và sau đại học của ngành lâm nghiệp. Nội dung của môn học bao gồm các phần chính sau: Sinh trưởng cây cá thể; Phân chia cấp đất; Dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng trồng; Dự đoán sản lượng rừng tự nhiên; Thiết kế thí nghiệm, thu thập, phân tích và xử lý số liệu cho nghiên cứu tăng trưởng và sản lượng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18.	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	Học phần được chia làm 4 phần lớn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên nói chung và tài nguyên rừng nói riêng. Giúp sinh viên tăng cường năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên thông qua phân tích kinh tế và xây dựng các kịch bản quản lý tài nguyên rừng dựa vào động cơ kinh tế. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp có liên quan đến kinh tế và thể chế để quản lý tài nguyên rừng theo hướng bền vững. Cụ thể: Chương 1. Nhập môn kinh tế tài nguyên rừng và mối quan hệ với môi trường	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Chương 2. Các công cụ và chính sách kinh tế quản lý tài nguyên rừng và môi trường Chương 3. Các mô hình kinh tế quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng Chương 4. Phân tích Lợi ích-Chi phí trong quản lý và sử dụng tài nguyên rừng			
19.	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	Học phần nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng về LSNG đã có ở chương trình đào tạo đại học ngành lâm học, cập nhật những vấn đề liên quan mới nhất đến chính sách sử dụng và quản lý lâm sản ngoài gỗ ở trong nước và trên thế giới từ đó, có thể vận dụng trong quá trình điều tra, phân loại và đánh giá thực trạng của LSNG tại cộng đồng/ địa phương, xây dựng các biện pháp quản lý LSNG có sự tham gia của cộng đồng. Học phần có liên quan chặt chẽ với một số học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, bổ sung vào mục tiêu chung của chương trình đào tạo đặc biệt là bổ sung cho người học những kiến thức về hệ sinh thái, chức năng sinh thái, phát triển bền vững, nghiên cứu, đánh giá dự án phát triển, quản lý bảo tồn tài nguyên, chính sách và hiệu quả kinh tế của các dự án phát triển gắn với sinh kế cộng đồng.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20.	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	Tổng quan về dự án lâm nghiệp: chu trình quản lý dự án, phát hiện dự án. Tiếp cận khung logic lập dự án: Lập dự án hướng mục tiêu, ứng dụng phần mềm OpenProject để quản lý dự án. Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá dự án lâm nghiệp.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21.	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Giới thiệu cho các học viên cao học hiểu rõ và nhận diện được thế nào là suy thoái các hệ sinh thái rừng, thực trạng suy thoái rừng hiện nay, các nguyên nhân dẫn tới suy thoái rừng, hệ quả của suy thoái rừng, quan điểm và cách tiếp cận trong phục hồi hệ sinh thái rừng, các giải pháp kỹ thuật cơ bản trong phục hồi hệ sinh thái rừng; Các chương trình, dự án và chính sách phục hồi rừng ở	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay; Những xu hướng và cách tiếp cận mới về phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới hiện nay.			
22.	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	Môn học Quản lý rừng bền vững là một môn học tự chọn dành cho học viên ngành Lâm học. Môn học giới thiệu cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý tài nguyên rừng theo mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung chính của môn học là từ việc giới thiệu khái quát về quản lý rừng bền vững, các nguyên tắc và phương pháp tiếp cận từ đó áp dụng trong công tác quản lý bền vững rừng tự nhiên và rừng trồng tiến tới mục tiêu cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao giá trị và vị thế của tài nguyên rừng trong quá trình hội nhập và phát triển của đất nước cũng như giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Rừng và sinh kế cộng đồng	Học phần này, nếu được chọn sẽ học vào học kỳ III của chương trình đào tạo Thạc sĩ Lâm học, sau khi học viên đã học xong các học phần Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp, Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên về mối quan hệ giữa rừng và sinh kế các cộng đồng sống gần rừng bao gồm vai trò của rừng trong sinh kế cộng đồng, các nguồn sinh kế cơ bản từ rừng. Từ đó phân tích sự cân đối giữa sinh kế cộng đồng và bảo tồn tài nguyên rừng; cũng như vai trò của rừng đối với giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp và phát triển sinh kế. Kiến thức của học phần có liên quan đến học phần Dịch vụ môi trường rừng, cùng học ở Học kỳ III và chủ đề của luận văn tốt nghiệp nếu học viên lựa chọn (hướng nghiên cứu có liên quan) ở Học kỳ cuối	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24.	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	Hệ thống kiến thức sinh thái của các cộng đồng người đồng bào dân tộc thiểu số bản địa có ý nghĩa rất lớn đối với việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, nơi cộng đồng đó sinh sống. Đặc biệt, do đặc thù của công tác lâm nghiệp, thì vai trò của hệ thống kiến thức sinh thái của cư dân vùng cao có ý nghĩa rất lớn trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm, vai trò và sự cần thiết của kiến thức sinh thái địa phương (LEK) trong lâm nghiệp. Vận dụng các phương pháp thích hợp để nghiên cứu; hệ thống hóa và vận dụng lồng ghép với tiến bộ kỹ thuật để thử nghiệm, phát triển các giải pháp kỹ thuật lâm nghiệp thích ứng với nhu cầu và nguồn lực của cộng đồng			
25.	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái rừng; khí tượng – thủy văn rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học, GIS – viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng... Đây là học phần kiến thức ngành bắt buộc đối với học viên cao học chuyên ngành Lâm học. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các nội dung kiến thức về các giá trị dịch vụ hệ sinh thái, môi trường rừng cung cấp cho người, các phương pháp định giá các giá trị dịch vụ tài nguyên rừng. Học phần này cung cấp cho học viên những khái niệm, đặc điểm dịch vụ hệ sinh thái/ môi trường rừng; thị trường dịch vụ môi trường rừng; phương pháp định giá dịch vụ môi trường rừng; và một số kỹ năng, phương pháp đo tính để chi trả dịch vụ môi trường lưu giữ và hấp thu CO₂ của rừng; phương pháp đo tính để chi trả dịch vụ môi trường rừng đầu nguồn. Các vấn đề tồn tại của dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26.	Cây xanh đô thị	Giới thiệu về cây xanh đô thị; vai trò chức năng của cây xanh trong các đô thị, điều kiện sinh trưởng của chúng, các loại hình cây xanh đô thị, tiêu chuẩn cây trồng đô thị, các giải pháp kỹ thuật ứng dụng cho cây xanh đô thị, quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị. Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về cây xanh đô thị, những lợi ích của cây xanh và rừng đô thị, các giải pháp kỹ thuật, quản lý và quy hoạch các loại hình rừng và cây xanh đô thị, vai trò của chúng trong các đô thị hiện nay. Môn học này có mối quan hệ với các môn sinh thái rừng nhiệt đới, đa dạng sinh học, quản lý bền vững rừng nhiệt đới và trồng rừng nhiệt đới.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27.	Phân tích chính sách lâm nghiệp	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về phân tích chính sách lâm nghiệp. Các nội dung chính bao gồm 1) Giới thiệu về chính sách lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách lâm nghiệp, 2) chính sách và thể chế lâm nghiệp, 3) các biện pháp và công cụ phân tích chính sách, 4) các bước trong tiến trình phân tích chính sách, 5) cách viết đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách, và 6) cách viết một bản tin chính sách (policy brief). Nội dung học phần này liên hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác như Đa dạng sinh học, Nông lâm kết hợp, Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp, Sản lượng rừng, Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ, Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới, Quản lý bền vững rừng nhiệt đới hay Dịch vụ môi trường rừng	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
28.	Trồng rừng nhiệt đới	Đây là học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn đối với học viên cao học chuyên ngành Lâm học. Nội dung chủ yếu của môn học nhằm bổ sung những kiến thức thực tiễn mới về vấn đề trồng rừng ở Việt Nam trong những năm gần đây. Học phần này cung cấp cho học viên những khái niệm về trồng rừng thâm canh, kỹ thuật thâm canh rừng trồng; trồng rừng nguyên liệu chu kỳ ngắn; rừng trồng sản xuất chu kỳ dài; trồng rừng bằng cát bản địa. Các vấn đề tồn tại của trồng rừng bằng cây bản địa ở Việt Nam.	1	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

1.5. Bảo vệ thực vật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thục và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

4	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học; Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

6	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Khí tượng nông nghiệp	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động của chúng đối với cây trồng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

9	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
11	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
12	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

13	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

16	Thỏ nhưỡng	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Sinh thái nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh thái học nông nghiệp, các nguyên lý, nội dung và nguyên tắc điều khiển sự phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp. Cơ sở sinh thái học trong nghiên cứu, thiết kế, quản lý và đánh giá các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
20	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
21	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

22	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
23	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
24	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

25	Công tác quốc phòng và an ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, Anh ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Quân chung sự	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

27	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận kinh tế chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

29	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Thủy nông	Học phần Thủy nông là môn quan trọng của khoa học nông nghiệp, khoa học tưới tiêu cho đồng ruộng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng đối với sự phát triển của nông nghiệp Học phần Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhu cầu tưới tiêu nước của cây trồng, cách xác định nhu cầu, cách tưới tiêu và nguyên tắc quản lý hệ thống tưới tiêu. Môn học có quan hệ mật thiết với học phần Thổ nhưỡng, học phần nông hoá, học phần cây ngắn ngày, cây dài ngày,...	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

32	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
35	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
36	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

37	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
38	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
39	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Vi sinh vật đất	Thông qua tìm ra quy luật phát sinh tiến hóa thích nghi với điều kiện tự nhiên của vi sinh vật mà tìm kiếm các giải pháp tác động tích cực cũng như ngăn chặn có hiệu quả các tác động bất lợi của VSV nhằm nâng cao độ phì nhiêu và năng suất cây trồng.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Nông hoá	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại phân bón sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Nắm được những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn khi sử dụng các loại phân bón cho cây trồng. Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

42	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mỗi luận văn cá nhân.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	Khẳng định vai trò của công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và xác định các phương pháp nghiên cứu trong khoa học nông nghiệp. Phân tích và thực hiện được các bước tiến hành một thí nghiệm hoàn chỉnh trong khoa học nông nghiệp Ứng dụng và giải bài tập được các thuật toán xác suất, thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Tin học ứng dụng	Sử dụng một số hàm thông dụng, giải được một số dạng bài toán thống kê bằng Excel. Biết sử dụng phần mềm chuyên xử lý thống kê IRRISTAT 4.0. Biết quản lý, lưu trữ dữ liệu bằng các phần mềm tin học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Hệ thống nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

49	Cây ngắn ngày	Trang bị cho sinh viên kiến thức về khoa học cây trồng.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	TTGT cây ngắn ngày	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về kỹ thuật sản xuất cây trồng.	1	Học kỳ 4	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100%
51	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

52	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	
53	Côn trùng đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hình thái, cấu tạo và hoạt động các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng, đặc tính sinh vật học côn trùng, những bộ họ côn trùng (có hại và có lợi) liên quan đến cây trồng nông nghiệp, các yếu tố sinh thái liên quan đến sự phát sinh phát triển của côn trùng là cơ sở để xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ sâu hại hữu hiệu nhất.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Bệnh cây đại cương	Hiểu một số khái niệm về bệnh hại cây trồng Chẩn đoán xác định tác nhân gây bệnh Hiểu được điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh. Có kiến thức cơ bản về các tác nhân gây bệnh: Nấm, vi khuẩn, Virus, tuyến trùng... Vận dụng được các nguyên lí về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra các biện pháp phòng trừ bệnh cây.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

55	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất độc học nông nghiệp và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng chống các loại dịch hại cây trồng và nông sản trong Nông – Lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo vệ môi trường thiên nhiên.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Cây dài ngày	Trang bị cho sinh viên ngành bảo vệ thực vật những kiến thức cơ bản về các loại cây trồng dài ngày, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến cà phê, chè, cao su, cây ăn quả	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	TTGT cây dài ngày	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành và những kiến thức thực tế sản xuất cây cao su, cà phê, chè, cây ăn quả	1	Học kỳ 5	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100%
58	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

59	Côn trùng chuyên khoa	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần sâu hại trên một số cây trồng chính tại khu vực Tây Nguyên, phạm vi ký chủ, khu vực phân bố, đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh vật học, các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến quy luật phát sinh phát triển của sâu hại, và vận dụng các nguyên lý phòng trừ sâu hại để đưa ra các biện pháp phòng trừ hiệu quả.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Bệnh cây chuyên khoa	Hiểu biết về bệnh hại trên một số loại cây trồng chủ yếu ở khu vực Tây nguyên Xác định nguyên nhân gây bệnh, đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh. Vận dụng được các nguyên lí về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra các biện pháp phòng trừ hiệu quả.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Động vật hại Nông nghiệp	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học và biện pháp phòng trừ của một số loài chuột, nhện, ốc bươu vàng, ốc sên và sên trần phá hại mùa màng và các nông sản phẩm	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Khoa học cỏ dại	Môn học giúp sinh viên có khả năng hiểu biết và nhận diện được các loài cỏ dại phổ biến hiện diện trên đồng ruộng, đặc điểm sinh học và sinh thái của từng nhóm cỏ và các phương pháp được sử dụng để quản lý cỏ dại nhằm xây dựng phương án quản lý cỏ dại phù hợp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về pháp luật đại cương và pháp luật về chuyên ngành.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

64	Cây ăn quả	Đào tạo ra những kỹ sư thực hành nông nghiệp có lòng yêu tổ quốc, yêu nhân dân lao động, yêu nghề nghiệp; Có kiến thức chuyên môn cơ bản, hiện đại về cây ăn quả và vận dụng tốt vào thực tế sản xuất; Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau đáp ứng yêu cầu xã hội.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Viễn thám và GIS đại cương	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về i) bản đồ với các phép chiếu, tọa độ, sử dụng bản đồ; ii) kiến thức về VT như: định nghĩa, cơ sở VT, xử lý ảnh vệ tinh, phân tích và ứng dụng ảnh...; iii) các kiến thức của GIS như khái niệm, các thành phần chính của GIS, cấu trúc và mô hình dữ liệu như Vector và Raster trong GIS; mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình thứ bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ, chức năng của GIS trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu như thu thập, xử lý, nhập dữ liệu, xuất dữ liệu ra các định dạng theo yêu cầu của người sử dụng, các phương pháp tích hợp giữa VT và GIS.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

67	Bảo vệ thực vật rừng cảnh quan	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng nhận biết được triệu chứng bệnh cây, nguyên nhân và quá trình phát sinh phát triển của bệnh. ứng dụng vào thực tế sản xuất để phòng trừ một số loại sâu bệnh hại cây lâm nghiệp đô thị góp phần nâng cao chất lượng cây trồng. Sử dụng thành thạo các dụng cụ và trang thiết bị trong điều tra thu thập số liệu và xác định nguyên nhân gây hại cây. Có khả năng xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hiệu quả, an toàn với môi trường và cân bằng sinh thái.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Khuyến nông lâm	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Quản lý dịch hại tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp hay phòng trừ tổng hợp (IPM), trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện biện pháp IPM trên một loại cây trồng ở một vùng sinh thái nông nghiệp nhất định vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

70	Dịch tễ học bảo vệ thực vật	Cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, những biến động số lượng quần thể dịch hại và yếu tố sinh thái ảnh hưởng, phương pháp điều tra biến động số lượng quần thể dịch hại làm cơ sở dự tính dự báo (DTDB), phòng chống dịch hại một cách hợp lý vừa bảo vệ được năng suất, phẩm chất cây trồng vừa bảo vệ được môi trường. Nắm được những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, tình hình gây hại, biến động số lượng của những loài dịch hại chủ yếu, mối quan hệ giữa cây trồng, dịch hại và yếu tố sinh thái, phương pháp điều tra biến động số lượng quần thể dịch hại và DTDB tình hình gây hại của chúng. Nắm được quy luật diễn biến số lượng, gây hại của một số loài dịch hại chủ yếu trên cây trồng chính và biện pháp tác động nhằm phòng chống dịch hại có hiệu quả.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Kiểm dịch thực vật và Dịch hại nông sản sau thu hoạch	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về cơ sở khoa học của KDTV, pháp lệnh, điều lệ về KDTV của nước CHXHCN Việt Nam, về các loài dịch hại nông sản sau thu hoạch... Đây là cơ sở để sinh viên kịp thời phát hiện, giám định chính xác đối tượng KDTV và dịch hại chính trong kho. Từ đó đề xuất biện pháp xử lý, tiêu diệt triệt để đối tượng KDTV ngăn chặn sự lây lan của chúng và phòng chống dịch hại nông sản sau thu hoạch có hiệu quả.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

72	Nông nghiệp hữu cơ	Có kiến thức khái quát về nông nghiệp hữu cơ và hiểu được khái niệm về nông nghiệp hữu cơ, cơ sở khoa học của nông nghiệp hữu cơ và thực trạng của nông nghiệp hữu cơ để vận dụng trong thực tế. Có những kiến thức về kết cấu đất, hệ vi sinh vật đất, chất hữu cơ, mùn và làm đất trong nông nghiệp hữu cơ và có kỹ năng vận dụng các kiến thức trên trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp vào thực tế sản xuất ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Có kiến thức cơ bản về sử dụng phân bón trong nông nghiệp (phân hữu cơ, phân vô cơ) và kỹ năng sử dụng các loại phân bón trên trong sản xuất nông nghiệp sản xuất hữu tại Việt Nam. Có kiến thức và kỹ năng áp dụng các kỹ thuật canh tác nông nghiệp hữu cơ cho một số cây ngắn ngày, cây ăn quả và cây công nghiệp cũng như nguyên lý cơ bản về bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

73	Nông nghiệp Công nghệ cao	Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng theo hướng ứng dụng các công nghệ cao trên thế giới và tại Việt Nam. Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất có tính chiến lược và hiệu quả bằng công nghệ cao ở quy mô sản xuất hàng hóa. Lập kế hoạch và thực hiện việc sản xuất các loại cây trồng bằng các công nghệ cao như thủy canh, trồng cây trong nhà kính nhà lưới, tự động hóa trong nông nghiệp. Xây dựng đề cương, thực hiện việc nghiên cứu trên cây trồng bằng công nghệ cao. Có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cơ bản gặp phải trong ứng dụng công nghệ cao vào trồng trọt.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Rèn luyện bảo vệ thực vật	Học phần giúp sinh viên thuần thục các kỹ năng lấy mẫu chẩn đoán, xác định tình hình và dự tính dự báo sự phát triển của dịch hại cây trồng nông nghiệp. Học phần giúp sinh viên thuần thục các kỹ năng phân tích các yếu tố tác động đến dịch hại và thực tế về điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương để xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch hại một cách hiệu quả. Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với cộng đồng như kỹ năng truyền bá kiến thức, kỹ năng học hỏi từ những đồng nghiệp có thâm niên công tác lâu năm trong ngành và những nông dân trong cộng đồng. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích tình hình thực tế của địa phương, rèn luyện khả năng tiếp thị nông nghiệp, rèn luyện phương pháp khảo nghiệm và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.	2	Học kỳ 7	Thi kết thúc học phần: 70%

75	Chọn giống cây chống bệnh	Trang bị những kiến thức lý thuyết về cơ sở chọn tạo các giống cây trồng nhằm tạo được các giống mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp	Sinh viên hiểu được vai trò của vi sinh vật có lợi đối với sản xuất nông nghiệp bền vững Sinh viên hiểu được sự tương tác giữa vi sinh vật có lợi và cây trồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tương tác này. Hiểu được cơ chế kích thích sinh trưởng và tăng tính kháng bệnh cho cây trồng bằng vi sinh vật có lợi. Hiểu và thực hiện được các công đoạn trong quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh cũng như xử lý đất và giá thể dùng cho sản xuất nông nghiệp. Hiểu và vận dụng được các điều khoản, quy định về sản xuất, sử dụng và thương mại hóa các chế phẩm vi sinh.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Độc tố nông sản và thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về độc tố có trong nông sản và thực phẩm.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Sinh thái học côn trùng	Giúp cho người học quan điểm, nhận thức đúng đắn trong việc xây dựng các biện pháp kỹ thuật hợp lý để bảo vệ mùa màng đạt hiệu quả mong muốn, đồng thời bảo vệ được sự cân bằng sinh thái, hướng tới sự phát triển bền vững.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

79	Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	Giúp người học hiểu được tác hại của dư lượng thuốc và có thể thực hiện được các phương pháp phân tích dư lượng thuốc trên nông sản.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Nhân nuôi côn trùng có ích	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về côn trùng thiên địch (côn trùng ký sinh và côn trùng bắt mồi); Từ những kiến thức đã học sinh viên có thể dễ dàng nhận diện được một số loài côn trùng thiên địch có ích. Đồng thời sinh viên có khả năng nhân nuôi, phát triển và điều khiển chúng trong phòng trừ sinh học dịch hại cây trồng từ đó vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Cây lấy củ	Trang bị kiến thức khoa học cây khoai, cây sắn về kỹ thuật trồng trọt và biện pháp kỹ thuật tăng năng suất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Hoa, cây cảnh	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về cây hoa và cây cảnh.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

83	Nông lâm kết hợp	Nắm được các vấn đề thách thức cho quản lý sử dụng đất bền vững ở nông thôn miền núi; Liệt kê các khái niệm khác nhau theo quá trình phát triển của lĩnh vực nông lâm kết hợp, Nắm được vai trò, tiềm năng và sự cần thiết của nông lâm kết hợp trong phát triển bền vững, quản lý tài nguyên thiên nhiên và trong quản lý sử dụng đất; Phân tích các hệ thống NLKH truyền thống và cải tiến; Phân tích các kỹ thuật canh tác NLKH; Có kiến thức cơ bản về NLKH trên cơ sở cảnh quan (KN, cấu trúc, vai trò, thành phần, mối quan hệ); Phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, thị trường và tác động của chính sách đến phát triển NLKH.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
84	Bảo vệ thực vật trong nhà có mái che	Học phần nhằm cung cấp khái niệm, phân loại, cấu tạo, sinh thái nhà có mái che trong sản xuất nông nghiệp. Học phần nhằm cung cấp kiến thức về hệ thống canh tác trong nhà có mái che và các loại cây trồng chủ yếu, đặc điểm phát triển của cây trồng trên mỗi hệ thống. Học phần nhằm cung cấp kiến thức về dịch hại trong nhà có mái che như: các đối tượng gây hại chủ yếu, đặc điểm sinh học, quy luật phát sinh phát triển, biện pháp quản lý. Áp dụng một số hệ thống canh tác trong nhà có mái che và biện pháp chăm sóc phòng trừ sâu bệnh hại không ảnh hưởng sức khỏe và môi trường.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

85	Bảo vệ thực vật trong canh tác hữu cơ	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về canh tác hữu cơ, thực trạng và triển vọng của hệ thống canh tác hữu cơ cũng như các quy định, tiêu chuẩn trong canh tác hữu cơ. Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các biện pháp quản lý dịch hại cây trồng nông nghiệp trong hệ thống canh tác hữu cơ. Phát triển khả năng tự học, tìm kiếm, sàng lọc, tổng hợp, phân tích và đánh giá các thông tin thu thập được Nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành và khả năng thuyết trình.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
86	Thực tập cơ sở	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế liên quan đến ngành nghề được đào tạo. Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, năng lực tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm để xác định và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn sản xuất. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhiều thành phần khác nhau trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ thực vật. Rèn luyện kỹ năng quan sát, thu thập thông tin, phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ thực vật phát sinh trong thực tiễn sản xuất Rèn luyện kỹ năng xây dựng đề cương, thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin, kỹ năng viết, trình bày báo cáo và bảo vệ quan điểm.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

87	Bệnh vi khuẩn và virus hại cây trồng	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để có thể nhận biết được virus và vi khuẩn gây hại cho cây trồng để từ đó đưa ra các biện pháp phòng trừ hợp lý.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
88	Phòng trừ sinh học côn trùng nông nghiệp	Nhằm cung cấp kiến thức về các tác nhân gây bệnh cho côn trùng và cơ chế tác động của chúng Nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, các biện pháp sản xuất và duy trì số lượng loài có lợi giúp phòng trừ côn trùng gây hại một cách hiệu quả, thân thiện với môi trường, duy trì sự đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường góp phần phát triển nông nghiệp bền vững. Nhằm cung cấp những hiểu biết về tác nhân gây bệnh cho côn trùng trong quản lý dịch hại cây trồng Nhằm cung cấp kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập;	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

89	Phòng trừ sinh học bệnh cây nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về PTSH bệnh hại cây trồng, vai trò của PTSH bệnh hại cây trồng và cơ sở khoa học của biện pháp PTSH bệnh hại cây trồng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tác nhân PTSH bệnh hại cây trồng có triển vọng, đối tượng phòng trừ của chúng và phương pháp phân lập, nhân sinh khối, bảo tồn và phát triển chúng. Hướng dẫn sinh viên quy trình và thực hiện các thao tác cơ bản trong việc thu thập, phân lập, nhân nuôi và đánh giá hiệu quả của các tác nhân PTSH Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu/thông tin, soạn thảo báo cáo và thuyết trình trước đám đông. Truyền cảm hứng yêu nghề, ý thức trách nhiệm với bản thân, tập thể và công việc, nâng cao tinh thần tự giác, tự học và sáng tạo.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Xây dựng và quản lý dự án	Có kiến thức cơ bản về xây dựng dự án và quản lý dự án đầu tư; Nắm vững cách thức phân tích và quản lý một dự án đầu tư; Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới quản lý dự án đầu tư. Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để sau này có thể trở thành những nhà quản lý dự án đầu tư thành công.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

91	Marketing nông nghiệp	Trang bị cho người học kiến thức căn bản trong marketing nông nghiệp. Khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp trong hoạt động nông nghiệp. Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng thuyết trình trước đám đông. Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
92	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; Các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện; những hiểu biết cơ bản về thực hành nông nghiệp tốt; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành sản xuất theo GlobalGAP và VietGAP.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
93	Quản lý cây trồng tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên các khái niệm, chiến lược, nội dung của mỗi chương trình ICM và thực tiễn về biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Nâng cao kỹ thuật chăm sóc cây trồng khỏe, độ phì của đất một cách bền vững, chọn loại cây trồng, phương pháp canh tác, phương pháp bảo quản và khả năng tính toán cân nhắc thị trường.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
94	Thuốc thảo mộc	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để có thể nhận biết được các cây có khả năng phòng trừ được sâu bệnh hại cây trồng và có khả năng tự gia công được các thuốc phòng trừ sâu bệnh từ các cây trồng đó	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

95	Khảo nghiệm và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp bố trí thí nghiệm trong phòng và ngoài đồng về khảo nghiệm thuốc phòng trừ các đối tượng gây hại trên cây trồng như sâu bệnh hại và cỏ dại Hướng dẫn phương pháp điều tra thu thập và xử lý số liệu, báo cáo kết quả khảo nghiệm về hiệu lực phòng trừ dịch hại của thuốc. Từ đó sinh viên có thể xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo nghiệm của một loại thuốc bất kì trong phòng thí nghiệm và ngoài đồng ruộng đạt hiệu quả và có tính khoa học. Cũng cấp kiến thức về các điều kiện để kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, tình hình kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và các bước kỹ thuật trong kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. Từ đó, sinh viên có thể xác định được các điều kiện kinh doanh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường và xây dựng được kế hoạch bán hàng một cách khoa học và hiệu quả. Phát triển khả năng tự học, tìm kiếm, sàng lọc, tổng hợp và phân tích các nguồn thông tin liên quan. Phát triển khả năng thuyết trình và giải quyết các tình huống trong khảo nghiệm và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
96	Bệnh phát sinh từ đất	Chẩn đoán được tác nhân gây hại bệnh cây có trong đất Xác định con đường lan truyền bệnh Đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

97	Bệnh không truyền nhiễm	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phân biệt bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm trên cây trồng nông nghiệp. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng nông nghiệp. Trang bị cho người học những kiến thức vai trò của các nguyên tố thiết yếu trong đời sống cây trồng nông nghiệp. Trang bị cho người học những kiến thức về quản lý bệnh không truyền nhiễm trên cây trồng nông nghiệp.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
98	Khoá luận tốt nghiệp	Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã được học, tìm kiếm tài liệu tham khảo và phân tích nhu cầu thực tiễn sản xuất để xác định được vấn đề nghiên cứu. Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên kỹ năng phân tích tài liệu tham khảo, định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch tổ chức thực hiện nghiên cứu. Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên thu thập thông tin, số liệu, tổng hợp, xử lý, trình bày và phân tích số liệu. Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ kết quả trước Hội đồng khoa học. Học phần nhằm hướng dẫn sinh viên rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động khi làm việc và kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, đồng nghiệp.	10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
99	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

1.6. Khoa học cây trồng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học; Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.			
3	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

		và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.			Thi kết thúc học phần: 70%
6	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thạo và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%
8	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
9	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
10	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
14	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			
17	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
21	Công tác quốc phòng – An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
23	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
25	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

26	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
27	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
28	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
29	Thực vật học	Trang bị cho người học kiến thức về đặc điểm, cấu trúc, chức năng của tế bào thực vật, các loại mô, các loại cơ quan trong cơ thể thực vật bậc cao; các kiểu phân bào và đặc điểm sinh sản của thực vật có hoa. Cung cấp kiến thức về các nguyên tắc trong phân loại thực vật, đặc điểm chung của các nhóm thực vật trong sinh giới, xu hướng tiến hóa của thực vật trong tự nhiên. Rèn luyện cho người học các nguyên tắc làm việc trong phòng thí nghiệm; kỹ năng sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất dùng trong nghiên cứu hình thái – giải phẫu, phân loại thực vật; các kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi thực vật và kỹ thuật phân tích các đặc điểm hình thái trong phân loại thực vật.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

30	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.		Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Thỏ nhưỡng	Sinh viên hiểu được nguồn gốc hình thành, phát sinh, phát triển của đất, các tính chất lý học, hóa học, sinh học của đất, hướng cải tạo và sử dụng các loại đất khác nhau. Sinh viên biết liên hệ, vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn sản xuất Phát triển được kỹ năng diễn đạt, thuyết trình và làm việc nhóm của sinh viên trong khi học học phần Thỏ nhưỡng Khích lệ được tinh thần tự tìm tòi, tự nghiên cứu của sinh viên.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

32	Giống cây trồng	Trang bị những kiến thức lý thuyết về cơ sở chọn tạo các giống cây trồng nhằm tạo được các giống mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Khí tượng nông nghiệp	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động của chúng đối với cây trồng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

36	Sinh thái nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh thái học nông nghiệp, các nguyên lý, nội dung và nguyên tắc điều khiển sự phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp. Cơ sở sinh thái học trong nghiên cứu, thiết kế, quản lý và đánh giá các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Thẻ dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
38	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
39	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
40	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
41	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
42	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói về	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	Khẳng định vai trò của công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và xác định các phương pháp nghiên cứu trong khoa học nông nghiệp. Phân tích và thực hiện được các bước tiến hành một thí nghiệm hoàn chỉnh trong khoa học nông nghiệp Ứng dụng và giải bài tập được các thuật toán xác suất, thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

		kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.			Thi kết thúc học phần: 70%
47	Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật	Cung cấp cho sinh viên được những kiến thức cơ bản về công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật: khái niệm, lịch sử phát triển và ứng dụng của ngành trong các lĩnh vực kinh tế xã hội, từ đó nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng của ngành đối với sự phát triển chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp. Có kỹ năng tìm kiếm, khai thác và vận dụng thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Có kỹ năng thực hành tại phòng thí nghiệm: chuẩn bị môi trường nuôi cấy mô thực vật, vô mẫu, cấy chồi và chuyển cây từ bình cấy mô ra vườn ươm.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Cơ khí nông nghiệp	Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết Cơ khí và bước đầu rèn luyện kỹ năng lái máy kéo và sử dụng một số loại máy trong nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Khuyến nông	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Cây rau	Có kiến thức cơ bản về lịch sử, tình hình sản xuất, nhiệm vụ của ngành trồng rau ở Việt Nam, những đặc điểm của ngành sản xuất rau, giá trị của cây, phân loại và nguồn gốc cây rau. Có kiến thức cơ bản về cơ sở kỹ thuật của nghề trồng rau, hiện tượng giáp vụ, cách tổ chức sản xuất rau và sản xuất rau an toàn. Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, phân bố, phân loại, đặc điểm thực vật học, sự sinh trưởng phát triển, yêu cầu sinh thái và quy trình kỹ thuật trồng trọt một số loại rau ăn lá, quả, thân và củ. Có khả năng giải thích một số vấn đề liên quan về cây rau trong thực tiễn sản xuất; thực hiện được thao tác kỹ thuật cơ bản về trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản một số loại rau; biết vận dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

52	Cây lương thực	Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, giá trị, tình hình sản xuất, phân loại, đặc điểm thực vật học, sự sinh trưởng phát triển, yêu cầu sinh thái và sinh lý của cây lúa, cây ngô. Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng trọt của cây lúa, cây ngô. Có khả năng giải thích một số vấn đề liên quan về cây lúa, cây ngô trong thực tiễn sản xuất; thực hiện được thao tác kỹ thuật cơ bản về trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản cây lúa, cây ngô; biết vận dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	Vi sinh vật đất	Thông qua tìm ra quy luật phát sinh tiến hóa thích nghi với điều kiện tự nhiên của vi sinh vật mà tìm kiếm các giải pháp tác động tích cực cũng như ngăn chặn có hiệu quả các tác động bất lợi của VSV nhằm nâng cao độ phì nhiêu và năng suất cây trồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Cây ăn quả	Có hiểu biết về giá trị dinh dưỡng và hiện trạng cây ăn quả; Có thể phân loại được các loại cây ăn quả và sự phân bố của cây ăn quả ở Việt Nam. Có những hiểu biết về tầm quan trọng của việc xây dựng vườn ươm cây ăn quả; có kỹ năng áp dụng được các phương pháp nhân giống cây ăn quả phổ biến hiện nay tại Việt Nam. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống dừa hiện có tại Việt Nam; Có thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây dừa tại Tây Nguyên. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống bơ hiện có tại Việt Nam; Có	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây bơ tại Tây Nguyên. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống sầu riêng hiện có tại Việt Nam; Có thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây sầu riêng tại Tây Nguyên.			
55	Cây đậu đỗ	Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, giá trị, tình hình sản xuất, phân loại, đặc điểm thực vật học, sự sinh trưởng phát triển, yêu cầu sinh thái của một số loại đậu đỗ khác nhau. Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng trọt của một số loại đậu đỗ khác nhau. Có khả năng giải thích một số vấn đề liên quan về cây đậu đỗ trong thực tiễn sản xuất; thực hiện được thao tác kỹ thuật cơ bản về trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản một số loại đậu đỗ; biết vận dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	TTGT Cây lương thực, rau, ăn quả	Có kiến thức thực tế liên quan đến cây rau, cây đậu, cây lương thực và cây ăn quả. Rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin, viết và trình bày báo cáo. Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch làm việc, kỹ năng lao động thực tiễn và củng cố khả năng giao tiếp.	3	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%

57	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Nông hoá	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại phân bón sử dụng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

		Nắm được những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn khi sử dụng các loại phân bón cho cây trồng. Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng.			Thi kết thúc học phần: 70%
60	Côn trùng nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, đặc tính và quy luật sinh sống của lớp côn trùng, nguyên lý và phương pháp phòng chống các loài có hại, khai thác và bảo vệ những loài có ích cho sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Bệnh cây nông nghiệp	Hiểu biết một số khái niệm về bệnh hại trên cây trồng và phương pháp chẩn đoán xác định tác nhân gây bệnh. Hiểu biết về đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh. Có kiến thức cơ bản về các tác nhân gây bệnh: Nấm, vi khuẩn, Virus, tuyến trùng... Vận dụng được các nguyên lý về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra các biện pháp phòng trừ bệnh cây. Hiểu biết bệnh hại trên cây trồng và biện pháp phòng trừ	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Hệ thống nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	TTGT sâu bệnh hại	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành điều tra, phát hiện và nhận biết sâu bệnh hại cây trồng và những loài có ích, đồng thời có kiến thức thực tế về chăm sóc và quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thực tập: 100%

64	Bảo quản nông sản	Nắm bắt các hư hại của nông sản và các sản phẩm được chế biến từ nông sản xảy ra trong quá trình bảo quản (nông sản, rau quả tươi, thực phẩm), phương pháp bảo quản và cách thức hạn chế.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất độc học nông nghiệp và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng chống các loại dịch hại cây trồng và nông sản trong Nông – Lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo vệ môi trường thiên nhiên.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Thị trường nông nghiệp	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên Kiến thức cơ bản về Khái niệm, vai trò, đặc điểm thị trường trong nông nghiệp; Phân tích thị trường nông nghiệp; Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp; Tổng quan về tiếp thị và tiếp thị nông sản; Một số kỹ năng về tiếp thị nông sản truyền thống và hiện đại trong nghiên cứu phát triển thị trường nông sản. Cung cấp cho sinh viên phương pháp cần thiết trong nghiên cứu và phân tích thị trường nông nghiệp và trên địa bàn nông thôn.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Cây cao su	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về Cây cao su.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Cây cà phê	Đánh giá được tình hình sản xuất, tiêu thụ cà phê trên thế giới. Phân tích được đặc điểm thực vật học, sinh lý và yêu cầu sinh thái của cây cà phê. Giải thích được các bước của quy trình cải tiến	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30%

		giống và sản xuất cây giống cà phê. Quy trình trồng, chăm sóc cà phê bền vững. Quy trình thu hái, chế biến cà phê			Thi kết thúc học phần: 70%
69	Cây chè	Trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng về kỹ thuật canh tác và chế biến chè.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	TTGT Cây cao su, cà phê, Chè	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành và những kiến thức thực tế sản xuất cây cao su, cà phê, chè.	3	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%
71	Cây điều, cây ca cao	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về Cây điều và Cây ca cao.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Thủy nông	Nắm được những kiến thức cơ bản về nhu cầu tưới tiêu nước của cây trồng, cách xác định nhu cầu, cách tưới tiêu và quản lý hệ thống tưới tiêu.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Đánh giá đất đai	Thông qua xác định đặc điểm, tính chất đất đai mà so sánh đối chiếu với yêu cầu sử dụng đất đai cần phải có đề phân hạng thích	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

		hợp đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng đất bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, sử dụng quỹ đất hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.			Thi kết thúc học phần: 70%
75	Kinh tế nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Vị trí, vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; Hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam; Các nguồn lực trong việc tăng trưởng và phát triển kinh tế nông nghiệp và Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Kinh tế học cung – cầu và sự mất cân bằng cung – cầu thị trường nông nghiệp; Phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Canh tác học và Quản lý cỏ dại	Cung cấp những kiến thức rất cơ bản và cần thiết cho sinh viên về khái niệm cơ cấu cây trồng và các cơ sở khoa học để lựa chọn cơ cấu cây trồng hợp lý cho một cơ sở hoặc một vùng sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển thuận lợi, đem lại lợi ích kinh tế và môi trường cao nhất. Học phần này cũng giúp sinh viên tìm hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về cỏ dại và các đặc điểm của chúng để xây dựng các biện pháp quản lý cỏ dại một cách có hiệu quả.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Công nghệ trồng cây trong nhà có mái che	Sinh viên nắm được cấu trúc nhà có mái che và phương pháp vận hành nhà lưới và các kiến thức về quy trình sản xuất các loại cây rau, hoa trong điều kiện có mái che Sinh viên thao tác cơ bản được một số kỹ thuật về lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống chăm sóc trong nhà có mái che. Có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cơ bản gặp phải khi trồng cây trong nhà có mái che	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

78	Cây tiêu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tình hình sản xuất, tiêu thụ hồ tiêu; Đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái của cây hồ tiêu; Quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc, chế biến hồ tiêu.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Thực tập Rèn nghề tổng hợp	Vận dụng kiến thức đã học từ các học phần riêng lẻ để tham gia hướng nghiên cứu khoa học nhỏ thuộc lĩnh vực Khoa học Cây trồng, Bảo vệ thực vật, Khoa học đất. Nắm vững các kiến thức thực tế sản xuất, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Thực tập tại phòng thí nghiệm, nhà xưởng cũng như các trang trại và cánh đồng mẫu lớn. Hiểu và biết nguyên lý vận hành thiết bị phân tích và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Giúp sinh viên tiếp cận với các vấn đề thực tế trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, vận hành các kỹ thuật và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về nông nghiệp công nghệ cao. Có kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp và ứng xử tại đơn vị thực tập. Giúp sinh viên định hướng và hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho từng cá nhân. Giúp sinh viên phát huy tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc hiệu quả và khoa học. Có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần tự giác trong công việc. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ giao tiếp đúng mực phù hợp với văn hóa nơi thực tập. Có ý thức học tập, chủ động lên kế hoạch thực tập cho bản thân, luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành được tiếp cận.	4	Học kỳ 8	Báo cáo thu hoạch: 100%

80	Chế biến cà phê bột	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu ca cao. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến ca cao; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Chế biến chè xanh, đen	Trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng về chế biến chè nói chung và chế biến chè xanh, chè đen nói riêng.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Chế biến ca cao bột	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu ca cao. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến ca cao; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
84	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
85	Chăn nuôi đại cương	Cung cấp kiến thức đại cương về khoa học cơ sở ngành chăn nuôi (giống vật nuôi, sinh lý động vật, dinh dưỡng động vật); Cung cấp kiến thức đại cương về kỹ thuật chăn nuôi động vật nông nghiệp (trâu, bò, heo và gia cầm)	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Rèn luyện kỹ năng thực hành mổ khảo sát, lập khẩu phần và sản xuất thức ăn hỗn hợp. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành...			
86	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
87	Nông nghiệp hữu cơ	Có kiến thức khái quát về nông nghiệp hữu cơ và hiểu được khái niệm về nông nghiệp hữu cơ, cơ sở khoa học của nông nghiệp hữu cơ và thực trạng của nông nghiệp hữu cơ để vận dụng trong thực tế. Có những kiến thức về kết cấu đất, hệ vi sinh vật đất, chất hữu cơ, mùn và làm đất trong nông nghiệp hữu cơ và có kỹ năng vận dụng các kiến thức trên trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp vào thực tế sản xuất ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Có kiến thức cơ bản về sử dụng phân bón trong nông nghiệp (phân hữu cơ, phân vô cơ) và kỹ năng sử dụng các loại phân bón trên trong sản xuất nông nghiệp sản xuất hữu tại Việt Nam.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có kiến thức và kỹ năng áp dụng các kỹ thuật canh tác nông nghiệp hữu cơ cho một số cây ngắn ngày, cây ăn quả và cây công nghiệp cũng như nguyên lý cơ bản về bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.			
88	Nông nghiệp Công nghệ cao	Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng theo hướng ứng dụng các công nghệ cao trên thế giới và tại Việt Nam. Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất có tính chiến lược và hiệu quả bằng công nghệ cao ở quy mô sản xuất hàng hóa. Lập kế hoạch và thực hiện việc sản xuất các loại cây trồng bằng các công nghệ cao như thủy canh, trồng cây trong nhà kính nhà lưới, tự động hóa trong nông nghiệp. Xây dựng đề cương, thực hiện việc nghiên cứu trên cây trồng bằng công nghệ cao. Có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cơ bản gặp phải trong ứng dụng công nghệ cao vào trồng trọt.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
89	Dâu tằm	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thái học và sinh vật học dâu - tằm; những kiến thức chủ yếu về kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm để người học có thể vận dụng thực hành trong sản xuất.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Nuôi ong	Cung cấp cho người học khối kiến thức về sinh học ong mật; kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm và phòng trừ bệnh ong mật.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

		Rèn luyện cho người học các thao tác kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chia đàn, phòng trừ bệnh ong, khai thác, sơ chế và bảo quản sản phẩm ong mật. Rèn luyện cho người học có ý thức tự giác trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, có thái độ đúng trong việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn sản xuất, nghiên cứu khoa học, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.			Thi kết thúc học phần: 70%
91	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; Các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện; những hiểu biết cơ bản về thực hành nông nghiệp tốt; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành sản xuất theo GlobalGAP và VietGAP.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
92	Quản lý dịch hại tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp hay phòng trừ tổng hợp (IPM), trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện biện pháp IPM trên một loại cây trồng ở một vùng sinh thái nông nghiệp nhất định vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
93	Trồng nấm ăn	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các đặc điểm của nấm trồng và lựa chọn các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp để trồng, chăm sóc và bảo quản một số loài nấm trồng phổ biến nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

94	Cây mía, cây bông	Trang bị cho người học những hiểu biết về cây mía, cây bông và các kỹ năng về trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản để tăng năng suất và phẩm chất nguyên liệu trên cơ sở hạ giá thành đầu tư.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
95	Hoa, cây cảnh	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về cây hoa và cây cảnh.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
96	Cây lấy củ	Trang bị kiến thức khoa học cây khoai, cây sắn về kỹ thuật trồng trọt và biện pháp kỹ thuật tăng năng suất.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

1.7. Lâm sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học; Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			
4	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thực và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		toán và xử lí số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.			
7	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Địa lý thực vật	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thực vật, các nhân tố và các quy luật quyết định sự phân bố của thực vật Kiến thức môn học là nền tảng để tiếp cận các môn học liên quan khác	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
11	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
12	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

		phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan			Thi kết thúc học phần: 70%
15	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Khí tượng thủy văn rừng	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động qua lại giữa chúng với rừng, cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

		đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.			Thi kết thúc học phần: 70%
20	Đường lối QPAN của ĐCSVN	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Công tác Quốc phòng – An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, Anh ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.			
22	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

24	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
25	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
26	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
27	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
28	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
29	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

		học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			Thi kết thúc học phần: 70%
30	Đất và Vi sinh vật đất rừng	Cung cấp kiến thức để sinh viên thành thạo trong đánh giá vận dụng sự hình thành đất, độ phì nhiêu đất, phân loại đất, phân bón trong các khâu sử dụng đất và kỹ thuật sản xuất Lâm nghiệp trong khu vực địa lý nhất định.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Phân bón trong lâm nghiệp	Sinh viên nắm được các kiến thức về các loại phân bón, nhu cầu dinh dưỡng cây trồng. Có được kiến thức về sử dụng các loại phân bón Hiểu biết được khả năng cung cấp các loại dinh dưỡng của phân bón cho cây trồng, cách thức xây dựng quy trình bón phân nhằm ứng dụng trong sản xuất lâm nghiệp.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

32	TTGT Đất và Vi sinh vật đất rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về điều tra đất lâm nghiệp ngoài thực địa. Từ đó có thể phân loại các nhóm đất, nhận xét về độ phì nhiêu đất.	1	Học kỳ 3	Báo cáo thu hoạch: 100%
33	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

36	Sinh thái rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh thái rừng, các biến đổi của rừng, ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến rừng và ngược lại,; trang bị cho sinh viên các kiến thức về bản chất sinh học của rừng, quá trình diễn thế,....	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
38	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
39	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
40	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
41	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
42	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
44	Cây rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn tài nguyên thực vật rừng và các kỹ năng nhận biết chúng từ đó tạo điều kiện tiếp thu tốt một số môn học chuyên ngành khác và vận dụng vào thực tiễn để quản lý nguồn tài nguyên rừng.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, tư duy và khả năng định lượng về không gian tự nhiên hay nhân tạo trên bề mặt trái đất hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng; giúp sinh viên có kỹ năng nhận biết địa hình, sử dụng bản đồ và thiết bị định vị không gian trong hoạt động hiện trường điều tra tài nguyên rừng. Sử dụng được một số máy móc, thiết bị đo đạc chuyên dụng và phổ biến; có khả năng huy động sự tham gia của tập thể, điều phối các hoạt động chung trong quá trình làm việc; sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			
46	Viễn thám và GIS đại cương	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về i) bản đồ với các phép chiếu, tọa độ, sử dụng bản đồ; ii) kiến thức về VT như: định nghĩa, cơ sở VT, xử lý ảnh vệ tinh, phân tích và ứng dụng ảnh...; iii) các kiến thức của GIS như khái niệm, các thành phần chính của GIS, cấu trúc và mô hình dữ liệu như Vector và Raster trong GIS; mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình thứ bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ, chức năng của GIS trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu như thu thập, xử lý, nhập dữ liệu, xuất dữ liệu ra các định dạng theo yêu cầu của người sử dụng, các phương pháp tích hợp giữa VT và GIS.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	TTGT Bản đồ và Viễn thám lâm nghiệp		2	Học kỳ 4	Báo cáo thu hoạch: 100%
48	Kỹ thuật lâm sinh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để thiết kế, áp dụng phương thức, giải pháp kỹ thuật lâm sinh thích ứng với kiểu và trạng thái rừng của mình đang quản lý để hướng đến kinh doanh, sử dụng rừng hiệu quả và bền vững.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	TTGT: Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các kiểu trạng thái rừng tại nơi thực tập với các loài cây chính tạo nên tổ thành rừng cũng như các loài cây có ý nghĩa về mặt lâm sinh, kinh tế hoặc bảo tồn. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng phân tích xác định các	2	Học kỳ 4	Báo cáo thu hoạch: 100%

		đặc tính lâm học của các lâm phần để đề ra các giải pháp lâm sinh phù hợp.			
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Côn trùng rừng	Mục tiêu chung của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về côn trùng nói chung và côn trùng rừng nói riêng. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng nghiên cứu và phòng trừ một số các loài côn trùng có hại và lợi dụng các loài côn trùng có ích góp phần nâng cao sản lượng của rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Bệnh cây rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản và rất cần thiết cho sinh viên về khái niệm về bệnh cây, xác định được vị trí và vai trò của bệnh hại trong hệ sinh thái rừng, xác định được triệu chứng, nguyên nhân và quá trình phát sinh phát triển của các bệnh hại chính trên địa bàn Tây Nguyên. Có khả năng xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ bệnh hiệu quả, an toàn với môi trường và cân bằng sinh thái.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

53	Lửa rừng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lửa rừng, các nguyên nhân gây ra và các yếu tố ảnh hưởng đến lửa rừng, các biện pháp phòng và chữa cháy rừng và quản lý cháy rừng.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	TTGT Côn trùng, bệnh cây và lửa rừng	Nhằm giúp sinh viên nắm được phương pháp quản lý sâu bệnh hại và lửa rừng cho từng đối tượng kinh doanh trong Lâm nghiệp. Các điều kiện phát sinh sâu bệnh và lửa rừng cũng như quy luật phát sinh phát triển của nó để xây dựng được phương pháp Quản lý dịch hại tổng hợp IPM.	2	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%
55	Động vật rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về động vật hoang dã; để họ có khả năng vận dụng để sử dụng và phát triển động vật hoang dã trong kinh doanh, quản lý rừng bền vững	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Bảo tồn đa dạng sinh học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học; để họ có khả năng vận dụng vào việc sử dụng và kinh doanh, phát triển bền vững tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	TTGT Bảo tồn đa dạng sinh học, Động vật rừng	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể nhận diện động vật hoang dã, điều tra giám sát đa dạng sinh học trên thực địa; cũng như thu thập mẫu trong điều tra, nghiên cứu động vật, lâm sản ngoài gỗ để sử dụng và phát triển các nguồn tài nguyên này trong kinh doanh, quản lý rừng bền vững	2	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%

58	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Lâm nghiệp xã hội	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về LNXH để họ có được những phương pháp tiếp cận phù hợp khi thực hiện các hoạt động chuyên môn. Môn học còn giúp	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

		cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động LNXH. Môn học LNXH còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên vào tiếp cận các hoạt động LNXH ở Việt Nam.			Thi kết thúc học phần: 70%
61	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Lâm sản ngoài gỗ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ về quản lý nguồn LSNG để góp phần vào việc phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn Tài nguyên rừng theo hướng bền vững.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ		2	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
64	Luật và chính sách Lâm nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về pháp luật. trong hoạt động quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Thống kê ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thống kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
66	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thông kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng sử dụng kiến thức Viễn thám và GIS để ứng dụng trong một số môn chuyên môn liên quan đến dữ liệu không gian và phi không gian.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Trồng rừng	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật gieo ươm tạo cây con, thiết kế, chỉ đạo thi công trồng và chăm sóc rừng trồng; các kỹ năng điều tra đánh giá chất lượng gieo ươm, trồng rừng.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Nông lâm kết hợp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương pháp tiếp cận cần thiết để hỗ trợ, thúc đẩy cộng đồng và các bên liên quan trong việc sử dụng đất theo hướng Nông lâm kết hợp.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Giống cây rừng	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về công tác giống cây rừng trong việc gây trồng cây rừng để phát triển rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

71	TTGT giống, trồng rừng, Nông lâm kết hợp	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; thực tập để rèn luyện một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể thiết kế, điều tra đánh giá kết quả trồng rừng, Nông lâm kết hợp, sản xuất vườn ươm cây giống phục vụ cho công tác phát triển lâm nghiệp trên địa bàn.	2	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%
72	Rừng và biến đổi khí hậu	Người học phân tích, giải thích được mối quan hệ giữa sự thay đổi sinh thái, sinh trưởng, phát triển rừng và biến đổi khí hậu và có định hướng trong nghiên cứu giải pháp để giảm nhẹ và thích ứng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Quản lý các dự án lâm nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án lâm nghiệp để sinh viên có thể vận dụng tham gia xây dựng và quản lý dự án tring kinh doanh sử dụng và quản lý rừng bền vững.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Kinh tế lâm nghiệp	Học phần Kinh tế lâm nghiệp là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành lâm sinh. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học ngành lâm nghiệp và vận dụng vào thực tiễn phát triển lâm nghiệp Việt Nam	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp như: Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, cơ quan kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Quy chế quản lý búa bài và búa kiểm lâm; Quy chế kiểm tra, kiểm soát lâm sản...	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

76	Sinh khối và carbon rừng	Người học có kiến thức về khả năng tích lũy sinh khối và carbon rừng ở 5 bể chứa theo IPCC (2006); đồng thời có khả năng xây dựng các mô hình để ước tính sinh khối và carbon rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng	Sau khi học xong, sinh viên có khả năng hiểu được các giá trị của dịch vụ môi trường rừng và các phương pháp, kỹ thuật định giá giá trị dịch vụ môi trường rừng trên thế giới và ở Việt Nam.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Quản lý lưu vực	Cung cấp các kiến thức cơ bản về lưu vực, vòng tuần hoàn nước, chu trình thủy văn trong lưu vực, các phương pháp nghiên cứu và quản lý lưu vực, lập kế hoạch quản lý lưu vực và mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu đến các quản lý sử dụng tài nguyên trong lưu vực.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Quy hoạch và điều chế rừng	Trình bày khái niệm, phương pháp luận về QHLN - ĐCR ở các đối tượng, cấp quản lý tài nguyên rừng khác nhau. Chủ động phối hợp với các bên liên quan trong xây dựng, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá phương án QHLN - ĐCR phù hợp với chính sách lâm nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên rừng như thống kê, công nghệ GIS để tổ chức các phương án quy hoạch và điều chế rừng hiện đại.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Gỗ và công nghệ gỗ	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: cấu tạo gỗ, tính chất cơ lý của gỗ, cách thức bảo quản gỗ, các công nghệ sản xuất gỗ tự nhiên và gỗ nhân tạo hiện có; nhằm giúp cho người học phân	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

		biệt được một số loại gỗ thông dụng, giải thích được các hiện tượng thông thường xảy ra trong quá trình sử dụng sản phẩm gỗ, cũng như việc nắm bắt những vấn đề cơ bản và quản lý các loại hình đây chuyên chế biến gỗ hiện có.			Thi kết thúc học phần: 70%
81	Khuyến Nông Lâm	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Điều tra rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng và tìm ra những quy luật khách quan tồn tại trong các đối tượng điều tra, từ đó xây phương pháp điều tra rừng phù hợp với thực tiễn.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Thực tập giáo trình Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể giải đoán ảnh vệ tinh và phân tích không gian GIS, xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật, mô hình cho điều chế rừng và lập kế hoạch điều chế rừng bằng GIS.	2	Học kỳ 8	Báo cáo thu hoạch: 100%
84	Sản lượng rừng	Trang bị cho người học hiểu được quy luật sinh trưởng của cây cá thể và lâm phần làm cơ sở dự đoán tăng trưởng và sản lượng, đồng thời đề xuất hệ thống biện pháp kỹ thuật tác động hợp lý, sao cho lâm phần đạt năng suất cao, đáp ứng mục đích kinh doanh.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Tiếng anh chuyên ngành		3	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
86	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
87	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
88	Công trình lâm nghiệp	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về: thiết kế sơ bộ và dự toán xây dựng các công trình cơ bản của Nông thôn và ngành Lâm Nghiệp.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
89	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	Trang bị cho sinh viên những nhận thức mới về vai trò quan trọng của kiến thức sinh thái địa phương (LEK); các phương pháp tiếp cận và công cụ thích ứng để nghiên cứu, lồng ghép LEK trong thử nghiệm và phát triển kỹ thuật lâm nghiệp, góp phần thúc đẩy tiến trình quản lý rừng cộng đồng có hiệu quả và bền vững	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Khai thác gỗ tác động thấp	Trang bị cho sinh viên biết các hình thức công nghệ khai thác gỗ hiện nay ở Việt Nam và trên Thế giới, nắm vững lý thuyết cắt gỗ để sử dụng các công cụ cắt sao cho đạt hiệu quả cao nhất, cách thiết kế mạng lưới đường vận xuất, vận chuyển, các phương pháp vận xuất, vận chuyển gỗ...và thiết kế được dây chuyền công nghệ khai thác gỗ.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
91	Công cụ máy lâm nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc, cấu tạo và tính năng kỹ thuật của các công cụ, máy móc dùng trong lâm nghiệp và kỹ thuật chăm sóc, bảo dưỡng.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
92	Lâm nghiệp đô thị	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm về lâm nghiệp cảnh quan và đô thị cùng với vai trò của nó trong giai đoạn phát triển hiện nay, đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những nguyên lý và kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho các loại hình rừng và cây xanh ở các đô thị.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

1.8. Quản lý đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thục và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.			
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học; Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học	1	Học kỳ 1	Điểm cuối cùng tính bằng trung bình cộng của các bài.

		trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			
4	Địa lý kinh tế Việt Nam	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp và căn bản để có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Học phần Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai lập được quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH các cấp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Đánh giá tác động môi trường	Nắm được các kiến thức cơ bản về môi trường, công tác đánh giá tác động môi trường và các phương pháp đánh giá tác động môi trường.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Thế dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
10	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
11	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.			
12	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

16	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
18	Công tác quốc phòng – An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

20	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
22	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
23	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
24	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
25	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
26	Nguyên lý kinh tế	Học phần Nguyên lý kinh tế là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với ngành học Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản và ứng dụng vào thực tế phát triển hiện nay.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Cơ sở dữ liệu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về cơ sở dữ liệu (CSDL), đặc biệt CSDL quan hệ: mô hình dữ liệu quan hệ, các ngôn ngữ truy vấn, thiết kế CSDL quan hệ. Sinh viên sẽ tích lũy được những hiểu biết cơ bản để có thể sử dụng và khai thác CSDL quan hệ một cách hiệu quả nhằm phục vụ cho các phần mềm chuyên môn liên quan đến CSDL.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Thủ nhường	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

		thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			Thi kết thúc học phần: 70%
30	Xác suất thống kê	Cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên. Ứng dụng lý thuyết xác suất để nghiên cứu thống kê. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Đánh giá đất đai	Thông qua đặc điểm, tính chất của đất đai mà so sánh đối chiếu với yêu cầu sử dụng đất đai cần phải có để xác định mức độ thích hợp đất đai tạo cơ sở dữ liệu để phục vụ quy hoạch sử dụng đất	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Thống kê kinh tế	Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 5 chương với các nội dung về đối tượng nghiên cứu và phân tổ trong thống kê kinh tế, thống kê dân số và nguồn lao động, thống kê của cải quốc dân, hệ thống chỉ tiêu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		thống kê sản lượng quốc dân, hệ thống tài khoản quốc gia (SNA).			
33	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
35	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
36	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
37	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
38	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
39	Pháp luật đất đai	Trang bị cho người học các quy định của của Chính sách và pháp luật về việc điều chỉnh các quan hệ đất đai hiện nay.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Trắc địa 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trắc địa: phương pháp đo đạc, tính toán sai số.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.			
42	Kinh tế đất	Học phần Kinh tế đất là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên đất, cơ sở và phương pháp nghiên cứu kinh tế đất cũng như đánh giá hiệu quả sử dụng đất	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
44	Trắc địa ảnh viễn thám	Nắm được các kiến thức cơ bản về ảnh máy bay, ảnh vệ tinh và vận dụng được các phương pháp đo ảnh để thành lập bản đồ phục vụ cho chuyên ngành Quản lý đất đai.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Trắc địa 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sai số, các phương pháp bình sai, phương pháp xây dựng và sử dụng bản đồ.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Bản đồ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản đồ: ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, các phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

47	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến hệ thống quản lý cả dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính (GIS), vai trò và ứng dụng của GIS trong ngành quản lý đất đai, cấu trúc dữ liệu của GIS.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

50	Quản lý hành chính nhà nước về đất đai	Học phần Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động tổng thể bộ máy quản lý hành chính Nhà nước chung, đi sâu nghiên cứu các hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về đất đai của ngành Tài nguyên Môi trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chuyên ngành về hoạt động quản lý và những nguyên tắc thực hiện.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Quy hoạch sử dụng đất	Nhằm giúp sinh viên hiểu được các khái niệm về tài nguyên đất, nắm được quan điểm bền vững trong sử dụng đất đai. Phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai trên quan điểm hợp lý và bền vững trong thực tế cụ thể.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	Bản đồ địa chính	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến bản đồ địa chính, tính chất, đặc điểm, nội dung của bản đồ địa chính, các phương pháp thành lập bản đồ địa chính.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Đăng ký thống kê đất đai	Học phần Đăng ký thống kê đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động đăng ký đất đai và thống kê đất đai, các trình tự thủ tục thực hiện, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các đơn vị hành chính.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
55	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc về hệ thống định vị toàn cầu, đặc biệt là GPS. Có khả năng ứng dụng công nghệ GPS trong quản lý đất đai.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

58	Định giá đất	Học phần Định giá đất giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai nhận định được thị trường đất đai và vận dụng thành thạo các phương pháp định giá đất để xác định được giá các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Hệ thống thông tin đất (LIS)	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc về hệ thống thông tin đất đai ở nước ta. Có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại để xây dựng LIS.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Sinh thái sinh học đất	Xác định thành phần sinh thái đất ảnh hưởng hoạt động sinh học xảy ra trong đất mà có biện pháp đề xuất sử dụng, cải tạo phục vụ có hiệu quả quỹ tài nguyên đất của cơ sở sản xuất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Phương pháp toán trong quy hoạch	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc, phương pháp áp dụng các bài toán dự báo và quy hoạch liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Hệ thống nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Phân tích sinh kế trong sử	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm sinh kế, phân loại sinh kế, các nguồn lực để phát triển sinh kế, đánh giá,	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

	dụng tài nguyên đất	lựa chọn và phát triển sinh kế, các loại hình hỗ trợ sinh kế cộng đồng, kết nối thị trường cho phát triển sinh kế cộng đồng. Hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, lựa chọn và phát triển sinh kế trong sử dụng tài nguyên đất tại một địa phương cụ thể. Sinh viên có khả năng kết nối học phần Phân tích sinh kế trong sử dụng tài nguyên đất với các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành Quản lý đất đai để giải quyết các công việc chuyên môn chung trong quản lý và sử dụng đất đai			Thi kết thúc học phần: 70%
64	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn. Góp phần đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có khả năng làm việc thực tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Thanh tra đất đai	Giúp cho sinh viên nắm chắc những vấn đề cơ bản của công tác thanh tra đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, là một trong những nhiệm vụ quan trọng của quản lý Nhà nước về đất đai; vận dụng được ở thực tế địa phương trong lĩnh vực đất đai.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Thị trường bất động sản	Học phần Thị trường bất động sản trang bị kiến thức cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai về quản lý thị trường bất động sản, góp phần nâng cao kiến thức phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về bất động sản.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

67	Tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến việc sử dụng các phần mềm để thành lập bản đồ đặc biệt là bản đồ địa chính và bản đồ hiện trạng sử dụng đất.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Rèn nghề tổng hợp	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đo đạc đất đai phục vụ thành lập bản đồ chuyên đề quản lý đất đai; Hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức đã học để điều tra hiện trạng sử dụng đất phục vụ thống kê đất đai trên cơ sở kết hợp hồ sơ địa chính và đối soát thực địa, tổ chức kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận, hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký đất đai, chỉnh lý biến động đất đai, hoàn thiện hồ sơ địa chính; Trang bị cho sinh viên kiến thức về điều tra, đánh giá đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, điều tra hộ phục vụ lập dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng điểm dân cư; Trang bị cho sinh viên kiến thức về điều tra, đánh giá thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phân loại khu vực và vị trí đất phục vụ định giá ở và đất nông nghiệp tại đô thị và nông thôn; Sinh viên có khả năng kết nối học phần Rèn nghề tổng hợp với các học phần khác trong Chương trình đào tạo của ngành Quản lý đất đai để giải quyết các công việc chuyên môn của ngành tại địa phương.	7	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

69	Quy hoạch cảnh quan	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan: nguyên tắc quy hoạch, bố trí cảnh quan đường phố, công viên và khu dân cư.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Phương pháp viễn thám trong theo dõi biến động quản lý tài nguyên đất	Nắm được các phương pháp quản lý biến động sử dụng đất cả về thông tin thuộc tính và thể hiện về mặt không gian bằng ảnh viễn thám.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Xử lý dữ liệu đo đạc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xử lý số liệu trong đo đạc.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Học phần giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai xây dựng được sàn giao dịch bất động sản và quản lý hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Đánh giá số liệu phân tích đất	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về đánh giá số liệu phân tích các chỉ tiêu lý, hóa tính của đất, qua đó có được những đánh giá, nhận xét về độ phì nhiêu của đất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Quan hệ đất và cây trồng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản mối quan hệ giữa dinh dưỡng đất và cây trồng, làm cơ sở để tính toán hiệu quả sử	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

		dụng đất, bố trí cây trồng hợp lý, phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất.			Thi kết thúc học phần: 70%
75	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Trồng trọt đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Chiến lược phát triển tài nguyên đất	Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, thực tiễn của lĩnh vực quản lý phát triển tài nguyên đất. Sinh viên có khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xây dựng được chiến lược phát triển tài nguyên đất cho một địa phương cụ thể.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Thuế nhà đất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản thuế, phương pháp xác định các loại thuế nhà đất.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
79	Tin học trong quản lý đất đai	Giúp sinh viên làm quen và sử dụng một số phần mềm mà sinh viên chưa được học trước khi ra trường như: Pronet, ViLIS...	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
81	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
82	Văn bản quản lý đất đai hiện hành	Học phần Văn bản quản lý đất đai hiện hành trang bị kiến thức cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai những quy định hiện đang áp dụng thông qua các văn bản quản lý nhà nước, nhằm giúp cho sinh viên vận dụng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý Nhà nước về đất đai. Cập nhật kịp thời các thông tin về quản lý đất đai hiện hành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức để tiếp cận tốt lĩnh vực chuyên môn sau khi ra trường.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Quản lý tái tạo tài nguyên đất		2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

84	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	Sinh viên hiểu được những vấn đề về môi trường đô thị và khu công nghiệp, vận dụng được những văn bản pháp lý cũng như các phương pháp liên quan đến việc quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp. Dựa trên nền tảng đã được cung cấp, sinh viên có khả năng tự tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môn học. Sinh viên có khả năng kết nối học phần đã học với các học phần khác có liên quan để hiểu rõ hơn ngành học nói riêng cũng như công tác quản lý môi trường nói chung. Sinh viên có khả năng vận dụng được những kiến thức đã học giải quyết các công việc tại vị trí công tác được giao sau khi tốt nghiệp	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Đo đạc địa chính	Trang bị cho sinh viên một số vấn đề về phân hạng, độ chính xác, công nghệ đo đạc, kết quả xây dựng lưới không chế Nhà nước của Việt Nam và khả năng ứng dụng nó trong xây dựng lưới tọa độ địa chính.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
86	Bồi thường giải phóng mặt bằng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác bồi thường , giải phóng mặt bằng và tái định cư; Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về chính sách bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất; Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thực trạng về công tác bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất, quan điểm và giải pháp đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

1.9. Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học;	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.			
3	Hóa hữu cơ	Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về những hợp chất hữu cơ, giúp sinh viên tiếp thu tốt các học phần tiếp theo như hóa phân tích, hóa học thực phẩm, hóa sinh thực phẩm...	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		thành thực và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.			
7	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
9	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
10	Nhập môn công nghệ thực phẩm	Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về ngành công nghệ thực phẩm nhằm tạo động lực, hứng thú và định hướng nghề nghiệp khi tham gia chương trình đào tạo Công nghệ thực phẩm.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

11	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.			
14	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.	1	Học kỳ 2	Điểm cuối cùng tính bằng trung bình cộng của các bài.
15	Hóa lý	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng hiểu được cơ sở lý thuyết của quá trình hóa học và ảnh hưởng của các thông số vật lý, hóa học đến hệ hóa học và quá trình hóa học, làm nền tảng để sinh viên học tiếp các môn khoa học khác của chuyên ngành và ứng dụng vào các quá trình thực tế sản xuất.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
17	Thực hành vật lý đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
18	Hình họa-Vẽ kỹ thuật	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách đọc và cách thành lập các bản vẽ kỹ thuật. Trong quá trình học tập sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản như lý thuyết về phép chiếu, các phương pháp biểu diễn vật thể, nắm vững các quy tắc của tiêu chuẩn nhà nước về bản vẽ đồng thời rèn luyện các kỹ năng thực hành ...	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Đường lối QPAN của ĐCSVN	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
20	Công tác Quốc phòng – An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
22	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
24	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
25	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20%

					Thi kết thúc học phần: 80%
26	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lớp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
27	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
28	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

		năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan			Thi kết thúc học phần: 70%
30	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

33	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Quá trình và thiết bị cơ học	Môn học này giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các quá trình cơ học và ứng dụng trong tính toán quá trình, thiết kế các thiết bị phục vụ cho sản xuất hóa học và thực phẩm.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

	trong công nghệ thực phẩm				Thi kết thúc học phần: 70%
37	Kỹ thuật an toàn lao động	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về: an toàn trong quá trình sử dụng dụng cụ và trang thiết bị điện, thiết bị áp lực, cháy nổ trong sản xuất, trong sinh hoạt cũng như việc xử lý ô nhiễm môi trường lao động.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Kỹ thuật nhiệt	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về những quy luật khách quan có liên quan đến nhiệt năng và những giải pháp ứng dụng có hiệu quả các quy luật đó vào kỹ thuật.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	Sinh viên có những kiến thức về chức năng của bao bì thực phẩm, những quy định hiện hành đối với các thông tin trên bao bì và đặc điểm của một số loại bao bì thực phẩm hiện nay cũng như an toàn vệ sinh bao bì thực phẩm.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Thế dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
41	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

42	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
43	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
44	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

46	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biên báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

47	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Vi sinh vật thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng một cách đầy đủ về vi sinh vật nói chung và vi sinh vật trong thực phẩm nói riêng.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Thực hành vi sinh vật thực phẩm	Học phần nhằm củng cố kiến thức về vi sinh vật thực phẩm cho sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm. Sinh viên nắm được các yêu cầu phân tích vi sinh vật trong thực phẩm, có khả năng xác định các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm vi sinh vật với từng mẫu thực phẩm xác định, nắm vững kỹ năng cần thiết trong thực hành kiểm nghiệm vi sinh vật thực phẩm.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm	Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về các quá trình truyền nhiệt xảy ra trong công nghệ chế biến thực phẩm: đun nóng, làm nguội, ngưng tụ, bay hơi, cô đặc, hấp, thanh trùng và làm lạnh, làm đông ... Hướng dẫn người học tính toán cân bằng nhiệt, cân bằng vật chất cho các đối tượng công nghệ thực phẩm, tính toán thiết kế	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		các quá trình và tính chọn các thiết bị các hệ thống thiết bị truyền nhiệt; tính toán các dây chuyền công nghệ, và kiểm tra năng suất thiết bị			
51	Quá trình và thiết bị truyền khối trong công nghệ thực phẩm	Người học sẽ có được các kiến thức cơ bản về lý thuyết các quá trình truyền khối, các nguyên lý, định luật cân bằng vật chất, năng lượng liên quan tới từng quá trình truyền khối như chưng cất, trích ly, khuếch tán. MT2: Người học biết các phương pháp tính toán áp dụng trong tính toán thiết kế thiết bị cho từng quá trình truyền khối.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	TTGT quá trình và thiết bị công nghệ thực phẩm	Giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức thực tế về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các máy thiết bị chế biến thực phẩm ở quy mô công nghiệp.	2	Học kỳ 4	Báo cáo thu hoạch: 100%
53	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

54	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	Giúp sinh viên có hoàn thành bản vẽ về sơ đồ nhà máy, bố trí máy móc thiết bị trong nhà máy thực phẩm.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Hóa sinh thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức cơ bản về các quá trình biến đổi của các hợp chất chủ yếu trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm; Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hóa sinh học các quá trình lên men, hóa sinh học các quá trình sản xuất enzyme - là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men, công nghệ chế biến thịt, sữa, chè, cà phê, công nghệ enzyme...	4	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Thực hành hóa sinh thực phẩm	Giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết Hóa sinh thực phẩm. Cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích chỉ tiêu hóa sinh trong nông sản và thực phẩm. Các kỹ năng của môn học là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men, công nghệ chế biến thịt, sữa, cà phê...	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Đánh giá cảm quan thực phẩm	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Kiểm nghiệm lương thực, thực phẩm	Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề chung về kiểm định chất lượng lương thực thực phẩm, phân tích cảm quan chất lượng lương thực thực phẩm, nguyên lý và ứng	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30%

		dụng của các phương pháp phân tích hóa lý, vi sinh trong phân tích các chỉ tiêu của lương thực và thực phẩm.			Thi kết thúc học phần: 70%
59	Bảo quản thực phẩm	Nắm bắt các hư hại của nông sản và các sản phẩm được chế biến từ nông sản xảy ra trong quá trình bảo quản (nông sản, rau quả tươi, thực phẩm), phương pháp bảo quản và cách thức hạn chế.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Dinh dưỡng học	Trang bị cho sinh viên nắm được: Kiến thức cơ bản về thành phần các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm Hiểu rõ về các loại khẩu phần ăn cho các đối tượng khác nhau	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Nắm vững các yêu cầu về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngành ăn uống.			
62	Cơ sở kỹ thuật thực phẩm	Giúp cho sinh viên hiểu và trình bày được bản chất, mục đích của từng quá trình công nghệ; những quá trình đó sẽ gây ra những biến đổi gì đối với nguyên liệu và kết quả của nó đạt được là gì trong quá trình công nghệ đó; các thiết bị và nguyên tắc hoạt động, vận hành thiết bị phục vụ cho các quá trình đó.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Mô hình hóa và tối ưu hóa trong công nghệ thực phẩm	Sau khi học xong học phần này người học có thể độc lập tiến hành bố trí các thí nghiệm của các nghiên cứu khoa học, thu thập và xử lý các số liệu của kết quả thí nghiệm.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Công nghệ sinh học thực phẩm	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Công nghệ sinh học tổng quát; Kỹ thuật gen, ứng dụng của CNSH trong bảo quản chế biến thực phẩm như công nghệ lên men, công nghệ protein đơn bào và ứng dụng của CNSH trong bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Công nghệ chế biến lương thực	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hạt lương thực và các tính chất lý hóa của chúng. Trọng tâm là quá trình bảo quản, sơ chế hạt lương thực và công nghệ chế biến các sản phẩm từ các loại hạt lương thực. Kỹ năng kiểm tra, đánh giá chất lượng của hạt lương thực và các sản phẩm chế biến từ hạt lương thực.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Công nghệ lạnh và sấy	Hiểu rõ về hệ thống lạnh nói chung trong chu trình lạnh, các hư hỏng có thể xảy ra trong quá trình làm lạnh hoặc làm lạnh đông thực phẩm đồng thời đưa ra được các biện pháp hạn chế và	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

		khắc phục. Nắm bắt được các phương pháp cũng như công nghệ sấy trong sản xuất nông sản và thực phẩm.			Thi kết thúc học phần: 70%
67	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về: an toàn thực phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi và trong các cơ sở sản xuất thực phẩm, xác định nguyên nhân gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm, từ đó đưa ra biện pháp phòng ngừa và đánh giá rủi ro đối với sản phẩm thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Phát triển sản phẩm	Trang bị kiến thức căn bản về mối quan hệ trong tiến trình phát triển sản phẩm Sinh viên độc lập trong tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm thực phẩm mới.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Công nghệ sản xuất cà phê	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu cà phê. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến cà phê; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Đồ án công nghệ thực phẩm	Đồ án công nghệ nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để hoàn thành một báo cáo khoa học cụ thể. Sinh viên có khả năng phân tích, tập hợp những kiến thức chuyên ngành trong quá trình tham khảo các cơ sở dữ liệu có sẵn để hoàn thiện một bài báo cáo khoa học và có khả năng trình bày một vấn đề chuyên môn trước tập thể.	2	Học kỳ 7	Điểm xây dựng ý tưởng và viết đề cương nghiên cứu: 10 % Điểm ý thức khi viết báo cáo: 10%

					Điểm hoàn tất báo cáo: 40% Điểm báo cáo trước hội đồng: 40%
71	Công nghệ sản xuất rượu, bia, nước giải khát	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở về lên men trong sản xuất rượu bia; nước giải khát lên men và pha chế. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hành trong kỹ thuật sản xuất rượu bia và nước giải khát.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Quản trị chất lượng trong công nghệ thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm và các quy phạm pháp luật trong kinh doanh và sản xuất thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Thực tập rèn nghề	Giúp cho sinh viên nắm được quy trình sản xuất, nguyên lý hoạt động và các quá trình xảy ra trong các thiết bị trong nhà máy chế biến thực phẩm. Là dịp để sinh viên liên hệ giữa lý thuyết đã học với thực tế sản xuất, hiểu rõ hơn lý thuyết cũng như biết được cấu tạo của các loại máy móc thiết bị sử dụng trong công nghiệp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong sản xuất thực tế công tác.	4	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 20 % Điểm viết báo cáo: 20% Điểm báo cáo trước hội đồng: 60%
74	Thực tập chuyên ngành	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đặc điểm vùng nguyên liệu của nhà máy, điều kiện ngoại cảnh, mặt bằng tổng thể, dây chuyền công nghệ. mặt bằng phân xưởng	4	Học kỳ 8	Chuyên cần: 10% Điểm các bài thực hành: 10%

		sản xuất chính, quy trình quản lý chất lượng, vệ sinh, an toàn lao động, an toàn thực phẩm tại cơ sở thực tập.			Điểm bảo vệ thạc tập tại nhà máy: 80%
75	Công nghệ rau quả	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên liệu rau quả và các biến đổi xảy ra trong quá trình bảo quản chúng. Đồng thời cũng trang bị cho người học công nghệ bảo quản và chế biến rau quả bao gồm đóng hộp, làm đông và sấy khô lên men rau quả. Người học có thể vận dụng những kiến thức này vào thực tế để làm việc trong các nhà máy sản xuất và chế biến các sản phẩm thực phẩm từ rau quả.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về dây chuyền sản xuất mía đường và bánh kẹo cơ bản Nắm vững các thuật ngữ, các tính chất của nguyên liệu có ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, nguyên lý hoạt động của các thiết bị, biến đổi của nguyên liệu và yêu cầu của sản phẩm đầu ra trong từng công đoạn sản xuất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các biến đổi hóa sinh của nguyên liệu thịt sau giết mổ, các phương pháp bảo quản nguyên liệu thịt và trong quá trình chế biến các sản phẩm từ thịt. Hiểu được thành phần hóa học của nguyên liệu thủy sản cũng như các biến đổi của chúng sau khi chết ảnh hưởng đến chất	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		lượng trong quá trình chế biến thủy sản. Hiểu rõ quy trình bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ thủy sản.			
79	Công nghệ chế biến sữa và trứng	Sinh viên nắm bắt được những kiến thức về thành phần, tính chất và giá trị dinh dưỡng của sữa, trứng đối với đời sống con người. Các quá trình cơ bản ứng dụng trong ngành sữa, trứng, các quy trình công nghệ để chế biến sữa, trứng.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Các kỹ thuật hiện đại trong công nghệ chế biến thực phẩm	Hiểu rõ cơ sở khoa học của các quá trình tiên tiến trong công nghệ chế biến thực phẩm và phạm vi ứng dụng của chúng. Thiết kế được những quy trình sản xuất thực phẩm có sử dụng các quá trình tiên tiến nhằm hạn chế tổn thất sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và giảm ô nhiễm môi trường. Nhận biết được qui luật biến đổi của nguyên liệu diễn ra trong các quá trình chế biến để lựa chọn thông số công nghệ phù hợp. Chọn được thiết bị phù hợp để vận hành quá trình. Đánh giá được những ưu điểm của quy trình sản xuất thực phẩm có sử dụng các quá trình tiên tiến và đề xuất hướng phát triển của nó trong tương lai.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Xử lý phế phụ phẩm trong công nghệ thực phẩm	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản thành phần tính chất của một số loại phụ phẩm thực phẩm, các phương pháp công nghiệp để tái chế, tái sử dụng,; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến xử lý phụ phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

82	Công nghệ enzyme	Giúp sinh viên nắm được kiến thức chung về enzyme, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc thu nhận enzyme từ các nguồn nguyên liệu khác nhau; kỹ thuật cố định enzyme và ứng dụng của enzyme cố định. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức về các phản ứng và các quá trình enzyme trong các lĩnh vực khác nhau như công nghiệp, y học...đặc biệt là ứng dụng của enzyme trong công nghệ thực phẩm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Công nghệ dầu béo	Cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản thành phần cấu tạo, các tính chất hóa lý, các chỉ tiêu chất lượng của chất béo nói chung. Nắm rõ quá trình khai thác dầu thô, dầu tinh luyện và công nghệ chế biến một số sản phẩm từ dầu mỡ. Có những hiểu biết cơ bản về chức năng sinh học, giá trị dinh dưỡng và ảnh hưởng của dầu mỡ đến sức khỏe từ đó vận dụng trong việc nâng cao chất lượng và cải tiến sản phẩm phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
84	Công nghệ sản xuất chè và các sản phẩm cây nhiệt đới	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
86	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
87	Phụ gia thực phẩm	Các chất phụ gia phổ biến được và không được phép sử dụng trong thực phẩm.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

		Nguyên tắc sử dụng và cách bổ sung có hiệu quả một số loại phụ gia thông dụng trong chế biến và bảo quản thực phẩm Các tác động có hại đến sức khỏe của một số phụ gia thực phẩm.			Thi kết thúc học phần: 70%
88	Thực phẩm truyền thống	Giúp sinh viên ngành Công nghệ sau thu hoạch có những kiến thức cơ bản sản phẩm truyền thống của nước ta và một nước châu Á như: cơ sở khoa học về việc chế biến một sản phẩm truyền thống và ứng dụng của công nghệ sinh học vào các quy trình chế biến sản phẩm truyền thống.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
89	Thực phẩm chức năng	Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thực phẩm chức năng, tầm quan trọng của thực phẩm chức năng trong bảo vệ sức khỏe con người cũng như nguyên lý và khả năng phát triển một sản phẩm chức năng.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Công nghệ sản xuất mì chính và nước chấm	Sinh viên có những kiến thức về: những kiến thức về: Nguyên liệu sản xuất mì chính, các phương pháp sản xuất mì chính, Công nghệ sản xuất nước chấm từ thủy sản và đậu nành.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
91	Công nghệ tinh dầu và hương thơm thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thực phẩm và liên quan những kiến thức cơ bản về công nghệ tinh dầu và hương thơm thực phẩm. Hiểu biết về đặt tính hóa lý, hóa sinh của tinh dầu và hương thơm, qua đó có thể áp dụng trong công nghệ khai thác và các ứng dụng của nó trong công nghệ thực phẩm.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
92	Công nghệ sản xuất đồ hộp	Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về những quá trình cơ bản trong sản xuất đồ hộp thực phẩm (như rau, quả, thịt,	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

		hải sản, sữa tiết trùng...) Và những qui trình kỹ thuật chế biến thực phẩm đóng hộp. Giúp người học hiểu biết mục tiêu của quá trình thanh trùng, giá trị thanh trùng, và tính toán các thông số kỹ thuật trong quá trình thanh trùng đồ hộp thực phẩm.			Thi kết thúc học phần: 70%

1.10. Khoa học cây trồng – Nông nghiệp công nghệ cao

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học; Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Thực hành hóa học đại cương	Cung cấp kiến thức hóa học cơ bản nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; Trang bị kiến thức	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

		hóa học cơ bản về hóa học hữu cơ: liên kết cộng hóa trị, các loại đồng phân hữu cơ, các hiệu ứng tồn tại trong phân tử hữu cơ, cơ chế của các loại phản ứng của hợp chất hữu cơ; Cung cấp kiến thức cơ bản về danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học và các phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng: alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm, dẫn xuất halogen, phenol, alcohol, ether, carbonyl, carboxyl và amine-amino acid; Rèn luyện cho sinh viên cách suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành; Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			Thi kết thúc học phần: 70%
3	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

5	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

9	Toán cao cấp cho Nông Lâm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thục và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Tiếng Anh 1	Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà; Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu; Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

11	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%
12	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
13	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
14	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			
16	Tiếng Anh 2	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

19	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Thực vật học	Trang bị cho người học kiến thức về đặc điểm, cấu trúc, chức năng của tế bào thực vật, các loại mô, các loại cơ quan trong cơ thể thực vật bậc cao; các kiểu phân bào và đặc điểm sinh sản của thực vật có hoa. Cung cấp kiến thức về các nguyên tắc trong phân loại thực vật, đặc điểm chung của các nhóm thực vật trong sinh giới, xu hướng tiến hóa của thực vật trong tự nhiên. Rèn luyện cho người học các nguyên tắc làm việc trong phòng thí nghiệm; kỹ năng sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất dùng trong nghiên cứu hình thái – giải phẫu, phân loại thực vật; các kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi thực vật và kỹ thuật phân tích các đặc điểm hình thái trong phân loại thực vật.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
22	Công tác quốc phòng – An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

		Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			Thi kết thúc học phần: 70%
24	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
26	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

27	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
28	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
29	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
30	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.		Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			
31	Tiếng Anh 3	Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật; Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm; Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh; Bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Nhập môn nông nghiệp công nghệ cao	Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn để có thể xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng theo hướng ứng dụng các công nghệ cao trên thế giới và tại Việt Nam. Xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất có tính chiến lược và hiệu quả bằng công nghệ cao ở quy mô sản xuất hàng hóa.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Lập kế hoạch và thực hiện việc sản xuất các loại cây trồng bằng các công nghệ cao như thủy canh, trồng cây trong nhà kính nhà lưới, tự động hóa trong nông nghiệp. Xây dựng đề cương, thực hiện việc nghiên cứu trên cây trồng bằng công nghệ cao. Có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cơ bản gặp phải trong ứng dụng công nghệ cao vào trồng trọt.			
34	Thiết kế xây dựng nhà màng sản xuất cây trồng	Học phần nhằm cung cấp khái niệm, cấu tạo nhà lưới nhà màng. Học phần nhằm cung cấp kiến thức về thiết kế hệ thống canh tác trong nhà có mái che và các loại cây trồng chủ yếu, đặc điểm phát triển của cây trồng trên mỗi hệ thống. Áp dụng một số hệ thống canh tác trong nhà có mái che và biện pháp chăm sóc phòng trừ sâu bệnh hại không ảnh hưởng sức khỏe và môi trường. Học phần nhằm cung cấp kiến thức về điều chế nồng độ dinh dưỡng cho cây trồng trên hệ thống nhỏ giọt, tưới béc, thủy canh, khí canh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Giống cây trồng	Trang bị những kiến thức lý thuyết về cơ sở chọn tạo các giống cây trồng nhằm tạo được các giống mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Thổ nhưỡng	Sinh viên hiểu được nguồn gốc hình thành, phát sinh, phát triển của đất, các tính chất lý học, hóa học, sinh học của đất, hướng cải tạo và sử dụng các loại đất khác nhau.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

		Sinh viên biết liên hệ, vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn sản xuất Phát triển được kỹ năng diễn đạt, thuyết trình và làm việc nhóm của sinh viên trong khi học học phần Thỏ nhưỡng Khích lệ được tinh thần tự tìm tòi, tự nghiên cứu của sinh viên.			Thi kết thúc học phần: 70%
37	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
38	Taekwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
39	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
40	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%

41	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
42	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Tiếng Anh 4	Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng; Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn; Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ;	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa; Kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bản tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ; Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp: khái niệm, các thiết bị cơ bản trong hệ thống tự động, từ đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng ứng dụng của tự động hóa trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có kỹ năng phân tích, tìm kiếm và khai thác thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc nhóm. Có kỹ năng thực hành tại phòng thí nghiệm: Thực hành lắp ráp và vận hành một số mô hình hệ thống tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp.			
46	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Chuyển đổi số trong nông nghiệp		2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật	Cung cấp cho sinh viên được những kiến thức cơ bản về công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật: khái niệm, lịch sử phát triển và ứng dụng của ngành trong các lĩnh vực kinh tế xã hội, từ đó nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng của ngành đối với sự phát triển chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có kỹ năng tìm kiếm, khai thác và vận dụng thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Có kỹ năng thực hành tại phòng thí nghiệm: chuẩn bị môi trường nuôi cấy mô thực vật, vô mẫu, cấy chuyển và chuyển cây từ bình cấy mô ra vườn ươm.			
49	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	Khẳng định vai trò của công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và xác định các phương pháp nghiên cứu trong khoa học nông nghiệp. Phân tích và thực hiện được các bước tiến hành một thí nghiệm hoàn chỉnh trong khoa học nông nghiệp Ứng dụng và giải bài tập được các thuật toán xác suất, thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			
51	Kỹ thuật trồng cây lương thực	Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, giá trị, tình hình sản xuất, phân loại, đặc điểm thực vật học, sự sinh trưởng phát triển và yêu cầu sinh thái của cây lúa, cây ngô. Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng trọt của cây lúa, cây ngô. Có khả năng giải thích một số vấn đề liên quan về cây lúa, cây ngô trong thực tiễn sản xuất; thực hiện được thao tác kỹ thuật cơ bản và biết vận dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý canh tác, chăm sóc và thu hoạch.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Kỹ thuật trồng cây rau	Có kiến thức cơ bản về lịch sử, tình hình sản xuất, nhiệm vụ của ngành trồng rau ở Việt Nam, những đặc điểm của ngành sản xuất rau, giá trị của cây, phân loại và nguồn gốc cây rau. Có kiến thức cơ bản về cơ sở kỹ thuật của nghề trồng rau, hiện tượng giáp vụ, cách tổ chức sản xuất rau và sản xuất rau an toàn. Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, phân bố, phân loại, đặc điểm thực vật học, sự sinh trưởng phát triển, yêu cầu sinh thái và quy trình kỹ thuật trồng trọt một số loại rau ăn lá, quả, thân và củ. Có khả năng giải thích một số vấn đề liên quan về cây rau trong thực tiễn sản xuất; thực hiện được thao tác kỹ thuật cơ bản về trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản một số loại rau; biết vận dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

53	Kỹ thuật trồng hoa cây cảnh	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về cây hoa và cây cảnh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	TTGT Ứng dụng công nghệ cao trong canh tác cây lương thực, rau, hoa cây cảnh	Có kiến thức thực tế liên quan đến cây rau, cây đậu, cây lương thực và cây ăn quả. Rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin, viết và trình bày báo cáo. Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch làm việc, kỹ năng lao động thực tiễn và củng cố khả năng giao tiếp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Kỹ thuật trồng cây dược liệu		2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Vi sinh vật đất	Thông qua tìm ra quy luật phát sinh tiến hóa thích nghi với điều kiện tự nhiên của vi sinh vật mà tìm kiếm các giải pháp tác động tích cực cũng như ngăn chặn có hiệu quả các tác động bất lợi của VSV nhằm nâng cao độ phì nhiêu và năng suất cây trồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		ngiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
58	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Nông hoá	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại phân bón sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Nắm được những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn khi sử dụng các loại phân bón cho cây trồng. Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

60	Quản lý nguồn gen cây trồng	Giúp người học có được những kiến thức cơ bản để nhận thức đúng về nguồn gen thực vật nói chung và nguồn gen cây trồng nói riêng; Người học có thể sử dụng những hiểu biết của bản thân về mặt pháp lý và kỹ thuật để khai thác, sử dụng và quản lý nguồn gen cây trồng để phục vụ cho công tác chọn tạo giống và bảo tồn nguồn gen cây trồng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Máy móc thiết bị hiện đại ứng dụng trong nông nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy móc thiết bị hiện đại ứng dụng trong nông nghiệp: khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của việc ứng dụng các loại máy móc thiết bị nông nghiệp công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông sản. Có kỹ năng phân tích, tìm kiếm và khai thác thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc nhóm. Sinh viên có kiến thức về một số mô hình canh tác nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng các loại máy móc thiết bị hiện đại và hệ thống nông nghiệp thông minh tại một số quốc gia trên thế giới như Israel, Mỹ, Hà Lan,... Qua đó nhận thức được vai trò của máy móc thiết bị hiện đại trong chiến lược phát triển hệ thống nông nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Hệ thống nông nghiệp thông minh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống nông nghiệp thông minh: khái niệm, các yếu tố cấu thành hệ thống và ứng dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp, từ đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng ứng dụng của	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		nông nghiệp thông minh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam Có kỹ năng phân tích, tìm kiếm và khai thác thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc nhóm. Sinh viên có khả năng phân tích và định hướng ứng dụng hệ thống nông nghiệp thông minh trước biến đổi khí hậu trong việc quản lý các nguồn tài nguyên nước, đất, ... Có kỹ năng thực hành tại phòng thí nghiệm: thiết lập quy trình và vận hành một hệ thống nông nghiệp thông minh ở nhà màng.			
63	Kinh tế nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Vị trí, vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; Hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam; Các nguồn lực trong việc tăng trưởng và phát triển kinh tế nông nghiệp và Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Kinh tế học cung – cầu và sự mất cân bằng cung – cầu thị trường nông nghiệp; Phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch và bảo quản nông sản		2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

65	Công nghệ và enzyme protein	Học phần cung cấp kiến thức chung về cấu tạo, tính chất protein, enzyme; các phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc thu nhận protein, enzyme từ các sản phẩm nông nghiệp (thực vật, phế phụ phẩm nông nghiệp). Nâng cao tinh thần và khả năng tự học. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu. Sinh viên có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thu nhận, ứng dụng protein, enzyme từ nguyên liệu thực vật.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Quản lý sâu bệnh hại nông nghiệp	Cung cấp kiến thức cơ bản về tác hại của sâu bệnh hại cây trồng và các nhóm sâu bệnh hại phổ biến hại cây trồng. Cung cấp kiến thức về nhận diện chuẩn đoán, đặc điểm sinh học, quy luật phát sinh và phát triển của một số loài sâu bệnh hại trên một số cây trồng phổ biến. Cung cấp cách thức vận dụng sáng tạo những kiến thức về đặc điểm hình thái, triệu chứng gây hại và đặc điểm sinh học để điều tra phát hiện, đánh giá mức độ gây hại của các loài sâu bệnh gây hại chủ yếu trên một số cây trồng phổ biến tại Tây Nguyên.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Sinh lý tính chống chịu của thực vật	Giúp cho người học hiểu được những kiến thức khái quát về stress ở thực vật. Làm rõ tính chống chịu của thực vật với các yếu tố vô sinh và hữu sinh. Nêu ra các biện pháp giảm thiểu tác hại của stress trong thực tế sản xuất.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

68	Ứng dụng vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp bền vững	Sinh viên hiểu được khái niệm về sự trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể thực vật Sinh viên hiểu được cấu tạo và tính chất của Protein, lipid, glucid, Carbonhydrate, acid Nucleotide trong các cơ quan khác nhau của thực vật Hiểu được quá trình sinh tổng hợp và chuyển hóa của các chất như Protein, glucid, lipid, vitamin, Acid nucleotide trong chu kỳ sống của thực vật Vận dụng được các kiến thức về hóa sinh để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng kháng bệnh của cây trồng	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Nông nghiệp hữu cơ	Có kiến thức khái quát về nông nghiệp hữu cơ và hiểu được khái niệm về nông nghiệp hữu cơ, cơ sở khoa học của nông nghiệp hữu cơ và thực trạng của nông nghiệp hữu cơ để vận dụng trong thực tế. Có những kiến thức về kết cấu đất, hệ vi sinh vật đất, chất hữu cơ, mùn và làm đất trong nông nghiệp hữu cơ và có kỹ năng vận dụng các kiến thức trên trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp vào thực tế sản xuất ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Có kiến thức cơ bản về sử dụng phân bón trong nông nghiệp (phân hữu cơ, phân vô cơ) và kỹ năng sử dụng các loại phân bón trên trong sản xuất nông nghiệp sản xuất hữu tại Việt Nam. Có kiến thức và kỹ năng áp dụng các kỹ thuật canh tác nông nghiệp hữu cơ cho một số cây ngắn ngày, cây ăn quả và cây công nghiệp cũng như nguyên lý cơ bản về bảo vệ thực vật trong	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.			
70	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	Có hiểu biết về giá trị dinh dưỡng và hiện trạng cây ăn quả; Có thể phân loại được các loại cây ăn quả và sự phân bố của cây ăn quả ở Việt Nam. Có những hiểu biết về tầm quan trọng của việc xây dựng vườn ươm cây ăn quả; có kỹ năng áp dụng được các phương pháp nhân giống cây ăn quả phổ biến hiện nay tại Việt Nam. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống dưa hiện có tại Việt Nam; Có thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây dưa tại Tây Nguyên. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống bơ hiện có tại Việt Nam; Có thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây bơ tại Tây Nguyên. Có kiến thức cơ bản để phân biệt được nguồn gốc, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái các giống sầu riêng hiện có tại Việt Nam; Có thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và sâu bệnh hại cây sầu riêng tại Tây Nguyên.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp		2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
72	TTGT Ứng dụng công nghệ cao trong canh tác cây công nghiệp, cây ăn quả		3	Học kỳ 7	Báo cáo thực tập: 100%
73	Công nghệ trồng cây trong nhà có mái che	Sinh viên nắm được cấu trúc nhà có mái che và phương pháp vận hành nhà lưới và các kiến thức về quy trình sản xuất các loại cây rau, hoa trong điều kiện có mái che Sinh viên thao tác cơ bản được một số kỹ thuật về lắp đặt thiết bị và vận hành hệ thống chăm sóc trong nhà có mái che. Có khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề cơ bản gặp phải khi trồng cây trong nhà có mái che	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Kỹ thuật tạo giống cây trồng		3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

					Thi kết thúc học phần: 70%
76	Ứng dụng công nghệ cao trong trồng nấm ăn	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, giá trị của nấm trồng, tình hình sản xuất và tiêu thụ nấm trồng, xu hướng phát triển của nghề trồng nấm. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các đặc điểm sinh lý, sinh thái của nấm trồng để có thể luận giải được các biện pháp kỹ thuật tác động trong quá trình trồng và chăm sóc nấm. Trang bị cho sinh viên quy trình và các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nấm trồng. Hướng dẫn sinh viên thực hiện các thao tác cơ bản trong quá trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nấm trồng. Truyền cảm hứng yêu nghề, ý thức trách nhiệm với bản thân, tập thể và công việc; nâng cao tinh thần tự giác, tự học, và sáng tạo.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; Các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện; những hiểu biết cơ bản về thực hành nông nghiệp tốt; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành sản xuất theo GlobalGAP và VietGAP.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Thực tập Rèn nghề tổng hợp	Vận dụng kiến thức đã học từ các học phần riêng lẻ để tham gia hướng nghiên cứu khoa học nhỏ thuộc lĩnh vực Khoa học Cây trồng, Bảo vệ thực vật, Khoa học đất. Nắm vững các kiến	5	Học kỳ 8	Báo cáo thu hoạch: 100%

		thức thực tế sản xuất, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Thực tập tại phòng thí nghiệm, nhà xưởng cũng như các trang trại và cánh đồng mẫu lớn. Hiểu và biết nguyên lý vận hành thiết bị phân tích và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Giúp sinh viên tiếp cận với các vấn đề thực tế trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, vận hành các kỹ thuật và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về nông nghiệp công nghệ cao. Có kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp và ứng xử tại đơn vị thực tập. Giúp sinh viên định hướng và hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho từng cá nhân. Giúp sinh viên phát huy tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc hiệu quả và khoa học. Có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần tự giác trong công việc. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ giao tiếp đúng mực phù hợp với văn hóa nơi thực tập. Có ý thức học tập, chủ động lên kế hoạch thực tập cho bản thân, luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành được tiếp cận.			
79	Sản xuất thuốc phòng trừ sâu bệnh sinh học		2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

80	Kỹ thuật nhân giống và quản lý vườn ươm		2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Canh tác học và Quản lý cỏ dại	Cung cấp những kiến thức rất cơ bản và cần thiết cho sinh viên về khái niệm cơ cấu cây trồng và các cơ sở khoa học để lựa chọn cơ cấu cây trồng hợp lý cho một cơ sở hoặc một vùng sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển thuận lợi, đem lại lợi ích kinh tế và môi trường cao nhất. Học phần này cũng giúp sinh viên tìm hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về cỏ dại và các đặc điểm của chúng để xây dựng các biện pháp quản lý cỏ dại một cách có hiệu quả.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất độc học nông nghiệp và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng chống các loại dịch hại cây trồng và nông sản trong Nông – Lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo vệ môi trường thiên nhiên.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Chăn nuôi đại cương	Cung cấp kiến thức đại cương về khoa học cơ sở ngành chăn nuôi (giống vật nuôi, sinh lý động vật, dinh dưỡng động vật); Cung cấp kiến thức đại cương về kỹ thuật chăn nuôi động vật nông nghiệp (trâu, bò, heo và gia cầm) Rèn luyện kỹ năng thực hành mổ khảo sát, lập khẩu phần và sản xuất thức ăn hỗn hợp.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành...			
84	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
86	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
87	Quản lý dịch hại tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp hay phòng trừ tổng hợp (IPM), trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện biện pháp IPM trên một loại cây trồng ở một vùng sinh thái nông nghiệp nhất định vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
88	Sản xuất phân hữu cơ từ phế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân hữu cơ sinh học, những quy định về điều kiện sản xuất phân hữu cơ sinh học và quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phụ phế phẩm nông nghiệp, từ đó nhận thức được tầm quan	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30%

	phẩm nông nghiệp	trọng, tiềm năng và khả năng ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp. Sinh viên có kỹ năng tìm kiếm, khai thác và vận dụng thông tin về những kiến thức liên quan đến học phần. Có kỹ năng làm việc theo nhóm. Có kỹ năng thực hành tại phòng thí nghiệm: nắm vững quy trình và tiến hành ủ một loại phân hữu cơ sinh học từ các nguồn phụ phế phẩm nông nghiệp.			Thi kết thúc học phần: 70%
89	Các hợp chất thứ cấp và ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hợp chất thứ cấp (hợp chất biến dưỡng) có nguồn gốc thiên nhiên, được sinh tổng hợp từ thực vật, được trích ly, cô lập và sàng lọc các hoạt tính sinh học định hướng ứng dụng trong nông nghiệp, thực phẩm, dược phẩm, ... Từ học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tính chất sinh học, hóa học và phương pháp cô lập, phân tích để xác định cấu trúc, để ứng dụng chất trong thực tế, góp phần với các học phần khác trong chương trình đào tạo giúp người học có kỹ năng thực nghiệm tốt và áp dụng thành tựu hóa học, sinh học vào các mặt khác nhau của đời sống đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Hiểu biết được đặc điểm thực vật để nhận thức cây thuốc, thành phần hóa học chính và hàm lượng, bộ phận dùng, công dụng, phát triển ứng dụng các hoạt chất sinh học từ nguồn gốc thực vật.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Có kỹ năng thực hành tốt, sử dụng được một số thiết bị phân tích hiện đại trong nghiên cứu các hoạt tính sinh học cơ bản; Có khả năng tiếp cận được với các kiến thức về phương pháp phân tích và xác định cấu trúc hiện đại trong ngành hóa.			
90	Điều hòa sinh trưởng thực vật	Giúp cho người học hiểu được lịch sử phát triển của chất điều hòa sinh trưởng thực vật, những thành tựu và triển vọng phát triển của chúng. Giúp cho người học hiểu được về cấu tạo hoá học, vai trò sinh học, cơ chế tác dụng của các chất điều hòa sinh trưởng thực vật. Người học cần nắm rõ vai trò của chất điều hòa sinh trưởng trong sinh trưởng và phát triển, sinh sản, quang hợp của thực vật và ứng dụng của nó. Giúp cho người học hiểu rõ nguyên lý và ứng dụng được chất điều hòa sinh trưởng thực vật trong thực tiễn.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
91	Tương tác giữa thực vật và vi sinh vật		2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
92	Điều hòa tính kháng thực vật		2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

2. Khoa Kinh tế

2.1. Các môn học của ngành Kinh tế nông nghiệp khóa 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
2.	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi

		nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			cuối kì ≥70%
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đề xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
6.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.			
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
8.	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lý học như: Quan niệm về tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình tâm lý như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
9.	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.			
10.	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	Học phần Soạn thảo văn bản và hợp đồng là học phần nhằm trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức về thể thức, quy trình và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, quản trị doanh nghiệp, hợp đồng; giúp sinh viên hiểu biết về phong cách ngôn ngữ để có thể soạn thảo các loại văn bản vừa đúng thể thức vừa chuẩn mực về phong cách ngôn ngữ. Qua việc soạn thảo các loại văn bản đảm bảo nhu cầu soạn thảo trong hoạt động hành chính; tránh rủi ro trong quá trình soạn thảo hợp đồng, bảo đảm những lợi ích mà các bên tham gia hợp đồng mong muốn đạt được khi ký kết hợp đồng sẽ có hiệu lực thực thi trên thực tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như: Những vấn đề chung về văn bản; Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; Soạn thảo văn bản hành chính; Soạn thảo văn bản quản trị doanh nghiệp; Soạn thảo văn bản hợp đồng.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11.	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lí thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

12.	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
13.	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
14.	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề	3	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

		đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.			cuối kì ≥70%
15.	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
16.	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
17.	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp,	3	HK4	Điểm tích lũy

		từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			<=30%, điểm thi cuối kì >=70%
18.	Toán cao cấp cho kinh tế	Toán học đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu các vấn đề của kinh tế. Học phần Toán cao cấp cho kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm riêng và vi phân của hàm nhiều biến, cực trị của hàm một biến, cực trị của hàm nhiều biến, ứng dụng của toán học vào việc phân tích quá trình và ra quyết định trong kinh tế, quản lý, ... Học phần này còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, ứng dụng vào nghiên cứu một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Thông qua việc học toán cao cấp sinh viên có thể học tốt các học phần cho chuyên ngành kinh tế như Quy hoạch tuyến tính, Toán kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng,...	2	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
19.	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các	2	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

		phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.			
20.	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
21.	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
22.	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
23.	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

		triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.			cuối kì ≥70%
24.	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
25.	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
26.	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế	1	HK2	Điểm tích lũy

		giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			<=30%, điểm thi cuối kì >=70%
27.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
28.	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
29.	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao	1	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

		trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thể hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.			
30.	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
31.	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
32.	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.			
33.	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
34.	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
35.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

		những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			cuối kì ≥70%
36.	Kinh tế vi mô 1	Học phần Kinh tế vi mô 1 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với các ngành học thuộc khối kinh tế nói chung. Học phần giới thiệu cho người học các nguyên lý cơ bản của kinh tế học cơ bản và ứng dụng vào thực tiễn hiện nay của xã hội. Nội dung cụ thể bao gồm: Các vấn đề cơ bản của kinh tế học; Lý thuyết cầu cung và một số vận dụng; Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; Lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp; Lý thuyết về chi phí sản xuất và quyết định lựa chọn của doanh nghiệp; Lý thuyết về các cấu trúc thị trường.	3	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
37.	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần Kinh tế Vĩ mô 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cụ thể nó nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như: lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng GDP, cán cân thương mại, cán cân thanh toán..... và cơ chế vận hành của các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô mà Nhà nước sử dụng để điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
38.	Nguyên lý thống kê	Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng các phương pháp cụ thể như phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số bình quân, mode, số trung vị, điều tra chọn mẫu, hồi quy tương quan, dãy số biến động theo thời gian, điều tra chọn mẫu.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
39.	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

		trường. Sau khi học xong học phần này người học có khả năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực marketing trong các doanh nghiệp và các hoạt động xã hội. Trước hết người học hiểu được bản chất của marketing thông qua một số khái niệm liên quan đến Marketing; Bên cạnh đó nó giúp người học biết cách phân tích môi trường marketing, hiểu rõ hành vi khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu. Từ đó có thể hiểu và biết cách phân tích, vận dụng triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: Sản phẩm, Giá, Phân phối, Xúc tiến.			cuối kì ≥70%
40.	Luật kinh tế	Học phần Luật Kinh tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các khối ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế của các chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến các nội dung chính bao gồm: Những vấn đề chung về Luật kinh tế; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về phá sản; Pháp luật về cạnh tranh; Pháp luật về hợp đồng kinh doanh - thương mại; Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại	3	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
41.	Quản trị học	Quản trị học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các ngành thuộc Khoa Kinh tế bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
42.	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế, và là học phần cơ sở của ngành Kế toán và Kế toán kiểm toán. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về nguyên lý cơ bản về kế toán trong ngành kế toán và kế toán kiểm toán và vận dụng vào thực tiễn công tác kế toán Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về Kế toán;	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Chứng từ kế toán và kiểm kê; Tài khoản kế toán và phương pháp kế toán kép; Tính giá các đối tượng kế toán; Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán; Sổ kế toán và các hình thức kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu.			
43.	Tài chính - tiền tệ	Học phần Tài chính tiền tệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những vấn đề lí luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: những lí luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, thị trường tài chính, tài chính quốc tế. Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
44.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Suy luận khoa học; Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế; Phương pháp tiến hành khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp đại học	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
45.	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt nam	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
46.	Toán kinh tế	Học phần Toán kinh tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, kế toán và Kinh tế. Học phần Toán kinh tế là học phần thuộc cơ sở ngành, nó có vai trò trong việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

		kinh tế. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu về mô hình toán kinh tế; Tối ưu hoá sản xuất và tiêu dùng; Bài toán QHTT; Bài toán vận tải.			cuối kì ≥70%
47.	Địa lý kinh tế Việt Nam	Học phần Địa lý kinh tế Việt Nam là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này cung cấp những lý luận cơ bản về phân bố sản xuất, phân vùng kinh tế và quy hoạch vùng; những vấn đề về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam - lý luận và thực tiễn phát triển các ngành và các vùng kinh tế của Việt Nam. Đây là học phần trang bị kiến thức tổng hợp và căn bản để người học có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
48.	Kinh tế đối ngoại	Học phần Kinh tế đối ngoại là học phần tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò và vị trí của kinh tế đối ngoại trong nền kinh tế chung mỗi quốc gia. Sinh viên sẽ tiếp cận, tìm hiểu các nội dung chính trong học phần bao gồm: Những vấn đề cơ bản của kinh tế thế giới liên quan tới đặc điểm, liên kết kinh tế - thương mại quốc tế. Và những vấn đề hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và di chuyển quốc tế sức lao động. Đồng thời những quan điểm, đường lối, nguyên tắc và các chính sách phát triển kinh tế đối ngoại Việt Nam, quá trình hội nhập của Việt Nam	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
49.	Kinh tế phát triển	Học phần Kinh tế phát triển là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Nghèo và bất bình đẳng trong phát triển kinh tế; Tri thức với phát triển kinh tế; Toàn cầu hóa với phát triển kinh tế	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
50.	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Môn học giới thiệu tổng quan những vấn đề cơ bản của kinh tế tài nguyên môi trường, công cụ phân tích kinh tế, các phương pháp định giá môi trường cũng như vai trò của kinh tế trong việc xây dựng chính	3	HK6	Điểm tích lũy ≤30%,

		sách, ra các quyết định liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên môi trường. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về môi trường và phát triển kinh tế; Kinh tế học phúc lợi; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế môi trường; Các phương pháp định giá môi trường; Các công cụ quản lý Kinh tế.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
51.	Kinh tế vi mô 2	Học phần kinh tế vi mô 2 là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên theo học Ngành kinh tế và Kinh tế nông nghiệp. Đây là sự tiếp nối của học phần kinh tế vi mô 1 và nhấn mạnh vào tính ứng dụng của các lý thuyết. Nội dung cụ thể bao gồm: Vận dụng lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh; Lý thuyết về cân bằng tổng quát và hiệu kinh tế; Lý thuyết về thị trường với thông tin bất cân xứng; Lý thuyết về vấn đề ngoại tác và hàng hoá công cộng	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52.	Kinh tế vĩ mô 2	Học phần Kinh tế vĩ mô 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế trong đó các mô hình về hàng hóa, tiền tệ, thị trường lao động; mối quan hệ kinh tế vĩ mô như tiêu dùng, đầu tư, cung và cầu về tiền tệ và lao động; quan hệ giữa lạm phát, thất nghiệp; tỷ giá hối đoái và nền kinh tế mở; lý thuyết về tăng trưởng và những chính sách kinh tế vĩ mô gần đây của Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Mô hình kinh tế và các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản; Tăng trưởng kinh tế; Mô hình tổng cầu, tổng cung theo giá và đường Phillips; Nền kinh tế mở trong ngắn hạn; Tiêu dùng; Mối quan hệ giữa lạm phát, thất nghiệp với tăng trưởng kinh tế	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53.	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ. Từ mục đích nghiên cứu, nội dung của môn học chia thành ba nội dung lớn: Phần thứ nhất: Các học thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế; Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

54.	Kinh tế nguồn nhân lực	Kinh tế nguồn nhân lực là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế hệ đại học. Học phần này tập trung nghiên cứu các học thuyết và mô hình về chính sách quản lý nguồn nhân lực; Các phương pháp xác định nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực; Nghiên cứu về thị trường lao động; Năng suất lao động và vấn đề trả công lao động cũng như tìm hiểu về một số vấn đề xã hội như việc làm và thất nghiệp. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về Kinh tế nguồn nhân lực; Dân số và nguồn nhân lực; Thị trường lao động; Năng suất lao động; Tiền lương; Việc làm và thất nghiệp	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
55.	Quản trị nhân sự	Quản trị nguồn nhân lực là một trong những học phần tự chọn đối với sinh viên thuộc chuyên ngành Kinh tế và Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo - phát triển nhân viên, phát triển nghề nghiệp, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên và một số kiến thức về quan hệ lao động trong một doanh nghiệp.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
56.	Kinh tế công cộng	Học phần Kinh tế công cộng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học khu vực công cộng và vận dụng vào việc phân tích, đánh giá và chọn lựa phương án chính sách để thực hiện trong tiền trên cơ sở tối ưu lợi ích xã hội. Các nội dung cụ thể bao gồm: Vai trò của khu vực công trong nền kinh tế; Hàng hóa công cộng và tác động ngoại vi; Một số chương trình chi tiêu công cộng; Lựa chọn công cộng; Thuế trong nền kinh tế thị trường	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
57.	Thống kê nông nghiệp	Học phần Thống kê Nông nghiệp là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 6 chương với các nội dung về đối tượng và phương pháp của Thống kê nông nghiệp; Thống kê các yếu tố của quá trình sản xuất nông nghiệp; Thống kê sản xuất ngành trồng trọt; Thống kê sản xuất ngành chăn nuôi; Thống kê kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Thống kê các ngành sản xuất khác và thống kê đời	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		sống nông dân. Học phần này là nền tảng cho nghiên cứu các môn học chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế nông nghiệp và là kiến thức nền cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp			
58.	Thống kê kinh tế	Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 5 chương với các nội dung về đối tượng nghiên cứu và phân tổ trong thống kê kinh tế, thống kê dân số và nguồn lao động, thống kê của cải quốc dân, hệ thống chỉ tiêu thống kê sản lượng quốc dân, hệ thống tài khoản quốc gia (SNA). Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu các môn học chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59.	Kinh tế nông nghiệp	Học phần Kinh tế nông nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học ngành nông nghiệp và vận dụng vào thực tiễn phát triển nông nghiệp Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về đặc thù của ngành nông nghiệp; Kinh tế học các nguồn lực trong nông nghiệp; Lý thuyết sản xuất nông nghiệp; Lý thuyết thị trường nông sản; Quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp. Có kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và vận dụng vào lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý nông nghiệp.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
60.	Tín dụng nông thôn	Học phần tín dụng nông thôn trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về các loại hình tín dụng trong nông thôn, quy mô hình thức hoạt động của các tổ chức tín dụng ở nông thôn; Thị trường tín dụng nông thôn cơ sở pháp lý và những chính sách dành cho nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn hiện nay. Học phần này giúp sinh viên có những	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hiểu biết về các dự án trong nông nghiệp nông thôn cách lập và thẩm định một vài chỉ tiêu cơ bản trong các dự án phát triển nông thôn			
61.	Tài chính công	Học phần Tài chính công là học phần tự chọn, bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, Kế toán, và Kiểm toán. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về Khu vực công và tài chính công. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khu vực công và tài chính công; Hiệu quả và công bằng xã hội; Hàng hoá công và chi tiêu công; Thuế; Ngân sách nhà nước.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62.	Thị trường nông sản	Môn Thị trường nông sản cung cấp các kiến thức căn bản về tổ chức thị trường; Phân tích các khái niệm đặc thù của thị trường nông sản tại Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung, các lý thuyết về thị trường nông sản như: Cân bằng và phát triển thị trường nông sản; Môn học còn giới thiệu các khái niệm mới trong nghiên cứu phát triển thị trường nông sản như: Phân tích ngành hàng, chuỗi giá trị và liên kết phát triển thị trường, phương pháp đánh giá nhanh thị trường	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
63.	Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp	Học Quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Khoa học về kế hoạch hóa dự án, viết đề án dự án, quản lý dự án và đánh giá dự án và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
64.	Xây dựng dự án phát triển nông thôn	Học Xây dựng Dự án phát triển nông thôn là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Khoa học về kế hoạch hóa dự án, viết đề án dự án, quản lý dự án và đánh giá dự án và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
65.	Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	Môn học Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp làm cơ sở hỗ trợ kiến thức cho các môn học: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn; cung cấp cho sinh viên khả năng xây dựng phương án quy	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi

		hoạch phát triển và lập dự án phát triển nông thôn đối với một địa phương cụ thể. Học phần gồm 5 chương, trước mỗi chương có đề ra mục tiêu và sau đó là câu hỏi ôn tập để sinh viên có thể nắm bắt được tốt hơn nội dung môn học, cụ thể, chương 1, 2 cung cấp kiến thức cho sinh viên về cơ sở lý luận của quy hoạch phát triển nông thôn; chương 3 cung cấp cho sinh viên kỹ năng lập quy hoạch phát triển nông thôn; chương 4 hướng dẫn sinh viên các bước tiến hành lập dự án			cuối kì ≥70%
66.	Hệ thống định vị toàn cầu	Môn học hệ thống định vị toàn cầu trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai là môn học bổ trợ cung cấp thêm cho sinh viên ngành quản lý đất đai kiến thức cơ bản đo đạc bằng công nghệ vệ tinh và ứng dụng của nó đối với đo đạc thành lập bản đồ cũng như khả năng ứng dụng của công nghệ GPS trong đời sống hàng ngày. Học phần gồm 3 chương, trước mỗi chương có đề ra mục tiêu và sau đó là câu hỏi ôn tập để sinh viên có thể nắm bắt được tốt hơn nội dung môn học, cụ thể, chương 1 cung cấp kiến thức cho sinh viên về cơ sở của đo đạc vệ tinh; Chương 2 giới thiệu về hệ thống định vị toàn cầu; Chương 3 cung cấp kiến thức về các nguyên lý định vị bằng GPS; Chương 4 hướng dẫn sinh viên ứng dụng công nghệ GPS trong đo đạc thành lập bản đồ.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
67.	Chính sách nông nghiệp	Học phần Chính sách nông nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò và đặc điểm của chính sách nông nghiệp, quá trình hoạch định, tổ chức thực thi và các chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn. Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản về chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn cụ thể là: Ý nghĩa, vai trò và đặc điểm của chính sách đối với nông nghiệp nông thôn; Quá trình hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách; Các nhóm chính sách nông nghiệp, nông thôn trên thế giới và các chính sách nông nghiệp nông thôn đang được thực thi ở Việt Nam.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
68.	Phát triển nông thôn	Học phần Phát triển nông thôn là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này cung cấp những khái niệm và lý thuyết cơ bản	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%,

		về phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn, quy hoạch phát triển nông thôn, kinh tế hộ nông dân và trang trại. Sinh viên được trang bị các kiến thức liên quan đến kinh tế nông thôn, kinh tế hộ, kinh tế trang trại, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ, môi trường nông thôn, vai trò của thể chế và các tổ chức phát triển nông thôn, và quy hoạch phát triển nông thôn. Hệ thống hoá các khái niệm về nông hộ, nông thôn thực trạng phát triển kinh tế nông hộ, kinh tế nông thôn của Việt Nam.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69.	Trồng trọt đại cương	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như: Thổ nhưỡng, Nông hóa, Canh tác, Chọn giống, Phòng trừ sâu bệnh, cỏ dại, ... cho sinh viên không phải ngành trồng trọt như: Quản lý đất đai, Lâm nghiệp, Quản lý Tài nguyên rừng, Chăn nuôi-Thú y, Sư phạm sinh kỹ thuật Nông Lâm, Kinh tế Nông Lâm, Công nghệ sau thu hoạch hiểu rõ mối quan hệ giữa điều kiện ngoại cảnh với cây trồng và những nguyên lý ứng dụng để bảo vệ, duy trì độ phì đất nhưng vẫn tăng năng suất và sản lượng cây trồng	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
70.	Chăn nuôi đại cương	Học phần cung cấp kiến thức bổ trợ cho sinh viên ngành kinh tế nông nghiệp, nhằm cung cấp kiến thức đại cương về một chuyên ngành trong sản xuất nông nghiệp là ngành chăn nuôi. Nội dung chính của học phần: 1) trang bị tổng quan kiến thức cơ sở của ngành chăn nuôi bao gồm đại cương về di truyền giống động vật, sinh lý động vật, dinh dưỡng động vật, 2) Trang bị tổng quan về kỹ thuật chăn nuôi một số đối tượng chính bao gồm chăn nuôi trâu bò, heo và gia cầm	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71.	Khuyến nông	Học phần cung cấp kiến thức bổ trợ cho sinh viên ngành kinh tế nông nghiệp, nhằm cung cấp kiến thức đại cương về một chuyên ngành trong sản xuất nông nghiệp là ngành chăn nuôi. Nội dung chính của học phần: 1) trang bị tổng quan kiến thức cơ sở của ngành chăn nuôi bao gồm đại cương về di truyền giống động vật, sinh lý động vật, dinh dưỡng động vật, 2) Trang bị tổng quan về kỹ thuật chăn nuôi một số đối tượng chính bao gồm chăn nuôi trâu bò, heo và gia cầm	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72.	Kinh tế đất	Học phần Kinh tế đất là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên đất, cơ sở và phương pháp nghiên	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

		cứu kinh tế đất cũng như đánh giá hiệu quả sử dụng đất. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về Đại cương về kinh tế Tài nguyên đất; Cơ sở khoa học nghiên cứu kinh tế đất; Phương pháp nghiên cứu kinh tế đất; Đánh giá hiệu quả sử dụng đất.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
73.	Lâm nghiệp xã hội	Nghiên cứu môn học LNXH sẽ giúp sinh viên có những kiến thức, kỹ năng và thái độ LNXH để họ có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn sau này. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và phương pháp tiếp cận LNXH đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học liên quan như: Quản lý dự án LNXH, khuyến nông, nông lâm kết hợp và các môn học khác. Môn học giúp người học có cách nhìn tổng quan, hệ thống về các yếu tố tác động đến phát triển lâm nghiệp; nhìn nhận sự việc trong sự vận động, phát triển; phát triển lâm nghiệp dựa trên sự tác động tương hỗ giữa con người với môi trường trong một bối cảnh cụ thể, dựa trên nền tảng của hệ sinh thái nhân văn; một số vấn đề trong phát triển lâm nghiệp hiện nay; phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong từng hoạt động LNXH cụ thể.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
74.	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNĐC, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Nghiên cứu môn học LNĐC sẽ giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp, các tiến trình xảy ra trong rừng, một số giải pháp kỹ thuật lâm sinh chủ yếu, phù trợ cho kiến thức nhóm ngành và kiến thức chuyên ngành đã được học để có cái nhìn tổng quát về nông - lâm nghiệp. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam. Môn học còn giúp cho người học có khả năng thích ứng và làm tốt công việc theo đúng chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và có thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với lâm nghiệp sau khi ra trường.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Học phần Lâm nghiệp đại cương là học phần tự chọn, thuộc nhóm các học phần bổ trợ trong chương trình đào tạo của các ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn đặc biệt là các ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý đất đai và Kinh tế nông nghiệp. Vì vậy, học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho người học là sinh viên tham gia theo học các ngành bậc đại học tại khoa Nông Lâm nghiệp, khoa Kinh tế... của Trường Đại học Tây Nguyên; Cung cấp cho các cán bộ chuyên môn, các nhà quản lý và tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp nước ta nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng			
75.	Thực tập nghề nghiệp	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức thực tế cho sinh viên liên quan đến các lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn tại đơn vị được thực tập.	4	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
76.	Khóa luận tốt nghiệp	Thực hiện một chuyên đề tốt nghiệp phù hợp với ngành học hoặc gần ngành học dưới sự hướng dẫn của giáo viên được phân công; Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học; Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn. Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên; Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu	10	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
77.	Chuyên đề tốt nghiệp	Thực hiện một chuyên đề tốt nghiệp phù hợp với ngành học hoặc gần ngành học dưới sự hướng dẫn của giáo viên được phân công ;Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học; Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn.	4	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên; Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu			
78.	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng là học phần tự chọn trong nhóm học phần hỗ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản và tổng hợp về phát triển cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn bao gồm: vai trò của lãnh đạo cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp. Đồng thời, học phần này cũng trang bị các kỹ năng cần thiết cho công tác phát triển cộng đồng như các phương pháp tiếp cận cộng đồng, các phương pháp huy động sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
79.	Quản lý công	Học phần Quản lý công là học phần tự chọn trong nhóm học phần hỗ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về những kiến thức cơ bản về quản lý công, các cách tiếp cận trong quản lý công hiện nay cũng như liên hệ với thực trạng quản lý công ở Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về khu vực công và quản lý khu vực công; Quản lý hành chính công; Quản lý dịch vụ công; Quản lý tài chính công	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
80.	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	Học phần chương trình phát triển kinh tế - xã hội là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này được bố trí vào học kỳ cuối và dành cho các sinh viên thực hiện chuyên đề tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận và kiến thức thực tiễn về chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về chương trình phát triển kinh tế	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		- xã hội; Xây dựng và thẩm định chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Quản lý, giám sát và đánh giá chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam			
81.	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH là một trong những học phần tự chọn trong nhóm học phần bổ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần gồm những kiến thức về khái niệm quy hoạch và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; vai trò và nhiệm vụ của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quan điểm cơ bản của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; nguyên tắc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; căn cứ của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; yêu cầu của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; mối quan hệ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với một số loại hình quy hoạch khác; nội dung của quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH; căn cứ, nội dung và trình tự lập quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH các cấp và các ngành, lĩnh vực; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, công tác quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH. Đây là học phần làm nền tảng để sinh viên ngành Quản lý đất đai học các học phần tiếp theo đó là Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch sử dụng đất đô thị và điểm dân cư nông thôn, Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
82.	Quản lý hành chính nhà nước về đất đai	Học phần “Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai” là một trong những học phần tự chọn trong nhóm học phần bổ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này có mục đích không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành học, những quy định của Nhà nước trong công tác quản lý đất đai mà còn rèn luyện cho sinh viên về thái độ làm việc sau khi ra trường, thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của một cán bộ quản lý về lĩnh vực đất đai với hy vọng đặt một nền tảng về lý tưởng sống để phục vụ xã hội ngày càng tốt đẹp và văn minh. Học phần gồm 5 chương, trước mỗi chương có đề ra mục tiêu và sau đó là	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		câu hỏi ôn tập để sinh viên có thể nắm bắt được tốt hơn nội dung môn học, cụ thể, chương 1 sẽ tổng quan về quản lý hành chính Nhà nước về đất đai; chương 2 giới thiệu bộ máy quản lý hành chính Nhà nước về đất đai; chương 3 hướng dẫn kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; chương 4 trình bày chi tiết 15 nội dung quản lý hành chính Nhà nước về đất đai; và chương 5 sơ lược những quy định trong quản lý và sử dụng một số loại đất			

2.2. Các môn học của ngành Kinh tế khóa 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
2.	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin .	2	HK4	Điểm tích lũy <=30%, điểm

		Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			thi cuối kì ≥70%
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.			
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
8.	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lý học như: Quan niệm về tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình tâm lý như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.			
9.	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
10.	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	Học phần Soạn thảo văn bản và hợp đồng là học phần nhằm trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức về thể thức, quy trình và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, quản trị doanh nghiệp, hợp đồng; giúp sinh viên hiểu biết về phong cách ngôn ngữ để có thể soạn thảo các loại văn bản vừa đúng thể thức vừa chuẩn mực về phong cách ngôn ngữ. Qua việc soạn thảo các loại văn bản đảm bảo nhu cầu soạn thảo trong hoạt động hành chính; tránh rủi ro trong quá trình soạn thảo hợp đồng, bảo đảm những lợi ích mà các bên tham gia hợp đồng mong muốn đạt được khi ký kết hợp đồng sẽ có hiệu lực thực thi trên thực tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như: Những vấn đề chung	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		về văn bản; Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; Soạn thảo văn bản hành chính; Soạn thảo văn bản quản trị doanh nghiệp; Soạn thảo văn bản hợp đồng.			
11.	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
12.	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.			
13.	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành			
14.	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
15.	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

16.	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
17.	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
18.	Toán cao cấp cho kinh tế	Toán học đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu các vấn đề của kinh tế. Học phần Toán cao cấp cho kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm riêng và vi phân của hàm nhiều biến, cực trị của hàm một biến, cực trị của hàm nhiều biến, ứng dụng của toán học vào việc phân tích quá trình và ra quyết định trong kinh tế, quản lý, ... Học phần này còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, ứng dụng vào nghiên cứu một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Thông qua việc học toán cao cấp sinh viên có thể học tốt các học phần cho chuyên ngành kinh tế như Quy hoạch tuyến tính, Toán kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng,...	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
19.	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.			thi cuối kì ≥70%
20.	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
21.	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
22.	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			
23.	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
24.	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		tác, kĩ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
25.	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
26.	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			
27.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
28.	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29.	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nắm được một số động tác, kĩ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.			
30.	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
31.	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

32.	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
33.	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam			
34.	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			
36.	Kinh tế vi mô 1	Học phần Kinh tế vi mô 1 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với các ngành học thuộc khối kinh tế nói chung. Học phần giới thiệu cho người học các nguyên lý cơ bản của kinh tế học cơ bản và ứng dụng vào thực tiễn hiện nay của xã hội. Nội dung cụ thể bao gồm: Các vấn đề cơ bản của kinh tế học; Lý thuyết cầu cung và một số vận dụng; Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; Lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp; Lý thuyết về chi phí sản xuất và quyết định lựa chọn của doanh nghiệp; Lý thuyết về các cấu trúc thị trường.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37.	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần Kinh tế Vĩ mô 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cụ thể nó nghiên cứu các biến số kinh tế vĩ mô như: lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng GDP, cán cân thương mại, cán cân thanh toán..... và cơ chế vận hành của các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô mà Nhà nước sử dụng để điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn.	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38.	Nguyên lý thống kê	Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng các phương pháp cụ thể như phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số bình quân, mode, số trung vị, điều tra chọn mẫu, hồi quy tương quan, dãy số biến động theo thời gian, điều tra chọn mẫu.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

39.	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường. Sau khi học xong học phần này người học có khả năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực marketing trong các doanh nghiệp và các hoạt động xã hội. Trước hết người học hiểu được bản chất của marketing thông qua một số khái niệm liên quan đến Marketing; Bên cạnh đó nó giúp người học biết cách phân tích môi trường marketing, hiểu rõ hành vi khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu. Từ đó có thể hiểu và biết cách phân tích, vận dụng triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: Sản phẩm, Giá, Phân phối, Xúc tiến.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
40.	Luật kinh tế	Học phần Luật Kinh tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các khối ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế của các chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến các nội dung chính bao gồm: Những vấn đề chung về Luật kinh tế; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về phá sản; Pháp luật về cạnh tranh; Pháp luật về hợp đồng kinh doanh - thương mại; Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại	3	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

41.	Quản trị học	Quản trị học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các ngành thuộc Khoa Kinh tế bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
42.	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế, và là học phần cơ sở của ngành Kế toán và Kế toán kiểm toán. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về nguyên lý cơ bản về kế toán trong ngành kế toán và kế toán kiểm toán và vận dụng vào thực tiễn công tác kế toán Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về Kế toán; Chứng từ kế toán và kiểm kê; Tài khoản kế toán và phương pháp kế toán kép; Tính giá các đối tượng kế toán; Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán; Sổ kế toán và các hình thức kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu.	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
43.	Tài chính - tiền tệ	Học phần Tài chính tiền tệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: những lý luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, thị trường tài chính, tài chính quốc tế. Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		cứu các vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng			
44.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Suy luận khoa học; Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế; Phương pháp tiến hành khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp đại học	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45.	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt nam	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
46.	Toán kinh tế	Học phần Toán kinh tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, kế toán và Kinh tế. Học phần Toán kinh tế là học phần thuộc cơ sở ngành, nó có vai trò trong việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu về mô hình toán kinh tế; Tối ưu hoá sản xuất và tiêu dùng; Bài toán QHTT; Bài toán vận tải.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

47.	Địa lý kinh tế Việt Nam	Học phần Địa lý kinh tế Việt Nam là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này cung cấp những lý luận cơ bản về phân bố sản xuất, phân vùng kinh tế và quy hoạch vùng; những vấn đề về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam - lý luận và thực tiễn phát triển các ngành và các vùng kinh tế của Việt Nam. Đây là học phần trang bị kiến thức tổng hợp và căn bản để người học có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
48.	Kinh tế đối ngoại	Học phần Kinh tế đối ngoại là học phần tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò và vị trí của kinh tế đối ngoại trong nền kinh tế chung mỗi quốc gia. Sinh viên sẽ tiếp cận, tìm hiểu các nội dung chính trong học phần bao gồm: Những vấn đề cơ bản của kinh tế thế giới liên quan tới đặc điểm, liên kết kinh tế - thương mại quốc tế. Và những vấn đề hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và di chuyển quốc tế sức lao động. Đồng thời những quan điểm, đường lối, nguyên tắc và các chính sách phát triển kinh tế đối ngoại Việt Nam, quá trình hội nhập của Việt Nam	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
49.	Kinh tế phát triển	Học phần Kinh tế phát triển là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế Việt	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Nghèo và bất bình đẳng trong phát triển kinh tế; Tri thức với phát triển kinh tế; Toàn cầu hóa với phát triển kinh tế			
50.	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Môn học giới thiệu tổng quan những vấn đề cơ bản của kinh tế tài nguyên môi trường, công cụ phân tích kinh tế, các phương pháp định giá môi trường cũng như vai trò của kinh tế trong việc xây dựng chính sách, ra các quyết định liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên môi trường. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về môi trường và phát triển kinh tế; Kinh tế học phúc lợi; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế môi trường; Các phương pháp định giá môi trường; Các công cụ quản lý Kinh tế.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
51.	Kinh tế vi mô 2	Học phần kinh tế vi mô 2 là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên theo học Ngành kinh tế và Kinh tế nông nghiệp. Đây là sự tiếp nối của học phần kinh tế vi mô 1 và nhấn mạnh vào tính ứng dụng của các lý thuyết. Nội dung cụ thể bao gồm: Vận dụng lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh; Lý thuyết về cân bằng tổng quát và hiệu kinh tế; Lý thuyết về thị trường với thông tin bất cân xứng; Lý thuyết về vấn đề ngoại tác và hàng hoá công cộng	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52.	Kinh tế vĩ mô 2	Học phần Kinh tế vĩ mô 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế trong đó các mô hình về	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hàng hóa, tiền tệ, thị trường lao động; mối quan hệ kinh tế vĩ mô như tiêu dùng, đầu tư, cung và cầu về tiền tệ và lao động; quan hệ giữa lạm phát, thất nghiệp; tỷ giá hối đoái và nền kinh tế mở; lý thuyết về tăng trưởng và những chính sách kinh tế vĩ mô gần đây của Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Mô hình kinh tế và các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản; Tăng trưởng kinh tế; Mô hình tổng cầu, tổng cung theo giá và đường Phillips; Nền kinh tế mở trong ngắn hạn; Tiêu dùng; Mối quan hệ giữa lạm phát, thất nghiệp với tăng trưởng kinh tế			
53.	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ. Từ mục đích nghiên cứu, nội dung của môn học chia thành ba nội dung lớn: Phần thứ nhất: Các học thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế; Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
54.	Kinh tế nguồn nhân lực	Kinh tế nguồn nhân lực là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế hệ đại học. Học phần này tập trung nghiên cứu các học thuyết và mô hình về chính sách quản lý nguồn nhân lực; Các phương pháp xác định nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực; Nghiên cứu về thị trường lao động; Năng suất lao động và vấn đề trả công lao động cũng như tìm hiểu về một số vấn đề xã hội như việc làm và thất nghiệp. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		về Kinh tế nguồn nhân lực; Dân số và nguồn nhân lực; Thị trường lao động; Năng suất lao động; Tiền lương; Việc làm và thất nghiệp			
55.	Quản trị nhân sự	Quản trị nguồn nhân lực là một trong những học phần tự chọn đối với sinh viên thuộc chuyên ngành Kinh tế và Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo - phát triển nhân viên, phát triển nghề nghiệp, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên và một số kiến thức về quan hệ lao động trong một doanh nghiệp.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56.	Kinh tế nông nghiệp	Học phần Kinh tế nông nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học ngành nông nghiệp và vận dụng vào thực tiễn phát triển nông nghiệp Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về đặc thù của ngành nông nghiệp; Kinh tế học các nguồn lực trong nông nghiệp; Lý thuyết sản xuất nông nghiệp; Lý thuyết thị trường nông sản; Quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

57.	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế. Học phần này cung cấp những lý luận cơ bản về: Nền kinh tế thị trường và vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Chức năng và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý quỹ chi ngân sách Nhà nước. Đây là học phần trang bị kiến thức căn bản để người học có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế ngành của nền kinh tế	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
58.	Kinh tế công cộng	Học phần Kinh tế công cộng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học khu vực công cộng và vận dụng vào việc phân tích, đánh giá và chọn lựa phương án chính sách để thực hiện trong tiến trên cơ sở tối ưu lợi ích xã hội. Các nội dung cụ thể bao gồm: Vai trò của khu vực công trong nền kinh tế; Hàng hóa công cộng và tác động ngoại vi; Một số chương trình chi tiêu công cộng; Lựa chọn công cộng; Thuế trong nền kinh tế thị trường	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59.	Tài chính công	Học phần Tài chính công là học phần tự chọn, bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, Kinh tế học, Kế toán, và Kiểm toán. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về Khu vực công và tài chính công. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khu vực công và tài	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		chính công; Hiệu quả và công bằng xã hội; Hàng hoá công và chi tiêu công; Thuế; Ngân sách nhà nước.			
60.	Thống kê doanh nghiệp	Học phần trang bị cho người học gồm một số nội dung chính sau đây: Thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Thống kê giá thành sản xuất và hiệu quả hoạt động sản xuất; Thống kê lao động trong doanh nghiệp; Thống kê tài sản cố định; Thống kê vốn kinh doanh Đây là một môn học tự chọn trong khối ngành kinh tế	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
61.	Thống kê kinh tế	Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành gồm 5 chương với các nội dung về đối tượng nghiên cứu và phân tổ trong thống kê kinh tế, thống kê dân số và nguồn lao động, thống kê của cải quốc dân, hệ thống chỉ tiêu thống kê sản lượng quốc dân, hệ thống tài khoản quốc gia (SNA). Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu các môn học chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62.	Kinh tế thương mại	Môn học Kinh tế thương mại đề cập đến các nội dung sau: Khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, làm rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, các lý thuyết thương mại; Tìm hiểu doanh nghiệp và cơ chế hoạt động của doanh nghiệp thương mại trong nền kinh tế quốc	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		dân; Hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại; Cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại; Hệ thống các công cụ quản lý thương mại; Tổ chức kinh doanh thương mại hàng hóa trong cơ chế thị trường; Hoạt động kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp thương mại; Thương mại điện tử; Để đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, phần cuối môn học đề cập đến những phương thức hạch toán kinh doanh trong thương mại, khẳng định vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế - xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng			
63.	Kinh tế du lịch	Học phần Kinh tế du lịch là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học ngành du lịch và vận dụng vào thực tiễn phát triển ngành du lịch tại Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về khái niệm, lịch sử, vai trò, xu hướng và các loại hình du lịch; Kinh tế học các nguồn lực trong du lịch; Lý thuyết cầu và cung du lịch; Phân tích lợi ích – chi phí các dự án du lịch và phân tích hiệu quả du lịch; Lý thuyết về du lịch bền vững và ứng dụng công nghệ sáng tạo vào trong du lịch; Quản lý nhà nước về kinh tế trong du lịch	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
64.	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	Học phần trang bị những kiến thức về khái niệm, vai trò của du lịch và lữ hành, sản phẩm, thị trường khách hàng của hãng lữ hành; xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp du lịch – lữ hành, cách thức đàm phán, làm việc với các đơn vị kinh doanh liên quan; những nguyên tắc xây	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		dựng mô hình tổ chức hãng du lịch – lữ hành, cách tiếp cận và phương pháp xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức cho hãng du lịch – lữ hành, chức năng và phạm vi trách nhiệm của một số phòng ban cơ bản trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và tổ chức bán chương trình tour			
65.	Kinh tế công nghiệp	Học phần Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc, chiếm vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo cho chuyên ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về công nghiệp và kinh tế công nghiệp. Các nội dung chính được giới thiệu trong học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về công nghiệp như vai trò của công nghiệp, các hoạt động công nghiệp và mối quan hệ giữa các hoạt động này; nguồn lực trong công nghiệp như tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, vốn, lao động, công nghệ; tổ chức sản xuất công nghiệp, thị trường sản phẩm công nghiệp như sản phẩm công nghiệp, phân loại, chu kỳ sống sản phẩm công nghiệp, marketing công nghiệp; đầu tư phát triển công nghiệp và quản lý nhà nước đối với công nghiệp Việt Nam	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66.	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Học phần Lập và thẩm định dự án đầu tư là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về Lập và thẩm định dự án đầu tư và vận dụng vào quản trị các dự án đầu tư trong thực tiễn. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề lý luận chung về đầu tư, hoạt động đầu tư vốn và dự	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		án đầu tư; Phương pháp luận hình thành một dự án đầu tư; Nghiên cứu tổ chức quản lý, nhân sự và kỹ thuật của của dự án đầu tư; Phân tích tài chính của dự án đầu tư; Phân tích và thẩm định khía cạnh kinh tế xã hội của dự án đầu tư; So sánh và lựa chọn phương án đầu tư			
67.	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	Môn học hệ thống định vị toàn cầu trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai là môn học bổ trợ cung cấp thêm cho sinh viên ngành quản lý đất đai kiến thức cơ bản đo đạc bằng công nghệ vệ tinh và ứng dụng của nó đối với đo đạc thành lập bản đồ cũng như khả năng ứng dụng của công nghệ GPS trong đời sống hàng ngày. Học phần gồm 3 chương, trước mỗi chương có đề ra mục tiêu và sau đó là câu hỏi ôn tập để sinh viên có thể nắm bắt được tốt hơn nội dung môn học, cụ thể, chương 1 cung cấp kiến thức cho sinh viên về cơ sở của đo đạc vệ tinh; Chương 2 giới thiệu về hệ thống định vị toàn cầu; Chương 3 cung cấp kiến thức về các nguyên lý định vị bằng GPS; Chương 4 hướng dẫn sinh viên ứng dụng công nghệ GPS trong đo đạc thành lập bản đồ	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68.	Phân tích lợi ích chi phí	Học phần Phân tích lợi ích và chi phí là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên chuyên ngành Kinh tế. Đây là một công cụ phân tích kinh tế được sử dụng khá phổ biến ở các quốc gia phát triển nhằm nhận diện, lượng hóa và định giá bằng tiền tất cả lợi ích và chi phí trên quan điểm xã hội của một dự án, một chính sách hoặc một chương trình phát triển nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án sử dụng	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nguồn lực tốt nhất về khía cạnh hiệu quả kinh tế. Nội dung cụ thể gồm: Giới thiệu phân tích lợi ích và chi phí; Xem xét mô hình thị trường cạnh tranh; Nhận dạng lợi ích và chi phí; Đánh giá với giá cả thị trường và đánh giá trong điều kiện không có thị trường; Yếu tố thời gian của lợi ích và chi phí; Tỷ suất chiết khấu xã hội và lựa chọn tiêu chí đầu tư; Tổ chức phân tích			
69.	Phân tích dữ liệu kinh tế	Học phần Phân tích dữ liệu kinh tế là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về phân tích dữ liệu kinh tế và vận dụng vào thực tiễn thông qua việc chạy các mô hình, trình bày, xử lý các dữ liệu kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về khái niệm, phương pháp và các ứng dụng của phân tích dữ liệu kinh tế hiện nay; Lý thuyết và ứng dụng về cách xử lý dữ liệu trước khi phân tích dữ liệu kinh tế; Lý thuyết về Data Visualization (Hình dung hóa dữ liệu); Lý thuyết về các mô hình hồi quy gồm hồi quy đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy phi tuyến tính, hồi quy theo thời gian và dữ liệu bảng, sử dụng các biến giả và thiết kế các thực nghiệm; Ứng dụng vào phân tích nhóm dữ liệu kinh tế bất kỳ.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
70.	Nguyên lý cơ bản về chính sách kinh tế xã hội	Học phần chính sách kinh tế xã hội trang bị kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội và phân tích chính sách kinh tế xã hội; Giúp người học có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những chính sách kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, có khả năng tham gia hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế - xã hội. Môn học nghiên cứu	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nguồn gốc, bản chất, các nhân tố ảnh hưởng đến các chính sách kinh tế-xã hội; những đòi hỏi với hoạt động phân tích chính sách và các nhà phân tích chính sách. Trên cơ sở đó, môn học xác định các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. Môn học nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các nhân tố ảnh hưởng đến các chính sách kinh tế-xã hội; những đòi hỏi với hoạt động phân tích chính sách và các nhà phân tích chính sách. Trên cơ sở đó, môn học xác định các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội			
71.	Thực tập nghề nghiệp	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức thực tế cho sinh viên liên quan đến các lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn tại đơn vị được thực tập.	4	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72.	Khóa luận tốt nghiệp	Thực hiện một chuyên đề tốt nghiệp phù hợp với ngành học hoặc gần ngành học dưới sự hướng dẫn của giáo viên được phân công; Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học; Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn.	10	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên; Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu			
73.	Chuyên đề tốt nghiệp	Thực hiện một chuyên đề tốt nghiệp phù hợp với ngành học hoặc gần ngành học dưới sự hướng dẫn của giáo viên được phân công; Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học; Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn. Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên; Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu	4	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
74.	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng là học phần tự chọn trong nhóm học phần bổ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản và tổng hợp về phát triển cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn bao gồm: vai trò của lãnh đạo cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp. Đồng thời, học phần này cũng trang bị các kỹ năng cần thiết cho công tác phát triển cộng đồng như các phương pháp tiếp cận cộng đồng, các phương pháp huy động sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

75.	Quản lý công	Học phần Quản lý công là học phần tự chọn trong nhóm học phần bổ trợ cho nhóm sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về những kiến thức cơ bản về quản lý công, các cách tiếp cận trong quản lý công hiện nay cũng như liên hệ với thực trạng quản lý công ở Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về khu vực công và quản lý khu vực công; Quản lý hành chính công; Quản lý dịch vụ công; Quản lý tài chính công	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
76.	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	Học phần chương trình phát triển kinh tế - xã hội là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này được bố trí vào học kỳ cuối và dành cho các sinh viên thực hiện chuyên đề tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận và kiến thức thực tiễn về chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Xây dựng và thẩm định chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Quản lý, giám sát và đánh giá chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

2.3. Công khai thông tin về các môn học chuyên ngành KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN, KHÓA 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Kinh tế Vi mô 1	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học MT2: Hiểu được nguyên tắc chung của lý thuyết cung cầu và giá cả trên thị trường cũng như một số vận dụng của quy luật cung cầu. MT3: Hiểu được lý thuyết về hành vi tiêu dùng và lý thuyết về chi phí cũng như việc ra quyết định của doanh nghiệp MT4: Có kiến thức về các cấu trúc thị trường cơ bản.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
2	Tâm lý học đại cương	MT1: Người học có kiến thức cơ bản về tâm lý học (khái niệm, đặc điểm, qui luật, bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý người) MT2: Người học có hứng thú đối với môn học, thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình học tập. MT3: Người học có kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lý học, sử dụng tâm lý như một phương tiện để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, điều chỉnh quá trình giao tiếp, hình thành nhân cách và phát triển năng lực của bản thân trong hoạt động sống. MT4: Dựa trên kiến thức tâm lý học để vận dụng vào hoạt động và giao tiếp phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
3	Xã hội học đại cương	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

4	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
5	Tiếng Việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i> . MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
6	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng văn bản; các loại văn bản; kết cấu, các yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản; MT2: Hiểu về phong cách ngôn ngữ, có kiến thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; MT3: Nắm vững thể thức và kỹ thuật trình bày các loại văn bản hành chính, soạn thảo được các văn bản: công văn, thông báo, báo cáo, tờ trình, biên bản, diễn văn; MT4: Hiểu rõ về doanh nghiệp, văn bản quản lý doanh nghiệp; soạn thảo quyết định, nghị quyết, điều lệ doanh nghiệp; MT5: Nắm vững những vấn đề pháp lý về hợp đồng và những kỹ năng về soạn thảo hợp đồng; MT6: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

7	Pháp luật Việt Nam đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam; MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
8	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%

		thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực). - Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDDT hàng ngày. * Kỹ năng - Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng. - Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh. - Biết vận dụng các bài tập thể lực để duy trì và phát triển thể chất. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
10	Cờ vua 1	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Luật di chuyển quân và ăn quân. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ. Các nước đi đặc biệt trong cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3: Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
11	Tiếng Anh 2	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai với <i>will</i> và <i>be going to</i>; so sánh với tính từ và trạng từ; các động từ khiếm khuyết <i>can, have to, would like, might, should</i>; các mạo từ và trạng từ; cách phát âm các âm cơ bản và một số âm khó, nhấn từ và nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT3. cung cấp cho người học các bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của một số quốc gia trên thế giới. MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết câu và đoạn văn đơn giản có sử dụng đại từ, liên từ, trạng từ.			
12	Kinh tế Vĩ mô 1	MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô cũng như mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản MT2: Có kiến thức về các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân cơ bản MT3: Nắm vững lý thuyết về thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ MT4: Hiểu rõ cơ chế tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế cũng như sự tác động kết hợp của hai nhóm chính sách này đến nền kinh tế mở MT5: Có kiến thức căn bản và chuyên sâu về hai vấn đề của nền kinh tế là lạm phát và thất nghiệp MT6: Có khả năng phát hiện vấn đề và liên hệ lý thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tiễn	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận $\leq 30\%$, điểm thi kết thúc học phần = $100\% - \text{Trọng số bộ phận}$
13	Luật kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, chủ thể của Luật kinh tế. Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần, hợp tác xã và hộ kinh doanh); MT2: Hiểu rõ các dấu hiệu một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản;	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT3: Nắm vững vững lý thuyết về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; MT4: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các hình thức bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục để giải quyết một tranh chấp kinh doanh - thương mại; MT5: Có kỹ năng tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.			
14	Nguyên lý thống kê	MT1: Hiểu rõ được các phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. MT2: Hiểu rõ những kiến thức cơ bản của môn học, giúp cho người học có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình. MT3: Hiểu được tầm quan trọng về kiến thức và kỹ năng cũng như ý nghĩa của học phần Nguyên lý thống kê trong việc ứng dụng vào các ngành học cụ thể.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
15	Bóng chuyền cơ bản	MT1.Nắm được 1 số điều luật cơ bản,và biết một số động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản MT2. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Bơi lội cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật bơi ếch. MT2: Kiến thức kỹ thuật bơi ếch. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
17	Cầu lông cơ bản	MT1: Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện cầu lông. MT2: Kiến thức cơ sở lý luận và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. MT3: Kiến thức về một số điều luật cơ bản trong cầu lông.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT4: Hình thành phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ, ý thức học tập tốt			
18	Bóng bàn cơ bản	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng bàn. MT2: Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng bàn. MT3: Trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy bóng bàn cơ bản. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Bóng bàn	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
19	Cờ vua 2	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ trong Cờ Vua. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua.Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ Vua.Khai cuộc. MT2: Giải Cờ thế. MT3.Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
20	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
21	Công tác quốc phòng – An ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
22	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
23	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			
24	Triết học Mác – Lênin	MT1:Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. MT3. Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, để từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. MT4.Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
25	Toán Cao cấp cho kinh tế	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm và vi phân của hàm nhiều biến, ứng dụng đạo hàm vào bài toán cực trị của hàm số; MT2. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính; MT3. Cung cấp cho sinh viên một số ứng dụng của toán học vào các vấn đề của kinh tế, quản lý.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	MT1. Cấu trúc của bài thi Thể dục Aerobics. MT2. Trang bị những kỹ năng thực hành động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác. MT3. Giảng dạy bài mẫu	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

27	Teakwondo cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn Taekwondo, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về môn Taekwondo. MT3. Tham gia các giải phong trào do Câu lạc bộ, Khoa, Trường tổ chức. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Taekwondo MT5: Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
28	Bóng đá cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ môn Bóng đá. MT2: Kiến thức kỹ thuật Bóng đá. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
29	Bóng rổ cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Nắm được 1 số điều luật cơ bản môn bóng rổ. MT3: SV hiểu được trách nhiệm, vai trò, sứ mệnh của người giáo viên trong giai đoạn mới; có tinh thần cầu thị, chủ động thích ứng với sự thay đổi.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
30	Cờ vua 3	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ Vua. Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3: Sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các buổi học.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
31	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.			
32	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
33	Lý thuyết kiểm toán	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán, tổng quan về kiểm toán, các khái niệm, quy trình của cuộc kiểm toán, các phương pháp sử dụng trong kiểm toán. MT2: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và ứng xử trong các tình huống kiểm toán cụ thể MT3: Chấp hành tốt pháp luật, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán. MT4: Nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao uy tín nghề nghiệp	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

34	Tài chính - Tiền tệ	MT1: Hiểu được những vấn đề lí luận cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính trung gian. MT2: Hiểu và phân tích được các chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để làm rõ các vấn đề về lí thuyết tiền tệ, hệ thống tài chính, các định chế tài chính trung gian và lưu thông tiền tệ. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
35	Nguyên lý kế toán	MT1: Trang bị những kiến thức về khái niệm cơ bản như: Kế toán, Chứng từ kế toán; kiểm kê; Tài khoản kế toán và phương pháp kế toán kép; Sổ kế toán và các hình thức kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu. MT2: Tạo dựng khả năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán và thực hiện được các phân hành kế toán cơ bản. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Xây dựng được tinh thần trách nhiệm và tính chuẩn xác với công việc kế toán.	3	Học kỳ 3	Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận
36	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

37	Tài chính doanh nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về các loại hình, đặc điểm, mục tiêu, vai trò của doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp; MT2: Có kiến thức nền tảng về tiền lãi, lãi suất, giá trị thời gian của tiền tệ (giá trị tương lai, giá trị hiện tại) và các ứng dụng trong thực tiễn; MT3: Nắm vững lý thuyết về chứng khoán, các phương pháp định giá chứng khoán để đưa ra được các quyết định đầu tư; MT4: Hiểu biết lý thuyết về các nguồn vốn của doanh nghiệp, các mô hình định giá được sử dụng trong thực tế; MT5: Có kiến thức cơ bản về các loại dự án đầu tư của doanh nghiệp, quy trình tổng quát cũng như các kỹ thuật về phân tích để ra quyết định đầu tư; MT6: Nắm rõ lý thuyết về nội dung, kết cấu của các báo cáo tài chính, ý nghĩa và kỹ thuật các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
38	Quản trị học	MT1: Khái quát được lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh. MT2: Nắm được nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị. MT3: Nắm được nguyên tắc và các chức năng quản trị. MT4: Nắm được các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị. MT5: Giải quyết được các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống. MT6: Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
39	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
40	Phương pháp nghiên cứu KH	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu; MT2: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhận dạng, lựa chọn và phát triển vấn đề nghiên cứu; Thiết kế đề cương nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra;	2	Học kỳ 4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 40%;</i> <i>Trọng số đề án: 60%</i>

		MT3: Hướng dẫn cách thu thập, xử lý và phân tích tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu; MT4: Hướng dẫn kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và phản biện các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế.			
41	Kế toán tài chính 1	MT1. Nguyên tắc kế toán liên quan đến vốn bằng tiền, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tiền lương và các khoản trích theo lương và tài sản cố định tại doanh nghiệp. MT2. Bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan vốn bằng tiền, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tiền lương và các khoản trích theo lương và tài sản cố định tại doanh nghiệp. MT3. Vận dụng được kiến thức đã học để xử lý bài tập và xử lý các tình huống thực tế liên quan đến từng phần hành trên theo quy định. MT4. Có khả năng làm việc nhóm, phản biện các nội dung liên quan đến kế toán và báo cáo kế toán. MT5. Nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết vấn đề.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
42	Kế toán hành chính sự nghiệp	MT1. Trình bày những điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp. MT2. Cung cấp kiến thức về quy trình tổ chức kế toán các phần hành kế toán gồm vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản thu – chi – xác định kết quả các hoạt động và xác định thặng dư (thâm hụt)...để xử lý, phân tích và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp MT3. Hướng dẫn đọc và lập các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán để cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý nguồn kinh phí một cách có hiệu quả. MT4. Rèn luyện khả năng tự học tập, đọc tài liệu và tra cứu thông tin một cách nghiêm túc, chăm chỉ. MT5. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

43	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số Đề án startup thu hoạch: 70%</i>
44	Marketing	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về môn học marketing thông qua hiểu các khái niệm, vai trò, quy tắc, chiến lược marketing. MT2: Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng chuyên môn. MT4: Giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

46	Kế toán tài chính 2	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản kế toán tài chính, đặc biệt là kiến thức về tính giá thành cũng như tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân biện, trách nhiệm, tính cẩn thận và chuẩn xác với công việc kế toán tài chính.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
47	Kiểm toán 1	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính như Vốn bằng tiền, Nợ phải thu và Hàng tồn kho của doanh nghiệp. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập tại các khoản mục được đề cập trong học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân biện các nội dung liên quan đến kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
48	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

49	Lịch sử các học thuyết kinh tế	MT1: Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. MT3: Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
50	Kế toán quốc tế	MT1: KIẾN THỨC - Trang bị cho SV một số nội dung cơ bản của kế toán: Các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các khái niệm liên quan đến phương trình kế toán như tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận...; khái niệm và đặc điểm của nghiệp vụ kinh tế; nội dung của Báo cáo tài chính; các phương pháp kế toán như tài khoản, sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép... - Hướng dẫn SV thực hành các kiến thức chung cơ bản của kế toán đã nêu ở trên vào việc thực hiện chu trình kế toán bao gồm các bước theo trình tự: Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế, thực hiện bút toán điều chỉnh, thực hiện bút toán khóa sổ, lập các Bảng cân đối, Bảng tính nhập và lập Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định lợi nhuận. - Yêu cầu SV đối chiếu, so sánh với kế toán doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về kế toán. MT2: KỸ NĂNG - Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm khi được phân công nhiệm vụ. Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ yêu thích ngành kế toán, ham thích tìm hiểu và cần cù, chịu khó. - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.			
51	Kế toán quản trị	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí, phân loại chi phí, lập dự toán ngân sách, kỹ thuật ra quyết định trong ngắn hạn và dự toán kinh doanh. MT2: Có khả năng phân tích chi phí và các phương án kinh doanh; thực hiện đánh giá các phương án và dự toán kinh doanh phù hợp với cách tổ chức bộ máy kế toán quản trị tại doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc kế toán quản trị.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
52	Kiểm toán 2	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán các khoản mục trên BCTC như Tài sản cố định, Nợ phải trả, doanh thu và chi phí MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến kiểm toán các khoản mục trên BCTC	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
53	Kế toán thực hành trên Excel	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng liên quan đến công việc kế toán. MT2: Hướng dẫn sinh viên hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chứng từ, phản ánh vào các loại sổ sách kế toán theo quy định.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập báo cáo tài chính, đọc và phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. MT4: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính.			
54	Thực hành sổ sách kế toán	MT1: Hướng dẫn sinh viên thực hành lập chứng từ và ghi sổ các phần hành kế toán theo phương pháp thủ công. MT2: Hướng dẫn sinh viên thực hành lập Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp theo phương pháp thủ công. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phán đoán và độc lập giải quyết những nghiệp vụ liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
55	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-Nay). MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
56	Thuế	MT1: Hiểu và vận dụng cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế trong việc tìm hiểu các loại thuế khác nhau của hệ thống thuế Việt Nam hiện hành;	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT2: Thực hiện tốt việc tính thuế phải nộp trong từng trường hợp cụ thể; MT3: Phân tích, giải thích những tình huống thuế trên thực tế, những ảnh hưởng của thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đến đời sống của cá nhân người nộp thuế ; MT4: Chia sẻ sự hiểu biết của mình về thuế đến cộng đồng;			
57	Kế toán ngân hàng	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại. MT2: Hiểu được các nghiệp vụ kinh tế, quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế trong các ngân hàng thương mại. MT3: Hướng dẫn sinh viên xử lý và giải được các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT4: Kỹ năng tự nghiên cứu, lắng nghe, giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
58	Kế toán tài chính hợp nhất	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, hợp nhất kinh doanh, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán; các vấn đề trong đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến các nội dung lý thuyết được đề cập trong học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến các khoản mục trên báo cáo tài chính.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
59	Thực tập nghề nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG - Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp.	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- Phân tích tình hình tài chính, phân tích báo cáo tài chính trong các loại hình doanh nghiệp. - Vận dụng được cách thức tổ chức công tác kế toán vào thực tế và tổ chức hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị kế toán. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị.			
60	Kiểm soát nội bộ	MT1. Cung cấp kiến thức về hệ thống kiểm soát nội bộ và tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. MT2. Có khả năng vận dụng kiến thức về tổ chức công tác kiểm soát nội bộ để thực hiện đánh giá và thiết kế một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu và hiệu quả tại doanh nghiệp MT3. Trang bị kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức MT4. Có khả năng tự học, tự tìm tòi để giải quyết vấn đề	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
61	Kiểm toán hoạt động	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về các nội dung cần kiểm toán trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. MT2: Hướng dẫn người học tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo về kiểm toán hoạt động của doanh nghiệp; MT3: Rèn luyện khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến kiểm toán hoạt động của doanh nghiệp.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
62	Kế toán máy	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách hạch toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các doanh nghiệp. MT2: Hiểu được quy trình luân chuyển chứng từ, quy trình các nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp. MT3: Hướng dẫn sinh viên các thao tác lập chứng từ, ghi sổ, hoàn thiện báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp. MT4: Kỹ năng tự nghiên cứu, lắng nghe, giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

63	Hệ thống thông tin kế toán	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
64	Kế toán kho bạc	MT1. Trình bày những điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của hệ thống kho bạc nhà nước. MT2. Cung cấp kiến thức về quy trình tổ chức kế toán các phần hành kế toán gồm vốn bằng tiền, thu chi ngân sách nhà nước, vay nợ và trả nợ vay của ngân sách nhà nước...để việc xử lý, phân tích và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các kho bạc nhà nước. MT3. Hướng dẫn lập và luân chuyển các loại chứng từ giúp chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các kho bạc. MT4. Rèn luyện khả năng tự học tập, đọc tài liệu, tra cứu thông tin một cách nghiêm túc và chăm chỉ MT5. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
65	Kế toán chi phí	MT1. Cung cấp kiến thức tổng quát về kế toán chi phí và phân biệt với các phân hệ kế toán khác MT2. Hướng dẫn phân loại chi phí và giá thành MT3. Cung cấp kiến thức về mô hình kế toán theo chi phí thực tế, chi phí thực tế kết hợp ước tính và chi phí định mức vào thực tiễn công việc. MT4. Hướng dẫn người học giải thích sự biến động của chi phí để từ đó phân tích thông tin chi phí theo yêu cầu của các đối tượng sử dụng khác nhau, đặc biệt cho nhà quản lý ra các quyết định kinh tế. MT5. Xây dựng cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

66	Kế toán thương mại dịch vụ	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý tốt các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phán đoán và độc lập giải quyết những nghiệp vụ liên quan trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
67	Kế toán quản trị môi trường	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí môi trường, nhận diện và phân loại được chi phí môi trường, lợi ích của Kế toán quản trị môi trường MT2: Có khả năng phân tích, xây dựng định mức và cung cấp thông chi phí đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc được giao	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
68	Khóa luận tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Kiến thức thực tế về tổ chức và thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN, các tổ chức khác; Kiến thức thực tế về phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện ngân sách, trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN, các tổ chức khác. - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG - Vận dụng được lý thuyết vào thực tế về tổ chức và thực hiện công tác kế toán như tổ chức bộ máy kế toán, lập chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN hoặc các tổ chức khác. - Phân tích và đánh giá thực tế tình hình hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; tình hình thực hiện ngân sách trong đơn vị HCSN hoặc các tổ chức khác...	10	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc.			
69	Chuyên đề tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG - Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. - Phân tích tình hình tài chính, phân tích báo cáo tài chính trong các loại hình doanh nghiệp. - Vận dụng được cách thức tổ chức công tác kế toán vào thực tế và tổ chức hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị kế toán. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
70	Tổ chức công tác kế toán	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp MT2: Hướng dẫn người học xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
71	Kế toán thuế	MT1. Kiến thức cơ bản về các loại thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân,	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi

		thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế phí lệ phí khác và hạch toán các loại thuế này tại doanh nghiệp MT2. Có kỹ năng thực hành công tác kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế phí lệ phí khác một cách thành thạo. MT4. Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng các phần mềm hỗ trợ kê khai thuế hiện hành. MT5. Nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết vấn đề liên quan đến kế toán Thuế. MT6. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tính kỷ luật.			kết thúc học phần 60%
72	Kiểm toán báo cáo tài chính	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính: xác định mục tiêu, khảo sát, thực hiện các thử nghiệm cơ bản, tổng hợp kết quả của các chu trình báo cáo tài chính chủ yếu. MT2: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và ứng xử trong các tình huống kiểm toán cụ thể MT3: Chấp hành tốt pháp luật, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán. MT4: Nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao uy tín nghề nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

2.4. Công khai thông tin về các môn học chuyên ngành KẾ TOÁN, KHÓA 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Pháp luật Việt Nam đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết

		MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam; MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.			thức học phần 60%
2	Tâm lý học đại cương	MT1: Người học có kiến thức cơ bản về tâm lý học (khái niệm, đặc điểm, qui luật, bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý người) MT2: Người học có hứng thú đối với môn học, thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình học tập. MT3: Người học có kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lý học, sử dụng tâm lý như một phương tiện để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, điều chỉnh quá trình giao tiếp, hình thành nhân cách và phát triển năng lực của bản thân trong hoạt động sống. MT4: Dựa trên kiến thức tâm lý học để vận dụng vào hoạt động và giao tiếp phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
3	Xã hội học đại cương	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
4	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng văn bản; các loại văn bản; kết cấu, các yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản; MT2: Hiểu về phong cách ngôn ngữ, có kiến thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản;	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT3: Nắm vững thể thức và kỹ thuật trình bày các loại văn bản hành chính, soạn thảo được các văn bản: công văn, thông báo, báo cáo, tờ trình, biên bản, diễn văn; MT4: Hiểu rõ về doanh nghiệp, văn bản quản lý doanh nghiệp; soạn thảo quyết định, nghị quyết, điều lệ doanh nghiệp; MT5: Nắm vững những vấn đề pháp lý về hợp đồng và những kỹ năng về soạn thảo hợp đồng; MT6: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.			
5	Tiếng Việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
6	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
7	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i>	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
8	Toán Cao cấp cho kinh tế	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm và vi phân của hàm nhiều biến, ứng dụng đạo hàm vào bài toán cực trị của hàm số; MT2. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính; MT3. Cung cấp cho sinh viên một số ứng dụng của toán học vào các vấn đề của kinh tế, quản lý.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
9	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực). - Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDTT hàng ngày. * Kỹ năng - Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng. - Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh. - Biết vận dụng các bài tập thể lực để duy trì và phát triển thể chất. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
10	Cờ vua 1	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Luật di chuyển quân và ăn quân. Luật	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%,

		thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ.Các nước đi đặc biệt trong cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3.Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt			điểm thi kết thúc học phần 80%
11	Kinh tế Vi mô 1	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học MT2: Nắm được nguyên tắc chung của lý thuyết cung cầu và giá cả trên thị trường cũng như một số vận dụng của quy luật cung cầu. MT3: Nắm được lý thuyết về hành vi tiêu dùng và lý thuyết về chi phí cũng như việc ra quyết định của doanh nghiệp MT4: Có kiến thức về các cấu trúc thị trường cơ bản.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
12	Tiếng Anh 2	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai với <i>will</i> và <i>be going to</i> ; so sánh với tính từ và trạng từ; các động từ khiếm khuyết <i>can, have to, would like, might, should</i> ; các mạo từ và trạng từ; cách phát âm các âm cơ bản và một số âm khó, nhấn từ và nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng. MT3. cung cấp cho người học các bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của một số quốc gia trên thế giới. MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết câu và đoạn văn đơn giản có sử dụng đại từ, liên từ, trạng từ.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
13	Bóng chuyền cơ bản	MT1.Nắm được 1 số điều luật cơ bản,và biết một số động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản MT2. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết

					thức học phần 60%
14	Bơi lội cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật bơi ếch. MT2: Kiến thức kỹ thuật bơi ếch. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
15	Cầu lông cơ bản	MT1: Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện cầu lông. MT2: Kiến thức cơ sở lý luận và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. MT3: Kiến thức về một số điều luật cơ bản trong cầu lông. MT4: Hình thành phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ, ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
16	Bóng bàn cơ bản	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng bàn. MT2: Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng bàn. MT3: Trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy bóng bàn cơ bản. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Bóng bàn	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
17	Cờ vua 2	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ trong Cờ Vua. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ Vua. Khai cuộc. MT2: Giải Cờ thế. MT3. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
18	Kinh tế Vĩ mô 1	MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô cũng như mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản MT2: Có kiến thức về các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân cơ bản MT3: Nắm vững lý thuyết về thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận $\leq 30\%$, điểm thi kết thúc học phần = 100% - Trọng số bộ phận

		MT4: Hiểu rõ cơ chế tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế cũng như sự tác động kết hợp của hai nhóm chính sách này đến nền kinh tế mở MT5: Có kiến thức căn bản và chuyên sâu về hai vấn đề của nền kinh tế là lạm phát và thất nghiệp MT6: Có khả năng phát hiện vấn đề và liên hệ lý thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tiễn			
19	Nguyên lý thống kê	MT1: Hiểu rõ được các phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. MT2: Hiểu rõ những kiến thức cơ bản của môn học, giúp cho người học có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình. MT3: Hiểu được tầm quan trọng về kiến thức và kỹ năng cũng như ý nghĩa của học phần Nguyên lý thống kê trong việc ứng dụng vào các ngành học cụ thể.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
20	Luật kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, chủ thể của Luật kinh tế. Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần, hợp tác xã và hộ kinh doanh); MT2: Hiểu rõ các dấu hiệu một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản; MT3: Nắm vững vững lý thuyết về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; MT4: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các hình thức bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục để giải quyết một tranh chấp kinh doanh - thương mại; MT5: Có kỹ năng tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.			
21	Nguyên lý kế toán	MT1: Trang bị những kiến thức về khái niệm cơ bản như: Kế toán, Chứng từ kế toán; kiểm kê; Tài khoản kế toán và phương pháp kế toán kép; Sổ kế toán và các hình thức kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu. MT2: Tạo dựng khả năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán và thực hiện được các phần hành kế toán cơ bản. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Xây dựng được tinh thần trách nhiệm và tính chuẩn xác với công việc kế toán.	3	Học kỳ 2	Trong số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận
22	Quản trị học	MT1: Khái quát được lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh. MT2: Nắm được nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị. MT3: Nắm được nguyên tắc và các chức năng quản trị. MT4: Nắm được các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị. MT5: Giải quyết được các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống. MT6: Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
23	Triết học Mác – Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. MT3. Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, để từ đó vận dụng	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. MT4. Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.			
24	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản phẩm và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	MT1. Cấu trúc của bài thi Thể dục Aerobics. MT2. Trang bị những kỹ năng thực hành động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác. MT3. Giảng dạy bài mẫu	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Teakwondo cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn Taekwondo, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về môn Taekwondo. MT3. Tham gia các giải phong trào do Câu lạc bộ, Khoa, Trường tổ chức. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Taekwondo MT5: Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
28	Bóng đá cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ môn Bóng đá. MT2: Kiến thức kỹ thuật Bóng đá. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
29	Bóng rổ cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Nắm được 1 số điều luật cơ bản môn bóng rổ. MT3: SV hiểu được trách nhiệm, vai trò, sứ mệnh của người giáo viên trong giai đoạn mới; có tinh thần cầu thị, chủ động thích ứng với sự thay đổi.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
30	Cờ vua 3	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ Vua. Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3: Sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các buổi học.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%

31	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
32	Công tác quốc phòng – An ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
33	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
34	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
35	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
36	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh,	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
37	Toán kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về mô hình toán kinh tế; MT2: Nắm vững lý thuyết về bài toán 1 biến, 2 biến, 3 biến và bài toán tối ưu hóa với ràng buộc là đẳng thức; MT3:Nắm vững lý thuyết về bài toán quy hoạch tuyến tính; MT4: Nắm vững lý thuyết về bài toán vận tải; MT5: Kỹ năng trình bày và khả năng đọc hiểu các tài liệu cơ bản về toán kinh tế. Bồi dưỡng lòng say mê yêu thích toán kinh tế nói riêng và toán ứng dụng nói chung.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

38	Tài chính công	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về các nội dung: Tổng quan về tài chính công; Hệ thống thuế của Nhà nước; Ngân sách Nhà nước; Bội chi ngân sách Nhà nước và nợ công; Các Quỹ tài chính công ngoài ngân sách Nhà nước; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo về thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu - chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước. MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích, trình bày báo cáo phân tích các nội dung liên quan đến hoạt động thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu - chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước. MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến hoạt động thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu - chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước.		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
39	Thị trường chứng khoán	MT1: Trang bị kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như lịch sử ra đời, khái niệm, phân loại, chức năng, các chủ thể tham gia và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; MT2: Trang bị kiến thức nền tảng về các loại chứng khoán và cách thức định giá từng loại trái phiếu và cổ phiếu cụ thể; MT3: Trang bị kiến thức về các hình thức tổ chức của thị trường chứng khoán; MT4: Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán và khả năng vận dụng trong phân tích chứng khoán. MT5: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về thị trường chứng khoán; MT6: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
40	Phương pháp nghiên cứu KH	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu;	2	Học kỳ 4	Trọng số điểm bộ phận: 40%;

		MT2: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhận dạng, lựa chọn và phát triển vấn đề nghiên cứu; Thiết kế đề cương nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra; MT3: Hướng dẫn cách thu thập, xử lý và phân tích tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu; MT4: Hướng dẫn kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và phản biện các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế.			Trọng số đề án: 60%
41	Lý thuyết kiểm toán	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán, tổng quan về kiểm toán, các khái niệm, quy trình của cuộc kiểm toán, các phương pháp sử dụng trong kiểm toán. MT2: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và ứng xử trong các tình huống kiểm toán cụ thể MT3: Chấp hành tốt pháp luật, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán. MT4: Nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao uy tín nghề nghiệp	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Tài chính doanh nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về các loại hình, đặc điểm, mục tiêu, vai trò của doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp; MT2: Có kiến thức nền tảng về tiền lãi, lãi suất, giá trị thời gian của tiền tệ (giá trị tương lai, giá trị hiện tại) và các ứng dụng trong thực tiễn; MT3: Nắm vững lý thuyết về chứng khoán, các phương pháp định giá chứng khoán để đưa ra được các quyết định đầu tư; MT4: Hiểu biết lý thuyết về các nguồn vốn của doanh nghiệp, các mô hình định giá được sử dụng trong thực tế; MT5: Có kiến thức cơ bản về các loại dự án đầu tư của doanh nghiệp, quy trình tổng quát cũng như các kỹ thuật về phân tích để ra quyết định đầu tư; MT6: Nắm rõ lý thuyết về nội dung, kết cấu của các báo cáo tài chính, ý nghĩa và kỹ thuật các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
43	Kế toán kho bạc	MT1. Trình bày những điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của hệ thống kho bạc nhà nước.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%,

		MT2. Cung cấp kiến thức về quy trình tổ chức kế toán các phần hành kế toán gồm vốn bằng tiền, thu chi ngân sách nhà nước, vay nợ và trả nợ vay của ngân sách nhà nước...để việc xử lý, phân tích và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các kho bạc nhà nước. MT3. Hướng dẫn lập và luân chuyển các loại chứng từ giúp chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các kho bạc. MT4. Rèn luyện khả năng tự học tập, đọc tài liệu, tra cứu thông tin một cách nghiêm túc và chăm chỉ MT5. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm.			điểm thi kết thúc học phần 70%
44	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
45	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số Đề án startup thu hoạch: 70%

46	Tài chính - Tiền tệ	MT1: Hiểu được những vấn đề lí luận cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính trung gian. MT2: Hiểu và phân tích được các chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để làm rõ các vấn đề về lí thuyết tiền tệ, hệ thống tài chính, các định chế tài chính trung gian và lưu thông tiền tệ. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
47	Marketing	MT1: Người học có kiến thức căn bản trong lĩnh vực Marketing như: Phân tích thị trường, nghiên cứu thị trường, các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT2: Khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tiếp thị sản phẩm cụ thể. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
48	Pháp luật kế toán	MT1: KIẾN THỨC Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung sau: - Lý luận chung về pháp luật kế toán. - Qui định của pháp luật về các vấn đề sau: Nội dung cơ bản của công tác kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán và những qui định đối với người làm kế toán; Tổ chức và quản lý việc kinh doanh dịch vụ kế toán; Nội dung cơ bản của pháp luật về chế độ kế toán – Chuẩn mực kế toán; Quản lý nhà nước về kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán. MT2: KỸ NĂNG - Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm khi được phân công nhiệm vụ. Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề. - Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- Có thái độ yêu thích ngành kế toán, ham thích tìm hiểu và cần cù, chịu khó. - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.			
49	Kế toán tài chính 1	MT1: KIẾN THỨC - Trang bị cho SV một số nội dung cơ bản của kế toán: Các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các khái niệm liên quan đến phương trình kế toán như tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận...; khái niệm và đặc điểm của nghiệp vụ kinh tế; nội dung của Báo cáo tài chính; các phương pháp kế toán như tài khoản, sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép... - Hướng dẫn SV thực hành các kiến thức chung cơ bản của kế toán đã nêu ở trên vào việc thực hiện chu trình kế toán bao gồm các bước theo trình tự: Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế, thực hiện bút toán điều chỉnh, thực hiện bút toán khóa sổ, lập các Bảng cân đối, Bảng tính nhập và lập Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định lợi nhuận. - Yêu cầu SV đối chiếu, so sánh với kế toán doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về kế toán. MT2: KỸ NĂNG - Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm khi được phân công nhiệm vụ. Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề. - Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ yêu thích ngành kế toán, ham thích tìm hiểu và cần cù, chịu khó. - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

50	Kiểm toán	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán các khoản mục trên BCTC như Vốn bằng tiền, Nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, Tài sản cố định, Nợ phải trả, Doanh thu và chi phí MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến kiểm toán các khoản mục trên BCTC	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
51	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
52	Lịch sử các học thuyết kinh tế	MT1: Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. MT3: Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

53	Thuế	MT1: Hiểu và vận dụng cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế trong việc tìm hiểu các loại thuế khác nhau của hệ thống thuế Việt Nam hiện hành; MT2: Thực hiện tốt việc tính thuế phải nộp trong từng trường hợp cụ thể; MT3: Phân tích, giải thích những tình huống thuế trên thực tế, những ảnh hưởng của thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đến đời sống của cá nhân người nộp thuế; MT4: Chia sẻ sự hiểu biết của mình về thuế đến cộng đồng;	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
54	Kế toán tài chính 2	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản kế toán tài chính, đặc biệt là kiến thức về tính giá thành cũng như tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng phản biện, trách nhiệm, tính cẩn thận và chuẩn xác với công việc kế toán tài chính.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
55	Kế toán quốc tế	MT1: KIẾN THỨC - Trang bị cho SV một số nội dung cơ bản của kế toán: Các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các khái niệm liên quan đến phương trình kế toán như tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận...; khái niệm và đặc điểm của nghiệp vụ kinh tế; nội dung của Báo cáo tài chính; các phương pháp kế toán như tài khoản, sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép... - Hướng dẫn SV thực hành các kiến thức chung cơ bản của kế toán đã nêu ở trên vào việc thực hiện chu trình kế toán bao gồm các bước theo trình tự: Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế, thực hiện bút toán điều chỉnh, thực hiện bút toán khóa sổ, lập các Bảng cân đối, Bảng tính nhập và lập Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định lợi nhuận. - Yêu cầu SV đối chiếu, so sánh với kế toán doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về kế toán.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT2: KỸ NĂNG - Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm khi được phân công nhiệm vụ. Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề. - Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ yêu thích ngành kế toán, ham thích tìm hiểu và cần cù, chịu khó. - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.			
56	Kế toán hành chính sự nghiệp	MT1. Trình bày những điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp. MT2. Cung cấp kiến thức về quy trình tổ chức kế toán các phần hành kế toán gồm vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản thu – chi – xác định kết quả các hoạt động và xác định thặng dư (thâm hụt)... để xử lý, phân tích và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp MT3. Hướng dẫn đọc và lập các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán để cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý nguồn kinh phí một cách có hiệu quả. MT4. Rèn luyện khả năng tự học tập, đọc tài liệu và tra cứu thông tin một cách nghiêm túc, chăm chỉ. MT5. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
57	Kế toán thực hành trên Excel	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng liên quan đến công việc kế toán. MT2: Hướng dẫn sinh viên hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chứng từ, phản ánh vào các loại sổ sách kế toán theo quy định. MT3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập báo cáo tài chính, đọc và phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT4: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính.			
58	Thực hành sổ sách kế toán	MT1: Hướng dẫn sinh viên thực hành lập chứng từ và ghi sổ các phần hành kế toán theo phương pháp thủ công. MT2: Hướng dẫn sinh viên thực hành lập Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp theo phương pháp thủ công. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phán đoán và độc lập giải quyết những nghiệp vụ liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
59	Hệ thống thông tin kế toán	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến học phần.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
60	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đề xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

61	Kế toán quản trị	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí, phân loại chi phí, lập dự toán ngân sách, kỹ thuật ra quyết định trong ngắn hạn và dự toán kinh doanh. MT2: Có khả năng phân tích chi phí và các phương án kinh doanh; thực hiện đánh giá các phương án và dự toán kinh doanh phù hợp với cách tổ chức bộ máy kế toán quản trị tại doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc kế toán quản trị.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
62	Kế toán máy	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách hạch toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các doanh nghiệp. MT2: Hiểu được quy trình luân chuyển chứng từ, quy trình các nghiệp vụ kế toán tại doanh nghiệp. MT3: Hướng dẫn sinh viên các thao tác lập chứng từ, ghi sổ, hoàn thiện báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp. MT4: Kỹ năng tự nghiên cứu, lắng nghe, giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
63	Kế toán thương mại dịch vụ	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý tốt các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phán đoán và độc lập giải quyết những nghiệp vụ liên quan trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
64	Kế toán quản trị môi trường	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí môi trường, nhận diện và phân loại được chi phí môi trường, lợi ích của Kế toán quản trị môi trường MT2: Có khả năng phân tích, xây dựng định mức và cung cấp thông chi phí đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc được giao	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
65	Kế toán ngân hàng	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%,

		MT2: Hiểu được các nghiệp vụ kinh tế, quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế trong các ngân hàng thương mại. MT3: Hướng dẫn sinh viên xử lý và giải được các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT4: Kỹ năng tự nghiên cứu, lắng nghe, giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.			điểm thi kết thúc học phần 70%
66	Kế toán tài chính hợp nhất	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, hợp nhất kinh doanh, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán; các vấn đề trong đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính. MT2: Hướng dẫn sinh viên xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến các nội dung lý thuyết được đề cập trong học phần. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến các khoản mục trên báo cáo tài chính	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
67	Kế toán chi phí	MT1. Cung cấp kiến thức tổng quát về kế toán chi phí và phân biệt với các phân hệ kế toán khác MT2. Hướng dẫn phân loại chi phí và giá thành MT3. Cung cấp kiến thức về mô hình kế toán theo chi phí thực tế, chi phí thực tế kết hợp ước tính và chi phí định mức vào thực tiễn công việc. MT4. Hướng dẫn người học giải thích sự biến động của chi phí để từ đó phân tích thông tin chi phí theo yêu cầu của các đối tượng sử dụng khác nhau, đặc biệt cho nhà quản lý ra các quyết định kinh tế. MT5. Xây dựng cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
68	Thực tập nghề nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG - Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp.	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- Phân tích tình hình tài chính, phân tích báo cáo tài chính trong các loại hình doanh nghiệp. - Vận dụng được cách thức tổ chức công tác kế toán vào thực tế và tổ chức hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị kế toán. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị.			
69	Khóa luận tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Kiến thức thực tế về tổ chức và thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN, các tổ chức khác; Kiến thức thực tế về phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện ngân sách,... trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN, các tổ chức khác. - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG - Vận dụng được lý thuyết vào thực tế về tổ chức và thực hiện công tác kế toán như tổ chức bộ máy kế toán, lập chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị,... trong doanh nghiệp, đơn vị HCSN hoặc các tổ chức khác. - Phân tích và đánh giá thực tế tình hình hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; tình hình thực hiện ngân sách trong đơn vị HCSN hoặc các tổ chức khác;.... - Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc.	10	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%, đánh giá báo cáo chuyên đề: 70%
70	Chuyên đề tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC - Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%, đánh giá báo

		MT2: KỸ NĂNG - Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. - Phân tích tình hình tài chính, phân tích báo cáo tài chính trong các loại hình doanh nghiệp. - Vận dụng được cách thức tổ chức công tác kế toán vào thực tế và tổ chức hạch toán kế toán các phần hành kế toán trong đơn vị kế toán. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc.			cáo chuyên đề: 70%
71	Tổ chức công tác kế toán	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp MT2: Hướng dẫn người học xử lý các bài tập tình huống thực tế liên quan đến nội dung của học phần. MT3: Rèn luyện khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
72	Kế toán thuế	MT1. Kiến thức cơ bản về các loại thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế phí lệ phí khác và hạch toán các loại thuế này tại doanh nghiệp MT2. Có kỹ năng thực hành công tác kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế phí lệ phí khác một cách thành thạo. MT4. Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng các phần mềm hỗ trợ kê khai thuế hiện hành. MT5. Nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết vấn đề liên quan đến kế toán Thuế. MT6. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tính kỷ luật.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

73	Kiểm toán báo cáo tài chính	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính: xác định mục tiêu, khảo sát, thực hiện các thử nghiệm cơ bản, tổng hợp kết quả của các chu trình báo cáo tài chính chủ yếu. MT2: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và ứng xử trong các tình huống kiểm toán cụ thể MT3: Chấp hành tốt pháp luật, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán. MT4: Nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao uy tín nghề nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

2.5 . Công khai thông tin về các môn học chuyên ngành KINH DOANH THƯƠNG MẠI, KHÓA 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

		từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
2	Thẻ đục cơ bản và điền kinh	MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thẻ đục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
3	Cờ vua 1	MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
4	Pháp luật Việt Nam đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam; MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Kinh tế vi mô 1	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học MT2: Nắm được nguyên tắc chung của lý thuyết cung cầu và giá cả trên thị trường cũng như một số vận dụng của quy luật cung cầu.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		MT3: Nắm được lý thuyết về hành vi tiêu dùng và lý thuyết về chi phí cũng như việc ra quyết định của doanh nghiệp MT4: Có kiến thức về các cấu trúc thị trường cơ bản.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Quản trị học	MT1: Khái quát được lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh. MT2: Nắm được nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị. MT3: Nắm được nguyên tắc và các chức năng quản trị. MT4: Nắm được các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị. MT5: Giải quyết được các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống. MT6: Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Tài chính - Tiền tệ	MT1: Hiểu được những vấn đề lí luận cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính trung gian. MT2: Hiểu và phân tích được các chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để làm rõ các vấn đề về lí thuyết tiền tệ, hệ thống tài chính, các định chế tài chính trung gian và lưu thông tiền tệ. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 1	
9	Tâm lý học đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lí người, cơ sở của tâm lí người, sự hình thành phát triển của tâm lí, ý thức. MT2: Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức.	2	Học kỳ 1	

		MT3: Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người. MT4: Có sự hiểu biết về chuẩn mực hành vi, chuẩn mực xã hội và cách khắc phục những hành vi sai lệch nhằm hoàn thiện nhân cách con người trong học tập, trong lao động sau khi tốt nghiệp.			
10	Xã hội học đại cương	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	
11	Toán cao cấp	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm một biến bao gồm khái niệm, giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, ứng dụng của đạo hàm và vi phân và phép tính tích phân của hàm một biến. MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến số bao gồm khái niệm, giới hạn, đạo hàm, vi phân và phương pháp tìm cực trị không điều kiện của hàm nhiều biến. Từ đó người học có thể ứng dụng giải các bài toán kinh tế liên quan. MT3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân bao gồm khái niệm, cấu trúc nghiệm, phương trình vi phân cấp 1 và phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính với hệ số hằng.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Tiếng Anh 2	MT 1. Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm. MT 2. Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh:	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. MT 3. Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh. MT 4. Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.			
13	Bóng chuyền cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
14	Bơi lội cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
15	Cầu lông cơ bản	MT1. Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
16	Bóng bàn cơ bản	MT1. Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
17	Cờ vua 2	MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$

18	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ...	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Công tác quốc phòng – An ninh	Sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc những âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Đặc biệt là giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

22	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 2	
23	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý. Nắm vững những kiến thức về tâm lý quản lý, trên cơ sở đó từng bước vận dụng vào quản lý kinh tế và lãnh đạo doanh nghiệp	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng văn bản; các loại văn bản; kết cấu, các yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản; MT2: Hiểu về phong cách ngôn ngữ, có kiến thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; MT3: Nắm vững thể thức và kỹ thuật trình bày các loại văn bản hành chính, soạn thảo được các văn bản: công văn, thông báo, báo cáo, tờ trình, biên bản, diễn văn; MT4: Hiểu rõ về doanh nghiệp, văn bản quản lý doanh nghiệp; soạn thảo quyết định, nghị quyết, điều lệ doanh nghiệp; MT5: Nắm vững những vấn đề pháp lý về hợp đồng và những kỹ năng về soạn thảo hợp đồng; MT6: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

25	Tiếng việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết Ngôn ngữ học và Việt ngữ học. MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Lịch sử các học thuyết KT	MT1: Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. MT3: Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Kinh tế vĩ mô 1	MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô cũng như mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản MT2: Có kiến thức về các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân cơ bản MT3: Nắm vững lý thuyết về thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ MT4: Hiểu rõ cơ chế tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế cũng như sự tác động kết hợp của hai nhóm chính sách này đến nền kinh tế mở	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT5: Có kiến thức căn bản và chuyên sâu về hai vấn đề của nền kinh tế là lạm phát và thất nghiệp MT6: Có khả năng phát hiện vấn đề và liên hệ lý thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tiễn			
28	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Thủ dục nhập liệu CB	MT1. Trang bị những kĩ năng động tác, thực hiện kĩ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$

31	Teakwondo cơ bản	MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
32	Bóng đá cơ bản	MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
33	Bóng rổ cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
34	Cờ vua 3	MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
35	Triết học Mác Lê Nin	MT1: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. MT2. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. MT3. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
36	Luật kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, chủ thể của Luật kinh tế. Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần, hợp tác xã và hộ kinh doanh); MT2: Hiểu rõ các dấu hiệu một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản; MT3: Nắm vững vững lý thuyết về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; MT4: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các hình thức bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục để giải quyết một tranh chấp kinh doanh - thương mại; MT5: Có kỹ năng tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
37	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Marketing	MT1: Người học có kiến thức căn bản trong lĩnh vực Marketing như: Phân tích thị trường, nghiên cứu thị trường, các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT2: Khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tiếp thị sản phẩm cụ thể. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

39	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
40	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
41	Nguyên lý kế toán	MT1: Hiểu rõ về quá trình hình thành, khái niệm, đối tượng, vai trò, các quy định, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam hiện nay; MT2: Có kiến thức nền tảng về nội dung, phân loại, lập, xử lý và kiểm kê chứng từ trong kế toán; MT3: Nắm vững nguyên tắc phản ánh các loại tài khoản của kế toán, các phương pháp ghi sổ kép và hệ thống được các loại tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam; MT4: Hiểu rõ và vận dụng được yêu cầu, nguyên tắc và tính giá một số đối tượng chủ yếu (TSCĐ, hàng tồn kho); MT5: Có kiến thức cơ bản tổng hợp, cân đối kế toán và hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp hiện nay; MT6: Phân biệt được các hình thức sổ kế toán, cách mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và sửa sai trên sổ kế toán; MT7: Vận dụng được kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp; MT8: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực kế toán và kế toán kiểm toán.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Thị trường chứng khoán	MT1: Trang bị kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như lịch sử ra đời, khái niệm, phân loại, chức năng, các chủ thể tham gia và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; MT2: Trang bị kiến thức nền tảng về các loại chứng khoán và cách thức định giá từng loại trái phiếu và cổ phiếu cụ thể; MT3: Trang bị kiến thức về các hình thức tổ chức của thị trường chứng khoán; MT4: Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán và khả năng vận dụng trong phân tích chứng khoán.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT5: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng.			
43	Thuế	MT1: Hiểu và vận dụng cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế trong việc tìm hiểu các loại thuế khác nhau của hệ thống thuế Việt Nam hiện hành; MT2: Thực hiện tốt việc tính thuế phải nộp trong từng trường hợp cụ thể; MT3: Phân tích, giải thích những tình huống thuế trên thực tế, những ảnh hưởng của thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đến đời sống của cá nhân người nộp thuế ; MT4: Chia sẻ sự hiểu biết của mình về thuế đến cộng đồng;	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Hành vi tổ chức	MT1: Có kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức; MT2: Nắm vững cách thức đánh giá đặc điểm, quản lý hành vi cá nhân; MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan tới hành vi tổ chức. MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để có khả năng xử lý các mối quan hệ trong tổ chức.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
45	Kinh tế quốc tế	MT1: Hiểu được nguyên nhân vì sao phát sinh mâu dịch giữa các quốc gia, biết được mô thức thương mại quốc tế thường áp dụng như thế nào và lợi ích từ mâu dịch của các mô hình đó ra sao, thể hiện nhu thế nào qua các con số và đồ thị; MT2: Hiểu được những vấn đề cơ bản về môi trường hoạt động của thương mại quốc tế; MT3: Nắm vững được các chính sách thương mại quốc tế mà các quốc gia thường áp dụng để ngăn cản mâu dịch tự do; phân tích được tác động của những chính sách đối với các tác nhân trong nền kinh tế; - MT4: Hiểu được xu hướng phát triển thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích và thiệt hại của sự di chuyển các nguồn lực giữa các quốc gia; nhận thức được lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là Việt Nam.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
46	Kinh tế thương mại	MT1: Người học có kiến thức căn bản trong lĩnh vực Kinh tế thương mại dịch vụ như: Khái niệm thương mại, chức năng, nhiệm vụ, phân loại thương mại, lý thuyết thương mại, quá trình hình thành và phát triển		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		thương mại Việt Nam; Hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại; Tổ chức kinh doanh thương mại trong cơ chế thị trường; Hoạt động kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp thương mại; Dịch vụ thương mại; Logistics và dịch vụ logistics; Thương mại điện tử; Hạch toán kinh doanh và hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. MT2: Sự hiểu biết và khả năng phân tích, giải thích các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp thương mại. MT3: Khả năng vận dụng các dịch vụ vào hoạt động kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng liên hệ, vận dụng vào thực tế. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
47	Kế toán quản trị	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí, phân loại chi phí, lập dự toán ngân sách, kỹ thuật ra quyết định trong ngắn hạn và dự toán kinh doanh. MT2: Có khả năng phân tích chi phí và các phương án kinh doanh; thực hiện đánh giá các phương án và dự toán kinh doanh phù hợp với cách tổ chức bộ máy kế toán quản trị tại doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc kế toán quản trị.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
48	Hành vi khách hàng	• Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi khách hàng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, hay nói cách khác là giúp cho những nhà quản trị có được những quyết định Marketing tốt hơn. • Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. • Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của khách hàng. • Những ảnh hưởng của hành vi khách hàng đối với chiến lược marketing. • Mô hình hoạt động của hành vi khách hàng		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Luật thương mại	MT1: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, phân loại thương nhân và các hoạt động thương mại do thương nhân tiến hành; nguyên tắc áp		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa

		dụng pháp luật hợp đồng, kiến thức cần thiết về nguồn luật và vấn đề áp dụng pháp luật, thói quen, tập quán thương mại trong quan hệ hợp đồng, vấn đề ký kết và thực hiện hợp đồng, phòng tránh rủi ro; MT2: Nắm được các đặc trưng pháp lý của hoạt động thương mại như mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại và các hợp đồng tương ứng; MT3: Sinh viên biết được quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại; MT4: Sinh viên biết được quy định của pháp luật về chế tài thương mại và nguyên tắc áp dụng các chế tài trong kinh doanh thương mại; MT5: Sau khi học xong học phần, sinh viên biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được nghiên cứu để đọc và hiểu những quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;			<=30%, điểm thi tối đa >=70%
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
51	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

		MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.			
52	Giao tiếp kinh doanh	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong giao tiếp kinh doanh; khái niệm, mục tiêu của giao tiếp kinh doanh, vai trò của các chủ thể tham gia giao tiếp trong kinh doanh, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp kinh doanh hiệu quả. MT2: Sinh viên rèn luyện và sử dụng những kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh; Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp và truyền thông không lời, kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin trong kinh doanh. MT3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hoá và sự khác biệt giao tiếp trong môi trường đa văn hoá, kỹ năng giao tiếp trong và ngoài doanh nghiệp. MT4: Có khả năng vận dụng kỹ năng giao tiếp trong đàm phán, kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, tuyển dụng... MT5: Có khả năng sử dụng những kiến thức và kỹ năng về giao tiếp trong cuộc sống, học tập, công việc, và kinh doanh đạt hiệu quả.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Quản trị chiến lược	MT1: Hiểu rõ khái niệm “chiến lược” và tầm quan trọng của Quản trị chiến lược trong việc phát triển doanh nghiệp; MT2: Hiểu rõ các loại chiến lược khác nhau mà doanh nghiệp có thể lựa chọn; MT3: Biết cách tiến hành các bước cần thiết để thiết lập các chiến lược của tổ chức;		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT4: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra chiến lược trong bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp.			
55	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
56	Quản trị tài chính	MT1: Nắm được tổng quan về quản trị tài chính. MT2: Nắm vững các kỹ thuật căn bản về xác định giá trị của tiền tệ theo thời gian, các kỹ thuật chuyển đổi lãi suất, ứng dụng để giải quyết các bài toán như: vay và trả nợ ngân hàng của doanh nghiệp, lượng giá các loại chứng khoán, đánh giá tính khả thi về mặt tài chính của các dự án đầu tư. MT3: Tính toán chi phí sử dụng vốn, thẩm định và đánh giá tính khả thi của dự án. MT4: Nắm vững các kỹ thuật và công cụ phân tích tài chính để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. MT5: Có ý thức và động cơ học tập đúng đắn, thái độ làm việc nghiêm túc, phong cách làm việc chuyên nghiệp.		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Quản trị chất lượng	MT1: Hiểu được các khái niệm về chất lượng, các thuộc tính của sản phẩm và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại để vận dụng vào thực tế công việc nhằm đạt mục tiêu đề ra và hạn chế sự sai sót;		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		MT2: Hiểu biết sâu sắc các khái niệm cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của doanh nghiệp; MT3: Nắm được một số kỹ thuật, công cụ để kiểm soát chất lượng sản phẩm/hệ thống; MT4: Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng; MT5: Nắm được nguyên tắc và đặc điểm của hệ thống quản lý chất lượng, từ đó dễ dàng tiếp cận với các hệ thống quản lý như ISO 9001:2015; ISO 14000; SA 8000; HACCP; TQM...			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
58	Quản trị chuỗi cung ứng	MT1: Người học có kiến thức nền tảng về tổng quan chuỗi cung ứng: Khái niệm, mục tiêu, cấu trúc chuỗi cung ứng, lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng, những vấn đề chính trong quản trị chuỗi cung ứng; Chiến lược hậu cần và xây dựng kế hoạch cung ứng; Tổ chức sản xuất và thiết kế mạng lưới phân phối; Quản trị tồn kho và phân tán rủi ro; Quản trị chuỗi cung ứng tích hợp; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng. MT2: Kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan chiến lược hậu cần và xây dựng kế hoạch cung ứng; quy trình sản xuất và thiết kế mạng lưới phân phối; quản trị tồn kho và các kỹ thuật phân tán rủi ro; các xu hướng quản trị chuỗi cung ứng tích hợp; các mô hình và các công cụ cần thiết để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng. MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và kỹ năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Phương pháp nghiên cứu KH	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu; MT2: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhận dạng, lựa chọn và phát triển vấn đề nghiên cứu; Thiết kế đề cương nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra; MT3: Hướng dẫn cách thu thập, xử lý và phân tích tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu;		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT4: Hướng dẫn kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và phản biện các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế.			
60	Marketing kỹ thuật số	MT1: Trang bị người học kiến thức căn bản về các công cụ truyền thông kỹ thuật số để hỗ trợ quá trình tìm kiếm và phân tích các thông tin marketing trên Internet. MT2: Giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá hoạt động marketing và hiệu quả của việc sử dụng các công cụ truyền thông kỹ thuật số. MT3: Giúp người học phát triển được kỹ năng thuyết trình trong việc làm bài tập nhóm, kỹ năng tu duy sáng tạo và quản lý thời gian. MT4: Giúp người học nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
61	Quản trị dự án đầu tư	MT1: Có kiến thức cơ bản về đầu tư và quản trị dự án đầu tư; MT2: Nắm vững cách thức phân tích và quản trị một dự án đầu tư; MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới quản trị dự án đầu tư. MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để sau này có thể trở thành những nhà quản trị dự án đầu tư thành công.		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Marketing thương mại	MT1: Trang bị người học kiến thức căn bản về marketing thương mại dịch vụ như: Bản chất marketing thương mại dịch vụ, cơ hội marketing, hoạch định chiến lược marketing hỗn hợp trong thương mại dịch vụ, hành vi mua sắm. MT2: Giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá được các cơ hội và chiến lược marketing trong hoạt động thương mại dịch vụ. MT3: Giúp người học phát triển kỹ năng và thái độ đúng đắn đối với làm việc cá nhân, nhóm và thuyết trình trước đám đông. MT4: Giúp người học có khả năng áp dụng để xây dựng chiến lược marketing cho một ý tưởng dịch vụ mới.		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
63	Quản trị quan hệ khách hàng	MT1: Có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong ứng dụng các kiến thức quản trị quan hệ khách hàng vào các hoạt động cụ thể MT2: Có khả năng xây dựng hệ thống quy trình và công cụ quản trị quan hệ khách hàng một cách độc lập		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		MT3: Có khả năng điều hành các công việc quản trị quan hệ khách hàng và các quyết định xử lý tình huống cụ thể MT4: Giúp sinh viên có được sự tự tin và thuyết trình, rèn luyện và nâng cao tinh thần làm việc nhóm.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
64	Thực tập nghề nghiệp	MT1: KIẾN THỨC Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế tại cơ sở thực tập. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài của doanh nghiệp. Phát triển được kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề thực tiễn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị.		Học kỳ 7	Điểm báo cáo 100%
65	Thương mại điện tử	○ MT1: Cung cấp kiến thức tổng quan về TMĐT; khái niệm, đặt trung, lợi ích, hạn chế và quá trình phát triển của TMĐT. Sinh viên có khả năng tổng hợp, đánh giá các yếu tố liên quan đến việc triển khai và vận hành một hệ thống thương mại điện tử. ○ MT2: Phát triển kỹ năng phân tích các mô hình TMĐT giúp sinh viên phân tích, lựa chọn mô hình kinh doanh TMĐT phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp, từng lĩnh vực và ngành kinh doanh. ○ MT3: Sinh viên có khả năng thực hiện hoạt động marketing trực tuyến, thanh toán trực tuyến, xây dựng website TMĐT và mô hình ứng dụng của TMĐT. ○ MT4: Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, bảo mật và pháp lý để vận hành TMĐT hiệu quả và an toàn.		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

66	Quản trị bán hàng	MT1: Người học có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị bán hàng như: Lập kế hoạch bán hàng, Tuyển chọn, tuyển dụng lực lượng bán hàng, Tổ chức thực hiện bán hàng, Động viên lực lượng bán hàng, Thiết lập kênh phân phối, Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh sau bán hàng. MT2: Khả năng lập kế hoạch bán hàng, phân tích, xử lý các tình huống trong bán hàng, kiểm tra, động viên và đánh giá lực lượng bán hàng của doanh nghiệp. MT3: Kỹ năng bán hàng bao gồm kỹ năng trưng bày sản phẩm, kỹ năng thăm dò, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng báo giá, kỹ năng xử lý phản đối, kỹ năng kết thúc bán hàng. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
67	Quản trị kinh doanh quốc tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế: các hình thức kinh doanh quốc tế, các chủ thể liên quan, động cơ thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. MT2: Hiểu rõ về các yếu tố môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế và ảnh hưởng sâu rộng của chúng đến kinh doanh quốc tế. MT3: Nắm rõ nội dung, đặc điểm và điều kiện áp dụng các chiến lược kinh doanh quốc tế. Tìm hiểu việc hoạch định các chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia cũng như những kinh nghiệm của họ trên toàn cầu. MT4: Hiểu được cách thức vận hành và các hoạt động cơ bản của các công ty đa quốc gia.		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
68	Tiếng anh Kinh doanh	Cung cấp cho người học thuật ngữ về kinh doanh, các định nghĩa và khái niệm cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản trị, sản xuất, marketing, tổ chức quản lý doanh nghiệp, nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp,... Môn học sẽ giúp người học (i) có kiến thức tổng quan trong lĩnh vực kinh tế, (ii) nâng cao kỹ năng đọc hiểu các sách báo và tài liệu chuyên ngành và nghe hiểu các đoạn hội thoại hay phỏng vấn, (iii) trang bị vốn từ		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		vững trong lĩnh vực kinh tế và khả năng diễn đạt quan điểm và ý kiến của mình thông qua những bài viết ngắn và thuyết trình, thảo luận bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh.			
69	Quản trị doanh nghiệp TMDV	MT1: Nắm vững lý thuyết về Quản trị doanh nghiệp thương mại – dịch vụ; MT2: Hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ cơ bản của doanh nghiệp thương mại – dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân; MT3: Tiếp cận công tác quản trị doanh nghiệp thương mại – dịch vụ theo các cách khác nhau; MT4: Nắm được các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản trong doanh nghiệp thương mại – dịch vụ;		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
70	Quản trị nhân sự	MT1: Có kiến thức cơ bản và khái quát về quản trị nguồn nhân lực MT2: Hiểu rõ tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp MT 3: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cách thức quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp MT4: Nắm vững lý thuyết và ứng dụng vào việc xây dựng chính sách quản lý sử dụng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp MT5: Có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến các nhóm chức năng thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực cho doanh nghiệp		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
71	Khóa luận tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC Phân tích được các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài nghiên cứu. Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. Phân tích tình hình kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức đối với các doanh nghiệp thương mại.		Học kỳ 8	Điểm báo cáo khóa luận 100%

		Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu trước hội đồng. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Sinh viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập và hoàn thành khóa luận			
72	Chuyên đề TN	MT1: KIẾN THỨC Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. Phân tích tình hình kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức đối với các doanh nghiệp thương mại. Hoàn thành báo cáo khoa học về các vấn đề thực tiễn liên quan trong lĩnh vực thương mại. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Sinh viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập và hoàn thành báo cáo tốt nghiệp.		Học kỳ 8	Điểm báo cáo chuyên đề 100%
73	Quan hệ công chúng	MT1: Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản có liên quan đến lĩnh vực PR MT2: Biết được vai trò của PR trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. MT3: Vận dụng được quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông, PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá MT4: Thiết kế được chương trình PR cho một doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh		Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT5: Lựa chọn, phối hợp được các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp MT6: Thực hành được các hoạt động PR trong thực tế của DN: tổ chức họp báo, giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng ...			
74	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	MT1: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản và cần thiết liên quan đến vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay. MT2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về triết lý đạo đức kinh doanh và vận dụng kiến thức này vào cho doanh nghiệp trong thực tiễn MT3: Có khả năng sử dụng các công cụ để phân tích hành vi đạo đức liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. MT4: Có khả năng xây dựng các biểu trưng về văn hóa của các doanh nghiệp nay. MT5: Có kỹ năng vận dụng vào việc tạo lập văn hóa riêng cho các doanh nghiệp trong thực tiễn để có thể hội nhập kinh tế quốc tế một cách sâu hơn.		Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
75	Quản trị kênh phân phối	MT1: Người học có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kênh phân phối như: Thiết kế kênh phân phối, cấu trúc kênh phân phối, các thành viên kênh phân phối, các tổ chức hỗ trợ, môi trường kênh phân phối, các quan hệ và hành vi, sức mạnh kênh phân phối, chiến lược kênh phân phối và quyết định phân phối sản phẩm vật chất. MT2: Khả năng đưa ra quyết định thiết kế kênh phân phối, tuyển chọn thành viên kênh phân phối và các quyết định phân phối vật chất. MT3: Kỹ năng vận dụng kiến thức vào xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến kênh phân phối và quản trị kênh phân phối. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc		Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

2.6. Công khai thông tin về các môn học chuyên ngành QUẢN TRỊ KINH DOANH, KHÓA 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
2	Thể dục cơ bản và điền kinh	MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=20%, điểm thi tối đa >=80%
3	Cờ vua 1	MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=20%, điểm thi tối đa >=80%

4	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Tâm lý học đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lí người, cơ sở của tâm lí người, sự hình thành phát triển của tâm lí, ý thức. MT2: Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức. MT3: Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người. MT4: Có sự hiểu biết về chuẩn mực hành vi, chuẩn mực xã hội và cách khắc phục những hành vi sai lệch nhằm hoàn thiện nhân cách con người trong học tập, trong lao động sau khi tốt nghiệp.	2	Học kỳ 1	
6	Xã hội học đại cương	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với với các khoa khoa học xã hội khác. MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	
7	Pháp luật Việt Nam đại cương	MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi

		MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.			tối đa ≥70%
8	Kinh tế vi mô 1	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học MT2: Hiểu được nguyên tắc chung của lý thuyết cung cầu và giá cả trên thị trường cũng như một số vận dụng của quy luật cung cầu. MT3: Hiểu được lý thuyết về hành vi tiêu dùng và lý thuyết về chi phí cũng như việc ra quyết định của doanh nghiệp MT4: Có kiến thức về các cấu trúc thị trường cơ bản.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
9	Toán cao cấp	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm một biến bao gồm khái niệm, giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, ứng dụng của đạo hàm và vi phân và phép tính tích phân của hàm một biến. MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến số bao gồm khái niệm, giới hạn, đạo hàm, vi phân và phương pháp tìm cực trị không điều kiện của hàm nhiều biến. Từ đó người học có thể ứng dụng giải các bài toán kinh tế liên quan. MT3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân bao gồm khái niệm, cấu trúc nghiệm, phương trình vi phân cấp 1 và phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính với hệ số hằng.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
10	Kinh tế vĩ mô 1	MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô cũng như mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản MT2: Có kiến thức về các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân cơ bản MT3: Hiểu vững lý thuyết về thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ MT4: Hiểu rõ cơ chế tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế cũng như sự tác động kết hợp của hai nhóm chính sách này đến nền kinh tế mở MT5: Có kiến thức căn bản và chuyên sâu về hai vấn đề của nền kinh tế là lạm phát và thất nghiệp	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

		MT6: Có khả năng phát hiện vấn đề và liên hệ lý thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tiễn			
11	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	Học kỳ 2	
13	Quản trị học	MT1: Khái quát được lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh. MT2: Nắm được nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị. MT3: Nắm được nguyên tắc và các chức năng quản trị. MT4: Nắm được các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị. MT5: Giải quyết được các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống. MT6: Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

14	Tiếng Anh 2	MT 1. Từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm. MT 2. Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai <i>going to</i>, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. MT 3. Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh. MT 4. Bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Bóng chuyền cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
16	Bơi lội cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lí luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
17	Cầu lông cơ bản	MT1. Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$

18	Bóng bàn cơ bản	MT1. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
19	Cờ vua 2	MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
20	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ...	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Công tác quốc phòng – An ninh	Sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc những âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Đặc biệt là giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
22	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
23	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Nguyên lý kế toán	MT1: Hiểu rõ về quá trình hình thành, khái niệm, đối tượng, vai trò, các quy định, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam hiện nay; MT2: Có kiến thức nền tảng về nội dung, phân loại, lập, xử lý và kiểm kê chứng từ trong kế toán; MT3: Nắm vững nguyên tắc phản ánh các loại tài khoản của kế toán, các phương pháp ghi sổ kép và hệ thống được các loại tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam; MT4: Hiểu rõ và vận dụng được yêu cầu, nguyên tắc và tính giá một số đối tượng chủ yếu (TSCĐ, hàng tồn kho); MT5: Có kiến thức cơ bản tổng hợp, cân đối kế toán và hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp hiện nay; MT6: Phân biệt được các hình thức sổ kế toán, cách mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và sửa sai trên sổ kế toán; MT7: Vận dụng được kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp; MT8: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực kế toán và kế toán kiểm toán.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

25	Triết học Mác Lê Nin	MT1: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. MT2. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. MT3. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
26	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
27	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng văn bản; các loại văn bản; kết cấu, các yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản; MT2: Hiểu về phong cách ngôn ngữ, có kiến thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; MT3: Nắm vững thể thức và kỹ thuật trình bày các loại văn bản hành chính, soạn thảo được các văn bản: công văn, thông báo, báo cáo, tờ trình, biên bản, diễn văn; MT4: Hiểu rõ về doanh nghiệp, văn bản quản lý doanh nghiệp; soạn thảo quyết định, nghị quyết, điều lệ doanh nghiệp; MT5: Nắm vững những vấn đề pháp lý về hợp đồng và những kỹ năng về soạn thảo hợp đồng;	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

		MT6: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.			
28	Tiếng việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Thể dục nhịp điệu CB	MT1. Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
30	Teakwondo cơ bản	MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
31	Bóng đá cơ bản	MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 20\%$, điểm thi tối đa $\geq 80\%$
32	Bóng rổ cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa

					<=20%, điểm thi tối đa >=80%
33	Cờ vua 3	MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa <=20%, điểm thi tối đa >=80%
34	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
35	Thuế	MT1: Hiểu và vận dụng cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế trong việc tìm hiểu các loại thuế khác nhau của hệ thống thuế Việt Nam hiện hành; MT2: Thực hiện tốt việc tính thuế phải nộp trong từng trường hợp cụ thể; MT3: Phân tích, giải thích những tình huống thuế trên thực tế, những ảnh hưởng của thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đến đời sống của cá nhân người nộp thuế ; MT4: Chia sẻ sự hiểu biết của mình về thuế đến cộng đồng;	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
36	Thị trường chứng khoán	MT1: Trang bị kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như lịch sử ra đời, khái niệm, phân loại, chức năng, các chủ thể tham gia và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; MT2: Trang bị kiến thức nền tảng về các loại chứng khoán và cách thức định giá từng loại trái phiếu và cổ phiếu cụ thể; MT3: Trang bị kiến thức về các hình thức tổ chức của thị trường chứng khoán;	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

		MT4: Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán và khả năng vận dụng trong phân tích chứng khoán. MT5: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng.			
37	Phương pháp nghiên cứu KH	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu; MT2: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhận dạng, lựa chọn và phát triển vấn đề nghiên cứu; Thiết kế đề cương nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra; MT3: Hướng dẫn cách thu thập, xử lý và phân tích tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu; MT4: Hướng dẫn kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và phản biện các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế.		Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Luật kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, chủ thể của Luật kinh tế. Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần, hợp tác xã và hộ kinh doanh); MT2: Hiểu rõ các dấu hiệu một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản; MT3: Nắm vững vững lý thuyết về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; MT4: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các hình thức bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục để giải quyết một tranh chấp kinh doanh - thương mại; MT5: Có kỹ năng tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống,	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa

		thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mỗi luận văn cá nhân.			$\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
40	Hành vi khách hàng	• Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi khách hàng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, hay nói cách khác là giúp cho những nhà quản trị có được những quyết định Marketing tốt hơn. • Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. • Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của khách hàng.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		- Những ảnh hưởng của hành vi khách hàng đối với chiến lược marketing. - Mô hình hoạt động của hành vi khách hàng			
41	Hành vi tổ chức	MT1: Có kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức; MT2: Nắm vững cách thức đánh giá đặc điểm, quản lý hành vi cá nhân; MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan tới hành vi tổ chức. MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để có khả năng xử lý các mối quan hệ trong tổ chức.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Marketing	MT1: Người học có kiến thức căn bản trong lĩnh vực Marketing như: Phân tích thị trường, nghiên cứu thị trường, các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT2: Khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng tiếp thị sản phẩm cụ thể. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Tài chính - Tiền tệ	MT1: Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính trung gian. MT2: Hiểu và phân tích được các chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để làm rõ các vấn đề về lý thuyết tiền tệ, hệ thống tài chính, các định chế tài chính trung gian và lưu thông tiền tệ. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Kế toán quản trị	MT1: Trang bị những kiến thức về chi phí, phân loại chi phí, lập dự toán ngân sách, kỹ thuật ra quyết định trong ngắn hạn và dự toán kinh doanh. MT2: Có khả năng phân tích chi phí và các phương án kinh doanh; thực hiện đánh giá các phương án và dự toán kinh doanh phù hợp với cách tổ chức bộ	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		máy kế toán quản trị tại doanh nghiệp. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Có tinh thần trách nhiệm và chuẩn xác với công việc kế toán quản trị.			
45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
46	Tiếng anh Kinh doanh	Cung cấp cho người học thuật ngữ về kinh doanh, các định nghĩa và khái niệm cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản trị, sản xuất, marketing, tổ chức quản lý doanh nghiệp, nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp,... Môn học sẽ giúp người học (i) có kiến thức tổng quan trong lĩnh vực kinh tế, (ii) nâng cao kỹ năng đọc hiểu các sách báo và tài liệu chuyên ngành và nghe hiểu các đoạn hội thoại hay phỏng vấn, (iii) trang bị vốn từ vựng trong lĩnh vực kinh tế và khả năng diễn đạt quan điểm và ý kiến của mình thông qua những bài viết ngắn và thuyết trình, thảo luận bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh.		Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
47	Quản trị doanh nghiệp	MT1: Có kiến thức lý luận cơ bản về doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay. MT2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về giám đốc điều hành doanh nghiệp và vận dụng kiến thức này vào điều hành doanh nghiệp trong thực tiễn MT3: Có khả năng phát hiện và đưa ra các quyết định để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. MT4: Có khả năng phát hiện và kiểm soát, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp hiện nay. MT5: Có kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình phát triển trong thực tiễn về hội nhập kinh tế quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

48	Tài chính doanh nghiệp	MT1: Nắm được tổng quan về tài chính doanh nghiệp MT2: Có khả năng phân tích được các báo cáo tài chính MT3: Có khả năng phân tích các quyết định đầu tư dự án, trái phiếu, cổ phiếu và tài sản lưu động của doanh nghiệp MT4: Có khả năng phân tích cấu trúc vốn và những tác động đối với doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Quản trị tài chính	MT1: Nắm được tổng quan về quản trị tài chính. MT2: Nắm vững các kỹ thuật căn bản về xác định giá trị của tiền tệ theo thời gian, các kỹ thuật chuyển đổi lãi suất, ứng dụng để giải quyết các bài toán như: vay và trả nợ ngân hàng của doanh nghiệp, lượng giá các loại chứng khoán, đánh giá tính khả thi về mặt tài chính của các dự án đầu tư. MT3: Tính toán chi phí sử dụng vốn, thẩm định và đánh giá tính khả thi của dự án. MT4: Nắm vững các kỹ thuật và công cụ phân tích tài chính để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. MT5: Có ý thức và động cơ học tập đúng đắn, thái độ làm việc nghiêm túc, phong cách làm việc chuyên nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Quản trị nhân sự	MT1: Có kiến thức cơ bản và khái quát về quản trị nguồn nhân lực MT2: Hiểu rõ tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp MT 3: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cách thức quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp MT4: Nắm vững lý thuyết và ứng dụng vào việc xây dựng chính sách quản lý sử dụng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp MT5: Có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến các nhóm chức năng thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực cho doanh nghiệp	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Quản trị chiến lược	MT1: Hiểu rõ khái niệm “chiến lược” và tầm quan trọng của Quản trị chiến lược trong việc phát triển doanh nghiệp;	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		MT2: Hiểu rõ các loại chiến lược khác nhau mà doanh nghiệp có thể lựa chọn; MT3: Biết cách tiến hành các bước cần thiết để thiết lập các chiến lược của tổ chức; MT4: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra chiến lược trong bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
52	Quản trị dự án đầu tư	MT1: Có kiến thức cơ bản về đầu tư và quản trị dự án đầu tư; MT2: Nắm vững cách thức phân tích và quản trị một dự án đầu tư; MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới quản trị dự án đầu tư. MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để sau này có thể trở thành những nhà quản trị dự án đầu tư thành công.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tố chất và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.			
55	Quản trị rủi ro	MT1: Hiểu được các khái niệm về rủi ro MT2: Nhận biết và phân loại các rủi ro của đơn vị MT3: Áp dụng một số kỹ thuật đánh giá rủi ro MT4: Thiết kế chương trình kiểm soát và tài trợ cho rủi ro của đơn vị MT5: Phân tích một số rủi ro đặc thù và cách thức phòng chống	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
56	Bảo hiểm doanh nghiệp	MT1: Hiểu được các khái niệm về bảo hiểm và bảo hiểm DN MT2: Hiểu các cơ sở kỹ thuật, pháp lý, kinh tế MT3: Hiểu được cơ chế hoạt động và vai trò tác dụng của bảo hiểm đối với doanh nghiệp	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	MT1: Giúp cho người học hiểu rõ vai trò, nội dung của sản xuất, quản trị sản xuất và mối liên hệ giữa quản trị sản xuất với các chức năng quản trị khác trong hoạt động doanh nghiệp; MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về công tác tổ chức quá trình sản xuất và các công tác hoạch định quản trị sản xuất trong doanh nghiệp như dự báo; lựa chọn quy trình sản xuất, xác định năng lực sản xuất; định vị doanh nghiệp và bố trí mặt bằng sản xuất; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất; hoạch định nhu cầu vật tư; quản trị dự trữ...	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
58	Quản trị marketing	MT1: Trang bị người học kiến thức căn bản về quản trị marketing như: Bản chất quản trị marketing, phân tích cơ hội marketing, hoạch định chiến lược marketing, xây dựng chương trình marketing và kiểm tra marketing.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		MT2: Giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá được môi trường, đối thủ cạnh tranh và nguồn lực nội bộ của doanh nghiệp trong việc phát hiện cơ hội marketing. MT3: Giúp người học phát triển kỹ năng làm việc cá nhân, nhóm và thuyết trình trước đám đông. MT4: Giúp người học có khả năng áp dụng để xây dựng chiến lược marketing cho một ý tưởng sản phẩm mới.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Quản trị chất lượng	MT1: Hiểu được các khái niệm về chất lượng, các thuộc tính của sản phẩm và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại để vận dụng vào thực tế công việc nhằm đạt mục tiêu đề ra và hạn chế sự sai sót; MT2: Hiểu biết sâu sắc các khái niệm cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của doanh nghiệp; MT3: Nắm được một số kỹ thuật, công cụ để kiểm soát chất lượng sản phẩm/hệ thống; MT4: Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng; MT5: Nắm được nguyên tắc và đặc điểm của hệ thống quản lý chất lượng, từ đó dễ dàng tiếp cận với các hệ thống quản lý như ISO 9001:2015; ISO 14000; SA 8000; HACCP; TQM...	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
60	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý. Nắm vững những kiến thức về tâm lý quản lý, trên cơ sở đó từng bước vận dụng vào quản lý kinh tế và lãnh đạo doanh nghiệp	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
61	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi

		(1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			tối đa ≥70%
62	Giao tiếp kinh doanh	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong giao tiếp kinh doanh; khái niệm, mục tiêu của giao tiếp kinh doanh, vai trò của các chủ thể tham gia giao tiếp trong kinh doanh, các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp kinh doanh hiệu quả. MT2: Sinh viên rèn luyện và sử dụng những kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh; Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp và truyền thông không lời, kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin trong kinh doanh. MT3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hoá và sự khác biệt giao tiếp trong môi trường đa văn hoá, kỹ năng giao tiếp trong và ngoài doanh nghiệp. MT4: Có khả năng vận dụng kỹ năng giao tiếp trong đàm phán, kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, tuyển dụng... MT5: Có khả năng sử dụng những kiến thức và kỹ năng về giao tiếp trong cuộc sống, học tập, công việc, và kinh doanh đạt hiệu quả.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
63	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.		Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

64	Lịch sử các học thuyết KT	MT1: Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. MT3: Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
65	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	MT1: Nắm vững lý thuyết về Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành; MT2: Trình bày được các vấn đề cơ bản trong kinh doanh du lịch và lữ hành; MT3: Hoạch định các chương trình du lịch và lữ hành; MT4: Tổ chức và điều hành được hoạt động quản trị doanh nghiệp du lịch và lữ hành; MT5: Tiến hành đánh giá, kiểm soát hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
66	Thực tập nghề nghiệp	MT1: KIẾN THỨC Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế tại cơ sở thực tập. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài của doanh nghiệp. Phát triển được kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề thực tiễn. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị.		Học kỳ 7	Điểm báo cáo 100%
67	Thương mại điện tử	MT1: Cung cấp kiến thức tổng quan về TMDT; khái niệm, đặt trưng, lợi ích, hạn chế và quá trình phát triển của TMDT. Sinh viên có khả năng tổng hợp, đánh giá các yếu		Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$,

		tổ liên quan đến việc triển khai và vận hành một hệ thống thương mại điện tử. ○ MT2: Phát triển kỹ năng phân tích các mô hình TMĐT giúp sinh viên phân tích, lựa chọn mô hình kinh doanh TMĐT phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp, từng lĩnh vực và ngành kinh doanh. ○ MT3: Sinh viên có khả năng thực hiện hoạt động marketing trực tuyến, thanh toán trực tuyến, xây dựng website TMĐT và mô hình ứng dụng của TMĐT. ○ MT4: Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, bảo mật và pháp lý để vận hành TMĐT hiệu quả và an toàn.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
68	Quản trị bán hàng	MT1: Người học có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị bán hàng như: Lập kế hoạch bán hàng, Tuyển chọn, tuyển dụng lực lượng bán hàng, Tổ chức thực hiện bán hàng, Động viên lực lượng bán hàng, Thiết lập kênh phân phối, Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh sau bán hàng. MT2: Khả năng lập kế hoạch bán hàng, phân tích, xử lý các tình huống trong bán hàng, kiểm tra, động viên và đánh giá lực lượng bán hàng của doanh nghiệp. MT3: Kỹ năng bán hàng bao gồm kỹ năng trưng bày sản phẩm, kỹ năng thăm dò, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng báo giá, kỹ năng xử lý phản đối, kỹ năng kết thúc bán hàng. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
69	Quản trị quan hệ khách hàng	MT1: Có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong ứng dụng các kiến thức quản trị quan hệ khách hàng vào các hoạt động cụ thể MT2: Có khả năng xây dựng hệ thống quy trình và công cụ quản trị quan hệ khách hàng một cách độc lập	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi

		MT3: Có khả năng điều hành các công việc quản trị quan hệ khách hàng và các quyết định xử lý tình huống cụ thể MT4: Giúp sinh viên có được sự tự tin và thuyết trình, rèn luyện và nâng cao tinh thần làm việc nhóm.			tối đa ≥70%
70	Quản trị chuỗi cung ứng	MT1: Người học có kiến thức nền tảng về tổng quan chuỗi cung ứng: Khái niệm, mục tiêu, cấu trúc chuỗi cung ứng, lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng, những vấn đề chính trong quản trị chuỗi cung ứng; Chiến lược hậu cần và xây dựng kế hoạch cung ứng; Tổ chức sản xuất và thiết kế mạng lưới phân phối; Quản trị tồn kho và phân tán rủi ro; Quản trị chuỗi cung ứng tích hợp; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng. MT2: Kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan chiến lược hậu cần và xây dựng kế hoạch cung ứng; quy trình sản xuất và thiết kế mạng lưới phân phối; quản trị tồn kho và các kỹ thuật phân tán rủi ro; các xu hướng quản trị chuỗi cung ứng tích hợp; các mô hình và các công cụ cần thiết để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng. MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và kỹ năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng. MT4: Nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
71	Quản trị logistic	MT1: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản logistic và hoạt động logistic. MT2: Có khả năng nắm được các yếu tố xác định chi phí logistic MT3: Có khả năng tổ chức các hoạt động logistic đang được ứng dụng tại các doanh nghiệp MT4: Có khả năng hoàn thiện và xây dựng các phương án tối ưu cho hoạt động logistic	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
72	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	MT1: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản và cần thiết liên quan đến vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay. MT2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về triết lý đạo đức kinh doanh và vận dụng kiến thức này vào cho doanh nghiệp trong thực tiễn	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi

		MT3: Có khả năng sử dụng các công cụ để phân tích hành vi đạo đức liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. MT4: Có khả năng xây dựng các biểu trưng về văn hóa của các doanh nghiệp nay. MT5: Có kỹ năng vận dụng vào việc tạo lập văn hóa riêng cho các doanh nghiệp trong thực tiễn để có thể hội nhập kinh tế quốc tế một cách sâu hơn.			tối đa ≥70%
73	Quản trị kinh doanh quốc tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế: các hình thức kinh doanh quốc tế, các chủ thể liên quan, động cơ thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. MT2: Hiểu rõ về các yếu tố môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế và ảnh hưởng sâu rộng của chúng đến kinh doanh quốc tế. MT3: Nắm rõ nội dung, đặc điểm và điều kiện áp dụng các chiến lược kinh doanh quốc tế. Tìm hiểu việc hoạch định các chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia cũng như những kinh nghiệm của họ trên toàn cầu. MT4: Hiểu được cách thức vận hành và các hoạt động cơ bản của các công ty đa quốc gia.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%
74	Khóa luận tốt nghiệp	MT1: KIẾN THỨC Phân tích được các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài nghiên cứu. Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. Phân tích tình hình kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức đối với các doanh nghiệp. Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu trước hội đồng.	10	Học kỳ 8	Điểm báo cáo khóa luận 100%

		MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Sinh viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập và hoàn thành khóa luận			
75	Chuyên đề TN	MT1: KIẾN THỨC Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế về chuyên môn. MT2: KỸ NĂNG Kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng nội bộ của doanh nghiệp, với nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp. Phân tích tình hình kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức đối với các doanh nghiệp. Hoàn thành báo cáo khoa học về các vấn đề thực tiễn liên quan trong lĩnh vực kinh doanh. MT3: NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị. - Sinh viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập và hoàn thành báo cáo tốt nghiệp.	4	Học kỳ 8	Điểm báo cáo chuyên đề 100%
76	Quan hệ công chúng	MT1: Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản có liên quan đến lĩnh vực PR MT2: Biết được vai trò của PR trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. MT3: Vận dụng được quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông, PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá MT4: Thiết kế được chương trình PR cho một doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh MT5: Lựa chọn, phối hợp được các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		MT6: Thực hành được các hoạt động PR trong thực tế của DN: tổ chức họp báo, giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng ...			
77	Lập kế hoạch kinh doanh	MT1: Có kiến thức cơ bản về kế hoạch kinh doanh, lợi ích, nội dung, quá trình lập KHKD. MT2: Xây dựng các kế hoạch bộ phận cần thiết trong KHKD, xác định được các mối quan hệ giữa các bộ phận kế hoạch trong kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp MT3: Nắm vững các công cụ hỗ trợ cho việc lập KHKD. MT4: Phân tích được những rủi ro trong việc lập kế hoạch kinh doanh MT5: Đánh giá được kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn liên quan đến việc lập KHKD	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
78	Quản trị thương hiệu	MT1: Có kiến thức cơ bản về tài sản thương hiệu (Brand equity); MT2: Nắm vững cách thức xây dựng, duy trì và phát triển tài sản thương hiệu; MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới quản trị thương hiệu. MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để sau này có thể trở thành những nhà quản trị thương hiệu thành công.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

○

2.7. Công khai thông tin về các môn học chuyên ngành TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG, KHÓA 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết

		MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			thức học phần 60%
2	Thể dục cơ bản và Điền kinh	- Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực). - Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDDT hàng ngày. * Kỹ năng - Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng. - Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh. - Biết vận dụng các bài tập thể lực để duy trì và phát triển thể chất. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
3	Cờ vua 1	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Luật di chuyển quân và ăn quân. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ. Các nước đi đặc biệt trong cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%

4	Tâm lý học đại cương	MT1: Người học có kiến thức cơ bản về tâm lý học (khái niệm, đặc điểm, qui luật, bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý người) MT2: Người học có hứng thú đối với môn học, thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình học tập. MT3: Người học có kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lý học, sử dụng tâm lý như một phương tiện để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, điều chỉnh quá trình giao tiếp, hình thành nhân cách và phát triển năng lực của bản thân trong hoạt động sống. MT4: Dựa trên kiến thức tâm lý học để vận dụng vào hoạt động và giao tiếp phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
5	Xã hội học đại cương	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
6	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
7	Kinh tế Vi mô 1	- MT1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế học - MT2: Nắm được nguyên tắc chung của lý thuyết cung cầu và giá cả trên thị trường cũng như một số vận dụng của quy luật cung cầu. - MT3: Nắm được lý thuyết về hành vi tiêu dùng và lý thuyết về chi phí cũng như việc ra quyết định của doanh nghiệp - MT4: Có kiến thức về các cấu trúc thị trường cơ bản.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

8	Triết học Mác – Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. MT2: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. MT3: Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, để từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. MT4: Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
9	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng văn bản; các loại văn bản; kết cấu, các yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản; MT2: Hiểu về phong cách ngôn ngữ trong văn bản, có kiến thức về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; MT3: Nắm vững thể thức và kỹ thuật trình bày các loại văn bản hành chính, soạn thảo được các văn bản: công văn, thông báo, báo cáo, tờ trình, biên bản, diễn văn; MT4: Hiểu rõ về doanh nghiệp, văn bản quản lý doanh nghiệp; soạn thảo quyết định, nghị quyết, điều lệ doanh nghiệp; MT5: Nắm vững những vấn đề pháp lý về hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng; MT6: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
10	Tiếng Việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.			
11	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
12	Tiếng Anh 2	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai với <i>will</i> và <i>be going to</i>; so sánh với tính từ và trạng từ; các động từ khiếm khuyết <i>can</i>, <i>have to</i>, <i>would like</i>, <i>might</i>, <i>should</i>; các mạo từ và trạng từ; cách phát âm các âm cơ bản và một số âm khó, nhấn từ và nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng. MT3. cung cấp cho người học các bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của một số quốc gia trên thế giới.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết câu và đoạn văn đơn giản có sử dụng đại từ, liên từ, trạng từ.			
13	Bóng chuyền cơ bản	MT1. Nắm được 1 số điều luật cơ bản, và biết một số động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản MT2. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Bơi lội cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật bơi ếch. MT2: Kiến thức kỹ thuật bơi ếch. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
15	Cầu lông cơ bản	MT1: Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện cầu lông. MT2: Kiến thức cơ sở lý luận và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. MT3: Kiến thức về một số điều luật cơ bản trong cầu lông. MT4: Hình thành phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ, ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
16	Bóng bàn cơ bản	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng bàn. MT2: Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng bàn. MT3: Trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy bóng bàn cơ bản. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Bóng bàn MT5: Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
17	Cờ vua 2	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ trong Cờ Vua. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ Vua. Khai cuộc. MT2: Giải Cờ thế. MT3. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%

18	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
19	Công tác quốc phòng – An ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
20	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết

		MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			thức học phần 70%
21	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thức học phần 70%
22	Kinh tế vĩ mô 1	MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô và hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế học vĩ mô cũng như mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản MT2: Có kiến thức về các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân cơ bản MT3: Nắm vững lý thuyết về thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ MT4: Hiểu rõ cơ chế tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến nền kinh tế cũng như sự tác động kết hợp của hai nhóm chính sách này đến nền kinh tế mở MT5: Có kiến thức căn bản và chuyên sâu về hai vấn đề của nền kinh tế là lạm phát và thất nghiệp MT6: Có khả năng phát hiện vấn đề và liên hệ lý thuyết để giải thích các hiện tượng kinh tế diễn ra trong thực tiễn	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thức học phần 70%
23	Kinh tế chính trị	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết

	Mác – Lenin	mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lenin đối với người học.			thức học phần 60%
24	Marketing	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về môn học marketing thông qua hiểu các khái niệm, vai trò, quy tắc, chiến lược marketing. MT2: Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, giải thích các quyết định marketing của doanh nghiệp. MT3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng chuyên môn. MT4: Giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm xã hội, thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm trong công việc	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Tiếng Anh 3	MT1: có thể tự tin đọc hiểu các sách chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng bằng tiếng anh MT2: có thể làm việc trong môi trường Tài chính – Ngân hàng có sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh MT3: sử dụng hiệu quả được vốn kiến thức từ vựng chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng MT4: vận dụng được vốn kiến thức và thuật ngữ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng vào các buổi thảo luận hoặc các trong các hoạt động học thuật.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
26	Pháp luật đại cương VN	- MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; - MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết

		- MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam; - MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; - MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.			thức học phần 60%
27	Toán cao cấp cho kinh tế	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm và vi phân của hàm nhiều biến, ứng dụng đạo hàm vào bài toán cực trị của hàm số; MT2. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính; MT3. Cung cấp cho sinh viên một số ứng dụng của toán học vào các vấn đề của kinh tế, quản lý.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
28	Teakwondo cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn Taekwondo, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về môn Taekwondo. MT3. Tham gia các giải phong trào do Câu lạc bộ, Khoa, Trường tổ chức. MT4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Taekwondo MT5: Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
29	Thể dục nhịp điệu cơ bản	MT1. Cấu trúc của bài thi Thể dục Aerobics. MT2. Trang bị những kỹ năng thực hành động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác. MT3. Giảng dạy bài mẫu	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
30	Bóng đá cơ bản	MT1: Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ môn Bóng đá. MT2: Kiến thức kỹ thuật Bóng đá. MT3: Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

31	Bóng rổ cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. MT2. Nắm được 1 số điều luật cơ bản môn bóng rổ. MT3: SV hiểu được trách nhiệm, vai trò, sứ mệnh của người giáo viên trong giai đoạn mới; có tinh thần cầu thị, chủ động thích ứng với sự thay đổi.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
32	Cờ vua 3	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ Vua. Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua. MT2: Giải Cờ thế. MT3: Sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các buổi học.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
33	Nguyên lý kế toán	MT1: Trang bị những kiến thức về khái niệm cơ bản như: Kế toán, Chứng từ kế toán; kiểm kê; Tài khoản kế toán và phương pháp kế toán kép; Sổ kế toán và các hình thức kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu. MT2: Tạo dựng khả năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán và thực hiện được các phân hành kế toán cơ bản. MT3: Trang bị kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình MT4: Xây dựng được tinh thần trách nhiệm và tính chuẩn xác với công việc kế toán.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
34	Tài chính - Tiền tệ	MT1: Hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ và hệ thống tài chính cũng như các định chế tài chính trung gian. MT2: Hiểu và phân tích được các chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để làm rõ các vấn đề về lý thuyết tiền tệ, hệ thống tài chính, các định chế tài chính trung gian và lưu thông tiền tệ. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
35	Nguyên lý thống kê	MT1: có khả năng nhận biết được các loại dữ liệu trong phân tích kinh tế và sử dụng được các công cụ của Kinh tế lượng;	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%,

		MT2: Có khả năng ứng dụng mô hình hồi quy đa biến, và nhận biết và khác phục một số vấn đề cơ bản của mô hình hồi quy và tiếp cận được cách nghiên cứu khoa học sử dụng phương pháp định lượng; MT3: có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình một phương trình với các tình huống kinh tế cơ bản: ước lượng được các hàm cung, các hàm cầu, hàm tổng chi phí,.... Biết sử dụng một trong các phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng: STATA, EVIEWS, SPSS để áp dụng trong lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, kinh doanh, phân tích dữ liệu thực tế để đưa ra kết luận và quyết định kinh doanh đúng.			điểm thi kết thúc học phần 60%
36	Quản trị học	MT1: Khái quát được lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh. MT2: Nắm được nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị. MT3: Nắm được nguyên tắc và các chức năng quản trị. MT4: Nắm được các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị. MT5: Giải quyết được các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống. MT6: Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
37	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bản tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mỗi luận văn cá nhân.			
38	Thuế	MT1: Hiểu và vận dụng cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế trong việc tìm hiểu các loại thuế khác nhau của hệ thống thuế Việt Nam hiện hành; MT2: Thực hiện tốt việc tính thuế phải nộp trong từng trường hợp cụ thể; MT3: Phân tích, giải thích những tình huống thuế trên thực tế, những ảnh hưởng của thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đến đời sống của cá nhân người nộp thuế ; MT4: Chia sẻ sự hiểu biết của mình về thuế đến cộng đồng;	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
39	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.			
40	Phương pháp nghiên cứu KH	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu; MT2: Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhận dạng, lựa chọn và phát triển vấn đề nghiên cứu; Thiết kế đề cương nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra; MT3: Hướng dẫn cách thu thập, xử lý và phân tích tài liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu; MT4: Hướng dẫn kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và phản biện các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
41	Kế toán doanh nghiệp	MT1. Nguyên tắc và bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ảnh hưởng đến tình hình tài sản của doanh nghiệp MT2. Vận dụng được kiến thức đã học để xử lý bài tập và xử lý các tình huống thực tế liên quan đến nội dung của học phần MT3. Vận dụng được các nguyên tắc đó để đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp MT4. Khả năng làm việc nhóm, phản biện các nội dung liên quan đến kế toán và báo cáo tài chính. MT5. Khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết vấn đề	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Kế toán hành chính sự nghiệp	MT1. Trình bày những điểm cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp. MT2. Cung cấp kiến thức về quy trình tổ chức kế toán các phần hành kế toán gồm vốn bằng tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản thu – chi – xác định kết quả các hoạt động và xác định thặng dư (thâm hụt)...để xử lý, phân tích và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT3. Hướng dẫn đọc và lập các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán để cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý nguồn kinh phí một cách có hiệu quả. MT4. Rèn luyện khả năng tự học tập, đọc tài liệu và tra cứu thông tin một cách nghiêm túc, chăm chỉ. MT5. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông			
43	Toán tài chính	MT1: Nắm vững các phép toán lãi đơn cơ bản MT2: Hiểu rõ cách trình bày một tài khoản vãng lai MT3: Hiểu được phép tính lãi kép và so sánh với phép toán lãi đơn MT4: Có kiến thức trong nghiệp vụ chiết khấu thương phiếu MT5: Có khả năng sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
44	Luật kinh tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, chủ thể của Luật kinh tế. Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty cổ phần, hợp tác xã và hộ kinh doanh); MT2: Hiểu rõ các dấu hiệu một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản; MT3: Nắm vững vững lý thuyết về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp; MT4: Có kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các hình thức bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục đề giải quyết một tranh chấp kinh doanh - thương mại; MT5: Có kỹ năng tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Tiền tệ ngân hàng	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về tiền tệ và cung cầu tiền tệ;	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%,

		MT2: Cung cấp kiến thức về cấu trúc của hệ thống ngân hàng trên thế giới và ở Việt Nam; MT3: Cung cấp kiến thức tổng quan về tín dụng, lãi suất tín dụng và rèn luyện kỹ năng tính toán dựa trên lãi suất trong các hoạt động đầu tư, cho vay, gửi tiền; MT4: Trang bị kiến thức về khái niệm, phân loại và hoạt động của ngân hàng thương mại; rèn luyện kỹ năng tính toán số tiền khách hàng nhận được trong nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại; MT5: Trang bị kiến thức cơ bản về ngân hàng Trung ương và các chính sách tiền tệ; MT6: Cung cấp kiến thức về tiền tệ quốc tế và tín dụng quốc tế; MT7: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng; MT8: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.			điểm thi kết thúc học phần 60%
46	Luật ngân hàng	MT1: Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật ngân hàng; - MT2: Hiểu cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng; - MT3: Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; - MT4: Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực ngân hàng; - MT5: Có được những kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động ngân hàng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
47	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	MT1: Sau khi học xong học phần này người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản và cần thiết liên quan đến vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về triết lý đạo đức kinh doanh và vận dụng kiến thức này vào cho doanh nghiệp trong thực tiễn MT3: Có khả năng sử dụng các công cụ để phân tích hành vi đạo đức liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. MT4: Có khả năng xây dựng các biểu trưng về văn hóa của các doanh nghiệp nay. MT5: Có kỹ năng vận dụng vào việc tạo lập văn hóa riêng cho các doanh nghiệp trong thực tiễn để có thể hội nhập kinh tế quốc tế một cách sâu hơn.			
48	Tài chính doanh nghiệp 1	MT1: Có kiến thức cơ bản về các loại hình, đặc điểm, mục tiêu, vai trò của doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp; MT2: Có kiến thức nền tảng về tiền lãi, lãi suất, giá trị thời gian của tiền tệ (giá trị tương lai, giá trị hiện tại) và các ứng dụng trong thực tiễn; MT3: Nắm vững lý thuyết về chứng khoán, các phương pháp định giá chứng khoán để đưa ra được các quyết định đầu tư; MT4: Hiểu biết lý thuyết về các nguồn vốn của doanh nghiệp, các mô hình định giá được sử dụng trong thực tế; MT5: Có kiến thức cơ bản về các loại dự án đầu tư của doanh nghiệp, quy trình tổng quát cũng như các kỹ thuật về phân tích để ra quyết định đầu tư; MT6: Nắm rõ lý thuyết về nội dung, kết cấu của các báo cáo tài chính, ý nghĩa và kỹ thuật các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
49	Tiếng anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	- MT1: có thể tự tin đọc hiểu các sách chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng bằng tiếng anh - MT2: có thể làm việc trong môi trường Tài chính – Ngân hàng có sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh - MT3: sử dụng hiệu quả được vốn kiến thức từ vựng chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		- MT4: vận dụng được vốn kiến thức và thuật ngữ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng vào các buổi thảo luận hoặc các trong các hoạt động học thuật.			
50	Thị trường chứng khoán	MT1: Trang bị kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như lịch sử ra đời, khái niệm, phân loại, chức năng, các chủ thể tham gia và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; MT2: Trang bị kiến thức nền tảng về các loại chứng khoán và cách thức định giá từng loại trái phiếu và cổ phiếu cụ thể; MT3: Trang bị kiến thức về các hình thức tổ chức của thị trường chứng khoán; MT4: Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán và khả năng vận dụng trong phân tích chứng khoán. MT5: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về thị trường chứng khoán; MT6: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
51	Thị trường tài chính	MT1: Có kiến thức cơ bản về thị trường tài chính như lịch sử hình thành và phát triển; bản chất, chức năng, phân loại; các hàng hóa giao dịch và các trung gian tài chính. MT2: Có kiến thức cơ bản về thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường chứng khoán như khái niệm, đặc điểm, chức năng, các chủ thể tham gia, cơ chế vận hành, nguyên tắc hoạt động, các công cụ và nghiệp vụ trên từng loại thị trường. MT3: Có khả năng nhận biết được các loại hàng hóa được mua bán trên các thị trường. Phân biệt được sự giống và khác nhau của các loại hàng hóa giao dịch trên các loại thị trường. MT4: Có khả năng tham gia mua bán các hàng hóa trên các loại thị trường và có thể làm việc tại công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính khác. - MT5: Có khả năng đọc hiểu kiến thức lý thuyết, vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài tập; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi hay phản biện các vấn đề về thị trường tài chính.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

52	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	MT1: Phân tích và áp dụng được các nghiệp vụ của ngân hàng liên quan đến huy động vốn, tăng vốn chủ sở hữu, dịch vụ thanh toán, cho vay và cho thuê tài chính. MT2: Vận dụng vào thực tế và có khả năng đánh giá được các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại. Thu thập thông tin khách hàng gửi tiền và vay tiền, sử dụng được các kiến thức đã được học vào quy trình phân tích, đánh giá khách hàng. MT3: Tham dự lớp đầy đủ; Nỗ lực hoàn thành các bài tập được giao, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Tích cực tham gia các hoạt động ở lớp. Có thái độ nghiêm túc trong học tập; Cố gắng áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn. Thay đổi tư duy trong đối xử, giao tiếp với khách hàng trong môi trường có nhiều mối quan hệ tác động và ràng buộc hiện nay.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
53	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
54	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	MT1: Có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ của ngân hàng thương mại, cụ thể là các nghiệp vụ về nguồn vốn, sử dụng vốn, các nghiệp vụ cấp tín dụng và các dịch vụ tài chính hiện đại của ngân hàng thương mại; MT2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Nghiệp vụ tài trợ xuất nhập khẩu, nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán, nghiệp vụ thanh toán quốc tế; MT3: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Nghiệp vụ quản lý rủi ro tại ngân hàng, Nghiệp vụ ngân hàng cho khách hàng cá nhân, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại;	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT4: Có khả năng đánh giá, xác định hoạt động của ngân hàng thương mại để nhận biết, lựa chọn và tư vấn một số sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng thương mại. MT5: Có khả năng phát triển các kỹ năng để vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh của NHTM.			
55	Tài chính doanh nghiệp 2	MT1: Xác định nguồn tài trợ của doanh nghiệp; MT2: Xác định chi phí sử dụng vốn và ra quyết định đầu tư của doanh nghiệp; MT3: Phân tích đòn bẩy của doanh nghiệp; MT4: Quản trị các loại tài sản ngắn hạn MT5: Nguồn tài trợ ngắn hạn MT6: Ra quyết định thuê hay mua tài sản.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
56	Tài chính quốc tế	MT1: Có kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế như lịch sử hình thành và phát triển; đặc điểm, vai trò của tài chính quốc tế MT2: Có kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối như khái niệm, đặc điểm, chức năng; những yếu tố cơ bản trong giao dịch ngoại hối và các giao dịch (ng nghiệp vụ) hối đoái trên thị trường ngoại hối. MT3: Có khả năng nhận biết được những nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái. MT4: Có khả năng sử dụng các mô hình, công cụ để phân tích và dự báo sự biến động của tỷ giá. - MT5: Có khả năng đọc hiểu kiến thức lý thuyết, vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài tập; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi hay phản biện các vấn đề về tài chính quốc tế.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
57	Thanh toán và tín dụng quốc tế	MT1: Có kiến thức cơ bản và toàn diện về các nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại, giúp người học có thể đảm nhiệm tốt khâu thanh toán quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		động xuất nhập khẩu và các phòng thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại; MT2: Có những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, thị trường hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế; MT3: Có kiến thức về những quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, các phương thức và điều kiện thương mại quốc tế thông dụng, các đặc điểm của hợp đồng ngoại thương và bộ chứng từ, quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu. MT4: Phát triển kỹ năng soạn thảo và kiểm tra hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa và bộ chứng từ thanh toán quốc tế. Phát triển được kỹ năng thuyết trình và kỹ năng ra quyết định thanh toán phù hợp với các thông lệ quốc tế, nhằm hạn chế rủi ro thanh toán và tài trợ XNK MT5: Vận dụng kiến thức và lý thuyết để giải thích được một số vấn đề trong thương mại quốc tế và giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu của NHTM. MT6: Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình. Kỹ năng đọc hiểu thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. MT7: Ý thức chấp hành pháp luật tốt và đạo đức trong kinh doanh. Tinh thần trách nhiệm và tác phong nghiêm túc trong công việc.			
58	Tài chính công	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về các nội dung: Tổng quan về tài chính công; Hệ thống thuế của Nhà nước; Ngân sách Nhà nước; Bội chi ngân sách Nhà nước và nợ công; Các Quỹ tài chính công ngoài ngân sách Nhà nước; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo về thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu – chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích, trình bày báo cáo phân tích các nội dung liên quan đến hoạt động thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu - chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước. MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến hoạt động thu - chi ngân sách Nhà nước và nợ công, tình hình thu - chi của quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước.			
59	Kinh tế lượng	MT1: có khả năng nhận biết được các loại dữ liệu trong phân tích kinh tế và sử dụng được các công cụ của Kinh tế lượng; MT2: Có khả năng ứng dụng mô hình hồi quy đa biến, và nhận biết và khác phục một số vấn đề cơ bản của mô hình hồi quy và tiếp cận được cách nghiên cứu khoa học sử dụng phương pháp định lượng; MT3: có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình một phương trình với các tình huống kinh tế cơ bản: ước lượng được các hàm cung, các hàm cầu, hàm tổng chi phí,.... Biết sử dụng một trong các phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng: STATA, EVIEWS, SPSS để áp dụng trong lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, kinh doanh, phân tích dữ liệu thực tế để đưa ra kết luận và quyết định kinh doanh đúng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
60	Hệ thống thông tin Tài chính - Ngân hàng	MT1: Trang bị kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin tài chính ngân hàng; MT2: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản trong sử dụng một số hàm Excel thông dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; MT3: Trang bị kiến thức về kỹ năng sử dụng một số công cụ phần mềm trong phân tích rủi ro; MT5: Rèn luyện kỹ năng thực hành công nghệ thông tin cơ bản trong học tập và nghiên cứu; MT6: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

61	Kế toán ngân hàng	MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại. MT2: Hiểu được các nghiệp vụ kinh tế, quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế trong các ngân hàng thương mại. MT3: Hướng dẫn sinh viên xử lý và giải được các bài tập liên quan đến nội dung của học phần. MT4: Kỹ năng tự nghiên cứu, lắng nghe, giao tiếp, ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
62	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	MT1: Có kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và bản chất của NHTW, chức năng của NHTW, mô hình tổ chức của NHTW. - MT2: Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các nghiệp vụ chủ yếu của NHTW, MT3: Có khả năng giải quyết tình huống thực tế về các nghiệp vụ cũng như các chính sách của NHTW. - MT4: Có khả năng đọc hiểu kiến thức lý thuyết, vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài tập; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, làm việc nhóm, thuyết trình hay phản biện các vấn đề về ngân hàng trung ương.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
63	Thẩm định tín dụng	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về tín dụng ngân hàng và công tác thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại; MT2: Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành về thẩm định năng lực pháp lý, thẩm định năng lực tài chính, thẩm định phương án và dự án đầu tư và thẩm định tài sản bảo đảm của khách hàng vay vốn; MT3: Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành về lập tờ trình thẩm định tín dụng; MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và phản biện các vấn đề về tín dụng và thẩm định tín dụng; MT5: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

64	Định giá tài sản	MT1: Trang bị kiến thức cơ bản về định giá tài sản (tài sản, quyền sở hữu tài sản, giá trị thị trường, giá trị phi thị trường...), mục đích của định giá tài sản, nguyên tắc và quy trình thẩm định giá; MT2: Trang bị kiến thức nền tảng về phương pháp định giá bất động sản; MT3: Nắm vững lý thuyết về phương pháp định giá máy móc, thiết bị và sự khác nhau giữa định giá bất động sản so với máy, thiết bị; MT4: Hiểu rõ lý thuyết về các phương pháp xác định và các yếu tố tác động đến giá trị doanh nghiệp; MT5: Có kiến thức cơ bản về quy trình, hồ sơ, các báo cáo và chứng thư định giá tài sản; MT6: Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong công tác và phục vụ cộng đồng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
65	Lập và thẩm định dự án đầu tư	- MT1: Có kiến thức cơ bản về Lập và thẩm định dự án đầu tư; - MT2: Nắm vững cách thức phân tích và thẩm định dự án đầu tư; - MT3: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan tới Lập và thẩm định dự án đầu tư - MT4: Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong học tập và công việc, để sau này có thể trở thành những nhà quản trị dự án đầu tư thành công.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
66	Quản trị rủi ro tài chính	MT1: Hiểu được kiến thức cơ bản về các loại rủi ro tài chính của ngân hàng, doanh nghiệp; MT2: Hiểu được kiến thức cơ bản về hợp đồng quyền chọn; MT3: Hiểu rõ về hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai; MT4: Hiểu rõ hợp đồng hoán đổi; MT5: Nắm vững lý thuyết về rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro lãi suất MT6: Thái độ chuyên nghiệp trong làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện trong quản trị rủi ro tài chính. MT7: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
67	Đầu tư tài chính	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về đầu tư tài chính: quan điểm đầu tư, các lý thuyết liên quan đến hoạt động đầu tư, các mô hình định giá tài sản tài	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết

		chính, phân tích và dự đoán giá cả, xây dựng và quản lý danh mục hiệu quả; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo phân tích đầu tư tài chính; MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích đầu tư, trình bày báo cáo phân tích đầu tư; MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến đầu tư tài chính.			thức học phần 70%
68	Phân tích tài chính	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp, các phương pháp tiến hành phân tích tài chính doanh nghiệp; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo phân tích tài chính doanh nghiệp; MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích, trình bày báo cáo phân tích tài chính doanh nghiệp; MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến phân tích tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thức học phần 70%
69	Quản trị ngân hàng thương mại	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về các nội dung cần quản lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo về hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại; MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích, trình bày báo cáo phân tích các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thức học phần 70%
70	Thực tập nghề nghiệp	M1: Kiến thức Vận dụng được các kiến thức được học trong việc giải quyết các tình huống thực tế tại cơ sở thực tập. M2: Kỹ năng	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thức học phần 70%

		- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng và với cán bộ của cơ sở thực tập. - Giúp sinh viên phát triển được kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề thực tiễn. - Giúp Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập M3: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm - Giúp sinh viên hoàn thiện được đạo đức, tác phong nghề nghiệp. - Có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc, tuân thủ các quy định khi thực tập tại đơn vị.			
71	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
72	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-Nay).	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

		MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
73	Bảo hiểm	MT1: Có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, chức năng và khái niệm của bảo hiểm MT2: Có kiến thức nền tảng về các vấn đề của bảo hiểm thương mại; MT3: Hiểu rõ về các loại bảo hiểm phi lợi nhuận MT4: Giúp sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng ứng dụng các kiến thức đã học về bảo hiểm để phòng tránh rủi ro trong ngân hàng và trong doanh nghiệp MT5: Giúp sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng ra trường có thể làm việc trong các tổ chức bảo hiểm phi lợi nhuận như tổ chức bảo hiểm xã hội, tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc làm công việc tư vấn tài chính trong các doanh nghiệp bảo hiểm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
74	Khóa luận tốt nghiệp	M1: Phát triển năng lực nghiên cứu độc lập thông qua các công cụ phân tích kinh tế, tài chính cho một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. M2: Viết và trình bày dựa vào số liệu và thông tin được thu thập từ thực tế và được phân tích bằng các công cụ phân tích kinh tế - tài chính. M3: Thực hiện nghiên cứu một đề tài cụ thể và trình bày kết quả nghiên cứu.	10	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
75	Chuyên đề tốt nghiệp	M1: Phát triển năng lực nghiên cứu độc lập thông qua các công cụ phân tích kinh tế, tài chính cho một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. M2: Viết và trình bày dựa vào số liệu và thông tin được thu thập từ thực tế và được phân tích bằng các công cụ phân tích kinh tế - tài chính.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		M3: Thực hiện nghiên cứu một đề tài cụ thể và trình bày kết quả nghiên cứu.			
76	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu liên quan đến quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và hoạch định tài chính của công ty, quyết định thuê hay mua tài sản, phân phối lợi nhuận và quyết định tái cấu trúc công ty; MT2: Trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức để đưa ra quyết định đầu tư và lựa chọn hình thức tài trợ, quyết định thuê hay mua tài sản của công ty; MT3: Trang bị cho sinh viên khả năng hoạch định tài chính dài hạn và ngắn hạn trong thực tế cho công ty.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
77	Tín dụng ngân hàng	MT1: Những kiến thức về vấn đề lí luận cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng MT2: Có kiến thức về phân tích tín dụng, đảm bảo tín dụng, cho vay tiêu dùng và cho vay hộ nông dân. MT3: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm để thực hiện được nghiệp vụ cho vay tiêu dùng, cho vay hộ nông dân. MT4: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự học tự nghiên cứu.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
78	Quản trị rủi ro tín dụng	MT1: Cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại; MT2: Trang bị kỹ năng tìm kiếm, đọc hiểu các báo cáo về rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại; MT3: Trang bị kỹ năng viết báo cáo phân tích, trình bày báo cáo phân tích các nội dung liên quan đến rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại. MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

79	Tài trợ thương mại quốc tế	MT1: Trang bị kiến thức cơ bản về các hình thức tài trợ thương mại quốc tế như: - tài trợ thương mại quốc tế trực tiếp của tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, các doanh nghiệp - tài trợ thương mại quốc tế trực tiếp của các tổ chức chính phủ - tài trợ thương mại gián tiếp của nhà nước MT2: Hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động tài trợ thương mại quốc tế. MT3: Tham dự lớp đầy đủ; Nỗ lực hoàn thành các bài tập được giao, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; Tích cực tham gia các hoạt động ở lớp. Có thái độ nghiêm túc trong học tập; Cố gắng áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 20%, điểm thi kết thúc học phần 80%
80	Kinh doanh ngoại hối	MT1: Có kiến thức cơ bản và toàn diện về thị trường ngoại hối và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối phổ biến trên thị trường hiện nay, giúp người học có thể thực hiện tốt các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối tại các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại; MT2: Có thể vận dụng các nghiệp vụ giao dịch trên thị trường ngoại hối để bảo hiểm rủi ro tỷ giá và kinh doanh ngoại tệ tại các công ty xuất nhập khẩu và ngân hàng.; MT3: Vận dụng kiến thức và lý thuyết để giải thích được một số vấn đề trong kinh doanh ngoại hối và giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tế. MT4: Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình. MT5: Rèn luyện tác phong năng động, nhạy bén trong nhận định, đánh giá tình huống MT6: Rèn luyện tư duy tổng quát và khả năng tổng hợp nhanh nhạy các vấn đề	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

2.8. Công khai các môn học của ngành Kinh tế phát triển khóa 2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. * Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
2	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

3	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
4	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6	Địa lý kinh tế Việt Nam	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp và căn bản để có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	HK1	Điểm chuyên cần: 30%

					Điểm thi kết thúc học phần: 70%
7	Kinh tế đối ngoại	Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về những vấn đề quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại và quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.	2	HK1	Điểm chuyên cần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8	Kinh tế vi mô 1	- Hiểu các nguyên lý cơ bản của vấn đề kinh tế, các quy luật kinh tế và nguyên tắc hoạt động của một số thành phần kinh tế trong các hoạt động kinh tế. - Phân tích hành vi kinh tế của các thành viên kinh tế, như hoạt động của doanh nghiệp, các cá nhân và hộ gia đình với các mục tiêu riêng nhằm mang lại tối đa hóa lợi ích cho các nhóm đối tượng trên.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
9	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
10	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường. Sau khi học xong học phần này người học có khả năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực marketing trong các doanh nghiệp và các hoạt động xã hội. Trước hết người học hiểu được bản chất của marketing thông qua một	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

		số khái niệm liên quan đến Marketing; Bên cạnh đó nó giúp người học biết cách phân tích môi trường marketing, hiểu rõ hành vi khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu. Từ đó có thể hiểu và biết cách phân tích, vận dụng triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: Sản phẩm, Giá, Phân phối, Xúc tiến.			
11	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc và kỹ năng viết cho sinh viên năm thứ nhất không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở học phần Tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
12	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
13	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

		Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.			
14	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
15	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

		tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.			
16	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần <u>thể thao trí tuệ</u> cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện <u>tư duy</u> và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
17	Toán cao cấp cho kinh tế	Toán học đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu các vấn đề của kinh tế. Học phần Toán cao cấp cho kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Giải tích như đạo hàm và vi phân của hàm một biến, đạo hàm riêng và vi phân của hàm nhiều biến, cực trị của hàm một biến, cực trị của hàm nhiều biến, ứng dụng của toán học vào việc phân tích quá trình và ra quyết định trong kinh tế, quản lý, ... Học phần này còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, ứng dụng vào nghiên cứu một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Thông qua việc học toán cao cấp sinh viên có thể học tốt các học phần cho chuyên ngành kinh tế như Quy hoạch tuyến tính, Toán kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng,...	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
18	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.			
19	Đường lối quốc phòng an ninh của đảng cộng sản việt nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
20	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam			
21	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
22	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
23	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi

		luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			cuối kì ≥80%
24	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp; tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường: giải thể, phá sản.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
25	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên năm thứ nhất, không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần Tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần Tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%
26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di	1	HK3	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%

		chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.			
27	Teakwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
28	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
29	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi

		trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			cuối kì ≥80%
31	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
32	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế vận động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
33	Triết học Mác – Lê Nin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

34	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
36	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu).	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
37	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
38	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi

					cuối kì ≥70%
39	PP nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	HK4	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%
40	Thống kê kinh tế	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thông kê kinh tế trong toàn bộ quá trình sản xuất của toàn bộ nền kinh tế. Vận dụng các phương pháp nguyên lý thống kê trong quản lý, phân tích các phân tử trong nền kinh tế; thống kê dân số và lao động; hệ thống các chỉ tiêu thống kê sản lượng quốc dân và hệ thống tài khoản quốc gia.	2	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
41	Thống kê doanh nghiệp	Vận dụng tính toán các chỉ tiêu chi phí, chỉ tiêu kết quả, qua đó xác định các chỉ tiêu hiệu quả nói chung và hiệu quả tài chính nói riêng trong doanh nghiệp; Hiểu rõ được thống kê giá thành sản xuất và hiệu quả SXKD trong DN; Vận dụng thống kê lao động trong doanh nghiệp; Nắm rõ thống kê tài sản cố định trong DN và thống kê vốn trong KD; Hiểu được tầm quan trọng về kiến thức và kỹ năng cũng như ý nghĩa của học phần Thống kê DN trong việc ứng dụng vào các chương trình học cụ thể.	2	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
42	Tài chính tiền tệ	Học phần Tài chính tiền tệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: những lý luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, thị trường tài chính, tài chính quốc tế. Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤20%, điểm thi cuối kì ≥80%

43	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
44	Kinh tế vi mô 2	Mục tiêu chủ yếu của học phần này là trang bị cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế học phúc lợi ứng dụng để sinh viên dễ dàng hiểu thấu đáo các học phần chuyên ngành như Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế nguồn nhân lực, Kinh tế tài nguyên môi trường... Khi hoàn tất thành công học phần, cùng với hệ thống kiến thức của các môn chuyên ngành kinh tế, sinh viên sẽ có khả năng ứng dụng để phân tích, tổng hợp và đánh giá các chính sách công trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế thị trường.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên năm thứ hai không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống và công việc thường ngày đồng thời nghe để xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình, có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh, có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hoá như phim ảnh, sách báo, âm nhạc), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực khác nhau), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

		thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc). Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
46	Kinh tế vĩ mô 2	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận căn bản và kiến thức thực tiễn về các công cụ, mô hình và chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và vận dụng vào môi trường và điều kiện của Việt Nam ở góc độ toàn ngành kinh tế nói riêng; từ đó giúp sinh viên có thể phân tích, đánh giá tình hình điều hành nền kinh tế vĩ mô của Nhà nước và áp dụng những kiến thức này vào các học phần chuyên ngành kinh tế.	3	HK5	Điểm chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
47	Kinh tế lượng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thiết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 40%; Điểm thi kết thúc học phần: 60%
48	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
49	Kinh tế phát triển 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề trong phát triển kinh tế, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức môn học trong các môn học hay khóa học khác cũng như trong công việc.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

50	Kinh tế biến đổi khí hậu	Học phần Kinh tế biến đổi khí hậu nhằm giúp cho người học: - Hiểu rõ những khái niệm và những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên trong điều kiện biến đổi khí hậu; - Nắm được những giải pháp của việc ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam cũng như trên thế giới, những công cụ đánh giá mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra cho cộng đồng; - Hiểu được các nguyên tắc và giải pháp kinh tế, xã hội và kỹ thuật trong việc phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu - Vận dụng sáng tạo Kinh tế biến đổi khí hậu trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
51	Kinh tế nguồn nhân lực	Mục tiêu của môn Kinh tế nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cần thiết trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực ở tầm vĩ mô.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ. Từ mục đích nghiên cứu, nội dung của môn học chia thành ba nội dung lớn: - Phần thứ nhất: Các học thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế; - Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; - Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
53	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
54	Tiếng anh ứng dụng trong kinh tế	Học phần “Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế” trang bị cho sinh viên vốn Tiếng Anh đặc biệt đối với các lĩnh vực kinh tế, quản trị, thương mại và ngân hàng. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những tài liệu, báo cáo khoa học trong lĩnh vực kinh tế nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng có thể tự tìm hiểu và nghiên cứu những chủ đề chuyên môn được xuất bản bằng Tiếng Anh. Cung cấp những kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình và văn hóa giao tiếp Anh Ngữ trong môi trường kinh doanh.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
55	Kinh tế phát triển 2	Học phần này được xây dựng trên cơ sở các lý thuyết về kinh tế học, các mô hình định lượng và kiến thức về khoa học xã hội khác. Nội dung chính của học phần nhằm: (1) phân tích các vấn đề tồn tại trong phát triển kinh tế ở phạm vi toàn cầu, quốc gia và ngành; (2) sử dụng các mô hình kinh tế định lượng để phân tích các yếu tố nguồn lực kinh tế như lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; (3) giải thích sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế xã hội và đặc trưng của nguồn lực kinh tế đến hiệu quả kinh tế thông qua các mô hình kinh tế.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56	Kinh tế vùng	Học phần giới thiệu những vấn đề liên quan đến quy hoạch tổ chức nền kinh tế theo lãnh thổ. Tổ chức kinh tế - xã hội theo lãnh thổ đề cập những vấn đề liên quan tới bản chất, các phương pháp xây dựng, các nguyên tắc và nội dung cơ bản của tổ chức lãnh thổ. Trong đó đi sâu vào phân công lao động theo lãnh thổ, phân bố lực lượng sản xuất, phân bố dân cư, quan hệ sản xuất. Vấn đề phân vùng kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
57	Kinh tế công nghiệp	Học phần Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc, chiếm vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo cho chuyên ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về công nghiệp và kinh tế công	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi

		ng nghiệp. Các nội dung chính được giới thiệu trong học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về công nghiệp như vai trò của công nghiệp, các hoạt động công nghiệp và mối quan hệ giữa các hoạt động này; nguồn lực trong công nghiệp như tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, vốn, lao động, công nghệ; tổ chức sản xuất công nghiệp, thị trường sản phẩm công nghiệp như sản phẩm công nghiệp, phân loại, chu kỳ sống sản phẩm công nghiệp, marketing công nghiệp; đầu tư phát triển công nghiệp và quản lý nhà nước đối với công nghiệp Việt Nam.			cuối kì ≥70%
58	Kinh tế thương mại và dịch vụ	Môn học Kinh tế thương mại đề cập đến các nội dung sau: Khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, làm rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, các lý thuyết thương mại; Tìm hiểu doanh nghiệp và cơ chế hoạt động của doanh nghiệp thương mại trong nền kinh tế quốc dân; Hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại; Cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại; Hệ thống các công cụ quản lý thương mại; Tổ chức kinh doanh thương mại hàng hóa trong cơ chế thị trường; Hoạt động kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp thương mại; Thương mại điện tử; Để đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, phần cuối môn học đề cập đến những phương thức hạch toán kinh doanh trong thương mại, khẳng định vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế - xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
59	Kinh tế sản xuất ứng dụng	Xuất phát từ những nghiên cứu về hành vi người sản xuất và là cơ sở cho hàm ý chính sách, học phần này bao gồm những nội dung chính như: (i) Lý thuyết về kinh tế học sản xuất; (ii) Xây dựng hàm sản xuất và ứng dụng; (iii) Phân tích hiệu quả sản xuất và năng suất tổng hợp; và (iv) Một số các nghiên cứu ứng dụng lý thuyết sản xuất (tập trung những vấn đề của Việt Nam).	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
60	Chương trình phát	Học phần chương trình phát triển kinh tế - xã hội là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần này được bố trí vào học kỳ cuối và dành cho các sinh viên thực	2	HK7	Điểm tích lũy ≤50%, điểm thi

	triển KT – XH	hiện chuyên đề tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận và kiến thức thực tiễn về chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: - Tổng quan về chương trình phát triển kinh tế - xã hội; - Xây dựng và thẩm định chương trình phát triển kinh tế - xã hội; - Quản lý, giám sát và đánh giá chương trình phát triển kinh tế - xã hội; - Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam			cuối kì ≥50%
61	Phân tích lợi ích và chi phí	Học phần Phân tích lợi ích và chi phí là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên chuyên ngành Kinh tế. Đây là một công cụ phân tích kinh tế được sử dụng khá phổ biến ở các quốc gia phát triển nhằm nhận diện, lượng hóa và định giá bằng tiền tất cả lợi ích và chi phí trên quan điểm xã hội của một dự án, một chính sách hoặc một chương trình phát triển nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án sử dụng nguồn lực tốt nhất về khía cạnh hiệu quả kinh tế. Nội dung cụ thể gồm: ➤ Giới thiệu phân tích lợi ích và chi phí ➤ Xem xét mô hình thị trường cạnh tranh ➤ Nhận dạng lợi ích và chi phí ➤ Đánh giá với giá cả thị trường và đánh giá trong điều kiện không có thị trường ➤ Yếu tố thời gian của lợi ích và chi phí ➤ Tỷ suất chiết khấu xã hội và lựa chọn tiêu chí đầu tư ➤ Tổ chức phân tích	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
62	Dự báo phát triển	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác xuất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi

	kinh tế xã hội	triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai. Học phần này cung cấp cho người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý những phương pháp dự báo nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý. Học phần này dựa trên cơ sở tính khoa học của chủ nghĩa Marx – Lenin như quy luật biện chứng, kế thừa lịch sử. Học phần cũng sử dụng các công cụ toán học kết hợp với kinh tế học. Bên cạnh đó, học phần còn có mối liên hệ mật thiết với các môn học kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội, chính sách và quy hoạch phát triển vùng, tài chính công, chiến lược kinh doanh... Để thực hiện được vai trò của học phần, học phần dự báo phát triển kinh tế - xã hội sẽ trang bị cho sinh viên những nội dung sau: - Những vấn đề cơ bản về lý luận, phương pháp luận của dự báo. - Hệ thống các phương pháp dự báo cơ bản - Các lĩnh vực và các yếu tố dự báo chủ yếu.			cuối kì ≥70%
63	Phân tích chính sách phát triển	Học phần Phân tích chính sách phát triển bao gồm 6 chương. Học phần tập trung giải quyết những vấn đề chung có tính phương pháp luận của phân tích chính sách như: hiểu thế nào là phân tích chính sách; khung khổ phân tích trong quá trình chính sách, các nguyên tắc, căn cứ để phân tích chính sách; các loại hình phân tích chính sách. Nội dung của môn học được sắp xếp theo trình tự các công đoạn trong quy trình xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Môn học làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.	3	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
64	Tài chính phát triển	Nội dung chính của học phần là nghiên cứu cách thức xây dựng được một hệ thống tài chính hoạt động hữu hiệu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ở một nền kinh tế chuyển đổi và đang phát triển như Việt Nam. Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu một bức tranh tổng quan về hệ thống tài	2	HK7	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi

		chính, những thể chế và các thành phần của nó. Học viên sẽ được làm quen với những khái niệm cơ bản về các thành tố của một hệ thống tài chính và phân tích cách thức nhà nước can thiệp vào thị trường tài chính ở các nước chuyển đổi và đang phát triển. Ở đây vai trò của nhà nước trong việc tạo lập và hỗ trợ thị trường tài chính được nhấn mạnh, đặc biệt trong bối cảnh của các nền kinh tế chuyển đổi. Xen lẫn giữa các phân tích lý thuyết là những bằng chứng từ thực tế phát triển ở các nước, đặc biệt là Đông Á.			cuối kì ≥60%
65	Phát triển bền vững	Môn học khái lược về sự phát triển và trình độ phát triển của các quốc gia; Các thách thức về môi trường, xã hội và sự phát triển; Phát triển bền vững: tiến trình, khái niệm, nội dung, mô hình và các nguyên tắc phát triển bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Phát triển bền vững ở Việt Nam: Agenda 21 của Việt Nam; 5 năm phát triển bền vững: thành tựu và thách thức; Định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 và các chỉ tiêu đánh giá.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
66	Thực tập nghề nghiệp	- Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn những vấn đề kinh tế - xã hội đã được học tập, nghiên cứu trong nhà trường; những chủ trương, chính sách đổi mới và phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, nhằm củng cố lý luận, bổ sung kiến thức thực tế và rèn luyện năng lực công tác. - Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn. - Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên.	4	HK7	Làm báo cáo thực tập nghề nghiệp để đánh giá kết thúc học phần: + Điểm chuyên cần (tác phong, thái độ, ý thức,...): 20%

					+ Điểm làm báo cáo khi kết thúc đợt thực tập nghề nghiệp: 80%
67	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Môn học giới thiệu tổng quan những vấn đề cơ bản của kinh tế tài nguyên môi trường, công cụ phân tích kinh tế, các phương pháp định giá môi trường cũng như vai trò của kinh tế trong việc xây dựng chính sách, ra các quyết định liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên môi trường. Các nội dung cụ thể bao gồm: - Tổng quan về môi trường và phát triển kinh tế; - Kinh tế học phúc lợi; - Kinh tế tài nguyên; - Kinh tế môi trường; - Các phương pháp định giá môi trường; - Các công cụ quản lý Kinh tế.	3	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	Kinh tế công cộng	Học phần Kinh tế công cộng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học khu vực công cộng và vận dụng vào việc phân tích, đánh giá và chọn lựa phương án chính sách để thực hiện trong tiền trên cơ sở tối ưu lợi ích xã hội. Các nội dung cụ thể bao gồm: - Vai trò của khu vực công trong nền kinh tế; - Hàng hóa công cộng và tác động ngoại vi; - Một số chương trình chi tiêu công cộng; - Lựa chọn công cộng; - Thuế trong nền kinh tế thị trường.	3	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

69	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
70	Khóa luận tốt nghiệp	- Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. - Qua việc viết báo cáo khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể làm việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.	10	HK8	- Điểm khóa luận tốt nghiệp: 100 % trong đó: Quá trình: 30%; Báo cáo: 70%
71	Chuyên đề tốt nghiệp	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc.	4	HK8	Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp

		+ Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.			để đánh giá kết thúc học phần: 100% trong đó: Quá trình: 40%; Báo cáo: 60%
72	Kinh tế đầu tư	Môn học Kinh tế Đầu tư là một môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế trong lĩnh vực hoạt động đầu tư phát triển. Môn học Kinh tế Đầu tư sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư, công tác kế hoạch hóa đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên góc độ vĩ mô và vi mô, giúp sinh viên hiểu và có thể đề xuất một số giải pháp quản lý đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói chung.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
73	Dự án kinh tế phát triển	Trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và kiến thức thực tiễn về dự án kinh tế phát triển phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích,	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.			
74	Hệ thống tài khoản quốc gia	Hệ thống tài khoản quốc gia (System of National Accounts - SNA) được Nhà nước quyết định sử dụng thay cho hệ thống bảng cân đối sản phẩm vật chất. SNA là hệ thống tài khoản được Liên hợp Quốc khuyến nghị các nước thành viên sử dụng từ năm 1953. SNA là cơ sở quan trọng để: Xác định các chỉ tiêu tổng hợp của nền kinh tế như tổng giá trị sản xuất (GO), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng thu nhập quốc dân (GNI) và thu nhập quốc dân sử dụng (NDI), xác định tốc độ tăng trưởng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xác định những cân đối lớn của nền kinh tế. Do đó, SNA được coi là công cụ quan trọng để phân tích, đánh giá hoạt động kinh tế, xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

2.9. Các môn học chuyên ngành QUẢN LÝ KINH TẾ khóa 2023 (TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận; chương 3: Phép biện chứng; chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6: Triết học chính trị; chương 7: Ý thức xã hội; chương 8: Triết học về con người). Học phần này trang bị cho người học khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin; các nội dung nâng cao về Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; từ đó giúp cho	4	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		người học nhận thức tầm quan trọng của triết học trong mối liên hệ với đời sống và nghề nghiệp			
2	Tiếng Anh	Tiếng Anh là một trong những học phần bắt buộc nhằm giúp học viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho học viên cao học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau) Ngoài ra, học phần tiếng Anh còn giúp học viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	6	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Kinh tế vi mô nâng cao	Học phần Kinh tế vi mô nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô và vận dụng vào việc ra quyết định trong thực tiễn quản lý kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng và người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với quá trình xây dựng và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển. Kinh tế vĩ mô nâng cao sẽ góp phần trang bị cho người học kiến thức để có thể phân tích các vấn đề có liên quan ở những môn học ứng	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		dụng khác sau này. Các nội dung cụ thể bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam			
5	Khoa học quản lý nâng cao	Học phần Khoa học quản lý nâng cao là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm và chức năng của khoa học quản lý; mục tiêu và động lực trong quản lý, các phương pháp, công cụ quản lý, lao động quản lý và cán bộ quản lý. Những nội dung kiến thức này làm cơ sở cho việc tiếp cận các học phần quản lý kinh tế trong các lĩnh vực của nền kinh tế thị trường	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống phương pháp luận nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; lựa chọn đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh tế; xây dựng đề cương nghiên cứu; nhập và xử lý số liệu và cách thức trình bày báo cáo khoa học. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Lựa chọn đề tài nghiên cứu; Xây dựng đề cương nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu; Thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu; Trình bày kết quả nghiên cứu	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế. Học phần này cung cấp những lý luận cơ bản về: Nền kinh tế thị trường và vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Chức năng và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý quỹ chi ngân sách Nhà nước. Đây là học phần trang bị kiến thức căn bản để người học có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý kinh tế ngành của nền kinh tế	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Phương pháp phân	Môn học cung cấp kiến thức về phân tích định lượng tập chung các chủ đề: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa

	tích định lượng	định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định. Trong đó giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng cần thiết để vận dụng vào việc phân tích các mô hình, các dữ liệu thu thập trong thực tế. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu chung về các phương pháp phân tích định lượng; Phân phối xác suất và thống kê toán Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê	Học phần này cung cấp kiến thức về các phương pháp xử lý và phân tích số liệu thống kê, sử dụng các phương pháp và mô hình thống kê để nghiên cứu giải thích và đánh giá các số liệu trong việc đề ra các quyết định trong quản lý kinh tế	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
10	Chính sách công	Học phần chính sách công sẽ trang bị cho người học các khái niệm cơ bản chính sách, chính sách công, các công cụ chính sách trong quản lý; Thị trường cạnh tranh và phúc lợi xã hội, vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, cơ sở kinh tế để nhà nước can thiệp vào nền kinh tế, nhà nước phải lựa chọn giữa hiệu quả và công bằng; Hoạch định chính sách công; và quy trình thực thi chính sách công	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
11	Quản lý kinh tế nông nghiệp	Học phần cung cấp cung cấp những kiến thức căn bản trong Quản lý kinh tế nông nghiệp bao gồm vai trò và chức năng của quản lý kinh tế nông nghiệp, những nội dung chủ yếu về hệ thống công cụ quản lý kinh tế và cách sử dụng các công cụ này trong thực tế quản lý, bộ máy quản lý kinh tế trong nông nghiệp, phương hướng đổi mới bộ máy quản lý về kinh tế trong nông nghiệp nước ta trong điều kiện hiện nay. Các nội dung của môn quản lý kinh tế nông nghiệp sẽ giúp cho người học có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết góp phần hỗ trợ cho kiến thức chuyên ngành và đáp ứng được mục tiêu đào tạo khi hoàn tất chương trình cũng như khi ra công tác tại các cơ sở thực tế sau này.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Quản lý chương	Học phần Quản lý chương trình và dự án là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học ngành Quản lý kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa

	trình và dự án	thống những kiến thức lý thuyết về quản lý chương trình và dự án, vận dụng vào quản lý các chương trình, dự án đầu tư trong thực tiễn. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về quản lý chương trình và dự án; Quản lý thời gian và tiến độ chương trình, dự án; Quản lý các nguồn lực của chương trình, dự án; Quản lý chất lượng chương trình, dự án; Giám sát, đánh giá và quản lý rủi ro đầu tư; So sánh lựa chọn chương trình, dự án đầu tư			>=30%, điểm thi tối đa >=70%
13	Quản lý nguồn nhân lực	Quản lý nguồn nhân lực là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo - phát triển nhân viên, phát triển nghề nghiệp, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên và một số kiến thức về quan hệ lao động trong một doanh nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa >=30%, điểm thi tối đa >=70%
14	Quản lý tài chính	Học phần Tài chính phát triển là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về hệ thống tài chính; Khủng hoảng tài chính; Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ; Ngân hàng thương mại và tái cấu trúc ngân hàng thương mại	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa >=30%, điểm thi tối đa >=70%
15	Phát triển nông thôn	Môn học sẽ giới thiệu tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu. Con đường và giải pháp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa >=30%, điểm thi tối đa >=70%
16	Kinh tế phát triển nâng cao	Học phần Kinh tế phát triển là học phần tự chọn trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa >=30%, điểm thi

		kinh tế; Mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Nghèo và bất bình đẳng trong phát triển kinh tế; Tri thức với phát triển kinh tế; Toàn cầu hóa với phát triển kinh tế			tối đa ≥70%
17	Phát triển vùng và địa phương	Môn học giới thiệu về năng lực cạnh tranh. Trình bày công cụ phân tích quan trọng, được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt là cụm ngành kinh tế. Cuối cùng giới thiệu về marketing địa phương với các nghiên cứu tình huống về phát triển kinh tế địa phương	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
18	Phát triển chuỗi giá trị	Giới thiệu về ý nghĩa và phương pháp tiếp cận chuỗi; Phương pháp luận về phương pháp tiếp cận chuỗi giá trị; các kiến thức về thị trường và kết nối thị trường trong phân tích chuỗi giá trị; Quan hệ cung-cầu hàng hoá; Hội nhập kinh tế quốc tế & chuỗi giá trị toàn cầu; Hành vi sản xuất và hành vi tiêu dùng; Phân tích các hệ thống chuỗi giá trị; Phương pháp lựa chọn chuỗi giá trị; Chuỗi giá trị liên quan đến người nghèo; Chuỗi giá trị liên quan đến giới; Xây dựng và mô tả bản đồ chuỗi giá trị sản phẩm; Phân tích kinh tế chuỗi; Phân tích hậu cần chuỗi; Phân tích rủi ro trong chuỗi cung ứng sản phẩm; Phân tích các chính sách liên quan đến chuỗi giá trị; Phân tích SWOT và lợi thế cạnh tranh cho toàn chuỗi ngành hàng; Phân tích lợi thế cạnh tranh; Xây dựng các chiến lược nâng cấp và hỗ trợ chuỗi giá trị; Hỗ trợ thành lập các liên kết kinh doanh; Các công cụ nối kết thị trường	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
19	Kinh tế quốc tế nâng cao	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, học phần Kinh tế quốc tế nâng cao sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế và các công cụ của Kinh tế học để phân tích chuyên sâu các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
20	Quản trị kinh doanh quốc tế	Môn Quản trị kinh doanh quốc tế giúp người học hiểu được phương thức hoạt động của các công ty đa quốc gia trong môi trường quốc tế hóa và toàn cầu hóa như hiện nay. Giới thiệu phương pháp thiết lập và triển khai chiến lược	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%,

		kinh doanh quốc tế của công ty đa quốc gia. Nghiên cứu những chiến lược và chức năng cụ thể của hoạt động kinh doanh quốc tế: marketing, nhân lực, tài chính quốc tế			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Quản lý và lãnh đạo công	Môn học sẽ phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, phát triển tầm nhìn chiến lược, những chiến lược và các năng lực lãnh đạo, thực hiện và quản lý sự thay đổi. Thông qua việc thảo luận về lý luận và thực tiễn lãnh đạo cho phép xem xét và đánh giá các lý thuyết lãnh đạo khác nhau, từ đó chiêm nghiệm và phản ánh những thực tiễn của người học để có thể áp dụng vào trong thực tiễn và nâng cao hiệu quả của lãnh đạo	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
22	Lý thuyết ra quyết định	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản trong quản trị học đối với việc ra quyết định bao gồm các lý thuyết về quyết định nói chung và quyết định quản trị nói riêng, các phương pháp ra quyết định, quy trình đề ra và thực hiện các quyết định quản trị, nội dung và hình thức chủ yếu của các quyết định quản trị cũng như việc sử dụng chúng vào công tác quản lý tổ chức, điều hành doanh nghiệp.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Kinh tế công cộng nâng cao	Học phần Kinh tế công cộng nâng cao là học phần tự chọn trong CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Môn học giúp cho các học viên phân biệt các đặc điểm đặc thù kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường và cơ chế thị trường không cạnh tranh. Các thất bại của thị trường, các chính sách can thiệp của chính phủ để nâng cao phúc lợi xã hội. Lý thuyết về chi tiêu công, đánh giá các chương trình chi tiêu, cơ chế tư nhân và công cộng trong phân phối nguồn lực. Thuế và ảnh hưởng của thuế tới hãng cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, ngắn hạn, dài hạn, cung lao động, xuất nhập khẩu	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Những cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới trong suốt nhiều năm qua đã đòi hỏi phải có sự điều tiết của chính phủ để bổ sung cho thị trường nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn. Môn học trình bày các kiến thức về bản chất và phương pháp tiếp cận của kế hoạch và chiến lược phát triển, nội dung của chiến lược và kế hoạch phát triển, trình tự xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá chiến lược và kế hoạch phát triển	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

25	Quản lý tài nguyên và môi trường	Học phần sẽ giới thiệu tổng quan lý thuyết về quản lý tài nguyên và môi trường; những kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên có thể tái tạo, quản lý tài nguyên không thể tái tạo, quản lý tài nguyên đa dạng sinh học, quản lý ô nhiễm môi trường; các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên và môi trường trên ở Việt Nam và các nước trên thế giới	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Quản lý khoa học và công nghệ	Học phần Quản lý KH&CN là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học ngành Quản lý kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về quản lý KH&CN đồng thời vận dụng vào quản lý hoạt động KH&CN trong thực tiễn. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề lý luận chung về KH&CN; Đánh giá và dự báo KH&CN; Xây dựng chiến lược phát triển KH&CN; Chuyên gia KH&CN một cách hiệu quả; Quản lý KH&CN	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Luật kinh tế cho các nhà quản lý	Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài ngày càng được đẩy mạnh. Xu hướng này đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các nhà quản lý trong việc nâng cao kiến thức về pháp luật kinh tế. Học phần này trình bày các kiến thức về doanh nghiệp, đầu tư, sở hữu trí tuệ và luật thương mại quốc tế	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
28	Quản lý thông tin kinh tế	Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng, tổ chức và kiểm thử hệ thống thông tin cho doanh nghiệp. Học phần trình bày kiến thức ngành bày quy trình chung để phát triển một hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp. Đầu tiên giới thiệu về vai trò của việc phát triển hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp, quy trình chung và các điều kiện cơ bản để phát triển hệ thống thông tin kinh tế. Sau đó trình bày các giai đoạn phát triển hệ thống thông tin cùng các mô hình, phương pháp, công cụ hỗ trợ để hoàn thiện các giai đoạn trong quy trình phát triển hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Quản trị Marketing	Học phần môn học Quản trị marketing giới thiệu tổng quan về marketing và quản trị marketing, hoạch định chiến lược marketing, phân tích thị trường và	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$,

		hành vi khách hàng, quản trị chiến lược marketing hỗn hợp, chiến lược khác biệt hóa và định vị			điểm thi tối đa ≥70%
30	Quản lý đầu tư	Học phần Quản lý án đầu tư là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học ngành Quản lý kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về quản lý đầu tư và vận dụng vào quản lý hoạt động đầu tư trong thực tiễn. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề lý luận chung về đầu tư, hoạt động đầu tư vốn; Phân tích khía cạnh trong đầu tư; So sánh lựa chọn phương án trong đầu tư; Quản lý rủi ro trong đầu tư	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
31	Seminar 1: Thực tế quản lý kinh tế khu vực công	Giúp học viên hiểu được bộ máy quản lý kinh tế trong khu vực công; nắm được quá trình quản lý; biết nhận dạng các vấn đề nảy sinh trong quản lý kinh tế ở khu vực công; và biết đề xuất các biện pháp hoàn thiện quản lý kinh tế trong khu vực công	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
32	Seminar 2: Thực tế quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp	Giúp học viên hiểu được bộ máy quản lý kinh tế trong doanh nghiệp; nắm được quá trình quản lý; biết nhận dạng và xử lý tốt các vấn đề nảy sinh trong quản lý kinh tế ở doanh nghiệp; xây dựng được các giải pháp hoàn thiện quản lý kinh tế doanh nghiệp một cách hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%

2.10. Các môn học chuyên ngành KINH TẾ NÔNG NGHIỆP khóa 2023 (TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV

1	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận; chương 3: Phép biện chứng; chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6: Triết học chính trị; chương 7: Ý thức xã hội; chương 8: Triết học về con người). Học phần này trang bị cho người học khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin; các nội dung nâng cao về Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; từ đó giúp cho người học nhận thức tầm quan trọng của triết học trong mối liên hệ với đời sống và nghề nghiệp	4	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
2	Tiếng Anh	Tiếng Anh là một trong những học phần bắt buộc nhằm giúp học viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho học viên cao học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau) Ngoài ra, học phần tiếng Anh còn giúp học viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	6	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Kinh tế vi mô nâng cao	Học phần Kinh tế vi mô nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô và vận dụng	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$,

		vào việc ra quyết định trong thực tiễn quản lý kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng và người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với quá trình xây dựng và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển. Kinh tế vĩ mô nâng cao sẽ góp phần trang bị cho người học kiến thức để có thể phân tích các vấn đề có liên quan ở những môn học ứng dụng khác sau này. Các nội dung cụ thể bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Kinh tế lượng ứng dụng	Môn học được thiết kế như là một môn khoa học ứng dụng, học viên được trang bị lý thuyết, sau đó sử dụng phần mềm chuyên dùng để phân tích và dự báo. Ngoài kỳ thi cuối học phần, môn học có một số bài kiểm tra trên máy tính, một bài tập nhóm và một bài kiểm tra học trình trên máy tính. Trong quá trình học học phần này, học viên sẽ được nghiên cứu các công cụ định lượng trong các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế. Môn học này giới thiệu những phương pháp chuẩn mực nhằm ước lượng các quan hệ giữa những biến được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các quan hệ đó	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống phương pháp luận nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; lựa chọn đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh tế; xây dựng đề cương nghiên cứu; nhập và xử lý số liệu	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi

		và cách thức trình bày báo cáo khoa học. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Lựa chọn đề tài nghiên cứu; Xây dựng đề cương nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu; Thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu; Trình bày kết quả nghiên cứu			tối đa ≥70%
7	Phương pháp phân tích định lượng	Môn học cung cấp kiến thức về phân tích định lượng tập chung các chủ đề: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định. Trong đó giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng cần thiết để vận dụng vào việc phân tích các mô hình, các dữ liệu thu thập trong thực tế. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu chung về các phương pháp phân tích định lượng; Phân phối xác suất và thống kê toán Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
8	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê	Học phần này cung cấp kiến thức về các phương pháp xử lý và phân tích số liệu thống kê, sử dụng các phương pháp và mô hình thống kê để nghiên cứu giải thích và đánh giá các số liệu trong việc đề ra các quyết định trong quản lý kinh tế	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
9	Quản lý nguồn nhân lực	Quản lý nguồn nhân lực là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo - phát triển nhân viên, phát triển nghề nghiệp, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên và một số kiến thức về quan hệ lao động trong một doanh nghiệp.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
10	Kinh tế sản xuất nông nghiệp	Cung cấp những lý thuyết chuyên sâu về phát triển kinh tế nông nghiệp và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; Xu hướng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; Lý thuyết	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi

		sản xuất nông lâm nghiệp và thực tiễn; Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp. Quản lý nhà nước về kinh tế nông nghiệp			tối đa ≥70%
11	Chính sách nông nghiệp	Học phần Chính sách nông nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò và đặc điểm của chính sách nông nghiệp, quá trình hoạch định, tổ chức thực thi và các chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn. Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản về chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn cụ thể là: Ý nghĩa, vai trò và đặc điểm của chính sách đối với nông nghiệp nông thôn; Quá trình hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách; Các nhóm chính sách nông nghiệp, nông thôn trên thế giới và các chính sách nông nghiệp nông thôn đang được thực thi ở Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
12	Quản trị nông trại	Môn học cung cấp những kiến thức căn bản trong quản trị nông trại bao gồm các nguyên lý kinh tế và quá trình ra quyết định trong quản trị nông trại, những nội dung chủ yếu của công tác thu thập, ghi chép, đánh giá, quản lý các hồ sơ sổ sách và tài sản của nông trại cũng như việc sử dụng chúng vào công tác phân tích hoạt động kinh doanh của nông trại	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
13	Marketing nông nghiệp	Môn học cung cấp những nội dung như: nhập môn Marketing nông nghiệp, Cơ hội hấp dẫn và thị trường, phân tích Marketing Mix nông nghiệp, chuỗi giá trị và ngành hàng, chiến lược và lập kế hoạch Marketing trong kinh doanh nông sản.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
14	Tài chính nông thôn	Học phần Tài chính nông thôn là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về tài chính nông thôn: Quản lý tài chính nông thôn; Thị trường tài chính nông thôn; Hoạt động của các NHTM hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Tín dụng nông thôn và lãi suất	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%

15	Dự án phát triển nông thôn	Môn học Dự án phát triển nông thôn là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về Khoa học kế hoạch hóa dự án, viết đề án dự án, quản lý dự án, đánh giá được tính khả thi của dự án đối với chủ đầu tư, xã hội và các bên có liên quan đến dự án và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
16	Kinh tế phát triển nâng cao	Học phần Kinh tế phát triển là học phần tự chọn trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Nghèo và bất bình đẳng trong phát triển kinh tế; Tri thức với phát triển kinh tế; Toàn cầu hóa với phát triển kinh tế	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
17	Phát triển nông thôn	Môn học sẽ giới thiệu tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiên tri của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu. Con đường và giải pháp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
18	Phát triển vùng và địa phương	Môn học giới thiệu về năng lực cạnh tranh. Trình bày công cụ phân tích quan trọng, được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt là cụm ngành kinh tế. Cuối cùng giới thiệu về marketing địa phương với các nghiên cứu tình huống về phát triển kinh tế địa phương	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Xã hội học nông thôn	Học phần xã hội học nông thôn trang bị cho người học kiến thức về Dân nhập xã hội học nông thôn; Phân tầng xã hội trong nông thôn; Kinh tế nông thôn; Gia đình ở nông thôn; Làng xã; Các giá trị nông dân; Từ đó giúp người	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$,

		học hiểu được một số khái niệm then chốt trong lĩnh vực xã hội học nông thôn: những sự biến đổi trong cấu trúc gia đình và sự phân công lao động trong gia đình ở nông thôn, những vấn đề kinh tế nông thôn, vấn đề ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đối với xã hội nông thôn, giá trị nông dân; vận dụng được lối tiếp cận xã hội học đối với những vấn đề của xã hội nông thôn; Biết được các công cụ khảo sát trong nghiên cứu các vấn đề xã hội nông thôn dưới tiếp cận xã hội học			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Quản lý đầu tư nông nghiệp nông thôn	Học phần Quản lý án đầu tư nông nghiệp nông thôn là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Cao học ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về quản lý đầu tư và vận dụng vào quản lý hoạt động đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề lý luận chung về đầu tư nông nghiệp nông thôn, hoạt động đầu tư vốn trong nông nghiệp nông thôn; Phân tích khía cạnh trong đầu tư nông nghiệp nông thôn; So sánh lựa chọn phương án trong đầu tư trong nông nghiệp nông thôn; Quản lý rủi ro trong đầu tư nông nghiệp nông thôn	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Quản lý đất nông nghiệp	Môn học này trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về quản lý sử dụng đất nông nghiệp: Tổng quan quản lý và sử dụng đất Nông nghiệp ở Việt Nam; Bản chất và các nhân tố liên quan đến sử dụng đất nông nghiệp; Quản lý sử dụng đất nông nghiệp bền vững; Các tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
22	Kinh tế quốc tế nâng cao	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, học phần Kinh tế quốc tế nâng cao sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế và các công cụ của Kinh tế học để phân tích chuyên sâu các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

23	Quản lý tài nguyên và môi trường	Học phần sẽ giới thiệu tổng quan lý thuyết về quản lý tài nguyên và môi trường; những kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên có thể tái tạo, quản lý tài nguyên không thể tái tạo, quản lý tài nguyên đa dạng sinh học, quản lý ô nhiễm môi trường; các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên và môi trường trên ở Việt Nam và các nước trên thế giới	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Quản lý công nông cao	Học phần Quản lý công nông cao là học phần tự chọn trong CTĐT ngành Kinh tế nông nghiệp trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về những kiến thức cơ bản về quản lý công, các cách tiếp cận trong quản lý công hiện nay cũng như liên hệ với thực trạng quản lý công ở Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khái quát về khu vực công và quản lý khu vực công; Quản lý hành chính công; Quản lý dịch vụ công; Quản lý tài chính công	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
25	Khoa học lãnh đạo	Học phần Kỹ năng lãnh đạo cung cấp các kiến thức về lãnh đạo như: phong cách, tổ chức lãnh đạo, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo và các kiến thức đi kèm trong các kỹ năng chính của lãnh đạo như: tạo động lực, giao tiếp, thuyết trình, phân cấp, ủy quyền, và giải quyết xung đột. Một số kỹ năng khác cần thiết cho người lãnh đạo đã được trang bị trong những học phần khác thuộc chương trình như: kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, xây dựng và phát triển nhóm làm việc, giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng là học phần tự chọn CTĐT ngành Kinh tế nông trình độ thạc sĩ Học phần này cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản và tổng hợp về phát triển cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn bao gồm: vai trò của lãnh đạo cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp. Đồng thời, học phần này cũng trang bị các kỹ năng cần thiết cho công tác phát triển cộng đồng như các phương pháp tiếp cận cộng đồng, các phương pháp huy động sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

27	Phát triển nông nghiệp bền vững	Trang bị cho học viên các kiến thức về Phát triển nông nghiệp bền vững: Lý luận về phát triển bền vững; Lý luận về phát triển nông nghiệp bền vững; Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững của một số nước trong khu vực và trên thế giới; Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập kinh tế quốc tế; Lý thuyết về thuế	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
28	Hệ thống nông nghiệp	Là môn học nghiên cứu về các kiến thức xây dựng hệ thống nông nghiệp trên cơ sở phát triển bền vững. Môn học sẽ trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về hệ thống nông nghiệp, phát triển và áp dụng hệ thống nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững. Học phần này cung cấp kiến thức để học viên hình thành phương pháp tư duy mới, tư duy hệ thống thay cho tư duy riêng lẻ. Từ đó xây dựng quan điểm phát triển nông nghiệp theo hướng tôn trọng quy luật phát triển, nông nghiệp bền vững. Trang bị cho học viên phương pháp nghiên cứu phát triển nông nghiệp mới đó là phương pháp tiếp cận từ dưới lên thay cho cách tiếp cận từ trên xuống nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu chỉ đạo sản xuất, trang bị cho học viên về kiến thức sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng bền vững	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Phân tích lợi ích chi phí	Trang bị cho học viên kiến thức và những công cụ phân tích lợi ích chi phí dựa các lý thuyết về kinh tế nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng. Học phần này cung cấp lý thuyết, nguyên lý và những ứng dụng của phân tích lợi ích chi phí trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, xã hội, quản lý và môi trường. Những nội dung chủ yếu của phân tích lợi ích chi phí được tập trung trong học phần này bao gồm: Tổng quan về kinh tế học phân tích lợi ích chi phí; Hiệu quả kinh tế; Hiệu quả Pareto và phúc lợi xã hội; Các nguyên lý phân tích lợi ích chi phí; Đo lường lợi ích chi phí; Ứng dụng phân tích lợi ích chi phí trong phân tích chính sách và quản lý dự án về tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp	Môn học Quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cao học ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về Khoa học quản trị doanh nghiệp, kế hoạch sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược kinh doanh	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi

		và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa			tối đa ≥70%

2.11. Các môn học chuyên ngành KINH TẾ NÔNG NGHIỆP khóa 2023 (TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
I. HỌC PHẦN CHUYỂN ĐỔI VÀ BỔ SUNG					
1	Kinh tế vi mô nâng cao	Học phần Kinh tế vi mô nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô và vận dụng vào việc ra quyết định trong thực tiễn quản lý kinh tế. Các nội dung cụ thể bao gồm: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng và người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
2	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với quá trình xây dựng và thực thi các chính sách	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%,

		kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển. Kinh tế vĩ mô nâng cao sẽ góp phần trang bị cho người học kiến thức để có thể phân tích các vấn đề có liên quan ở những môn học ứng dụng khác sau này. Các nội dung cụ thể bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam			điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Kinh tế lượng ứng dụng	Môn học được thiết kế như là một môn khoa học ứng dụng, học viên được trang bị lý thuyết, sau đó sử dụng phần mềm chuyên dùng để phân tích và dự báo. Ngoài kỳ thi cuối học phần, môn học có một số bài kiểm tra trên máy tính, một bài tập nhóm và một bài kiểm tra học trình trên máy tính. Trong quá trình học học phần này, học viên sẽ được nghiên cứu các công cụ định lượng trong các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế. Môn học này giới thiệu những phương pháp chuẩn mực nhằm ước lượng các quan hệ giữa những biến được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các quan hệ đó	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Phương pháp phân tích định lượng	Môn học cung cấp kiến thức về phân tích định lượng tập chung các chủ đề: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định. Trong đó giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng cần thiết để vận dụng vào việc phân tích các mô hình, các dữ liệu thu thập trong thực tế. Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu chung về các phương pháp phân tích định lượng; Phân phối xác suất và thống kê toán; Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

5	Kinh tế sản xuất nông nghiệp	Cung cấp những lý thuyết chuyên sâu về phát triển kinh tế nông nghiệp và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; Xu hướng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; Lý thuyết sản xuất nông lâm nghiệp và thực tiễn; Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp. Quản lý nhà nước về kinh tế nông nghiệp	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Chính sách nông nghiệp	Học phần Chính sách nông nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò và đặc điểm của chính sách nông nghiệp, quá trình hoạch định, tổ chức thực thi và các chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn. Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản về chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn cụ thể là: Ý nghĩa, vai trò và đặc điểm của chính sách đối với nông nghiệp nông thôn; Quá trình hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách; Các nhóm chính sách nông nghiệp, nông thôn trên thế giới và các chính sách nông nghiệp nông thôn đang được thực thi ở Việt Nam	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Kinh tế phát triển nâng cao	Học phần Kinh tế phát triển là học phần tự chọn trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực trong phát triển kinh tế; Nghèo và bất bình đẳng trong phát triển kinh tế; Tri thức với phát triển kinh tế; Toàn cầu hóa với phát triển kinh tế	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Phát triển nông thôn	Môn học sẽ giới thiệu tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu. Con đường và giải pháp	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi

		phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập			tối đa ≥70%
9	Marketing nông nghiệp	Môn học cung cấp những nội dung như: nhập môn Marketing nông nghiệp, Cơ hội hấp dẫn và thị trường, phân tích Marketing Mix nông nghiệp, chuỗi giá trị và ngành hàng, chiến lược và lập kế hoạch Marketing trong kinh doanh nông sản.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
10	Dự án phát triển nông thôn	Môn học Dự án phát triển nông thôn là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao học ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về Khoa học kế hoạch hóa dự án, viết đề án dự án, quản lý dự án, đánh giá được tính khả thi của dự án đối với chủ đầu tư, xã hội và các bên có liên quan đến dự án và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
11	Kinh tế quốc tế nâng cao	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, học phần Kinh tế quốc tế nâng cao sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế và các công cụ của Kinh tế học để phân tích chuyên sâu các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
12	Quản lý nguồn nhân lực	Quản lý nguồn nhân lực là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, chọn lựa, sắp	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi

		xếp bố trí công việc, đào tạo - phát triển nhân viên, phát triển nghề nghiệp, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên và một số kiến thức về quan hệ lao động trong một doanh nghiệp.			tối đa ≥70%
13	Quản trị nông trại	Môn học cung cấp những kiến thức căn bản trong quản trị nông trại bao gồm các nguyên lý kinh tế và quá trình ra quyết định trong quản trị nông trại, những nội dung chủ yếu của công tác thu thập, ghi chép, đánh giá, quản lý các hồ sơ sổ sách và tài sản của nông trại cũng như việc sử dụng chúng vào công tác phân tích hoạt động kinh doanh của nông trại	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
14	Tài chính nông thôn	Học phần Tài chính nông thôn là học phần bắt buộc trong các chương trình đào tạo các khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về tài chính nông thôn: Quản lý tài chính nông thôn; Thị trường tài chính nông thôn; Hoạt động của các NHTM hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Tín dụng nông thôn và lãi suất	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%
15	Hệ thống nông nghiệp	Là môn học nghiên cứu về các kiến thức xây dựng hệ thống nông nghiệp trên cơ sở phát triển bền vững. Môn học sẽ trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về hệ thống nông nghiệp, phát triển và áp dụng hệ thống nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững. Học phần này cung cấp kiến thức để học viên hình thành phương pháp tư duy mới, tư duy hệ thống thay cho tư duy riêng lẻ. Từ đó xây dựng quan điểm phát triển nông nghiệp theo hướng tôn trọng quy luật phát triển, nông nghiệp bền vững. Trang bị cho học viên phương pháp nghiên cứu phát triển nông nghiệp mới đó là phương pháp tiếp cận từ dưới lên thay cho cách tiếp cận từ trên xuống nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu chỉ đạo sản xuất, trang bị cho học viên về kiến thức sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng bền vững	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa ≥30%, điểm thi tối đa ≥70%

II. HỌC PHẦN TIỀN SỬ

16	Kinh tế học ứng dụng	Học phần này cung cấp những lý thuyết kinh tế phổ biến được ứng dụng để phân tích các vấn đề kinh tế vi mô và vĩ mô trong thực tiễn. Những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, vĩ mô và toán kinh tế là nền tảng cho các phân tích ứng dụng. Nội dung chính của học phần này bao gồm các vấn đề về ứng dụng lý thuyết hành vi, lý thuyết lợi ích, lý thuyết sản xuất, phân tích năng suất và hiệu quả, chính sách kinh tế vĩ mô và số liệu kinh tế vĩ mô.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
17	Phát triển nông nghiệp và hội nhập	Môn học giúp nâng cao kiến thức về bối cảnh phát triển nông nghiệp; An toàn và an ninh LTTP, Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, sử dụng tài nguyên và vấn đề bền vững; hội nhập kinh tế quốc tế và vấn đề phát triển nông nghiệp; Những bài học kinh nghiệm và xu hướng phát triển nông nghiệp.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
16	Ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong nghiên cứu kinh tế	Tổng quan về các phương pháp phân tích định tính kế hợp định lượng, Các mô hình sử dụng biên định lượng kết hợp biên định tính và ứng dụng trong nghiên cứu kinh tế; Các mô hình xác suất và ra quyết định lựa chọn; Phương pháp phân tích nhân tố khám phá và ứng dụng trong nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
17	Phân tích năng lực cạnh tranh	Các khái niệm cơ bản về lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh, về cạnh tranh và năng lực cạnh tranh; Xác định các chỉ tiêu, các phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của ngành và vùng lãnh thổ; Đánh giá năng lực cạnh tranh của một số nông sản chính của Việt Nam; Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh; Các chính sách/giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh; Phân tích ảnh hưởng của năng lực cạnh tranh đến sự phát triển của sản phẩm, của ngành và vùng lãnh thổ.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
18	Kinh tế và phát triển bền vững	Phần I: Tổng quan về kinh tế phát triển và phát triển bền vững; Các mô hình phát triển kinh tế xã hội; Các vấn đề kinh tế xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập; Quan hệ quốc tế và sự phát triển.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)

		Phần II: Phát triển nông thôn bền vững - Tiếp cận bền vững trong phát triển nông thôn; Phương pháp và công cụ trong phát triển nông thôn; Các vấn đề trong phát triển nông thôn. Phần III: Chiến lược và kế hoạch phát triển - Phương pháp hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển; Các công cụ trong xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển.		Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	
19	Đánh giá tác động	Lý thuyết đánh giá tác động; Tác động và ảnh hưởng; Tác động trong nghiên cứu và nghiên cứu tác động; Các loại tác động; Các phương pháp đánh giá tác động (định tính và định lượng); Ứng dụng một số phương pháp đánh giá tác động vào các trường hợp nghiên cứu thực tiễn.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
20	Tổ chức và hoạt động của thị trường	Thị trường; cấu trúc thị trường; Cung cầu sản phẩm nông nghiệp, Nghiên cứu thị trường, Vai trò của Marketing nông sản trong phát triển kinh tế; Phương pháp đánh giá nhanh thị trường nông sản; Giá nông sản, giá các đầu vào và các chính sách giá.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
21	Phân tích lợi ích - chi phí nâng cao	Môn học Phân tích lợi ích chi phí nâng cao, trang bị cho người học các kiến thức ở tầm vi mô và vĩ mô để khắc phục các thất bại của thị trường, thất bại của chính phủ, nhằm đạt được lợi ích xã hội tối đa khi đánh giá một chương trình, một dự án dưới góc độ kinh tế - xã hội - môi trường.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
22	Chuyên đề kinh tế nông nghiệp	Giới thiệu chung về chuyên đề kinh tế nông nghiệp; Phân tích tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp; Ứng dụng nguyên tắc kinh tế trong ra quyết định sản xuất - kinh doanh nông nghiệp; Phương pháp phân tích thị trường nông sản; Kinh tế nông nghiệp trong quá trình hội nhập; An ninh lương thực và an toàn thực phẩm.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

III. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

1	Tiểu luận tổng quan	Tiểu luận trình bày về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Mục đích nhằm thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề liên quan mật thiết đến đề tài luận án, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

IV. CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ

1	Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế phát triển nông nghiệp, nông thôn	Các vấn đề về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu; cách tiếp cận; phương pháp thu thập thông tin; khung phân tích; chỉ tiêu liên quan tới các vấn đề về kinh tế, quản lý phát triển nông nghiệp, nông thôn.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
2	Nghiên cứu tăng trưởng, phát triển và phát triển nông nghiệp bền vững	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về tăng trưởng, phát triển nông nghiệp và nông thôn; Phát triển bền vững, các vấn đề liên quan tới quản lý nguồn lực, quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn; Định hướng và giải pháp phát triển nền nông nghiệp bền vững.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
3	Nông nghiệp và hội nhập kinh tế	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về quan hệ và sự tương hỗ của phát triển nông nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập, trao đổi thương mại quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa; Các thách thức và vấn đề đặt ra của nông nghiệp khi hội nhập; Kinh nghiệm của các quốc gia, các tổ chức kinh tế, các địa phương khi hội nhập.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
4	Kinh tế nông hộ, hộ nông dân, các vấn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông hộ, hộ nông dân, vấn đề kinh tế chính trị của hộ nông dân trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống hóa	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

	đề kinh tế chính trị của hộ nông dân	được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông hộ, các đặc trưng cơ bản của hộ nông dân qua các giai đoạn phát triển xã hội, ra quyết định và tham gia thị trường, các vấn đề đặt ra và các chính sách đối với nông dân trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội		Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	
5	Kinh tế nông trại	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông trại trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông trại, các đặc trưng cơ bản của kinh tế nông trại, ra quyết định, tham gia thị trường đầu vào và đầu ra, hiệu quả kinh tế của nông trại và các chính sách đối với nông trại	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
6	Kinh tế của các doanh nghiệp trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế của các doanh nghiệp trong nông nghiệp - Các đặc trưng cơ bản của kinh tế doanh nghiệp, hình thức tổ chức, loại hình sở hữu, tổ chức nguồn lực, ra quyết định, tham gia thị trường đầu vào và đầu ra, quản lý doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp và các chính sách đối với doanh nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
7	Kinh tế hợp tác và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế hợp tác trong nông nghiệp - Quan niệm, đặc điểm, phương thức, cách tiếp cận, kinh nghiệm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
8	Kinh tế và quản lý sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nguồn lực trong nông nghiệp; đánh giá các nguồn lực, lợi thế so sánh, thị trường đất đai, lao động, vốn, khoa học công nghệ; chính sách quản lý và sử dụng nguồn lực trong nông nghiệp; hiệu quả kinh tế quản lý sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

9	Quản lý và phát triển tài nguyên thiên nhiên trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, sinh vật, không khí, rừng, biển..) trên các phương diện đánh giá tài nguyên, lợi thế so sánh, thị trường, đa dạng sinh học, năng lực tái sinh, lợi ích kinh tế, quản lý dựa vào cộng đồng, thách thức và chính sách quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quá trình phát triển kinh tế.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
10	Hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp; đánh giá hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân bổ của áp dụng công nghệ hay kỹ thuật tiên bộ; đánh giá hiệu quả của một sản phẩm, một nông trại, một vùng và quốc gia; phân biệt hiệu quả kinh tế của các loại hình tổ chức kinh tế (hộ nông dân, trang trại, doanh nghiệp).	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
11	Chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, mô hình, phương pháp, hiệu quả kinh tế của chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; các phương pháp, mô hình, tổ chức và hình thức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách chuyển giao công nghệ và khuyến nông.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
12	Thương mại trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, các cam kết khi tham gia thương mại quốc tế trong nông nghiệp; thương mại trong nước của nông nghiệp, sự tham gia của các tổ chức kinh tế vào thương mại; tác động của hội nhập đến thương mại trong nông nghiệp; chính sách thương mại trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
13	Hỗ trợ trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về bản chất, đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, các cam kết hỗ trợ của chính phủ khi hội nhập quốc tế về nông nghiệp; tác động của các chính sách hỗ trợ qua cơ chế giá, không thông qua cơ chế giá đối với nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

				Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	
14	Marketing trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, sự tiến hóa, các chiến lược và hiệu quả, tổ chức marketing trong nông nghiệp; chuỗi giá trị và nghiên cứu ngành hàng trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
15	Các thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về các thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế, quan điểm kinh tế - chính trị về các thành phần và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, sự tồn tại và phát triển của các tổ chức này ở các phương thức sản xuất và xã hội khác nhau, các chiến lược và chính sách phát triển các thành phần và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
16	Hội nhập và phát triển nông nghiệp	Toàn cầu hóa/khu vực hóa và phát triển nông nghiệp, quan hệ quốc tế và phát triển nông nghiệp, thương mại quốc tế và phát triển nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
17	An toàn lương thực thực phẩm	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về an toàn LTTP, nông nghiệp theo hướng GAP, GMP, COD, HACCP; những vấn đề kinh tế - xã hội của quản lý và sản xuất thực phẩm an toàn, rủi ro do thực phẩm không an toàn; chính sách, tổ chức và quản lý an toàn thực phẩm; hiệu quả kinh tế xã hội của an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm trong hội nhập.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
18	An ninh lương thực- thực phẩm	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về an toàn an ninh lương thực thực phẩm ở cấp hộ, cộng đồng, vùng, quốc gia; thực trạng, các tiếp cận, các chiến lược an ninh lương thực thực phẩm.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

				Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	
19	Công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa NN và NT; bản chất, nội dung, đặc điểm, nhân tố, cách tiếp cận, kinh nghiệm, tác động của CNH - HĐH đến nông nghiệp, nông dân và sự phát triển kinh tế; chiến lược CNH-HĐH.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
20	Quản lý rủi ro trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về rủi ro và quản lý rủi ro trong nông nghiệp, đặc điểm và phương pháp tiếp cận, các chính sách quản lý rủi ro trong nông nghiệp (rủi ro về thiên tai, rủi ro về dịch bệnh, sức khỏe, tổ chức, xã hội và thị trường).	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
21	Bảo hiểm nông nghiệp	Thực trạng vấn đề bảo hiểm trong nông nghiệp; các hình thức bảo hiểm; cơ chế, chính sách bảo hiểm; lợi ích và rủi ro trong bảo hiểm nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
22	Chính sách/chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về tác động của chính sách phát triển nông nghiệp (chính sách giá, chính sách đầu vào, chính sách phát triển các thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế, chính sách marketing, chính sách phát triển hạ tầng cơ sở, chính sách chuyển giao, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách thương mại, chính sách hội nhập, chính sách công nghiệp hóa, đô thị hóa).	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

3. Khoa Ngoại ngữ

3.1. Sư phạm Tiếng Anh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	3	HK2	Thi vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.	2	HK3	Thi vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân trong việc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trình bày một cách có hệ thống một số vấn đề mang tính quy luật trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại như: vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề tôn giáo, vấn đề dân tộc, vấn đề gia đình...	2	HK4	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ	2	HK5	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm,

		Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.			điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).	2	HK6	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
6.	Tin học Đại cương	Hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống	2	HK 2	Thi trắc nghiệm và thực hành, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sinh viên học môn nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Với hướng tiếp cận thực hành, nội dung của học phần bao gồm những khái niệm, mục đích và bản chất của nghiên cứu khoa học nói chung và một số phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn với quy trình cụ thể gồm nhiều bước như chọn đề tài nghiên cứu, xác định câu hỏi nghiên cứu/mục tiêu nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, xây dựng cơ sở lý luận, xác định phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích và trình bày dữ liệu, và viết báo cáo.	2	HK 7	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %

8.	Tiếng Pháp 1	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 1 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp	3	HK 3	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
9.	Tiếng Pháp 2	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp.	3	HK 4	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
10.	Tiếng Pháp 3	Cung cấp kiến thức về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: hoàn cảnh gia đình, quan hệ gia đình, sinh hoạt hàng ngày, nhà ở, thực phẩm, thể thao, phương tiện giao thông, việc làm, giáo dục Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (temps passé récent, passé composé, imparfait, mode conditionnel, subjonctif, pronoms relatifs, pronoms démonstratifs, pronoms interrogatifs, pronoms en, y, pronoms possessifs, pronoms indéfinis, adjectifs interrogatifs, adjectifs qualificatifs, adjectifs indéfinis, adverbes, interrogation, négation, condition, hypothèse, cause, comparatif, superlatif ...); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường	3	HK 5	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
11.	Tiếng Pháp 4	Giúp người học tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Tây Nguyên.	3	HK 6	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết

		Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn			thức học phần 70 %
12.	Kỹ năng mềm	Cung cấp kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành.	2	HK 1	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
13.	Khởi nghiệp	Cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp	2	HK5	Thuyết trình đề án, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
14.	Pháp luật Việt nam đại cương	Trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
15.	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra

		trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.			kết thúc học phần 70 %
16.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.	2	HK 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
17.	Xã hội học đại cương	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80 %
18.	Thể dục cơ bản và Điền kinh	Trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK 1	Thi chạy 100m, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
19.	Bóng chuyền cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%

20.	Bơi lội cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
21.	Cầu lông cơ bản	Trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
22.	Bóng bàn cơ bản	Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
23.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Rèn luyện khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
24.	Taekwondo	Rèn luyện thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết

					thức học phần 80%
25.	Bóng đá cơ bản	Trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thể hệ trẻ.	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
26.	Bóng rổ cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
27.	Cờ vua 1	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác.	1	HK1	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
28.	Cờ vua 2	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
29.	Cờ vua 3	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết

					thức học phần 80%
30.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
31.	Công tác quốc phòng và an ninh	Cung cấp những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%

32.	Quân chung sự	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
33.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
34.	Tiếng Anh tổng quát 1	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như âm nhạc, thể thao, sở thích cá nhân, tiền tệ; trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như công việc, học tập, lương thực, thực phẩm, sự gặp gỡ; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
35.	Tiếng Anh tổng quát 2	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như nhà hàng khách sạn, thói quen, năng lượng, nơi ở, cảm giác, trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như cuộc sống đô thị, thời tiết, công việc nhà,	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		môi trường; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn			
36.	Tiếng Anh tổng quát 3	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như phương tiện thông tin đại chúng, phương thức liên lạc toàn cầu, ý tưởng kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như thiên tai, các kế hoạch, sự thành công, các loại hình chấn thương; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như giấc mơ, hy vọng, du lịch, cách thương thảo, hồi ức; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín, bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
37.	Tiếng Anh tổng quát 4	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề cách quản lý tiền bạc, tính cách con người, công việc, các sản phẩm kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như du lịch khám phá, sự kiện; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như các vấn đề thường gặp trong nhà; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín,	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh			
38.	Nghe tiếng Anh 1	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe cơ bản (như: nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin chính) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để nghe hiểu các phong cách giao tiếp khác nhau để có thể phát triển các kỹ năng nghe tiếng Anh ở cấp độ cao hơn (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh).	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
39.	Nói Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên trang bị nhóm từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc (hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích/ghét, cảm xúc, công việc, du lịch, âm nhạc, tính cách, nhà cửa), kiến thức ngữ pháp cơ bản, kỹ thuật đề cải thiện phát âm Tiếng Anh, các chiến thuật học và phát triển kỹ năng nói một cách hiệu quả nhất đối với học phần Nói Tiếng Anh 1 như phát triển ý phụ từ ý chính, cách xây dựng sơ đồ tư duy.	2	HK 2	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
40.	Đọc Tiếng Anh 1	Cung cấp những bài đọc hiểu liên quan đến Đời sống Sinh viên của các nước và nền văn hóa trên thế giới, Trải nghiệm thiên nhiên, Thói quen ăn uống, Cộng đồng, Gia đình, Văn hóa và Giao văn hóa, Sức khỏe, Giải trí và các phương tiện truyền thông, Đời sống xã hội, Thể thao. Trong quá trình học, sinh viên cần vận dụng các kỹ năng đọc và chiến lược đọc hiểu (skimming, scanning, guessing meaning from contexts...), kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ	2	HK 2	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
41.	Viết Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết để đạt năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. (như: viết các loại câu khác nhau, bằng Tiếng Anh về một số chủ	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra

		đề quen thuộc, tìm hiểu các lỗi thường gặp trong câu để tránh mắc những lỗi này khi viết câu).			kết thúc học phần 60%
42.	Nghe Anh 2	Tiếng Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu và nghe lấy ý chính từ các bài nói về những chủ đề quen thuộc (ăn uống, mua sắm, sở thích cá nhân) cho tới những chủ đề phức tạp hơn (du lịch, hẹn hò, nghe tin tức, giải trí). Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học luyện tập kĩ năng theo dõi các bài nói dài có lập luận phức tạp về những chủ đề đơn giản.	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
43.	Nói Anh 2	Tiếng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh thuộc các chủ đề cụ thể và trừu tượng bao gồm: các sự kiện trong tương lai (future events), máy tính và công nghệ (computers and technology), các tình huống tưởng tượng (imaginary situations), thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues), y tế và các vấn đề về y tế, sức khỏe (health and medical problems), các phương thức liên lạc (contacting people), công việc và sự nghiệp (jobs and career), hy vọng và ước mơ (dreams and hopes)	2	HK 3	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
44.	Đọc Anh 2	Tiếng Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trên trung cấp. Ở học phần này, sinh viên sẽ tiếp cận những bài đọc dài hơn và mức độ từ vựng khó hơn, với các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa, khoa học và xã hội như: Giáo dục, Cuộc sống đô thị, Kinh doanh và tiền tệ, Phong cách sống của một số quốc gia trên TG, Sự kết nối toàn cầu. Sinh viên sẽ luyện tập để củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiểu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structures), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from contexts), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		and presentations), Đánh giá (Assessment). Đồng thời, các sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, nhận biết được hàm ý của tác giả (suy luận)				
45.	Viết Anh 2	tiếng	Giúp sinh viên có thể viết được các loại câu từ câu đơn đến câu phức và đã nắm vững các quy tắc về chấm câu cũng như nhận dạng được các lỗi câu sai thông thường trong viết tiếng Anh.	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
46.	Nghe Anh 3	tiếng	Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói, nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh và nghe để ghi chép) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.	2	HK 4	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
47.	Nói Anh 3	tiếng	Giúp phát triển kỹ năng Nói độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác, có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.	2	HK 4	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
48.	Đọc Anh 3	tiếng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đất nước, con người, phong tục tập quán của một số nước trên thế giới; về tính cạnh tranh và cách thức làm việc nhóm hiệu quả; về những thay đổi trong đời sống gia đình và trách nhiệm chăm sóc con cái của bố mẹ trong các gia đình; về chế độ ăn uống và sức khỏe con người; về du lịch; về các loại phương tiện giao thông thân thiện với môi trường được hưởng lợi từ những thành tựu của khoa học công nghệ.	2	HK 4	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

49.	Viết tiếng Anh 3	nhằm phát triển kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh rõ ràng, tương đối chặt chẽ, chi tiết với nhiều chủ đề tương đối phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng từ ngữ và các công cụ liên kết, có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.	2	HK 4	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
50.	Luyện âm	Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh, giúp tạo nền móng cho sinh viên chuyên ngữ phát triển tốt hai kỹ năng nghe và nói. Người học có khả năng phát âm tự nhiên, sử dụng ngữ điệu và thâm thấu được giọng nói của người bản xứ khi nghe. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên viết chính tả tiếng Anh chính xác hơn do nắm được sự liên kết giữa âm và chữ viết.	2	HK 1	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
51.	Ngữ pháp ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại (parts of speech): danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, đại từ, giới từ, liên từ, từ hạn định; về cụm từ (phrases); về mệnh đề (clauses); về các loại câu (sentences) trong Tiếng Anh. Những kiến thức này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và khả năng ứng dụng ngữ pháp tiếng Anh trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ Anh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
52.	Nghe tiếng Anh nâng cao	giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao như: nghe và nhận biết ngụ ý của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
53.	Nói tiếng Anh nâng cao	Phát triển kỹ năng nói thông qua trình bày một bài thuyết trình một cách rõ ràng, được tổ chức một cách khoa học về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan, đồng thời có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn, có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng	2	HK 5	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		lối nói vòng vo và kiểm soát cảm xúc tốt khi nói, thể hiện một cách tự nhiên hầu như không cần phải nỗ lực			
54.	Đọc tiếng Anh nâng cao	Củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiểu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structure), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from context), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions and presentations), Đánh giá (Assessment). Đồng thời, sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, suy luận dựa trên cặp từ tương đồng.	2	HK 5	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
55.	Viết tiếng Anh nâng cao	Giúp cho người học phát triển kỹ năng viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết. Ngoài ra Viết Tiếng Anh Nâng cao còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề diễn hình trong đời sống xã hội của một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
56.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu như một phân ngành trong ngôn ngữ học ứng dụng cũng như lượng từ vựng học thuật thuộc về chủ đề ngôn ngữ.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
57.	Ngữ âm – Âm vị học	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị của tiếng Anh và là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ.	2	HK 7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

58.	Ngữ nghĩa học	Cung cấp cho người học những hiểu biết chuyên sâu về ngữ nghĩa học bao gồm các kiến thức về nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn; và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học, giúp sinh viên có một kiến thức sâu rộng hơn trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ	2	HK 7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
59.	Cú pháp học	Cung cấp kiến thức về câu đơn trong đó đề cập đến những thành tố cấu tạo nên câu, kỹ thuật phân tích cấu trúc câu, các loại cụm từ có trong tiếng Anh cũng như các mẫu câu đơn cơ bản; câu ghép xoay quanh từ nối, ngữ đồng vị và câu tỉnh lược; câu phức; để kết hợp nhiều câu lại thành một.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
60.	Đất nước học Anh-Mỹ	Cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ như tổng quan về đất nước, con người, các giai đoạn lịch sử, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, cấu trúc xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của hai nước Anh – Mỹ, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng trong việc tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động liên văn hoá.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
61.	Giao tiếp liên văn hóa	Cung cấp cho người học những kiến thức về các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa; giao tiếp liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như xưng hô, khen ngợi và thể hiện sự đánh giá cao người giao tiếp; tương tác bằng tiếng Anh bao gồm các chủ điểm như thể hiện sự hiểu biết, dẫn dắt cuộc nói chuyện và tương tác trong nhóm; thực hiện các cuộc tiếp xúc liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như chọn lọc chủ đề đàm thoại, cách bắt đầu cuộc đối thoại và các kỹ thuật để giữ cuộc nói chuyện tiếp tục.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
62.	Văn học các nước nói tiếng Anh	Cung cấp cho người học kiến thức toàn diện, chuyên sâu về văn hoá – xã hội, nghệ thuật, văn học, lịch sử và văn hóa các nước sử dụng Tiếng Anh thông qua các tác phẩm văn học thuộc nhiều thể loại khác nhau	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
63.	Biên dịch	Trang bị cho người học một số định nghĩa về biên dịch, các phương pháp biên dịch cơ bản, kiến thức về các bước tiến hành dịch viết,	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%,

		một số kỹ thuật dịch cơ bản như phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa, xác định các thành phần câu, sự kết hợp từ, dịch câu ghép chính phụ, ... và thực hành dịch các diễn ngôn ngắn, đa dạng về cấu trúc và chủ đề, phong phú về nội dung. Ngoài việc trang bị kiến thức, quá trình “học thông qua thực hành” còn tạo cơ hội cho học viên phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ, các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v			kiểm tra kết thúc học phần 60%
64.	Phiên dịch	Cung cấp kiến thức về các cấp độ và loại hình phiên dịch phổ biến và các kỹ thuật cần thiết để thực hiện tốt các loại hình phiên dịch khác nhau. Học phần cũng giúp người học luyện tập, trau dồi kỹ thuật dịch chuỗi không ghi chép (consecutive interpreting without notes) và dịch song song (dịch thầm- whispered interpreting as a form simultaneous interpreting) thông qua việc dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các bài phát biểu, thuyết trình có độ dài không quá 5 phút.	2	HK6	Vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
65.	Hình thái học	Trang bị khái niệm về hình vị, các tính chất của hình vị, sự phân biệt hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh, phân loại các hình vị (free morphemes and bound morphemes) quá trình phái sinh (derivation) và thêm biến tố (inflection) của hình vị tiếng Anh và sự khác biệt giữa 2 quá trình này, các biến thể của hình vị, cách xác định các thành phần câu tạo từ trực tiếp của tiếng Anh, khái niệm về từ, các tính chất của từ, phân loại từ và các cách cấu tạo từ của tiếng Anh như: coinage, borrowing, compounding, blending, clipping, acronymy, conversion, affixation và back-formation	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
66.	Phân tích diễn ngôn	Trang bị kiến thức về diễn ngôn và sự khác nhau khi diễn đạt ảnh hưởng bởi yếu tố giới tính, văn hóa, tôn giáo và các kỹ thuật phân tích, kiến tạo diễn ngôn ở hình thức diễn ngôn nói và diễn ngôn viết. Ngoài ra, học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên được phát triển kỹ năng xây dựng diễn ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và công việc chuyên môn liên quan đến ngôn ngữ Anh trong tương lai			
67.	Ngữ dụng học	Trang bị kiến thức và hiểu biết về ngành ngữ dụng học, mối quan hệ giữa ngữ dụng học và các ngành khác thuộc ngôn ngữ học, các vấn đề chính thường đề cập cũng như tầm quan trọng của việc ứng dụng ngôn ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp trong các ngữ cảnh giao tiếp tiếng Anh khác nhau		HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
68.	Ngôn ngữ học xã hội	Trang bị kiến thức về đặc điểm, mục đích, vai trò của Ngôn ngữ học xã hội như là một môn khoa học ngôn ngữ. Bên cạnh đó, cung cấp những kiến thức chuyên ngành về: biến thể ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính, giữa ngôn ngữ và tuổi tác và ngôn ngữ và truyền thông; đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính và tuổi tác	2	HK6	Tiểu luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
69.	Tâm lí học giáo dục	Cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. Tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. Trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó	2	HK 1	Thi tự luận, điểm bộ phận 15%, kiểm tra kết thúc học phần 85%

		có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
70.	Giáo dục học phổ thông	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lí luận dạy học, lí luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lí luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông. Giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kĩ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo dục pháp bộ môn.	2	HK 4	Thi tự luận, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
71.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục ; kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục ; chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên. môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
72.	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản, cũng như vai trò và mục đích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, định hướng cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh tiếp cận công	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết

		nghệ thông tin dưới góc độ dạy và học ngoại ngữ. Học phần tập trung cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng một số phần mềm cơ bản và ứng dụng mạng Internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả nhất với vai trò là một giáo viên dạy ngoại ngữ.			thức học phần 60%
73.	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp luận giảng dạy tiếng nói chung và dạy tiếng Anh nói riêng.	2	HK5	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
74.	Giảng dạy lồng ghép 4 kỹ năng	Cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, về bản chất của quá trình dạy và học ngoại ngữ, cách dạy lồng ghép các thành tố và kỹ năng ngôn ngữ, các cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy. Qua đó Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng giúp tăng cường năng lực nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra, Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng còn phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá một số lý thuyết giảng dạy, áp dụng phương pháp phù hợp với thực tế giảng dạy tại các cơ sở dạy tiếng Anh ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học.	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
75.	Quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học từ việc phân tích các nguyên tắc cơ bản trong quản lý lớp học; giới thiệu, hướng dẫn cách áp dụng lý thuyết để đưa vào thực tiễn của việc quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ; tích lũy được các phương pháp quản lý lớp học để dần dần cải thiện việc đứng lớp của sinh viên.	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
76.	Thiết kế giáo án dạy học ngoại ngữ	Cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp soạn giáo án nói chung cũng như phương pháp soạn giáo án dạy các kỹ năng ngôn ngữ nói riêng để phục vụ việc soạn giáo án môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông. Cụ thể, học phần này giúp sinh	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết

		viên nắm vững các khái niệm, lợi ích của việc soạn giáo án, các yếu tố cần phải xem xét khi soạn 1 giáo án cũng như các thành phần cần có của 1 giáo án; phương pháp và kỹ thuật soạn giáo án cho các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như kỹ năng soạn giáo án cho phần dạy phát âm và ngữ pháp.			thức học phần 60%
77.	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết kiểm tra, đánh giá trong việc học ngoại ngữ và rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch kiểm tra, và đánh giá quá trình dạy học, thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá. Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng về kiểm tra, đánh giá các kỹ năng ngoại ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết, Từ vựng – Ngữ pháp. Ngoài ra, Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ còn phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá việc kiểm tra đánh giá dạy học ngoại ngữ tại các cơ sở dạy tiếng Anh, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
78.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Rèn luyện các kỹ năng đứng lớp và các kỹ thuật hỗ trợ phương pháp giảng dạy; thao giảng cho 1 tiết nghe, nói, đọc hiểu, viết và ngữ pháp	1	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
79.	Thực hành kỹ năng sư phạm	Gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
80.	Kiến tập sư phạm	Sinh viên thực hành tại trường phổ thông. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về trường, lớp nơi được phân công về kiến tập bao gồm các nội dung sau: công tác chủ nhiệm, dự giờ giảng của các giáo viên phổ thông, tập dượt nghiên cứu khoa học giáo dục. Ngoài ra, thông qua học phần Kiến tập sư phạm sinh viên nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời,	2	HK5	Đánh giá tại nơi kiến tập

		đồng thời tiếp cận được các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường phổ thông.			
81.	Thực tập sư phạm	Thực hành kiến thức về các môn chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về trường, lớp nơi được phân công về thực tập bao gồm các nội dung sau: công tác chủ nhiệm, dự giờ giảng của các giáo viên phổ thông, tập giảng và thực hiện giảng một số tiết có đánh giá, tập dự nghiên cứu khoa học giáo dục. Sinh viên thực tập tại trường phổ thông 7 tuần và được xem là thành viên của trường, chịu sự quản lý, phân công của trường nơi thực tập. Ngoài ra, thông qua học phần Thực tập sư phạm sinh viên nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường phổ thông.	5	HK8	Đánh giá tại nơi thực tập
82.	Giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	Cung cấp cho học viên một cái nhìn tổng quát về các vấn đề trong giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế (EIL) trong bối cảnh Việt nam, khu vực và quốc tế. Nội dung học phần bao gồm một số chủ đề như đặc điểm của một ngôn ngữ quốc tế; hiện tượng toàn cầu hóa tiếng Anh, các biến thể của tiếng Anh (varieties). Học viên sẽ nghiên cứu ảnh hưởng của những hiện tượng trên đối với vị trí, vai trò của giáo viên, quá trình xây dựng chương trình, phát triển tư liệu giảng dạy, lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, cũng như các chính sách về việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam. Tạo cơ hội cho học viên phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v.	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
83.	Lý luận giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em từ việc phân tích các tính cách, thái độ của trẻ em khi học một ngoại ngữ; giới thiệu, hướng dẫn cách quản lý và giúp đỡ trẻ em khi học một ngoại ngữ, cách tạo ra những hoạt động học ngoại ngữ phù hợp với trẻ em và cách đánh giá việc học ngoại ngữ của trẻ em.	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		Giúp sinh viên biết liên hệ so sánh, đối chiếu phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em với phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho người trưởng thành.			
84.	Phát triển tài liệu	trang bị cho người học kiến thức về tầm quan trọng và sự đa dạng về hình thức của tài liệu, giáo trình môn tiếng Anh trong chương trình đào tạo nói chung, về các phương pháp và tiêu chí trong lựa chọn và phát triển giáo trình giảng dạy và tài liệu hỗ trợ cho việc dạy học môn tiếng Anh đối với các đối tượng người học khác nhau, đồng thời giúp người học nắm được các nguyên tắc và phương thức để đánh giá các tài liệu sẵn có trên bình diện lý thuyết và tính sư phạm và có khả năng sử dụng, kết hợp, cải tiến sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình, đối tượng người học, hoàn cảnh giảng dạy. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về chọn lựa giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu hỗ trợ, mục tiêu và kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy sẵn có, mục tiêu và kỹ thuật thiết kế và xây dựng giáo trình điện tử trong học ngoại ngữ; các nguyên tắc trong lựa chọn tài liệu giảng dạy; các phương pháp và nguyên tắc trong cải tiến và thiết kế tài liệu, giáo trình; các nguyên tắc và phương pháp trong lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
85.	Phát triển nghiệp vụ	cung cấp cho người học những kiến thức về các hoạt động phát triển, nâng cao năng lực thực hành giảng dạy đối với ngành sư phạm dành cho sinh viên ngành tiếng Sư phạm tiếng Anh. Các hoạt động bao gồm: hội thảo, tự đánh giá, viết nhật ký, lập nhóm hỗ trợ giáo viên, dự giờ, hồ sơ giảng dạy, nghiên cứu tình huống, và nghiên cứu hoạt động. Ngoài ra, học phần Phát triển nghiệp vụ còn phát triển năng lực nghiên cứu, nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động phát triển nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ		HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

86.	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK8	Khóa luận
87.	Chuyên đề tốt nghiệp		4	HK8	Chuyên đề

3.2. Ngôn ngữ Anh

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	3	HK2	Thi vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.	2	HK3	Thi vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân trong việc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trình bày một cách có hệ thống một số vấn đề mang tính quy luật trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại như: vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng	2	HK4	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra

		nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề tôn giáo, vấn đề dân tộc, vấn đề gia đình...			kết thúc học phần 70 %
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK5	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).	2	HK6	Thi tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
6.	Khởi nghiệp	Cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp	2	HK4	Thuyết trình đề án, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
7.	Tin học Đại cương	Hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu	2	HK 2	Thi trắc nghiệm và thực hành, điểm bộ phận 30%, kiểm tra

		với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống			kết thúc học phần 70 %
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sinh viên học môn nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Với hướng tiếp cận thực hành, nội dung của học phần bao gồm những khái niệm, mục đích và bản chất của nghiên cứu khoa học nói chung và một số phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn với quy trình cụ thể gồm nhiều bước như chọn đề tài nghiên cứu, xác định câu hỏi nghiên cứu/mục tiêu nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, xây dựng cơ sở lý luận, xác định phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích và trình bày dữ liệu, và viết báo cáo.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60 %
9.	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Pháp 1)	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 1 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp	3	HK 3	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 6
10.	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp 2)	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp.	3	HK 4	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
11.	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Pháp 3)	Cung cấp kiến thức về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: hoàn cảnh gia đình, quan hệ gia đình, sinh hoạt hàng ngày, nhà ở, thực phẩm, thể thao, phương tiện giao thông, việc làm, giáo dục Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (temps passé récent, passé composé,	3	HK 5	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 40%,

		imparfait, mode conditionnel, subjonctif, pronoms relatifs, pronoms démonstratifs, pronoms interrogatifs, pronoms en, y, pronoms possessifs, pronoms indéfinis, adjectifs interrogatifs, adjectifs qualificatifs, adjectifs indéfinis, adverbes, interrogation, négation, condition, hypothèse, cause, comparatif, superlatif ...); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường			kiểm tra kết thúc học phần 60%
12.	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Pháp 4)	Giúp người học tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn	3	HK 6	Thi trắc nghiệm và vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
13.	Kỹ năng mềm	Cung cấp kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành.	2	HK 1	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
14.	Pháp luật Việt nam đại cương	Trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.	2	HK 1	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
15.	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra

		hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.			kết thúc học phần 70 %
16.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.	2	HK 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70 %
17.	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau.	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
18.	Thể dục cơ bản và Điền kinh	Trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK 1	Thi chạy 100m, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
19.	Bóng chuyền cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
20.	Bơi lội cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%

		luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác			
21.	Cầu lông cơ bản	Trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
22.	Bóng bàn cơ bản	Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
23.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Rèn luyện khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
24.	Taekwondo	Rèn luyện thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
25.	Bóng đá cơ bản	Trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
26.	Bóng rổ cơ bản	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra

		rõ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai			kết thúc học phần 80%
27.	Cờ vua 1	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác.	1	HK1	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
28.	Cờ vua 2	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác	1	HK 2	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
29.	Cờ vua 3	Giúp rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác	1	HK 3	Thi thực hành, điểm bộ phận 20%, kiểm tra kết thúc học phần 80%
30.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%

31.	Công tác quốc phòng và an ninh	Cung cấp những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
32.	Quân sự chung	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
33.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70%
34.	Tiếng Anh tổng quát 1	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như âm nhạc, thể thao, sở thích cá nhân, tiền tệ; trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như công việc, học tập, lương thực, thực phẩm, sự gặp gỡ; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn			
35.	Tiếng Anh tổng quát 2	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như nhà hàng khách sạn, thói quen, năng lượng, nơi ở, cảm giác, trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như cuộc sống đô thị, thời tiết, công việc nhà, môi trường; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
36.	Tiếng Anh tổng quát 3	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như phương tiện thông tin đại chúng, phương thức liên lạc toàn cầu, ý tưởng kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như thiên tai, các kế hoạch, sự thành công, các loại hình chấn thương; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như giấc mơ, hy vọng, du lịch, cách thương thảo, hồi ức; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín, bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
37.	Tiếng Anh tổng quát 4	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề cách quản lý tiền	2	HK 1	Thi vấn đáp và tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết

		bạc, tính cách con người, công việc, các sản phẩm kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như du lịch khám phá, sự kiện; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như các vấn đề thường gặp trong nhà; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín, bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh			thức học phần 60%
38.	Nghe tiếng Anh 1	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe cơ bản (như: nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin chính) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để nghe hiểu các phong cách giao tiếp khác nhau để có thể phát triển các kỹ năng nghe tiếng Anh ở cấp độ cao hơn (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh).	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
39.	Nói Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên trang bị nhóm từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc (hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích/ghét, cảm xúc, công việc, du lịch, âm nhạc, tính cách, nhà cửa), kiến thức ngữ pháp cơ bản, kỹ thuật để cải thiện phát âm Tiếng Anh, các chiến thuật học và phát triển kỹ năng nói một cách hiệu quả nhất đối với học phần Nói Tiếng Anh 1 như phát triển ý phụ từ ý chính, cách xây dựng sơ đồ tư duy.	2	HK 2	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
40.	Đọc Tiếng Anh 1	Cung cấp những bài đọc hiểu liên quan đến Đời sống Sinh viên của các nước và nền văn hóa trên thế giới, Trải nghiệm thiên nhiên, Thói quen ăn uống, Cộng đồng, Gia đình, Văn hóa và Giao văn hóa, Sức khỏe, Giải trí và các phương tiện truyền thông, Đời sống xã hội, Thể thao. Trong quá trình học, sinh viên cần vận dụng các kỹ năng đọc và chiến lược đọc hiểu (skimming, scanning, guessing meaning from contexts...), kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ	2	HK 2	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
41.	Viết Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết để đạt năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. (như: viết các loại	2	HK 2	Thi tự luận, điểm bộ phận

		câu khác nhau, bằng Tiếng Anh về một số chủ đề quen thuộc, tìm hiểu các lỗi thường gặp trong câu để tránh mắc những lỗi này khi viết câu).			40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
42.	Nghe Tiếng Anh 2	Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu và nghe lấy ý chính từ các bài nói về những chủ đề quen thuộc (ăn uống, mua sắm, sở thích cá nhân) cho tới những chủ đề phức tạp hơn (du lịch, hẹn hò, nghe tin tức, giải trí). Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học luyện tập kỹ năng theo dõi các bài nói dài có lập luận phức tạp về những chủ đề đơn giản.	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
43.	Nói Tiếng Anh 2	cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh thuộc các chủ đề cụ thể và trừu tượng bao gồm: các sự kiện trong tương lai (future events), máy tính và công nghệ (computers and technology), các tình huống tưởng tượng (imaginary situations), thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues), y tế và các vấn đề về y tế, sức khỏe (health and medical problems), các phương thức liên lạc (contacting people), công việc và sự nghiệp (jobs and career), hy vọng và ước mơ (dreams and hopes)	2	HK 3	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
44.	Đọc Tiếng Anh 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trên trung cấp. Ở học phần này, sinh viên sẽ tiếp cận những bài đọc dài hơn và mức độ từ vựng khó hơn, với các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa, khoa học và xã hội như: Giáo dục, Cuộc sống đô thị, Kinh doanh và tiền tệ, Phong cách sống của một số quốc gia trên TG, Sự kết nối toàn cầu. Sinh viên sẽ luyện tập để củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiêu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structures), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from contexts), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions and presentations), Đánh giá	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		(Assessment). Đồng thời, các sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, nhận biết được hàm ý của tác giả (suy luận)			
45.	Viết tiếng Anh 2	Giúp sinh viên có thể viết được các loại câu từ câu đơn đến câu phức và đã nắm vững các quy tắc về chấm câu cũng như nhận dạng được các lỗi câu sai thông thường trong viết tiếng Anh.	2	HK 3	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
46.	Nghe tiếng Anh 3	Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói, nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh và nghe để ghi chép) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.	2	HK 4	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
47.	Nói tiếng Anh 3	Giúp phát triển kỹ năng Nói độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác, có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.	2	HK 4	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
48.	Đọc tiếng Anh 3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đất nước, con người, phong tục tập quán của một số nước trên thế giới; về tính cạnh tranh và cách thức làm việc nhóm hiệu quả; về những thay đổi trong đời sống gia đình và trách nhiệm chăm sóc con cái của bố mẹ trong các gia đình; về chế độ ăn uống và sức khỏe con người; về du lịch; về các loại phương tiện giao thông thân thiện với môi trường được hưởng lợi từ những thành tựu của khoa học công nghệ.	2	HK 4	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
49.	Viết tiếng Anh 3	nhằm phát triển kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh rõ ràng, tương đối chặt chẽ, chi tiết với nhiều chủ đề tương đối phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức	2	HK 4	Thi tự luận, điểm bộ phận

		văn bản, sử dụng từ ngữ và các công cụ liên kết, có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.			40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
50.	Luyện âm	Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh, giúp tạo nền móng cho sinh viên chuyên ngữ phát triển tốt hai kỹ năng nghe và nói. Người học có khả năng phát âm tự nhiên, sử dụng ngữ điệu và thẩm thấu được giọng nói của người bản xứ khi nghe. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên viết chính tả tiếng Anh chính xác hơn do nắm được sự liên kết giữa âm và chữ viết.	2	HK 1	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
51.	Nghe tiếng Anh nâng cao	giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao như: nghe và nhận biết ngụ ý của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
52.	Nói tiếng Anh nâng cao	Phát triển kỹ năng nói thông qua trình bày một bài thuyết trình một cách rõ ràng, được tổ chức một cách khoa học về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan, đồng thời có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn, có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo và kiểm soát cảm xúc tốt khi nói, thể hiện một cách tự nhiên hầu như không cần phải nỗ lực	2	HK 5	Thi vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
53.	Đọc tiếng Anh nâng cao	Củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiểu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structure), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from context), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions and presentations), Đánh giá (Assessment).	2	HK 5	Thi trắc nghiệm, tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

		Đồng thời, sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, suy luận dựa trên cặp từ tương đồng.			
54.	Viết tiếng Anh nâng cao	Giúp cho người học phát triển kỹ năng viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết. Ngoài ra Viết Tiếng Anh Nâng cao còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề điển hình trong đời sống xã hội của một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
55.	Ngữ pháp ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại (parts of speech): danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, đại từ, giới từ, liên từ, từ hạn định; về cụm từ (phrases); về mệnh đề (clauses); về các loại câu (sentences) trong Tiếng Anh. Những kiến thức này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và khả năng ứng dụng ngữ pháp tiếng Anh trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ Anh.	2	HK 5	Thi tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
56.	Ngữ âm – Âm vị học	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị của tiếng Anh và là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ.	2	HK 6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
57.	Ngữ nghĩa học	Cung cấp cho người học những hiểu biết chuyên sâu về ngữ nghĩa học bao gồm các kiến thức về nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn; và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học, giúp sinh viên có một kiến thức sâu rộng hơn trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ	2	HK 6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
58.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu như một phân ngành trong ngôn ngữ học ứng dụng cũng như lượng từ vựng học thuật thuộc về chủ đề ngôn ngữ.	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết

					thức học phần 60%
59.	Đất nước học Anh-Mỹ	Cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ như tổng quan về đất nước, con người, các giai đoạn lịch sử, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, cấu trúc xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của hai nước Anh – Mỹ, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng trong việc tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động liên văn hoá.	2	HK4	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
60.	Văn học các nước nói tiếng Anh	Cung cấp cho người học kiến thức toàn diện, chuyên sâu về văn hoá – xã hội, nghệ thuật, văn học, lịch sử và văn hóa các nước sử dụng Tiếng Anh thông qua các tác phẩm văn học thuộc nhiều thể loại khác nhau	2	HK5	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
61.	Giao tiếp liên văn hóa	Cung cấp cho người học những kiến thức về các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa; giao tiếp liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như xưng hô, khen ngợi và thể hiện sự đánh giá cao người giao tiếp; tương tác bằng tiếng Anh bao gồm các chủ điểm như thể hiện sự hiểu biết, dẫn dắt cuộc nói chuyện và tương tác trong nhóm; thực hiện các cuộc tiếp xúc liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như chọn lọc chủ đề đàm thoại, cách bắt đầu cuộc đối thoại và các kỹ thuật để giữ cuộc nói chuyện tiếp tục.	2	HK4	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
62.	Cú pháp học	Cung cấp kiến thức về câu đơn trong đó đề cập đến những thành tố cấu tạo nên câu, kỹ thuật phân tích cấu trúc câu, các loại cụm từ có trong tiếng Anh cũng như các mẫu câu đơn cơ bản; câu ghép xoay quanh từ nối, ngữ đồng vị và câu tỉnh lược; câu phức; để kết hợp nhiều câu lại thành một.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

63.	Tiếng Anh Quản trị kinh doanh	Cung cấp kiến thức toàn diện và chuyên sâu về ngành quản trị kinh doanh, giao dịch, trao đổi thương mại như giao tiếp thương mại, marketing quốc tế ,việc xây dựng các mối quan hệ trong giao dịch thương mại, bí quyết để thành công, sự thương lượng trong kinh doanh, các yếu tố tạo nên sự hài lòng trong công việc.	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
64.	Tiếng Anh giao dịch ngân hàng	Trang bị cho người học những hiểu biết về ngân hàng và hệ thống ngân hàng cũng như các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Hơn thế nữa, các điểm ngữ pháp và từ vựng chuyên ngành ngân hàng giúp cho việc sử dụng tiếng Anh trong công việc trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
65.	Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo	Trang bị cho người học kiến thức toàn diện, chuyên sâu về những công việc trong lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo. Thông qua các chủ đề như tìm kiếm khách hàng, các chiến lược tiếp thị và các công cụ tiếp thị, xây dựng quảng cáo ... người học vừa được tích lũy vốn từ vựng, kiến thức về tiếp thị và quảng cáo, vừa sử dụng tiếng Anh để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về các chủ đề liên quan đến tiếp thị và quảng cáo	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
66.	Tiếng Anh dịch vụ khách hàng	Giúp sinh viên phát triển thuật ngữ chuyên ngành và làm quen với các văn bản cũng như các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực dịch vụ khách hàng. Học phần bao gồm những nội dung liên quan đến ngành dịch vụ khách hàng như giao tiếp với khách hàng trực tiếp hay qua điện thoại, các tình huống xảy ra trong quá trình làm việc với khách hàng cũng như cách giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình đó	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
67.	Tiếng Anh Nhân sự	Trang bị cho người học kiến thức toàn diện, chuyên sâu về những công việc trong lĩnh vực nhân sự. Thông qua các chủ đề như tuyển dụng, tuyển chọn nhân viên, quan hệ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực, lương thưởng, ... người học vừa được tích lũy vốn từ vựng, kiến thức về lĩnh vực nhân sự, vừa sử dụng tiếng Anh để rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về các chủ đề liên quan đến nguồn nhân lực	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

68.	Tiếng Anh Du lịch	Cung cấp những khái niệm, toàn diện, chuyên sâu về chuyên ngành du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên có ý định làm việc hay học tập chuyên sâu trong lĩnh vực này	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
69.	Tiếng Anh ngành công nghệ thông tin	cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng tiếng Anh liên quan đến ngành công nghệ thông tin ở mức độ phổ thông và nâng cao. Ở học phần này, sinh viên sẽ tiếp cận những bài học với các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của ngành công nghệ thông tin như: Người dùng máy tính và kiến trúc máy tính (Computer Users and Computer Architecture), Các Ứng Dụng Máy Tính và Hệ Điều Hành (Computer Applications and Operating Systems), Hệ thống kết nối và hệ thống mạng toàn cầu (Networks and The World Wide Web), Hệ thống giao tiếp và Bảo mật dữ liệu (Communications Systems and Data Security), và Lập trình phần mềm và Sự phát triển của Ngành công nghệ thông tin (Software Engineering and Developments in IT	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
70.	Tiếng Anh ngành Logistics	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết về ngành Logistics bao gồm khái niệm, các thuật ngữ và các lĩnh vực thuộc ngành Logistics nhằm giúp người học trang bị kiến thức tiếng Anh ngành logistics cần thiết	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
71.	Hình thái học	Trang bị khái niệm về hình vị, các tính chất của hình vị, sự phân biệt hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh, phân loại các hình vị (free morphemes and bound morphemes) quá trình phái sinh (derivation) và thêm biến tố (inflection) của hình vị tiếng Anh và sự khác biệt giữa 2 quá trình này, các biến thể của hình vị, cách xác định các thành phần cấu tạo từ trực tiếp của tiếng Anh, khái niệm về từ, các tính chất của từ, phân loại từ và các cách cấu tạo từ của tiếng Anh như: coinage, borrowing, compounding, blending, clipping, acronomy, conversion, affixation và back-formation	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

72.	Ngôn ngữ học xã hội	Trang bị kiến thức về đặc điểm, mục đích, vai trò của Ngôn ngữ học xã hội như là một môn khoa học ngôn ngữ. Bên cạnh đó, cung cấp những kiến thức chuyên ngành về: biến thể ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính, giữa ngôn ngữ và tuổi tác và ngôn ngữ và truyền thông; đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính và tuổi tác	2	HK7	Tiểu luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
73.	Ngữ dụng học	Trang bị kiến thức và hiểu biết về ngành ngữ dụng học, mối quan hệ giữa ngữ dụng học và các ngành khác thuộc ngôn ngữ học, các vấn đề chính thường đề cập cũng như tầm quan trọng của việc ứng dụng ngôn ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp trong các ngữ cảnh giao tiếp tiếng Anh khác nhau		HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
74.	Phân tích diễn ngôn	Trang bị kiến thức về diễn ngôn và sự khác nhau khi diễn đạt ảnh hưởng bởi yếu tố giới tính, văn hóa, tôn giáo và các kỹ thuật phân tích, kiến tạo diễn ngôn ở hình thức diễn ngôn nói và diễn ngôn viết. Ngoài ra, học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên được phát triển kỹ năng xây dựng diễn ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và công việc chuyên môn liên quan đến ngôn ngữ Anh trong tương lai	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
75.	Dẫn luận ngôn ngữ Anh	Cung cấp cho người học những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; đồng thời, cung cấp những kiến thức nền tảng về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng ngôn ngữ Anh... Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số kiến thức về văn tự, về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới để có một cái nhìn khái quát về toàn cảnh các ngôn ngữ	2	HK6	Tiểu luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
76.	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng	Trang bị thêm các kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói chung và nghiên cứu việc dạy và học ngoại ngữ nói riêng	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

77.	Lý thuyết dịch	Trang bị cho người học lý thuyết nền tảng về biên dịch và phiên dịch, giúp người học có khả năng tư duy về ngôn ngữ, tìm ra được những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân trong quá trình biên phiên dịch từ Anh sang Việt và ngược lại. Ngoài ra học phần này còn giúp sinh viên nắm được các biện pháp và thủ thuật dịch nhằm ứng dụng vào các học phần Biên phiên dịch sau này cũng như thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
78.	Phiên dịch	Cung cấp kiến thức về các cấp độ và loại hình phiên dịch phổ biến và các kỹ thuật cần thiết để thực hiện tốt các loại hình phiên dịch khác nhau. Học phần cũng giúp người học luyện tập, trau dồi kỹ thuật dịch đuôi không ghi chép (consecutive interpreting without notes) và dịch song song (dịch thâm-whispered interpreting as a form simultaneous interpreting) thông qua việc dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các bài phát biểu, thuyết trình có độ dài không quá 5 phút.	2	HK6	Vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
79.	Biên dịch	Trang bị cho người học một số định nghĩa về biên dịch, các phương pháp biên dịch cơ bản, kiến thức về các bước tiến hành dịch viết, một số kỹ thuật dịch cơ bản như phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa, xác định các thành phần câu, sự kết hợp từ, dịch câu ghép chính phụ, ... và thực hành dịch các diễn ngôn ngắn, đa dạng về cấu trúc và chủ đề, phong phú về nội dung. Ngoài việc trang bị kiến thức, quá trình “học thông qua thực hành” còn tạo cơ hội cho học viên phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ, các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v	2	HK6	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
80.	Phiên dịch nâng cao	Cung cấp kiến thức toàn diện và chuyên sâu về các loại hình phiên dịch, tiến trình dịch trong dịch đuôi (consecutive interpretation), cách ghi chép và diễn đạt lại thông tin. Phần lớn chương trình học tập trung vào việc thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong dịch đuôi như nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép, thuyết trình trước công chúng, đồng thời giúp trau dồi vốn từ tiếng Việt và tiếng Anh thông qua các bài tập thực hành dịch đuôi Việt - Anh, Anh - Việt về những chủ đề quen thuộc như giáo dục, văn hóa xã hội, và kỹ năng sống	2	HK7	Vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

81.	Biên dịch nâng cao	Trang bị kỹ năng biên dịch các cấu trúc câu đơn, câu phức, câu ghép chính phụ, đồng thời nâng cao năng lực phân tích văn bản tiếng Việt và tiếng Anh với độ dài trên 500 từ, tiếp tục củng cố và phát triển kiến thức từ vựng – ngữ pháp tiếng Anh theo hướng học thuật, từ đó phát triển kỹ năng biên dịch văn bản tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, tập trung vào các chủ đề Kinh tế - tài chính, thương mại, văn hoá, du lịch và giáo dục	2	HK7	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
82.	Ứng dụng công nghệ trong dịch thuật	Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ trong dịch thuật, vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật, định hướng cho sinh viên ngành ngôn ngữ Anh tiếp cận công nghệ thông tin dưới góc độ biên – phiên dịch. Học phần tập trung cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng một số phần mềm hỗ trợ dịch thuật, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả nhất với vai trò là một dịch thuật viên.	2	HK7	Thực hành trên máy tính, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
83.	Thực tế	tạo cơ hội cho sinh viên tìm hiểu về thực tế một số nghề nghiệp và những kiến thức kỹ năng cần tích lũy. Qua đó người học có thể bước đầu định hướng nghề nghiệp sẽ thực tập, xác định những kiến thức, kỹ năng cần trau dồi thêm để có thể làm tốt một công việc trong tương lai. Đồng thời quá trình Thực tế cũng sẽ giúp người học phát triển, trau dồi kỹ năng mềm trong môi trường công sở và thiết lập mạng lưới nghề nghiệp cần thiết.	2	HK8	Bài báo cáo thực tế, điểm bộ phận 50%, kiểm tra kết thúc học phần 50 %
84.	Thực tập	Tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng kiến thức đã tích lũy trong toàn bộ quá trình học tập thông qua việc thực hành, thực tập nghề nghiệp tại một cơ quan, đơn vị có các công việc sử dụng tiếng Anh như một công cụ làm việc. Qua đó người học có hiểu biết sâu sắc về nghề nghiệp mình thực tập và khẳng định được định hướng nghề nghiệp, xác định những kiến thức, kỹ năng cần trau dồi để có thể làm tốt công việc đó trong tương lai. Đồng thời quá trình Thực tập cũng sẽ giúp người học phát triển, trau dồi kỹ năng mềm trong môi trường công sở và thiết lập mạng lưới nghề nghiệp cho tương lai	4	HK8	Bài báo cáo thực tập, điểm bộ phận 50%, kiểm tra kết thúc học phần 50 %
85.	Khóa luận tốt nghiệp		10		Khóa luận
86.	Chuyên đề tốt nghiệp		4		Chuyên đề

87.	Từ nguyên học	Cung cấp kiến thức toàn diện, chuyên sâu về các khái niệm, lịch sử của các từ vựng tiếng Anh, nguồn gốc của chúng, và sự thay đổi của chúng theo thời gian về hình thái và ngữ nghĩa và kỹ năng phân tích để có thể nắm bắt chính xác ý nghĩa của từng đơn vị ngôn ngữ tiếng Anh. Đặc biệt, học viên sẽ nghiên cứu ảnh hưởng của nguồn gốc, cách thức hình thành phần lớn từ vựng, cụm từ, thành ngữ trong tiếng Anh đến hình thái và ngữ nghĩa của chúng, thông qua đó tăng vốn kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ.	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 30%, kiểm tra kết thúc học phần 70
88.	Tâm lý dịch thuật	Cung cấp cho học viên kiến thức về suy nghĩ, hành vi, sự phát triển, động lực, nhận thức ... của những bên liên quan trong quá trình tạo ra sản phẩm dịch thuật, về nghề biên phiên dịch, về người làm công tác dịch thuật, về sản phẩm dịch thuật. Người học còn được tìm hiểu các nguyên tắc và các chiến lược tiến hành công tác phiên dịch, các tiêu chí đánh giá bản dịch và các kỹ năng cần có của 1 người làm nghề biên dịch.	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
89.	Phiên dịch chuyên ngành	Cung cấp cơ hội luyện tập các kỹ thuật phiên dịch đã học trong các học phần trước (dịch đuôi không ghi chép, dịch đuôi có ghi ghép và dịch song song- dịch thâm) với ngữ liệu là các bài phát biểu, thuyết trình về các chủ đề thuộc chuyên ngành kinh tế và giáo dục từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại	2	HK8	Vấn đáp, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%
90.	Biên dịch chuyên ngành	Trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ thuật dịch Việt - Anh, Anh - Việt các văn bản chuyên ngành, các vấn đề cần quan tâm khi dịch các văn bản chuyên ngành như văn phong, cách diễn đạt, các kỹ thuật dịch câu không có chủ ngữ, chuyển đổi góc nhìn trong dịch thuật, kỹ thuật xử lý câu dài, tách câu, ... và thực hành dịch các diễn ngôn đa dạng về cấu trúc và chủ đề, phong phú về nội dung, thể loại như thơ, truyện ngắn, truyện cười, các văn bản khoa học, báo cáo, thông báo...	2	HK8	Tự luận, điểm bộ phận 40%, kiểm tra kết thúc học phần 60%

4. Khoa Lý luận chính trị

4.1. Giáo dục chính trị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác - Lênin	Người học có thể hiểu được những vấn đề cơ bản và có hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các môn khoa học khác và giải quyết các vấn đề thực tiễn;	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về những vấn đề Kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin cũng như giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về các vấn đề Kinh tế chính trị trong thời đại ngày nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn và nắm vững hơn những những vấn đề chính trị - xã hội mang tính quy luật khi thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quát về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	2	Kỳ 5	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	Kỳ 1	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
8.	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Kỳ 6	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
9.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Theo Thông tư liên tịch số 24/2002/TTLT-BGDĐT-BTCCBCP ngày 29/4/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay Bộ Nội vụ) hướng dẫn việc xét tuyển dụng công chức, viên chức, giáo viên phổ thông, mầm non. Do đó Bộ GD&ĐT đã đưa ban hành qui định đưa nội dung kiến thức Quản lý hành chính Nhà nước	1	Kỳ 6	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN

		(QL HCNN) và những nội dung liên quan đến viên chức ngành GD&ĐT thành học phần của chương trình đào tạo giáo viên, là điều kiện để các trường làm căn cứ xét duyệt cấp bằng tốt nghiệp sư phạm			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
10	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá, văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	2		10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
11	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	Kỳ 6	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
12	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quát về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.	2		Theo quy định và đề xuất của giảng viên
13	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 1	Theo quy định và đề xuất của giảng viên

14	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
15	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 3	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
16	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 4	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
17	Tin học đại cương	Học phần Tin học Đại Cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học, phần mềm soạn thảo văn bản và phương pháp tính toán bằng bảng tính điện tử.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
18	Khoa học môi trường	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng trình bày được các kiến thức cơ bản về Khoa học môi trường; có khả năng phân biệt, nhận biết và đánh giá các loại môi trường sống; tự giác trong việc vận động và thực hiện các hành động bảo vệ môi trường.	2	Kỳ 6	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
19	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	1	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
20	Thể dục cơ bản và điền kinh	- Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực)- Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDTT hàng ngày.	1	Kỳ 1	Thi thực hành

21	Cờ vua 1	Giúp sinh viên nắm được cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Nắm được luật di chuyển quân và ăn quân, thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu.	1	Kỳ 1	Thi thực hành
22	Bóng chuyền cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
23	Bơi lội cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (trên cạn, dưới nước), tập hoàn chỉnh kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
24	Cầu lông cơ bản	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. Đồng thời chuẩn bị thể lực cho sinh viên trong quá trình học tập.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
25	Bóng bàn cơ bản	Môn bóng bàn trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
26	Cờ vua 2	Nắm được các thuật ngữ trong Cờ Vua, cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua, các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua, giá trị tương đối giữa Thi thực hành các quân trong Cờ Vua, kiến thức khai cuộc, cò thế.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
27	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng thực hành chuyên môn: kỹ năng thực hiện kỹ thuật chính xác: Thực hiện 7 bước cơ bản với mức độ hoàn thiện và định	1	Kỳ 3	Thi thực hành

		thuộc bài mẫu quy định. Người học trình diễn được những di chuyển sức nhanh, sức mạnh, mềm dẻo, sự phối hợp vận động vào kết hợp âm nhạc.			
28	Taekwondo cơ bản	Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật tấn – đá – đỡ – đâm – Bài quyền số 1 và phương pháp tập luyện. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa và tác dụng, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn võ nói chung và môn Taekwondo nói riêng. Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật căn bản, các thế tấn, đòn đâm, đòn đá, đòn đỡ và bài quyền số 1 của môn võ Taekwondo. Áp dụng làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe và tự vệ.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
29	Bóng đá cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
30	Bóng rổ cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai	1	Kỳ 3	Thi thực hành
31	Cờ vua 3	Nắm được kiến thức giai đoạn trung cuộc, giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua, nắm được Cờ thế. Người học giải được các bài tập cờ thế chiếu hết sau 01 và 02 nước đi.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
32	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CS Việt Nam	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ Quốc; về kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại...	2	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận

33	Công tác Quốc phòng - An ninh	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước ta trong tình hình mới.	2	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
34	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
35	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức biên chế của quân, binh chủng quân đội nhân dân Việt Nam	1	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
36	Mỹ học Mác-Lênin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Mỹ học từ lập trường mácxít. Hình thành cho sinh viên năng lực thụ hưởng, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
37	Quan hệ quốc tế	Trang bị cho người học những bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ tổ quốc. Từ đó, chọn lọc, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
38	Logic học	Giúp sinh viên nắm được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác; Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội; Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic.	2	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

		Trình bày được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy. Sử dụng được sơ đồ Ven, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận. Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic. Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước. Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống. Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp. Có thói quen tư duy logic trong nhận thức; Tích cực nâng cao trình độ tư duy logic, áp dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.			
39	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về các học thuyết kinh tế từ đó sinh viên có nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế và sự vận dụng ở các nước.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
40	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác- Ăngghen- Lênin	Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Mác, Ăngghen, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử, sự hình thành, phát triển: nội dung của những nguyên lý cơ bản xuất phát của triết học Mác- Lênin; nắm được sự chuyển biến về tư tưởng và lập trường triết học của Mác và Ăngghen.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

		Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Lênin, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử ra đời của các tác phẩm của Lênin, sự phát triển của Triết học Mác trong bối cảnh mới; hình thành kỹ năng tìm tòi, phát hiện tư tưởng triết học từ trong các tác phẩm kinh điển, khả năng tự phân tích, tổng hợp, phản biện các vấn đề triết học qua nghiên cứu sách báo; hình thành kỹ năng phân tích và khái quát các vấn đề do thực tiễn đặt ra; liên hệ giữa lý luận và thực tiễn...			
41	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	Trang bị những nội dung cơ bản trong các tác phẩm chủ yếu của Hồ Chí Minh, bao gồm 5 tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Đường cách mệnh; Tuyên ngôn độc lập; Sửa đổi lối làm việc; Di chúc.	2	Kì 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
42	Xây dựng Đảng	Xây dựng Đảng là môn lý luận về Đảng Cộng sản và công tác xây dựng Đảng, đóng vai trò trực tiếp chỉ đạo thực tiễn, gắn với thực tiễn xây dựng Đảng, góp phần giáo dục sinh viên về vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
43	Triết học về con người	Nắm được các quan điểm cơ bản của triết học trước Mác và ngoài Mác hiện nay. Từ đó sinh viên có thể tiếp cận được nội dung môn học chủ nghĩa duy vật lịch sử, văn hóa, tôn giáo, chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
44	Những Truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về những truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên hình thành và củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng về vang của Đảng.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
45	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	Giúp người học có những hiểu biết cơ bản về các phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, nhất là phong trào cộng sản và phong trào công nhân từ khi chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời và xâm nhập vào thực tiễn. Từ đó giúp người học có những kiến thức cơ sở ngành	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

		để nắm bắt, phân tích những vấn đề của các môn học chuyên ngành có liên quan			
46	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	Đảng lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình. Môn học làm rõ việc giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước là hoạt động cơ bản của các đảng chính trị cầm quyền.	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
47	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	Trang bị những kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Việt Nam, Trung Quốc, sự sụp đổ của các nước XHCN, thực trạng xây dựng XHCN ở một số nước, và tương lai xây dựng CNXH trên thế giới.	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
48	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Kỳ 6	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
49	Kỹ năng mềm	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường, cân bằng cảm xúc, tâm lý cá nhân khi gặp vấn đề, tình huống không mong muốn., sinh viên có các kiến thức cơ bản và kỹ năng về chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở. Có suy nghĩ tích cực, lạc quan, chủ động chia sẻ, điều chỉnh cảm xúc, hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề căng thẳng, áp lực không mong muốn trong học tập, các quan hệ xã hội và cuộc sống.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
50	Tâm lý học giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý	3	Kỳ 5	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
51	Giáo dục học phổ thông	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục	3	Kỳ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.			
52	Phong cách Hồ Chí Minh	Nắm được cơ sở hình thành, nội dung phong cách Hồ Chí Minh: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách sống. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh đối với việc UNESCO tôn vinh Người là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào việc xây dựng phong cách của mỗi sinh viên.	2	Kỳ 7	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
53	Những vấn đề của thời đại ngày nay	Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ khoa học cho sinh viên chuyên ngành về các vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thời đại ngày nay. Từ đó giúp cho người học sẽ giải quyết những vấn đề đó.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

54	Chính trị học	Sinh viên hiểu được chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị, lý luận về quyền lực và cầm quyền đại cương. Sự tác động của chính trị đối với các lĩnh vực cơ bản khác của đời sống xã hội. Chính trị học Việt Nam hiện đại, Quyền lực của nhân dân lao động trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
55	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nội dung, vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học GDCD. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp tri thức về các hình thức kiểm tra, xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra. Sinh viên cũng được tiếp cận với quan điểm đổi mới trong kiểm tra, đánh giá môn GDCD theo hướng phát huy năng lực người học.	2	Kỳ 6	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
56	Giáo dục gia đình	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về gia đình và giáo dục gia đình; Thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội, sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội đến sự biến đổi chức năng giáo dục của gia đình; Nắm vững những nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục của gia đình để có thể vận dụng giải quyết những tình huống cụ thể.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
57	Đạo đức học Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của đạo đức học Mác - Lênin hình thành thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để nhận thức thực trạng sự biến đổi đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường. Hiểu được quy luật hình thành và phát triển của đạo đức qua các hình thái kinh tế- xã hội. Từ đó tự giác điều chỉnh hành vi theo lý tưởng đạo đức nhân đạo.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
58	Văn hóa học đường	Văn hóa học đường là học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lý luận về văn hóa học đường, những tác động của nhà trường đến nhân cách người học, những hình thức cơ bản của văn hóa học đường. giúp người học nắm bắt được những yêu cầu của xã hội đối với con người khi ứng xử, sinh hoạt trong nhà trường .	1	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

		Đồng thời việc tiếp cận với học phần này còn giúp cho sinh viên tự giác thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường, định hướng được mục đích cũng như lựa chọn cho bản thân con đường rèn luyện thái độ, hành vi đúng đắn theo đòi hỏi của xã hội; có mong muốn góp phần làm cho nhà trường ngày càng tiến bộ hơn, góp phần xây dựng nhà trường văn hóa.			
59	Thực tế chuyên môn	Thông qua việc tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa, các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở các địa phương, tiếp xúc với nhân chứng lịch sử giúp người học có những hiểu biết về thực tiễn, bổ sung, điều chỉnh phù hợp giữa tri thức lý luận và đời sống thực tiễn	1	Kỳ 7	Viết thu hoạch
60	Giao tiếp sư phạm	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: Khái niệm giao tiếp, phương tiện giao tiếp, giao tiếp sư phạm, chức năng giao tiếp sư phạm, phong cách giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm... Học phần còn giúp sinh viên tiếp cận nền tảng kiến thức giao tiếp qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
61	Hiến pháp và định chế chính trị	Giúp sinh viên nắm và hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp Việt Nam như lịch sử lập hiến Việt Nam, vị trí, vai trò của các bộ phận trong hệ thống chính trị, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
62	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	Hình thành kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Việt Nam từ năm 1945 đến nay với những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra. Qua đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của mặt trận ngoại giao đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Có những kiến thức cơ bản về thời đại trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

63	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở VN	Giúp sinh viên chuyên ngành nắm được những kiến thức cơ bản về quá trình nhận thức và hình thành con đường phát triển của nước ta qua các thời kỳ lịch sử. Từ đó có những hiểu biết đúng đắn xây dựng đất nước Việt Nam XHCN, đồng thời biết vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với con đường cách mạng Việt Nam	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
64	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Học phần này giúp người học: - Nắm vững một cách có hệ thống tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh những mặt, những nội dung và những mối quan hệ cơ bản hợp thành của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Hệ thống những quan niệm, những tư tưởng lý luận này dần được ra đời, không ngừng củng cố, bổ sung, từng bước hoàn thiện...nhằm trả lời câu hỏi xã hội tương lai mà loài người hướng tới là như thế nào? - Hiểu rõ hệ thống các tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh, thể hiện ngày càng đầy đủ hơn, con đường, phương thức và phương pháp đấu tranh của nhân dân lao động nhằm xây dựng, thực hiện chế độ mới – chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa...nhằm trả lời cho câu hỏi xã hội tương lai mà loài người cần đạt tới bằng cách nào? - Hiểu hệ thống các tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh, thể hiện động lực xã hội cơ bản và lực lượng lãnh đạo nhân dân lao động, nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh, hiện thực hoá các tư tưởng, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản...Điều này nhằm trả lời câu hỏi động lực xã hội và lực lượng lãnh đạo xã hội để tiến tới xã hội tương lai ấy là gì?	1	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
65	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên tìm hiểu lịch sử văn hóa của đất nước, truyền thống cách mạng của dân tộc qua thực tế.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
66	Kiến tập sư phạm	Giúp sinh viên làm quen với thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường Trung học phổ thông; Bước đầu vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo	2	Kỳ 6	Thực hành

		đục học và thực tiễn trong công tác giáo dục học học sinh; Tích lũy kinh nghiệm về công tác dạy học và giáo dục học sinh từ giáo viên hướng dẫn ở cơ sở để chuẩn bị cho đợt thực tập sư phạm.			
67	Thực tập sư phạm	Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã học, kỹ năng tâm lý, kỹ năng giáo dục, lý luận dạy học, học hỏi các kiến thức mới nảy sinh từ thực tiễn, hiểu rõ quy luật hoạt động của trường phổ thông. Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý, kỹ năng đánh giá trong công tác dạy học và giáo dục ở trường thực tập sư phạm, sự kết hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh. Lập kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn - Đội và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa. Năng lực thực hiện kế hoạch công tác đã đề ra về: biên soạn chương trình, giáo án chuyên môn, giáo án chủ nhiệm, thực hiện giảng dạy trên lớp, tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa.	5	Kỳ 8	Thực hành
68	Lý luận dạy học giáo dục công dân	Học phần Lý luận dạy học môn GD CD xác định cho sinh viên đúng vai trò, vị trí quan trọng của môn GD CD ở nhà trường trung học phổ thông, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Học phần nghiên cứu quy luật và tính quy luật của quá trình dạy và học môn GD CD ở các trường trung học phổ thông, khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung môn học để từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản cho sinh viên như: các nguyên tắc dạy học, các phương pháp, hình thức dạy học. Học phần còn chỉ rõ vai trò, cách thức và nội dung đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GD CD của học sinh.	3	Kỳ 4	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
69	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	Học phần Phương pháp dạy học môn GD CD cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về chương trình GD CD ở trường trung học phổ thông và những kiến thức về phương pháp dạy học môn GD CD hiện nay được các giáo viên vận dụng ở các trường trung học phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên còn được định hướng trong việc xác định phương pháp dạy học cho phù hợp với các đơn vị kiến thức ở mỗi bài. Cuối	2	Kỳ 5	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

		cùng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên được thực hành vận dụng kiến thức đã học để soạn bài và tập giảng một tiết môn GDCD lớp 10, 11, 12.			- Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
70	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Tập trung vào kỹ năng ứng xử sư phạm.	1	Kỳ 4	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
71	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Tập trung vào kỹ năng soạn giáo án, thiết kế bài dạy học GDCD.	1	Kỳ 5	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
72	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp sư phạm và xử lý các tình huống sư phạm.	1	Kỳ 6	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp

73	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, 3 học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học GD CD.	1	Kỳ 7	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
74	Công dân với các vấn đề kinh tế học	Học phần <i>Công dân với các vấn đề kinh tế học</i> giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức, những nguyên lý cơ bản trong hoạt động kinh tế của con người, cách thức con người sử dụng các nguồn lực có giới hạn vào hoạt động kinh tế để mang lại hiệu quả cao nhất trong khả năng sản xuất. Nội dung chính của học phần được thiết kế trên cơ sở những nội dung cơ bản để đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học, bổ sung những kiến thức để sinh viên có thể soạn giảng tốt phần Giáo dục kinh tế trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông.	2	Kỳ 6	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
75	Giáo dục kinh tế ở trường THPT	Học phần <i>Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông</i> giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động của nền kinh tế; hoạt động kinh tế của Nhà nước; hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc tương lai nói chung. Để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần <i>Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông</i> một cách hiệu quả nhất, học phần này phải được học sau học phần Chuyên đề kinh tế học (ML213002).	3	Kỳ 5	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận

76	Lý luận dạy học các môn LLCT	Học phần Lý luận dạy học các môn Lý luận chính trị là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về: Bối cảnh thế giới và trong nước tác động đến dạy học các môn Lý luận chính trị; Vai trò, nhiệm vụ của giảng viên môn Lý luận chính trị; Mục tiêu, nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị; Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị; Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị.	2	Kỳ 4	Hình thức thi kết thúc học phần: Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
77	Kỹ năng công tác chủ nhiệm	Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm là học phần bắt buộc dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị năm thứ 4. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Kỹ năng mềm, Tâm lý học giáo dục, Văn hóa học đường, Giao tiếp sư phạm, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, góp phần giúp sinh viên hiểu biết và có kỹ năng thực hiện các công việc của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: - Vị trí, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. - Những yêu cầu sư phạm đối với người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. - Những kỹ năng công tác cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm.	1	Kỳ 5	Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70
78	Giáo dục pháp luật ở trường THPT	Học phần <i>Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông</i> giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; hệ thống chính trị; pháp luật về hình sự, dân sự, doanh nghiệp và lao động. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc trong tương	3	Kỳ 6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận

		lai đồng thời để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần <i>Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông</i> một cách hiệu quả nhất.			
79	Thực hành kỹ năng sư phạm	Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.	1	Kỳ 7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi thực hành kết thúc học phần: 70%.
80	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên.	7	Kỳ 8	Theo quy định
81	Chuyên đề tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên	3	Kỳ 8	Theo quy định
82	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	Từ việc nghiên cứu các hình thức vận động logic của tư duy, từ đó hình thành những quy tắc, quy luật vận động và phát triển của tư duy logic. Qua việc tìm hiểu các cấp độ vận động cũng như các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận, học phần cung cấp cơ sở để hình thành phương pháp hợp đối với từng trường hợp trong nhận thức và thực tiễn xã hội. Việc vận dụng tư duy lý luận với tính cách là hình thức phát triển cao nhất của tư duy vào việc nhận thức xã hội là điều cần thiết, cung cấp cho người học những phương pháp khoa học để phân tích, đánh giá sự vận động và phát triển của xã hội qua các thời kỳ lịch sử.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

83	Giai cấp và nhà nước		1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
84	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Học phần hệ thống lại cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (đã được học ở Học phần Nguyên lý cơ bản 2); Trang bị cho người học những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Giúp người học nắm được đặc điểm nền kinh tế thế giới hiện nay và vận dụng như thế nào trong quá trình phát triển ở Việt Nam.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
85	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	Giúp người học có hiểu biết một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
86	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc, và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
87	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành của các cơ sở, tổ chức Đảng ở khu vực Tây Nguyên và phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng địa phương theo ngọn cờ cách mạng của ĐCSVN. Từ đó có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề về lịch sử, về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở khu vực Tây Nguyên. Đồng thời	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

		góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống			
88	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng qua các giai đoạn lịch sử. Làm rõ công tác tổ chức của Đảng được hình thành, bổ sung và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt làm rõ công tác tổ chức của Đảng về một số nội dung cơ bản trong thời kỳ đổi mới. Nêu những tấm gương tiêu biểu của các tổ chức trong quá trình hoạt động cách mạng.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

4.2. Triết học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	3	Kỳ 1	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã		Kỳ 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm

		hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.	2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.	2	Kỳ 3	Thi tự luận
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.	2	Kỳ 4	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Kỳ 5	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm

6.	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lý học như: Quan niệm về tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình tâm lý như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.	2	Kỳ 5	Thi tự luận
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.	2	Kỳ 1	Thi tự luận
8.	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	Kỳ 1	Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.

9.	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	Kỳ 2	Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.
10.	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	Kỳ 3	Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.
11.	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói,		Kỳ 4	Thi trắc nghiệm và tự luận trên

		đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			máy tính, vấn đáp.
12.	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lí thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bồi trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	Kỳ 2	Thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle. Thực hiện bài kiểm tra thực hành báo cáo trên máy tính
13.	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên;	2	Kỳ 1	Thi tự luận.

		các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyển và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.			
14.	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành	2	Kỳ 1	Các bài tập lớn
15.	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và	2	Kỳ 6	Thi tự luận

		tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.			
16.	Tiếng Việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: <i>Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.</i>	2	Kỳ 6	Thi tự luận
17.	Đại cương lịch sử thế giới	Học phần đại cương lịch sử thế giới được cấu trúc làm 3 Chương, trình bày một cách hệ thống và cơ bản nhất về lịch sử nhân loại từ thời đại nguyên thủy đến thời hiện đại. Sự phân chia lịch sử thế giới thành 3 chương sẽ vừa đảm bảo giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản về thông sử thế giới, đồng thời cũng có những hiểu biết cụ thể về những nội dung lịch sử thế giới quan trọng. Sự phân bố dựa thời lượng và cấu trúc giữa các chương đảm bảo cho sinh viên hiểu biết sâu rộng và tiếp cận lịch sử từ gần đến xa (<i>theo thời gian và không gian</i>). Học phần này sẽ trang bị những kiến thức nền tảng căn bản cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị để dễ dàng tiếp thu kiến thức đối với các học phần chuyên ngành.	2	Kỳ 2	Thi tự luận

18.	Lịch sử văn minh thế giới	Nền văn hoá, văn minh thế giới qua các thời đại vô cùng phong phú và độc đáo, là kho tàng tri thức vô tận đối với con người. Sinh viên cần trang bị những kiến thức về Lịch sử văn minh thế giới vừa giúp cho người học làm giàu vốn kiến thức, hình thành tư tưởng nhân văn, tiến bộ, vừa rèn luyện phương pháp tư duy lịch sử, qua đó giúp người học có thể luận giải những vấn đề thuộc về văn hoá, văn minh; sự hình thành, phát triển của các nền văn minh trong lịch sử. Đồng thời, qua học phần này, người học sẽ nhận thấy sự sáng tạo liên tục và kì diệu của nhân loại, xã hội loài người không ngừng tiến bộ là nhờ vai trò của văn hoá, văn minh, và đây cũng là tư tưởng nhân văn sâu sắc qua việc học tập và nghiên cứu học phần này. Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn nhân loại thời cận hiện đại.	2	Kỳ 2	Thi tự luận
19.	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	Kỳ 1	Thi chạy 100m
20.	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	Kỳ 1	Thi thực hành.

21.	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
22.	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
23.	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại	1	Kỳ 2	Thi thực hành

		hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thể hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông giúp phân tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
24.	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
25.	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
26.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.	1	Kỳ 3	Thi thực hành

		Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.			
27.	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể	1	Kỳ 3	Thi thực hành
28.	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
29.	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	Kỳ 3	Thi thực hành

30.	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
31.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	Kỳ 3	Thi tự luận
32.	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự,	2	Kỳ 3	Thi tự luận

		nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam			
33.	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	Kỳ 3	Thi tự luận
34.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Kỳ 3	Thi thực hành
35.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.	2	Kỳ 5	Thi tự luận hoặc vấn đáp

36.	Nhân học đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành Nhân học, cụ thể là về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học và một số chủ đề quan trọng của ngành học như: Nguồn gốc loài người và các chủng tộc; Tộc người, các tiêu chí phân định, quá trình tộc người và các loại hình cộng đồng tộc người; Ngôn ngữ và các ngữ hệ trên thế giới; Một số vấn đề về xã hội nguyên thủy; Một số vấn đề về các hình thái tôn giáo sơ khai. Nhân học có mối quan hệ mật thiết với nhiều ngành khoa học khác như triết học, lịch sử, địa lí, kinh tế, sinh học,....	2	Kỳ 5	Thi tự luận.
37.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị kỹ năng tiếp cận khoa học; phương pháp thiết kế khung logic; cấu trúc đề xuất nghiên cứu và cách trình bày báo cáo khoa học.	2	Kỳ 3	Thi tự luận (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, ...)
38.	Phương pháp điều tra xã hội học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về điều tra xã hội học như: các nội dung về nguồn thông tin và sự phân loại các phương pháp thu thập thông tin đặc trưng; các nguyên tắc trong thực hiện một cuộc điều tra xã hội học thực nghiệm; nội dung liên quan vấn đề đo lường trong xã hội học và xây dựng thang đo; các nội dung về kỹ thuật đặt câu hỏi và thiết kế bảng hỏi. Các phương pháp thu thập thông tin cụ thể ; các nội dung về các kỹ thuật xử lý dữ liệu và phân tích kết quả điều tra.	2	Kỳ 3	Thi tự luận
39.	Mỹ học Mác - Lênin	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về mỹ học theo quan điểm của mỹ học Mác - Lênin. Hình thành cho người học năng lực thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh.	2	Kỳ 6	Thi tự luận
40.	Đạo đức học Mác - Lênin	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đạo đức học và đạo đức học Mác - Lênin. Từ đó, người học được hoàn thiện nhân cách đạo đức trở thành một người vừa có tài, vừa có đức.	2	Kỳ 4	Thi tự luận

41.	Logic học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức vận động logic của tư duy, xây dựng những quy tắc, quy luật vận động và phát triển của tư duy hình thức, qua đó xác lập những nguyên tắc để hình thành phán đoán và suy luận logic. Qua việc công thức hóa các suy luận trong khoa học và đời sống thường ngày, logic hình thức còn cung cấp cơ sở để xác lập các trị số logic trong những trường hợp cụ thể để có thái độ phù hợp đối với từng trường hợp trong nhận thức và thực tiễn xã hội.	2	Kỳ 1	Thi tự luận
42.	Logic biện chứng	Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về các quy luật, phạm trù, các phương pháp xem xét sự vật trên quan điểm duy vật, đồng thời chỉ ra mối quan hệ biện chứng không tách rời với lô gíc học.	2	Kỳ 7	Thi tự luận hoặc vấn đáp
43.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển và thay thế nhau của những học thuyết kinh tế cơ bản trên thế giới như học thuyết kinh tế Trọng thương, học thuyết Tự sản cổ điển, học thuyết Mác – Lênin, học thuyết Tân cổ điển, học thuyết Keynes, học thuyết của Chủ nghĩa tự do mới, học thuyết kinh tế trường phái Chính hiện đại và các lý thuyết về tăng trưởng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Trên cơ sở nhận thức về những nội dung của các học thuyết kinh tế trong tiến trình lịch sử diễn ra trên thế giới, từ đó người học có khả năng hiểu biết và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn có liên quan.	2	Kỳ 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp
44.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng Việt Nam, bao gồm: Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng Việt Nam.	1	Kỳ 6	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

45.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên của Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân.	1	Kỳ 6	Thi tự luận/ vấn đáp
46.	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.	1	Kỳ 5	Thi vấn đáp
47.	Lịch sử tư tưởng Xã hội chủ nghĩa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng cho đến khoa học. Đồng thời, khẳng định sức sống và giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng.	1	Kỳ 5	Thi tự luận
48.	Lịch sử phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, hoạt động của tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân, trọng tâm là sự ra đời, hoạt động và đóng góp của QTCS (Quốc tế III) đối với phong trào cộng sản và công nhân trên toàn thế giới.	1	Kỳ 5	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
49.	Tôn giáo học	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản chung về vấn đề tôn giáo. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, chính sách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	1	Kỳ 3	Thi tự luận, vấn đáp.
50.	Những vấn đề của thời đại ngày nay	Học phần trang bị những tri thức cơ bản về những vấn đề của thời đại ngày nay mà nhân loại đang phải chung tay đề giải quyết như: vấn đề chiến tranh và hòa bình, bùng nổ dân số, bảo vệ môi trường	2	Kỳ 7	Thi tự luận

		toàn cầu, việc làm, đói nghèo, tệ nạn xã hội, dịch bệnh, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa...từ đó đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm đẩy lùi các vấn đề trên.			
51.	Chính trị học	Học phần trình bày những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực chính trị từ các hệ tư tưởng cách mạng lớn của thế giới và Việt Nam đến các thiết chế chính trị qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó tập trung làm rõ hệ tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, quá trình vận dụng ở Việt Nam và lịch sử hình thành, phát triển và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay	2	Kỳ 7	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
52.	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	Học phần trang bị cho người học kiến thức về những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam và đặc điểm cơ bản, nét đặc thù của tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kì. Từ đó, người học nắm được những giá trị và hạn chế của tư tưởng triết học Việt Nam, sự ảnh hưởng của nó đối với tư duy, nhận thức của Việt Nam.	2	Kỳ 4	Thi tự luận
53.	Quan hệ quốc tế	Học phần là sự tổng hợp của những mối quan hệ trên các lĩnh vực của các chủ thể hành động trong cộng đồng quốc tế, là công việc chính trị quốc tế mà các nhà nước và các tập đoàn chính trị tham gia, là tổng hợp những chế định và hình thức hoạt động quốc tế.	2	Kỳ 2	Thi vấn đáp
54.	Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Học phần này nhằm hỗ trợ cho sinh viên chuyên ngành triết học nắm rõ được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là tất yếu và phù hợp với lợi ích của toàn thể dân tộc.	2	Kỳ 2	Thi tự luận
55.	Xây dựng Đảng	Học phần cung cấp cho người học hiểu biết về sự lãnh đạo của Đảng với xã hội; về những nguyên tắc và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều	2	Kỳ 7	Thi vấn đáp

		kiện có chính quyền; về những nguyên tắc tổ chức xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng.			
56.	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	Học phần giúp người học tìm hiểu quá trình, ra đời và lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở Tây Nguyên của các tổ chức, cơ sở Đảng ở Tây Nguyên. Qua đó giúp người học có thêm những hiểu biết các phong trào đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng Tổ quốc của nhân dân các dân tộc ở Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, theo chủ trương, đường lối của Đảng.	1	Kỳ 6	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
57.	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về nghệ thuật tuyên truyền Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân.	2	Kỳ 4	Thi tự luận/ vấn đáp
58.	Phong cách Hồ Chí Minh	Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào thực tiễn, hình thành nên phong cách tư duy, làm việc, diễn đạt, ứng xử, sống của bản thân. Học phần Phong cách Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh; Hệ thống phong cách Hồ Chí Minh bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách sống; Vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào thực tiễn.	2	Kỳ 6	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
59.	Khởi nghiệp	Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh	2	Kỳ 5	Thuyết trình đề án

		nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.			
60.	Lịch sử triết học Trung Quốc cổ - trung đại	Học phần trang bị cho người học kiến thức về triết học Trung Quốc thời cổ - trung đại. Từ đó, người học nắm được những thành tựu, hạn chế và đóng góp của triết học Trung Quốc cổ - trung đại đối với sự phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại.	3	Kỳ 4	Thi tự luận
61.	Lịch sử triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Hy Lạp - La Mã thời kỳ cổ đại (từ sơ khai đến thế kỷ thứ III) : điều kiện lịch sử hình thành; những đặc điểm cơ bản; các trường phái và các triết gia tiêu biểu cùng với nội dung tư tưởng triết học của các trường phái và triết gia tiêu biểu thời cổ đại Hy Lạp - La Mã. Từ đó giúp sinh viên biết vận dụng quan điểm duy vật biện chứng vào việc phân tích, đánh giá những giá trị, cũng như hạn chế của tư tưởng triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại, từ đó nâng cao tư duy biện chứng khoa học trong nghiên cứu triết học.	3	Kỳ 3	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
62.	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ - trung đại	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư tưởng triết học Ấn Độ thời kỳ cổ - trung đại (điều kiện lịch sử hình thành và phát triển; các trường phái; nội dung và đặc điểm tư tưởng triết học của các trường phái triết học chính thống và không chính thống; đặc điểm của triết học Ấn Độ thời kỳ cổ - trung đại). Đánh giá những giá trị và hạn chế của triết học Ấn Độ cổ - trung đại trong lịch sử triết học.	3	Kỳ 4	Thi tự luận, vấn đáp.
63.	Lịch sử triết học Tây Âu trung - cận đại	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử triết học Tây Âu ở hai thời kỳ trung cổ - phục hưng và cận đại: điều kiện ra đời và phát triển; đặc điểm của triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ, phục hưng và cận đại; những trường phái và triết gia tiêu biểu thời kỳ này; Học phần cũng giúp người học thấy được những bước phát triển mới của triết học Tây Âu trung cổ, phục hưng và cận đại so	3	Kỳ 5	Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm.

		với triết học Hy Lạp cổ đại nhưng vẫn nằm trong lôgic chung của sự phát triển lịch sử triết học. Từ đó, người học nâng cao được năng lực tư duy khoa học và khả năng phân tích các trường phái triết học theo quan điểm mácxít			
64.	Lịch sử triết học cổ điển Đức	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của triết học cổ điển Đức, giúp sinh viên nắm được điều kiện ra đời, nội dung và đặc điểm của triết học cổ điển Đức; triết học cổ điển Đức trong sự phát triển của triết học nhân loại; nắm được phương pháp tư duy và nội dung tư tưởng triết học của các triết gia thời kỳ này. Qua nghiên cứu triết học cổ điển Đức giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học các trường phái triết học, nâng cao được năng lực tư duy khoa học và khả năng phân tích các quan điểm của các triết gia Đức, đồng thời phân tích được vai trò của triết học Cổ điển Đức đối với sự hình thành và phát triển của triết học Mác.	3	Kỳ 5	Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm.
65.	Lịch sử triết học Mác – Lênin	Học phần trang bị kiến thức của học phần cơ sở như học phần Triết học Mác – Lênin, Triết học Ấn Độ cổ - trung đại, Triết học Hy Lạp cổ - trung đại, Triết học Trung Quốc cổ - trung đại, Triết học Tây Âu... Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản bối cảnh lịch sử ra đời của triết học Mác – Lênin, quá trình hình thành và phát triển những nguyên lý triết học giai đoạn C.Mác – Ph.Ăngghen. Quá trình Lênin kế thừa, bổ sung và phát triển C.Mác – Ph.Ăngghen và sự vận dụng và phát triển triết học Mác trong điều kiện thế giới ngày nay.	2	Kỳ 5	Thi tự luận, vấn đáp.
66.	Tác phẩm kinh điển triết học Mác-Ăngghen	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời, mục đích và nội dung căn bản của các tác phẩm tiêu biểu của Mác và Ăngghen. Đặc biệt, thông qua việc phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, học phần góp phần làm rõ quá trình hình thành và chuyển biến tư tưởng, lập trường của các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác; giúp người học nắm vững những vấn đề lý luận cốt lõi của triết học	2	Kỳ 7	Thi tự luận

		Mác – Lênin một cách có hệ thống. Từ đó, cung cấp cho người học những nội dung lý luận và hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện hiện thực xã hội luôn biến đổi.			
67.	Tác phẩm kinh điển triết học Lênin	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời, mục đích và nội dung căn bản của các tác phẩm tiêu biểu của V.Lênin. Đặc biệt, thông qua việc phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, học phần góp phần làm rõ quá trình Lênin bổ sung và phát triển những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần chỉ ra mối quan tâm của Lênin về chiến lược và sách lược cách mạng, tiếp tục bổ sung và phát triển phép biện chứng của sự phát triển xã hội, chú trọng đến nhân tố chủ quan trong sự phát triển của xã hội.	2	Kỳ 7	Thi tự luận
68.	Triết học phương Tây hiện đại	Học phần giúp cho người học đánh giá đúng bản chất của triết học ngoài mácxít, đồng thời khẳng định tính cách mạng, khoa học của triết học Mác – Lênin.	2	Kỳ 6	Thi tự luận
69.	Thực tế chuyên môn	Học phần này giúp sinh viên có điều kiện tiếp xúc với thực tế đất nước qua việc tham quan các di tích lịch sử, các chứng tích chiến tranh và các cơ sở sản xuất, kinh doanh... qua đó sinh viên có những hiểu biết cơ bản về quá khứ, hiện tại và tương lai.	1	Kỳ 7	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm.
70.	Thực tập cuối khóa	Là học phần trong khối kiến thức tốt nghiệp, trang bị cho người học những hiểu biết về đơn vị thực tập; nghiên cứu tài liệu; tiếp cận công việc thực tế; viết báo cáo thu hoạch thực tập.....	4	Kỳ 8	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua

					nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra
71.	Lịch sử phép biện chứng mác-xít	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về những tiền đề của phép biện chứng duy vật; về quá trình khắc phục phương pháp tư duy siêu hình và cải tạo phép biện chứng duy tâm; xây dựng, củng cố và hoàn thiện các nguyên lý của phép biện chứng duy vật. Giúp người học hình thành thái độ nghiêm túc, khoa học trong học tập, trong nghiên cứu lịch sử triết học nói riêng và trong nghiên cứu khoa học nói chung.	3	Kỳ 6	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
72.	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	Học phần trình bày những nội dung cơ bản về tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. Từ đó, làm cho sinh viên hiểu rõ tư tưởng triết học của Người thể hiện như là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận về những vấn đề cơ bản toàn diện của cách mạng Việt Nam và trong điều kiện hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay.	2	Kỳ 6	Thi tự luận hoặc vấn đáp
73.	Triết học về con người	Học phần này trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của các nhà triết học về vấn đề con người từ trước triết học Mác đến ngày nay, đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề con người trong điều kiện cách mạng ở Việt Nam. Từ đó làm cho sinh viên hiểu rõ triết học Mác – Lênin về vấn đề con người chính là sự kế thừa, phát triển sáng tạo, khoa học các quan điểm trong lịch sử.		Kỳ 2	Thi tự luận
74.	Triết học văn hóa	Học phần này trang bị cho sinh viên những quan điểm văn hóa, đặc biệt cách tiếp cận nghiên cứu văn hóa theo quan niệm duy vật lịch sử. Bản chất của văn hóa theo quan niệm duy vật về lịch sử, là trình độ người, trình độ phát triển của xã hội. Từ đó, làm cho sinh viên hiểu	2	Kỳ 7	Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm,

		rõ nghiên cứu triết học văn hóa để thấy rõ quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế - xã hội, nhất là, trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.			
75.	Triết học trong khoa học tự nhiên	Học phần giúp sinh viên thấy được mối quan hệ biện chứng giữa triết học và khoa học tự nhiên đã được hình thành từ rất lâu và ngày càng có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhất là trong thời kì hiện nay, khi khoa học tự nhiên ngày càng có bước phát triển lớn thì giữa khoa học tự nhiên và triết học lại càng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn bao giờ hết. Từ đó khẳng định tính cách mạng, khoa học của triết học Mác – Lênin.	2	Kỳ 7	Thi tự luận
76.	Phương pháp giảng dạy triết học	Học phần xác định cho sinh viên nhận thức đúng vai trò, vị trí quan trọng của môn Triết học, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Trên cơ sở khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung tri thức môn học, từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản là các nguyên tắc dạy học, các phương pháp, hình thức giảng dạy môn Triết học. Bước đầu hình thành và rèn luyện cho sinh viên khả năng thiết kế giáo án và tập giảng 01 tiết môn Triết học.	2	Kỳ 7	Thi tự luận
77.	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên	10	Kỳ 8	
78.	Chuyên đề tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội	4	Kỳ 8	

		dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên			
79.	Triết học chính trị	Học phần trang bị cho người học kiến thức về triết học chính trị, đặc biệt cách tiếp cận nghiên cứu chính trị theo quan niệm triết học Mác – Lênin. Bản chất của quyền lực chính trị thể hiện mối quan hệ công dân và nhà nước, là thể hiện trình độ phát triển của xã hội. Từ đó, người học nắm được vấn đề quyền lực chính trị trong xã hội thuộc về giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất trong nền sản xuất xã hội, nhất là, trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.	2	Kỳ 8	Thi tự luận
80.	Toàn cầu hóa dưới góc nhìn triết học	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa, toàn cầu hóa trên một số lĩnh vực và ý nghĩa đối với Việt Nam từ góc độ thế giới quan và phương pháp luận triết học, từ đó có những nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc gia tăng những mối liên hệ với thế giới trong nền kinh tế toàn cầu và ý nghĩa đối với Việt Nam hiện nay.	2	Kỳ 8	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
81.	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Học phần trang bị cho sinh viên những lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về đặc điểm của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đặc trưng cơ bản, những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới và vận dụng phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay.	1	Kỳ 8	Thi tự luận hoặc vấn đáp
82.	Giai cấp và nhà nước	Học phần trang bị cho sinh viên có những hiểu biết về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Về nhà nước nói chung và sự ra đời của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.	1	Kỳ 8	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

83.	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và các cấp độ phát triển của tư duy; các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận và vai trò của nó đối với nhận thức nói chung và nhận thức xã hội nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận trực tiếp để nhận thức xã hội; vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.	1	Kỳ 8	Thi tự luận

5. Khoa Chăn nuôi – Thú y

5.1. Chăn nuôi – Nghiên cứu sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Các học phần bắt buộc					
12.	Môi trường chăn nuôi	Biết các yếu tố liên quan đến tiểu khí hậu chuồng nuôi, đặc điểm khu vực chăn nuôi và các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, sức khỏe vật nuôi. Vận dụng để xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng khu vực chăn nuôi, bảo vệ môi trường.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
13.	Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu	Có kiến thức nâng cao về ý tưởng nghiên cứu, những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu chăn nuôi, quy trình nghiên cứu khoa học, đề cương nghiên cứu, phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi. Biết sử dụng các phần mềm máy tính để xử lý kết quả nghiên cứu, biết phân tích số liệu, đánh giá kết quả nghiên cứu, viết báo cáo, thuyết trình báo cáo khoa học, viết bài báo công bố kết quả nghiên cứu về chăn nuôi.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành năng lực tự xây dựng toàn bộ quy trình nghiên cứu khoa học <i>từ ý tưởng đến nghiên cứu</i> (xác định vấn đề/câu hỏi nghiên cứu, hình thành giả thuyết khoa học, thiết kế thí nghiệm, viết đề cương nghiên cứu) và <i>từ nghiên cứu đến công bố</i> (trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, viết bài báo khoa học và luận văn tiến sĩ); thiết lập được năng lực đánh giá phản biện về các đề xuất nghiên cứu và các công bố khoa học về chăn nuôi.			
Các học phần tự chọn					
14.	Những tiến bộ gần đây trong dinh dưỡng động vật	Trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức cập nhật và nâng cao về dinh dưỡng động vật (Gia súc nhai lại, Lợn, Gia cầm)	2	Học kỳ II	- Điểm tiểu luận, seminar: 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
15.	Ứng dụng di truyền và chọn giống trong chăn nuôi	Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các phương pháp đánh giá, chọn lọc, nhân giống và tổ chức công tác giống vật nuôi trong chăn nuôi.	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
16.	Tập tính vật nuôi và ứng dụng	Trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản về tập tính động vật, đặc biệt là các ứng dụng của tập tính trong chăn nuôi cho từng đối tượng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17.	Chăn nuôi nhiệt đới	Nắm được những đặc trưng của khí hậu nhiệt đới và những tiến bộ mới trong nghiên cứu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới đến chăn nuôi và các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi của khí hậu nhiệt đới, khai thác hết tiềm năng thuận lợi của khí hậu nhiệt đới với chăn nuôi (chất lượng và số lượng thức ăn, sinh sản, trao đổi nhiệt, dịch bệnh). Chiến lược chăn nuôi trong điều kiện nhiệt đới. Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng nhiệt đới và chăn nuôi trong tương lai.	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
18.	Đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn gen vật nuôi	Cung cấp cho người học các kiến thức về đa dạng sinh học, bảo tồn quỹ gen cũng như chiến lược và các quy ước bảo tồn quỹ gen động vật ở Việt Nam cũng như thế giới.	2	Học kỳ II	Điểm seminar: 50% Bài tập: 50%
19.	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi	Yêu cầu sinh viên nắm được cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản của công nghệ sinh học, những ứng dụng chủ yếu của công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp Nắm vững các thao tác và kỹ năng của nuôi cấy mô tế bào thực vật và động vật. Thành thạo các thao tác tách chiết DNA và kỹ thuật PCR.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

5.2. Chăn nuôi – Thạc sĩ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
37.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
38.	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					
39.	Hóa sinh động vật	Hệ thống và nâng cao những hiểu biết về các vấn đề chủ chốt của hóa sinh như protein, nucleic acid, enzyme, các quá trình trao đổi chất và năng lượng. Với sự phát triển nhanh của chóng của sinh học hiện đại, các lĩnh vực kiến thức trên thường xuyên được bổ sung nhiều tư liệu mới. Vì vậy cập nhật những kiến thức hóa sinh đã học ở bậc đại học chính là mục tiêu chính thông qua lựa chọn nội dung giảng dạy	2	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10% - Điểm tiểu luận, seminar: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		linh hoạt thích ứng với các tiến bộ của hóa sinh, từ đó vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, hoạt động thực tiễn			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
40.	Sinh lý động vật	Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về các chuyên đề sinh lý động vật nâng cao: máu, tiêu hóa, sinh sản... - Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành - Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
41.	Di truyền động vật	Nắm được các kiến thức về vật chất di truyền, các quy luật di truyền của các tính trạng và ứng dụng thực tiễn các kiến thức di truyền. Nắm được phương pháp phân tích di truyền, di truyền phân tử.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
42.	Dinh dưỡng động vật	Mục đích của học phần là (i) nâng cao kiến thức khoa học về dinh dưỡng, đặc biệt dinh dưỡng acid amin, các vi chất, năng lượng; mối quan hệ tương tác giữa các chất dinh dưỡng(ii) nâng cao kỹ năng phân tích vấn đề và kỹ năng tiếp cận với khoa học dinh dưỡng hiện đại của thế giới và (iii) ứng dụng kiến thức cho các học phần sau và ứng dụng vào trong SX chăn nuôi.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
43.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nắm vững kiến thức về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học; viết và công bố kết quả nghiên cứu; góp phần tiếp thu tốt các học	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.			Điểm thi kết thúc: 70%
44.	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	Học viên nắm vững được các nguyên lý thống kê sinh học trong chăn nuôi, các khái niệm về các tham số thống kê, các phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích thống kê phù hợp phương pháp bố trí thí nghiệm. Trên cơ sở đó có khả năng ứng dụng kết quả về thống kê mô tả và thống kê phân tích cho biện luận các dữ liệu nghiên cứu	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
45.	Phương pháp viết tài liệu k.học	Nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng về cách viết một tài liệu khoa học bao gồm đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn, luận án và bài báo khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
46.	Miễn dịch học thú y	Nâng cao kiến thức về cách viết khoa học, viết phân tích và viết hệ thống Cải thiện kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học và viết luận án nghiên cứu	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
47.	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi	Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản của công nghệ sinh học, những ứng dụng chủ yếu của công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nắm vững các thao tác và kỹ năng của nuôi cấy mô tế bào thực vật và động vật. Thành thạo các thao tác tách chiết DNA và kỹ thuật PCR.			
48.	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp cho học viên các kiến thức cập nhật về bệnh do thừa, thiếu hay rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng chẩn đoán, điều trị và đặc biệt là phương pháp nuôi dưỡng để phòng các bệnh dinh dưỡng	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức chuyên ngành					
49.	Thức ăn chăn nuôi	Cung cấp các kiến thức cập nhật, hiện đại trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học thức ăn cho chăn nuôi, đặc biệt là các loại thức ăn mới và phương pháp chế biến và sử dụng trong nuôi dưỡng mới hiện đại.	3	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
50.	Môi trường chăn nuôi	Biết các yếu tố liên quan đến tiêu khí hậu chuồng nuôi, đặc điểm khu vực chăn nuôi và các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, sức khỏe vật nuôi. Vận dụng để xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng khu vực chăn nuôi, bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
51.	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới	Nhằm cung cấp cho học viên hiểu thế nào là một hệ thống, hệ thống sản xuất nông nghiệp, hệ thống chăn nuôi. Từ đó, học viên có thể biết được các thành phần khác nhau trong và ngoài hệ thống, sự vận động và vai trò khác nhau của mỗi một thành phần.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Biết phân tích các thành phần khác nhau của hệ thống chăn nuôi để từ đó, bố trí hay tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả tốt nhất, không gây ô nhiễm môi trường và phục vụ cuộc sống vật chất và tinh thần của người lao động. Sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp để phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.			
52.	Công nghệ sinh sản vật nuôi	- Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về sinh sản ở động vật, những tiến bộ KHKT hiện nay trong công nghệ sinh sản. Làm cơ sở khoa học để ứng dụng tiến bộ KHKT nâng cao hiệu quả sinh sản ở động vật.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
53.	Bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi	Trang bị những kiến thức chuyên sâu liên quan đến bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi; trong đó tập trung nhấn mạnh những kiến thức về cơ sở khoa học của những biến đổi của nguyên liệu và chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của thịt, sữa, trứng, cá. Các nguyên lý và cơ chế của các phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi Rèn luyện được các kỹ năng về nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi và phương pháp kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54.	Chăn nuôi động vật hoang dã	Nắm được những kiến thức cơ bản về sinh học, sinh thái học của động vật hoang dã, các qui luật vận động và giá trị của động vật hoang dã. Xác định được các phương pháp, biện pháp kỹ thuật nhằm chăm sóc, nuôi dưỡng một số loài động vật hoang dã có hiệu quả	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
55.	Chăn nuôi dê, cừu, thỏ	Học viên nắm vững các kiến thức về giống, dinh dưỡng, kỹ thuật nuôi dưỡng các loại dê, cừu, thỏ. Trên cơ sở đó học viên có kiến thức vững vàng về nuôi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật, kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc từ dê, cừu và thỏ	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
56.	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Cung cấp cho học viên cao học những kiến thức nâng cao về quản lý môi trường thủy vực và kỹ thuật nuôi cá nước ngọt với các phương thức nuôi khác nhau.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
57.	Cây thức ăn gia súc	Cung cấp cho học viên cao học kiến thức về giống, kỹ thuật quản lý và sử dụng cây thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi, kỹ năng nghiên cứu và phát triển cây thức ăn xanh.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
58.	Kỹ thuật nuôi ong	Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
59.	Chăn nuôi trâu bò	Nắm vững và nâng cao kiến thức để có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành chăn nuôi trâu bò. Thành thạo và nâng cao một số kỹ năng thực hành để giúp họ có khả năng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật của ngành chăn nuôi trâu bò vào thực tiễn sản xuất.	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
60.	Chăn nuôi gia cầm	Trang bị các kiến thức về cơ sở, các tiến bộ khoa học kỹ thuật về đối tượng gia cầm ở mức độ hệ thống và nâng cao phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy. Nắm chắc phương pháp nghiên cứu, tổ chức triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất ngành gia cầm.	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
61.	Chăn nuôi lợn	Trang bị chuyên sâu các kiến thức, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về đối tượng con lợn ở mức độ nâng cao và có hệ thống để phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy. Biết vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tế sản xuất một cách thành thạo, tổ chức xây dựng trại chăn nuôi một cách có hiệu quả tốt. Phát hiện những vấn đề tồn tại của cơ sở sản xuất và đề ra được	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng cải tạo có hiệu quả. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật của ngành chăn nuôi lợn vào thực tiễn sản xuất ở nước ta.			
62.	Giống vật nuôi	Nắm được lý thuyết chọn lọc và nhân giống vật nuôi Nắm được phương pháp xác định các tham số di truyền, giá trị giống, chỉ số chọn lọc, ưu thế lai, suy hoá cận huyết, xây dựng các chương trình chọn giống và nhân giống ở tại cơ sở Nắm được lý thuyết chọn lọc và nhân giống vật nuôi Nắm được phương pháp xác định các tham số di truyền, giá trị giống, chỉ số chọn lọc, ưu thế lai, suy hoá cận huyết, xây dựng các chương trình chọn giống và nhân giống ở tại cơ sở	2	Học kỳ IV	Điểm thi kết thúc học phần: 100%

5.3. Thú y – Trình độ Thạc sĩ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
29.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
30.	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					
31.	Sinh lý động vật	Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về các chuyên đề sinh lý động vật nâng cao: máu, tiêu hóa, sinh sản... - Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành - Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi	3	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10% - Điểm tiểu luận, seminar: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
32.	Vi sinh vật học thú y	Cung cấp các kiến thức về hoạt động bảo vệ của cơ thể trong việc phòng chống lại các tác nhân gây bệnh và cơ chế miễn dịch.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp các kiến thức về vi sinh vật gây bệnh cho động vật, phương pháp phân lập, giám định và phương pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi.			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
33.	Miễn dịch học Thú y	Cung cấp các kiến thức về hoạt động bảo vệ của cơ thể trong việc phòng chống lại các tác nhân gây bệnh và cơ chế miễn dịch.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
34.	Bệnh lý học thú y	Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa sức khỏe và bệnh lý vật nuôi. Phân tích một số hiện tượng bệnh lý ở vật nuôi như hiện tượng viêm, rối loạn bệnh lý miễn dịch, rối loạn bệnh lý tế bào...để có biện pháp can thiệp hiệu quả	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
35.	Thú y cộng đồng	Cung cấp cho học viên các kiến thức về bệnh truyền lây trong môi trường cộng đồng xã hội, cách tiếp cận người dân chăn nuôi để giúp họ hiểu biết về sức khỏe vật nuôi từ đó tự phòng bệnh	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
36.	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp cho học viên các kiến thức cập nhật về bệnh do thừa, thiếu hay rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng chẩn đoán, điều trị và đặc biệt là phương pháp nuôi dưỡng để phòng các bệnh dinh dưỡng	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37.	Virut học thú y	Giúp học viên nắm vững lý thuyết, có khả năng sáng tạo và vận dụng những kiến thức về virus học thú y vào thực tiễn sản xuất để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo. Nhằm cung cấp và nâng cao nhận thức cho học viên những thành tựu mới, những kiến thức cập nhật và tiên tiến về lý luận cũng như về thực hành nghiên cứu trong lĩnh vực virus học thú y.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
38.	Dược lý học thú y	Môn học nhằm nâng cao và cập nhật kiến thức về thuốc thú y, đặc biệt là giải thích các cơ chế tác dụng của thuốc. Giới thiệu một số phương pháp hiện đại trong lĩnh vực nghiên cứu thuốc thú y Phân tích các cơ chế tác động, vận chuyển của thuốc Phân tích các yếu tố liên quan đến tác động của thuốc. Ứng dụng các loại thuốc trong thú y. Thảo luận, trình bày chuyên đề	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
39.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nắm vững kiến thức về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học; viết và công bố kết quả nghiên cứu; góp phần tiếp thu tốt các học phần có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40.	Dinh dưỡng động vật	Nâng cao kiến thức khoa học về dinh dưỡng, đặc biệt dinh dưỡng acid amin, các vi chất, năng lượng; mối quan hệ tương tác giữa các chất dinh dưỡng Nâng cao kỹ năng phân tích vấn đề và kỹ năng tiếp cận với khoa học dinh dưỡng hiện đại của thế giới và ứng dụng kiến thức cho các học phần sau và ứng dụng vào trong SX chăn nuôi.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
41.	Di truyền động vật	Nắm được các kiến thức về vật chất di truyền, các quy luật di truyền của các tính trạng và ứng dụng thực tiễn các kiến thức di truyền. Nắm được phương pháp phân tích di truyền, di truyền phân tử.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức ngành					
42.	Bệnh sinh sản gia súc	Để cho học viên cao học có được một kiến thức sâu, rộng về bệnh nội – ngoại khoa gia súc, góp phần hoàn thiện kiến thức chuyên môn cho các học viên cao học chuyên ngành Thú y.	3	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
43.	Bệnh nội khoa gia súc	Để cho học viên cao học có được một kiến thức sâu, rộng về bệnh nội – ngoại khoa gia súc, góp phần hoàn thiện kiến thức chuyên môn cho các học viên cao học chuyên ngành Thú y.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần: 70%
44.	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Học viên nắm được một số khái niệm về Zoonosis . Một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng truyền lây từ động vật sang người. Một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh truyền nhiễm lây truyền giữa động vật và người.- Giải pháp phòng bệnh. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh. Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý. Thảo luận, trình bày chuyên đề	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
45.	Bệnh ký sinh trùng thú y	Học viên nắm được một số khái niệm về ký sinh trùng, bệnh ký sinh trùng và một số bệnh quan trọng ở Gia súc nhai lại, lợn và gia cầm và biện pháp phòng trị hiệu quả. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh; Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
46.	Bệnh truyền nhiễm động vật	Những bệnh mới, những kiến thức nâng cao chưa có trong chương trình đại học. Đặc biệt chú trọng những bệnh lây lan trên nhiều loài vật nuôi và ở người.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích chẩn đoán được một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường gặp ở động vật và người dựa vào triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; Phân tích, xác định nguyên nhân gây ra một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật; Đề xuất hướng phòng và trị bệnh truyền nhiễm có hiệu quả.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
47.	Dịch tễ học thú y	Cung cấp những kiến thức, những lý luận khoa học về dịch tễ học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu, phân tích dịch tễ học, các phương pháp đo lường, các kỹ thuật thu thập, phân tích các dữ liệu dịch tễ một cách cơ bản, có hệ thống và chính xác, đồng thời đề xuất các biện pháp can thiệp hữu hiệu nhất để phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, ngăn chặn và thanh toán dịch bệnh	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
48.	Chuyên đề bệnh chó mèo	Trang bị cho học viên các lý luận cơ bản về các bệnh thường gặp ở chó, mèo. Phương pháp chẩn đoán và có các biện pháp can thiệp hợp lý. Phân tích các hiện tượng bệnh lý, giải thích cơ chế sinh bệnh. Phân tích các yếu tố liên quan đến hiện tượng bệnh lý, phán đoán diễn biến và hậu quả của bệnh. Thảo luận, trình bày chuyên đề	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
49.	Bệnh của động vật thủy sản	Nắm được các khái niệm cơ bản về bệnh học thủy sản;	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân biệt được bệnh truyền nhiễm, bệnh kí sinh trùng và bệnh do các yếu tố vô sinh; Hiểu được tác nhân gây bệnh, đặc điểm, nguồn gốc và con đường lan truyền đặc thù của từng loại bệnh; Nắm bắt được dấu hiệu chẩn đoán, tác nhân và phương pháp phòng trị có hiệu quả một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi Phân tích chẩn đoán được một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi dựa vào triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; Phân tích, xác định nguyên nhân gây một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi; Đề xuất hướng phòng và trị bệnh ở thủy sản nuôi hiệu quả.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
50.	Bệnh của động vật hoang dã	Kết thúc môn học, học viên có thể áp dụng được các kiến thức cơ bản của thú y vào phòng trị bệnh động vật hoang dã	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
51.	Chuyên đề bệnh gia súc nhai lại	Học viên nắm được nguyên lý và các tác nhân gây bệnh trên gia súc nhai lại. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh; Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52.	Vệ sinh Thú y	Biết vai trò, đặc điểm của tiêu khí hậu chuồng nuôi đối với khả năng sinh trưởng, sức khỏe và khả năng sản xuất của vật nuôi. Từ đó, vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y nhằm tạo ra tiêu khí hậu tốt, góp phần bảo vệ sức khỏe vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
53.	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	Học viên nắm vững được các nguyên lý thống kê sinh học trong Thú y, các khái niệm về các tham số thống kê, các phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích thống kê phù hợp phương pháp bố trí thí nghiệm. Trên cơ sở đó có khả năng ứng dụng kết quả về thống kê mô tả và thống kê phân tích cho biện luận các dữ liệu nghiên cứu	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
54.	Ngoại khoa thú y	Nâng cao kiến thức về Ngoại khoa thú y cho học viên cao học, đáp ứng được yêu cầu công việc chuyên môn mà họ đảm nhận.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
55.	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới	- Cung cấp cho học viên hiểu thế nào là một hệ thống, hệ thống sản xuất nông nghiệp, hệ thống chăn nuôi. Từ đó, học viên có thể biết được các thành phần khác nhau trong và ngoài hệ thống, sự vận động và vai trò khác nhau của mỗi một thành phần. - Phân tích các thành phần khác nhau của hệ thống chăn nuôi để từ đó, bố trí hay tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả tốt nhất, không	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gây ô nhiễm môi trường và phục vụ cuộc sống vật chất và tinh thần của người lao động. - Sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp để phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững. - Hiểu được các thành phần, bản chất và khả năng hoạt động của chúng trong một điều kiện sinh thái tự nhiên nhất định nào đó - Có khả năng tự thiết kế các mô hình chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của người lao động và tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân - Có khả năng phân tích tình hình và đề ra các chiến lược phát triển chăn nuôi theo mô hình nhỏ nông hộ hay chăn nuôi tập trung công nghiệp. - Biết xử lý các tình huống và cân bằng các yếu tố đầu vào/đầu ra để tổ chức chăn nuôi có hiệu quả.			
56.	Kỹ thuật nuôi ong	Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57.	Luận văn tốt nghiệp		10	Học kỳ IV	Điểm thi kết thúc học phần: 100%

5.4. Chăn nuôi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tiếng Việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.			
2	Tâm lý học đại cương	MT1: Người học có kiến thức cơ bản về tâm lý học (khái niệm, đặc điểm, qui luật, bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý người) MT2: Người học có hứng thú đối với môn học, thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình học tập. MT3: Người học có kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lý học, sử dụng tâm lý như một phương tiện để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, điều chỉnh quá trình giao tiếp, hình thành nhân cách và phát triển năng lực của bản thân trong hoạt động sống. MT4: Dựa trên kiến thức tâm lý học để vận dụng vào hoạt động và giao tiếp phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Hóa phân tích	MT1. Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách lấy mẫu, các phương pháp định tính các ion và các chất trong mẫu phân tích.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2. Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách lấy mẫu và các phương pháp định lượng các chất trong mẫu phân tích. MT3. Cung cấp kiến thức cơ bản để tiến hành một quy trình phân tích. MT4. Hình thành các kỹ năng thực hành và sử dụng các máy cơ bản trong hóa phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo. MT5. Hình thành sự say mê học tập, nghiên cứu hóa học.			Thi kết thúc học phần: 70%
4	Hóa đại cương	MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ. MT2. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lí thuyết để giải quyết các bài toán hóa học và tiến hành các thí nghiệm hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học. MT3. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập			
5	Sinh học đại cương	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động – Thực vật để thấy được vai trò của các hoạt động sống đối với sự tồn tại, phát triển của cơ thể sinh vật và làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần chuyên sâu về Tế bào, Động vật, Thực vật, Vi sinh vật. MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và cơ chế của Di truyền – Biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các loại biến dị và các qui luật di truyền để thấy được vai trò của Di truyền – Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; là cơ sở để lĩnh hội các kiến thức của học phần Di truyền học, Sinh học phân tử, Giải bài tập sinh học, Chọn giống Động - Thực vật, Công nghệ sinh học, Di truyền y học. MT3. Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về các nhân tố sinh thái, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái để thấy được vai trò của các nhân tố sinh thái đối với đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; là	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ sở cho việc lĩnh hội các kiến thức các kiến thức của Sinh thái học và Khoa học môi trường. MT4. Rèn luyện cho người học các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm sinh học: nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm; nguyên tắc về cách sử dụng, bảo quản các dụng cụ, trang thiết, hóa chất trong phòng thí nghiệm sinh học; kỹ thuật thực hiện một số thí nghiệm, bài thực hành nhằm củng cố các kiến thức lý thuyết của học phần.			
6	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Động vật học		2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Kĩ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tố chất và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Triết học Mác - Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. MT2: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. MT3: Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, đề từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. MT4: Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
15	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
16	Tiếng Anh 2	MT 1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm. MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.			
17	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
19	Thể dục cơ bản và điền kinh	MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Bóng chuyền cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
21	Bơi lội cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lí luận và hiện được kĩ thuật bơi ếch.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Cầu lông cơ bản	MT1. Nắm được kĩ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Bóng bàn cơ bản	MT1. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Thể dục nhịp điệu cơ bản	MT1. Trang bị những kĩ năng động tác, thực hiện kĩ thuật động tác chính xác	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
25	Taekwondo cơ bản	MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Bóng đá cơ bản	MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Bóng rổ cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Cờ vua 1	MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
29	Cờ vua 2	MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	☐ 2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: Trọng số 30% thi kết thúc học phần: Trọng số 70%
30	Cờ vua 3	MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	☐ 1	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 30% thi kết thúc học phần: Trọng số 70%
31	Đường lối quốc phòng và an ninh của	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	☐ 3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Đảng cộng sản Việt Nam	MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
32	Công tác quốc phòng – An ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao.	□ 2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.			Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
33	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
35	Giải phẫu động vật	M1: Cung cấp người học về lịch sử phát triển của giải phẫu học từ thời kỳ đầu cho đến hiện nay và biết phương pháp nghiên cứu về giải phẫu học; M2: Người học biết về vị trí, cấu tạo chi tiết của bộ xương và hệ cơ trên cơ thể của các loại gia súc, gia cầm; M3: Cung cấp người học hiểu được sự giống nhau và khác nhau của từng hệ thống cơ quan về vị trí, hình dáng, cấu	4	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tạo, động mạch, tĩnh mạch, thần kinh giữa các loài gia súc với loài gia cầm; M4: Biết được sự khác nhau giữa các vùng trong cơ thể gia súc, gia cầm chứa các cơ quan, bộ phận ở trạng thái bình thường; M5: Hiểu được trình tự mổ xẻ một cơ thể gia súc, gia cầm.			
36	Mô phôi	MT1: Sinh viên nắm được cấu tạo vi thể, hình thái bình thường, cách sắp xếp các loại, bộ máy trong cơ thể gia súc và gia cầm. Nắm được mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và chức năng mà nó đảm nhiệm. Hiểu những ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của tổ chức và phôi thai. MT2: Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học và quan sát được các tổ chức, bộ phận trong cơ thể động vật ở trạng thái bình thường. Có khả năng suy luận, tổng hợp các kiến thức đã học để giải thích sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng trong từng loại mô và cơ quan. MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Có thái độ học tập đúng đắn, chuyên cần, chăm chỉ trong học tập.			
37	Tiếp cận nghề chăn nuôi thú y	MT1: Biết được sơ bộ cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất, quản lý của cơ sở. Có các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. MT2: Biết cách giao tiếp và làm báo cáo sơ bộ. MT3: Sinh viên ham học hỏi, yêu thích môn học và có thái độ cầu tiến, nghiêm túc trong học tập và thực hiện phúc lợi động vật.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Sinh học phân tử trong chăn nuôi thú y	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về hệ gene, việc tái bản và sửa chữa ADN và biểu hiện gene. Cung cấp cho người học nguyên tắc, phương pháp của một số kỹ thuật cơ bản của sinh học phân tử.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp và cập nhật cho người học các ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh thú y bằng PCR, chọn lọc giống và di truyền vật nuôi.			
39	Sinh hoá động vật	MT1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức ở mức độ cơ chế phân tử của các quá trình sống, cấu tạo hóa học và tính chất của các sinh chất. MT2: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cùng các con đường chuyển hóa các chất trong cơ thể sống MT3: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống. MT4: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các bệnh liên quan tới các quá trình trao đổi chất trong cơ thể MT5: Cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan giữa môn sinh hóa và các môn học cơ sở khác cũng như các môn chuyên ngành liên quan như: dinh dưỡng, thức ăn gia súc, dược và độc chất,..	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Sinh lý động vật	MT1. Nắm vững được các đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh lý và cơ chế hoạt động của hệ các cơ quan chức năng và hệ thống điều hòa hoạt động thần kinh – thể dịch.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2. Giải thích chức năng, cơ chế hoạt động và các yếu tố điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể động vật (nói chung) và vật nuôi (nói riêng). MT3. Phân tích mối liên hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và giữa cơ thể với điều kiện sống (môi trường, chăm sóc, nuôi dưỡng, bệnh lý...). MT4. Cung cấp một số ứng dụng thực tế giúp nâng cao năng suất sản xuất của vật nuôi thú y dựa trên đặc điểm sinh lý vật nuôi. MT5. Thực hành chia nhóm để thực hiện một số bài về chức năng sinh lý làm kiến thức nền tảng cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.			Thi kết thúc học phần: 70%
41	Di truyền học động vật	MT1: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về di truyền học như tính toán được các quy luật di truyền Mendel, di truyền phân tử, tần số gen cũng như các mối quan hệ di truyền của các cá thể. MT2: Kỹ năng ứng dụng các kiến thức cơ bản về di truyền để tiếp thu các học phần khác có liên quan như chọn giống động vật.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả. MT4: Có thái độ học tập đúng đắn là tiếp nhận kiến thức càng nhiều càng tốt và sử dụng kiến thức của mình để phục vụ cho sự phát triển của ngành, của lĩnh vực mình theo học giúp ích cho xã hội.			
42	Dinh dưỡng động vật	MT1. Cung cấp kiến thức đặc điểm dinh dưỡng của các chất dinh dưỡng cơ bản của động vật (protein, lipid, glucit, vitamin và các chất khoáng) vai trò và các con đường trao đổi chất của chúng trong cơ thể các loài động vật khác nhau; MT2. Sự phân bố các chất dinh dưỡng trong hệ thống thức ăn chăn nuôi và khả năng sử dụng các chất dinh dưỡng trong thức ăn của động vật (tỷ lệ tiêu hóa, tích lũy các chất dinh dưỡng); MT3. Nhu cầu dinh dưỡng của các loại vật nuôi khác nhau và phương pháp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của từng loại vật nuôi; MT4. Rèn luyện kỹ năng sử dụng một số phương pháp nghiên cứu dinh dưỡng: đánh giá giá trị dinh dưỡng thức ăn, xác định nhu cầu dinh dưỡng của các loại hình vật nuôi và cách đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của chúng;	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT5. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành...			
43	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	MT1. Cung cấp kiến thức về giống vật nuôi, sự hình thành, phân loại giống vật nuôi, sự thích nghi của giống vật nuôi. MT2. Cung cấp kiến thức về hệ phổ và quan hệ di truyền cá thể, các tham số di truyền ứng dụng trong chọn lọc và nhân giống vật nuôi MT3. Cung cấp kiến thức về giá trị giống, các phương pháp ước tính giá trị giống, các phương pháp chọn lọc vật nuôi làm giống MT4. Cung cấp kiến thức về nhân giống vật nuôi (nhân giống thuần chủng và các phương pháp lai tạo giống) MT5. Cung cấp kiến thức về hệ thống quản lý, nhân giống vật nuôi ở Việt Nam. MT6. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Vi sinh vật chăn nuôi	Biết được nguồn gốc, sự phân bố và tác dụng của vi sinh vật đối với cơ thể động vật cũng như các sản phẩm chăn nuôi từ	2	Học kỳ 3	Điểm đánh giá phần thực hành: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đó đề ra biện pháp nuôi dưỡng , bảo quản các sản phẩm chăn nuôi thích hợp. - Ứng dụng qui luật sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật vào việc chế biến, bảo quản thức ăn và phòng trị bệnh cho gia súc			Điểm chuyên cần: 30%
45	Công nghệ sinh sản	MT1. Nắm vững được các đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh lý và cơ chế hoạt động của hệ các cơ quan trong hệ sinh dục. MT2. Hiểu nguồn gốc và vai trò của các hóc môn tham gia điều hòa hoạt động sinh sản. MT3. Biết đánh giá và phân tích các nguyên nhân gây rối loạn sinh sản. MT4. Hiểu biết về các công nghệ mới trong sinh sản, sử dụng các sản phẩm nội tiết trong điều trị và nâng cao hiệu quả sinh sản. MT5. Thực hành chia nhóm để thực hiện một số bài về sinh sản làm kiến thức nền tảng cho việc nuôi dưỡng động vật sinh sản.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Cây thức ăn chăn nuôi	Cung cấp kiến thức cơ bản về sản xuất thức ăn thô xanh cho động vật nhai lại: đặc điểm sinh trưởng, thích nghi, kỹ thuật chọn giống, thiết lập và quản lý đồng cỏ. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thức ăn và đồng cỏ, kỹ năng chế biến bảo quản thức ăn. Kỹ năng lập kế hoạch thức ăn cho một hệ thống sản xuất kinh doanh thức ăn, trang trại chăn nuôi Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, tự quản lý, làm việc nhóm trong học tập, thực tập tại phòng thí nghiệm	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Thức ăn chăn nuôi	Trang bị kiến thức cơ bản về thức ăn chăn nuôi: các hệ thống phân loại, đặc điểm dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến và một số công nghệ sản xuất, sử dụng thức ăn chăn nuôi. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thức ăn, kỹ năng chế biến bảo quản thức ăn. Kỹ năng lập kế hoạch thức ăn cho một hệ thống sản xuất kinh doanh thức ăn, trang trại chăn nuôi Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, tự quản lý, làm việc nhóm trong học tập, thực tập tại phòng thí nghiệm	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Chăn nuôi Trâu bò	Các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của chăn nuôi trâu, bò và ý nghĩa sinh thái Các nguyên lý về chọn tạo và nhân giống trâu bò Các nguyên lý tiêu hóa gia súc nhai lại và thức ăn sử dụng Kiến thức và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi trâu bò các loại	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Chăn nuôi heo	Lợn là loài vật đã gắn bó lâu đời với người chăn nuôi, thịt của chúng dễ chế biến và chiếm tỷ trọng cao trong bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam. Vì vậy học phần này sẽ trang bị cho học viên các kiến thức về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại lợn nhằm nâng cao được hiệu quả chăn nuôi.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Chăn nuôi Gia cầm	MT1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý ngoại hình, giải phẫu gia cầm, công tác giống gia cầm, lai tạo và chọn lọc gia cầm. MT2: Cung cấp các kiến thức về sức sản xuất trứng, thịt, các yếu tố ảnh hưởng làm nền tảng cho phần kỹ thuật chăn nuôi các các loại gia cầm, vai trò các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng của từng loại gia cầm ở từng giai đoạn nuôi, các loại thức ăn và phối hợp khẩu phần ăn cho gia cầm	4	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Cung cấp các kiến thức về kỹ thuật ấp trứng nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm thịt và sinh sản, qui trình phòng và điều trị một số bệnh thường gặp và áp dụng vào thực tế chăn nuôi gia cầm hiện nay			
51	Bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi	MT1. Cung cấp kiến thức về chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt của vật nuôi MT2. Cung cấp kiến thức về chế biến bảo quản các sản phẩm từ sữa của vật nuôi MT3. Cung cấp kiến thức về chế biến bảo quản trứng gia cầm MT4. Cung cấp kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm MT5. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Quyền lợi và tập tính động vật	MT1: Học phần cung cấp kiến thức về cơ chế sinh học của tập tính, chức năng của tập tính. Giải thích các cơ chế tập tính trên cơ sở sinh lý và di truyền. Ảnh hưởng của di truyền đến tập tính của động vật. Tìm hiểu các biểu hiện của tập tính ở các loại vật nuôi. MT2: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu tập tính vật nuôi và ứng dụng tập tính vào thực tiễn chăn nuôi.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Học phần cũng cung cấp các kiến thức về animal welfare, ảnh hưởng của welfare đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi và sức khỏe con người, biện pháp cải thiện welfare trong chăn nuôi. MT4: Có tinh thần tự học, tự tìm tài liệu, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trọng thực tế sản xuất.			
53	Độc chất học thú y	MT1: Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các nhóm chất độc, tác động của chúng lên cơ thể động vật, phương thức xâm nhập vào cơ thể, cơ chế tác động của các nhóm chất độc và khả năng gây độc của từng loại chất độc đối với từng loại vật nuôi. MT2: Sinh viên biết cách xử lý tình huống ngộ độc, sơ cứu kịp thời và an toàn. Biết viết báo cáo giám định độc chất và xử lý tình huống ngộ độc. MT3: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về chất độc và trường hợp ngộ độc trong thực tế chăn nuôi và các biện pháp bảo vệ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Quản lý chất lượng thức ăn	MT1: Trang bị các kiến thức về vai trò của thức ăn chăn nuôi, quy trình và các phương pháp đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi; MT2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về ảnh hưởng của các chất cấm và phương pháp kiểm tra chất cấm trong chăn nuôi; MT3: Trang bị các kiến thức về vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng phòng KCS trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi. MT4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng thức ăn của nhà nước.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Bệnh dinh dưỡng	MT1: Cung cấp và trang bị cho người học kiến thức cơ bản về bệnh dinh dưỡng, đặc điểm của bệnh dinh dưỡng và sức khỏe vật nuôi, nguyên nhân và những yếu tố ảnh hưởng. Vai trò các chất dinh dưỡng trong kháng bệnh cho vật nuôi. MT2: Cung cấp các kiến thức về các bệnh dinh dưỡng do rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, cách quản lý, các nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trị bệnh.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Cung cấp các kiến thức về độc tố nấm mốc trong thức ăn và ảnh hưởng của nó đến gia súc. Các biện pháp làm giảm tác hại của nấm mốc.			
56	Chăn nuôi động vật hoang dã	MT1: Sinh viên nắm được giá trị bảo tồn của các loài động vật hoang dã trong cân bằng sinh thái và chứa đựng nguồn gen quý của các tính trạng tốt mà các loài vật nuôi thông thường không có. MT2: Giá trị kinh tế to lớn của các loài động vật hoang dã: thức ăn, dược liệu, dùng trong nghiên cứu khoa học. MT3: Những mặt gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp của động vật hoang dã đối với đời sống con người MT4: Sinh viên nắm rõ các mối đe dọa chính và tiền đề đối với các loài động vật hoang dã hiện nay: mất sinh cảnh, săn bắn trái phép và buôn bán bất hợp pháp.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Chăn nuôi dê, cừu	Cung cấp cho sinh viên về các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của chăn nuôi dê, cừu, tập tính và ý nghĩa sinh thái Các nguyên lý về chọn tạo và nhân giống dê, cừu Người học hiểu về nguyên lý tiêu hóa gia súc nhai lại và thức ăn sử dụng	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kiến thức và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi dê, cừu các loại			
58	Quản lý trại chăn nuôi	M1- Cung cấp người học về lịch sử phát triển của chuồng trại chăn nuôi và tầm quan trọng của tiểu khí hậu chuồng nuôi; M2- Người học biết những thông tin cần có về chọn đất để lập trại chăn nuôi; M3- Cung cấp người học biết cách thiết kế, xây dựng và quản lý một trại chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Phương pháp nghiên cứu khoa học	MT1: Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản và các phương pháp nghiên cứu trong khoa học chăn nuôi, thú y. MT2: Sinh viên hiểu được các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học và cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học. MT3: Sinh viên thiết kế được đề cương cho một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực nghiên cứu chăn nuôi, thú y. MT4: Sinh viên trình bày được kết quả nghiên cứu của mình một cách khoa học	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT5: Sinh viên biểu lộ hứng thú, sẵn sàng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.			
60	Thiết kế thí nghiệm	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm về một số tham số thống kê mô tả, các phương pháp trình bày số liệu nghiên cứu; MT2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các mô hình phân tích thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau; MT3: Sinh viên nắm được các khái niệm về tương quan và hồi quy MT4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thiết kế một thí nghiệm từ bước xây dựng ý tưởng, lập đề cương nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu và kết luận. MT5: Sinh viên ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Thực tập rèn nghề chăn nuôi	MT1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế tại các cơ sở chăn nuôi MT2: Cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Cung cấp cho sinh viên hiểu biết về mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn			
62	Thực tập giáo trình chăn nuôi thú y	Trang bị các kiến thức cần thiết về việc tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của các cơ sở chăn nuôi - Trang bị các kiến thức về quy trình chăm sóc nuôi dưỡng các loại gia súc, gia cầm - Trang bị các kiến thức về việc trồng cây thức ăn xanh và ủ chua thức ăn cho trâu bò - Trang bị các kiến thức về công tác phòng trị bệnh đối với cơ sở chăn nuôi	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Thực tập tổng hợp chăn nuôi thú y	- Trang bị các kiến thức cần thiết về việc tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của các cơ sở chăn nuôi - Trang bị các kiến thức về quy trình chăm sóc nuôi dưỡng các loại gia súc, gia cầm - Trang bị các kiến thức về việc trồng cây thức ăn xanh và ủ chua thức ăn cho trâu bò - Trang bị các kiến thức về công tác phòng trị bệnh đối với cơ sở chăn nuôi	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
64	Ngoại khoa Thú y 1	Cung cấp cho người học kiến thức về công dụng, nguyên tắc, cách sử dụng cụ và phương pháp kết nối mô bào, băng bó. Cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến đề phòng nhiễm trùng ngoại khoa. Cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến gây mê, gây tê, đề phòng mất máu khi phẫu thuật cho động vật Thực hiện được một số phẫu thuật đơn giản vùng đầu, bụng, niệu sinh dục, chi-đuôi Tổ chức được một ca phẫu thuật ngoại khoa	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Một sức khỏe	MT1: Kiến thức cơ bản về một sức khỏe như: một sức khỏe (MSK) và các năng lực cốt lõi MSK. MT2: Vận dụng kiến MSK và năng lực cốt lõi MSK các vấn đề sức khỏe MT3: Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, lập kế hoạch, báo cáo thuyết trình trước tập thể MT4: Trách nhiệm trong học tập; trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Miễn dịch học thú y	MT1: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến: Khái niệm và phân loại miễn dịch; vai trò của	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		miễn dịch tự nhiên; đặc tính và phân loại kháng nguyên, kháng nguyên phù hợp tổ chức; các cơ quan và các tế bào có thẩm quyền miễn dịch; cấu trúc và chức năng và các phân lớp của kháng thể dịch thể đặc hiệu. MT2: Học phần cũng cung cấp các kiến thức về: Nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các phản ứng huyết thanh học và các kỹ thuật miễn dịch hiện đại ứng dụng trong chẩn đoán bệnh; miễn dịch và nhiễm khuẩn, đáp ứng miễn dịch và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch; bệnh tự miễn, các phản ứng quá mẫn, sự suy giảm miễn dịch và hiện tượng thải ghép. MT3: Nâng cao khả năng giao tiếp, cách ứng xử và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến miễn dịch của sinh viên khi tiếp xúc thực tế với người chăn nuôi, nhà nghiên cứu khác. MT4: Có tinh thần tự học, tự tìm tài liệu, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực tế sản xuất			Thi kết thúc học phần: 70%
67	Dược liệu thú y	MT1: Sinh viên nắm được cách nhận biết dược liệu phổ biến được sử dụng trong chăn nuôi, thú y.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Tiếp cận những phương pháp phổ biến để phát hiện những dược liệu chứa kháng sinh tự nhiên. MT3: Áp dụng kiến thức sử dụng dược liệu trong bổ sung vào khẩu phần thức ăn cho vật nuôi. MT4: Sử dụng dược liệu trong phòng bệnh và điều trị bệnh vật nuôi.			Thi kết thúc học phần: 70%
68	Sinh lý bệnh thú y	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm thế nào là bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, đồng thời nắm được một số phản ứng bệnh lý, rối loạn cơ quan như viêm, sốt, rối loạn các hệ cơ quan tuần hoàn, tiêu hóa, chuyển hóa, tiết niệu... MT2: Sinh viên có kiến thức về khả năng bảo vệ và những phản ứng của cơ thể trước những tác nhân gây bệnh. Mối quan hệ giữa nguyên nhân gây bệnh và hoạt động của các cơ quan. MT3: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức về bệnh lý để nghiên cứu các học phần chuyên ngành và khi phân tích các trường hợp bệnh lý trong thực tế.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Sinh viên sẽ có kỹ năng kết hợp với các kiến thức học phần khác để có thể chẩn đoán, suy đoán tiến triển của bệnh ở vật nuôi MT5: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về hiện tượng bệnh lý và các rối loạn hoạt động ở vật nuôi. Từ đó có nhận thức đúng về các trường hợp bệnh lý trong thú y.			
69	Vệ sinh thú y	MT1. Người học phải nắm vững các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học trong môi trường không khí, những tác động của chúng đến đời sống vật nuôi; đồng thời phải phân tích được những đặc điểm thuận lợi, bất lợi của ngoại cảnh không khí trong đời sống động vật MT2. Người học hiểu được khái niệm, đặc điểm của các nguồn nước trong tự nhiên; phân tích được các tính chất vật lý, hóa học sinh vật học của các nguồn nước; xác định được các yếu tố gây nhiễm nước và khả năng tự rửa sạch của nước; nắm được một số chỉ tiêu vệ sinh quan trọng của nguồn nước, đề ra biện pháp xử lý một nguồn nước để phục vụ chăn nuôi	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3. Hiểu và phân tích được đặc điểm các tính chất vật lý, hóa học, sinh vật học của đất; vai trò của các nhân tố gây ô nhiễm cho đất và nguyên nhân gây ra MT4. Người học phải hiểu rõ các yêu cầu vệ sinh khi vận chuyển gia súc bằng các con đường khác nhau. Đồng thời, nắm vững các yêu cầu vệ sinh thiết yếu khi xây dựng cơ sở sản xuất, giết mổ gia súc. Từ đó vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế			
70	Bệnh Nội khoa Thú y 1	MT1: Có kiến thức cơ bản trong điều trị bệnh. MT2: Biết được phương pháp trong điều trị bệnh cho gia súc MT3: Có kiến thức về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, phương pháp chẩn đoán và thu thập các triệu chứng bệnh. MT4: Vận dụng các kỹ thuật trong chẩn đoán bệnh gia súc và điều trị cho vật nuôi	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Bệnh truyền nhiễm động vật 1	MT1: Hiểu rõ đặc điểm bệnh truyền nhiễm, các loại nguyên nhân gây ra bệnh truyền nhiễm trên các loài động vật. MT2: Nắm được các yếu tố đề kháng của cơ thể đối với các mầm bệnh truyền nhiễm.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Nắm được nguyên lý sinh dịch, cơ chế truyền lây dịch bệnh và các phương pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm trên động vật. MT4: Tổng hợp, phân tích và ứng dụng được những kiến thức để chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm phổ biến thường xảy ra trên một số loài động vật.			
72	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	MT1: Nắm được Cấu trúc 1 cơ sở giết mổ theo quy định. MT2: Nắm được quy trình và Các nội dung kiểm tra gia súc trước khi giết mổ, những trường hợp bất thường và bình thường của động vật trước giết mổ. MT3: Nắm được Quy trình và kỹ thuật kiểm tra thân thịt sau giết mổ, những thân thị có biểu hiện bệnh lý, Kiểm tra và xử lý thân thịt động vật sau giết mổ. MT4: Nắm được quy định về Xử lý những trường hợp thân thịt động vật bị bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng, nội khoa,...	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Ký sinh trùng 1	MT1. Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, bệnh do ký sinh trùng gây ra.	2	Học kỳ 6	Điểm viết báo cáo thu hoạch kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2. Sinh viên nắm được đặc điểm của một số bệnh ký sinh trùng phổ biến trên lợn, trâu bò và gà. MT3. Sinh viên nắm được phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng. MT4. Sinh viên nắm được cách phòng ngừa bệnh và sử dụng thuốc điều trị các bệnh do ký sinh trùng gây ra.			thức học phần: 80 % Điểm chuyên cần: 20 %
74	Thực tập rèn nghề thú y	MT1: vận dụng kiến thức lý thuyết trong thực tế, đồng thời qua đợt thực tập thực tế, sinh viên sẽ trau dồi kiến thức lý thuyết. Từ những kiến thức thực tế mà sinh viên tiếp cận, họ sẽ có động lực để tiếp nhận các kiến thức sâu về chuyên môn thú y. MT2: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để thao tác trong thực tế. Thông qua thực tập, các thao tác như tiêm, khám, điều trị, tổ chức hoạt động thú y...sẽ được nâng cao. Có kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề chuyên môn thực tế. MT3: Trong đợt thực tập, sinh viên còn được học, nâng cao các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, đặc biệt là các kiến thức bản địa sẽ được tiếp nhận qua đợt thực tập thực tế. Sinh viên sẽ có thái độ thực tập nghiêm túc,	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hăng say tham gia công tác tại địa phương vì đó sẽ là môi trường tốt để sinh viên học tập và nâng cao kiến thức.			
75	Bệnh truyền lây giữa người và động vật	MT1. Sinh viên hiểu được cách tiếp cận một sức khoẻ. MT2. Sinh viên học được cách phân loại các bệnh truyền lây MT3. Sinh viên nắm được các đặc điểm các các bệnh truyền lây do virus, vi khuẩn, ký sinh trùng gây ra. MT4. Sinh viên nắm được cách phòng ngừa các bệnh truyền lây.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Dược lý thú y	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm thế nào là thuốc, các cách tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc MT2: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức về các nhóm thuốc trong việc học tập các môn học chuyên ngành, áp dụng các kiến thức về dược lý trong chăn nuôi, thú y MT3: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về thuốc, các chế phẩm hóa học sử dụng trong thực tế chăn nuôi và sử dụng trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
77	Khuyến nông	MT1: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khuyến nông. MT2: Cơ sở lý luận về một số kỹ năng cho hoạt động khuyến nông. MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả. MT4: Có thái độ học tập đúng đắn là tiếp nhận kiến thức càng nhiều càng tốt và sử dụng kiến thức của mình để phục vụ cho sự phát triển của ngành, của lĩnh vực mình theo học giúp ích cho xã hội.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Cơ khí chăn nuôi	- Cung cấp các kiến thức cơ bản động cơ đốt trong, các loại máy điện và phụ tải thông dụng, Máy chế biến thức ăn gia súc và trang thiết bị cung cấp nước, dọn phân chuồng trại, chăm sóc bảo quản máy (M1). - Sinh viên vận hành được một số thiết bị, máy chế biến thức ăn gia súc (M2). - Sinh viên biết kỹ thuật sử dụng và chăm sóc bảo quản máy thông dụng trong chế biến thức ăn gia súc (M3). - Rèn luyện thái độ, quan điểm và cách nhìn nhận tích cực trong học tập, làm việc sau này. Đặc biệt trong lĩnh vực quản	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý các trang thiết bị, máy móc thông dụng trong chế biến thức ăn gia súc (M4).			
79	Trồng trọt cơ bản	MT1: Cung cấp những kiến thức cơ bản như: Thổ nhưỡng, Nông hóa, Canh tác, Chọn giống, Phòng trừ sâu bệnh, cỏ dại, ... MT2: Xác định được các điều kiện cơ bản để cây trồng sinh sống. MT3: Các biện pháp canh tác ứng dụng trong hệ thống cây trồng cho đơn vị sản xuất. MT4: Nhưng cơ sở khoa học để xác định hệ thống cây trồng cho đơn vị sản xuất.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Sinh thái môi trường	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật; Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái; Các khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể, khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã và các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Đào tạo sinh viên có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên; MT3. Rèn luyện người học có kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu; MT4: Trang bị cho sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú môn học, yêu thiên nhiên và biết bảo vệ môi trường sống; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.			
81	Xây dựng và quản lý dự án chăn nuôi	MT1. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xây dựng, lập kế hoạch thực thi, giám sát và đánh giá dự án phát triển. MT2. Nắm được kiến thức chung về dự án; cấu trúc và nội dung từng phần của dự án; tiến trình xây dựng một dự án. MT3. Có được kỹ năng phân tích, tổng hợp và xây dựng được một dự án thông thường MT4. Có được tính nghiêm túc, khoa học, thực tiễn trong hoạt động dự án.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
82	Hệ thống nông nghiệp	MT1: Có kiến thức khái quát về lý thuyết hệ thống trong phát triển và hiểu được khái niệm về nông nghiệp, hệ thống nông nghiệp để vận dụng trong thực tế. MT2: Có những kiến thức để phân biệt được các loại hệ thống nông nghiệp và có kỹ năng vận dụng các loại hình sản xuất nông nghiệp phù hợp vào thực tế sản xuất ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. MT3: Có kỹ năng cơ bản để lựa chọn, đánh giá, nghiên cứu để phát triển hệ thống nông nghiệp tại Việt Nam. MT4: Hiểu được tầm quan trọng của việc phân tích, lập kế hoạch, đánh giá các thử nghiệm đồng ruộng được áp dụng trong sản xuất nông lâm nghiệp. MT5: Có khả năng thiết kế, xây dựng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông lâm nghiệp trong giai đoạn hiện nay.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Nuôi trồng thủy sản	MT1: Sinh viên nắm được vai trò của nuôi trồng thủy sản và nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Trang bị cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm của môi trường nước; MT2: Sinh viên nắm được đặc điểm sinh học của các loài cá nuôi.	2	Học kì 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật nuôi ghép nhiều loài cá trong ao, hồ; kỹ thuật nuôi đơn một số loài cá; Kỹ thuật nuôi cá ruộng lúa, nuôi cá lồng bè, nuôi cá hồ chứa; kỹ thuật phòng trị bệnh cho cá nuôi. MT4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật ương nuôi và vận chuyển cá giống. MT5: Sinh viên có thể ứng dụng kiến thức trong nuôi cá nước ngọt và phòng trị bệnh cho cá.			
84	Kỹ thuật bảo quản thức ăn chăn nuôi	Cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý của quá trình mất mát về số lượng, chất lượng, sự phân giải các chất dinh dưỡng trong quá trình dự trữ thức ăn chăn nuôi, nguyên nhân gây ra mất mát và các công nghệ để làm giảm tối đa quá trình mất mát về số lượng và chất lượng thức ăn trong quá trình dự trữ Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, viết và trình bày một chuyên đề khoa học về bảo quản một loại thức ăn cụ thể. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, tự quản lý, làm việc nhóm trong học tập, thực tập tại phòng thí nghiệm	2	Học kì 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Khoa học ong mật	MT1: Cung cấp cho người học khối kiến thức về sinh học ong mật; kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm và phòng trừ bệnh ong mật.	2	Học kì 9	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Rèn luyện cho người học các thao tác kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chia đàn, phòng trừ bệnh ong, khai thác, sơ chế và bảo quản sản phẩm ong mật. MT3: Rèn luyện cho người học có ý thức tự giác trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, có thái độ đúng trong việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn sản xuất, nghiên cứu khoa học, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.			Thi kết thúc học phần: 70%
86	Quản lý chất thải chăn nuôi	MT1. Hiểu được nguồn gốc của các loại chất thải, các bước xử lý và kiểm soát các loại chất thải rắn, lỏng và khí trong chuồng nuôi MT2. Nắm được phương pháp tái sử dụng các loại chất thải lỏng trong chăn nuôi MT3. Sinh viên có nhận thức đúng đắn về môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập làm cơ sở cho các môn học chuyên khoa			Thi kết thúc học phần: 70%
87	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kì 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
88	Khóa luận tốt nghiệp		10	Học kì 9	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

5.5. Thù y

1	Tiếng Việt thực hành	MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Tâm lý học đại cương	MT1: Người học có kiến thức cơ bản về tâm lý học (khái niệm, đặc điểm, qui luật, bản chất, chức năng, vai trò của các hiện tượng tâm lý người)	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Người học có hứng thú đối với môn học, thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình học tập. MT3: Người học có kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lí học, sử dụng tâm lí như một phương tiện để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khoa học, điều chỉnh quá trình giao tiếp, hình thành nhân cách và phát triển năng lực của bản thân trong hoạt động sống. MT4: Dựa trên kiến thức tâm lí học để vận dụng vào hoạt động và giao tiếp phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.			Thi kết thúc học phần: 70%
3	Hóa phân tích	MT1. Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách lấy mẫu, các phương pháp định tính các ion và các chất trong mẫu phân tích. MT2. Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách lấy mẫu và các phương pháp định lượng các chất trong mẫu phân tích. MT3. Cung cấp kiến thức cơ bản để tiến hành một quy trình phân tích.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4. Hình thành các kỹ năng thực hành và sử dụng các máy cơ bản trong hóa phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo. MT5. Hình thành sự say mê học tập, nghiên cứu hóa học.			
4	Hóa đại cương	MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ. MT2. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các bài toán hóa học và tiến hành các thí nghiệm hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học. MT3. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Sinh học đại cương	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động – Thực vật để thấy được vai trò của các hoạt động sống đối với sự tồn tại, phát triển của cơ thể sinh vật và làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần chuyên sâu về Tế bào, Động vật, Thực vật, Vi sinh vật. MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và cơ chế của Di truyền – Biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các loại biến dị và các qui luật di truyền để thấy được vai trò của Di truyền – Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; là cơ sở để lĩnh hội các kiến thức của học phần Di truyền học, Sinh học phân tử, Giải bài tập sinh học, Chọn giống Động - Thực vật, Công nghệ sinh học, Di truyền y học. MT3. Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về các nhân tố sinh thái, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái để thấy được vai trò của các nhân tố sinh thái đối với đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; là cơ sở cho việc lĩnh hội các kiến thức các kiến thức của Sinh thái học và Khoa học môi trường.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4. Rèn luyện cho người học các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm sinh học: nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm; nguyên tắc về cách sử dụng, bảo quản các dụng cụ, trang thiết, hóa chất trong phòng thí nghiệm sinh học; kỹ thuật thực hiện một số thí nghiệm, bài thực hành nhằm củng cố các kiến thức lý thuyết của học phần.			
6	Tin học đại cương	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Động vật học		2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
8	Kỹ năng mềm	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội			
9	Khởi nghiệp	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Triết học Mác - Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. MT2: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. MT3: Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, đề từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. MT4: Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
15	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết can, đại từ tân ngữ, cấu trúc there is / there are và there was / there were, mạo từ a và an, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi _ed của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
16	Tiếng Anh 2	MT 1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm. MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai going to, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.			
17	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bản tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
19	Thể dục cơ bản và điền kinh	MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Bóng chuyền cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
21	Bơi lội cơ bản	MT1. Nắm được cơ sở lí luận và hiện được kĩ thuật bơi ếch.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Cầu lông cơ bản	MT1. Nắm được kĩ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Bóng bàn cơ bản	MT1. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Thể dục nhịp điệu cơ bản	MT1. Trang bị những kĩ năng động tác, thực hiện kĩ thuật động tác chính xác	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
25	Taekwondo cơ bản	MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Bóng đá cơ bản	MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Bóng rổ cơ bản	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Cờ vua 1	MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
29	Cờ vua 2	MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	☐ 3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
30	Cờ vua 3	MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	☐ 2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
31	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình	☐ 3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			phần: Trọng số 60%
32	Công tác quốc phòng – An ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.		□ 3 Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
33	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			Thi kết thúc học phần: 70%
34	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Giải phẫu động vật	M1: Cung cấp người học về lịch sử phát triển của giải phẫu học từ thời kỳ đầu cho đến hiện nay và biết phương pháp nghiên cứu về giải phẫu học;	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		M2: Người học biết về vị trí, cấu tạo chi tiết của bộ xương và hệ cơ trên cơ thể của các loại gia súc, gia cầm; M3: Cung cấp người học hiểu được sự giống nhau và khác nhau của từng hệ thống cơ quan về vị trí, hình dáng, cấu tạo, động mạch, tĩnh mạch, thần kinh giữa các loài gia súc với loài gia cầm; M4: Biết được sự khác nhau giữa các vùng trong cơ thể gia súc, gia cầm chứa các cơ quan, bộ phận ở trạng thái bình thường; M5: Hiểu được trình tự mổ xẻ một cơ thể gia súc, gia cầm.			Thi kết thúc học phần: 70%
36	Mô phôi	MT1: Sinh viên nắm được cấu tạo vi thể, hình thái bình thường, cách sắp xếp các loại, bộ máy trong cơ thể gia súc và gia cầm. Nắm được mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và chức năng mà nó đảm nhiệm. Hiểu những ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của tổ chức và phôi thai. MT2: Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học và quan sát được các tổ chức, bộ phận trong cơ thể động vật ở trạng thái bình thường. Có khả năng suy luận, tổng hợp các kiến thức đã học để giải thích sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng trong từng loại mô và cơ quan.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả. MT4: Có thái độ học tập đúng đắn, chuyên cần, chăm chỉ trong học tập.			
37	Tiếp cận nghề chăn nuôi thú y	MT1: Biết được sơ bộ cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất, quản lý của cơ sở. Có các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. MT2: Biết cách giao tiếp và làm báo cáo sơ bộ. MT3: Sinh viên ham học hỏi, yêu thích môn học và có thái độ cầu tiến, nghiêm túc trong học tập và thực hiện phúc lợi động vật.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Sinh học phân tử trong chăn nuôi thú y	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về hệ gene, việc tái bản và sửa chữa ADN và biểu hiện gene. Cung cấp cho người học nguyên tắc, phương pháp của một số kỹ thuật cơ bản của sinh học phân tử.		Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp và cập nhật cho người học các ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh thú y bằng PCR, chọn lọc giống và di truyền vật nuôi.			
39	Sinh hoá động vật	MT1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức ở mức độ cơ chế phân tử của các quá trình sống, cấu tạo hóa học và tính chất của các sinh chất. MT2: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cùng các con đường chuyển hóa các chất trong cơ thể sống MT3: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống. MT4: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các bệnh liên quan tới các quá trình trao đổi chất trong cơ thể MT5: Cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan giữa môn sinh hóa và các môn học cơ sở khác cũng như các môn chuyên ngành liên quan như: dinh dưỡng, thức ăn gia súc, dược và độc chất,..	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Sinh lý động vật	MT1. Nắm vững được các đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh lý và cơ chế hoạt động của hệ các cơ quan chức năng và hệ thống điều hòa hoạt động thần kinh – thể dịch.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2. Giải thích chức năng, cơ chế hoạt động và các yếu tố điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể động vật (nói chung) và vật nuôi (nói riêng). MT3. Phân tích mối liên hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và giữa cơ thể với điều kiện sống (môi trường, chăm sóc, nuôi dưỡng, bệnh lý...). MT4. Cung cấp một số ứng dụng thực tế giúp nâng cao năng suất sản xuất của vật nuôi thú y dựa trên đặc điểm sinh lý vật nuôi. MT5. Thực hành chia nhóm để thực hiện một số bài về chức năng sinh lý làm kiến thức nền tảng cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.			Thi kết thúc học phần: 70%
41	Di truyền học động vật	MT1: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về di truyền học như tính toán được các quy luật di truyền Mendel, di truyền phân tử, tần số gen cũng như các mối quan hệ di truyền của các cá thể. MT2: Kỹ năng ứng dụng các kiến thức cơ bản về di truyền để tiếp thu các học phần khác có liên quan như chọn giống động vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả. MT4: Có thái độ học tập đúng đắn là tiếp nhận kiến thức càng nhiều càng tốt và sử dụng kiến thức của mình để phục vụ cho sự phát triển của ngành, của lĩnh vực mình theo học giúp ích cho xã hội.			
42	Dinh dưỡng động vật	MT1. Cung cấp kiến thức đặc điểm dinh dưỡng của các chất dinh dưỡng cơ bản của động vật (protein, lipid, glucit, vitamin và các chất khoáng) vai trò và các con đường trao đổi chất của chúng trong cơ thể các loài động vật khác nhau; MT2. Sự phân bố các chất dinh dưỡng trong hệ thống thức ăn chăn nuôi và khả năng sử dụng các chất dinh dưỡng trong thức ăn của động vật (tỷ lệ tiêu hóa, tích lũy các chất dinh dưỡng); MT3. Nhu cầu dinh dưỡng của các loại vật nuôi khác nhau và phương pháp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của từng loại vật nuôi; MT4. Rèn luyện kỹ năng sử dụng một số phương pháp nghiên cứu dinh dưỡng: đánh giá giá trị dinh dưỡng thức ăn, xác định nhu cầu dinh dưỡng của các loại hình vật nuôi và cách đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của chúng;	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT5. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành...			
43	Dược lý thú y	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm thế nào là thuốc, các cách tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc MT2: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức về các nhóm thuốc trong việc học tập các môn học chuyên ngành, áp dụng các kiến thức về dược lý trong chăn nuôi, thú y MT3: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về thuốc, các chế phẩm hóa học sử dụng trong thực tế chăn nuôi và sử dụng trong phòng và điều trị bệnh cho vật	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Miễn dịch học thú y	MT1: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến: Khái niệm và phân loại miễn dịch; vai trò của miễn dịch tự nhiên; đặc tính và phân loại kháng nguyên, kháng nguyên phù hợp tổ chức; các cơ quan và các tế bào có thẩm quyền miễn dịch; cấu trúc và chức năng và các phân lớp của kháng thể dịch thể đặc hiệu. MT2: Học phần cũng cung cấp các kiến thức về: Nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể,	2	Học kỳ 3	Điểm đánh giá phần thực hành: 70% Điểm chuyên cần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các phản ứng huyết thanh học và các kỹ thuật miễn dịch hiện đại ứng dụng trong chẩn đoán bệnh; miễn dịch và nhiễm khuẩn, đáp ứng miễn dịch và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch; bệnh tự miễn, các phản ứng quá mẫn, sự suy giảm miễn dịch và hiện tượng thải ghép. MT3: Nâng cao khả năng giao tiếp, cách ứng xử và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến miễn dịch của sinh viên khi tiếp xúc thực tế với người chăn nuôi, nhà nghiên cứu khác. MT4: Có tinh thần tự học, tự tìm tài liệu, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực tế sản xuất			
45	Vi sinh vật thú y	MT1: Học phần cung cấp kiến thức về: kích thước cấu tạo của một tế bào vi khuẩn, phân loại vi khuẩn, sinh trưởng phát triển của vi khuẩn trong điều kiện nuôi cấy tĩnh và các dạng di truyền của vi khuẩn. Đặc điểm hình thái, cấu trúc, kích thước của virrus, hiện tượng cảm nhiễm, tên gọi và phân loại virus. MT2: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến các họ vi khuẩn như: Họ Micrococcaceae, Enterobacteriaceae, Clostridiaceae, Spirochaetacea.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Học phần cũng cung cấp các kiến thức về: nhóm virus gây bệnh ở hệ tiêu hóa, hô hấp; nhóm virus gây bệnh tích ở da, nhóm virus gây bệnh ở hệ thần kinh, nhóm virus gây suy giảm miễn dịch. MT4: Nâng cao khả năng giao tiếp, cách ứng xử và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến vi khuẩn, virus của sinh viên khi tiếp xúc thực tế với người chăn nuôi, nhà nghiên cứu khác. MT5: Có tinh thần tự học, tự tìm tài liệu, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trọng thực tế sản xuất.			
46	Sinh lý bệnh thú y	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm thế nào là bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, đồng thời nắm được một số phản ứng bệnh lý, rối loạn cơ quan như viêm, sốt, rối loạn các hệ cơ quan tuần hoàn, tiêu hóa, chuyển hóa, tiết niệu... MT2: Sinh viên có kiến thức về khả năng bảo vệ và những phản ứng của cơ thể trước những tác nhân gây bệnh. Mối quan hệ giữa nguyên nhân gây bệnh và hoạt động của các cơ quan.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức về bệnh lý để nghiên cứu các học phần chuyên ngành và khi phân tích các trường hợp bệnh lý trong thực tế. MT4: Sinh viên sẽ có kỹ năng kết hợp với các kiến thức học phần khác để có thể chẩn đoán, suy đoán tiến triển của bệnh ở vật nuôi MT5: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về hiện tượng bệnh lý và các rối loạn hoạt động ở vật nuôi. Từ đó có nhận thức đúng về các trường hợp bệnh lý trong thú y.			
47	Giải phẫu bệnh thú y	MT1. Giải phẫu bệnh đại cương, gồm những tổn thương cơ bản chung nhất do nhiều quá trình bệnh lý như những rối loạn tuần hoàn cục bộ, rối loạn trong dinh dưỡng và tăng trưởng tế bào, rối loạn trong trao đổi chất, hoại tử. MT2. Giải phẫu bệnh chuyên khoa, gồm những tổn thương ở từng cơ quan, bộ phận do nhiều nguyên nhân gây nên ở hệ sinh huyết, hệ tuần hoàn tim, hệ bài tiết,... MT3. Về thực hành sinh viên cần nắm vững kỹ thuật mổ khám, phương pháp quan sát những thay đổi khác thường trên cơ thể gia súc, gia cầm và viết biên bản mổ khám.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Chẩn đoán bệnh thú y	MT1: Sinh viên được cung cấp các kiến thức về cách chẩn đoán bệnh dựa trên các biểu hiện bệnh trên từng hệ thống cơ quan ở gia súc và gia cầm, cách khám các hệ thống như: hệ thống tuần hoàn, hệ thống hô hấp, hệ thống thần kinh, hệ thống tiết niệu, hệ thống tiêu hóa, khám hệ thần kinh MT2: Sinh viên được trang bị các kỹ năng lập hồ sơ bệnh, khả năng tư duy, phân tích triệu chứng có hệ thống. MT3: Sinh viên ham học hỏi, yêu thích môn học và có thái độ cầu tiến, nghiêm túc trong học tập.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Độc chất học thú y	MT1: Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các nhóm chất độc, tác động của chúng lên cơ thể động vật, phương thức xâm nhập vào cơ thể, cơ chế tác động của các nhóm chất độc và khả năng gây độc của từng loại chất độc đối với từng loại vật nuôi. MT2: Sinh viên biết cách xử lý tình huống ngộ độc, sơ cứu kịp thời và an toàn. Biết viết báo cáo giám định độc chất và xử lý tình huống ngộ độc.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Sinh viên sẽ có thái độ chuẩn mực về kiến thức ngành đặc biệt là những kiến thức cơ bản về chất độc và trường hợp ngộ độc trong thực tế chăn nuôi và các biện pháp bảo vệ.			
50	Sản khoa gia súc	MT1. Nắm được đặc điểm sinh lý sinh sản của gia súc MT2. Nắm được đặc điểm của một số bệnh sản khoa thường gặp trên gia súc MT3. Nắm được phương pháp chẩn đoán chuyên sâu bệnh sản khoa MT4. Nắm được cách phòng ngừa bệnh và sử dụng thuốc điều trị các bệnh sản khoa	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Dịch tễ học thú y	MT1. Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, quá trình sinh dịch bệnh. MT2. Sinh viên nắm được cách thức đo lường dịch bệnh, mô tả và phân tích số liệu nhằm phục vụ cho quản lý dịch bệnh. MT3. Sinh viên có được kiến thức cơ bản về điều tra, giám sát dịch bệnh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4. Sinh viên nắm được các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực tế sản xuất.			
52	Vệ sinh thú y	MT1. Người học phải nắm vững các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học trong môi trường không khí, những tác động của chúng đến đời sống vật nuôi; đồng thời phải phân tích được những đặc điểm thuận lợi, bất lợi của ngoại cảnh không khí trong đời sống động vật MT2. Người học hiểu được khái niệm, đặc điểm của các nguồn nước trong tự nhiên; phân tích được các tính chất vật lý, hóa học sinh vật học của các nguồn nước; xác định được các yếu tố gây nhiễm nước và khả năng tự rửa sạch của nước; nắm được một số chỉ tiêu vệ sinh quan trọng của nguồn nước, đề ra biện pháp xử lý một nguồn nước để phục vụ chăn nuôi MT3. Hiểu và phân tích được đặc điểm các tính chất vật lý, hóa học, sinh vật học của đất; vai trò của các nhân tố gây ô nhiễm cho đất và nguyên nhân gây ra MT4. Người học phải hiểu rõ các yêu cầu vệ sinh khi vận chuyển gia súc bằng các con đường khác nhau. Đồng thời,	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nắm vững các yêu cầu vệ sinh thiết yếu khi xây dựng cơ sở sản xuất, giết mổ gia súc. Từ đó vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế			
53	Dược liệu thú y	MT1: Sinh viên nắm được cách nhận biết dược liệu phổ biến được sử dụng trong chăn nuôi, thú y. MT2: Tiếp cận những phương pháp phổ biến để phát hiện những dược liệu chứa kháng sinh tự nhiên. MT3: Áp dụng kiến thức sử dụng dược liệu trong bổ sung vào khẩu phần thức ăn cho vật nuôi. MT4: Sử dụng dược liệu trong phòng bệnh và điều trị bệnh vật nuôi.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Bệnh Nội khoa thú y 1	MT1: Có kiến thức cơ bản trong điều trị bệnh. MT2: Biết được phương pháp trong điều trị bệnh cho gia súc MT3: Có kiến thức về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, phương pháp chẩn đoán và thu thập các triệu chứng bệnh. MT4: Vận dụng các kỹ thuật trong chẩn đoán bệnh gia súc và điều trị cho vật nuôi	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Bệnh Nội khoa thú y 2	MT1: Kiến thức về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, phương pháp chẩn đoán và thu thập các triệu chứng bệnh MT2: Vận dụng các kỹ thuật trong chẩn đoán bệnh gia súc MT3: Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch MT4: Trách nhiệm và chuẩn xác trong công tác khám bệnh, điều trị và phòng bệnh	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Bệnh truyền nhiễm động vật 1	MT1: Hiểu rõ đặc điểm bệnh truyền nhiễm, các loại nguyên nhân gây ra bệnh truyền nhiễm trên các loài động vật. MT2: Nắm được các yếu tố đề kháng của cơ thể đối với các mầm bệnh truyền nhiễm. MT3: Nắm được nguyên lý sinh dịch, cơ chế truyền lây dịch bệnh và các phương pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm trên động vật.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Tổng hợp, phân tích và ứng dụng được những kiến thức để chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm phổ biến thường xảy ra trên một số loài động vật.			
57	Bệnh truyền nhiễm động vật 2	MT1: Nắm được và hiểu rõ từng loại nguyên nhân gây bệnh, những yếu tố ảnh hưởng đến từng loại mầm bệnh, cơ thể động vật, đặc điểm chung và đặc điểm diễn hình của từng bệnh truyền nhiễm khác nhau trên các loài động vật khác nhau. MT2: Tổng hợp, phân tích những đặc điểm liên quan và phân biệt được đặc điểm khác nhau ở các bệnh truyền nhiễm để từ đó chẩn đoán lâm sàng dựa trên các đặc điểm về dịch tễ, triệu chứng và bệnh tích điển hình của từng bệnh. MT3: Đánh giá được tình hình bệnh, xử lý được các tình huống các bệnh xảy ra trên các loài động vật. MT4: Vận dụng, xây dựng được các phác đồ điều trị hiệu quả cho từng loại bệnh khác nhau.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Ký sinh trùng 1	MT1. Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, bệnh do ký sinh trùng gây ra. MT2. Sinh viên nắm được đặc điểm của một số bệnh ký sinh trùng phổ biến trên lợn, trâu bò và gà.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3. Sinh viên nắm được phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng. MT4. Sinh viên nắm được cách phòng ngừa bệnh và sử dụng thuốc điều trị các bệnh do ký sinh trùng gây ra.			Thi kết thúc học phần: 70%
59	Ký sinh trùng 2	MT1. Nắm được đặc điểm chung của các lớp, ngành ký sinh. MT2. Nắm được đặc điểm của một số bệnh ký sinh trùng trên lợn, động vật nhai lại, gia cầm, và động vật ăn thịt. MT3. Nắm được phương pháp chẩn đoán chuyên sâu bệnh ký sinh trùng. MT4. Nắm được cách phòng ngừa bệnh và sử dụng thuốc điều trị các bệnh do ký sinh trùng gây ra.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Ngoại khoa thú y 1	Cung cấp cho người học kiến thức về công dụng, nguyên tắc, cách sử dụng cụ và phương pháp kết nối mô bào, băng bó. Cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến đề phòng nhiễm trùng ngoại khoa. Cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến gây mê, gây tê, đề phòng mất máu khi phẫu thuật cho động vật	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hiện được một số phẫu thuật đơn giản vùng đầu, bụng, niệu sinh dục, chi-đuôi Tổ chức được một ca phẫu thuật ngoại khoa			
61	Ngoại khoa thú y 2	Thực hiện được phẫu thuật phức tạp ở vùng đầu, bụng, niệu sinh dục, chi-đuôi Cung cấp cho người học kiến thức là cơ sở lý luận để chẩn đoán, điều trị chấn thương, nhiễm trùng ngoại khoa, tổn thương cơ giới Cung cấp cho người học kiến thức trong chẩn đoán và điều trị hoại tử, hoại thư, loét, lở dờ; khối u; bệnh ở mắt; bệnh ở xương, khớp, móng; bệnh ở da	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Chăn nuôi trâu bò	Các nguyên lý về chọn tạo và nhân giống trâu bò Các nguyên lý tiêu hóa gia súc nhai lại và thức ăn sử dụng. Bệnh thường gặp trên trâu bò Kiến thức quy trình Thú y và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi trâu bò các loại	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Chăn nuôi heo	Lợn là loài vật đã gắn bó lâu đời với người chăn nuôi, thịt của chúng dễ chế biến và chiếm tỷ trọng cao trong bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam. Vì vậy học phần này sẽ trang bị cho học viên các kiến thức về kỹ thuật chăm sóc,	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nuôi dưỡng các loại lợn nhằm nâng cao được hiệu quả chăn nuôi.			Thi kết thúc học phần: 70%
64	Chăn nuôi gia cầm	MT1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cá đặc điểm cấu trúc bên ngoài có liên quan đến công tác giống, công tác giống gia cầm, lai tạo và chọn lọc gia cầm. MT2: Cung cấp các kiến thức về sức sản xuất trứng, thịt, các yếu tố ảnh hưởng làm nền tảng cho phần kỹ thuật chăn nuôi các các loại gia cầm, vai trò các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng của từng loại gia cầm ở từng giai đoạn nuôi, các loại thức ăn và phối hợp khẩu phần ăn cho gia cầm MT3: Cung cấp các kiến thức về kỹ thuật ấp trứng nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm thịt và sinh sản, qui trình phòng và điều trị một số bệnh thường gặp và áp dụng vào thực tế chăn nuôi gia cầm hiện nay.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Phương pháp nghiên cứu khoa học	MT1: Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản và các phương pháp nghiên cứu trong khoa học chăn nuôi, thú y. MT2: Sinh viên hiểu được các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học và cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Sinh viên thiết kế được đề cương cho một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực nghiên cứu chăn nuôi, thú y. MT4: Sinh viên trình bày được kết quả nghiên cứu của mình một cách khoa học MT5: Sinh viên biểu lộ hứng thú, sẵn sàng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.			
66	Thiết kế thí nghiệm	MT1: Sinh viên nắm được khái niệm về một số tham số thống kê mô tả, các phương pháp trình bày số liệu nghiên cứu; MT2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các mô hình phân tích thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau; MT3: Sinh viên nắm được các khái niệm về tương quan và hồi quy MT4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thiết kế một thí nghiệm từ bước xây dựng ý tưởng, lập đề cương nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu và kết luận. MT5: Sinh viên ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
67	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	MT1: Nắm được Cấu trúc 1 cơ sở giết mổ theo quy định. MT2: Nắm được quy trình và Các nội dung kiểm tra gia súc trước khi giết mổ, những trường hợp bất thường và bình thường của động vật trước giết mổ. MT3: Nắm được Quy trình và kỹ thuật kiểm tra thân thịt sau giết mổ, những thân thị có biểu hiện bệnh lý, Kiểm tra và xử lý thân thịt động vật sau giết mổ. MT4: Nắm được quy định về Xử lý những trường hợp thân thịt động vật bị bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng, nội khoa,...	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Luật thú y	MT1. Vận dụng pháp luật trong công tác chuyên môn của mình, góp phần tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng. MT2.Trên cơ sở các nghị định, thông tư, quy định áp dụng vào tình hình thực tế để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực thú y một cách chính xác.	2	Học kỳ 6	Điểm viết báo cáo thu hoạch kết thúc học phần: 80 % Điểm chuyên cần : 20 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Bệnh học thủy sản	MT1: Sinh viên nắm được vai trò của nuôi trồng thủy sản và nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Trang bị cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm của môi trường nước; MT2: Sinh viên nắm được đặc điểm sinh học của các loài cá nuôi. MT3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật nuôi ghép nhiều loài cá trong ao, hồ; kỹ thuật nuôi đơn một số loài cá; Kỹ thuật nuôi cá ruộng lúa, nuôi cá lồng bè, nuôi cá hồ chứa; kỹ thuật phòng trị bệnh cho cá nuôi. MT4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật ương nuôi và vận chuyển cá giống. MT5: Sinh viên có thể ứng dụng kiến thức trong nuôi cá và phòng trị bệnh cho cá.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Bệnh động vật hoang dã	MT1: Các kiến thức về phân loại, tập tính, sinh thái, chăn nuôi một số loài động vật hoang dã. MT2: Các biện pháp phòng và trị bệnh. MT3: Đại cương về dinh dưỡng động vật hoang dã. MT4: Một số kỹ thuật cầm giữ, bắt các động vật cần trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản lý, tay nghề về công tác chăm sóc nuôi dưỡng và công tác vệ sinh phòng bệnh động vật hoang dã phù hợp với thị trường hiện nay MT5: Ý thức được vai trò của động vật hoang dã. MT6: Tôn trọng phúc lợi động vật.			
71	Vệ sinh an toàn thực phẩm	MT1. Mục tiêu của môn học giúp cho sinh viên nắm được kiến thức chuyên môn về thực phẩm, an toàn thực phẩm và ngộ độc tình trạng ô nhiễm thực phẩm và việc sử dụng các chất hóa học, thuốc kháng sinh và các chất cấm trong sản xuất thực phẩm hiện nay MT2. Hiểu được địa cương về vi sinh vật trong thực phẩm, các nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm MT3. Nắm được các yêu cầu và biện pháp vệ sinh chủ yếu áp dụng trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Nắm được kỹ thuật HACCP trong việc đảm bảo chất lượng thực phẩm. MT4. Nắm được luật an toàn thực phẩm năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện luật	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Một sức khỏe	MT1: Kiến thức cơ bản về một sức khỏe như: một sức khỏe (MSK) và các năng lực cốt lõi MSK.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Vận dụng kiến MSK và năng lực cốt lõi MSK các vấn đề sức khỏe MT3: Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, lập kế hoạch, báo cáo thuyết trình trước tập thể MT4: Trách nhiệm trong học tập; trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp			Thi kết thúc học phần: 70%
73	Quyền lợi và tập tính động vật	MT1: Học phần cung cấp kiến thức về cơ chế sinh học của tập tính, chức năng của tập tính. Giải thích các cơ chế tập tính trên cơ sở sinh lý và di truyền. Ảnh hưởng của di truyền đến tập tính của động vật. Tìm hiểu các biểu hiện của tập tính ở các loại vật nuôi. MT2: Học phần cung cấp các phương pháp nghiên cứu tập tính vật nuôi và ứng dụng tập tính vào thực tiễn chăn nuôi. MT3: Học phần cũng cung cấp các kiến thức về animal welfare, ảnh hưởng của welfare đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi và sức khỏe con người, biện pháp cải thiện welfare trong chăn nuôi.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Có tinh thần tự học, tự tìm tài liệu, tự nghiên cứu. Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực tế sản xuất.			
74	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	MT1. Cung cấp kiến thức về chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt của vật nuôi MT2. Cung cấp kiến thức về chế biến bảo quản các sản phẩm từ sữa của vật nuôi MT3. Cung cấp kiến thức về chế biến bảo quản trứng gia cầm MT4. Cung cấp kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm MT5. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Chẩn đoán hình ảnh	MT1: Sinh viên nắm được Phương pháp sử dụng máy X-Quang; máy siêu âm; Chẩn đoán các tổn thương các cơ quan qua hình ảnh; Các bệnh về thai; Các bệnh do tổn thương bên trong cơ thể. MT2: Sinh viên biết cách lựa chọn thiết bị chẩn đoán hình ảnh phù hợp để có kết quả chính xác và hỗ trợ cho chẩn đoán lâm sàng	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Sinh viên ham tìm tòi, học hỏi, có tinh thần và thái độ học tập tập trung, nghiêm túc.			
76	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	MT1. Sinh viên hiểu được cách tiếp cận một sức khỏe. MT2. Sinh viên học được cách phân loại các bệnh truyền lây MT3. Sinh viên nắm được các đặc điểm các các bệnh truyền lây do virus, vi khuẩn, ký sinh trùng gây ra. MT4. Sinh viên nắm được cách phòng ngừa các bệnh truyền lây.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Quản lý chất thải chăn nuôi	MT1. Hiểu được nguồn gốc của các loại chất thải, các bước xử lý và kiểm soát các loại chất thải rắn, lỏng và khí trong chuồng nuôi MT2. Nắm được phương pháp tái sử dụng các loại chất thải lỏng trong chăn nuôi MT3. Sinh viên có nhận thức đúng đắn về môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập làm cơ sở cho các môn học chuyên khoa	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
78	Quản lý trại chăn nuôi	M1- Cung cấp người học về lịch sử phát triển của chuồng trại chăn nuôi và tầm quan trọng của tiêu khí hậu chuồng nuôi; M2- Người học biết những thông tin cần có về chọn đất để lập trại chăn nuôi; M3- Cung cấp người học biết cách thiết kế, xây dựng và quản lý một trại chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Thực tập rèn nghề thú y	MT1: vận dụng kiến thức lý thuyết trong thực tế, đồng thời qua đợt thực tập thực tế, sinh viên sẽ trau dồi kiến thức lý thuyết. Từ những kiến thức thực tế mà sinh viên tiếp cận, họ sẽ có động lực để tiếp nhận các kiến thức sâu về chuyên môn thú y. MT2: Sinh viên sẽ có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để thao tác trong thực tế. Thông qua thực tập, các thao tác như tiêm, khám, điều trị, tổ chức hoạt động thú y...sẽ được nâng cao. Có kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề chuyên môn thực tế. MT3: Trong đợt thực tập, sinh viên còn được học, nâng cao các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, đặc biệt là các kiến thức bản địa sẽ được tiếp nhận qua đợt thực tập thực tế. Sinh viên sẽ có thái độ thực tập nghiêm túc,	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hăng say tham gia công tác tại địa phương vì đó sẽ là môi trường tốt để sinh viên học tập và nâng cao kiến thức.			
80	Thực tập giáo trình thú y	MT1: Nắm vững và củng cố lại kiến thức đã học thông qua thực tập, thực tế tại các công ty hoặc các phòng thí nghiệm MT2: Nhận thức được vai trò của ngành thú y và mối quan hệ trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu với các đơn vị khác ngoài trường MT3: Nắm bắt các qui trình chăn nuôi, qui trình vệ sinh sát trùng chuồng trại ứng dụng trong từng cơ sở sản xuất MT4: Có khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, khuyến nông, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực chuyên môn của mình. MT5: Sinh viên ham tìm tòi, học hỏi, có tinh thần và thái độ học tập tập trung, nghiêm túc.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Thực tập tổng hợp thú y	MT1: Kiến thức chuyên môn của nhiều lĩnh vực như: Bệnh truyền nhiễm, bệnh nội ngoại sản khoa, bệnh ký sinh	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trùng, bệnh ngoại khoa, kiểm soát giết mổ, dược lý, thú y vệ thú y, dịch tễ học thú y MT2: Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế trong công tác thú y như phòng, trị bệnh, kiểm soát giết mổ và quản lý dịch bệnh động vật MT3: Khả năng nghiên cứu chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, báo cáo thuyết trình trước tập thể MT4: Trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu lĩnh vực Thú y; trách nhiệm, đạo đức			Thi kết thúc học phần: 70%
82	Thực tập phòng mạch thú y	MT1. Sinh viên nắm được những kiến thức căn bản về giải phẫu và sinh lý trên chó mèo MT2. Sinh viên nắm và thực hiện được các phương pháp khám lâm sàng trên chó, mèo MT3. Sinh viên nắm và phân tích được các kết quả cận lâm sàng trên chó, mèo MT4. Sinh viên nắm được nguyên nhân, cách sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh thường gặp trên chó, mèo	3	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
83	Xây dựng và quản lý dự án chăn nuôi	MT1. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xây dựng, lập kế hoạch thực thi, giám sát và đánh giá dự án phát triển. MT2. Nắm được kiến thức chung về dự án; cấu trúc và nội dung từng phần của dự án; tiến trình xây dựng một dự án. MT3. Có được kỹ năng phân tích, tổng hợp và xây dựng được một dự án thông thường MT4. Có được tính nghiêm túc, khoa học, thực tiễn trong hoạt động dự án.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
84	Hệ thống nông nghiệp	MT1: Có kiến thức khái quát về lý thuyết hệ thống trong phát triển và hiểu được khái niệm về nông nghiệp, hệ thống nông nghiệp để vận dụng trong thực tế. MT2: Có những kiến thức để phân biệt được các loại hệ thống nông nghiệp và có kỹ năng vận dụng các loại hình sản xuất nông nghiệp phù hợp vào thực tế sản xuất ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. MT3: Có kỹ năng cơ bản để lựa chọn, đánh giá, nghiên cứu để phát triển hệ thống nông nghiệp tại Việt Nam.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Hiểu được tầm quan trọng của việc phân tích, lập kế hoạch, đánh giá các thử nghiệm đồng ruộng được áp dụng trong sản xuất nông lâm nghiệp. MT5: Có khả năng thiết kế, xây dựng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông lâm nghiệp trong giai đoạn hiện nay			
85	Sinh thái môi trường	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật; Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái; Các khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể, khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã và các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên MT2: Đào tạo sinh viên có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên; MT3. Rèn luyện người học có kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu;	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Trang bị cho sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú môn học, yêu thiên nhiên và biết bảo vệ môi trường sống; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.			
86	Khuyến nông	MT1: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khuyến nông. MT2: Cơ sở lý luận về một số kỹ năng cho hoạt động khuyến nông. MT3: Kỹ năng hoạt động nhóm, lập kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả. MT4: Có thái độ học tập đúng đắn là tiếp nhận kiến thức càng nhiều càng tốt và sử dụng kiến thức của mình để phục vụ cho sự phát triển của ngành, của lĩnh vực mình theo học giúp ích cho xã hội.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
87	Thụ tinh nhân tạo	MT1. Nắm vững được các đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh lý và cơ chế hoạt động của hệ các cơ quan trong hệ sinh dục. MT2. Hiểu nguồn gốc và vai trò của các học môn tham gia điều hòa hoạt động sinh sản.	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3. Biết đánh giá và phân tích các nguyên nhân gây rối loạn sinh sản. MT4. Hiểu biết về các công nghệ mới trong sinh sản, kỹ thuật truyền tinh – truyền phôi, sử dụng các sản phẩm nội tiết trong điều trị và nâng cao hiệu quả sinh sản. MT5. Thực hành chia nhóm để thực hiện một số bài về sinh sản làm kiến thức nền tảng cho việc nuôi dưỡng động vật sinh sản.			
88	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	MT1. Cung cấp kiến thức về giống vật nuôi, sự hình thành, phân loại giống vật nuôi, sự thích nghi của giống vật nuôi. MT2. Cung cấp kiến thức về hệ phả và quan hệ di truyền cá thể, các tham số di truyền ứng dụng trong chọn lọc và nhân giống vật nuôi MT3. Cung cấp kiến thức về giá trị giống, các phương pháp ước tính giá trị giống, các phương pháp chọn lọc vật nuôi làm giống MT4. Cung cấp kiến thức về nhân giống vật nuôi (nhân giống thuần chủng và các phương pháp lai tạo giống)	2	Học kỳ 9	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT5. Cung cấp kiến thức về hệ thống quản lý, nhân giống vật nuôi ở Việt Nam. MT6. Rèn luyện ý thức tự nghiên cứu, làm việc nhóm trong học tập lý thuyết và thực hành.			
89	Khoa học ong mật	MT1: Cung cấp cho người học khối kiến thức về sinh học ong mật; kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm và phòng trừ bệnh ong mật. MT2: Rèn luyện cho người học các thao tác kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chia đàn, phòng trừ bệnh ong, khai thác, sơ chế và bảo quản sản phẩm ong mật. MT3: Rèn luyện cho người học có ý thức tự giác trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, có thái độ đúng trong việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn sản xuất, nghiên cứu khoa học, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ 10	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Bệnh dinh dưỡng	MT1: Cung cấp và trang bị cho người học kiến thức cơ bản về bệnh dinh dưỡng, đặc điểm của bệnh dinh dưỡng và sức khỏe vật nuôi, nguyên nhân và những yếu tố ảnh hưởng. Vai trò các chất dinh dưỡng trong kháng bệnh cho vật nuôi.	10	Học kỳ 10	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Cung cấp các kiến thức về các bệnh dinh dưỡng do rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, cách quản lý, các nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trị bệnh. MT3: Cung cấp các kiến thức về độc tố nấm mốc trong thức ăn và ảnh hưởng của nó đến gia súc. Các biện pháp làm giảm tác hại của nấm mốc.			
91	Bệnh chó mèo	MT1. Sinh viên nắm được những kiến thức căn bản về giải phẫu và sinh lý trên chó mèo MT2. Sinh viên nắm và thực hiện được các phương pháp khám lâm sàng trên chó, mèo MT3. Sinh viên nắm và phân tích được các kết quả cận lâm sàng trên chó, mèo MT4. Sinh viên nắm được nguyên nhân, cách sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh thường gặp trên chó, mèo	2	Học kỳ 10	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
92	Chuyên đề tốt nghiệp		2	Học kỳ 10	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
93	Khóa luận tốt nghiệp		2	Học kỳ 10	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

6. Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

6.1. Sinh học thực nghiệm

T T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	-Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Cùng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3		Kiểm tra: 10% Tiểu luận: 20% Thi kết thúc HP: 70%
2	Tiếng Anh	- Đào tạo trình độ: Tiếng Anh 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam - Giảng dạy cho học viên Cao học khối ngành Nông-Lâm- Ngư, Sư phạm.	6		Kiểm tra: 10% Tiểu luận: 20% Thi kết thúc HP: 70%
3	Phương pháp luận trong NC sinh học	Giúp học viên nắm được phương pháp xây dựng ý tưởng, đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực sinh học. Giúp học viên nắm được các kỹ năng khai thác, tham khảo tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo, bài báo khoa học.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, simian: 30% Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%

4	Sinh học phân tử tế bào	Đáp ứng kiến thức cơ bản về sinh học mức độ phân tử của tế bào, trên cơ sở đó hiểu được chức năng và cơ chế hoạt động của các đại phân tử sinh học, đặc biệt là phân tử chứa thông tin di truyền. Luyện tập các kỹ năng thao tác trên phân tử qua quá trình thực tập; kỹ năng học và tự học, viết và trình bày báo cáo chuyên đề.	3		thực hành: 20 % KT, thảo luận: 10 % Thi kết thúc HP: 70%
5	Sinh thái tài nguyên	Củng cố các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên	2		Kiểm tra: 10% Tiểu luận: 20% Thi kết thúc HP: 70%
6	Các phương pháp hóa sinh hiện đại	Giúp học viên nắm được các phương pháp, kỹ năng của các phương pháp phân tích hóa sinh chủ yếu trong lĩnh vực hóa sinh.	2		Điểm đánh giá phần thực hành: 30% Thi hết môn bằng hình thức (tự luận hay trắc nghiệm): 70%
7	Di truyền vi sinh vật	Giúp học viên cao học hiểu được vi sinh vật là đối tượng chủ yếu có mặt trong các nghiên cứu về nhân tố di truyền, do đó di truyền của vi sinh vật là nền tảng cho việc nghiên cứu đặc điểm di truyền của các đối tượng sinh vật khác cũng như những thành tựu nổi bật của chuyên ngành đã đóng góp lớn cho các lãnh vực khoa học sinh học và ứng dụng hiện nay.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, simina: 30 % Báo cáo chuyên đề: 70%
8	Sinh lý động vật nâng cao	- Kiến thức: Cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về liên quan đến tiêu hóa và trao đổi chất và sinh lý máu. - Kỹ năng: Cung cấp cho học viên có các kỹ năng cơ bản và phương pháp luận về nghiên cứu. - Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện cho học viên có thái độ học tập nghiêm túc, tính kiên trì trong học tập và nghiên cứu và tinh thần say mê với nghề nghiệp.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

9	Sinh lý chống chịu thực vật	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức căn bản, bổ sung thông tin mới, cập nhật, về các quá trình sinh lý - sinh hoá cũng như cơ chế đáp ứng của cây trồng dưới ảnh hưởng của các nguyên nhân “stress” vô sinh và hữu sinh, và các biện pháp khắc phục.	2		- Thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo chuyên đề: 70%
10	Sinh lý vi sinh vật	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về sinh lý vi sinh vật, làm cơ sở cho các môn học khác thuộc lãnh vực công nghệ sinh học như công nghệ lên men, công nghệ nấm, công nghệ enzyme, công nghệ vắc xin.	2		- Thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo chuyên đề: 70%
11	Polysaccharide	Giúp học viên nắm được vai trò của polysaccharide trong cơ thể sống, hoạt tính sinh học của nó và các ứng dụng trong sinh y học và nông nghiệp.	2		- Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 20% - Thi hết môn bằng hình thức tự luận hay báo cáo chuyên đề: 80%
12	Protein	Học phần “Protein: cấu trúc và chức năng” cung cấp cho học viên các kiến thức về cấu trúc protein, sự sinh tổng hợp protein và các quá trình kiểm soát chất lượng protein trong tế bào bao gồm quá trình gấp cuộn, glycosyl hóa... Bên cạnh đó, học viên cũng được trang bị kiến thức về biểu hiện, tinh chế protein, tinh thể hóa protein và nghiên cứu chức năng protein. Với các kiến thức được trang bị trong học phần, học viên có thể vận dụng trong các nghiên cứu và sản xuất liên quan đến protein; thu nhận protein, tinh chế và sản xuất các chế phẩm protein có chức năng sinh học; sản xuất protein tái tổ hợp và ứng dụng trong sản xuất vaccine, dược phẩm.	2		- Bài seminar: 30% - Thi cuối học phần hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
13	Sinh học tế bào gốc	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hiện đại, cập nhật về tế bào gốc và kỹ thuật nuôi cấy, bảo quản tế bào động vật. Trên cơ sở đó, tế bào	2		- Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30%

		gốc được ứng dụng trong nhân giống vô tính động vật; đặc biệt là ứng dụng trong điều trị bệnh cho người.			- Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
14	Công nghệ tế bào thực vật	Giới thiệu các công nghệ nuôi cấy tế bào thực vật nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và lợi ích cho con người.	3		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
15	Sinh học và công nghệ nấm	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết cho việc nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi trồng nấm ăn, nấm làm thuốc - Nắm được các đặc điểm chính của các loài nấm đang được nuôi trồng phổ biến trên thế giới và trong nước; Vòng đời tiêu biểu của một số loài nấm cũng như các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của nấm; Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đối với sự sinh trưởng và phát triển của nấm - Nắm vững các thao tác kỹ thuật, có khả năng sản xuất giống nấm các loại - Nắm vững các nguyên tắc, các yêu cầu kỹ thuật của từng giai đoạn nuôi trồng nấm và có thể trồng được một số loài nấm ăn thông dụng	2		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30 % - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
16	Công nghệ lên men	Giới thiệu nguyên lý của các công nghệ sản xuất các sinh phẩm được thu nhận từ lên men vi sinh vật và vai trò của chúng.	2		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30 % - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
17	Enzyme và ứng dụng	Giúp học viên nắm được nắm được công nghệ sản xuất enzyme và ứng dụng của enzyme. Nắm được kỹ năng sản xuất, tách chiết và tinh sạch enzyme.	3		Điểm đánh giá phần thực hành: 20%

					Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 10% Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
18	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học từ thực vật nhằm hiểu tiềm năng của thực vật của nước nhà từ đó có ý thức bảo tồn và khai thác	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% Thi kết thúc HP: 70%
19	Di truyền phân tử trong chọn giống cây trồng	Sau khi học xong học phần, học viên nắm được các kiến thức chuyên sâu về sinh học phân tử, sử dụng các marker ứng dụng trong di truyền chọn giống cây trồng.	2		- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20	Sinh học phân tử trong Y Dược học	Cung cấp cho học viên kiến thức hiện đại và cập nhật về nguyên lý và ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho con người.	3		- Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar, thực hành: 30% - Thi hết môn: 70%
21	Kiểm soát sinh học	Giúp học viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng các khoa học tiên tiến trong lĩnh vực phòng trừ sinh học để quản lý dịch hại trên cây trồng theo hướng an toàn, bền vững và có hiệu quả kinh tế cao.	2		Điểm đánh giá phần thực hành: 10% Thuyết trình seminar 20% Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%

22	Điều khiển giới tính ở động vật	Giúp học viên nắm được cơ chế kiểm soát giới tính gồm định đoạt giới tính, biệt hoá giới tính, vai trò của NST và gen trong định đoạt giới tính, khả năng can thiệp của con người trong hình thành giới tính	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 20 % Thi hết môn: 80 %
23	Sinh Tin	Học phần “Tin Sinh học đại cương” nhằm giúp sinh viên ngành Công nghệ Sinh học nắm bắt được khái niệm về tin sinh học, các phương pháp và các công cụ nền tảng của tin sinh học. Môn học cung cấp kiến thức về các cơ sở dữ liệu sinh học (NCBI, EMBL, DDBJ), ý nghĩa và phương pháp so sánh hai hay nhiều trình tự sinh học (DNA, protein), các phương pháp phân tích trình tự DNA và protein, và các khái niệm cơ bản về thiết kế môi cho các phản ứng khuếch đại in vitro.	2		- Điểm thực tập: 30% - Thi cuối học phần: 70%
24	Công nghệ vắc xin	Giúp học viên hiểu được hoạt động và cơ chế đáp ứng miễn dịch của người. Đây là cơ sở khoa học để phát triển và sản xuất vắc xin theo qui mô công nghệ.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % Thi hết môn: 70 %
25	Phytohormon và ứng dụng	Học viên sẽ tìm hiểu được cấu trúc căn bản của chất điều hòa sinh trưởng thực vật, tác dụng sinh lý của nó đối với đời sống thực vật và có thể ứng dụng những kiến thức về chất điều hòa sinh trưởng thực vật vào thực tiễn.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % Thi hết môn: 70 %
26	Chẩn đoán phân tử	Sau khi học, học viên sẽ hiểu được nguyên lý cơ bản của các phương pháp phân tử chẩn đoán bệnh, có khả năng hiểu được và thực hành được các phương pháp chẩn đoán.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % Thi hết môn: 70 %

6.2. Toán giải tích

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

1	Đại số tuyến tính nâng cao	- Cung cấp các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức, ánh xạ tuyến tính, giá trị riêng, véc tơ riêng, các không gian con một chiều bất biến qua ánh xạ tuyến tính. - Cung cấp các phương pháp tìm các không gian con bất biến; các kiến thức về tự đồng cấu lũy linh; cách tìm dạng chuẩn Jordan của một tự đồng cấu, Định lý Caley- Hamilton. - Cung cấp các kiến thức về đại số đa tuyến tính đó là: Đại số ten xơ, đại số đối xứng và đại số ngoài.	3	HK1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
2	Giải tích ngẫu nhiên	- Cung cấp cho học viên những kiến thức Toán học nâng cao so với đại học như: khái niệm xác suất tổng quát; phân tử ngẫu nhiên; các đặc trưng của phân tử ngẫu nhiên; Luật số lớn và Định lý giới hạn trung tâm; - Cung cấp cho học viên những kiến thức về Quá trình ngẫu nhiên, Mactingale; Vi phân Itô, tích phân Itô, phương trình vi phân ngẫu nhiên, là những vấn đề hiện đại được quan tâm nghiên cứu gần đây; - Trang bị cho học viên những kiến thức về ứng dụng trong đời sống Kinh tế xã hội (Toán tài chính).	3	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Giải tích hàm nâng cao	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản của giải tích hàm tuyến tính. - Trang bị cho học viên những kiến thức về cấu trúc của các không gian Banach. - Trang bị cho học viên những kiến thức về phổ của toán tử tuyến tính.	3	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Giải tích đa trị	- Cung cấp các khái niệm cơ bản về ánh xạ đa trị - Trình bày khái niệm đạo hàm, khái niệm tích phân của ánh xạ đa trị - Trình bày khái niệm đối đạo hàm và dưới vi phân của ánh xạ đa trị và các ứng dụng của	3	HK3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Lý thuyết tối ưu	- Cung cấp khái niệm cơ bản về bài toán tối ưu - Trình bày các điều kiện tối ưu và các phương pháp giải bài toán tối ưu không ràng buộc - Trình bày các điều kiện tối ưu và các phương pháp giải bài toán tối ưu có ràng buộc	3	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

6	Đại số hiện đại	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nhóm, vành và môđun để học viên có thể hiểu được một số cấu trúc đại số quan trọng trong toán học hiện đại; - Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về tích và tổng trực tiếp, môđun tự do, tích ten xơ và dãy khớp để học viên thấy được mối liên hệ giữa cấu trúc môđun với các cấu trúc toán học khác; - Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về môđun nội xạ, môđun xạ ảnh, môđun Artin và môđun Noether để học viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên sâu về đại số từ đó có thể vận dụng vào việc nghiên cứu toán học hiện đại.	3	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Phương trình vi phân nâng cao	- Cung cấp cho học viên những kiến thức Toán học nâng cao so với đại học như: đạo hàm trong không gian Banach, đạo hàm bậc không nguyên, đạo hàm khoảng, tập, đạo hàm hàm mờ; - Cung cấp cho học viên những kiến thức về phương trình vi phân trong không gian Banach, Phương trình vi phân đa trị, Phương trình vi phân với đạo hàm bậc không nguyên, Phương trình vi phân khoảng, tập, Phương trình vi phân mờ, là những loại phương trình vi phân hiện đại được quan tâm nghiên cứu gần đây; - Trang bị cho học viên những kiến thức về ứng dụng phương trình vi phân trong đời sống như Kinh tế xã hội, Dân số, Y học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, ...	3	HK3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Một số kiểu hàm lồi và ứng dụng	- Tổng hợp những tính chất đặc trưng cơ bản của hàm lồi. - Trình bày về hàm lồi suy rộng và các đặc trưng. - Thiết lập, làm mịn một số bất đẳng thức.	3	HK3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Tiếng Anh	Đào tạo trình độ thạc sĩ Toán Giải tích theo định hướng ứng dụng, nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành Toán giải tích; có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành toán giải tích; có khả năng làm việc độc lập, tư duy	6	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Toán giải tích.			
10	Triết học	- Trang bị cho người học khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin. Vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác-Lênin. - Hiểu sâu hơn mối quan hệ giữa triết học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Hiểu được vai trò của triết học và các khoa học đối với đời sống xã hội. - Hiểu được cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Luận văn tốt nghiệp	Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu chuyên sâu.	10	HK4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Nhập môn lý thuyết kỳ dị	- Cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đa tạp trơn, ánh xạ trơn, lý thuyết hoành. - Cung cấp các kiến thức về lý thuyết trái và nhóm tác động. - Cung cấp các kiến thức về kỳ dị của ánh xạ trơn và kỳ dị ổn định của ánh xạ trơn.	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Những vấn đề hiện đại trong toán học ở PTTTH	- Cung cấp các kiến thức về: lịch sử phát triển các quan điểm hiện đại về hình học; đại số, giải tích, nắm chắc các cấu trúc: Không gian tôpô, không gian Metric; không gian vectơ Euclid; không gian xạ ảnh, không gian afin, tác động của một nhóm và sơ lược về hình học của nhóm biến đổi, phân loại hình học theo quan điểm nhóm. Sự hình thành của hình học sơ cấp, về tác phẩm “nguyên lý” của hình học sơ cấp, một số hệ Tiên đề trong hình học sơ cấp. - Trình bày các kiến thức về không gian hình học, cách phân chia hình học, khái niệm về hình học, hình hình học.	2	HK2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%

		- Trình bày sự thể hiện hình học vectơ, hình học tọa độ trong nội dung môn toán trung học hiện nay, và những lưu ý trong dạy học những nội dung này; trình bày hai bài toán cơ bản của toán phổ thông dưới quan điểm của toán học hiện đại đó là bài toán quỹ tích và bài toán dựng hình.			
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	- Cung cấp cho học viên những kiến thức Phương pháp luận nghiên cứu khoa học như: Khoa học, Nghiên cứu khoa học, Nghiên cứu khoa học Giáo dục, Đề tài nghiên cứu khoa học; - Cung cấp cho học viên những kiến thức về Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, Phương pháp nghiên cứu, Đề cương nghiên cứu khoa học, Viết báo cáo khoa học, Bài báo khoa học, nghiên cứu Toán học và các vấn đề liên quan khoa học; - Trang bị cho học viên những kiến thức về Khoa học và nghiên cứu khoa học để ứng dụng trong đời sống Kinh tế xã hội.	2	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Một số xu hướng đổi mới dạy học hiện nay	Cung cấp các kiến thức về phương hướng đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; các phương pháp dạy học hiệu quả; dạy học tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông mới; tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống.	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Lịch sử toán Giải tích	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển trong lịch sử của Toán học nói chung, Toán Giải tích nói riêng, biết lịch sử toán học giảng dạy ở trường phổ thông theo chương trình mới 2018. - Học xong học chuyên đề học viên có kỹ năng vận dụng kiến thức lịch sử Toán học vào giảng dạy môn toán nói chung, môn Giải tích ở trường THPT nói riêng. - Rèn luyện cho học viên khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen nghiên cứu tài liệu về lịch sử toán học nói chung, lịch sử Toán giải tích nói riêng, ... Tham gia nghe giảng ở lớp đầy đủ, tự đọc tài liệu tham khảo mà giảng viên yêu cầu.	2	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Giải tích phức	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản của hàm chỉnh hình một biến.	3	HK2	Điểm bộ phận: 30%

		- Trang bị cho học viên những kiến thức về hàm chỉnh hình nhiều biến. - Trang bị cho học viên những kiến thức về đa tạp phức			Thi kết thúc học phần: 70%
18	Không gian vector tôpô	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về không gian véc tơ topo và không gian lồi địa phương. - Cung cấp cho học viên về lý thuyết đối ngẫu và định lý Hahn-Banach trong lớp không gian lồi địa phương. - Trang bị cho học viên những kiến thức về tính compact và tính bị chặn trong không gian không gian lồi địa phương. - Trang bị kiến thức cơ bản về không gian thủng và không gian Mắcski	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Bất đẳng thức và ứng dụng	- Cung cấp cho học viên một số bất đẳng thức ở phổ thông để học viên vận dụng vào giảng dạy ở phổ thông; - Trang bị cho học viên một số bất đẳng thức trong giải tích và ứng dụng của chúng vào việc nghiên cứu giải tích hàm, lý thuyết tối ưu, tích phân, ...; - Trang bị cho học viên một số bất đẳng thức trong đại số, hình học và ứng dụng của chúng vào việc nghiên cứu giải tích hàm, đại số,...	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Cơ sở giải tích lồi	- Cung cấp một số khái niệm mở đầu về tập lồi và hàm lồi cùng các tính chất và phép toán trên hai đối tượng này. - Trình bày các định lý tách cơ bản của hàm liên hợp và ý nghĩa của chúng. - Đưa ra khái niệm dưới vi phân hàm lồi và các định lý cơ bản về dưới vi phân	2	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Toán rời rạc và ứng dụng	- Cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết hệ thống đại số, dàn, đại số logic, đại số boole. - Cung cấp các kiến thức về lý thuyết đồ thị hữu hạn và ứng dụng. - Cung cấp các kiến thức về đồ thị phẳng và lý thuyết tô màu, ứng dụng để giải toán	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Lý thuyết sai phân và ứng dụng	- Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp sai phân hữu hạn; - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương trình đối lưu khuếch tán;	2	HK1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		- Trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về phương trình truyền nhiệt.			
23	Lý thuyết điều khiển toán học	- Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tính điều khiển được của hệ thống; - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ điều khiển tuyến tính và phi tuyến tính, tính quan sát được cũng như tính ổn định hóa; - Trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về tính điều khiển tối ưu của hệ thống	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Giải tích phức p-adic	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản ban đầu về Giải tích phức p-adic : chuẩn không Acsimet, trường không Acsimet, trường các số phức p-adic. Qua đó, người học biết được chỉ có 2 cách định nghĩa chuẩn trên trường các số hữu tỷ và cả hai cách này đều liên hệ chặt chẽ với nhau. - Học viên nắm được hàm chỉnh hình, hàm phân hình trên trường không Acsimet, Lý thuyết Nevanlinna p-adic và một số ứng dụng của nó; - Học viên biết vận dụng Lý thuyết Nevanlinna p-adic trong học tập và nghiên cứu. - Trang bị cho học viên một số hướng nghiên cứu mới của toán Giải tích: Lý thuyết về tập xác định duy nhất và đa thức duy nhất cho hàm phân hình p-adic, hình học p-adic, ...	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Giải tích ma trận	- Cung cấp cho học viên những kiến thức về ma trận unita và ma trận chuẩn tắc để học viên có thể hiểu khái niệm và các tính chất của các ma trận này. - Trang bị cho học viên những kiến thức về ma trận Hermite và ma trận đối xứng phức để học viên có thể có thể hiểu khái niệm và các tính chất của các ma trận này; - Trang bị cho học viên những kiến thức về Phân tích cực và Phân tích giá trị kỳ dị của ma trận, giúp học viên hiểu được khái niệm, phương pháp phân tích của Phân tích cực và Phân tích giá trị kỳ dị của ma trận, đồng thời học viên có thể ứng dụng các phân tích này vào tìm ma trận giả nghịch đảo, ma trận nghịch đảo và giải hệ phương trình tuyến tính;	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		- Cung cấp cho học viên những kiến thức về Phân tích LU của ma trận để học viên hiểu được khái niệm, phương pháp phân tích đồng thời có thể ứng dụng phân tích này vào tính định thức của ma trận, tìm ma trận nghịch đảo và giải hệ phương trình tuyến tính			
26	Giải tích Fourier	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về không gian Lebesgue và lý thuyết nội suy trên không gian Lebesgue. - Cung cấp cho học viên về hàm cực đại, biến đổi Fourier và các phân bố. - Trang bị cho học viên những kiến thức về tích phân kỳ dị kiểu tích chập. - Cung cấp một số ứng dụng của Giải tích Fourier cổ điển vào một số lĩnh vực khác của toán học.	3	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Giải tích trên đa tạp	- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản của hàm chỉnh hình một biến. - Trang bị cho học viên những kiến thức về hàm chỉnh hình nhiều biến. - Trang bị cho học viên những kiến thức về đa tạp phức.	2	HK2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

6.3. Vật lý lý thuyết và vật lý toán

T T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh	Học phần tiếng Anh giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau)	6	HK1	Đánh giá chuyên cần (6 %), bài tập cá nhân/nhóm (6%), thực hành (6 %), bài kiểm tra định kỳ (12 %), thi kết thúc học phần (70 %)

2	Triết học	Học phần trang bị cho người học khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin. Vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác-Lênin; hiểu sâu hơn mối quan hệ giữa triết học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ; hiểu được vai trò của triết học và các khoa học đối với đời sống xã hội; hiểu được cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3	HK1	Đánh giá chuyên cần (10 %), Bài tập cá nhân (10%), bài tập nhóm (10%), thi kết thúc học phần (70 %)
3	Toán cho Vật lý lý thuyết	Học phần trang bị các kiến thức về các phép biến đổi tích phân; cung cấp cho người học các kiến thức về phương trình đạo hàm riêng; trang bị cho người học kiến thức về hàm riêng trị riêng và hàm Green; trang bị cho người học kiến thức liên quan đến phương trình phương trình tích phân, lý thuyết xác suất và lý thuyết thống kê; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm.	3	HK2	Đánh giá chuyên cần (3 %), Bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
4	Cơ học lượng tử	Học phần giúp người học hiểu được các phương trình Schrodinger trong các biểu diễn tọa độ, xung lượng, tương tác, hệ hạt đồng nhất; cung cấp cho người học các phương pháp gần đúng trong cơ học lượng tử; trang bị cho người học kiến thức về chuyển động của hạt mang điện trong trường điện từ; trang bị cho người học kiến thức về Lý thuyết tán xạ lượng tử và Cơ học lượng tử tương đối tính; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm.	3	HK2	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
5	Lý thuyết	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về lý thuyết vật lý chất rắn:	3	HK2	Đánh giá chuyên

	chất rắn	Cấu trúc và tính chất đối xứng của vật rắn, dao động mạng và phonon, các trạng thái của điện tử và cấu trúc vùng năng lượng, khí Fermi trong vật rắn, siêu dẫn., vật rắn trong trường ngoài tĩnh, từ tính, tương tác của photon với vật rắn, một số phương pháp xác định cấu trúc của vật rắn, các cơ sở vật lý của hệ cấu trúc nano; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.			cần (6 %), bài kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
6	Lý thuyết trường tự do	Học phần cung cấp cho người học các loại trường và cách phân loại; trình bày hình thức luận Lagrange trong lý thuyết trường tự do; cung cấp kiến thức về lượng tử hóa các trường; trang bị cho người học kiến thức về ma trận tán xạ trong vật lý lượng tử; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm.	3	HK2	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
7	Vật lý hạt có bản	Học phần cung cấp các kiến thức về đặc trưng của các hạt cơ bản; cung cấp cho người học các kiến thức về tương tác của các hạt cơ bản; trình bày nội dung lý thuyết sắc động lực lượng tử; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm	3	HK3	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
8	Lý thuyết nhóm và ứng dụng vật lý	Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết nhóm; cung cấp cho người học các kiến thức về biểu nhóm; trình bày các nhóm liên tục và nhóm gián ứng dụng xây dựng các mô hình vật lý; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư	3	HK2	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập

		duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm			nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
9	Mô hình chuẩn	Học phần cung cấp các kiến thức về vật chất và tương tác, nhóm Lie và biểu diễn, các Lagrangian cơ sở; cung cấp cho người học các kiến thức về Lý thuyết trường chuẩn; trình bày nội dung Mô hình Glashow–Weinberg–Salam; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm	3	HK3	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
10	Vật lý thiên văn hiện đại	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về vật lý thiên văn hiện đại: các khái niệm và quá trình tiến hoá của hành tinh, hệ hành tinh, sao, thiên hà, cụm thiên hà và sự tiến hóa của vũ trụ; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý Thiên văn, có nhận thức khoa học về không gian vũ trụ và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2	HK2	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
11	Luận văn tốt nghiệp	Học phần nhằm đánh giá kiến thức tổng hợp, kỹ năng giải quyết một vấn đề trọn vẹn của khoa học; vận dụng được những kiến thức vào thực tiễn; rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập, sáng tạo.	10	HK4	Bảo vệ luận văn và luận văn được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà Trường

12	Phương pháp NCKH chuyên ngành VLLT	Học phần này cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản nhất về khoa học và nghiên cứu khoa học ngành vật lý lý thuyết, một số phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các hình thức nghiên cứu khoa học; học viên được rèn luyện kỹ năng viết đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết một báo cáo khoa học; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2	HK2	Đánh giá chuyên cần (9 %), seminar (21 %), thi kết thúc học phần (70 %)
13	Các phương pháp phân tích vật liệu	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về phương pháp đặc trưng vật liệu: các phương pháp chương trình theo nhiệt độ, các phương pháp phân tích nhiệt, phương pháp đẳng nhiệt hấp phụ và giải hấp nito, phương pháp nhiễu xạ tia X, phương pháp phổ quang điện tử tia X và các phương pháp kính hiển vi; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý, khoa học thực nghiệm và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2	HK2	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
14	Quang học ứng dụng	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về quang học ứng dụng: vật liệu quang học và tính chất quang, các loại màng mỏng quang học, các loại nguồn sáng, quang học sợi và ứng dụng, quang xúc tác; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, đam mê về vật liệu mới phục vụ cho cuộc sống, xây dựng được tư duy triết học các quá trình và hiện tượng vật lý trong vật liệu, có khả năng áp dụng trong kỹ thuật hiện đại, có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	3	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
15	Cơ học lý thuyết	Học phần cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản, nguyên lý D'Alembert và các phương trình Lagrange; trình bày nguyên lý biến phân và các phương trình Lagrange; trình bày bài toán hai vật, phương trình chuyển động. Biết cách phân loại quỹ đạo và trình bày được các bài toán Kepler; cung cấp kiến thức về động học vật rắn và phương trình chuyển động của vật rắn, bài toán dao động, phương trình trị riêng và phép biến đổi trực chính, tần số dao động tự do và normal mode; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với	3	HK3	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần

		phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm			(70 %)
16	Các phương pháp quan sát thiên văn	Học phần này cung cấp những phương pháp cơ bản về quan sát thiên văn, chụp ảnh thiên văn và mô tả nguyên lý hoạt động của các thiết bị trong quan sát thiên văn; học viên được học tập kỹ năng sử dụng kính thiên văn quang học, xử lý số liệu thiên văn; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý Thiên văn, có nhận thức khoa học về không gian vũ trụ và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	3	HK3	Đánh giá chuyên cần (9 %), seminar (21 %), thi kết thúc học phần (70 %)
17	Vật lý năng lượng cao	Học phần cung cấp các kiến thức về đặc trưng của các hạt cơ bản; cung cấp cho người học các kiến thức về tương tác của các hạt cơ bản; trình bày nội dung lý thuyết sắc động lực lượng tử; rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp; bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (3 %), bài tập cá nhân (9%), bài tập nhóm (9%), bài kiểm tra định kỳ (9 %), thi kết thúc học phần (70 %)
18	Lập trình mô phỏng cho các hệ vật lý	Học phần trang bị các phương pháp số trong dạy học và nghiên cứu vật lý; sử dụng được các kiến thức cũng như các công cụ phần mềm, chương trình để mô phỏng một số hệ vật lý cụ thể: dao động, cơ – điện tử; nhận thức đúng và tích cực vận dụng phương pháp số và các phương pháp mô phỏng vào dạy học và nghiên cứu vật lý; có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
19	Cơ sở của vật lý học	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về cơ sở vật lý học hiện đại: sự ra đời của vật lý học hiện đại, cấu trúc vật chất và vũ trụ học; rèn luyện	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm

	hiện đại	kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý, Thiên văn, có nhận thức khoa học về không gian vũ trụ và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.			tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
20	Vật lý khí quyển tầng cao	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về điện động lực học của môi trường plasma – môi trường điện ly vùng xích đạo từ, mối quan hệ giữa tầng điện ly và từ quyển, các nhiễu loạn của tầng này và các phương pháp quan trắc; học viên được rèn luyện kỹ năng thực hành phân tích số liệu điện ly phục vụ cho học tập nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực vật lý khí quyển; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học có nhận thức khoa học về các quy luật của khí quyển và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
21	Dạy học vật lý bằng tiếng anh	Học phần cung cấp kiến thức Tiếng Anh trong những lĩnh vực cơ bản của môn Vật lý hiện đang được giảng dạy ở trường phổ thông; rèn luyện ngôn ngữ tiếng anh trong vật lý; có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
22	Laser và ứng dụng	Học phần trang bị các kiến thức về nguyên tắc làm việc của các loại laser cơ bản: khí, rắn, lỏng, bán dẫn và các ứng dụng của nó trong đời sống, công nghệ kỹ thuật, trong y học...; vận dụng được các kiến thức vật lý để giải thích cơ chế làm việc của các loại laser, các thiết bị laser sử dụng trong kỹ thuật, y học; có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2	HK2	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)
23	Trí tuệ nhân tạo vật lý	Học phần trang bị kiến thức cho học viên về trí tuệ nhân tạo và hệ trí tuệ nhân tạo vật lý. Về lý thuyết, học viên khi học xong sẽ trình bày được các khái niệm về hệ trí tuệ nhân tạo vật lý bao gồm hệ internet vạn vật kết nối (IoT), sensor, thuật toán học máy và học sâu; Học viên có kỹ năng thiết kế hệ ứng dụng IoT, thiết kế được một số thuật toán học máy của hệ trí	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)

		tuệ nhân tạo vật lý; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.			
24	PP tính toán lượng tử và mô phỏng trong quang phổ	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về phương pháp tính toán lượng tử và mô phỏng trong quang phổ: phương pháp tính toán hóa học lượng tử, năng lượng điểm đơn, quá trình tối ưu hóa cấu trúc, tính toán tần số tính toán, mô hình hóa của hệ phân tử trong dung dịch ở trạng thái cơ bản và trạng thái kích thích; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; bồi dưỡng cho học viên sự hứng thú với môn học, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần (6 %), kiểm tra định kỳ (9 %), seminar (15 %), thi kết thúc học phần (70 %)

6.4. Sự phạm Toán học:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu	3	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
2	Tiếng Anh 2	Giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, nói, đọc và viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm	3	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%

3	Tiếng Anh 3	Giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn...bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau. Tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
4	Tiếng Anh 4	Giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng. Phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, độc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh	3	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
5	Toán A1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết giới hạn của hàm một biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi phân của hàm số một biến để sinh viên có khả năng phân tích, giải thích lập luận các bài toán về đạo hàm và vi phân hàm một biến. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng của đạo hàm và vi phân để sinh viên có thể có thể tính toán thành thực và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt và hiểu một số ứng dụng chúng trong thực tiễn.	2	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%

6	Toán A2	Cung cấp các khái niệm về nguyên hàm, tích phân không xác định, tích phân xác định, tích phân suy rộng Trình bày các ứng dụng của tích phân xác định để tính độ dài, diện tích, thể tích, khối lượng Trình bày khái niệm chuỗi số, dãy hàm, chuỗi hàm	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
7	Toán A3	Cung cấp cho sinh viên các cấu trúc cơ bản nhất trên không gian Euclide R^n bao gồm là cấu trúc tuyến tính, tích vô hướng, cấu trúc định chuẩn, metric, tô-pô và sự hội tụ trong không gian này; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến bao gồm giới hạn, tính liên tục và tính khả vi; ứng dụng các kiến thức này vào giải một số bài toán giải tích đơn giản trong toán học; Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về tính liên tục, tính khả vi và tính khả tích của tích phân phụ thuộc tham số.	3	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Xác suất thống kê	Cung cấp các khái niệm cơ bản về lí thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên. Ứng dụng lí thuyết xác suất để nghiên cứu thống kê. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng.	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Đại số tuyến tính	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian affine và không gian Euclid dựa trên nền tảng của kiến thức của học phần Đại số tuyến tính và Hình học giải tích để sinh viên có thể học tiếp các môn khác như Hình học xạ ảnh, Hình học vi phân, Toán A4, cũng như vận dụng kiến thức này vào việc khái quát hóa một số dạng hình học trong chương trình toán học ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.	3	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Vật lý B	Trang bị các kiến thức cơ bản thuộc các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng giải quyết được các bài tập liên quan, nhận biết và giải thích được một số hiện tượng liên quan trong kỹ thuật và cuộc sống. Hình thành sự yêu thích môn học và có cách nhìn khoa học về các sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

11	Tin học đại cương	Hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lí thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Toán A4	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản như khái niệm, tính chất, cách tính tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt và ứng dụng của các tích phân này trong thực tế. Cung cấp cho sinh viên các công thức biểu diễn mối quan hệ giữa tích phân đường, tích phân mặt và tích phân bội.	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối tự nhiên	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu, trình tự nghiên cứu khoa học, phương pháp triển khai một đề tài khoa học khối tự nhiên. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức quá trình thu thập thông tin, phương pháp xử lý số liệu, cách viết một báo cáo khoa học, các bước thực hiện một chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp khối tự nhiên. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học sư phạm ứng dụng, cách viết sáng kiến kinh nghiệm trong giáo dục.	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Hình học giải tích	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vector và tọa độ; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường bậc hai trong mặt phẳng bao gồm phương trình của đường bậc hai; dạng chính tắc của đường bậc hai, cách đưa phương trình của đường bậc hai về dạng chính tắc; một số yếu tố của đường bậc hai; Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về mặt bậc hai bao gồm phương trình của mặt bậc hai trong tọa độ affine và tọa độ trục chuẩn, một số mặt bậc hai không suy biến trong không gian.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

15	Tập hợp – logic toán	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về logic toán: mệnh đề, công thức, suy luận toán học, các phương pháp chứng minh; kiến thức về tập hợp: khái niệm tập hợp, các phép toán trên tập hợp, tập con, sự lượng hóa, lực lượng của tập hợp; các kiến thức về quan hệ hai ngôi với hai loại quan hệ cơ bản là quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự; kiến thức về ánh xạ: định nghĩa ánh xạ, các ánh xạ đặc biệt. Sinh viên có thể dùng kiến thức được học để giải các bài tập trong quá trình học. Thông qua môn học, sinh viên có nhận biết một số ứng dụng của kiến thức môn học trong toán phổ thông; vận dụng kiến thức của học phần để học một số học phần liên quan.	2	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Toán rời rạc	Cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết hệ thống đại số, dàn, đại số logic, đại số boole. Cung cấp các kiến thức về lý thuyết đồ thị hữu hạn và ứng dụng. Trình bày sơ lược về lý thuyết thuật toán, độ phức tạp của thuật toán.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Toán học trong thực tiễn	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một số ứng dụng của hàm số tuyến tính, hàm số bậc hai và các hàm số khác. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng của đạo hàm trong một số lĩnh vực của đời sống Cung cấp cho sinh viên các vấn đề về giáo dục có liên quan đến giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Cung cấp các tiêu chí, quy trình xây dựng và thiết kế kế hoạch dạy học chủ đề STEM trong dạy học Toán học. Có năng lực tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong hoạt động xây dựng và tổ chức dạy học chủ đề STEM.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Rèn luyện kỹ năng giải toán sơ cấp	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về logic toán: mệnh đề, công thức, suy luận toán học, các phương pháp chứng minh; Giúp sinh viên hệ thống hóa các dạng toán và phương pháp giải các bài toán sơ cấp về đại số, giải tích, hình học trong chương trình phổ thông; Hình thành cho sinh viên thói quen làm việc có logic, trình tự, chặt chẽ, khoa học.	2	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Giải tích hàm	Cung cấp các kiến thức cơ bản về giải tích trên các không gian hàm như là: không gian tuyến tính định chuẩn, không gian Banach, không gian Hilbert	3	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30%

		và các không gian liên hợp của chúng. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết toán tử giữa các không gian này và ứng dụng của chúng			Thi kết thúc học phần: 70%
20	Tiếng Anh chuyên ngành	Cung cấp hệ thống từ vựng về toán học bằng tiếng Anh, các thuật ngữ toán học bằng tiếng Anh Hướng dẫn cách đọc tài liệu toán bằng tiếng Anh, nghe bài giảng toán bằng tiếng Anh, dịch tài liệu toán từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại Rèn luyện cách trình bày tài liệu toán học bằng tiếng Anh	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Hàm biến phức	Cung cấp kiến thức về số phức, tôpô trên mặt phẳng phức. Cung cấp khái niệm hàm chỉnh hình, ánh xạ bảo giác, tích phân hàm chỉnh hình và các ứng dụng Trình bày khái niệm chuỗi Taylor, chuỗi Laurent, khai triển chuỗi, lý thuyết thặng dư và các ứng dụng của thặng dư	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
22	Không gian metric - Không gian topo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian metric: khái niệm metric và không gian metric, sự hội tụ trong không gian metric, tập mở và tập đóng trong không gian metric, tính liên tục và liên tục đều của ánh xạ trong không gian metric, không gian metric đầy đủ, không gian metric khả li và không gian metric compact. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian tôpô: khái niệm tôpô và không gian tôpô, lưới và lọc, ánh xạ liên tục giữa các không gian tôpô, các lớp không gian tôpô quan trọng như không gian tôpô Hausdorff, không gian tôpô chính quy, không gian tôpô chuẩn tắc, không gian tôpô compact, không gian tôpô liên thông và không gian tôpô khả metric	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Độ đo tích phân	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về đại số, σ – đại số, độ đo trên đại số và trên σ – đại số, định lý thác triển độ đo, độ đo trên các không gian $\mathbb{R}$, $\mathbb{R}^k$. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hàm đo được, cấu trúc hàm đo được, hội tụ hầu khắp nơi và hội tụ theo độ đo.	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tích phân Lebesgue, một số định lý về giới hạn dưới dấu tích phân, mối quan hệ giữa tích phân Lebesgue và tích phân Riemann.			
24	Phương trình vi phân	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình, hệ phương trình vi phân, một số loại có thể giải được để sinh viên có thể hiểu được một lĩnh vực trong toán học hiện đại; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về giải đúng, giải xấp xỉ, giải số, giải theo cách sử dụng chuỗi; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng phương trình, hệ phương trình vi phân trong đời sống như Dân số, Bệnh dịch...	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Phương trình đạo hàm riêng	Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm mở đầu về phương trình đạo hàm riêng để sinh viên có thể hiểu một cách khái quát về môn học; Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp 1: công thức tổng quát, phương pháp giải, công thức nghiệm. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số loại phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp 2: Cách phân loại và đưa phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp 2 về dạng chính tắc; Các tính chất, công thức nghiệm của một số bài toán biên – ban đầu của phương trình Laplace, phương trình truyền sóng, phương trình truyền nhiệt.	2	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Phương trình sai phân và ứng dụng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sai phân, tính chất và một số ứng dụng của sai phân; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình sai phân, phương trình sai phân tuyến tính: một số khái niệm, công thức nghiệm, phương pháp tìm nghiệm riêng, nghiệm tổng quát. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình sai phân tuyến tính cấp 1 và cấp 2: một số khái niệm, công thức nghiệm, phương pháp tìm nghiệm riêng, nghiệm tổng quát của phương trình thuần nhất, không thuần nhất, với hệ số hằng và hệ số biến thiên. Trang bị cho sinh viên một số ứng dụng của phương trình sai phân tuyến tính cấp 1, phương trình sai phân tuyến tính cấp 2.	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

27	Phương trình hàm	Tổng hợp những tính chất đặc trưng quan trọng của hàm số Trình bày phương pháp giải các lớp phương trình hàm sinh bởi các phép tính số học và sinh bởi các phép biến đổi hình học	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Đại số đại cương	Cung cấp cho sinh viên ngành Toán các kiến thức cơ bản về các cấu trúc đại số nhóm, vành, trường. Cụ thể là kiến thức về nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, nhóm con, nhóm con sinh bởi một bộ phận, nhóm cyclic, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, đồng cấu nhóm; vành, vành con, ideal, ideal nguyên tố, ideal tối đại, vành thương, tính chất số học trên vành, vành chính, vành Euclide, vành Gauss, miền nguyên, trường, vành đa thức một ẩn, vành đa thức nhiều ẩn.	3	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Lý thuyết module	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về module và đồng cấu để sinh viên có thể hiểu được một cấu trúc đại số quan trọng trong toán học hiện đại; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tích và tổng trực tiếp, module tự do để sinh viên thấy được mối liên hệ giữa cấu trúc module với các cấu trúc toán học khác; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tích ten xơ và dãy khớp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên sâu về đại số hiện đại.	2	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Lý thuyết Galois	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mở rộng trường để sinh viên có thể hiểu được cấu trúc của trường và các trường mở rộng trong đại số; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lý thuyết Galois để sinh viên hiểu được mối liên hệ giữa trường phân rã với nhóm Galois của một đa thức; Cung cấp cho sinh viên một số ứng dụng của Lý thuyết mở rộng trường và Lý thuyết Galois để sinh viên hiểu được vai trò của đại số hiện đại trong việc nghiên cứu các bài toán cổ điển quan trọng	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Hình học xạ ảnh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian xạ ảnh để sinh viên hiểu được một loại không gian hình học trong toán học.	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30%

		Trang bị cho sinh viên những tính chất của không gian xạ ảnh n chiều để sinh viên thấy được mối quan hệ giữa không gian xạ ảnh và các loại không gian hình học khác. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về siêu mặt bậc hai để sinh viên có thể hiểu được đặc trưng cơ bản của hình hình học trong không gian xạ ảnh.			Thi kết thúc học phần: 70%
32	Quy hoạch tuyến tính	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về lập bài toán quy hoạch tuyến tính từ bài toán thực tế sản xuất có dạng tuyến tính; Cung cấp cho sinh viên một số thuật toán để giải bài toán quy hoạch tuyến tính và vận dụng giải các bài toán ở phổ thông; Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về bài toán vận tải và thuật toán để giải chúng.	2	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Hình học tuyến tính	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chọn lọc nhất về hình học affine, hình học Euclide trong mặt phẳng và trong không gian, hình học xạ ảnh; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về conic và dạng toàn phương, bao gồm Dạng toàn phương affine và conic affine tổng quát, Dạng toàn phương xạ ảnh và conic xạ ảnh, tỉ số kép và áp dụng trên conic, đường tròn và phép nghịch đảo, chùm đường tròn; Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về đường cong, bao hình, đường pháp bao.	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Số luận	Cung cấp khái niệm về Lý thuyết chia hết trên vành số nguyên. Trang bị những kiến thức về các hàm số số học cơ bản. Trình bày khái niệm về lý thuyết đồng dư, phương trình và hệ phương trình đồng dư một ẩn.	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Hình học affine và Euclide	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian affine và không gian Euclid dựa trên nền tảng của kiến thức của học phần Đại số tuyến tính và Hình học giải tích để sinh viên có thể học tiếp các môn khác như Hình học xạ ảnh, Hình học vi phân, Toán A4, cũng như vận dụng kiến thức này vào việc khái quát hóa một số dạng hình học trong chương trình toán học ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.	2	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
36	Hình học vi phân	Cung cấp các khái niệm cơ bản về trường vector, ánh xạ tiếp xúc và đạo hàm của trường vector trong không gian hữu hạn chiều.	2	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30%

		Trình bày đầy đủ về lý thuyết đường và mặt trong E^2, E^3 công thức timnhs độ cong và sơ lược về đa tạp khả vi. Trình bày khái niệm dạng vi phân và các phép toán trên dạng vi phân, giới thiệu sơ lược về hình học nội bộ của siêu mặt.			Thi kết thúc học phần: 70%
37	Cơ sở số học	Cung cấp cách xây dựng tập số tự nhiên theo phương pháp bản số; các tính chất trên tập hợp số tự nhiên. Cung cấp cách xây dựng vành số nguyên; các tính chất trên vành số nguyên. Cung cấp cách xây dựng các trường số bao gồm trường số hữu tỉ, trường số thực, trường số phức và các tính chất trên các trường số này. Trang bị kiến thức về đa thức; đa thức bất khả quy trên các trường số; cách giải phương trình bậc ba và bậc bốn bằng công thức Cardano.	2	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Đại số sơ cấp	Cung cấp các khái niệm, tính chất và một số ứng dụng của đa thức. Trình bày các khái niệm, phương pháp, kỹ thuật giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình và hệ bất phương trình nói chung và đi sâu tìm hiểu một số loại thông dụng. Đưa ra các khái niệm, tính chất, phương pháp chứng minh bất đẳng thức; giới thiệu một số bất đẳng thức thường gặp.	3	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Hình học sơ cấp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ tiên đề Hınbe của hình học Euclide; hệ tiên đề xây dựng hình học phổ thông Việt Nam Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự liên thuộc giữa các hình, quan hệ song song và quan hệ vuông góc. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phép biến hình, hình đa diện và hình lồi, dựng hình và quỹ tích. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức để sinh viên thấy được mối quan hệ giữa toán học cao cấp và toán học phổ thông.	3	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Phương pháp tính	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về sai số và số xấp xỉ; Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp giải gần đúng một phương trình phi tuyến; Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp nội suy đa thức và phương pháp bình phương cực tiểu;	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp giải gần đúng phương trình vi phân.			
41	Ứng dụng tin học trong giảng dạy toán học	Cung cấp cho người học cơ sở lý luận của việc ứng dụng CNTT và các phương tiện hiện đại khác trong hoạt động dạy học môn Toán ở THPT; Hình thành kỹ năng sử dụng một số phần mềm hỗ trợ dạy và học; Hình thành kỹ năng phân tích và khác thác hiệu quả các phần mềm trong từng tình huống dạy học; Giúp người học thừa nhận việc ứng dụng công nghệ và phương tiện hiện đại vào tổ chức hoạt động dạy học là xu thế tất yếu. Từ đó giúp người học tăng tính chủ động tìm hiểu và vận dụng CNTT để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.	2	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Nhập môn lý thuyết xấp xỉ	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về lý thuyết xấp xỉ, các trường hợp cụ thể hơn liên quan đến xấp xỉ hàm bởi đa thức, xấp xỉ tốt nhất và các đặc trưng của nó.. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết nội suy và phương pháp cầu phương Gauss.	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Chuyên đề Đại số	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết phạm trù và hàm tử để sinh viên có thể nghiên cứu sâu về toán học hiện đại; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đồng điều, đối đồng điều, hàm tử dẫn xuất để sinh viên có thể học tập và nghiên cứu chuyên sâu về đại số hiện đại.	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Chuyên đề Hình học	Cung cấp các khái niệm cơ bản về trường vectơ: Định nghĩa trường vectơ, trường vectơ trên đa tạp, dạng vi phân trên đa tạp, dạng symplectic. Cung cấp một số kiến thức về đại số tuyến tính symplectic: Không gian vectơ symplectic, đa tạp symplectic, đẳng cấu symplectic. Trình bày khái niệm đa tạp lagrange, phân thớ đối tiếp xúc, phân thớ chuẩn tắc T^*X .	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Chuyên đề Giải tích	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất, công thức xác suất theo độ đo Lebesgue để sinh viên có thể hiểu được khái niệm và công thức xác suất trong toán học hiện đại;	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		Trang bị cho sinh viên những kiến thức hiện đại về vector ngẫu nhiên, phân phối xác suất của vector ngẫu nhiên và đặc trưng của vector ngẫu nhiên để sinh viên thấy được sự nâng cao các khái niệm này so với kiến thức đã được học trước đó của học phần Xác suất - Thống kê; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm để sinh viên có thể giải thích được các quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên trong đời sống.			
46	Khóa luận tốt nghiệp	Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu khoa học.	7	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Chuyên đề tốt nghiệp	Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu khoa học.	3	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Một số vấn đề hiện đại về giải tích ở phổ thông	Nhìn nhận một cách tổng quát các khái niệm về tập hợp, quan hệ, ánh xạ và hàm số được trình bày trong chương trình toán học phổ thông Tổng hợp những khái niệm về giải tích hiện đại như topo, metric, chuẩn có mặt trong chương trình Toán giải tích phổ thông Nghiên cứu cách trình bày khái niệm về giới hạn, liên tục, đạo hàm và tích phân của chương trình giải tích phổ thông hiện hành.	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
49	Một số vấn đề hiện đại về hình học ở phổ thông	Cung cấp các kiến thức về sự hình thành của hình học sơ cấp, về tác phẩm “nguyên lý” của hình học sơ cấp, một số hệ Tiên đề trong hình học sơ cấp. Trình bày các kiến thức về không gian hình học, cách phân chia hình học, khái niệm về hình học, hình hình học. Trình bày sự thể hiện hình học vectơ, hình học tọa độ trong nội dung môn toán trung học hiện nay, và những lưu ý trong dạy học những nội dung này; trình bày hai bài toán cơ bản của toán phổ thông dưới quan điểm của toán học hiện đại đó là bài toán quỹ tích và bài toán dựng hình.	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

50	Hình học hiện đại	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chọn lọc nhất của lý thuyết đa tạp khả vi và không gian phân thớ; Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết liên thông bao gồm liên thông tuyến tính trên đa tạp khả vi và trên không gian phân thớ vectơ ứng dụng các kiến thức này vào giải một số bài toán đơn giản trong toán học; Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Hình học Riemann.	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Đại số Lie và nhóm Lie	Cung cấp các khái niệm cơ bản về đa tạp khả vi Trình bày về đại số Lie, các đồng cấu đại số Lie Trình bày khái niệm nhóm Lie, một số nhóm Lie quan trọng, đồng cấu nhóm Lie	2	HK2 Năm 4	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
52	Lý luận dạy học môn Toán	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học môn Toán ở trường phổ thông nói chung, môn toán ở trường THPT nói riêng. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như tính toán, vẽ hình, ... năng lực vận dụng môn toán vào giải các bài tập và ứng dụng trong thực tiễn. Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch, ...	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	Phương pháp giảng dạy Hình học	Giúp sinh viên có kiến thức cụ thể về dạy học vectơ, biến hình, tọa độ,... ở trường THPT. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như tính toán, vẽ hình, nhận dạng hình,... năng lực vận dụng môn hình học vào giải các bài tập và ứng dụng trong thực tiễn. Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch, ...	3	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Phương pháp giảng dạy Đại số và Giải tích	Trình bày mục đích, nhiệm vụ và nội dung dạy học học phần Đại số và Giải tích ở trường phổ thông. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về vị trí và tầm quan trọng, các quan điểm trình bày, mục đích và yêu cầu, phương pháp dạy học từng phần của các nội dung: dạy học chủ đề tập hợp số, dạy học chủ đề hàm số,	3	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		dạy học chủ đề giới hạn và đạo hàm, dạy học chủ đề phương trình và bất phương trình, dạy học chủ đề nguyên hàm và tích phân, dạy học chủ đề đại số tổ hợp. Sinh viên thực hành giảng dạy các nội dung của môn toán giải tích và đại số trong chương trình phổ thông, bước đầu làm quen với việc đứng lớp, hình thành và rèn luyện những phẩm chất cần thiết của nhà giáo.			
55	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ sư phạm cơ bản của một giáo viên tương lai bao gồm các hoạt động trong lớp học, hoạt động tập thể, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học toán; Hệ thống hoá kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn bằng hành động thực hành thường xuyên; Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện để nhận xét và góp ý cho các giáo án và bài giảng, năng lực tự chủ, tự học, năng lực hợp tác và làm việc nhóm.	1	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 10% Thi kết thúc học phần: 90%
56	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
57	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung	2	HK2 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc

		cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			học phần: 70%
59	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, để từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	3	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

		tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			
61	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-Nay). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng	2	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Pháp luật Việt Nam đại cương	Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;	2	HK2 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%

		Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phân biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống; Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.			
64	Công tác quốc phòng - An ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân	3	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

66	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và	1	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

	giáo dục - đào tạo	Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. Phát triển cho sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào.			
70	Xã hội học đại cương	Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Tâm lý học giáo dục	Người học có được những kiến thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm và tâm lý học nhân cách người giáo viên (Khái niệm, qui luật, bản chất, vai trò, chức năng của các hiện tượng tâm lý người ở các giai đoạn lứa tuổi). Người học có hứng thú, thái độ tích cực, nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu môn học. Người học có kỹ năng kỹ năng học tập, nghiên cứu tâm lý học và sử dụng tâm lý như một phương tiện để giao tiếp và phát triển năng lực sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Người học biết vận kiến thức nền tảng của tâm lý học để giao tiếp, dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh các giai đoạn lứa tuổi.	3	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

72	Giáo dục học phổ thông	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục học phổ thông (bao gồm những vấn đề chung của giáo dục học; những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lí luận giáo dục). Hình thành kĩ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kĩ năng sư phạm của bản thân, có kĩ năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần PPDH chuyên ngành của bản thân. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kĩ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh. Hình thành cho sinh viên thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và có thái độ tích cực với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lí tưởng nghề nghiệp.	3	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Thể dục cơ bản và điền kinh	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực). - Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDDT hàng ngày. Kỹ năng - Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng. - Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh. - Biết vận dụng các bài tập thể lực để duy trì và phát triển thể chất. Thái độ - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
74	Bóng chuyền cơ bản	Nắm được 1 số điều luật cơ bản, và biết một số động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản. Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc

					học phần: 60%
75	Bơi lội cơ bản	Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật bơi ếch. Kiến thức kỹ thuật bơi ếch. Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
76	Cầu lông cơ bản	Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện cầu lông. Kiến thức cơ sở lý luận và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. Kiến thức về một số điều luật cơ bản trong cầu lông.	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Cấu trúc của bài thi Thể dục Aerobics. Trang bị những kỹ năng thực hành động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: e0%
78	Taekwondo cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn Taekwondo, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về môn Taekwondo. Tham gia các giải phong trào do Câu lạc bộ, Khoa, Trường tổ chức. Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Taekwondo	1	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
79	Bóng đá cơ bản	Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ môn Bóng đá. Kiến thức kỹ thuật Bóng đá.	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 40% Thi kết thúc học phần: 60%
80	Cờ vua 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Luật di chuyển quân và ăn quân. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ. Các nước đi đặc biệt trong cờ Vua. Giải Cờ thế.	1	HK1 Năm 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
81	Cờ vua 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ trong Cờ Vua. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 20%

		Vua. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ Vua. Khai cuộc. Giải Cờ thế.			Thi kết thúc học phần: 80%
82	Cờ vua 3	Trang bị cho sinh viên kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ Vua. Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua. Giải Cờ thế.	1	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
83	Bóng bàn cơ bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng bàn. Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng bàn. Trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy bóng bàn cơ bản. Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Bóng bàn	1	HK2 Năm 1	Điểm bộ phận: 20% Thi kết thúc học phần: 80%
84	Bóng rổ cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. Nắm được 1 số điều luật cơ bản môn bóng rổ.	1	HK1 Năm 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Thực hành kỹ năng sư phạm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học. Có thái độ tích cực đối với hoạt động rèn nghề. Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp. Hình thành và phát triển kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục cơ bản và kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học	1	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 50% Thi kết thúc học phần: 50%
86	Kiến tập sư phạm	Tìm hiểu về Nhà Trường – nơi kiến tập sư phạm. Tìm hiểu được vai trò và công việc của giáo viên. Tìm hiểu học sinh – Lớp kiến tập sư phạm. Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng dự giờ và đánh giá giờ giảng, soạn giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục... Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực, trách nhiệm trong việc rèn luyện và học tập	2	HK1 Năm 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

87	Thực tập sư phạm	Cung cấp cho Giáo sinh (GS) những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của TTSP; Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật kí TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông.	5	HK1 Năm 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

6.5. Sư phạm Vật lí

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK7	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
6	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.	3	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.			
7	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
8	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

9	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
10	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
11	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.			
12	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm thi cuối kì 100% (bài tập lớn)
13	Tâm lý giáo dục	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nên tảng kiến thức tâm lý học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	3	HK3	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%
14	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo, cụ thể: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật	1	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào.			
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục khối tự nhiên	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu, trình tự nghiên cứu khoa học, phương pháp triển khai một đề tài khoa học khối tự nhiên. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức quá trình thu thập thông tin, phương pháp xử lý số liệu, cách viết một báo cáo khoa học, các bước thực hiện một chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp khối tự nhiên. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học sư phạm ứng dụng, cách viết sáng kiến kinh nghiệm trong giáo dục.	2	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
16	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

17	Pháp luật Việt Nam đại cương	Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
18	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.	2	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
19	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
20	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

21	Bóng chuyên cơ bản	Bóng chuyên là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyên. Tập luyện Bóng chuyên giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyên giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
22	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
23	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
24	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
25	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
27	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

28	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kĩ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
29	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
30	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
31	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và	3	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.			
32	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
33	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
34	Kỹ thuật chiến đấu	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.	2	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

	bộ binh và chiến thuật	Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			
35	Toán cho Vật lí 1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ma trận và định thức để sinh viên hiểu và thực hiện được các phép toán về ma trận, tính được định thức và hạng của ma trận, đồng thời tìm được ma trận nghịch đảo của một ma trận cho trước; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ phương trình tuyến tính, giúp sinh viên xác định được một hệ phương trình có nghiệm hay không mà không cần giải cụ thể, đồng thời giải được hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer và phương pháp Gauss; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về không gian vector n -chiều, không gian Euclid, dạng song tuyến tính và dạng toàn phương để sinh viên có thể xác định được cơ sở, số chiều của không gian vectơ, tìm được công thức đổi tọa độ từ một cơ sở này sang cơ sở khác, chứng minh một ánh xạ cho trước là một ánh xạ tuyến tính và tìm được ma trận của nó trong theo cặp cơ sở cho trước, đồng thời hiểu được thuật toán chéo hóa ma trận, chứng minh được một ánh xạ là dạng song tuyến tính và tìm được ma trận của dạng song tuyến tính cho trước, tìm được dạng toàn phương tương ứng, xác định được ma trận của dạng song tuyến tính và dạng toàn phương, vận dụng phương pháp Jacobi và Lagrang để đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
36	Toán cho Vật lí 2	Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về lý thuyết tập hợp và tập số phức; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn.	2	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
37	Toán cho Vật lí 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản như khái niệm, tính chất, cách tính tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt và ứng dụng của các tích phân này trong thực tế. Cung cấp cho sinh viên các công thức biểu diễn mối quan hệ giữa tích phân đường, tích phân mặt và tích phân bội.	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm và cách tính căn bản của một số dạng phương trình vi phân.			
38	Cơ học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về động học chất điểm, động lực học chất điểm, các định luật bảo toàn trong cơ học, cơ học vật rắn, cơ học chất lưu, trường hấp dẫn, và thuyết tương đối hẹp Einstein. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức trên để giải quyết bài tập của các hệ cơ học; và giải thích một số hiện tượng thực tế trong cuộc sống và khoa học kỹ thuật. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	4	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
39	Nhiệt học	Học phần trình bày được các khái niệm cơ bản, nội dung các định luật, nguyên lý của nhiệt học. Vận dụng được kiến thức để giải các bài tập liên quan và giải thích được các hiện tượng nhiệt xảy ra bên trong vật, trong tự nhiên và trong đời sống. Hình thành và phát triển năng lực hợp tác, làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	3	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
40	Điện từ học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về điện trường, từ trường, sóng điện từ và các ứng dụng của kiến thức trong cuộc sống làm cơ sở để học tập các môn chuyên ngành và giảng dạy tốt hơn các kiến thức phần điện, từ trong chương trình vật lí phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Hình thành sự yêu thích môn học, tính chuyên cần, tự giác và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học đối với nghề nghiệp và đời sống.	4	HK4	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
41	Quang học	Học phần trang bị các kiến thức Vật lí thuộc lĩnh vực Quang học. Rèn luyện cho sinh viên giải được các bài tập liên quan. Bồi dưỡng cho sinh viên vận dụng được các kiến thức được trang bị để giải thích được một số hiện tượng và những ứng dụng liên quan đến quang học trong đời sống và kĩ thuật. Bồi dưỡng cho sinh viên vận dụng được các kiến thức được trang bị ở trên vào việc giảng dạy, việc nghiên cứu cho bậc phổ thông và các bậc học cao hơn. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng tìm kiếm thông tin, xây dựng kế hoạch,	4	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.

		phối hợp thực hiện để thúc đẩy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.			
42	Thực hành Cơ học	Học phần củng cố lại các kiến thức lý thuyết đã học trong học phần Cơ học. Trang bị các kiến thức về các thiết bị thí nghiệm, kỹ năng thực nghiệm, phương pháp đo đạc và thu thập số liệu thực nghiệm, phương pháp xử lý sai số trong thực hành Cơ học. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện các thao tác thực hành một cách nghiêm túc, cẩn thận và trung thực. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thể giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	1	HK1	<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (điểm HP: trung bình cộng điểm đánh giá của 8 bài thí nghiệm)</i>
43	Thực hành Nhiệt học	Học phần hệ thống lại các khái niệm cơ bản, nội dung các định luật, nguyên lý của nhiệt học liên quan đến các bài thí nghiệm. Cung cấp bản hướng dẫn để sinh viên thực hiện được các thí nghiệm, thu thập số liệu và đánh giá kết quả thí nghiệm. Rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành thí nghiệm và hướng dẫn được người khác thực hiện thí nghiệm. Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, năng lực tự chủ, tự học và làm việc nhóm. Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	1	HK1	<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (điểm HP: trung bình cộng điểm đánh giá của 8 bài thí nghiệm)</i>
44	Thực hành Điện học	Học phần củng cố lại các kiến thức lý thuyết thuộc nội dung điện từ học. Cung cấp bản hướng dẫn để sinh viên thực hiện được các thí nghiệm, thu thập số liệu và đánh giá kết quả thí nghiệm. Rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành thí nghiệm và hướng dẫn được người khác thực hiện thí nghiệm. Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, năng lực tự chủ, tự học và làm việc nhóm. Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	1	HK4	<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (điểm HP: trung bình cộng điểm đánh giá của 8 bài thí nghiệm)</i>

45	Thực hành Quang học	Học phần củng cố lại các kiến thức cơ bản về bản chất của ánh sáng và sự tương tác của ánh sáng với môi trường. Cung cấp bản hướng dẫn để sinh viên thực hiện được các thí nghiệm, thu thập số liệu và đánh giá kết quả thí nghiệm. Rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành thí nghiệm và hướng dẫn được người khác thực hiện thí nghiệm. Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, năng lực tự chủ, tự học và làm việc nhóm. Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	1	HK5	Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (điểm HP: trung bình cộng điểm đánh giá của 8 bài thí nghiệm)
46	Vật lí nguyên tử và hạt nhân	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cấu trúc, đặc điểm của nguyên tử và hạt nhân. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Hình thành sự yêu thích môn học, tính tích cực, tự giác và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học đối với đời sống.	2	HK4	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
47	Phương pháp toán lí	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về các phép toán nâng cao, cách thiết lập và giải phương trình vật lí toán và một số hàm đặc biệt trong vật lí. Rèn luyện kỹ năng tính toán, vận dụng kiến thức lí thuyết vào các bài toán cụ thể. Rèn luyện và bồi dưỡng ý thức chuyên cần, tự học, hợp tác; nhận thức được vai trò quan trọng của môn học đối với sự phát triển của vật lí học.	3	HK5	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
48	Dao động và sóng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu của dao động điều hòa, dao động điện từ điều hòa, dao động cơ tắt dần, dao động cơ học cưỡng bức, dao động điện tắt dần, sóng cơ học, và sóng âm. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức môn học để giải bài tập, giải thích các hiện tượng trong tự nhiên trong cuộc sống và trong khoa học kỹ thuật liên quan đến môn học. Rèn luyện các kỹ năng thực hành (tiến hành thí nghiệm, thu thập và xử lí số liệu, ...). Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
49	Thiên văn học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các định luật chuyển động của thiên thể, cách tính lịch và thời gian, sự thay đổi thời tiết trên Trái đất, sự hình thành các hành tinh, đặc điểm và sự hình thành các sao, các	2	HK3	30%, điểm thi cuối kì 70%.

		thiên hà. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Rèn luyện kỹ năng thực hành và quan sát thiên văn. Bồi dưỡng cho sinh viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý Thiên văn, có nhận thức khoa học về không gian vũ trụ.			
50	Cơ học lượng tử 1	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản của cơ học lượng tử, trình bày được khái niệm hàm sóng của hạt vi mô và tính chất cơ bản của hàm sóng. Hiểu được các tính chất của toán tử và giao hoán tử. Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản trong cơ học lượng tử như: trạng thái, phép đo trong cơ học lượng tử và xác suất để đo các đại lượng động lực, trị trung bình và độ bất định trong phép đo các đại lượng động lực. Trang bị cho sinh viên phương pháp giải một số bài toán liên quan đến việc chuẩn hoá hàm sóng, xác suất tìm thấy hạt chuyển động trong một không gian đã cho. Từ đó vận dụng các tính chất của toán tử, giao hoán tử để giải các bài toán liên quan. Trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phương trình trị riêng của toán tử, đặc biệt là toán tử năng lượng, tính được các giao hoán tử cơ bản trong cơ học lượng tử; các bài toán liên quan đến việc tính xác suất và trị trung bình của các đại lượng động lực ứng với một trạng thái đã cho; Phương pháp giải phương trình Schrodinger dùng cho các bài toán kinh điển trong cơ học lượng tử như bài toán dao động tử điều hòa lượng tử, hố thế sâu vô hạn, bài toán nguyên tử Hydro,...Rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, học tập theo nhóm, làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp. Bồi dưỡng ý thức học tập nghiêm túc, mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo, đề xuất ý kiến trong khi làm bài, thảo luận ở nhóm và ở lớp, yêu nghề dạy học và có lý tưởng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm; năng động sáng tạo, biết đúc rút kinh nghiệm; ham học hỏi và sẵn sàng học tập ở trình độ cao hơn phù hợp với ngành đào tạo.	3	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
51	Hóa học đại cương 1	Học phần cung cấp cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Trang bị những kiến thức cơ bản về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử. Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhiệt động lực học các phản ứng hóa học. Trang bị những kiến thức cơ bản về động học các phản ứng hóa học, nhận thức	2	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.

		được vai trò các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học trong việc xác định điều kiện để sản xuất các chất trong công nghiệp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về dung dịch như khái niệm, các loại dung dịch, đặc điểm. Trang bị những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa phản ứng hóa học và dòng điện			
52	Sinh học đại cương	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động - Thực vật để thấy được vai trò của các hoạt động sống đối với sự tồn tại, phát triển của cơ thể sinh vật và làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần chuyên sâu về Tế bào, Động vật, Thực vật, Vi sinh vật. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và cơ chế của Di truyền - Biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các loại biến dị và các qui luật di truyền để thấy được vai trò của Di truyền - Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; là cơ sở để lĩnh hội các kiến thức của học phần Di truyền học, Sinh học phân tử, Giải bài tập sinh học, Chọn giống Động - Thực vật, Công nghệ sinh học, Di truyền y học. Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về các nhân tố sinh thái, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái để thấy được vai trò của các nhân tố sinh thái đối với đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; là cơ sở cho việc lĩnh hội các kiến thức của Sinh thái học và Khoa học môi trường. Rèn luyện cho người học các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm sinh học: nguyên tắc giữ vệ sinh - an toàn trong phòng thí nghiệm; nguyên tắc về cách sử dụng, bảo quản các dụng cụ, trang thiết, hóa chất trong phòng thí nghiệm sinh học; kỹ thuật thực hiện một số thí nghiệm, bài thực hành nhằm củng cố các kiến thức lý thuyết của học phần.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
53	Cơ học lượng tử 2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các cách biểu diễn khác nhau như biểu diễn tọa độ, biểu diễn xung lượng và biểu diễn năng lượng. Cung cấp kiến thức cơ bản về hàm sóng mô tả hệ bao gồm nhiều hạt vi mô, biết các biểu diễn trạng thái của một hệ hạt Boson và hệ hạt Fermion, đồng thời hiểu được ý nghĩa của nguyên lý loại trừ Pauli. Cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết nhiễu loạn và phương pháp biến phân. Bồi dưỡng và hình thành	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.

		cho sinh viên thể giới quan khoa học, yêu thích môn học, phát triển năng lực tự học và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập; làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết, ham học hỏi, sẵn sàng học tập ở trình độ cao hơn phù hợp với ngành đào tạo.			
54	Tiếng Anh chuyên ngành Vật lý	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ vựng các phép tính toán trong tiếng Anh, các từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành Vật lý. Rèn luyện khả năng đọc hiểu, phân tích, dịch thuật, tra tài liệu, từ điển và thuyết trình bằng tiếng Anh cho các nội dung chuyên ngành Vật lý. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình. Bồi dưỡng trách nhiệm và nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh với sự phát triển vật lý	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
55	Vật lý khí quyển	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khí quyển tầng thấp: cơ chế của gió, bão, dông sét..., phương pháp phòng chống những rủi ro tự nhiên. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tầng điện ly và ứng dụng của nó trong truyền thông. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Bồi dưỡng cho sinh viên sự hứng thú với môn học, đam mê về Vật lý khí quyển.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
56	Cơ học lý thuyết	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu của Cơ học chất điểm, các phương trình chuyển động Lagrange, các định luật bảo toàn, tích phân các phương trình chuyển động, các phương trình chính tắc Hamilton và Cơ học tương đối tính. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức trên để xây dựng các phương trình chuyển động của các hệ cơ học; và giải thích một số hiện tượng thực tế trong cuộc sống và khoa học kỹ thuật. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thể giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	3	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
57	Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê	Học phần trang bị, củng cố các kiến thức cơ bản về các nguyên lý nhiệt động lực học, các đặc trưng của vật lý thống kê và áp dụng chúng vào trong các hệ thực. Rèn luyện kỹ năng tính toán, vận dụng các nguyên lý nhiệt động lực học và các hàm thống kê vào các hệ thực. Rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, hợp tác; nhận thức được vai trò của vật lý thống kê trong sự phát triển	2	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.

		của vật lí học và đời sống.			
58	Điện động lực học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về trường tĩnh điện và tương tác giữa điện trường với các hạt mang điện. Trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về từ trường và tương tác giữa từ trường với dòng điện. Cung cấp cho sinh viên các phương trình mô tả trường điện từ trong môi trường chân không, năng lượng và xung lượng của trường điện từ cùng với các định luật bảo toàn. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương trình mô tả trường điện từ trong môi trường vật chất, hiện tượng phân cực trong điện môi, trong tinh thể và trong môi trường dẫn điện, mô hình lưỡng cực từ, hệ phương trình Maxwell trong môi trường vật chất. Rèn luyện khả năng giải được các bài tập liên quan, nhận biết và giải thích được một số hiện tượng liên quan trong kỹ thuật và trong đời sống. Rèn luyện và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy lô gic; năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học; thái độ nghiêm túc, tích cực chủ động trong học tập và nghiên cứu.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
59	Vật lí chất rắn	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc tinh thể; các tính chất chung của vật rắn như dao động mạng, vùng năng lượng, nhiệt dung, tính chất từ; các tính chất của kim loại. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức; các kỹ năng mềm trong việc học và dạy. Hình thành sự yêu thích môn học, tính tự giác, tích cực và có cách nhìn khoa học về các sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên	2	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
60	Kỹ thuật điện	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dòng điện xoay chiều ba pha, nguyên tắc và cấu tạo hoạt động của máy biến áp, động cơ điện 1 pha, 3 pha, khí cụ điện. Trang bị cho sinh viên phương pháp sử dụng số phức để giải các bài tập mạch điện xoay chiều 3 pha, các phương pháp mở máy điều khiển động cơ 3 pha trong thực tế. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lắp ráp mạch thí nghiệm thực tế về mạch xoay chiều 3 pha, mạch mở máy động cơ, mạch điều khiển động cơ 3 pha. Bồi dưỡng tính cẩn thận trong thực hành theo quy tắc an toàn điện.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
61	Điện tử học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mạch điện tuyến tính, cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của các linh kiện điện tử thụ động, tích cực.	2	HK7	Điểm tích lũy 30%, điểm thi

		Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của các mạch khuếch đại, máy phát dao động. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tính toán linh kiện cho các mạch tuyến tính, mạch khuếch đại, bộ lọc tích cực; kỹ năng thực hành và kỹ năng thiết kế mạch điện tử ứng dụng thực tế. Bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần học tập tích cực, thái độ nghiêm túc, trung thực trong khâu xử lý số liệu thực hành.			cuối kì 70%.
62	Thực tập, thực tế chuyên môn	Học phần cung cấp cho sinh viên cấu tạo, nguyên lý hoạt động của kính thiên văn và một số phương pháp quan sát Thiên văn. Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng thành thạo các loại kính thiên văn và kỹ năng thiết kế kính thiên văn đơn giản. Bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ, thực hiện nghiêm túc báo cáo thu hoạch.	1	HK4	<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (Điểm bài báo cáo thực tập, thực tế chuyên môn)</i>
63	Giáo dục học phổ thông	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lí luận dạy học, lí luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lí luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông. Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo học pháp bộ môn.	3	HK5	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
64	Nhập môn ngành sư phạm Vật lí	Học phần trang bị một số lí luận về nghề dạy học như khái niệm và mục tiêu nghề dạy học, chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, những yêu cầu mới đối với giáo viên vật lí trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Giới thiệu về lịch sử ngành vật lí và một số nhà khoa học vật lí điển hình, giới thiệu về Trường, Khoa, ngành đào tạo và chương trình đào tạo ngành sư phạm Vật lí. Giới thiệu và bước đầu hình thành cho sinh viên một số kỹ năng nền sử dụng trong học tập và một số kỹ năng chuyên môn. Bồi dưỡng những phẩm chất của nhà giáo, động cơ đúng đắn, thái độ tích cực	2	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.

		trong học tập, vững tin với sự lựa chọn về ngành nghề, từ đó hình thành lòng yêu nghề.			
65	Lí luận dạy học Vật lí	Học phần trang bị cơ sở lí luận của việc thực hiện các nhiệm vụ dạy học ở trường phổ thông. Trang bị cơ sở lí luận về phương pháp dạy học vào dạy học vật lí ở trường phổ thông. Trang bị cơ sở lí luận của việc sử dụng các phương tiện dạy học vật lí ở trường phổ thông. Trang bị cơ sở lí luận về kiểm tra, đánh giá trong dạy học vật lí. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng vận dụng được kiến thức trên để thiết kế tiến trình dạy học vật lí phát triển tư duy sáng tạo và giáo dục tư tưởng kĩ thuật tổng hợp cho học sinh. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	3	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
66	Phương pháp dạy thí nghiệm Vật lí phổ thông	Học phần hệ thống lại cơ sở lí luận về thí nghiệm và sử dụng thí nghiệm trong dạy học vật lí ở trường phổ thông. Cung cấp hướng dẫn sử dụng một số thiết bị thí nghiệm thường dùng và một số bài thí nghiệm trong chương trình vật lí phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành thí nghiệm, hướng dẫn được người khác thực hiện thí nghiệm và sử dụng được thí nghiệm trong việc xây dựng tiến trình dạy học một số kiến thức trong chương trình vật lí phổ thông. Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, năng lực tự chủ, tự học và làm việc nhóm. Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	2	HK7	Trọng số thi kết thúc học phần: 100% (điểm HP: trung bình cộng điểm đánh giá của 8 bài thí nghiệm)
67	Phương pháp giảng dạy Vật lí	Học phần trang bị kiến thức về kĩ thuật dạy học và phương pháp dạy học trong dạy học vật lí ở trường phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng sử dụng các kỹ thuật và phương pháp dạy học để thiết kế kế hoạch dạy học đáp ứng được mục tiêu hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
68	Ứng dụng tin học trong giảng dạy Vật lí	Học phần trình bày được vai trò, những nguyên tắc, yêu cầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đặc biệt là dạy học Vật lí. Rèn luyện kĩ năng thực hành một số phần mềm ứng dụng trong dạy học Vật lí (soạn giáo án, mô phỏng thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá). Rèn luyện ý thức chuyên	2	HK7	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.

		cần, kỹ năng tự học, làm việc nhóm; nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học Vật lí, say mê tìm hiểu, cập nhật thêm những kiến thức, phần mềm phục vụ hiệu quả cho việc dạy học Vật lí.			
69	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Vật lí	Học phần trang bị các khái niệm cơ bản, các hình thức kiểm tra - đánh giá, phương pháp thiết kế câu hỏi và bài kiểm tra, phương pháp phân tích và đánh giá câu hỏi và bài kiểm tra. Rèn luyện cho sinh viên vận dụng được kiến thức đã được trang bị để lập kế hoạch và tổ chức đánh giá, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, thiết kế câu hỏi, đề kiểm tra, xây dựng đáp án và thang điểm, đánh giá các câu hỏi và đề kiểm tra. Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế câu hỏi, đề kiểm tra và trong phân tích, đánh giá các câu hỏi và đề kiểm tra đã xây dựng. Bồi dưỡng năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK7	20%, điểm thi cuối kì 80%.
70	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Học phần hệ thống lại một số nội dung của nghiệp vụ giáo dục và nghiệp vụ giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng soạn thảo giáo án hoạt động giáo dục và giáo án chuyên môn; năng lực tổ chức một bài học theo giáo án đã soạn. Phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện để nhận xét và góp ý cho các giáo án và bài giảng, năng lực tự chủ, tự học, năng lực hợp tác và làm việc nhóm. Bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trung thực và tập trung trong học tập.	1	HK7	Điểm thi cuối kỳ 100 % (Điểm của học phần chính là trung bình cộng của điểm giáo án, điểm tập giảng $\times 2$ và điểm nhận xét, góp ý.
71	Kiến tập sư phạm	Tìm hiểu về Nhà Trường - nơi kiến tập sư phạm. Tìm hiểu được vai trò và công việc của giáo viên. Tìm hiểu học sinh - Lớp kiến tập sư phạm. Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng dự giờ và đánh giá giờ giảng, soạn giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục, ... Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực, trách nhiệm trong việc rèn luyện và học tập.	2	HK5	Điểm thi cuối kì 100 % (Điểm do trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn).

72	Thực tập sư phạm	Giúp sinh viên hệ thống hóa và vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo; kiến thức, kỹ năng sư phạm vào thực tiễn công tác giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông. Giúp sinh viên có kiến thức về thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông, phát triển khả năng giao tiếp, quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của nhà giáo. Giúp sinh viên sư phạm có thái độ tích cực đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà giáo trong công tác giảng dạy, giáo dục nhân cách cho học sinh. TTSP là khâu rất quan trọng, giúp sinh viên sư phạm hình thành xúc cảm, tình cảm với nghề dạy học; yêu thương, tôn trọng học sinh; mong muốn được cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. Giúp SV hình thành kỹ năng cơ bản của người giáo viên: Kỹ năng soạn án, lập kế hoạch giảng dạy; kỹ năng lập kế hoạch công tác giáo dục; kỹ năng giảng dạy; kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh; kỹ năng tổ chức các hoạt động phong trào. Hình thành và phát triển sống, kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, giúp sinh viên sư phạm rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn công tác giáo dục, tạo hành trang vững vàng cho những nhà giáo tương lai.	5	HK8	Điểm thi cuối kỳ 100 % (Điểm do trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn).
73	Thực hành kỹ năng sư phạm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học. Có thái độ tích cực đối với hoạt động rèn nghề. Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp. Hình thành và phát triển kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục cơ bản và kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học.	1	HK7	30%, điểm thi cuối kỳ 70%.
74	Chuyên đề dạy học tích hợp	Học phần trang bị cơ sở lý luận của dạy học tích hợp như khái niệm, các mức độ tích hợp, các phương pháp và kỹ thuật trong dạy học tích hợp, quy trình xây dựng và tổ chức chủ đề tích hợp KHTN và chủ đề tích hợp STEM trong dạy học vật lý, đánh giá năng lực trong dạy học tích hợp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức trên để thiết kế, tổ chức và đánh giá chủ đề dạy học tích hợp khoa học tự nhiên và tích hợp STEM theo định	2	HK7	20%, điểm thi cuối kỳ 80%.

		hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Bồi dưỡng năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.			
75	Phương pháp dạy giải bài tập Vật lý phổ thông	Học phần trang bị lí luận chung về việc sử dụng bài tập trong giảng dạy vật lý ở trường phổ thông như vai trò, phân loại và một số phương pháp giải bài tập thuộc một số nội dung trong chương trình vật lý phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng giải các loại bài tập vật lý và kĩ năng hướng dẫn học sinh giải các bài tập vật lý. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, năng lực giao tiếp, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK7	20%, điểm thi cuối kì 80%.
76	Thiết kế hoạt động dạy học Vật lý	Học phần củng cố một số kiến thức về con đường hình thành kiến thức vật lý, chương trình môn vật lý và hoạt động dạy học môn vật lý ở trường phổ thông. Hệ thống lại một số phương pháp và phương tiện dạy học trong môn vật lý. Trang bị quy trình thiết kế hoạt động dạy học vật lý ở trường phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng vận dụng được kiến thức trên để thiết kế tiến trình dạy học vật lý theo định hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK7	20%, điểm thi cuối kì 80%.
77	Phân tích chương trình Vật lý phổ thông	Học phần trang bị kiến thức về quan điểm xây dựng chương trình, cấu trúc chương trình, mục tiêu chuẩn kiến thức kĩ năng và năng lực cần hình thành trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý. Trang bị kiến thức về cấu trúc xây dựng chương trình vật lý, logic hình thành các nội dung, các lưu ý khi tổ chức dạy học các nội dung kiến thức đó. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng vận dụng được kiến thức trên để phân tích, nhận xét chương trình môn học hiện hành và xây dựng được kế hoạch dạy học môn học trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK7	20%, điểm thi cuối kì 80%.
78	Hạt cơ bản	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về các hạt cơ bản, biết cách phân loại các hạt cơ bản theo quan điểm tương tác. Cung cấp cho sinh viên	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi

		các kiến thức cơ bản về một số quá trình đã phổ biến của các hạt cơ bản. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các đối xứng xây dựng nên lý thuyết thống nhất các tương tác theo vật lý hiện đại. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học, yêu thích môn học, phát triển năng lực tự học và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập; làm quen với phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết, ham học hỏi sẵn sàng học tập ở trình độ cao hơn phù hợp với ngành đào tạo.			cuối kì 70%.
79	Đo lường các đại lượng không điện	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đơn vị đo, chuẩn, mẫu, đặc điểm của cảm biến. Cung cấp cho sinh viên các phương pháp đo lường các đại lượng không điện. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành và thiết kế một số hệ đo lường không điện thông minh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. Bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần học tập tích cực, thái độ nghiêm túc trong học tập.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.
80	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK8	Điểm thi cuối kì 100%.
81	Chuyên đề tốt nghiệp		3	HK8	Điểm thi cuối kì 100%.
82	Giáo dục môi trường trong dạy học vật lý	Học phần trang bị một số kiến thức về môi trường, giáo dục môi trường nói chung và giáo dục môi trường trong giảng dạy vật lý ở trường phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức trên để thiết kế, tổ chức và đánh giá chủ đề giáo dục môi trường trong dạy học vật lý ở trường phổ thông. Bồi dưỡng năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập. Bồi dưỡng ý thức trong việc cải thiện và bảo vệ môi trường, giáo dục người khác bảo vệ môi trường.	2	HK8	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
83	Cơ sở vật liệu học	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về vật liệu. Rèn luyện cho sinh viên giải được các bài tập liên quan. Bồi dưỡng cho sinh viên vận dụng được các kiến thức được trang bị để giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc và tính chất của một số vật liệu thông dụng trong đời sống. Bồi dưỡng cho sinh viên vận dụng được các kiến thức được trang bị ở trên vào việc giảng dạy,	2	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%.

		việc nghiên cứu cho bậc phổ thông và các bậc học cao hơn. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng tìm kiếm thông tin, xây dựng kế hoạch, phối hợp thực hiện để thúc đẩy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. Hình thành và phát triển năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập.			
84	Kỹ thuật hạt nhân	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các ứng dụng của kỹ thuật hạt nhân trong các lĩnh vực khảo cổ, công nghiệp, y sinh và nông nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức; các kỹ năng mềm trong việc học và dạy. Hình thành sự yêu thích môn học, tính tự giác và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học đối với đời sống.	2	HK8	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.
85	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Vật lí	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo như khái niệm, bản chất, đặc điểm, các dạng hoạt động trải nghiệm, các hình thức tổ chức, quy trình xây dựng và tổ chức hoạt động trải nghiệm, phương pháp tổ chức và định hướng đánh giá hoạt động trải nghiệm. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được kiến thức trên để thiết kế, tổ chức và đánh giá các chủ đề trải nghiệm sáng tạo trong dạy học vật lí theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Bồi dưỡng năng lực làm việc nhóm, tự chủ và tự học; có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tập trung trong học tập.	2	HK8	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%.

6.6. Sư phạm Hóa học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người			
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

	sản Việt Nam	Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			thi cuối kì ≥70%
6	Tâm lí giáo dục	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lí học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
7	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo, cụ thể: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính Nhà nước, quản lí Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào.	1	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

8	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, đề cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lí thuyết đã trình bày như kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kĩ năng đặt câu, dùng từ và kĩ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
10	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyên biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.			
11	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
12	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
13	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
14	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
15	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

16	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
17	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
18	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
19	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm

		hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			thi cuối kì ≥70%
20	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
21	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
22	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
23	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
24	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
25	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.			
26	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
27	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
28	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

30	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
31	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
32	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.			
33	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục khối tự nhiên	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu, trình tự nghiên cứu khoa học, phương pháp triển khai một đề tài khoa học khối tự nhiên. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức quá trình thu thập thông tin, phương pháp xử lý số liệu, cách viết một báo cáo khoa học, các bước thực hiện một chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp khối tự nhiên. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học sư phạm ứng dụng, cách viết sáng kiến kinh nghiệm trong giáo dục.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35	Văn hóa học đường	Xây dựng văn hóa nhà trường tại các cơ sở giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế như hiện nay là một nhiệm vụ rất quan trọng, được Chính phủ (đề án 1299 năm 2018), Bộ GD & ĐT (Kế hoạch hành động 1506 năm 2019), tỉnh Đắk Lắk (chỉ thị 04 năm 2020) và Trường Đại học Tây Nguyên (Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016) rất quan tâm chỉ đạo. Văn hóa học đường là học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lí luận về văn hóa, văn hóa nhà trường, những tác động của nhà trường đến nhân cách người học, những hình thức cơ bản của văn hóa học	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		đường, giúp người học nắm bắt được những yêu cầu của xã hội đối với đạo đức nhà giáo, học sinh, sinh viên khi ứng xử, sinh hoạt, tham gia các hoạt động trong nhà trường. Đồng thời học phần này còn giúp cho sinh viên tự giác thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường, định hướng được mục đích cũng như lựa chọn cho bản thân rèn luyện thái độ, hành vi đúng đắn theo yêu cầu của xã hội, có mong muốn góp phần làm cho văn hóa nhà trường lành mạnh, góp phần xây dựng văn hóa nhà trường ngày càng tiến bộ hơn, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.			
36	Đại số và hình giải tích	Học phần gồm 3 chương: Chương 1 cung cấp các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và cách giải các hệ phương trình tuyến tính. Chương 2 giúp sinh viên hiểu được thế nào là không gian vector và các yếu tố cơ bản của không gian vector như cơ sở, số chiều, ánh xạ tuyến tính, dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. Chương 3 nghiên cứu về phương trình và hình dạng của đường bậc hai, mặt bậc hai. Học phần này giúp cho sinh viên ngành hoá hiểu rõ cấu trúc của một không gian vector, nhận biết phương trình và hình vẽ của các bất biến bậc hai, đây là học phần cơ sở để sinh viên ngành hoá học tiếp các học phần khác trong chương trình đào tạo như là học phần Toán A3, Các quá trình hoá học, Hoá vô cơ, Hoá hữu cơ...	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37	Xác suất thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lí thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lí thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lí thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lí thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lí thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

38	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phép tính vi tích phân của hàm một biến số, phép tính vi phân và cực trị hàm nhiều biến, chuỗi số, chuỗi hàm và phương trình vi phân,... Học phần này được thực hiện cho sinh viên năm nhất. Thông qua việc học toán cao cấp 1, sinh viên có thể soi sáng và củng cố được kiến thức cơ bản đã học ở trung học phổ thông như: giới hạn, liên tục, phép tính vi tích phân của hàm số một biến số. Hơn nữa, việc nắm vững học phần này giúp cho sinh viên ngành Hóa các kiến thức về giải tích cổ điển đặc biệt là phương trình vi phân để sinh viên có thể học được các môn cơ sở của ngành.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
39	Vật lí A1	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng, những hiểu biết chung về Vật lí nói chung và về Cơ học, Nhiệt học nói riêng. Nội dung học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên các khái niệm, hiện tượng, đặc điểm, tính chất của cơ học chất điểm; cơ học vật rắn; cơ học chất lưu; thuyết động học phân tử chất khí và các nguyên lí nhiệt động lực học. Học phần cũng đề cập và giải thích các hiện tượng cơ học và nhiệt học trong tự nhiên và trong đời sống, các ứng dụng của chúng trong khoa học kĩ thuật và trong các lĩnh vực khác. Trên cơ sở đó, sinh viên có cái nhìn đúng đắn về các sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên, nhìn nhận theo quan điểm khoa học, duy vật biện chứng, đồng thời có thể vận dụng được các kiến thức vật lí vào việc tiếp thu các học phần chuyên ngành có liên quan tới vật lí một cách hiệu quả.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Vật lí A2	Nội dung môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về Vật lí bao gồm các khái niệm, hiện tượng, đặc điểm, tính chất của điện trường, từ trường, cảm ứng điện từ, quang học sóng và quang lượng tử. Đồng thời đề cập và giải thích các hiện tượng điện từ, quang học trong tự nhiên và đời sống, một số ứng dụng của các kiến thức trên trong khoa học kĩ thuật và các lĩnh vực khác. Trên cơ sở đó, sinh viên có cái nhìn đúng đắn về các sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên, nhìn nhận theo quan điểm khoa học, duy vật biện chứng, đồng thời có thể vận dụng được các kiến thức vật lí vào việc tiếp thu các học phần chuyên ngành có liên quan tới vật lí một cách hiệu quả	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

41	Cấu tạo chất	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng của Hóa học về cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học theo các lý thuyết hiện đại của cơ học lượng tử; làm sáng tỏ định luật tuần hoàn và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học của Mendeleev; mô tả các trạng thái tập hợp của các chất hóa học. Giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất hóa học của các chất. Giúp sinh viên ngành sư phạm hóa nắm được các kiến thức cốt lõi của cấu tạo các chất hóa học. Giải thích được tính chất hóa học của các chất theo quan điểm hiện đại của cơ học lượng tử. Học phần giúp sinh viên có thể tiếp thu tốt các học phần tiếp theo như hóa vô cơ, hóa hữu cơ, phức chất ...	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Các quá trình hóa học	Nghiên cứu các quy luật điều khiển các quá trình hoá học: nhiệt động học hoá học, động hoá học, điện hoá học. Xét các thông số nhiệt động, nội năng, entanpi, entropi, thế đẳng áp, đẳng nhiệt, khả năng và chiều hướng mức độ diễn ra quá trình hoá học. Tốc độ và cơ chế phản ứng hoá học: ảnh hưởng của nồng độ, nhiệt độ, chất xúc tác đến tốc độ phản ứng; phản ứng dây chuyền, quang hoá, xúc tác men (enzim). Hoá học với dòng điện (điện cực, thế điện cực, phương trình Nernst, cân bằng oxi hoá khử, sự điện phân). Một số cân bằng khác trong dung dịch chất điện li (cân bằng axit bazơ, cân bằng hoà tan, sự điện li, thủy phân, cân bằng tạo phức, dung dịch keo), thuyết axit bazơ.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
43	TH các quá trình hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ thuật phòng thí nghiệm, kỹ năng sử dụng và bảo quản hóa chất, cách pha chế hóa chất, cách tiến hành một bài thí nghiệm. Học phần giúp cho sinh viên khắc sâu thêm phần lý thuyết đại cương về hóa học thông qua các bài thí nghiệm như kỹ thuật phòng thí nghiệm, tốc độ phản ứng, sự chuyển dịch cân bằng, pha chế dung dịch chuẩn độ, độ tan của các chất – tích số tan, độ dẫn điện của dung dịch điện li, cách xác định nước kết tinh trong các tinh thể ngậm nước (như $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$, $\text{CoCl}_2 \cdot n\text{H}_2\text{O}$), tính chất của dung dịch loãng, chất chỉ thị màu phản ứng oxi hóa – khử. Nhờ đó sinh viên sẽ lĩnh hội được những kiến thức nền tảng của Hóa học, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục học những học phần chuyên sâu khác.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 70\%$, điểm thi cuối kì $\geq 30\%$

44	Đối xứng phân tử và lý thuyết nhóm	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nhóm (định nghĩa nhóm; nhóm hữu hạn, vô hạn, liên tục; nhóm tuần hoàn; nhóm giao hoán; nhóm con), những yếu tố đối xứng và phép đối xứng của nhóm. Các nội dung cơ bản về đối xứng phân tử (Khái niệm (đối xứng, trục đối xứng, tâm đối xứng, mặt phẳng đối xứng, phép quay gương...), yếu tố và phép đối xứng, nhóm điểm đối xứng (nhóm C_n , C_{nv} , D_n , T_d ...) và sự phân loại phân tử Hoá học) cùng với sự áp dụng lý thuyết nhóm vào đối xứng phân tử (tập hợp các phép đối xứng của một phân tử lập thành một nhóm) được đề cập một cách thích hợp tạo thành một thể hoàn chỉnh về khối kiến thức quan trọng của học phần.	1	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ bao gồm: cấu trúc không gian của hợp chất hữu cơ; các cấu dạng; phân biệt cấu dạng (bán lệch, đối lệch, che khuất, các cấu dạng bền, ...); đồng phân lập thể; cấu hình R/S, D/L, cis/trans, E/Z; các loại hiệu ứng (hiệu ứng cảm ứng âm, dương, hiệu ứng liên hợp âm, liên hợp dương, hiệu ứng siêu tiếp cách, hiệu ứng không gian); mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất của hợp chất hữu cơ; các loại phản ứng hữu cơ và cơ chế từng loại phản ứng (thế gốc tự do, cộng gốc tự do, thế nucleophile, cộng nucleophile, phản ứng tách, phản ứng cộng electrophile, thế electrophile); các khái niệm acid-base hữu cơ. Học phần là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các học phần ở chuyên ngành: hợp chất có nhóm chức, hydrocarbon, các phương pháp phổ ứng dụng vào hóa học.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
46	Nhập môn cơ học lượng tử và hóa lượng tử	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những phương pháp, những nguyên lý và những kết quả cơ bản của sự áp dụng cơ học lượng tử vào các hệ hóa học. Mục tiêu chính của học phần là giúp sinh viên nắm được các khía cạnh toán học và vật lý của cơ học lượng tử, cũng như cấu trúc điện tử của nguyên tử và phân tử. Kết thúc học phần, học viên sẽ có những hiểu biết đúng đắn và đầy đủ về liên kết hóa học, cấu tạo phân tử, quang phổ học, hoạt tính phân tử, và nhiều vấn đề cơ bản khác của hóa học. Môn học cũng là nền tảng để sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu những	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		vấn đề liên quan đến mô phỏng phân tử, phổ NMR, IR, hóa học vô cơ và hóa lí hữu cơ.			
47	Điện hóa học	Cung cấp kiến thức về các thuộc tính hoá lí của dung dịch chất điện phân và sự chuyển động của ion trong dung dịch dưới tác dụng của điện trường; những hiện tượng và quá trình xảy ra trên ranh giới pha giữa điện cực và chất điện phân; các nguồn phát sinh dòng điện. Kiến thức của học phần là cơ sở vững chắc cho các môn học phân tích hoá lí như phương pháp chuẩn độ điện dẫn kế, phương pháp điện thế và phương pháp phân tích cực phổ. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức cơ sở của chuyên ngành, học phần còn phát triển năng lực nghiên cứu cho người học, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, biết tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức về một số ứng dụng của điện hoá học như nguồn điện, ăn mòn và bảo vệ kim loại, điện phân vào thực tiễn cuộc sống.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
48	Nhiệt động lực học hóa học	Nhiệt động hoá học, gọi tắt là nhiệt động học, là khoa học nghiên cứu mối tương quan giữa nhiệt và công đối với một phản ứng hoá học hay sự thay đổi trạng thái vật lí trong phạm vi các quy luật nhiệt động. Nhiệt động học không chỉ bao gồm các phép đo các tính chất nhiệt động khác nhau mà còn áp dụng các phương pháp toán học để nghiên cứu các vấn đề hoá học và các quá trình tự phát. Cấu trúc của nhiệt động học được dựa trên hai nguyên lí đầu tiên của nhiệt động học là nguyên lí 1 và nguyên lí 2. Từ đây, 4 phương trình nhiệt động học cơ bản được suy ra. Và từ các phương trình nhiệt động học cơ bản này, hàng loạt các phương trình liên quan đến các tính chất nhiệt động của hệ nhiệt động được suy ra bằng suy luận toán học tương đối đơn giản. Điều này phát thảo nên bộ khung toán học của nhiệt động học hoá học.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
49	Hóa học phi kim	Học phần Hóa học phi kim trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, tính chất vật lí, tính chất hóa học, trạng thái thiên nhiên, phương pháp điều chế và ứng dụng của của các đơn chất phi kim cũng như một số hợp chất thông dụng của chúng như hidro, oxi, nước, hidro peoxit...; các phi kim thuộc nhóm IVA, VA, VIA, VIIA và hợp chất của như cacbon –	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hợp chất của cacbon, nitơ – hợp chất của nitơ, photpho – hợp chất của photpho, lưu huỳnh – hợp chất của lưu huỳnh, halogen – hợp chất của các halogen; các nguyên tố thuộc nhóm VIIIA và phương pháp tách riêng từng khí hiếm từ không khí.			
50	Hóa học kim loại	Mô tả và giải thích tính chất lí, hóa học, trạng thái thiên nhiên, cách điều chế và ứng dụng của các kim loại điển hình thuộc các nhóm IA, IIA, IIIA cũng như hợp chất của chúng. Tính chất lí, hóa học của nguyên tố kim loại chuyển tiếp thuộc các nhóm IB, IIB, VIB, VIIB, VIIIB và hợp chất của chúng.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 70\%$, điểm thi cuối kì $\geq 30\%$
51	TH Hóa vô cơ	Các bài thực hành hoá vô cơ bao gồm hai nội dung chính là tổng hợp các chất và kiểm tra tính chất của các sản phẩm vừa tổng hợp được. Phần thí nghiệm tổng hợp chất gồm những thí nghiệm điều chế các đơn chất, hợp chất và thực hiện một số phản ứng chứng minh tính chất của sản phẩm thu được như khả năng oxi hoá - khử, khả năng tạo phức,... căn cứ vào sự thay đổi màu sắc, khả năng hoà tan trong một dung dịch nào đó... Sau mỗi bài thí nghiệm tổng hợp có thể đánh giá sơ bộ về hiệu suất của quá trình điều chế và tiến hành tinh chế sản phẩm thu được.	1	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Hydrocarbon	Hydrocarbon: danh pháp, đặc tính phổ (dao động đặc trưng của phổ IR, các tín hiệu cộng hưởng đặc trưng trong phổ $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$), các phương pháp điều chế, hoá tính đặc trưng, ứng dụng của ankan, xicloankan, anken, ankin, ankadien và aren. Cấu tạo của xiclohexan (ghế, nửa ghế, thuyền, vv). Cấu tạo của benzen theo các thuyết. Cơ chế phản ứng cộng electrophin vào nối đôi $\text{C}=\text{C}$, và biệt tính lập thể của phản ứng cộng, cơ chế phản ứng thế gốc tự do vào ankan, anken, phản ứng mở vòng xicloankan, cơ chế phản ứng thế electrophin và một số loại phản ứng thế đặc trưng vào nhân thơm (sunfo hóa, halogen hóa, nitro hóa, vv), tác nhân electrophin. Quy tắc Maccôpnhicôp, hiệu ứng Kharat. Khái niệm về dầu mỏ (tính chất vật lí, thành phần, các quá trình chưng cất dầu mỏ).	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53	Hoá môi trường	Học phần hóa môi trường trang bị cho sinh viên kiến thức về các quá trình hóa học cơ bản xảy ra trong môi trường không khí, nước, đất và ảnh hưởng của các hoạt động của con người đến các quá trình này. Đồng thời học phần	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		này còn trang bị cho sinh viên về khái niệm, nguồn gốc, nguyên tắc xác định và ý nghĩa của một số thông số hóa học cơ bản.			$\geq 70\%$
54	Hoá sinh học	Hoá sinh học (Biochemistry) là môn học nghiên cứu hoá học của chất sống, của sự sống. Hoá sinh học tập hợp những hiểu biết về thành phần hoá học và những quá trình hoá học trong cơ thể sống (vi sinh vật, thực vật, động vật). Cụ thể, học phần sẽ cung cấp các kiến thức: khái quát thành phần hóa học của cơ thể sống; khái quát về trao đổi chất và trao đổi năng lượng, mối quan hệ của các quá trình trao đổi chất; những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh học và sự chuyển hóa các nhóm chất hữu cơ cơ bản như protein, enzyme, glucid, lipid. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản và ứng dụng của các hợp chất thứ cấp như vitamin và hormone cũng được trình bày trong học phần này	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
55	Các phương pháp phổ ứng dụng vào hóa học	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phổ cộng hưởng từ hạt nhân một chiều NMR 1D-(khung sườn carbon-hydro trong phổ proton ^1H -NMR, phổ carbon ^{13}C -NMR và phổ ^{13}C -DEPT); 2D- phổ hai chiều (HMBC, HSQC, COSY, NOESY). Ngoài ra học phần cũng trang bị các kiến thức cơ sở của các phương pháp phổ khác như: hồng ngoại IR, tử ngoại UV, phổ khối MS, phổ CD. Từ đó áp dụng được trong phân tích hữu cơ để xác định được cấu trúc hóa học của một hợp chất hữu cơ chính xác thông qua các dữ liệu, sơ đồ về phổ góp phần phục vụ cho những môn học chuyên ngành và những nghiên cứu về lĩnh vực hóa học các hợp chất thiên nhiên, tổng hợp hữu cơ.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56	Hóa keo và hấp phụ	Môn học này giới thiệu về các khái niệm chung. Giới thiệu về cấu tạo của hạt keo, các phương pháp điều chế và tính chất dung dịch keo, áp suất thẩm thấu của dung dịch keo, phương trình phân bố mật độ hạt theo chiều cao của dung dịch keo. Các hiện tượng bề mặt, sức căng bề mặt, phương trình Laplace, Langmuir, Gibbs. Các chất hoạt động bề mặt, sự kết dính, thấm ướt, chất tẩy rửa, chất tạo mixen. Tính chất các hệ keo. Các hiện tượng điện động học, các hiện tượng hấp thụ và khuếch tán ánh sáng. Giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên. Giới thiệu các hệ keo, xon khí, nhũ tương, chất tạo nhũ, sự đảo pha nhũ tương.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

57	Hóa phân tích định tính	Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản của Hoá học phân tích để khảo sát các cân bằng ion trong dung dịch như: cân bằng axit – bazơ, cân bằng oxi hoá – khử, cân bằng của các hợp chất ít tan, cân bằng phức chất, tính toán nồng độ cân bằng và các đại lượng có liên quan của các cấu tử trong các dung dịch điện li. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích định tính, các giai đoạn của quá trình phân tích, các phản ứng đặc trưng cũng như những ứng dụng chủ yếu của chúng, giúp họ sử dụng tốt các phương pháp phân tích hoá học khi nghiên cứu trong các lĩnh vực khác như: Vô cơ, Hoá lí, Môi trường.	2	HK 4	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
58	Hợp chất có nhóm chức	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chất hữu cơ đơn chức và đa chức; về tính chất, ứng dụng và điều chế các hợp chất hữu cơ; Dẫn xuất Halogen của các hydrocarbon, Hợp chất cơ nguyên tố, Alcohol- phenol- ether; Aldehyde- ketone; Acid carbonxylic; Dẫn xuất của acid; lipid; hợp chất chứa nitơ.	3	HK 5	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
59	TH hóa hữu cơ	Học phần thực hành hoá hữu cơ giúp cho sinh viên hiểu và thực hiện được những kĩ thuật cơ bản về thực hành hoá học hữu cơ, phương pháp tổng hợp một số hợp chất hữu cơ cơ bản, phương pháp phân tích định tính nguyên tố và nhóm chức. Bao gồm các phương pháp phân tích định tính nguyên tố trong một hợp chất hữu cơ (xác định sự có mặt C, H, N, Cl), các phản ứng điều chế hydrocacbon (no, không no, thơm), phản ứng thử tính chất đặc trưng của hydrocacbon, tiến hành điều chế các dẫn xuất halogen của hydrocacbon, các phản ứng thể hiện tính chất của ancol, phenol, ete, andehit, xeton. Các phản ứng thử tính chất của axit cacboxylic và dẫn xuất, phản ứng thủy phân chất béo, điều chế xà phòng, tổng hợp, tinh chế este, benzalaceton bằng phản ứng andol hóa.	1	HK 6	Điểm trung bình của các bài thực hành
60	Động học xúc tác	Động học hình thức: phản ứng bậc 0, 1, 2, 3, n. Phản ứng thuận nghịch, song song, nối tiếp. Sự phụ thuộc tốc độ phản ứng vào nhiệt độ. Phương trình Arrhenius. Các phương pháp xác định tốc độ phản ứng, bậc phản ứng, năng lượng hoạt hoá. Các thuyết về phản ứng cơ bản: thuyết va chạm lưỡng phân tử, thuyết phức chất hoạt động. Phản ứng dây chuyền, các giới hạn	2	HK 4	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm

		nổ; phản ứng trong dung dịch; Phản ứng quang hoá; Xúc tác đồng thể: xúc tác axit bazơ, xúc tác phức, xúc tác enzym, hấp phụ và xúc tác dị thể. Động học hình thức: phản ứng bậc 0, 1, 2, 3, n. Phản ứng thuận nghịch, song song, nối tiếp. Sự phụ thuộc tốc độ phản ứng vào nhiệt độ. Phương trình Arrhenius. Các phương pháp xác định tốc độ phản ứng, bậc phản ứng, năng lượng hoạt hoá. Các thuyết về phản ứng cơ bản: thuyết va chạm lưỡng phân tử, thuyết phức chất hoạt động. Phản ứng dây chuyền, các giới hạn nổ; phản ứng trong dung dịch; Phản ứng quang hoá; Xúc tác đồng thể: xúc tác axit bazơ, xúc tác phức, xúc tác enzym, hấp phụ và xúc tác dị thể.			thi cuối kì ≥80%
61	TH Hoá lí	Thực hành Hóa lí là học phần bao gồm các bài thực hành dựa trên cơ sở lí thuyết Hóa lí đã học. Học phần này giúp sinh viên nắm vững hơn về kiến thức lí thuyết. Đồng thời rèn luyện kĩ năng, thao tác làm thí nghiệm, rèn luyện kĩ năng tính toán, xử lí số liệu hóa học. Nội dung của học phần thực hành hóa lí bao gồm: Xác định hằng số tốc độ và năng lượng hoạt hóa của phản ứng bậc hai; khảo sát sự hấp phụ trên ranh giới pha rắn và pha lỏng; xác định hệ số phân bố; dựa vào phương pháp phân bố xác định hằng số cân bằng K_C của phản ứng thuận nghịch; xác định ngưỡng keo tụ; nghiên cứu cân bằng hóa học của phản ứng thuận nghịch...	1	HK 7	Điểm trung bình của các bài thực hành
62	Hóa phân tích định lượng	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành hoá học những kiến thức cơ bản về phân tích định lượng, về các phương pháp và ứng dụng của phân tích định lượng, giúp họ sử dụng tốt các kiến thức phân tích hoá học khi nghiên cứu trong các lĩnh vực khác như Vô cơ, Hoá lí, Môi trường. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sai số và các nguyên nhân xuất hiện sai số trong đo đạc hóa học phân tích, lí thuyết về phân bố các đại lượng ngẫu nhiên, phương trình hồi quy để đánh giá, xử lí kết quả thực nghiệm và biểu diễn kết quả thực nghiệm.	3	HK 5	Điểm tích lũy ≤20%, điểm thi cuối kì ≥80%
63	TH Hóa phân tích	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích định tính và phân tích định lượng. Từ đó, sinh viên vận dụng kiến thức và tự hình thành các kĩ năng sử dụng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm phân tích để có thể thực hiện được các thí nghiệm trong nội dung 08 bài thực hành. Ngoài ra, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên những ý thức và kĩ	1	HK 6	Điểm trung bình của các bài thực hành

		năng thực hành trong phòng thí nghiệm đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học để hiểu và tìm tòi khắc phục một số thí nghiệm tương tự trong thực tế.			
64	Các phương pháp phân tích lí – hoá	Học phần <i>Các phương pháp phân tích lí – hóa</i> nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số phương pháp phân tích hiện đại gồm phương pháp phân tích quang học, phân tích điện hóa và sắc kí. Sinh viên hiểu được vai trò và ứng dụng của các phương pháp phân tích. Đồng thời đánh giá mức độ chính xác; so sánh ưu, nhược điểm của các phương pháp; vận dụng kiến thức giải các bài tập liên quan. Thông qua đó, sinh viên hiểu, biết và có thể sử dụng được các máy móc, thiết bị để tiến hành thực nghiệm phân tích định tính và định lượng các mẫu cụ thể tại phòng thí nghiệm trong quá trình nghiên cứu khoa học.	2	HK 6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
65	Thực tập, thực tế chuyên môn	Tổ chức cho sinh viên đi tham quan, học tập quy trình sản xuất các chất hoá học trong thực tế tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất... Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các quá trình sản xuất những chất hoá học quan trọng trong kĩ thuật và đời sống. Trên cơ sở những kiến thức này, sinh viên khi ra trường có thể hoàn thành tốt công việc giảng dạy những kiến thức về hoá học trong SGK phổ thông cơ sở góp phần giáo dục kĩ thuật tổng hợp trong nhà trường phổ thông.	1	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 50\%$, điểm thi cuối kì $\geq 50\%$
66	Tổng hợp hữu cơ	Học phần cung cấp các kiến thức cho người học về các phản ứng tổng hợp hữu cơ, các biện pháp nâng cao hiệu suất, quy trình tinh chế sản phẩm của quá trình tổng hợp một số hợp chất hữu cơ quan trọng: sự tạo nối cơ bản dùng để cấu thành khung sườn của hợp chất hữu cơ như các nối C-C, C-O, C-N, C-X, C-H, C-S, quá trình gắn các nhóm chức, bảo vệ và chuyển hóa chúng cũng như phương pháp cắt đứt nối tạo ra nhóm định chức ở vị trí thích hợp, các quan niệm về sự oxi hóa-khử trong hóa hữu cơ và ứng dụng, các tác nhân oxi hóa, khử thông dụng và điều kiện sử dụng cụ thể với từng tác nhân, các chất xúc tác phù hợp để xây dựng được cấu trúc hóa học của hợp chất hữu cơ mong muốn. Học phần góp phần phục vụ cho những môn học chuyên ngành thuộc nhóm hữu cơ và là cơ sở cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về lĩnh vực hóa kĩ thuật hữu cơ, hóa dược.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

67	Hợp chất tự nhiên	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất có nguồn gốc từ thiên nhiên (carbohydrate, terpenoid, alkaloid, steroid, phenolic, v/v) được tìm thấy từ thực vật, động vật không xương sống, động vật sống dưới nước và nấm bao gồm các nội dung: khái niệm, các con đường sinh tổng hợp, các hoạt tính sinh học và ứng dụng. Ngoài ra học phần còn cung cấp một số các phương pháp nghiên cứu hợp chất tự nhiên như (chưng cất, các phương pháp sắc ký bản mỏng, sắc ký cột, các phương pháp tinh chế, các phương pháp xác định cấu trúc của hợp chất tự nhiên) từ đó góp phần phục vụ cho những môn học chuyên ngành thuộc nhóm hữu cơ. Đồng thời các kiến thức học phần này là cơ sở cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về lĩnh vực hóa thực vật, hóa dược.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
68	Hoá kĩ thuật công nghiệp và nông nghiệp	Học phần hoá kĩ thuật công nghiệp và nông nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hóa học công nghiệp và nông nghiệp, những kiến thức về hoá học dinh dưỡng của cây trồng, hoá học về đất trồng, phân bón và công nghệ sản xuất phân bón, quy tắc sử dụng phân bón. Qua học phần, sinh viên được nghiên cứu các quá trình chế biến các vật liệu, mà trong đó diễn ra sự thay đổi sâu sắc thành phần hóa học của chúng, giúp sinh viên hiểu được các quá trình tạo ra sản phẩm, vật liệu để chế tạo các máy móc thiết bị cần cho quá trình sản xuất.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
69	Tổng hợp vô cơ	Học phần giúp sinh viên có được các kiến thức về tổng hợp các chất vô cơ như các phương pháp tách chất, các nguyên tắc tiến hành phản ứng, sản xuất các loại axit, sản xuất các loại bazơ, một số muối vô cơ quan trọng và công nghệ sản xuất silicat và chất kết dính. Giúp sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức về tổng hợp vô cơ trong nghiên cứu khoa học Hóa học và giảng dạy môn Hóa học ở trường phổ thông.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
70	Chuyên đề bồi dưỡng HSG hóa học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi như tầm quan trọng của việc bồi dưỡng học sinh giỏi, những phẩm chất và năng lực cần có của học sinh giỏi hoá học, những năng lực giáo viên hoá học cần có khi bồi dưỡng học sinh giỏi hoá học; các kiến thức hệ thống lí thuyết và bài tập sử dụng trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi; các phương pháp tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi hoá học ở	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

		trường trung học phổ thông, các kĩ năng bồi dưỡng hoá học (như kĩ năng xây dựng ngân hàng bài tập và soạn thảo chuyên đề, kĩ năng tác động tâm lí, kĩ năng kiểm tra, đánh giá để chọn lọc HSG), tổ chức hoạt động học tập cho học sinh giỏi hoá học (hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hình thức hoạt động hiệu quả khác) và cách sử dụng bài tập trong bồi dưỡng HSG hoá học			
71	Giáo dục bảo vệ môi trường trong giảng dạy hóa học ở trường phổ thông	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường và những phương pháp dạy học cơ bản nhằm đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong môn hóa học ở trường phổ thông	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72	Chuyên đề dạy học tích hợp	Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung về: Khái niệm dạy học tích hợp, ưu điểm của việc dạy học theo chủ đề tích hợp, các hình thức tích hợp trong dạy học hóa học, các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học chủ đề tích hợp, khái niệm chủ đề tích hợp khoa học tự nhiên, chủ đề tích hợp STEM trong dạy học hoá học, tiêu chí và quy trình xây dựng, thiết kế kế hoạch dạy học các loại chủ đề dạy học tích hợp trong dạy học hoá học. Trong học phần này SV được tổ chức thực hành xây dựng, thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp KHTN và chủ đề tích hợp STEM trong dạy học hoá học nhằm hình thành và phát triển năng lực dạy học chủ đề tích hợp cho SV.	2	HK 7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
73	Giáo dục học phổ thông	Giáo dục học phổ thông giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lí luận dạy học, lí luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lí luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông.	3	HK 4	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

		Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo dục pháp bộ môn.			
74	Lí luận dạy học hóa học	Học phần Lí luận dạy học Hóa học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Đối tượng và nhiệm vụ của lí luận dạy học Hóa học; Vị trí, vai trò của dạy học Hóa học trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường THPT; Nội dung và trình tự sắp xếp các kiến thức Hóa học trong chương trình SGK Hóa học phổ thông; Hệ thống các phương pháp dạy học cụ thể; Đổi mới phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học ở trường trung học phổ thông. Bên cạnh đó, có ý thức học hỏi và thường xuyên trau dồi về chuyên môn và nghiệp vụ để trở thành giáo viên hóa học có năng lực trong tương lai. Học phần này cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng để học các học phần chuyên ngành trong khối nghiệp vụ sư phạm: Phương pháp dạy học hóa học, Bài tập hóa học, Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học phổ thông, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm,....	3	HK 5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
75	Phương pháp dạy học hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung về: Nghiên cứu cấu trúc của chương trình, SGK Hoá học phổ thông; các nguyên tắc cơ bản và phương pháp dạy học sử dụng trong các dạng bài dạy về các học thuyết và định luật hóa học, các nguyên tố và các chất hóa học, các hợp chất hữu cơ, các bài luyện tập, ôn tập và thực hành hóa học....Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học hoá học đại cương vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học một số chương mục quan trọng của giáo trình hoá học phổ thông. Giúp sinh viên nghiên cứu nắm vững chương trình hoá học phổ thông, phân tích nội dung và hiểu được sự hình thành, phát triển của một số khái niệm hoá học cơ bản: chất, nguyên tố hoá học, phản ứng hoá học. Từ đó mà hiểu được các nguyên tắc và lựa chọn được các phương pháp dạy học có hiệu quả cho bài dạy cụ thể. Tổ chức thực hành dạy học một số	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình môn hoá học ở THPT và chương trình các chủ đề hóa học trong môn KHTN ở THCS.			
76	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học phổ thông	Trang bị cho SV kỹ thuật sử dụng dụng cụ và hóa chất trong phòng thí nghiệm phổ thông, mục đích trí dục của từng thí nghiệm, mối liên hệ của thí nghiệm với nội dung bài giảng, phương pháp biểu diễn và cách thức tổ chức cho học sinh phổ thông tiến hành thí nghiệm, phương pháp sử dụng của thí nghiệm đó vào các bài dạy hoá học cụ thể. Giúp sinh viên biết và hiểu ý nghĩa, tác dụng của các thí nghiệm hoá học được nghiên cứu, nắm vững kỹ thuật tiến hành và phương pháp sử dụng các thí nghiệm trong các bài dạy cụ thể.	2	HK7	Điểm chuyên cần $\leq 30\%$, điểm thí nghiệm, thực hành $\geq 70\%$
77	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Học phần rèn luyện phương pháp, vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục, các quan điểm đường lối chính sách về giáo dục. Vận dụng cơ sở lý luận dạy học và lý luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục cơ bản, cần thiết như kỹ năng viết bảng, kỹ năng thiết kế bài giảng, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng tiến hành thí nghiệm hoá học, kỹ năng dạy học một bài dạy cụ thể, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm và một số kỹ năng khác nhằm giúp sinh viên đáp ứng được yêu cầu của các trường trung học phổ thông khi đi thực tập sư phạm và khi ra trường. Học phần yêu cầu sinh viên phải vận dụng những kiến thức nền tảng đã học ở các học phần chuyên ngành trong khối nghiệp vụ sư phạm: Lý luận dạy học hóa học, Phương pháp dạy học hóa học, Bài tập hóa học, Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học phổ thông,...	1	HK7	Điểm chuyên cần $\leq 20\%$, điểm bài tập cá nhân $\leq 30\%$, điểm thực hành $\geq 50\%$
78	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học hóa học	Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học hóa học giúp sinh viên khái quát về kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh, khái niệm, mục tiêu kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực; Các yêu cầu sư phạm đối với kiểm tra, đánh giá; Các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực. Trên cơ sở đó hướng dẫn biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực của các	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kỳ $\geq 70\%$

		chủ đề trong chương trình GDTHPT hiện hành theo các mức độ nhận thức (biết, hiểu, vận dụng), từ đó có khả năng xây dựng đề kiểm tra, đánh giá. Học phần yêu cầu sinh viên phải vận dụng những kiến thức nền tảng đã học ở các học phần chuyên ngành trong khối nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu năng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế, tạo cơ hội cho sinh viên sư phạm phát triển năng lực đánh giá giáo dục.			
79	Ứng dụng tin học trong giảng dạy hóa học	Học phần cung cấp cho sinh viên những cơ sở lí luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hoá học; trang bị cho sinh viên những kĩ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ và khả năng khai thác các công cụ để thiết kế bài giảng đa phương tiện và phục vụ tốt cho công tác giảng dạy hóa học ở trường THPT nhằm phát triển cho SV các năng lực ứng dụng tin học trong giảng dạy hoá học như kĩ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ, kĩ năng thiết kế bài giảng điện tử và khai thác internet trong dạy học.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
80	Bài tập Hóa học phổ thông	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Ý nghĩa, tác dụng của bài tập hoá học trong dạy học hoá học, cách phân loại và giải bài tập hoá học; Các dạng bài tập hoá học ở trường phổ thông (cấu tạo nguyên tử và định luật tuần hoàn, liên kết hoá học – cấu tạo phân tử, điện li - điện phân, các định luật về chất khí, nhận biết, tách, điều chế chất vô cơ và hữu cơ, sơ đồ biến hoá các chất vô cơ và hữu cơ, bài toán vô cơ và hữu cơ); Các bước chung giải một bài toán hoá học; Các phương pháp giải bài toán hoá học; Sử dụng bài tập trong quá trình dạy học hoá học (chọn bài tập, chữa bài tập, xây dựng bài tập mới). Qua đó hiểu được bài tập hoá học là phương tiện để dạy học sinh tập vận dụng kiến thức, muốn nâng cao chất lượng dạy và học không thể không sử dụng tốt bài tập trong quá trình dạy học, đối với học sinh, giải bài tập là một phương pháp học tập tích cực.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
81	Thực hành kĩ năng sư phạm	Học phần gồm các hoạt động thực hành kĩ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vì mô, kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

82	Kiến tập sư phạm	Học phần “Kiến tập sư phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật ký kiến tập sư phạm. Qua thời gian đi kiến tập sư phạm sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả.	2	HK5	100%: Trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn
83	Thực tập sư phạm	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của thực tập sư phạm (TTSP); Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, Trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật ký TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông. Học phần chủ yếu dành thời gian để sinh viên vận dụng toàn bộ những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, năng lực sư phạm đã tích lũy được trong 4 năm học tập, nghiên cứu tại trường sư phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.	5	HK8	100%: Trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn
84	Khóa luận tốt nghiệp		7	HK8	
85	Chuyên đề tốt nghiệp		3	HK8	
86	Động học điện hóa và ứng dụng	Động học các phản ứng điện hóa: Trình bày về đặc trưng của hệ điện hóa không cân bằng; tốc độ và cơ chế phản ứng điện hóa; động học của sự chuyển điện tích, quá thế hoạt hóa và phương trình Volmer- Butler ; lý thuyết về quá thế hydro, thuyết Tafel về quá thế hydro, thuyết hiện đại về quá thế hydro; động học quá trình khuếch tán; lý thuyết quá thế hidro;	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Ứng dụng của động học điện hóa: ăn mòn và bảo vệ kim loại khỏi ăn mòn bằng phương pháp điện hóa ; các phương pháp tổng hợp điện hóa và điện xúc tác; ứng dụng các phương pháp phân tích điện hóa như phương pháp đo điện lượng, phương pháp đo von-ampe và phương pháp cực phổ.			
87	Xử lý nước thải bằng PP hoá lí	Môn học này cung cấp cho sinh viên các phương pháp hóa lí để xử lí nước thải như xử lí nước thải bằng công nghệ hấp phụ: Được dùng rộng rãi để loại bỏ một lượng nhỏ chất hữu cơ hòa tan trong nước, các chất hữu cơ này không phân hủy được bằng con đường sinh học và thường có độc tính cao. Xử lí nước thải bằng công nghệ trao đổi ion: Được dùng để làm sạch nước chứa các kim loại như Zn, Cu, Cr, Ni, Pb, Hg, Cd, Mn...cũng như các hợp chất của asen, photpho, xyanua và chất phóng xạ. Hay xử lí nước thải bằng công nghệ keo tụ tạo bông.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
88	Hoá học tinh thể và phức chất	Học phần Hoá học tinh thể và phức chất nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tinh thể như mạng lưới tinh thể, đặc điểm của các tinh thể ion, tinh thể cộng hóa trị, tinh thể kim loại, tinh thể phân tử. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức về phức chất như cấu tạo của phức chất, dùng các lí thuyết hiện đại để giải thích các liên kết trong phức chất. Nghiên cứu các tính chất cơ bản của phức chất như từ - tính, tính axit – bazơ, tính oxi hóa khử, khả năng tạo màu. Ảnh hưởng của phức chất đến tính tan của các chất.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
89	Ứng dụng của phức chất trong hoá phân tích	Ứng dụng phức chất trong hóa học phân tích nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo, phân loại phức chất, các phương pháp nghiên cứu về phức chất, các phản ứng tổng hợp phức chất và ứng dụng của nó trong hóa học phân tích. Áp dụng tốt các kiến thức liên qua giữa vật lí và hóa học vào việc giải thích cấu tạo và đặc điểm của phức chất, việc sử dụng các phương pháp cơ bản và hiện đại giúp đánh giá sự có mặt hay không của chất với hàm lượng tương ứng. Vận dụng tốt các kiến thức này để giải được các bài tập môn học.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
90	Hóa học lập thể	Khái niệm về các cấu trúc không gian: phân biệt cấu dạng, cấu dạng, cấu hình R/S, D/L, E/Z.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

					>=70%
91	Hợp chất dị vòng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chất hữu cơ đơn chức và đa chức; về tính chất, ứng dụng và điều chế các hợp chất dị vòng.	2	HK8	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

6.7. Sự phạm Sinh học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6	Tâm lý giáo dục	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lý học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.			thi cuối kì ≥70%
7	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo, cụ thể: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính Nhà nước, quản lí Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào.	1	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
8	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
9	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm

		sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			thi cuối kì ≥70%
10	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
12	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
13	Xác suất thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
14	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.			
15	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
16	Pháp luật Việt Nam đại cương	Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
17	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm

		người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.			thi cuối kì ≥70%
18	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lí thuyết đã trình bày như kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kĩ năng đặt câu, dùng từ và kĩ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
19	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
20	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư	1	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			
21	Bóng chuyên cơ bản	Bóng chuyên là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyên. Tập luyện Bóng chuyên giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyên giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
22	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
23	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra,	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
24	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
25	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

27	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
28	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
31	Đường lối quốc phòng	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

	an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	tướng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.			thi cuối kì ≥70%
32	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
33	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao;	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.			
34	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục khối tự nhiên	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu, trình tự nghiên cứu khoa học, phương pháp triển khai một đề tài khoa học khối tự nhiên. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức quá trình thu thập thông tin, phương pháp xử lý số liệu, cách viết một báo cáo khoa học, các bước thực hiện một chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp khối tự nhiên. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học sư phạm ứng dụng, cách viết sáng kiến kinh nghiệm trong giáo dục.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36	Vật lý B	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các kiến thức toán học liên quan và về vai trò của vật lý học với các môn khoa học khác, học phần có 6 chương bao gồm các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về động học và động lực học chất điểm, chuyển động của vật rắn và cơ học chất lưu; nghiên cứu các hiện tượng nhiệt của chất khí lí tưởng như phương trình cơ bản của thuyết động học phân tử, hai nguyên lý nhiệt động học; trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về dòng điện, tác dụng và ứng dụng của dòng điện lên cơ thể; giới thiệu các hiện tượng đặc trưng cho tính chất điện từ và tính chất hạt của ánh sáng cũng như những ứng	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		dụng thực tế khi ánh sáng tương tác với vật chất; nghiên cứu về hạt nhân và tương tác của bức xạ với vật chất cũng như những ứng dụng trong khoa học và đời sống. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
37	Giáo dục học phổ thông	Giáo dục học phổ thông giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lí luận dạy học, lí luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lí luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông. Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo dục pháp bộ môn.	3	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38	Tiến hoá và đa dạng sinh học	Học phần Tiến hóa và đa dạng sinh học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về các tư tưởng tiến hóa cổ điển, các học thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin và các học thuyết tiến hóa tổng hợp, hiện đại. Qua đó tìm hiểu về nguồn gốc của sự sống, đồng thời cũng đề cập đến các nhân tố tiến hóa, sự hình thành các đặc điểm thích nghi, sự phát sinh chủng loại và các con đường, cơ chế hình thành loài trong quá trình tiến hóa của sinh vật trên trái đất. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm đa dạng sinh học, giá trị của đa dạng sinh học, các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các phương pháp, những hình thức bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam và trên thế giới.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

39	Hóa học ĐC	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, mối liên quan giữa phản ứng hóa học và dòng điện từ đó đưa ra các ứng dụng thực tế của nó. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính chất hóa học đặc trưng và những ứng dụng trong đời sống của các hợp chất vô cơ và hữu cơ quan trọng làm cơ sở để sinh viên có thể học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Sinh học tế bào	Học phần sinh học tế bào cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, cấu trúc phân tử của tế bào. Cấu trúc, chức năng và nguồn gốc các thành phần cấu tạo của tế bào Prokaryote, tế bào Eukaryote (tế bào nấm, động vật, thực vật) bao gồm: màng sinh chất, tế bào chất (bào tương và các bào quan) và nhân tế bào. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về mối quan hệ giữa các thành phần cấu trúc trong tế bào, các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào (quá trình quang hợp, hô hấp), khả năng sinh sản của tế bào (quá trình nguyên phân, giảm phân) và chu kỳ của tế bào.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Động vật không xương sống	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, sinh thái của các ngành, lớp chính động vật không xương sống theo thứ tự tiến hoá từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, thông qua đó sinh viên thấy được tính đa dạng của giới động vật nói chung và động vật không xương sống nói riêng trên cơ sở khoa học và tuân theo trình tự tiến hoá nhất định. Học phần có kết cấu gồm 10 chương: Mở đầu; Động vật nguyên sinh; Ngành Thân lỗ; Ngành Ruột khoang; Ngành Giun dẹp; Ngành Giun tròn; Ngành Giun đốt; Ngành Chân khớp; Ngành Thân mềm; Ngành Da gai.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Động vật có xương sống	Môn học đề cập đến Ngành Dây sống (Chordata) bao gồm các sinh vật thể hiện ở 5 đặc điểm của ngành: Có dây sống làm trục cơ thể, hệ thần kinh dạng ống và cơ quan hô hấp phát triển từ khe mang, có đuôi bắt đầu	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		từ sau lỗ huyết, hệ tuần hoàn kín. Tùy theo đặc điểm và thời gian tồn tại của dây sống, có thể phân thành 3 phân ngành chính: Phân ngành sống đầu (cephalochordate), phân ngành sống đuôi (Urocchordata) và phân ngành động vật có xương sống (Vertebrata). Trong phân ngành động vật có xương sống, các nhóm động vật phân hóa từ thấp đến cao gồm các lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú. Ở mỗi lớp, các loài có sự biến đổi hình dạng và cấu trúc các hệ cơ quan trong cơ thể để thích nghi với môi trường sống theo chiều hướng phát triển từ nước lên cạn. Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể, đặc điểm sinh thái học, ý nghĩa kinh tế của lớp cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú.			$\geq 70\%$
43	Sinh thái	Học về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật. Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái. Tìm hiểu về khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể. Học về một số khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên và có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Học về cấu trúc, các diễn thế của hệ sinh thái	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
44	Thực tập thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên phương pháp tìm hiểu điều kiện tự nhiên và các sinh cảnh vùng thực tập; phương pháp điều tra thu thập mẫu và làm tiêu bản các loài Côn trùng ở cạn, động vật không xương sống, cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú, thực vật bậc cao, nấm và tảo; phương pháp viết báo cáo kết quả của đợt thực tập thiên nhiên.	1	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Hóa sinh	Hoá sinh học (Biochemistry) là môn học nghiên cứu hoá học của chất sống, của sự sống. Hoá sinh học tập hợp những hiểu biết về thành phần hoá học và những quá trình hoá học trong cơ thể sống (vi sinh vật, thực vật, động vật) và các kỹ năng thực hành cơ bản hóa sinh. Cụ thể, học phần sẽ cung cấp các kiến thức: khái quát thành phần hóa học của cơ thể sống; khái quát về trao đổi chất và trao đổi năng lượng, mối quan hệ của các quá trình trao	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		đổi chất; những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh học và sự chuyển hóa các nhóm chất hữu cơ cơ bản như protein, enzyme, glucid, lipid. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản và ứng dụng của các hợp chất thứ cấp như vitamin và hormone cũng được trình bày trong học phần này.			
46	Vi sinh vật	Vi sinh vật là nhóm sinh vật phân bố rộng khắp các sinh giới trên Trái Đất, đóng vai trò rất quan trọng trong các quá trình sinh học. Học phần Vi sinh vật cung cấp các nội dung gồm: đặc điểm chung, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và trong nền kinh tế quốc dân; hình thái cấu tạo, đặc điểm của các đối tượng vi sinh vật gồm virus, các vi sinh vật prokaryote, các vi sinh vật Eukaryote; các quá trình dinh dưỡng, trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng phát triển, di truyền của vi sinh vật; đặc điểm và vai trò của hệ thống miễn dịch. Phần Thực hành vi sinh đóng vai trò cung cấp kiến thức và kỹ năng thao tác các dụng cụ thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực nghiên cứu vi sinh vật; kỹ năng thực hiện quá trình phân lập, nuôi cấy vi sinh vật từ các bước như chuẩn bị hóa chất, dụng cụ và môi trường đến các kỹ thuật pha loãng mẫu, cấy ria, cấy cấy; kỹ thuật nhận diện các nhóm vi sinh vật chính như vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm men và nấm mốc dựa vào hình thái khuẩn lạc và tế bào. Học phần vi sinh vật là tiền đề để sinh viên có thể tiếp cận những môn học chuyên ngành có liên quan đến đối tượng vi sinh vật như: Virus học, công nghệ lên men, kiểm nghiệm vi sinh, vi sinh môi trường,....	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
47	Hình thái giải phẫu thực vật	Nội dung cơ bản của học phần cung cấp cho người học những đặc điểm chung về hình dạng và cấu trúc của các loại tế bào thực vật; hình thái và cấu tạo của các loại mô thực vật bậc cao; các cơ quan sinh dưỡng là rễ, thân, lá và các cơ quan sinh sản là hoa, quả, hạt; các hình thức sinh sản chung ở thực vật, sự thụ phấn, thụ tinh. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những đặc điểm chung trong vòng đời của các nhóm thực vật từ thấp đến cao, qua đó, người học có thể nhận xét được xu hướng tiến hóa chung của giới thực vật cũng như	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		rút ra được các đặc tính tiến hóa cao nhất của nhóm thực vật Có hoa Hạt kín. Sinh viên sau khi học xong học phần này sẽ có những kiến thức cơ bản làm nền tảng để tiếp học học những học phần đi sau như Phân loại thực vật, Cây thuốc, Dược liệu học, Sinh học thực vật. Với các sinh viên sư phạm, phần kiến thức của môn học hỗ trợ cho phần thực vật ở chương trình Sinh học phổ thông.			
48	Phân loại thực vật	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về việc phân loại, sắp xếp các nhóm thực vật từ thấp đến cao bao gồm Tảo, Nấm (theo quan điểm cũ), Rêu, Khuyết thực vật, Hạt trần, Hạt kín để phục vụ cho các nghiên cứu sau này hoặc các kiến thức ứng dụng vào thực tiễn, trồng trọt, nhân giống và quản lý cây trồng, cây rừng, cây dại. Từ đó sinh viên có thể phân tích và nhận diện được các mẫu thực vật phổ biến định loại thấp nhất là đến bậc họ (family). Học phần đồng thời cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết trong nghiên cứu phân loại thực vật như biết các phương pháp thu hái mẫu, các phương pháp lưu giữ và bảo quản mẫu theo chuẩn hiện nay để lưu trữ trong bảo tàng hoặc phục vụ cho các công tác học tập và nghiên cứu. Sinh viên sau khi học xong học phần này sẽ có những kiến thức cơ bản làm nền tảng để tiếp học học những học phần như Cây thuốc, Dược liệu học. Với các sinh viên sư phạm, phần kiến thức của môn học hỗ trợ cho phần thực vật ở chương trình Sinh học phổ thông.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
49	Di truyền	Học phần Di truyền học được thiết kế cho sinh viên thuộc các ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học, và Sư phạm Sinh học. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: Cơ sở của tính di truyền và biến dị của sinh vật ở cấp tế bào; các quy luật di truyền, biến dị chi phối sự hình thành và phát triển các tính trạng của sinh vật; ứng dụng của nghiên cứu di truyền trong việc chăm sóc sức khỏe con người, tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu, thị hiếu của con người.	3	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Với nội dung trên, học phần Di truyền học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản để có thể học tiếp các học phần chuyên ngành ở chương trình đào tạo bậc Đại học, và sau Đại học.			
50	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục khối tự nhiên	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối tự nhiên là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học, đề tài khoa học, phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học giáo dục, viết đề cương nghiên cứu, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và cách trình bày một báo cáo, bài báo khoa học của khối tự nhiên. Việc nắm vững học phần này giúp cho sinh viên có tư duy khoa học trong học tập chuyên môn và sau này trong công tác có thể tự nghiên cứu chuyên môn, khoa học giáo dục.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
51	Thiết kế thí nghiệm và xử lý thống kê	Học phần thiết kế thí nghiệm và phân tích thống kê đào tạo cho sinh viên ngành Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm và Sư phạm Sinh bao gồm 7 chương với 02 học phần học trước là toán Xác suất thống kê và Tin học đại cương. Học phần giúp sinh viên nắm được những nguyên lý cơ bản thiết kế thí nghiệm và phân tích số liệu nghiên cứu khoa học trong ngành Sinh học. Học phần lý thuyết gồm 02 nội dung chính: Nội dung thứ nhất: giúp sinh viên nắm được các bước để phân tích một bộ số liệu trong nghiên cứu khoa học, các khái niệm và các tham số dùng trong thống kê mô tả, các mô hình xử lý thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau và đưa ra kết luận có ý nghĩa thống kê; Nội dung thứ hai: giúp sinh viên nắm được các kiến thức về thiết kế thí nghiệm từ việc nêu giả thiết nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, các phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu trong nghiên cứu. Nội dung thực hành của học phần cung cấp các kỹ năng ứng dụng phần mềm MINITAB trong xử lý và phân tích dữ liệu.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Cơ sở di truyền chọn giống	Chọn giống cây trồng hay thực vật nói chung là một lĩnh vực quan trọng của sản xuất nông nghiệp; mục đích của nó là tạo ra ngày càng nhiều giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu được các điều kiện bất thuận (như sâu bệnh, hạn, úng, nóng, rét...). Về thực chất, đó là sự tiến hóa của thực vật do con người điều khiển được hình thành từ trong thực tiễn trồng trọt qua hàng ngàn năm kể từ khi con người bắt đầu mò	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		mầm “thuần hóa” cây trồng dựa theo kinh nghiệm. cùng với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là sự phát triển của di truyền trong suốt hơn 100 năm nay, công tác chọn tạo giống cây trồng đã xây dựng được một nền tảng khoa học vững chắc và không ngừng được hoàn thiện. Nhờ đó đã tạo ra hàng loạt các giống cây trồng mới, nhất là các giống ngũ cốc, góp phần xóa đói giảm nghèo mang lại cuộc sống ấm no và cải thiện sức khỏe cho con người. Học phần này cho sinh viên thấy vai trò đặc biệt quan trọng của kiến thức di truyền đã được học trong học phần Di truyền cũng như thấy được mối quan hệ với học phần Sinh thái học trong quá trình học tập			
53	Lý sinh	Các chủ đề của lý sinh là các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống. Điều này cũng bao gồm các tác nhân lý sinh môi trường, đại diện cho ảnh hưởng của môi trường vật lý đến các chức năng sinh lý. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức gồm các nguyên lý cơ bản về năng lượng và động lực học của hệ thống sinh học; cơ chế vật lý cơ bản của quá trình trao đổi chất các cấp độ vi mô (tế bào) và vĩ mô (tuần hoàn, hô hấp); thuộc tính điện học của hệ thống sống; và tác động của môi trường vật lý (dòng điện, sóng âm, ánh sáng, và bức xạ ion hóa) lên hệ thống sống. Thông qua nghiên cứu học phần lý sinh, sinh viên có cái nhìn cơ bản về cách thức hệ thống sống vận hành được giải thích trên cơ sở vật lý học, từ đó có thể tiếp cận tốt hệ thống các học phần chuyên sâu về sinh lý thực vật, sinh lý động vật, sinh học phân tử, hóa sinh, nguyên lý các thiết bị công nghệ sinh học, vật liệu sinh học đối với sinh viên khối ngành sinh học và các học phần hóa sinh, dược lý, sinh lý học đối với sinh viên y đa khoa.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
54	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyền và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.			
55	Giáo dục giới tính và định hướng sức khỏe sinh sản vị thành niên	Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình; đặc điểm của đời sống giới tính ở con người; vai trò của tình yêu đối với hôn nhân và gia đình; những vấn đề cơ bản trong giáo dục giới tính, giáo dục sức khỏe sinh sản nói chung và cho vị thành niên nói riêng. Những kiến thức của học phần liên quan đến nội dung của các học phần: Giải phẫu – Sinh lý người, Tâm lý học, Giáo dục học, Xã hội học, Giáo dục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình...; là cơ sở để chăm sóc và rèn luyện sức khỏe nói chung và sức khỏe sinh sản nói riêng; là cơ sở cho việc rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống lành mạnh; xây dựng và phát triển tình yêu chân thực, chân chính, cuộc sống hôn nhân – gia đình hạnh phúc.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56	Tiếng anh trong sinh học	Tiếng Anh trong Sinh học là học phần nhằm tăng cường khả năng học tập và nghiên cứu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh một cách hiệu quả với sinh viên nói tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài. Học phần này giúp phát triển kiến thức về các quy ước học thuật trong sinh học để sinh viên có thể cải thiện kỹ năng của mình trong việc đọc hiểu các tài liệu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh, có khả năng đóng góp ý kiến trong những cuộc thảo luận, hội thảo chuyên ngành bằng tiếng anh, cải thiện vốn từ ngữ học thuật chuyên ngành sinh học bằng tiếng Anh. Học phần gồm các nội dung cơ bản nhất trong chuyên ngành sinh học như: Các phân tử sinh học, tế bào, di truyền, tiến hóa, động vật, thực vật và sinh thái học.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
57	Kỹ thuật di truyền	Học phần kỹ thuật di truyền là chìa khóa của công nghệ sinh học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật di truyền, cấu trúc gen, các công cụ trong kỹ thuật di truyền, một số kỹ thuật cơ bản, tạo	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		dòng và xây dựng thư viện gen, biểu hiện gen tái tổ hợp trong tế bào và một số ứng dụng của kỹ thuật di truyền. Học phần này được thực hiện sau khi sinh viên học xong học phần Sinh học phân tử. Thông qua việc học các kiến thức về lý thuyết và thực hành trực tiếp trên gen sinh viên có thể phân lập và khuếch đại 1 gen đơn từ genome của sinh vật để có thể biến đổi và chuyển nó vào một cơ thể sinh vật khác, tạo điều kiện cho gen đó biểu hiện.			$\geq 70\%$
58	Sinh học phân tử	Sinh học phân tử nghiên cứu hệ thống sinh học ở mức độ phân tử các phản ứng sinh học xảy ra trong tế bào. Hoạt động của từng gen cũng như sự phối hợp giữa các gen; kiểm soát sự phiên mã, dịch mã cũng như sự phân bố của các protein trong tế bào; các phản ứng sinh học đảm bảo hoạt động sống của tế bào cũng như điều hòa hoạt động giữa các tế bào trong một mô, giữa các mô với nhau ... đều được làm sáng tỏ nhờ các kỹ thuật sinh học phân tử. Vì vậy, sinh học phân tử là một môn học đòi hỏi cần có sự hiểu biết liên quan chặt chẽ đến các kiến thức cơ bản của di truyền, hóa sinh, vi sinh, tế bào ... Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sinh học phân tử liên quan đến: Các đại phân tử sinh học và các liên kết hoá học yếu trong hệ thống sống; Tính ổn định và những biến động của DNA; Phiên mã – dịch mã; Điều hoà biểu hiện của gen; các kỹ thuật cơ bản và những enzyme sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử. Học phần sinh học phân tử đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kiến thức cơ bản vững chắc về lĩnh vực sinh học phân tử, giúp sinh viên tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu các vấn đề sinh học hiện đại.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59	Sinh lý thực vật	Sinh lý thực vật là môn học nghiên cứu về bản chất của sinh học thực vật bao gồm các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phát triển ở thực vật bậc cao được nghiên cứu thực hiện ở các mức cơ thể, cơ quan, tế bào và dưới tế bào. Đây là học phần nền tảng của đào tạo các khối ngành Sinh học, khoa học cây trồng nói chung và là môn học cơ sở cho ngành Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các quá trình trao đổi nước, chất khoáng, biến dưỡng carbon từ môi trường bên ngoài để giúp cho thực vật sinh trưởng và phát triển. Trong hoạt động sống của thực vật luôn chịu ảnh hưởng bởi các	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		yếu tố môi trường và các yếu tố bên trong cơ thể, chúng có một cơ chế tự kiểm soát nhằm thích nghi với các thay đổi đó để tồn tại và phát triển.			
60	Sinh lý người và động vật	Học phần Sinh lý học người và động vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu các chức năng và hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan và các hệ cơ quan của cơ thể người trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống. Đồng thời nó cũng nghiên cứu sự điều hòa các hoạt động chức năng nhằm đảm bảo cho cơ thể con người tồn tại, phát triển và thích ứng với sự biến đổi của môi trường và những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc - chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể. Phần thực hành giúp sinh viên củng cố kiến thức phần lí thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành để chứng minh những tính chất, quy luật sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan bằng thực nghiệm	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
61	Giải phẫu người	Giải phẫu người là môn học nghiên cứu về hình thái và cấu tạo cơ thể người, cung cấp các kiến thức về cấu tạo và chức năng của các loại mô, của từng hệ cơ quan trong cơ thể người. Mối quan hệ thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của từng hệ cơ quan trong cơ thể, sự thống nhất giữa cơ thể với môi trường. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ sở cho nhiều môn khoa học khác như sinh lý người và động vật, dinh dưỡng học, mô phôi học, nội tiết học...	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng là một môn học nghiên cứu về áp dụng các kiến thức Sinh lý thực vật và các kiến thức liên quan đã và đang được ứng dụng rộng rãi, hiệu quả trong công nghệ nhân giống vô tính cây trồng bằng con đường nuôi cấy mô (<i>in vitro</i>), giâm chiết cành (<i>in vivo</i>) để cung cấp cho sản xuất cây giống có chất lượng cao. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng <i>in vivo</i> và <i>in vitro</i> .	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
63	Di truyền người và quần thể	Học phần Di truyền người và quần thể được thiết kế cho sinh viên thuộc các ngành Sinh học, Sư phạm Sinh học. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: Đặc điểm di truyền của các nhóm tính trạng trên cơ thể	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		người; một số phương pháp sử dụng trong tư vấn di truyền ở người; và sự di truyền của các gene trong quần thể. Với nội dung trên, học phần Di truyền người và quần thể cung cấp kiến thức nền tảng cho người học để có thể nhận diện một số bệnh di truyền, cách phòng tránh các bệnh di truyền. Đây là cơ sở để người học có thể tham gia vào công tác tư vấn di truyền và thực hiện các nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.			$\geq 70\%$
64	Tập tính ở động vật	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tập tính, sự hình thành và phát triển của tập tính trong quá trình phát triển cá thể ở động vật cũng như những phản ứng của cơ thể với những kích thích từ môi trường bên ngoài và những nhân tố tác động bên trong trong việc hình thành tập tính – cơ sở khoa học của tập tính vào việc ứng dụng trong đời sống, sản xuất chăn nuôi và bảo tồn các loài động vật quý hiếm. Cấu trúc của học phần gồm 4 chương: chương 1. Đại cương về tập tính động vật; chương 2. Mối quan hệ tiếp xúc giữa động vật và môi trường sống; chương 3. Các loại tập tính thích nghi của động vật; chương 4. Cơ chế và sự phát triển của tập tính.	1	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
65	Bảo tồn thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học của sinh vật trong tự nhiên, cơ sở luật pháp và các tổ chức, cơ quan liên quan đến bảo tồn thiên nhiên; để sinh viên có thể vận dụng vào việc giảng dạy, truyền thông, nghiên cứu về vai trò, ý nghĩa của tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh học trong tự nhiên. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Thực vật học, Động vật có xương sống, Động vật không xương sống, Sinh thái học, Môi trường và phát triển	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66	Cây thuốc	Cây thuốc là một học phần ngắn giới thiệu cho sinh viên một số những nguyên tắc sử dụng dược liệu trong Đông y, từ đó áp dụng với việc sử dụng dược liệu có nguồn gốc thực vật để chữa bệnh trong Đông y. Sau đó, môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc trong việc trồng trọt, thu hái, chế biến, bảo quản và sử dụng dược liệu có nguồn gốc thực vật sao cho đúng cách	1	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		và giữ được dược tính của dược liệu một cách tối đa. Ở cuối học phần, sinh viên được tìm hiểu về đặc điểm, dược tính, thời vụ cũng như cách chế biến một số cây thuốc thường gặp nhất ở nước ta, đặc biệt chú trọng tới các cây thuốc bản địa ở nơi mình đang sinh sống và ở Tây Nguyên. Sinh viên sau khi học xong học phần này sẽ có những kiến thức cơ bản làm nền tảng để tiếp học học những học phần như Dược liệu học, dược lý.			
67	Công nghệ sinh học thực vật	Nội dung của học phần gồm những kiến thức: những nền tảng cơ bản về sự hình thành, phát triển, những thành tựu đạt được và cả những thách thức đối với công nghệ sinh học thực vật; phương pháp nuôi cấy tế bào và mô thực vật trong nhân giống, tạo giống cây trồng, sản xuất hợp chất thứ cấp ở điều kiện in vitro; phương pháp chuyển gene trực tiếp và gián tiếp ở thực vật; và các phương pháp canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng. Học phần Công nghệ sinh học thực vật là một phần quan trọng và đóng tỉ trọng lớn trong phát triển Công nghệ sinh học hiện nay và là một học phần không thể thiếu trong đào tạo sinh viên ngành Công nghệ sinh học, nhằm trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết, các kỹ thuật và những ứng dụng của phương pháp nuôi cấy tế bào và mô thực vật, quy trình chuyển gene vào tế bào thực vật (tách chiết, nhân bản, tạo dòng DNA và phương pháp chuyển gene), các phương pháp canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng. Học phần này có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần SH Thực vật, sinh lý thực vật, sinh học tế bào và sinh học phân tử trong chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ sinh học.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	Công nghệ sinh học	Học phần gồm các nội dung sau: một số khái niệm, các lĩnh vực nghiên cứu, lịch sử phát triển của CNSH; CNSH thực phẩm, CNSH năng lượng, CNSH hóa học, CNSH nông nghiệp, CNSH môi trường, CNSH y dược học.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69	Sinh lý thực vật ứng dụng	Sinh lý thực vật ứng dụng là môn học nghiên cứu về ứng dụng kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phát triển ở thực vật bậc cao vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp, bảo quản chế biến nông sản, bảo vệ môi trường bền vững. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		học, Sư phạm sinh học. Học phần đề cập tới nuôi cấy mô - tế bào thực vật, trồng cây không dùng đất, quang hợp của quần thể cây trồng, điều khiển hô hấp trong trồng trọt, bảo quản nông sản phẩm và ứng dụng chất điều hoà sinh trưởng trong nông nghiệp.			
70	Sinh học phát triển	Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức về cơ sở, cơ chế của sự phát triển cá thể sinh vật trong sinh giới; đặc điểm của quá trình phát triển cá thể động vật, cá thể thực vật từ khi được hình thành đến khi trưởng thành rồi kết thúc vòng đời; các yếu tố tác động, chi phối đến quá trình phát triển của cá thể sinh vật. Các kiến thức của học phần có liên quan đến nội dung của các học phần: Sinh học đại cương, Tế bào học, Thực vật học, Động vật học, Vi sinh vật học, Di truyền học, Sinh thái học, Khoa học môi trường, Sinh lý thực vật, Sinh lý động vật, Di truyền chọn giống, Miễn dịch học...; là cơ sở để lĩnh hội kiến thức của các học phần: Sinh lý động vật, Sinh lý thực vật, Miễn dịch học, Di truyền chọn giống...	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71	Nấm học và ứng dụng	Nấm học và ứng dụng là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vị trí của nấm trong sinh giới và sự đa dạng của giới nấm trong tự nhiên, nắm được vòng đời của nấm trong sinh giới diễn ra như thế nào. Nguồn gốc, phân loại của nấm và nhận biết một số loài nấm thông thường ngoài tự nhiên. Hiểu biết về giá trị dinh dưỡng cũng như giá trị dược liệu của các loài nấm thông dụng được nuôi trồng ở Việt Nam. Nắm được kỹ thuật, qui trình nuôi trồng một số loài nấm thông dụng và cách phòng trừ các bệnh của nấm.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72	Sinh hóa ứng dụng	Sinh hóa ứng dụng (Tên tiếng anh: Applied Biochemistry) là môn học trang bị những hiểu biết về các quá trình Sinh hóa học ứng dụng trong thực tế đời sống và sx công, nông, ngư nghiệp,... Học phần bao gồm các nội dung cụ thể: nhập môn sinh hóa ứng dụng; phản ứng oxy hóa khử và các quá trình lên men; phản ứng thủy phân và ứng dụng; enzyme và ứng dụng (các phương pháp sản xuất enzyme, tối ưu hoá phenotip và genotip quá trình sản xuất enzyme và các hướng ứng dụng enzyme); Hướng nghiên cứu và các ứng dụng thực tế của sinh hóa hiện nay.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

73	Lý luận dạy học sinh học	Học phần Lý luận dạy học sinh học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá kết quả của việc dạy và học môn sinh học ở trường phổ thông; bước đầu hình thành một số kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận nói trên vào hoạt động dạy học, làm cơ sở để học tiếp phương pháp dạy học các phần trong chương trình sinh học ở trường phổ thông. Có nhận thức và thực hiện tốt quan điểm lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy học. Bên cạnh đó, có ý thức học hỏi và thường xuyên trau dồi về chuyên môn và nghiệp vụ để trở thành giáo viên sinh học có năng lực trong tương lai. Học phần này cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng để học các học phần chuyên ngành trong khối nghiệp vụ sư phạm: Phương pháp dạy học sinh học, giải bài tập sinh học, thí nghiệm sinh học phổ thông, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm,....	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
74	Phương pháp dạy học sinh học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp dạy học, các nguyên tắc sử dụng phương pháp dạy học giúp cho sinh viên vận dụng vào bài giảng nhằm nâng cao hiệu quả trong tổ chức hoạt động học tập của học sinh. Đồng thời cung cấp cho sinh viên các phương pháp và kỹ thuật dạy học phát huy tính sáng tạo, tích cực cho người học và các vấn đề đổi mới phương pháp nhằm giúp sinh viên phân tích được đặc điểm của các phương pháp để lựa chọn và phối hợp các phương pháp dạy học thích hợp. Bên cạnh đó học phần giới thiệu khái quát về chương trình Sinh học ở trường phổ thông, đi sâu phân tích các kiến thức cơ bản trong chương trình Sinh học 10 sinh học lớp, sinh học lớp 12 từ đó đề xuất phương pháp dạy học cho từng phần kiến thức.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
75	Thực hành phương pháp dạy học Sinh học	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về xác định mục tiêu bài học, cách phân tích nội dung bài học và trọng tâm kiến thức của bài học. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng lựa chọn các phương pháp phù hợp với từng loại kiến thức trong sinh học phục vụ giảng dạy Sinh học ở trường phổ thông. Bên cạnh đó học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sư phạm như cách trình bày bảng, các tác phong sư phạm	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nhằm phục vụ cho công tác tổ chức các hoạt động dạy học sinh học ở trường. Đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng giảng dạy Sinh học ở trường phổ thông;			
76	Thí nghiệm sinh học phổ thông	Học phần thí nghiệm sinh học phổ thông trang bị cho SV những cơ sở khoa học của các thực hành, thí nghiệm sinh học trong chương trình sinh học ở trường phổ thông; Các kỹ thuật sử dụng dụng cụ, thiết bị và hóa chất trong phòng thí nghiệm sinh học phổ thông; Phương pháp tiến hành thí nghiệm đảm bảo chính xác, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu sư phạm ở trường phổ thông. Giúp SV xác định được mục đích của từng thí nghiệm, mối liên hệ của các thí nghiệm sinh học với nội dung bài giảng trong chương trình phổ thông. Bên cạnh đó, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp triển khai một bài thực hành thí nghiệm và những yêu cầu sư phạm đặt ra trong khi triển khai thí nghiệm trong giờ học. Đồng thời có khả năng lập kế hoạch cụ thể cho việc triển khai các thí nghiệm trong năm học trên cơ sở trang thiết bị hiện có. Học phần này yêu cầu sinh viên phải vận dụng những kiến thức nền tảng ở các học phần chuyên ngành sinh học và các học phần trong khối nghiệp vụ sư phạm: Lý luận dạy học sinh học, Phương pháp dạy học sinh học, ...	1	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
77	Giải bài tập sinh học	Học phần giải bài tập sinh học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Ý nghĩa và vai trò của bài tập sinh học trong dạy học sinh học. Phân loại các dạng bài tập; phương pháp giải một số loại bài tập điển hình ở các chủ đề sinh học khác nhau như: sinh thái, di truyền, tế bào học, sinh lý, nguyên phân, giảm phân...; phân tích phương pháp giải, xác định phương án hướng dẫn học sinh giải các bài tập điển hình đó. Sử dụng bài tập trong quá trình dạy học sinh học (chọn bài tập, chữa bài tập, xây dựng bài tập mới). Qua đó sinh viên nhận thức được bài tập sinh học là phương tiện để dạy học sinh tập vận dụng kiến thức, muốn nâng cao chất lượng dạy và học cần phải sử dụng tốt bài tập trong quá trình dạy học, bên cạnh đó đối với học sinh, giải bài tập là một phương pháp học tập tích cực.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

78	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng lựa chọn và sử dụng các phương pháp, các kỹ thuật dạy học trong giảng dạy bài lên lớp, bài ôn tập – củng cố; kỹ năng thực hiện giảng dạy bài lên lớp kiến thức mới, bài lên lớp ôn tập – củng cố. Đây là những kỹ năng cơ bản, cần thiết và quan trọng để người giáo viên giảng dạy Sinh học ở trường phổ thông hoàn thành tốt công tác chuyên môn. Các kỹ năng được rèn luyện trong học phần này góp phần củng cố, khắc sâu các kiến thức lý thuyết có liên quan trong nội dung của các học phần: Lý luận dạy học sinh học, Phương pháp giảng dạy sinh học; củng cố các kỹ năng đã được rèn luyện trong Thực hành phương pháp giảng dạy sinh học; vận dụng hiệu quả vào việc lựa chọn các phương pháp, biện pháp dạy học sinh học ở trường phổ thông.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
79	Kiến tập sư phạm	Học phần “Kiến tập sư phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật ký kiến tập sư phạm. Qua thời gian đi kiến tập sư phạm sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
80	Thực tập sư phạm	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của thực tập sư phạm (TTSP); Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, Trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật ký TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông. Học phần chủ yếu dành thời gian để sinh viên vận dụng toàn bộ những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, năng lực sư phạm đã tích lũy được trong 4	5	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		năm học tập, nghiên cứu tại trường sư phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.			
81	Thực hành kỹ năng Sư phạm	Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
82	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Sinh học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi như tầm quan trọng của việc bồi dưỡng học sinh giỏi, những phẩm chất và năng lực cần có của học sinh giỏi sinh học, những năng lực giáo viên sinh học cần có khi bồi dưỡng học sinh giỏi sinh học; các kiến thức hệ thống lý thuyết và bài tập sử dụng trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi; các phương pháp tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi sinh học ở trường trung học phổ thông, các kỹ năng bồi dưỡng sinh học (như kỹ năng xây dựng ngân hàng bài tập và soạn thảo chuyên đề, kỹ năng tác động tâm lý, kỹ năng kiểm tra, đánh giá để chọn lọc HSG), tổ chức hoạt động học tập cho học sinh giỏi sinh học (hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hình thức hoạt động hiệu quả khác) và cách sử dụng bài tập trong bồi dưỡng HSG sinh học Học phần này yêu cầu sinh viên phải vận dụng những kiến thức nền tảng ở các học phần chuyên ngành sinh học và các học phần trong khối nghiệp vụ sư phạm: Lý luận dạy học sinh học, Phương pháp dạy học sinh học, Giải bài tập sinh học, ...	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
83	Chuyên đề dạy học tích hợp	Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận của dạy học tích hợp nói chung như khái niệm dạy về dạy học tích hợp, các mức độ tích hợp, các phương pháp và kỹ thuật trong dạy học tích hợp, quy trình xây dựng và tổ chức chủ đề tích hợp; khái niệm chủ đề tích hợp trong dạy học Sinh học, tiêu chí và quy trình xây dựng, thiết kế kế hoạch dạy học các loại chủ đề dạy học tích hợp trong dạy học sinh học. Trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế, soạn bài dạy và tổ chức các chủ đề dạy học tích	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hợp trong dạy học sinh học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông.			
84	Ứng dụng tin học trong giảng dạy sinh học	Ứng dụng tin học trong dạy học sinh học là học phần đáp ứng thực tế yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay. Học phần cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sinh học; trang bị cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ như phần mềm soạn giáo án điện tử, trộn đề thi trắc nghiệm, dạy học trực tuyến, ... và khả năng khai thác các công cụ để thiết kế bài giảng đa phương tiện phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sinh học ở trường phổ thông. Đồng thời trang bị những lý luận về tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh có ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát huy tính tích cực, năng lực sáng tạo của học sinh.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
85	Kỹ thuật dạy học sinh học	Học phần kỹ thuật dạy học sinh học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và hệ thống về các vấn đề kỹ thuật và kỹ năng dạy học trong đó cung cấp các kiến thức về kỹ thuật và kỹ năng dạy học, đồng thời giới thiệu về các cách thiết kế câu hỏi bài tập, phiếu học tập, sơ đồ trong dạy học và cách vận dụng chúng trong dạy học sinh học ở trường phổ thông, bên cạnh đó cho sinh viên tiếp cận về cách dạy học theo chủ đề, chủ đề tích hợp, cách thức biên soạn và tổ chức bài học theo chủ đề tích hợp.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
86	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành một đề tài khóa luận tốt nghiệp.	7	HK8	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá
87	Chuyên đề tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành một đề tài chuyên đề tốt nghiệp.	3	HK8	Do giảng viên chấm
88	Miễn dịch học	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể (hệ thống cơ quan, tế bào, phân tử tham gia vào đáp ứng miễn dịch), cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khỏe con người.			
89	Nguyên tắc phân loại sinh vật	Học phần Nguyên tắc phân loại sinh vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái niệm, những nguyên lý, những phương pháp cơ bản mang tính nguyên tắc về phân loại sinh vật, các đặc điểm của sinh vật được sử dụng trong phân loại học, các trường phái về phân loại, các quan niệm về loài, các thứ bậc dùng trong phân loại học... đồng thời trang bị cho người học các phương pháp phân loại sinh vật, luật danh pháp quốc tế về phân loại học, kỹ năng thực hành trong phân loại học. Những kiến thức này có thể làm tiền đề để sinh viên học tốt những học phần liên quan tới phân loại học như Phân loại thực vật, Động vật học, Động vật rừng, Thực vật học... cũng như có những kiến thức cơ bản nhất về công tác phân loại để có thể ứng dụng trong các công việc có liên quan đến công tác phân loại ở các cơ sở giáo dục và nghiên cứu cũng như các viện bảo tàng.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
90	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học SH	Học phần kiểm tra, đánh giá trong dạy học sinh học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và hệ thống về các vấn đề lý luận của kiểm tra, đánh giá trong giáo dục nói chung. Sinh viên có những kiến thức cơ bản về các phương pháp, dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học sinh học ở trường phổ thông. Có kỹ thuật và cách thức xây dựng bộ câu hỏi (tự luận và trắc nghiệm khách quan) và bài tập phù hợp với từng chủ đề trong chương trình sinh học ở trường phổ thông cách. Cung cấp cho sinh viên quy trình soạn thảo các đề kiểm tra, thi và cách xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá. Giúp sinh viên bước đầu thiết kế được các bài kiểm tra, thi có sử dụng công nghệ hiện đại và xây dựng được các tiêu chí để đánh giá. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng khai thác thông tin, phát triển tư liệu phục vụ việc dạy học sinh học ở trường phổ thông.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
91	Phương tiện dạy học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm vai trò của phương tiện dạy học, các nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học giúp cho sinh viên vận dụng vào bài giảng nhằm nâng cao hiệu quả trong tổ chức hoạt động học tập của học sinh. Đồng thời cung cấp cho sinh viên các đặc	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		tính và quy trình sử dụng một số loại phương tiện dạy học để từ đó vận dụng vào trong giảng dạy nhằm tăng hiệu quả của quá trình dạy học.			

6.8. Công nghệ thông tin

T T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và	2	HK5	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

		việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.			
7	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
8	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
9	Pháp luật Việt Nam đại cương	Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....			
10	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Tiếng Việt thực hành</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lí thuyết đã trình bày như kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kĩ năng đặt câu, dùng từ và kĩ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

12	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
13	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
14	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
15	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
16	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
17	Cơ sở vật lý cho Tin học	Học phần gồm có phần lý thuyết (gồm 3 chương) và phần thực hành . Chương 1 cung cấp cho sinh viên các định luật cơ bản về dòng điện, dòng điện trong các vật dẫn điện, nguồn điện áp, nguồn dòng và một số loại	2	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì

		nguồn cho máy vi tính. Chương 2 trang bị cho sinh viên kiến thức vật lý của các vật liệu dẫn điện, cách điện, vật liệu bán dẫn nhằm giúp sinh viên hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các linh kiện có trong máy vi tính trong các thiết bị ngoại vi. Chương 3 giới thiệu cho sinh viên vi điều khiển phổ biến AVR cho lập trình nhúng, trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giao tiếp vi điều khiển với máy tính, lập trình nhúng điều khiển một số đối tượng cơ bản như LED, cảm biến, động cơ DC. Phần thực hành giúp sinh viên khắc sâu kiến thức và có kỹ năng sử dụng các vi điều khiển cho lập trình nhúng và từ đó thiết kế được một số hệ thống đo lường, giám sát trong IoT			$\geq 70\%$
18	Thẻ đục cơ bản và điện kinh	Học phần Thẻ đục cơ bản và Điện kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thẻ đục cơ bản và Điện kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
19	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
20	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
21	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.			thi cuối kì ≥70%
22	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
23	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

24	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
25	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
26	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
27	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.			
28	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

31	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
32	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
33	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

34	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần độc lập, không yêu cầu phải có các học phần song hành hay tiên quyết. Học phần này được giảng dạy ở học kì 4, cho sinh viên năm thứ hai. Học phần này trang bị cho người học hiểu biết về phương pháp nghiên cứu; các cách tiếp cận và sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp; biết cách đọc, viết, tiến hành nghiên cứu và trình bày bài báo khoa học	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35	Toán cho Công nghệ thông tin	Học phần Toán cho Công nghệ thông tin nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính để sinh viên có thể học tiếp các môn khác như đồ họa máy tính, xử lý hình ảnh, mật mã, học, tối ưu hóa, thuật toán đồ thị, tính toán lượng tử, tìm kiếm thông tin ... Học phần này bao gồm 4 phần. Phần 1 là kiến thức về ma trận và định thức: cung cấp cho sinh viên các khái niệm về ma trận, định thức, hạng của ma trận và ma trận nghịch đảo. Phần 2 là kiến thức về hệ phương trình tuyến tính: cung cấp cho sinh viên khái niệm về hệ phương trình tuyến tính tổng quát, hệ phương trình Cramer và cách giải các hệ phương trình tuyến tính này. Phần 3 là kiến thức về không gian vector cung cấp cho sinh viên khái niệm về không gian vector, cơ sở, số chiều, ma trận chuyển cơ sở, ánh xạ tuyến tính và ma trận chéo của ánh xạ tuyến tính đó. Phần 4 là các kiến thức về không gian vector Euclid, phương pháp trực giao hóa Gram-Schmidt	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36	Xác suất và thống kê	Học phần này gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		Kiến thức tâm lí học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lí học như: Quan niệm về tâm lí; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người; sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; các quá trình tâm lí như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.			thi cuối kì ≥70%
38	Nhập môn ngành CNTT	Học phần Nhập môn ngành CNTT được tổ chức đào tạo ở học kỳ thứ nhất, dành cho sinh viên ngành CNTT. Học phần này trang bị cho sinh viên tổng quan về nghề nghiệp và cấu trúc chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin; Trang bị cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp; giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp; giúp sinh viên làm quen các trải nghiệm tư duy thiết kế dự án kỹ thuật để chuẩn bị cho việc học tập trong các học kỳ sau	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
39	Cấu trúc rời rạc	Học phần Cấu trúc rời rạc thuộc nhóm Kiến thức cơ sở ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai. Học phần cấu trúc rời rạc trình bày các vấn đề toán học cơ bản nhất nhưng hết sức thiết yếu ứng dụng trong tin học, giúp người học hiểu được lý thuyết thấu đáo, rèn luyện tư duy khoa học giải quyết các bài toán trong tin học. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Cấu trúc rời rạc và các ứng dụng của nó mà một kỹ sư CNTT cần có để ứng dụng vào việc thiết kế máy tính và xây dựng các phần mềm để giải quyết các bài toán thực tế	2	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
40	Lý thuyết thông tin	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của lý thuyết thông tin, bao gồm: Độ đo lượng tin (Measure of Information). Sinh mã tách được (Decypherable Coding). Kênh truyền tin rời rạc không nhớ (Discrete Memoryless Channel). Sửa lỗi kênh truyền (Error Correcting Codings)	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

41	Xử lý tín hiệu số	Học phần tự chọn này thuộc nhóm các Học phần cơ sở của ngành. Học phần xử lý tín hiệu số trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về tín hiệu và hệ thống XLTH số. Hệ thống tuyến tính, bất biến và nhân quả. Phương trình tích chập. Phương trình sai phân. Hệ thống đệ quy và phi đệ quy. Hệ thống có đáp ứng xung hữu hạn và đáp ứng xung vô hạn. Các phần tử và sơ đồ thực hiện hệ thống. Tính ổn định của hệ thống,... trong miền số thực, miền số Z, miền Fourier. Các kiến thức về đặc tính tần số và đáp ứng xung của các mạch lọc rời rạc lý tưởng, các chỉ tiêu kỹ thuật của mạch lọc thực tế, Tổng hợp lọc FIR bằng phương pháp cửa sổ, tổng hợp lọc FIR tối ưu theo định lý Chebyshev và thuật toán Remez, phương pháp lấy mẫu tần số, tổng hợp lọc IIR bằng phương pháp bất biến đặc tính xung và phương pháp song tuyến tính cũng được giới thiệu và đề cập đến trong học phần này	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
42	Kỹ thuật lập trình	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất. Học phần Kỹ thuật lập trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình, ngôn ngữ lập trình C++: Các kiểu dữ liệu cơ bản, cấu trúc điều khiển, hàm và các kiểu dữ liệu phức tạp như mảng, chuỗi, con trỏ, kiểu dữ liệu tự định nghĩa, tệp. Học phần này còn trang bị cho sinh viên khả năng tư duy logic, khả năng lập trình bằng ngôn ngữ C++	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
43	Thực hành Kỹ thuật lập trình	Học phần kỹ thuật lập trình thuộc nhóm Kiến thức cơ sở ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, sinh viên sẽ học song hành với học phần lý thuyết là kỹ thuật lập trình, tạo tiền đề cho phát triển lập trình nâng cao với các ngôn ngữ lập trình khác. Học phần thực hành kỹ thuật lập trình rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy cơ bản về lập trình dựa trên ngôn ngữ C++. Học phần này giúp sinh viên hiểu và rèn luyện tư duy logic, phương pháp tiếp cận và làm việc với ngôn ngữ lập trình, tạo nền tảng cơ bản cho việc học các học phần sau	2	HK1	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
44	Tổ chức máy tính	Học phần này thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 1 (học kì 2) của khóa học. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần nhập môn mạng máy tính, quản trị mạng trên môi trường Windows. Học phần tổ chức máy tính cung cấp cho người học những	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		kiến thức về tổ chức, kiến trúc máy tính, các thành phần của một hệ thống máy tính cá nhân, chức năng các thành phần đó, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, hệ thống kết nối cơ bản các bộ phận của máy tính kiến trúc CPU, các thành phần CPU, tổ chức tập lệnh, bộ nhớ máy tính, phân cấp bộ nhớ và chế độ địa chỉ, các thiết bị nhập xuất, kiến trúc và tổ chức thông tin trên đĩa			
45	Thực hành Tổ chức máy tính	Học phần này thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất (học kì 2) của khóa học. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần nhập môn mạng máy tính, quản trị mạng trên môi trường Windows. Học phần thực hành tổ chức máy tính nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kiến thức đã được học trong học phần tổ chức máy tính. Trang bị các kỹ năng về lựa chọn các thiết bị, lắp ráp máy tính, phân vùng định dạng bộ nhớ ngoài, cài đặt hệ điều hành, cài đặt driver cho các thiết bị, cài đặt các phần mềm thông dụng, khắc phục các lỗi cơ bản của máy tính	1	HK2	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
46	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2. Học phần cấu trúc dữ liệu và giải thuật trang bị cho sinh viên trang bị cho SV kiến thức các cấu trúc dữ liệu mới: danh sách liên kết, danh sách tuyến tính, cây và các giải thuật về tìm kiếm, sắp xếp; đánh giá tính phức tạp của các giải thuật; lựa chọn giải thuật và cấu trúc dữ liệu phù hợp để giải quyết yêu cầu	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
47	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần thực hành cấu trúc dữ liệu và giải thuật thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 3), sinh viên sẽ học song hành với học phần lý thuyết là cấu trúc dữ liệu và giải thuật. Học phần thực hành cấu trúc dữ liệu và giải thuật rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng, phân tích và đánh giá và lập trình trên các cấu trúc dữ liệu mới: danh sách liên kết, danh sách tuyến tính, cây và các giải thuật về tìm kiếm, sắp xếp; đánh giá độ phức tạp của các giải thuật; lựa chọn giải thuật và cấu trúc dữ liệu phù hợp để giải quyết yêu cầu	1	HK3	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành

48	Cơ sở dữ liệu	Môi trường cơ sở dữ liệu; Thiết kế cơ sở dữ liệu; Khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ; Thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ; Ngôn ngữ SQL; Mô hình truy cập; Quản trị bên trong cơ sở dữ liệu; Môi trường khách chủ	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
49	Thực tế nghề nghiệp	Học phần này được thiết kế ở học kì 5, cho sinh viên năm thứ 3. Sinh viên đến doanh nghiệp CNTT để tìm hiểu môi trường, quy trình làm việc của doanh nghiệp CNTT; tìm hiểu quy trình thực hiện một dự án CNTT; tìm hiểu vị trí việc làm của cử nhân CNTT. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng làm việc thực tế tại các công ty CNTT. Thời gian đi thực tế sẽ giúp cho các sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể xây dựng chiến lược học trong những năm tới một cách hiệu quả. Trong khoảng thời gian thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ được tham quan cơ sở làm việc của doanh nghiệp, được giới thiệu các dự án CNTT đang được triển khai tại nơi thực tập, các xu hướng phát triển nghề nghiệp. Cuối đợt thực tế, sinh viên phải viết báo cáo về quá trình thực tế và được giáo viên hướng dẫn chấm điểm	1		Báo cáo
50	Nhập môn kỹ nghệ phần mềm	Học phần Nhập môn kỹ nghệ phần mềm thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 4). Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho để phát triển các học phần như phân tích thiết kế hệ thống thông tin, phát triển ứng dụng web, lập trình di động. Học phần này trang bị các kiến thức về quy trình xây dựng phần mềm, chi tiết từng giai đoạn, cách thức tổ chức các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng phần mềm. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, có kỹ năng xây dựng các phần mềm đơn giản. Sau khi kết thúc học phần, học viên biết cách thức tổ chức để xây dựng một phần mềm từ lúc ban đầu cho đến lúc chuyên giao phần mềm, có kỹ năng xây dựng các tài liệu phân tích và thiết kế phần mềm, kỹ năng sử dụng một ngôn ngữ lập trình xây dựng chương trình thực tế quy mô nhỏ	2	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
51	Thực hành Nhập môn	Học phần thực hành Nhập môn kỹ nghệ phần mềm thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 4). Nội dung	1	HK4	Trung bình cộng điểm đánh giá của

	kỹ nghệ phần mềm	học phần này là nền tảng và cơ sở cho để phát triển các học phần như phân tích thiết kế hệ thống thông tin, phát triển ứng dụng web, lập trình di động. Học phần này trang bị các kiến thức về quy trình xây dựng phần mềm, chi tiết từng giai đoạn, cách thức tổ chức các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng phần mềm. Sau khi kết thúc học phần, học viên biết thành thạo kỹ năng sử dụng một ngôn ngữ lập trình xây dựng chương trình thực tế quy mô nhỏ			các bài thực hành
52	Thiết kế và lập trình Web cơ bản	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai (học kì 4). Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần Thiết kế và Lập trình web nâng cao, đồng thời là cơ sở để phát triển các học phần như Lập trình ứng dụng mã nguồn mở, các học phần tự chọn và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Học phần này nhằm trang bị kiến thức về thiết kế và lập trình web tĩnh, khai thác và sử dụng hiệu quả các công cụ phần mềm hiện đại để thiết kế và lập trình một website đẹp, dễ sử dụng, tin cậy ...đáp ứng các yêu cầu của một hệ thống website	2	HK4	Báo cáo đồ án
53	Thực hành Thiết kế và lập trình web cơ bản	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai, sinh viên sẽ học song hành với học phần lý thuyết là Thiết kế và Lập trình web cơ bản. Tạo tiền đề cho phát triển và lập trình web nâng cao. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần Thiết kế và Lập trình web nâng cao, đồng thời là cơ sở để phát triển các học phần như Lập trình ứng dụng mã nguồn mở, các học phần tự chọn và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Học phần này nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kiến thức về thiết kế và lập trình web tĩnh đơn giản, khai thác và sử dụng hiệu quả các công cụ phần mềm hiện đại để thiết kế và lập trình một website. Thực hiện hosting một website.	1	HK4	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
54	Nhập môn mạng máy tính	Học phần này thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 3) của khóa học. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần quản trị mạng trên môi trường Windows, lập trình mạng, thiết kế mạng, mạng máy tính nâng cao. Học phần nhập môn mạng máy tính trang bị cho người học những kiến thức về mạng máy tính, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý nền tảng về mạng máy tính thông qua	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		những mô hình tham chiếu và bộ giao thức nổi tiếng OSI và TCP/IP. Các đặc tính của tầng vật lý, tầng liên kết dữ liệu, tầng mạng, tầng vận chuyển và tầng ứng dụng sẽ được đề cập chi tiết qua mỗi chương. Trình bày hoạt động và đặc điểm của các thiết bị mạng thông dụng. Kỹ thuật và các chuẩn phổ biến cho mạng cục bộ (LAN) sẽ được nhấn mạnh. Sau khi hoàn tất học phần sinh viên sẽ có khả năng cài đặt, vận hành các hệ thống mạng vừa và nhỏ.			
55	Thực hành nhập môn mạng máy tính	Học phần này thuộc nhóm kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 3) của khóa học. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần quản trị mạng trên môi trường Windows, lập trình mạng, thiết kế mạng, mạng máy tính nâng cao. Học phần Thực hành nhập môn mạng máy tính nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kiến thức đã được học trong học phần nhập môn mạng máy tính. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng về phân biệt, nhận biết, cấu hình các thiết bị mạng, các loại dây mạng; bấm các loại dây mạng; sử dụng các phần mềm phân tích và mô phỏng mạng; bắt và phân tích các loại gói tin; thiết lập, cấu hình được các mô hình mạng, các giao thức mạng; phát hiện và xử lý các sự cố về mạng	1	HK3	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
56	Nhập môn Hệ điều hành	Học phần này thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 (học kì 6) của khóa học. Học phần Hệ điều hành đóng một vai trò rất quan trọng trong ngành công nghệ thông tin, là vị trí then chốt kết nối giữa phần cứng và phần mềm. Học phần này giúp sinh viên nắm rõ tổng quan vấn đề cơ bản nhất của hệ điều hành như nguyên tắc hoạt động, tổ chức, quản lý bộ xử lý trung tâm, quản lý bộ nhớ và quản lý các thiết bị vào ra (phần cứng máy tính) cùng với các phương pháp giải quyết khi xảy ra xung đột trong quá trình vận hành hệ thống. Tổ chức quản lý và cấp phát tài nguyên, tối ưu hoá hệ thống theo yêu cầu như tổ chức lại bộ nhớ để nâng cao tốc độ xử lý của hệ thống điều hành thông minh. An toàn hệ thống, các nguyên tắc tổ chức đảm bảo hệ thống tin cậy, truyền thông liên tục. Các thành phần và cấu trúc của các hệ điều hành thông dụng như Linux, Windows, Android trên các thiết bị máy tính, điện thoại thông minh. Triển	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		khai hoạt động, cài đặt các dịch vụ trên nền tảng hệ điều hành hiện đại đáp ứng nhu cầu thực tế. Từ việc nắm vững lý thuyết hệ điều hành, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn các chức năng nâng cao hiệu năng hệ thống đảm bảo vận hành trong suốt, an toàn và tin cậy để đáp ứng việc xây dựng các ứng dụng và phát triển sự kết nối trên các hệ thống mạng tập trung cũng như mạng phân tán hiện nay.			
57	Lập trình hướng đối tượng	Học phần Lập trình hướng đối tượng thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 4). Học phần này nhằm trang bị kiến thức kiến thức về phương pháp lập trình hướng đối tượng, cách nhận diện các đối tượng, thiết kế các đối tượng phù hợp nhất với yêu cầu thực tế và sử dụng ngôn ngữ lập trình, công cụ lập trình để thực hiện giải quyết các yêu cầu một cách cụ thể. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần cơ sở để phát triển các học phần như Nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
58	Lập trình Windows	Học phần này là học phần tự chọn trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về .Net Framework và ngôn ngữ lập trình C#: hệ thống kiểu, nhập/xuất, chuyển đổi kiểu dữ liệu, các lệnh điều khiển, lớp và đối tượng,... Lập trình trên Windows Form với các control cơ bản: cách sử dụng và xử lý các control này. Kết nối cơ sở dữ liệu ADO.NET với 2 cách Connect và Disconnect. Xây dựng ứng dụng truy xuất dữ liệu 3 tầng	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	Học phần thực hành Lập trình hướng đối tượng thuộc nhóm Kiến thức cơ sở của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2 (học kì 4). Học phần này nhằm rèn luyện kỹ năng nhận diện các đối tượng, thiết kế các đối tượng phù hợp nhất với yêu cầu thực tế và kỹ năng lập trình, sử dụng công cụ lập trình để tạo chương trình giải quyết các yêu cầu một cách cụ thể. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần cơ sở để phát triển các học phần như Nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống	1	HK4	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
60	Thực hành Lập trình Windows	Học phần này là học phần tự chọn, song hành với học phần Lập trình Windows nhằm giúp sinh viên rèn luyện và vận dụng các kiến thức đã được học trong học phần Lập trình Windows.	1	HK3	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực

		Nội dung chủ yếu của học phần này xoay quanh những nội dung sau: các khái niệm cơ bản về .Net Framework và ngôn ngữ lập trình C#: hệ thống kiểu dữ liệu, nhập/xuất, chuyển đổi kiểu dữ liệu, các lệnh điều khiển, lớp và đối tượng,... Lập trình trên Windows Form với các control cơ bản: cách sử dụng và xử lý các control này. Kết nối cơ sở dữ liệu ADO.NET với 2 cách Connect và Disconnect. Xây dựng ứng dụng truy xuất dữ liệu 3 tầng			hành
61	Tiếng Anh Chuyên ngành CNTT	Học phần Tiếng anh chuyên ngành CNTT là học phần độc lập, không nhất thiết phải có các học phần song hành hay tiên quyết. Tuy nhiên, học phần này nên được học sau khi sinh viên đạt được các kiến thức cơ bản của học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2. Học phần Tiếng anh chuyên ngành CNTT được giảng dạy cho sinh viên năm thứ ba (học kì 5) Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thuật ngữ chuyên ngành CNTT; giúp sinh viên củng cố kiến thức cơ bản về ngữ pháp, tăng cường khả năng đọc, nghe, nói, viết các nội dung chuyên ngành; và giúp sinh viên sử dụng tài liệu tiếng Anh trong quá trình nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực CNTT.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62	Xử lý ảnh số	Học phần Xử lý ảnh số thuộc nhóm Kiến thức bắt buộc của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành CNTT. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Xử lý ảnh để sinh viên có được nền tảng vững chắc khi cần đi sâu vào nghiên cứu, phát triển các ứng dụng liên quan đến Thị giác máy tính. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về xử lý ảnh số, các thuộc tính của ảnh, các phép biến đổi ảnh, các phương pháp phân tích và tiền xử lý ảnh, các phương pháp nén ảnh. Sinh viên cần nắm vững kiến thức liên quan đến các học phần: Đại số tuyến tính, Kỹ thuật lập trình, Cấu trúc rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật để ứng dụng vào học phần này. Với kiến thức được trang bị trong học phần Xử lý ảnh số, sinh viên có thể ứng dụng để giải quyết các vấn đề trong Xử lý ảnh số như Tăng cường chất lượng ảnh, phục hồi ảnh nhiễu, phân vùng ảnh, nén ảnh,...	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
63	Thực hành Xử lý ảnh số	Học phần thực hành Xử lý ảnh số thuộc nhóm Kiến thức bắt buộc của ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành CNTT. Học phần này sẽ học song hành với học phần Xử lý ảnh số. Học phần cung cấp cho	1	HK6	Trung bình cộng điểm đánh giá của

		sinh viên kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Xử lý ảnh để sinh viên có được nền tảng vững chắc khi cần đi sâu vào nghiên cứu, phát triển các ứng dụng liên quan đến Thị giác máy tính. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về xử lý ảnh số, các thuộc tính của ảnh, các phép biến đổi ảnh, các phương pháp phân tích và tiền xử lý ảnh, các phương pháp nén ảnh. Sinh viên cần trang bị kiến thức về các học phần: Đại số tuyến tính, Kỹ thuật lập trình, Cấu trúc rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật để tham gia học phần thực hành này. Sinh viên sẽ ứng dụng những kiến thức được trang bị trong học phần Xử lý ảnh số để phát triển một ứng dụng để giải quyết các vấn đề trong Xử lý ảnh số như Tăng cường chất lượng ảnh, phục hồi ảnh nhiễu, phân vùng ảnh, nén ảnh,... sử dụng bộ công cụ lập trình Visual Studio			các bài thực hành
64	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Học phần Phân tích thiết kế hệ thống thông tin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. Học phần cung cấp cho người học các kỹ thuật thu thập thông tin, phân tích hoạt động của hệ thống thông tin; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng. Về hoạt động thiết kế, học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc xác định cấu trúc, các thành phần cần thiết để xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin; đánh giá, phân loại các dạng thông tin, kỹ thuật áp dụng và các mô hình, bảng thiết kế của nhiều khía cạnh mô tả hoạt động của hệ thống của các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế... Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ để hỗ trợ trong quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
65	Thực hành Phân tích Thiết kế HTTT	Học phần thực hành phân tích thiết kế hệ thống thông tin rèn luyện cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. Về hoạt động thiết kế, học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc xác định cấu trúc, các thành phần cần thiết để xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin; đánh giá, phân loại các dạng thông tin, kỹ thuật áp dụng và các mô hình, bảng thiết kế của nhiều khía cạnh mô tả hoạt động của hệ thống của các tổ chức kinh tế, giáo dục,	1	HK5	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành

		y tế... Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ để hỗ trợ trong quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin.			
66	Trí tuệ nhân tạo	Học phần Nhập môn trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm các học phần Kiến thức ngành, giảng dạy cho sinh viên năm 3 (Học kỳ 5). Học phần tập trung vào các nội dung chính cơ bản như: Lịch sử, các vấn đề, các lĩnh vực nghiên cứu, các ứng dụng, và các vấn đề đặt ra của Trí tuệ nhân tạo; Tìm kiếm trên không gian trạng thái; Tìm kiếm theo kinh nghiệm; Chơi trò chơi; Biểu diễn và suy luận tri thức cơ bản; Tri thức không chắc chắn và không chính xác; Học máy. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu thêm các vấn đề mới của Trí tuệ nhân tạo	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
67	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	Học phần này thuộc nhóm các học phần Kiến thức ngành, giảng dạy cho sinh viên năm 3. Học phần tập trung vào nội dung chính trong các bước của quá trình phát triển phần mềm hướng đối tượng: Khảo sát hiện trạng, xác định yêu cầu của người dùng; phân tích, mô hình hóa yêu cầu người dùng; phân tích theo hướng đối tượng với sơ đồ lớp, sơ đồ trạng thái, ...; thiết kế dữ liệu dự trữ bằng cơ sở dữ liệu quan hệ hay XML; một số kiến trúc phổ biến trong thiết kế phần mềm, thiết kế giao diện; và một số mẫu thiết kế hướng đối tượng thông dụng. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên có khả năng tự nghiên cứu thêm các vấn đề mới của phân tích và thiết kế phần mềm theo hướng đối tượng	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	Các quy trình phát triển phần mềm hiện đại	Học phần Các quy trình phát triển phần mềm hiện đại thuộc nhóm các học phần Kiến thức ngành, giảng dạy cho sinh viên năm 3 (Học kỳ 6). Học phần Các quy trình phát triển phần mềm hiện đại trang bị các kiến thức và kỹ năng phát triển phần mềm theo quy trình phát triển phần mềm mới, chi tiết từng giai đoạn, cách thức tổ chức các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng phần mềm. Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu biết và vận dụng một cách linh hoạt phương pháp phát triển phần mềm hiện đại để xây dựng phần mềm nhanh và hiệu quả	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Chức năng cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý các giao tác đồng thời, cơ chế phục hồi sau sự cố, cơ chế đảm bảo an toàn dữ liệu; Mô	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		hình cài đặt thực tế trong một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu như SQL-Server, Oracle; Các vấn đề liên quan đến tối ưu hóa câu truy vấn			$\geq 70\%$
70	An toàn thông tin	Nhập môn an toàn thông tin cung cấp cho người học các nguyên lý cơ bản và chiến lược thiết kế hệ thống bảo mật; các nguy cơ đe dọa hệ thống và các biện pháp ngăn chặn, quản lý rủi ro và khắc phục sự cố. Các chủ đề rủi ro an ninh tập trung các vấn đề về phần mềm độc hại, các công cụ và hình thức tấn công phổ biến, các mối đe dọa và lỗ hổng bảo mật. Các biện pháp bảo vệ trải đều các tầng khác nhau trong mô hình người-máy (man-machine model). Tầng lõi và tầng dịch vụ dữ liệu được bảo vệ thông qua các cơ chế kiểm soát truy cập. Ở các tầng ứng dụng, các thuật toán mật mã học được sử dụng để bảo mật thông tin. Học phần này cũng trình bày khái quát các vấn đề về quản lý rủi ro, sao lưu và khôi phục dữ liệu, phản hồi và khắc phục sự cố	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71	Lập trình ứng dụng mã nguồn mở	Học phần Lập trình ứng dụng mã nguồn mở thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 (học kì 6). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như lập trình web nâng cao, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng khai thác các phần mềm mã nguồn mở, các điều luật liên quan cũng như cách thức kết hợp, phát triển thêm các mã nguồn mở này. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu biết và vận dụng một cách linh hoạt các mã nguồn mở để xây dựng phần mềm nhanh và hiệu quả.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72	Thực hành Lập trình ứng dụng mã nguồn mở	Học phần thực hành Lập trình ứng dụng mã nguồn mở thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 (học kì 6). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như lập trình web nâng cao, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng khai thác	1	HK6	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành

		các phần mềm mã nguồn mở, các điều luật liên quan cũng như cách thức kết hợp, phát triển thêm các mã nguồn mở này. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu biết và vận dụng một cách linh hoạt các mã nguồn mở để xây dựng phần mềm nhanh và hiệu quả			
73	Thiết kế và lập trình Web nâng cao	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức ngành, giảng dạy ở học kì 5 cho sinh viên năm thứ 3. Nội dung học phần này được phát triển dựa trên nền tảng của học phần Thiết kế và Lập trình web cơ bản, đồng thời là cơ sở để phát triển các học phần như Lập trình ứng dụng mã nguồn mở, phát triển ứng dụng web, các học phần tự chọn và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Học phần này nhằm trang bị kiến thức về thiết kế và lập trình web động, phát triển khả năng lập trình web tương tác với người sử dụng, thao tác với dữ liệu trong cơ sở dữ liệu; khai thác và sử dụng hiệu quả các công cụ phần mềm hiện đại để thiết kế và lập trình một website đẹp, dễ sử dụng, tin cậy ...đáp ứng các yêu cầu của một hệ thống website. Xuất bản website lên môi trường mạng	2	HK5	Báo cáo đồ án
74	Thực hành Thiết kế và lập trình web nâng cao	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức ngành, giảng dạy ở học kì 5 cho sinh viên năm thứ 3. Nội dung học phần này được phát triển dựa trên nền tảng của học phần Thiết kế và Lập trình web cơ bản, đồng thời là cơ sở để phát triển các học phần như Lập trình ứng dụng mã nguồn mở, phát triển ứng dụng web, các học phần tự chọn và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Học phần này nhằm giúp sinh viên rèn luyện kiến thức về thiết kế và lập trình web động, phát triển khả năng lập trình web tương tác với người sử dụng, thao tác với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu; khai thác và sử dụng hiệu quả các công cụ phần mềm hiện đại để thiết kế và lập trình một website đẹp, dễ sử dụng, tin cậy ...đáp ứng các yêu cầu của một hệ thống website. Đánh giá được sản phẩm website tạo ra. Xuất bản website lên môi trường mạng	1	HK5	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
75	Những vấn đề hiện đại của CNTT	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức ngành, giảng dạy ở học kì 7 cho sinh viên năm thứ tư. Trước khi tham gia học phần này, sinh viên cần được trang bị các kiến thức nền tảng về Cấu trúc dữ liệu và giải thuật và phải làm chủ	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		ít nhất một ngôn ngữ lập trình. Do đặc thù môn học, các chủ đề sẽ thay đổi theo từng năm nhằm cập nhật những kiến thức về những vấn đề mới nổi, do vậy môn học này tập trung vào trang bị cho sinh viên cách đọc hiểu, tóm tắt, trình bày, viết báo cáo, và thảo luận các bài báo khoa học, đặc biệt là các bài báo về các chủ đề mới trong công nghệ thông tin. Sinh viên sẽ nắm được các kiến thức nền tảng để định hướng giải quyết một số bài toán và xu hướng phát triển của ngành CNTT trong tương lai			$\geq 70\%$
76	Thực tập nghề nghiệp	Học phần này được thiết kế ở học kì 7, cho sinh viên năm thứ 4. Sinh viên đi làm việc thực tế tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động CNTT. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc thực tế tại các công ty công nghệ hoặc các bộ phận CNTT của các cơ quan, tổ chức. Thời gian đi thực tập sẽ giúp cho các sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học trong năm cuối một cách hiệu quả. Trong khoảng thời gian thực tập, sinh viên sẽ được tham gia vào các dự án CNTT hoặc các đề tài nghiên cứu đang được triển khai tại nơi thực tập. Mỗi sinh viên sẽ có 02 người hướng dẫn: 1 ở nơi thực tập và 1 ở bộ môn CNTT. Cuối mỗi kỳ thực tập, sinh viên phải viết báo cáo về quá trình thực tập và được hai người hướng dẫn nhận xét, giáo viên hướng dẫn chấm điểm	3	HK7	Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp
77	Lập trình di động	Học phần Lập trình di động thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Học phần Lập trình di động vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng di động quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực trên nền tảng hệ điều hành di động android và ios. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng trên điện thoại di động quy mô vừa và nhỏ.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

78	Thực hành Lập trình di động	Học phần thực hành Lập trình di động thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng di động quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực trên nền tảng hệ điều hành di động android và ios. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng lập trình ứng dụng di động bằng các công cụ lập trình của nhà cung cấp Android và Ios. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng trên điện thoại di động quy mô vừa và nhỏ.	1	HK7	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
79	Phát triển ứng dụng web	Học phần phát triển ứng dụng web thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, lập trình web cơ bản, lập trình web nâng cao. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng thiết kế, lập trình ứng dụng web trên nền tảng công nghệ mới NodeJS. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng web với quy mô vừa và nhỏ.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
80	Thực hành phát triển ứng dụng web	Học phần thực hành Phát triển ứng dụng web thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, lập trình web cơ bản, lập trình web nâng cao. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng lập trình ứng dụng web trên nền tảng công nghệ mới NodeJS. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng web với quy mô vừa và nhỏ.	1	HK7	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
81	Kiểm thử phần mềm	Học phần này thuộc nhóm các học phần chuyên ngành Công nghệ phần mềm, giảng dạy cho sinh viên năm 4 (Học kỳ 7). Học phần trang bị cho	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm

		sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản trong kiểm thử phần mềm như: vai trò, sự quan trọng của kiểm thử phần mềm; các nguyên tắc cơ bản trong kiểm thử phần mềm; quy trình và kế hoạch kiểm thử phần mềm; các mức độ kiểm thử phần mềm; các kỹ thuật kiểm thử dòng điều khiển, kiểm thử dòng lệnh, kiểm thử hộp đen, kiểm thử thủ công, kiểm thử mô đun; cách quản lý lỗi. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên có khả năng tự nghiên cứu thêm các vấn đề mới của kiểm chứng phần mềm			thi cuối kì ≥70%
82	Thực hành kiểm thử phần mềm	Học phần này thuộc nhóm các học phần chuyên ngành Công nghệ phần mềm, giảng dạy cho sinh viên năm 4 (Học kỳ 7). Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong kiểm thử phần mềm như: vai trò, sự quan trọng của kiểm thử phần mềm; các nguyên tắc cơ bản trong kiểm thử phần mềm; quy trình và kế hoạch kiểm thử phần mềm; các mức độ kiểm thử phần mềm; các kỹ thuật kiểm thử dòng điều khiển, kiểm thử dòng lệnh, kiểm thử hộp đen, kiểm thử thủ công, kiểm thử mô đun; cách quản lý lỗi. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên có khả năng tự nghiên cứu thêm các phương pháp khác của kiểm chứng phần mềm	1	HK7	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
83	Hệ quản trị CSDL NoSQL	Học phần hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoSQL thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là trang bị kiến thức về hệ quản trị NoSQL, kỹ năng sử dụng, khai thác và truy vấn dữ liệu trên một hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoSQL. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể khai thác sử dụng và lập trình ứng dụng với một hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoSQL	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
84	Thực hành hệ QTCSDDL NoSQL	Học phần thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoSQL thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng, khai thác và truy vấn dữ liệu trên một hệ quản trị NoSQL, viết các ứng dụng kết nối hệ quản trị NoSQL. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sau khi	1	HK7	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành

		kết thúc học phần, học viên có thể khai thác, sử dụng và lập trình ứng dụng với một hệ quản trị cơ sở dữ liệu Nosql			
85	Công nghệ lập trình đa nền tảng cho ứng dụng di động	Học phần công nghệ lập trình đa nền tảng cho ứng dụng di động thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, này trang bị các kiến thức và kỹ năng thiết kế, lập trình ứng dụng di động bằng framework React Native để xây dựng ứng dụng di động quy mô vừa và nhỏ cho thiết bị di động. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng trên điện thoại di động quy mô vừa và nhỏ.	2	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
86	Thực hành Công nghệ lập trình đa nền tảng cho ứng dụng di động	Học phần thực hành Công nghệ đa nền tảng cho ứng dụng di động thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như nhập môn kỹ nghệ phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng di động quy mô vừa và nhỏ cho thiết bị di động. Học phần này trang bị các kiến thức và kỹ năng lập trình ứng dụng di động bằng framework React Native. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế phần mềm và kỹ năng lập trình web. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể lập trình và xuất bản ứng dụng trên điện thoại di động quy mô vừa và nhỏ	1	HK4	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
87	Lập trình Python	Học phần lập trình Python thuộc nhóm các Học phần chuyên ngành, định hướng Công nghệ phần giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 CNTT (Học kỳ 6). Học phần này được dạy song hành cùng với học phần “Thực hành Lập trình Python”. Kỹ thuật lập trình Python là một môn học tự chọn quan trọng để hỗ trợ cho định hướng Dữ liệu lớn và Khoa học dữ liệu thuộc ngành Công nghệ thông tin. Môn học gồm các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu khái quát lịch sử ngôn ngữ lập trình Python và vai trò của nó trong	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		cách mạng công nghiệp 4.0. (2) Ngữ nghĩa cú pháp ngôn ngữ lập trình Python. (3) Nguyên lý hướng đối tượng trong Python. (4) Các thư viện phổ biến nhất hỗ trợ lập trình trong Python. (5) Xây dựng các ứng dụng bằng Python. Bên cạnh đó, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu bằng Tiếng Anh, kỹ năng tiến hành nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, trình bày thuyết minh đề tài và làm việc nhóm. Với kiến thức được thực hành và trang bị trong học phần này, sinh viên có khả năng tự xây dựng một ứng dụng Python sử dụng các thư viện có sẵn, phục vụ cho các công việc thực tế, đặc biệt là trong lĩnh vực liên quan đến Khoa học dữ liệu.			
88	Thực hành Lập trình Python	Học phần thực hành Lập trình Python thuộc nhóm các Học phần chuyên ngành, định hướng Công nghệ phần giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 CNTT (Học kỳ 6). Học phần này sẽ dạy song hành cùng học phần Lập trình Python. Kỹ thuật lập trình Python là một môn học tự chọn quan trọng để hỗ trợ cho định hướng Dữ liệu lớn và Khoa học dữ liệu thuộc ngành Công nghệ thông tin. Học phần này cung cấp môi trường để sinh viên thực hành các kiến thức đã học trong học phần “Lập trình Python”, gồm các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu khái quát lịch sử ngôn ngữ lập trình Python và vai trò của nó trong cách mạng công nghiệp 4.0. (2) Các ngữ nghĩa cú pháp ngôn ngữ lập trình Python, cách cài đặt, nhập xuất dữ liệu. (3) Nguyên lý hướng đối tượng trong Python. (4) Các thư viện phổ biến hỗ trợ lập trình trong Python. (5) Xây dựng các ứng dụng bằng Python. Bên cạnh đó, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu bằng Tiếng Anh, kỹ năng tiến hành nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, trình bày thuyết minh đề tài. Với kiến thức được trang bị trong học phần này, sinh viên có khả năng tự xây dựng một ứng dụng Python sử dụng các thư viện có sẵn, phục vụ cho các công việc thực tế, đặc biệt là trong lĩnh vực liên quan đến Khoa học dữ liệu.	1	HK6	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
89	Thiết kế mạng	Học phần thiết kế mạng thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ tư (học kì 7) của khóa học. Học phần Thiết kế mạng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình phân tích, thiết kế mạng. Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		nghệ mạng LAN và WAN; các vấn đề lý thuyết liên quan tới tính năng và hoạt động của các thiết bị đang sử dụng trên mạng. Sinh viên có khả năng vận dụng quy trình thiết kế mạng vào việc phân tích và thiết kế các mạng LAN, WLAN và WAN.			
90	Thực hành thiết kế mạng	Học phần thực hành Thiết kế mạng thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7) của khóa học. Học phần thực hành Thiết kế mạng cung cấp cho người học kiến thức về phân tích, thiết kế và cài đặt một hệ thống mạng LAN, WLAN, WAN. Các nội dung chủ yếu bao gồm: Kỹ thuật xác định các nhu cầu và mục tiêu của hệ thống mạng, liên mạng cho khách hàng; Kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng, liên mạng ở mức luận lý, Kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng, liên mạng ở mức vật lý; Kiểm thử, tối ưu và lập tài liệu cho hệ thống mạng, liên mạng. Học xong học phần sinh viên có khả năng vận dụng quy trình thiết kế mạng vào việc phân tích và thiết kế các mạng LAN, WLAN và WAN trong thực tế.	1	HK4	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành
91	Điện toán đám mây	Học phần Điện toán đám mây là học phần tự chọn thuộc nhóm chuyên ngành Hệ thống thông tin, khối kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ tư chuyên ngành Công nghệ Thông tin ở học kỳ 7. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức thực tiễn về các chủ đề cơ bản liên quan đến điện toán đám mây, đồng thời giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các tính năng của điện toán đám mây trên 4 mô hình dịch vụ: IaaS, PaaS, SaaS, PBaaS. Nội dung của học phần nhấn mạnh vào 4 mô hình: Infrastructure as a Service (IaaS); Platform as a Service (PaaS); Software as a Service (SaaS), và Business Process as a Service (BPaaS). Học phần cũng giới thiệu đến sinh viên một số dịch vụ đám mây như: Dịch vụ lưu trữ (Google Storage), AmazonS3, Amazon Dynamo, dịch vụ quản lý tài nguyên, dịch vụ giám sát	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
92	Thực hành điện toán đám mây	Học phần thực hành Điện toán đám mây là học phần tự chọn thuộc nhóm chuyên ngành Hệ thống thông tin, khối kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Công nghệ Thông tin ở học kỳ 7. Học phần Thực hành điện toán đám mây nhằm giúp sinh viên rèn luyện và vận dụng các kiến thức đã được học trong học phần Điện toán đám mây. Nội dung	1	HK7	Trung bình cộng điểm đánh giá của các bài thực hành

		chủ yếu của học phần xoay quanh 4 mô hình: Infrastructure as a Service (IaaS); Platform as a Service (PaaS); Software as a Service (SaaS), và Business Process as a Service (BPaaS). Học phần cũng giới thiệu đến sinh viên một số dịch vụ đám mây như: Dịch vụ lưu trữ (Google Storage), AmazonS3, Amazon Dynamo, dịch vụ quản lý tài nguyên, dịch vụ giám sát			
93	Đảm bảo chất lượng phần mềm	Học phần đảm bảo chất lượng phần mềm thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành công nghệ phần mềm, giảng dạy cho sinh viên năm cuối (học kì 7). Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về vấn đề thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng, cài đặt hệ thống đảm bảo chất lượng, tổ chức thực hiện và đánh giá chất lượng phần mềm. Học phần đảm bảo chất lượng phần mềm còn trang bị cho sinh viên kỹ năng mềm: Viết tài liệu đảm bảo chất lượng, tài liệu về chuẩn chất lượng; tác phong làm việc chuyên nghiệp, đúng qui trình, qui cách; Rèn luyện tư duy về vấn đề kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
94	CSDL phân tán	Để sinh viên nắm được các kiến của học phần này thì sinh viên phải có kiến thức của hai học phần: Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Học phần Cơ sở dữ liệu phân tán thuộc nhóm học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Học phần này sẽ kế thừa tất cả các kiến thức từ học phần Cơ sở dữ liệu, hệ Quản trị cơ sở dữ liệu và Một số kiến thức cơ sở trong Kỹ thuật lập trình; Vận dụng các kiến thức từ các học phần trên cùng với kiến thức thiết kế CSDL phân tán và suy diễn vào việc hiểu được khái niệm và thuật toán cơ sở của CSDL phân tán và suy diễn bao gồm các mô hình dữ liệu và các hệ CSDL phân tán và suy diễn tương ứng, các ngôn ngữ CSDL phân tán và suy diễn, tổ chức lưu trữ và tìm kiếm, xử lý và tối ưu hóa truy vấn, quản lý giao dịch và điều khiển tương tranh, thiết kế các CSDL phân tán và suy diễn cho hệ thống thông tin.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
95	Thương mại điện tử	Học phần Thương mại điện tử thuộc nhóm học phần tự chọn trong nhóm chuyên ngành Công nghệ phần mềm được bố trí đào tạo ở học kỳ bảy dành cho sinh viên năm cuối. Học phần này trang bị kiến thức tổng quát về lĩnh vực kinh doanh và thực thi thương mại thông qua các phương tiện điện tử	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, thương mại điện tử (eCommerce). Giới thiệu các mô hình, cách thức quản lý và triển khai các ứng dụng thương mại trên nền tảng công nghệ hiện tại.			
96	Quản lý dự án CNTT	Học phần Quản lý dự án công nghệ thông tin thuộc nhóm Kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7). Nội dung học phần này là vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành như lập trình web nâng cao, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, để xây dựng ứng dụng quy mô vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Học phần Quản lý dự án công nghệ thông tin trang bị các kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc hiệu quả cho hoạt động quản lý hoặc tham gia làm việc trong dự án CNTT	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
97	Mạng máy tính nâng cao	Học phần Mạng máy tính nâng cao thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4 (học kì 7) của khóa học. Nội dung học phần này là nền tảng và cơ sở cho học phần lập trình mạng. Học phần Mạng máy tính nâng cao cung cấp cho người học những kiến thức về công nghệ định tuyến, phân loại và đặc điểm của các giao thức định tuyến; cung cấp kiến thức về cấu hình một số giao thức phổ biến; cung cấp kiến thức về VLAN, ACL, NAT, các công nghệ WAN và cấu hình trên thiết bị Cisco.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
98	Quản trị mạng Linux	Học phần Quản trị mạng Linux là học phần tự chọn thuộc nhóm chuyên ngành Hệ thống thông tin, khối kiến thức chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên năm thứ tư chuyên ngành Công nghệ Thông tin ở học kỳ 7. Học phần này cung cấp cho sinh viên một khối kiến thức các kiến trúc, thành phần, các dịch vụ của hệ thống mạng, liên mạng trên hệ điều hành Linux. Nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Nguyên lý quản trị mạng, kiến trúc và sự vận hành của hệ thống mạng, liên mạng, các thành phần cấu thành hệ thống mạng và dịch vụ mạng; các giao thức, công cụ quản trị mạng, đánh giá các yếu tố tác động đến quản trị mạng, đánh giá hiệu quả quản trị mạng.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

99	Quản trị mạng trên môi trường Windows	Học phần này trang bị cho sinh viên một khối kiến thức tương đối hoàn chỉnh về lịch sử, kiến trúc, mô hình mạng, dịch vụ mạng của hệ thống mạng Windows Server. Nội dung của học phần bao gồm: Lịch sử, kiến trúc, mô hình mạng và các dịch vụ mạng của Microsoft Windows Server, kỹ thuật cài đặt, cấu hình và quản trị các dịch vụ mạng, bảo mật cơ bản hệ thống mạng Microsoft Windows Server	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
100	Lập trình mạng	Học phần Lập trình mạng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thư viện Socket, về các lớp đối tượng trong thư viện java.net để có thể xây dựng các loại ứng dụng truyền dữ liệu ở tầng Network với giao thức UDP, TCP, ICMP; lập trình xây dựng ứng dụng phân tán bằng RMI. Kiến thức của môn học có thể ứng dụng trong lập trình quản lý mạng, giám sát mạng, điều khiển qua mạng.	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
101	Khóa luận tốt nghiệp (Nếu đủ điều kiện)	Học phần Khóa luận tốt nghiệp dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học trừ các học phần được bố trí trong cùng học kì và các học phần điều kiện, thỏa điều kiện về điểm học tập của trường quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài môn học Khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp sẽ nhận quyết định giao đề tài khóa luận và phân công giảng viên hướng dẫn. Học phần Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Bộ môn về các mốc thời gian, mẫu báo cáo đề cương, báo cáo tiến độ và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận	10	HK8	Đồ án tốt nghiệp
102	Chuyên đề tốt nghiệp	Học phần Chuyên đề tốt nghiệp dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các môn học chuyên ngành bắt buộc của khóa học trừ các học phần được	4	HK8	Đồ án chuyên đề tốt nghiệp

		bố trí trong cùng học kì và các học phần điều kiện, thỏa điều kiện về điểm học tập của trường quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài môn học Chuyên đề tốt nghiệp. Sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp sẽ nhận quyết định giao đề tài chuyên đề và phân công giảng viên hướng dẫn. Học phần Chuyên đề tốt nghiệp yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một dự án hay một bài tập lớn, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi thực hiện chuyên đề, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo chuyên đề và các sản phẩm, giải pháp, phần mềm đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện chuyên đề tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Bộ môn về các mốc thời gian, mẫu báo cáo đề cương, báo cáo tiến độ và các quy định khác về việc bảo vệ chuyên đề.			
103	Khai phá dữ liệu	Môn học này nhằm giới thiệu quá trình khám phá tri thức, các khái niệm, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. Ngoài ra, môn học này cũng trình bày các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, các tác vụ khai phá dữ liệu, các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu mà có thể được dùng hỗ trợ nhà phân tích dữ liệu và nhà phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu. Các chủ đề cụ thể của môn học bao gồm: tổng quan về khai phá dữ liệu, các vấn đề về dữ liệu được khai phá, các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, kho dữ liệu và các kỹ thuật OLAP trong khai phá dữ liệu, phân cụm dữ liệu	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
104	Phân tích dữ liệu	Môn học tập trung vào các nội dung chính sau: (1) Giới thiệu các khái niệm, các quy trình, các bộ dữ liệu liên quan trong quá trình phân tích dữ liệu. (2) Nhập, xuất, sắp xếp, tiền xử lý bộ dữ liệu. (3) Phương pháp thăm dò dữ liệu. (4) Phát triển các mô hình phân tích dữ liệu, cách chọn mô hình phân tích dữ liệu thích hợp và hiệu quả với nguồn dữ liệu, cung cấp các kiến thức nâng cao để người học có thể tự thiết kế phát triển các mô hình nghiên cứu trong phân tích dữ liệu. (5) Đánh giá mô hình phân tích dữ liệu. (6) Các kiến thức toán cơ bản thông kê trong phân tích dữ liệu. (7) Các công cụ và phương pháp trực quan hóa dữ liệu trong quá trình phân tích. Trong môn học này, Python đóng vai trò chính hỗ trợ phân tích dữ liệu, chủ yếu tập	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		trung vào các thư viện hỗ trợ: Pandas, NumPy, Scipy, MatlotLib, Seaborn, Scikit-learn,...Ngoài ra, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu thành thạo kỹ năng tiến hành nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo phân tích dữ liệu, trình bày thuyết minh xây dựng đề tài môn học và làm việc nhóm, phối hợp với nhau để hoàn thành đề tài			
105	Phát triển ứng dụng Internet of Things	Nội dung môn học này cung cấp cho sinh viên các khái niệm về Internet, Internet of Things, vai trò của IoT trong sự phát triển của công nghệ kỹ thuật, đời sống và cuộc cách mạng 4.0. Nội dung của học phần tập trung cung cấp các kiến thức nền tảng: Phần cứng và phần mềm ứng dụng để phát triển ứng dụng IoT, các giao thức M2M (các giao thức truyền thông có thể ứng dụng trong) và các cơ chế điều khiển, ghi nhận dữ liệu, xử lý dữ liệu và thông tin. Sinh viên cần trang bị kiến thức về các học phần: Cấu trúc rời rạc, Kỹ thuật lập trình, Nhập môn kỹ nghệ phần mềm. Ngoài ra, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu thành thạo, kỹ năng tư duy sáng tạo, phát triển ứng dụng IoT với	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
106	Digital marketing	Học phần Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại kỹ thuật số, thời đại của thương mại điện tử. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
107	Công nghệ .Net	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức nhằm nắm được nguyên lý hoạt động của các phần mềm trong Windows. Nắm phương pháp xây dựng phần mềm dựa vào thành phần cơ bản trong .Net Framework. Sử dụng Visual Studio và ngôn ngữ lập trình C# đồng thời nắm vững như các công cụ thông dụng trong C# như Menu, Toolbar, ODB... để xây dựng và lập trình phần mềm chạy trên nền tảng Hệ điều hành Windows. Với kiến thức được trang bị trong học phần này, sinh viên có khả năng tự xây dựng một	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		ứng dụng WinForm hoàn chỉnh sử dụng nền tảng .NET và bộ công cụ Visual Studio.			

6.9. Sinh học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội;	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.			
7	Pháp luật Việt Nam đại cương	Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
8	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
9	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra,	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
10	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

12	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lí thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
13	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
14	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian. Từ	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành			
15	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
16	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
17	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
18	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống,	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.			
19	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
20	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
21	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.			
22	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
23	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
24	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
25	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			thi cuối kì ≥70%
26	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
27	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
28	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi	2	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam			
29	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
31	Đại cương văn hóa các DTTS TN	Nội dung Học phần “Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên” cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sinh tế truyền thống, thiết chế tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Bước	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.			
32	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lý học như: Quan niệm về tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình tâm lý như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
33	Xác suất thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
34	Hóa đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, mối liên quan giữa phản ứng hóa học và dòng điện từ đó đưa ra các ứng dụng thực tế của nó. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính chất hóa học đặc trưng và những ứng dụng trong đời sống của các hợp chất vô cơ và hữu cơ quan trọng làm cơ sở để	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sinh viên có thể học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học.			
35	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyển và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36	Vật lý B	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các kiến thức toán học liên quan và về vai trò của vật lý học với các môn khoa học khác, học phần có 6 chương bao gồm các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về động học và động lực học chất điểm, chuyển động của vật rắn và cơ học chất lưu; nghiên cứu các hiện tượng nhiệt của chất khí lí tưởng như phương trình cơ bản của thuyết động học phân tử, hai nguyên lý nhiệt động học; trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về dòng điện, tác dụng và ứng dụng của dòng điện lên cơ thể; giới thiệu các hiện tượng đặc trưng cho tính chất điện từ và tính chất hạt của ánh sáng cũng như những ứng dụng thực tế khi ánh sáng tương tác với vật chất; nghiên cứu về hạt nhân và tương tác của bức xạ với vật chất cũng như những ứng dụng trong khoa học và đời sống. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kĩ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học,	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
37	Lý sinh	Các chủ đề của lý sinh là các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống. Điều này cũng bao gồm các tác nhân lý sinh môi trường, đại diện cho ảnh hưởng của môi trường vật lý đến các chức năng sinh lý. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức gồm các nguyên lý cơ bản về năng lượng và động lực học của hệ thống sinh học; cơ chế vật lý cơ bản của quá trình trao đổi chất các cấp độ vi mô (tế bào) và vĩ mô (tuần hoàn, hô hấp); thuộc tính điện học của hệ thống sống; và tác động của môi trường vật lý (dòng điện, sóng âm, ánh sáng, và bức xạ ion hóa) lên hệ thống sống. Thông qua nghiên cứu học phần lý sinh, sinh viên có cái nhìn cơ bản về cách thức hệ thống sống vận hành được giải thích trên cơ sở vật lý học, từ đó có thể tiếp cận tốt hệ thống các học phần chuyên sâu về sinh lý thực vật, sinh lý động vật, sinh học phân tử, hóa sinh, nguyên lý các thiết bị công nghệ sinh học, vật liệu sinh học đối với sinh viên khối ngành sinh học và các học phần hóa sinh, dược lý, sinh lý học đối với sinh viên y đa khoa.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38	Thực hành lý sinh	Lý sinh học là môn cơ sở trong khung chương trình đào tạo các khối ngành sinh học: Công nghệ sinh học, Sinh học, Sư phạm sinh học và khối ngành y dược: y đa khoa. Học phần này cung cấp các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống bao gồm cả các tác dụng sinh học của môi trường vật lý. Theo đó, việc ghi nhận các thuộc tính vật lý và quá trình diễn ra trên hệ thống sống một cách khoa học và chính xác là yêu cầu bắt buộc. Trên cơ sở đó, học phần thực hành lý sinh được thiết kế bao gồm hệ thống các bài thực hành: động học các quá trình sinh học, tính thấm của tế bào và mô, xác định áp suất thẩm thấu, xác định trọng lượng phân tử của polymer bằng nhớt kế ostwald, xác định điện thế zeta bằng phương pháp vi điện di, xác định điện thế sinh vật, khảo sát tính chất quang học của phân tử hemoglobin. Thông qua học phần thực hành lý sinh, sinh viên được củng cố, bổ sung và làm sáng tỏ các nội dung lý thuyết của học phần lý sinh, cùng với đó là trang bị cách tiếp cận vật lý học, bố trí	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		thực nghiệm, lựa chọn dụng cụ, vận hành thiết bị phù hợp nhằm ghi nhận các thuộc tính vật lý cũng như đánh giá một số quá trình diễn ra trên hệ thống sống.			
39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị kỹ năng tiếp cận khoa học; phương pháp thiết kế khung logic; cấu trúc đề xuất nghiên cứu và cách trình bày báo cáo khoa học. Học phần này là cơ sở để sinh viên vận dụng vào công việc nghiên cứu khoa học; thực hiện khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Sinh học thực vật	Sinh học thực vật là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm từ cấu trúc đến chức năng của các loại tế bào, mô, cơ quan và cơ thể thực vật, các quá trình dinh dưỡng và sinh sản ở thực vật bậc cao. Học phần đề cập đến chu trình sống cũng như kiến thức về các nhóm thực vật từ bậc thấp đến bậc cao. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Sinh học động vật	Học phần Sinh học động vật cung cấp những kiến thức một cách cơ bản và hệ thống về cấu tạo và chức năng của cơ thể động vật, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức ban đầu về các nguyên lý và các quá trình sinh học xảy ra trong một hệ thống sống ở mức độ cơ thể, thấy rõ được cơ thể là một thể toàn vẹn thống nhất và thống nhất với môi trường. Học phần cũng trang bị những kiến thức cơ bản về mối quan hệ phát sinh chủng loại giữa các tổ chức, cơ quan theo chiều hướng tiến hóa của các nhóm động vật từ mức độ cấu tạo cơ thể đơn giản đến phức tạp.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Sinh thái	Học về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật. Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái. Tìm hiểu về khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể. Học về một số khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Các chu	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		trình sinh địa hóa trong tự nhiên và có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Học về cấu trúc, các diễn thế của hệ sinh thái.			
43	Sinh lý thực vật	Sinh lý thực vật là môn học nghiên cứu về bản chất của sinh học thực vật bao gồm các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phát triển ở thực vật bậc cao được nghiên cứu thực hiện ở các mức cơ thể, cơ quan, tế bào và dưới tế bào. Đây là học phần nền tảng của đào tạo các khối ngành Sinh học, khoa học cây trồng nói chung và là môn học cơ sở cho ngành Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các quá trình trao đổi nước, chất khoáng, biến dưỡng carbon từ môi trường bên ngoài để giúp cho thực vật sinh trưởng và phát triển. Trong hoạt động sống của thực vật luôn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường và các yếu tố bên trong cơ thể, chúng có một cơ chế tự kiểm soát nhằm thích nghi với các thay đổi đó để tồn tại và phát triển.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
44	Sinh học tế bào	Học phần sinh học tế bào cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, cấu trúc phân tử của tế bào. Cấu trúc, chức năng và nguồn gốc các thành phần cấu tạo của tế bào Prokaryote, tế bào Eukaryote (tế bào nấm, động vật, thực vật) bao gồm: màng sinh chất, tế bào chất (bào tương và các bào quan) và nhân tế bào. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về mối quan hệ giữa các thành phần cấu trúc trong tế bào, các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào (quá trình quang hợp, hô hấp), khả năng sinh sản của tế bào (quá trình nguyên phân, giảm phân) và chu kỳ của tế bào. Phần thực hành giúp sinh viên củng cố kiến thức phân lý thuyết chứng minh những tính chất, quy luật của các chức năng bằng thực nghiệm. Mặt khác, giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thí nghiệm môn học trên cơ sở đó rèn luyện sinh viên tác phong làm việc khoa học trong phòng thí nghiệm đồng thời tập viết các bản tường trình, báo cáo kết quả thực nghiệm.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Kỹ thuật phân tích tế bào	Học phần Kỹ thuật phân tích tế bào được thiết kế cho sinh viên năm 1 thuộc các ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học. Nội dung của học phần gồm các kỹ năng thực hành về sử dụng kính hiển vi, làm tiêu bản tế bào, phân tích hình thái và quá trình trao đổi chất qua màng tế bào, phân tích hình thái tế bào ở các phase của chu kỳ tế bào.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Với nội dung đó, học phần Kỹ thuật phân tích tế bào giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học trong học phần Sinh học tế bào và có thể làm được tiêu bản phục vụ cho học tập, nghiên cứu sau này.			
46	Sinh học phân tử	Sinh học phân tử nghiên cứu hệ thống sinh học ở mức độ phân tử các phản ứng sinh học xảy ra trong tế bào. Hoạt động của từng gen cũng như sự phối hợp giữa các gen; kiểm soát sự phiên mã, dịch mã cũng như sự phân bố của các protein trong tế bào; các phản ứng sinh học đảm bảo hoạt động sống của tế bào cũng như điều hòa hoạt động giữa các tế bào trong một mô, giữa các mô với nhau ... đều được làm sáng tỏ nhờ các kỹ thuật sinh học phân tử. Vì vậy, sinh học phân tử là một môn học đòi hỏi cần có sự hiểu biết liên quan chặt chẽ đến các kiến thức cơ bản của di truyền, hóa sinh, vi sinh, tế bào ... Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sinh học phân tử liên quan đến: Các đại phân tử sinh học và các liên kết hoá học yếu trong hệ thống sống; Tính ổn định và những biến động của DNA; Phiên mã – dịch mã; Điều hoà biểu hiện của gen; các kỹ thuật cơ bản và những enzyme sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử. Học phần sinh học phân tử đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kiến thức cơ bản vững chắc về lĩnh vực sinh học phân tử, giúp sinh viên tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu các vấn đề sinh học hiện đại.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
47	Thực hành sinh học phân tử	Sinh học phân tử nghiên cứu hệ thống sinh học ở mức độ phân tử các phản ứng sinh học xảy ra trong tế bào. Hoạt động của từng gen cũng như sự phối hợp giữa các gen; kiểm soát sự phiên mã, dịch mã cũng như sự phân bố của các protein trong tế bào; các phản ứng sinh học đảm bảo hoạt động sống của tế bào cũng như điều hòa hoạt động giữa các tế bào trong một mô, giữa các mô với nhau ... đều được làm sáng tỏ nhờ các kỹ thuật sinh học phân tử. Vì vậy, sinh học phân tử là một môn học đòi hỏi cần có sự hiểu biết liên quan chặt chẽ đến các kiến thức cơ bản của di truyền, hóa sinh, vi sinh, tế bào ... Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực hành các kỹ thuật cơ bản trong sinh học phân tử liên quan đến:	1	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		kỹ thuật tách chiết, định lượng, khuếch đại bằng kỹ thuật PCR, phân tích phân tử bằng kỹ thuật điện di.			
48	Hóa sinh	Hoá sinh học (Biochemistry) là môn học nghiên cứu hoá học của chất sống, của sự sống. Hoá sinh học tập hợp những hiểu biết về thành phần hoá học và những quá trình hoá học trong cơ thể sống (vi sinh vật, thực vật, động vật). Cụ thể, học phần sẽ cung cấp các kiến thức: khái quát thành phần hóa học của cơ thể sống; khái quát về trao đổi chất và trao đổi năng lượng, mối quan hệ của các quá trình trao đổi chất; những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh học và sự chuyển hóa các nhóm chất hữu cơ cơ bản như protein, enzyme, glucid, lipid. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản và ứng dụng của các hợp chất thứ cấp như vitamin và hormone cũng được trình bày trong học phần này.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
49	Thực hành Hóa sinh	Thực tập Hoá sinh học (Experimental Biochemistry) là học phần thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thực hành hóa sinh học về định tính và định lượng một số nhóm chất sinh học. Học phần bao gồm các nội dung cụ thể định tính và định lượng protein (định tính liên kết peptide, tính chất hòa tan kết tủa, định lượng protein bằng phương pháp kjeldahl và phương pháp hấp phụ UV) carbohydrate (tính khử, tính bắt màu với thuốc thử lugon, định lượng đường khử và tổng số hòa tan), enzyme (tính đặc hiệu, hoạt tính amylase) và lipid (khả năng hòa tan của lipid, định lượng lipid tổng số).	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
50	Vi sinh vật	Vi sinh vật là nhóm sinh vật phân bố rộng khắp các sinh giới trên Trái Đất, đóng vai trò rất quan trọng trong các quá trình sinh học. Học phần Vi sinh vật cung cấp các nội dung gồm: đặc điểm chung, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và trong nền kinh tế quốc dân; hình thái cấu tạo, đặc điểm của các đối tượng vi sinh vật gồm virus, các vi sinh vật prokaryote, các vi sinh vật Eukaryote; các quá trình dinh dưỡng, trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng phát triển, di truyền của vi sinh vật; đặc điểm và vai trò của hệ thống miễn dịch. Học phần vi sinh vật là tiền đề để sinh viên có thể tiếp cận những môn học chuyên ngành có liên quan đến đối tượng vi sinh vật	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		như: Virus học, công nghệ lên men, kiểm nghiệm vi sinh, vi sinh môi trường,....			
51	Thực hành Vi sinh	Học phần Thực tập vi sinh đóng vai trò cung cấp kiến thức và kỹ năng thao tác các dụng cụ thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực nghiên cứu vi sinh vật như box cấy vô trùng, nồi hấp áp lực tử sấy, máy đo quang phổ, kính hiển vi,...; kỹ năng thực hiện quá trình phân lập, nuôi cấy vi sinh vật từ các bước như chuẩn bị hóa chất, dụng cụ và môi trường đến các kỹ thuật pha loãng mẫu, cấy ria, cấy trái; kỹ thuật nhận diện các nhóm vi sinh vật chính như vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm men và nấm mốc dựa vào hình thái khuẩn lạc và tế bào; kỹ thuật tăng sinh, xác định khả năng sinh trưởng của vi sinh vật cũng như xác định mật số vi sinh vật trong một dịch nuôi cấy. Học phần này là nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học thực hành liên quan đến vi sinh vật như thực tập kiểm nghiệm vi sinh, thực tập chuyên đề công nghệ Vi sinh – Sinh hóa, Công nghệ sinh học trong sản xuất chế phẩm vi sinh.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Di truyền học	Học phần Di truyền học được thiết kế cho sinh viên thuộc các ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học, và Sư phạm Sinh học. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: Cơ sở của tính di truyền và biến dị của sinh vật ở cấp tế bào; các quy luật di truyền, biến dị chi phối sự hình thành và phát triển các tính trạng của sinh vật; ứng dụng của nghiên cứu di truyền trong việc chăm sóc sức khỏe con người, tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu, thị hiếu của con người. Với nội dung trên, học phần Di truyền học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản để có thể học tiếp các học phần chuyên ngành ở chương trình đào tạo bậc Đại học, và sau Đại học.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53	Sự PT chồi, rễ, hoa, trái ở thực vật	Sự phát triển chồi, rễ, hoa, trái ở thực vật là môn học nghiên cứu về hiện tượng và cơ chế hình thành chồi, rễ, hoa, trái ở thực vật. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành đào tạo cho ngành Sinh học. Học phần đề cập đến tổ chức cơ thể và cơ quan thực vật; phát triển chồi, rễ; phát triển hoa và trái.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

54	Sinh lý động vật	Học phần Sinh lý động vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu các chức năng và hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan và các hệ cơ quan của cơ thể động vật trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống. Đồng thời nó cũng nghiên cứu sự điều hòa các hoạt động chức năng nhằm đảm bảo cho cơ thể con người tồn tại, phát triển và thích ứng với sự biến đổi của môi trường và những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc - chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể. Phần thực hành giúp sinh viên củng cố kiến thức phần lý thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành để chứng minh những tính chất, quy luật sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan bằng thực nghiệm.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
55	Sinh tin	Cung cấp những khái niệm cơ bản về tin sinh học, các cơ sở dữ liệu sinh học hiện có, cách tổ chức và cách khai thác dữ liệu; Sắp giống cột 2 trình tự; Tìm kiếm trình tự tương đồng trong cơ sở dữ liệu: BLAST; Phân tích trình tự DNA. Cách thức tìm kiếm, khai thác và sử dụng một số phần mềm tin học để giải quyết các vấn đề sinh học	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
56	An toàn sinh học và đạo đức trong sinh học	An toàn sinh học liên quan đến lĩnh vực khoa học có đối tượng nghiên cứu là sinh vật và vi sinh vật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về an toàn sinh học, an toàn khi thao tác với vi sinh vật, phòng thí nghiệm an toàn, kỹ thuật phòng thí nghiệm để đảm bảo an toàn, an toàn với sinh vật biến đổi gen và tình hình quản lý an toàn sinh học ở Việt Nam, đạo đức nghiên cứu y sinh học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Thông qua kiến thức lý thuyết sinh viên ngành sinh học, công nghệ sinh học có kỹ năng cần thiết đảm bảo an toàn cho bản thân, người xung quanh và môi trường khi thực hành các môn học chuyên ngành cũng như làm khóa luận và chuyên đề tốt nghiệp.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
57	Genomics và proteomics	Nội dung học phần bao gồm những vấn đề về gen học như giới thiệu về tổ chức bộ gen, bản đồ di truyền, đa dạng di truyền, chức năng bộ gen và những vấn đề về protein học như cấu trúc chức năng của protein, các phương pháp tách chiết, tinh sạch, xác định protein, sản xuất protein.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

58	Tiếng Anh trong sinh học	Tiếng Anh trong Sinh học là học phần nhằm tăng cường khả năng học tập và nghiên cứu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh một cách hiệu quả với sinh viên nói tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài. Học phần này giúp phát triển kiến thức về các quy ước học thuật trong sinh học để sinh viên có thể cải thiện kỹ năng của mình trong việc đọc hiểu các tài liệu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh, có khả năng đóng góp ý kiến trong những cuộc thảo luận, hội thảo chuyên ngành bằng tiếng anh, cải thiện vốn từ ngữ học thuật chuyên ngành sinh học bằng tiếng Anh. Học phần gồm các nội dung cơ bản nhất trong chuyên ngành sinh học như: Các phân tử sinh học, tế bào, di truyền, tiến hóa, động vật, thực vật và sinh thái học.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59	Thực tập thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên phương pháp tìm hiểu điều kiện tự nhiên và các sinh cảnh vùng thực tập; phương pháp điều tra thu thập mẫu và làm tiêu bản các loài Côn trùng ở cạn, động vật không xương sống, cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú, thực vật bậc cao, nấm và tảo; phương pháp viết báo cáo kết quả của đợt thực tập thiên nhiên.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
60	Virus học	Virus là nhóm vi sinh vật rất đặc biệt, chưa có cấu trúc tế bào và chỉ được quan sát bằng kính hiển vi điện tử. Với đời sống ký sinh bắt buộc, virus là những sinh vật được con người quan tâm lớn bởi khả năng gây các bệnh truyền nhiễm trên người, động vật, thực vật và cả vi sinh vật khác. Học phần Virus học cung cấp các kiến thức cơ bản về phân loại, di truyền của virus làm cơ sở cho sự lý giải các tương tác của virus với ký chủ, hiểu biết cơ chế gây ung thư, hoạt hoá gen ung thư và cung cấp kiến thức về dịch tễ học, bệnh học phát sinh của virus, từ đó có các biện pháp chống virus thích hợp để bảo vệ sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng. Học phần này được thực hiện sau khi sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về virus ở học phần Vi sinh vật học.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
61	Tiến hóa và đa dạng sinh học	Học phần Tiến hóa và đa dạng sinh học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về các tư tưởng tiến hóa cổ điển, các học thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin và các học thuyết tiến hóa tổng hợp, hiện đại. Qua đó tìm hiểu về nguồn gốc của sự sống, đồng thời cũng đề cập đến các nhân tố tiến	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hóa, sự hình thành các đặc điểm thích nghi, sự phát sinh chủng loại và các con đường, cơ chế hình thành loài trong quá trình tiến hóa của sinh vật trên trái đất. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm đa dạng sinh học, giá trị của đa dạng sinh học, các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các phương pháp, những hình thức bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam và trên thế giới.			
62	Kỹ thuật di truyền	Học phần kỹ thuật di truyền là chìa khóa của công nghệ sinh học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật di truyền, cấu trúc gen, các công cụ trong kỹ thuật di truyền, một số kỹ thuật cơ bản, tạo dòng và xây dựng thư viện gen, biểu hiện gen tái tổ hợp trong tế bào và một số ứng dụng của kỹ thuật di truyền. Học phần này được thực hiện sau khi sinh viên học xong học phần Sinh học phân tử. Thông qua việc học các kiến thức về lý thuyết và thực hành trực tiếp trên gen sinh viên có thể phân lập và khuếch đại 1 gen đơn từ genome của sinh vật để có thể biến đổi và chuyển nó vào một cơ thể sinh vật khác, tạo điều kiện cho gen đó biểu hiện.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
63	Công nghệ sinh học	Học phần gồm các nội dung sau: một số khái niệm, các lĩnh vực nghiên cứu, lịch sử phát triển của CNSH; CNSH thực phẩm, CNSH năng lượng, CNSH hóa học, CNSH nông nghiệp, CNSH môi trường, CNSH y dược học	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
64	Thực tập thực tế	Liên hệ thực tiễn, có khả năng thâm nhập, thích ứng nhanh, và hiệu quả với môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp là yêu cầu bắt buộc đối với lao động chất lượng cao trong thời đại mới. Học phần thực tập thực tế được thiết kế gồm hai nội dung chính: - Tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, và các viện nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực Công nghệ lên men (Rượu bia, bột ngọt, ...); Công nghệ nuôi cấy mô thực vật; Công nghệ sản xuất phân vi sinh; Công nghệ nuôi trồng nấm; Công nghệ Vaccine; Công nghệ xử lý môi trường; Công nghệ chế biến cà phê, ca cao; Công nghệ nhân giống vô tính cây trồng; ...	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		- Thực tập tại cơ sở tại các cơ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực nêu trên. Học phần thực tập thực tế giúp sinh viên có cái nhìn rõ ràng, cụ thể về thực tiễn vận dụng các quy trình công nghệ sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh cũng như tăng cường kỹ năng chuyên môn trong môi trường lao động có tính thử thách cao, từ đó tăng cường khả năng xâm nhập thực tế, thích ứng môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.			
65	Miễn dịch học	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể (hệ thống cơ quan, tế bào, phân tử tham gia vào đáp ứng miễn dịch) , cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khoẻ con người.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66	Thiết kế thí nghiệm và xử lý thống kê	Học phần thiết kế thí nghiệm và phân tích thống kê đào tạo cho sinh viên ngành Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm và Sư phạm Sinh bao gồm 7 chương với 02 học phần học trước là toán Xác suất thống kê và Tin học đại cương. Học phần giúp sinh viên nắm được những nguyên lý cơ bản thiết kế thí nghiệm và phân tích số liệu nghiên cứu khoa học trong ngành Sinh học. Học phần lý thuyết gồm 02 nội dung chính: Nội dung thứ nhất: giúp sinh viên nắm được các bước để phân tích một bộ số liệu trong nghiên cứu khoa học, các khái niệm và các tham số dùng trong thống kê mô tả, các mô hình xử lý thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau và đưa ra kết luận có ý nghĩa thống kê; Nội dung thứ hai: giúp sinh viên nắm được các kiến thức về thiết kế thí nghiệm từ việc nêu giả thiết nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, các phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu trong nghiên cứu. Nội dung thực hành của học phần cung cấp các kỹ năng ứng dụng phần mềm MINITAB trong xử lý và phân tích dữ liệu.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

67	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thực phẩm	Công nghệ sinh học đã tác động hằng ngày đến đời sống của con người trên toàn thế giới với nhu cầu về thực phẩm phải đảm bảo cân bằng dinh dưỡng, an toàn và nhiều sản phẩm mới. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học thực phẩm; công nghệ sinh học làm tiền đề cho công nghệ thực phẩm; Các ứng dụng của công nghệ sinh học vi sinh vật trong công nghệ thực phẩm; Các kỹ thuật công nghệ sinh học trong lĩnh vực thực phẩm; Các sản phẩm mới của công nghệ sinh học thực phẩm. Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên đánh giá được các tầm quan trọng của công nghệ sinh học thực phẩm trong tương lai và lựa chọn công nghệ và kỹ thuật phù hợp trong công nghệ thực phẩm.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	Vật liệu sinh học	Sự phát triển của khoa học vật liệu sinh học như là một xu hướng tất yếu trong thế kỷ XXI với những ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực y sinh học, nha khoa, và công nghệ sinh học. Học phần vật liệu sinh học được thiết kế bao gồm những kiến thức cơ bản về yêu cầu, phân loại, thuộc tính cơ học; các nguyên liệu sử dụng trong chế tạo; tính tương tác với môi trường sinh học bao gồm sự phân hủy của vật liệu và tính đáp ứng của cơ thể vật chủ; quy trình đánh giá; các ứng dụng trong y sinh học, nông nghiệp và công nghiệp; và những xu hướng phát triển trong tương lai của vật liệu sinh học. Việc nghiên cứu học phần này giúp sinh viên tiếp cận khoa học mới, hiện đại, nhiều tiềm năng ứng dụng và phát triển trong tương lai dựa trên nền tảng công nghệ sinh học.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69	Sinh học phát triển	Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức về cơ sở, cơ chế của sự phát triển cá thể sinh vật trong sinh giới; đặc điểm của quá trình phát triển cá thể động vật, cá thể thực vật từ khi được hình thành đến khi trưởng thành rồi kết thúc vòng đời; các yếu tố tác động, chi phối đến quá trình phát triển của cá thể sinh vật. Các kiến thức của học phần có liên quan đến nội dung của các học phần: Sinh học đại cương, Tế bào học, Thực vật học, Động vật học, Vi sinh vật học, Di truyền học, Sinh thái học, Khoa học môi trường, Sinh lý thực vật, Sinh lý động vật, Di truyền chọn giống, Miễn dịch học...; là cơ sở để lĩnh	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hội kiến thức của các học phần: Sinh lý động vật, Sinh lý thực vật, Miễn dịch học, Di truyền chọn giống...			
70	Sinh lý thực vật ứng dụng	Sinh lý thực vật ứng dụng là môn học nghiên cứu về ứng dụng kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phát triển ở thực vật bậc cao vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp, bảo quản chế biến nông sản, bảo vệ môi trường bền vững. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Sư phạm sinh học. Học phần đề cập tới nuôi cấy mô - tế bào thực vật, trồng cây không dùng đất, quang hợp của quần thể cây trồng, điều khiển hô hấp trong trồng trọt, bảo quản nông sản phẩm và ứng dụng chất điều hoà sinh trưởng trong nông nghiệp.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71	Bảo tồn thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học của sinh vật trong tự nhiên, cơ sở luật pháp và các tổ chức, cơ quan liên quan đến bảo tồn thiên nhiên; để sinh viên có thể vận dụng vào việc giảng dạy, truyền thông, nghiên cứu về vai trò, ý nghĩa của tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh học trong tự nhiên. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Thực vật học, Động vật có xương sống, Động vật không xương sống, Sinh thái học, Môi trường và phát triển.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72	Nấm học và ứng dụng	Nấm học và ứng dụng là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vị trí của nấm trong sinh giới và sự đa dạng của giới nấm trong tự nhiên, nắm được vòng đời của nấm trong sinh giới diễn ra như thế nào. Nguồn gốc, phân loại của nấm và nhận biết một số loài nấm thông thường ngoài tự nhiên. Hiểu biết về giá trị dinh dưỡng cũng như giá trị dược liệu của các loài nấm thông dụng được nuôi trồng ở Việt Nam. Nấm được kỹ thuật, qui trình nuôi trồng một số loài nấm thông dụng và cách phòng trừ các bệnh của nấm.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
73	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng là một môn học nghiên cứu về áp dụng các kiến thức Sinh lý thực vật và các kiến thức liên quan đã và đang được ứng dụng rộng rãi, hiệu quả trong công nghệ nhân giống vô tính cây trồng bằng con đường nuôi cấy mô (in vitro), giâm chiết cành (in vivo) để	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		cung cấp cho sản xuất cây giống có chất lượng cao. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng in vivo và in vitro.			
74	Sinh hóa ứng dụng	Sinh hóa ứng dụng (Tên tiếng anh: Applied Biochemistry) là môn học trang bị những hiểu biết về các quá trình Sinh hóa học ứng dụng trong thực tế đời sống và sx công, nông, ngư nghiệp,... Học phần bao gồm các nội dung cụ thể: nhập môn sinh hóa ứng dụng; phản ứng oxy hóa khử và các quá trình lên men; phản ứng thủy phân và ứng dụng; enzyme và ứng dụng (các phương pháp sản xuất enzyme, tối ưu hoá phenotip và genotip quá trình sản xuất enzyme và các hướng ứng dụng enzyme); Hướng nghiên cứu và các ứng dụng thực tế của sinh hóa hiện nay.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
75	Vi sinh ứng dụng	Vi sinh vật là nhóm sinh vật có nhiều ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống. Học phần vi sinh ứng dụng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quy trình lên men để sản xuất các sản phẩm với sự tham gia của vi sinh vật. Ngoài ra, một số quy trình sản xuất liên quan đến ứng dụng của vi sinh vật phù hợp với điều kiện vùng Tây Nguyên cũng được giới thiệu như quy trình sản xuất một số loại nấm ăn; quy trình ủ phân hữu cơ vi sinh; quy trình lên men sản xuất rượu bia. Học phần này được giảng dạy cho sinh viên năm cuối ngành Sinh học, sau khi sinh viên đã có được những hiểu biết cơ bản về đối tượng vi sinh vật từ học phần Vi sinh vật.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
76	Kiểm nghiệm sinh hóa	Kiểm nghiệm Sinh hóa là học phần thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và hệ thống trong thực hành hóa sinh học nhằm kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa học của các sản phẩm lương thực, thực phẩm. Học phần bao gồm các chương với nội dung cụ thể: mở đầu (mục đích kiểm nghiệm, các phương pháp chung kiểm nghiệm hóa thực phẩm), kiểm nghiệm độ ẩm, Kiểm nghiệm thành phần một số chất vô cơ, Xác định độ chua của thực phẩm, Kiểm nghiệm thành phần một số chất hữu cơ, Phụ gia thực phẩm, Giới thiệu quy trình kiểm nghiệm một số thực phẩm, Hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng sản phẩm.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

77	Kiểm nghiệm vi sinh	Kiểm nghiệm vi sinh vật là một phần quan trọng để đánh giá độ an toàn của thực phẩm, mỹ phẩm, nước, ... Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các chỉ tiêu vi sinh vật thường được kiểm soát trong nước, thực phẩm, mỹ phẩm, đất; yêu cầu cơ bản của phòng kiểm nghiệm vi sinh vật; phương pháp thu, bảo quản và chuẩn bị mẫu để phân tích; phương pháp định lượng vi sinh vật; một vài qui trình phân tích chỉ tiêu vi sinh vật; các phương pháp phân tích vi sinh vật không truyền thống. Học phần được học sau khi sinh viên học vi sinh vật, TT vi sinh vật. Thông qua các kiến thức lý thuyết và thực hành sinh viên có các kỹ năng để phân tích, định lượng vi sinh vật có trong mẫu nước, thực phẩm, mỹ phẩm, đất.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
78	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp các nội dung về đặc điểm cấu trúc phân tử, hoạt tính sinh học, cơ chế tác động, con đường tổng hợp, ứng dụng và phương thức thu nhận các hợp chất tự nhiên có trong sinh vật trong tự nhiên, trong đó có đề cập đến những nguồn tài nguyên sinh vật có trong khu vực Tây Nguyên. Thông qua kiến thức của học phần sinh viên có thể ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực sinh hóa, y dược, thực vật ... Thêm vào đó, các kiến thức trong học phần này cũng giúp sinh viên nhận diện được các sinh vật (thực vật, nấm, ...) chứa những nhóm chất độc, hoặc nhóm chất hỗ trợ tăng cường sức khỏe.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
79	Vi sinh môi trường	Vi sinh vật là nhóm đối tượng phân bố rộng rãi trong hầu hết các môi trường tự nhiên cũng như nhân tạo và tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa quan trọng. Học phần Vi sinh môi trường sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm các môi trường đất, nước, không khí; sự phân bố vi sinh vật trong các môi trường đó; Các quá trình chuyển hóa của vi sinh vật trong tự nhiên như chu trình carbon, chu trình chuyển hóa nitrogen, chu trình chuyển hóa lưu huỳnh, và chu trình chuyển hóa phospho; Vai trò của vi sinh vật trong các quá trình xử lý sinh học, xử lý nước thải; Các quá trình phát tán vi sinh vật trong không khí; Các nhóm vi sinh vật gây bệnh phổ biến trong môi trường. Để thực hiện học phần này, sinh viên phải học trước học phần Vi sinh vật.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

80	Thực tập vi sinh môi trường	Học phần Thực tập Vi sinh môi trường được thực hiện cho sinh viên năm 4 ngành ngành Sinh học theo tiến trình bình thường. Học phần này bao gồm 4 nội dung chính: phương pháp phát hiện, đánh giá mật độ Vi sinh vật trong môi trường không khí; Phương pháp phân lập vi sinh vật trong đất sử dụng môi trường đặc hiệu; Phương pháp đánh giá hoạt tính của vi sinh vật; Đánh giá một số chỉ tiêu sinh học trong môi trường nước có liên quan đến VSV. Để thực hiện học phần này Sinh viên cần học xong học phần vi sinh môi trường.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
81	Thực tập chuyên đề công nghệ vi sinh – sinh hóa	TT chuyên đề vi sinh – sinh hóa cung cấp cho sinh viên có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực vi sinh – sinh hóa trên đối tượng khác nhau. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực vi sinh để phân lập và tuyển chọn vi khuẩn Azotobacter từ đất có khả năng phân giải lân; phân lập và tuyển chọn xạ khuẩn có khả năng tổng hợp enzyme protease và chitinase; xác định sinh khối vi sinh vật đất và lĩnh vực sinh hóa để kiểm nghiệm độ ẩm thực phẩm, kiểm nghiệm tro khoáng, kiểm nghiệm một số thành phần dinh dưỡng hữu cơ thực phẩm: Protein, Lipid, Glucid. Học phần được học sau khi sinh viên học vi sinh vật, TT vi sinh vật, Kiểm nghiệm vi sinh, hóa sinh, kiểm nghiệm hóa thực phẩm, công nghệ enzyme. Thông qua các kiến thức lý thuyết và thực hành sinh viên ngành công nghệ sinh học được những kỹ năng cần thiết để xây dựng và thực hiện thành công một vấn đề liên quan đến chuyên ngành Vi sinh – Sinh hóa.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
82	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành một đề tài khóa luận tốt nghiệp.	10	HK8	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá
83	Chuyên đề tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành một đề tài chuyên đề tốt nghiệp.	4	HK8	Do giảng viên chấm
84	Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	Việc nắm vững các quá trình, nguyên lý vận hành các thiết bị công nghệ sinh học là một yêu cầu bắt buộc trong thực tiễn nghiên cứu, vận hành sản xuất. Học phần cung cấp phương pháp tiếp cận định lượng; các nguyên lý cân bằng và các quá trình vật lý cơ bản; cùng với đó là nguyên lý vận hành	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		các thiết bị cụ thể bao gồm: Lọc, ly tâm, phá vỡ tế bào, chiết, kết tủa, hấp thụ, sắc ký, kết tinh và sấy trong tổng thể một quá trình sản xuất một sản phẩm công nghệ sinh học; cuối cùng là các lý thuyết về phản ứng đồng thể, dị thể và cách thức thiết kế, vận hành lò phản ứng sinh học (bioreactor). Học phần này giúp sinh viên có khả năng nhận diện, nắm vững các quá trình và nguyên tắc vận hành các thiết bị công nghệ sinh học từ đó có khả năng thích ứng nhanh với điều kiện sản xuất thực tiễn.			
85	Côn trùng học và ứng dụng	Học phần Côn trùng học và ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của côn trùng đối với tự nhiên và con người; đặc điểm sinh học và hình thái cơ thể côn trùng; hệ thống phân loại côn trùng học; các bộ họ thuộc lớp côn trùng thường gặp trong nông nghiệp. Trên cơ sở nắm bắt được các điều kiện sinh thái ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của côn trùng, sinh viên có thể hiểu được cơ sở khoa học và thực tiễn để nhận biết, phân loại côn trùng và đưa ra những nguyên tắc cơ bản điều khiển côn trùng có hại và phát triển côn trùng có lợi, có ích; đồng thời sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu hại có hiệu quả, an toàn môi trường.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
86	Nuôi cấy tế bào động vật	Nuôi cấy tế bào động vật là một phần quan trọng của công nghệ sinh học động vật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nuôi cấy tế bào động vật, tế bào gốc, sinh học tế bào động vật, một số yêu cầu trong nuôi cấy tế bào động vật, nuôi cấy sơ cấp và tạo dòng, kỹ thuật nhận diện, phân tách và bảo quản tế bào, quy trình sản xuất một số chất có hoạt tính sinh học. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành sau khi sinh viên đã được học một số học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở. Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên có cái nhìn tổng thể về ứng dụng của nuôi cấy tế bào động vật trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là y học nhằm phục vụ đời sống con người.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
87	Chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ trong lĩnh	Trong bối cảnh kinh tế hiện đại, việc đảm bảo quyền lợi bằng việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các nguồn tri thức, đặc biệt là các ý tưởng, khái niệm mới có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghệ sinh học nói riêng. Môn học cung cấp những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; các lĩnh vực bảo hộ sở hữu trí tuệ: sáng chế, bản	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

	vực công nghệ sinh học	quyền và các quyền liên quan, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, và bảo vệ chống cạnh tranh không lành mạnh; vai trò của sở hữu trí tuệ đối với các nước đang phát triển; cách thức thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo khung pháp lý quốc tế và tại Việt Nam; sự phát triển công nghệ và pháp lý sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Qua nghiên cứu học phần này, sinh viên hình thành hệ thống tri thức cơ bản về sở hữu trí tuệ, có thể vận dụng linh hoạt, hiệu quả và phù hợp trong việc bảo hộ và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học;			

6.10. Công nghệ Sinh học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
6	Pháp luật Việt Nam đại cương	Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng....	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
7	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
8	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

9	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
10	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh;	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
12	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
13	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành			
14	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
15	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
16	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
17	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

18	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
19	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
20	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

21	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
22	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
23	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
24	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			
25	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
26	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
27	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn	2	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thông và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam			
28	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Đại cương văn hóa các DTTS TN	Nội dung Học phần “Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên” cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sinh tế truyền thống, thiết chế tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

31	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản nhận dạng khoa học tâm lý và là tri thức nền tảng để tiếp thu các kiến thức tâm lý học liên ngành. Kiến thức tâm lý học cần thiết cho mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được giảng dạy trong các trường đại học thuộc nhiều nhóm ngành, nghề khác nhau. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về các khái niệm cơ bản về tâm lý học như: Quan niệm về tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình tâm lý như: Nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ, ngôn ngữ, sự học; nhân cách và sự hình thành nhân cách, tình cảm, ý chí của con người; hành vi, chuẩn mực hành vi, sự sai lệch hành vi cá nhân, sự sai lệch hành vi xã hội và cách khắc phục.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
32	Xác suất thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
33	Hóa học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, mối liên quan giữa phản ứng hóa học và dòng điện từ đó đưa ra các ứng dụng thực tế của nó. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính chất hóa học đặc trưng và những ứng dụng trong đời sống của các hợp chất vô cơ và hữu cơ quan trọng làm cơ sở để sinh viên có thể học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

34	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lí thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
35	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyền và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
36	Vật lý B	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các kiến thức toán học liên quan và về vai trò của vật lý học với các môn khoa học khác, học phần có 6 chương bao gồm các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về động học và động lực học chất điểm, chuyển động của vật rắn và cơ học chất lưu; nghiên cứu các hiện tượng nhiệt của chất khí lí tưởng như phương trình cơ bản của thuyết động học phân tử, hai nguyên lý nhiệt động học; trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về dòng điện, tác dụng	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		và ứng dụng của dòng điện lên cơ thể; giới thiệu các hiện tượng đặc trưng cho tính chất điện từ và tính chất hạt của ánh sáng cũng như những ứng dụng thực tế khi ánh sáng tương tác với vật chất; nghiên cứu về hạt nhân và tương tác của bức xạ với vật chất cũng như những ứng dụng trong khoa học và đời sống. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
37	Lý sinh	Các chủ đề của lý sinh là các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống. Điều này cũng bao gồm các tác nhân lý sinh môi trường, đại diện cho ảnh hưởng của môi trường vật lý đến các chức năng sinh lý. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức gồm các nguyên lý cơ bản về năng lượng và động lực học của hệ thống sinh học; cơ chế vật lý cơ bản của quá trình trao đổi chất các cấp độ vi mô (tế bào) và vĩ mô (tuần hoàn, hô hấp); thuộc tính điện học của hệ thống sống; và tác động của môi trường vật lý (dòng điện, sóng âm, ánh sáng, và bức xạ ion hóa) lên hệ thống sống. Thông qua nghiên cứu học phần lý sinh, sinh viên có cái nhìn cơ bản về cách thức hệ thống sống vận hành được giải thích trên cơ sở vật lý học, từ đó có thể tiếp cận tốt hệ thống các học phần chuyên sâu về sinh lý thực vật, sinh lý động vật, sinh học phân tử, hóa sinh, nguyên lý các thiết bị công nghệ sinh học, vật liệu sinh học đối với sinh viên khối ngành sinh học và các học phần hóa sinh, dược lý, sinh lý học đối với sinh viên y đa khoa.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
38	Thực hành lý sinh	Lý sinh học là môn cơ sở trong khung chương trình đào tạo các khối ngành sinh học: Công nghệ sinh học, Sinh học, Sư phạm sinh học và khối ngành y dược: y đa khoa. Học phần này cung cấp các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống bao gồm cả các tác dụng sinh học của môi trường vật lý. Theo đó, việc ghi nhận các thuộc tính vật	1	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		lý và quá trình diễn ra trên hệ thống sống một cách khoa học và chính xác là yêu cầu bắt buộc. Trên cơ sở đó, học phần thực hành lý sinh được thiết kế bao gồm hệ thống các bài thực hành: động học các quá trình sinh học, tính thấm của tế bào và mô, xác định áp suất thẩm thấu, xác định trọng lượng phân tử của polymer bằng nhớt kế ostwald, xác định điện thế zeta bằng phương pháp vi điện di, xác định điện thế sinh vật, khảo sát tính chất quang học của phân tử hemoglobin. Thông qua học phần thực hành lý sinh, sinh viên được củng cố, bổ sung và làm sáng tỏ các nội dung lý thuyết của học phần lý sinh, cùng với đó là trang bị cách tiếp cận vật lý học, bố trí thực nghiệm, lựa chọn dụng cụ, vận hành thiết bị phù hợp nhằm ghi nhận các thuộc tính vật lý cũng như đánh giá một số quá trình diễn ra trên hệ thống sống.			
39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị kỹ năng tiếp cận khoa học; phương pháp thiết kế khung logic; cấu trúc đề xuất nghiên cứu và cách trình bày báo cáo khoa học. Học phần này là cơ sở để sinh viên vận dụng vào công việc nghiên cứu khoa học; thực hiện khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Sinh học thực vật	Sinh học thực vật là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm từ cấu trúc đến chức năng của các loại tế bào, mô, cơ quan và cơ thể thực vật, các quá trình dinh dưỡng và sinh sản ở thực vật bậc cao. Học phần đề cập đến chu trình sống cũng như kiến thức về các nhóm thực vật từ bậc thấp đến bậc cao. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học.	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Sinh học động vật	Học phần Sinh học động vật cung cấp những kiến thức một cách cơ bản và hệ thống về cấu tạo và chức năng của cơ thể động vật, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức ban đầu về các nguyên lý và các quá trình sinh học xảy ra trong một hệ thống sống ở mức độ cơ thể, thấy rõ được cơ thể là một thể toàn vẹn thống nhất và thống nhất với môi trường. Học phần cũng trang bị những kiến thức cơ bản về mối quan hệ phát sinh chủng loại	3	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		giữa các tổ chức, cơ quan theo chiều hướng tiến hóa của các nhóm động vật từ mức độ cấu tạo cơ thể đơn giản đến phức tạp.			
42	Sinh thái	Trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật. Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái. Tìm hiểu về khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể. Học về một số khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên và có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Học về cấu trúc, các diễn thế của hệ sinh thái.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
43	Sinh lý thực vật	Sinh lý thực vật là môn học nghiên cứu về bản chất của sinh học thực vật bao gồm các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và phát triển ở thực vật bậc cao được nghiên cứu thực hiện ở các mức cơ thể, cơ quan, tế bào và dưới tế bào. Đây là học phần nền tảng của đào tạo các khối ngành Sinh học, khoa học cây trồng nói chung và là môn học cơ sở cho ngành Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các quá trình trao đổi nước, chất khoáng, biến dưỡng carbon từ môi trường bên ngoài để giúp cho thực vật sinh trưởng và phát triển. Trong hoạt động sống của thực vật luôn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường và các yếu tố bên trong cơ thể, chúng có một cơ chế tự kiểm soát nhằm thích nghi với các thay đổi đó để tồn tại và phát triển.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
44	Sinh học tế bào	Học phần sinh học tế bào cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, cấu trúc phân tử của tế bào. Cấu trúc, chức năng và nguồn gốc các thành phần cấu tạo của tế bào Prokaryote, tế bào Eukaryote (tế bào nấm, động vật, thực vật) bao gồm: màng sinh chất, tế bào chất (bào tương và các bào quan) và nhân tế bào. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về mối quan hệ giữa các thành phần cấu trúc trong tế bào, các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào (quá trình quang hợp, hô hấp), khả năng sinh sản của tế bào (quá trình nguyên phân, giảm phân) và chu kỳ của tế bào.	2	HK1	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

45	Hóa sinh	Hoá sinh học (Biochemistry) là môn học nghiên cứu hoá học của chất sống, của sự sống. Hoá sinh học tập hợp những hiểu biết về thành phần hoá học và những quá trình hoá học trong cơ thể sống (vi sinh vật, thực vật, động vật). Cụ thể, học phần sẽ cung cấp các kiến thức: khái quát thành phần hóa học của cơ thể sống; khái quát về trao đổi chất và trao đổi năng lượng, mối quan hệ của các quá trình trao đổi chất; những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm cấu tạo, chức năng sinh học và sự chuyển hóa các nhóm chất hữu cơ cơ bản như protein, enzyme, glucid, lipid. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản và ứng dụng của các hợp chất thứ cấp như vitamin và hormone cũng được trình bày trong học phần này.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
46	Thực hành Hóa sinh	Thực tập Hoá sinh học (Experimental Biochemistry) là học phần thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thực hành hóa sinh học về định tính và định lượng một số nhóm chất sinh học. Học phần bao gồm các nội dung cụ thể định tính và định lượng protein (định tính liên kết peptide, tính chất hòa tan kết tủa, định lượng protein bằng phương pháp kjeldahl và phương pháp hấp phụ UV) carbohydrate (tính khử, tính bắt màu với thuốc thử lugon, định lượng đường khử và tổng số hòa tan), enzyme (tính đặc hiệu, hoạt tính amylase) và lipid (khả năng hòa tan của lipid, định lượng lipid tổng số).	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
47	Sinh học phân tử	Sinh học phân tử nghiên cứu hệ thống sinh học ở mức độ phân tử các phản ứng sinh học xảy ra trong tế bào. Hoạt động của từng gen cũng như sự phối hợp giữa các gen; kiểm soát sự phiên mã, dịch mã cũng như sự phân bố của các protein trong tế bào; các phản ứng sinh học đảm bảo hoạt động sống của tế bào cũng như điều hòa hoạt động giữa các tế bào trong một mô, giữa các mô với nhau ... đều được làm sáng tỏ nhờ các kỹ thuật sinh học phân tử. Vì vậy, sinh học phân tử là một môn học đòi hỏi cần có sự hiểu biết liên quan chặt chẽ đến các kiến thức cơ bản của di truyền, hóa sinh, vi sinh, tế bào ... Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sinh học phân tử liên quan đến: Các đại phân tử sinh học và các liên kết hoá học yếu trong hệ thống sống; Tính ổn định và những biến động của DNA; Phiên mã – dịch mã; Điều hoà biểu hiện của gen; các kỹ thuật cơ bản và những enzyme	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử. Học phần sinh học phân tử đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kiến thức cơ bản vững chắc về lĩnh vực sinh học phân tử, giúp sinh viên tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu các vấn đề sinh học hiện đại.			
48	Thực hành sinh học phân tử	Sinh học phân tử nghiên cứu hệ thống sinh học ở mức độ phân tử các phản ứng sinh học xảy ra trong tế bào. Hoạt động của từng gen cũng như sự phối hợp giữa các gen; kiểm soát sự phiên mã, dịch mã cũng như sự phân bố của các protein trong tế bào; các phản ứng sinh học đảm bảo hóa động sống của tế bào cũng như điều hòa hoạt động giữa các tế bào trong một mô, giữa các mô với nhau ... đều được làm sáng tỏ nhờ các kỹ thuật sinh học phân tử. Vì vậy, sinh học phân tử là một môn học đòi hỏi cần có sự hiểu biết liên quan chặt chẽ đến các kiến thức cơ bản của di truyền, hóa sinh, vi sinh, tế bào ... Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực hành các kỹ thuật cơ bản trong sinh học phân tử liên quan đến: kỹ thuật tách chiết, định lượng, khuếch đại bằng kỹ thuật PCR, phân tích phân tử bằng kỹ thuật điện di.	1	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
49	Vi sinh vật	Vi sinh vật là nhóm sinh vật phân bố rộng khắp các sinh giới trên Trái Đất, đóng vai trò rất quan trọng trong các quá trình sinh học. Học phần Vi sinh vật cung cấp các nội dung gồm: đặc điểm chung, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và trong nền kinh tế quốc dân; hình thái cấu tạo, đặc điểm của các đối tượng vi sinh vật gồm virus, các vi sinh vật prokaryote, các vi sinh vật Eukaryote; các quá trình dinh dưỡng, trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng phát triển, di truyền của vi sinh vật; đặc điểm và vai trò của hệ thống miễn dịch. Học phần vi sinh vật là tiền đề để sinh viên có thể tiếp cận những môn học chuyên ngành có liên quan đến đối tượng vi sinh vật như: Virus học, công nghệ lên men, kiểm nghiệm vi sinh, vi sinh môi trường,....	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
50	Thực hành Vi sinh	Học phần Thực tập vi sinh đóng vai trò cung cấp kiến thức và kỹ năng thao tác các dụng cụ thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực nghiên cứu vi sinh vật như box cấy vô trùng, nồi hấp áp lực tử sát, máy đo quang phổ, kính hiển	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

		vi,...; kỹ năng thực hiện quá trình phân lập, nuôi cấy vi sinh vật từ các bước như chuẩn bị hóa chất, dụng cụ và môi trường đến các kỹ thuật pha loãng mẫu, cấy ria, cấy trái; kỹ thuật nhận diện các nhóm vi sinh vật chính như vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm men và nấm mốc dựa vào hình thái khuẩn lạc và tế bào; kỹ thuật tăng sinh, xác định khả năng sinh trưởng của vi sinh vật cũng như xác định mật số vi sinh vật trong một dịch nuôi cấy. Học phần này là nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học thực hành liên quan đến vi sinh vật như thực tập kiểm nghiệm vi sinh, thực tập chuyên đề công nghệ Vi sinh – Sinh hóa, Công nghệ sinh học trong sản xuất chế phẩm vi sinh.			$\geq 70\%$
51	Di truyền học	Học phần Di truyền học được thiết kế cho sinh viên thuộc các ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học, và Sư phạm Sinh học. Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: Cơ sở của tính di truyền và biến dị của sinh vật ở cấp tế bào; các quy luật di truyền, biến dị chi phối sự hình thành và phát triển các tính trạng của sinh vật; ứng dụng của nghiên cứu di truyền trong việc chăm sóc sức khỏe con người, tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu, thị hiếu của con người. Với nội dung trên, học phần Di truyền học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản để có thể học tiếp các học phần chuyên ngành ở chương trình đào tạo bậc Đại học, và sau Đại học.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Công nghệ sinh học	Học phần gồm các nội dung sau: một số khái niệm, các lãnh vực nghiên cứu, lịch sử phát triển của CNSH; CNSH thực phẩm, CNSH năng lượng, CNSH hóa học, CNSH nông nghiệp, CNSH môi trường, CNSH y dược học	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53	Kỹ thuật phân tích tế bào	Học phần Kỹ thuật phân tích tế bào được thiết kế cho sinh viên năm 1 thuộc các ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học. Nội dung của học phần gồm các kỹ năng thực hành về sử dụng kính hiển vi, làm tiêu bản tế bào, phân tích hình thái và quá trình trao đổi chất qua màng tế bào, phân tích hình thái tế bào ở các phase của chu kỳ tế bào.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Với nội dung đó, học phần Kỹ thuật phân tích tế bào giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học trong học phần Sinh học tế bào và có thể làm được tiêu bản phục vụ cho học tập, nghiên cứu sau này.			
54	Sinh lý động vật	Học phần Sinh lý động vật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu các chức năng và hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan và các hệ cơ quan của cơ thể động vật trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống. Đồng thời nó cũng nghiên cứu sự điều hòa các hoạt động chức năng nhằm đảm bảo cho cơ thể con người tồn tại, phát triển và thích ứng với sự biến đổi của môi trường và những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc - chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể. Phần thực hành giúp sinh viên củng cố kiến thức phần lí thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành để chứng minh những tính chất, quy luật sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan bằng thực nghiệm.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
55	Miễn dịch học	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể (hệ thống cơ quan, tế bào, phân tử tham gia vào đáp ứng miễn dịch), cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khoẻ con người.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56	An toàn sinh học và đạo đức trong sinh học	An toàn sinh học liên quan đến lĩnh vực khoa học có đối tượng nghiên cứu là sinh vật và vi sinh vật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về an toàn sinh học, an toàn khi thao tác với vi sinh vật, phòng thí nghiệm an toàn, kỹ thuật phòng thí nghiệm để đảm bảo an toàn, an toàn với sinh vật biến đổi gen và tình hình quản lý an toàn sinh học ở Việt Nam, đạo đức nghiên cứu y sinh học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Thông qua kiến thức lý thuyết sinh viên ngành sinh học, công nghệ sinh học có kỹ năng cần thiết đảm bảo an toàn cho bản thân, người xung quanh	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		và môi trường khi thực hành các môn học chuyên ngành cũng như làm khóa luận và chuyên đề tốt nghiệp.			
57	Tiến hóa và đa dạng sinh học	Học phần Tiến hóa và đa dạng sinh học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về các tư tưởng tiến hóa cổ điển, các học thuyết tiến hóa của Lamark, Darwin và các học thuyết tiến hóa tổng hợp, hiện đại. Qua đó tìm hiểu về nguồn gốc của sự sống, đồng thời cũng đề cập đến các nhân tố tiến hóa, sự hình thành các đặc điểm thích nghi, sự phát sinh chủng loại và các con đường, cơ chế hình thành loài trong quá trình tiến hóa của sinh vật trên trái đất. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm đa dạng sinh học, giá trị của đa dạng sinh học, các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các phương pháp, những hình thức bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam và trên thế giới.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
58	Sinh tin	Cung cấp những khái niệm cơ bản về tin sinh học, các cơ sở dữ liệu sinh học hiện có, cách tổ chức và cách khai thác dữ liệu; Sắp giống cột 2 trình tự; Tìm kiếm trình tự tương đồng trong cơ sở dữ liệu: BLAST; Phân tích trình tự DNA. Cách thức tìm kiếm, khai thác và sử dụng một số phần mềm tin học để giải quyết các vấn đề sinh học	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59	Genomics và proteomics	Nội dung học phần bao gồm những vấn đề về gen học như giới thiệu về tổ chức bộ gen, bản đồ di truyền, đa dạng di truyền, chức năng bộ gen và những vấn đề về protein học như cấu trúc chức năng của protein, các phương pháp tách chiết, tinh sạch, xác định protein, sản xuất protein.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
60	Tiếng anh trong sinh học	Tiếng Anh trong Sinh học là học phần nhằm tăng cường khả năng học tập và nghiên cứu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh một cách hiệu quả với sinh viên nói tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài. Học phần này giúp phát triển kiến thức về các quy ước học thuật trong sinh học để sinh viên có thể cải thiện kỹ năng của mình trong việc đọc hiểu các tài liệu khoa học Sinh học bằng tiếng Anh, có khả năng đóng góp ý kiến trong những cuộc thảo luận, hội thảo chuyên ngành bằng tiếng anh, cải thiện vốn từ ngữ học thuật chuyên ngành sinh học bằng tiếng Anh.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		Học phần gồm các nội dung cơ bản nhất trong chuyên ngành sinh học như: Các phân tử sinh học, tế bào, di truyền, tiến hóa, động vật, thực vật và sinh thái học.			
61	Công nghệ lên men	Học phần có liên quan mật thiết với các học phần vi sinh vật học và hóa sinh học về các quá trình trao đổi chất ở vi sinh vật và các quá trình sinh hóa xảy ra trong cơ thể vi sinh vật. Nội dung được chia ra thành 2 phần: - Phần 1. Một số vấn đề cơ bản về lên men và công nghệ lên men sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về các quá trình trao đổi chất ở vi sinh vật là cơ sở của các quá trình lên men, điều kiện và ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau lên quá trình lên men cũng như điều hòa quá trình lên men. - Phần 2. Kỹ thuật sản xuất các sản phẩm lên men cung cấp cho người học một số quá trình lên men trong sản xuất công nghiệp cũng như những sản phẩm cổ truyền của Việt Nam Trên cơ sở lý thuyết, phần thực hành cho phép sinh viên bước đầu làm quen với một số quá trình lên men đơn giản ở qui mô phòng thí nghiệm.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62	Kỹ thuật gen	Học phần này cung cấp các kiến thức về cấu trúc của gen ở prokaryote và eukaryote, các công cụ sử dụng trong kỹ thuật gen như enzyme, các hệ thống vector và tế bào chủ, các kỹ thuật cơ bản trong kỹ thuật gen, các bước tạo dòng gen và sàng lọc dòng tái tổ hợp, thư viện gen, biểu hiện gen trong E. coli và tinh sạch protein tái tổ hợp và các ứng dụng của kỹ thuật gen.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
63	Thực hành kỹ thuật gen	Giúp sinh viên làm quen với những thao tác cơ bản của kỹ thuật gen, thông qua đó hiểu rõ và nắm vững hơn các khái niệm, kiến thức của kỹ thuật gen và có thể bước đầu tiến hành các thí nghiệm về thao tác trên gen.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
64	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính SH	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp các nội dung về đặc điểm cấu trúc phân tử, hoạt tính sinh học, cơ chế tác động, con đường tổng hợp, ứng dụng và phương thức thu nhận các hợp chất tự nhiên có trong sinh vật trong tự nhiên, trong đó có đề cập đến những nguồn tài nguyên sinh vật có trong khu vực Tây Nguyên. Thông qua kiến thức của học phần sinh viên có thể ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực sinh hóa,	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		y dược, thực vật ... Thêm vào đó, các kiến thức trong học phần này cũng giúp sinh viên nhận diện được các sinh vật (thực vật, nấm, ...) chứa những nhóm chất độc, hoặc nhóm chất hỗ trợ tăng cường sức khỏe.			
65	Thực hành hợp chất tự nhiên có hoạt tính SH	Thực tập hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp các nội dung thực hành về đặc điểm cấu trúc phân tử, hoạt tính sinh học, cơ chế tác động và phương thức thu nhận các hợp chất tự nhiên có trong sinh vật trong tự nhiên, trong đó có đề cập đến những nguồn tài nguyên sinh vật có trong khu vực Tây Nguyên. Thông qua kiến thức của học phần sinh viên có thể ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực sinh hóa, y dược, thực vật ... Thêm vào đó, các kiến thức trong học phần này cũng giúp sinh viên nhận diện được các sinh vật (thực vật, nấm, ...) chứa những nhóm chất độc, hoặc nhóm chất hỗ trợ tăng cường sức khỏe.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66	Thực tập thực tế	Liên hệ thực tiễn, có khả năng thâm nhập, thích ứng nhanh, và hiệu quả với môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp là yêu cầu bắt buộc đối với lao động chất lượng cao trong thời đại mới. Học phần thực tập thực tế được thiết kế gồm hai nội dung chính: - Tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, và các viện nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực Công nghệ lên men (Rượu bia, bột ngọt, ...); Công nghệ nuôi cấy mô thực vật; Công nghệ sản xuất phân vi sinh; Công nghệ nuôi trồng nấm; Công nghệ Vaccine; Công nghệ xử lý môi trường; Công nghệ chế biến cà phê, ca cao; Công nghệ nhân giống vô tính cây trồng; ... - Thực tập tại cơ sở tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực nêu trên. Học phần thực tập thực tế giúp sinh viên có cái nhìn rõ ràng, cụ thể về thực tiễn vận dụng các quy trình công nghệ sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh cũng như tăng cường kỹ năng chuyên môn trong môi trường lao động có tính thử thách cao, từ đó tăng cường khả năng xâm nhập thực tế, thích ứng môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

67	Kiểm nghiệm vi sinh	Kiểm nghiệm vi sinh được coi là một phần quan trọng của công nghệ sinh học vi sinh vật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các chỉ tiêu vi sinh vật thường được kiểm soát trong nước, thực phẩm, mỹ phẩm, đất; yêu cầu cơ bản của phòng kiểm nghiệm vi sinh vật; phương pháp thu, bảo quản và chuẩn bị mẫu để phân tích; phương pháp định lượng vi sinh vật; một vài qui trình phân tích chỉ tiêu vi sinh vật; các phương pháp phân tích vi sinh vật không truyền thống. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành sau khi học các học phần vi sinh vật, Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên có khả năng xây dựng và đánh giá hiệu quả phương pháp phân tích vi sinh vật và áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	Thực hành kiểm nghiệm vi sinh	Thực hành kiểm nghiệm vi sinh cung cấp cho sinh viên có kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm nghiệm vi sinh vật có trong các loại mẫu khác nhau. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành về phương pháp thu, bảo quản và chuẩn bị mẫu để phân tích; kiểm nghiệm vi sinh vật; định lượng tổng số coliforms; định tính E.coli; Định tính salmonella; Kiểm nghiệm một số vi sinh vật gây bệnh trên thực phẩm bằng kỹ thuật PCR. Học phần được học sau khi sinh viên học vi sinh vật, TT vi sinh vật, Kiểm nghiệm vi sinh. Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên ngành công nghệ sinh học có kiến thức và kỹ năng để phân tích, định lượng vi sinh vật có trong các loại mẫu như mẫu nước, thực phẩm, mỹ phẩm, đất.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm là môn học chuyên ngành giảng dạy cho sinh viên ngành công nghệ sinh học và những ngành liên quan. Môn học đòi hỏi sinh viên phải có kiến thức cơ bản về hóa học, hóa sinh, những kiến thức liên quan đến phân tích định tính và định lượng, các công cụ phân tích những thành phần trong thực phẩm. Học phần kiểm nghiệm hóa thực phẩm thường được giảng dạy cho sinh viên sau khi đã học qua các học phần hóa học đại cương, hóa phân tích, hóa sinh, vi sinh, ... Kiểm nghiệm hóa thực phẩm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phân tích thực phẩm và kiểm định thực phẩm, cũng như các kiến thức liên quan đến quy trình và phân tích điểm kiểm định tối hạn cho sự an toàn của thực phẩm. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học những kiến	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		thức liên quan đến các phương pháp cơ bản và hiện đại áp dụng trong kiểm nghiệm hóa thực phẩm, hệ thống các tiêu chuẩn quản lý an toàn thực phẩm.			
70	Thực hành kiểm nghiệm hóa thực phẩm	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm là môn học chuyên ngành giảng dạy cho sinh viên ngành công nghệ sinh học và những ngành liên quan. Môn học đòi hỏi sinh viên phải có kiến thức cơ bản về hóa học, hóa sinh, những kiến thức liên quan đến phân tích định tính và định lượng, các công cụ phân tích những thành phần trong thực phẩm. Học phần kiểm nghiệm hóa thực phẩm thường được giảng dạy cho sinh viên sau khi đã học qua các học phần hóa học đại cương, hóa phân tích, hóa sinh, vi sinh, ... Thực tập kiểm nghiệm hóa thực phẩm trang bị cho người học những kiến thức thực nghiệm về phân tích thực phẩm và kiểm định các dư lượng có trong thực phẩm, cũng như các kiến thức liên quan đến quy trình và phân tích điểm kiểm định tới hạn cho sự an toàn của thực phẩm. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức thực nghiệm liên quan đến các phương pháp cơ bản và hiện đại áp dụng trong kiểm nghiệm hóa thực phẩm, hệ thống các tiêu chuẩn quản lý an toàn thực phẩm.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71	Công nghệ sinh học thực vật	Nội dung của học phần gồm những kiến thức: những nền tảng cơ bản về sự hình thành, phát triển, những thành tựu đạt được và cả những thách thức đối với công nghệ sinh học thực vật; phương pháp nuôi cấy tế bào và mô thực vật trong nhân giống, tạo giống cây trồng, sản xuất hợp chất thứ cấp ở điều kiện in vitro; phương pháp chuyển gene trực tiếp và gián tiếp ở thực vật; và các phương pháp canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng. Học phần Công nghệ sinh học thực vật là một phần quan trọng và đóng tỉ trọng lớn trong phát triển Công nghệ sinh học hiện nay và là một học phần không thể thiếu trong đào tạo sinh viên ngành Công nghệ sinh học, nhằm trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết, các kỹ thuật và những ứng dụng của phương pháp nuôi cấy tế bào và mô thực vật, quy trình chuyển gene vào tế bào thực vật (tách chiết, nhân bản, tạo dòng DNA và phương pháp chuyển gene), các phương pháp canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng. Học phần này có mối liên hệ chặt chẽ với các	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		học phần SH Thực vật, sinh lý thực vật, sinh học tế bào và sinh học phân tử trong chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ sinh học.			
72	Thực tập chuyên đề công nghệ thực vật	Học phần thực tập chuyên đề công nghệ thực vật là một môn học thực tập lớn nghiên cứu về áp dụng các kiến thức Sinh lý thực vật, Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật, Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học, phân tích các hợp chất thứ cấp và các kiến thức liên quan. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới nuôi cấy mô thực vật; phương pháp xác định hoạt tính tế bào và mô; phương pháp xác định hoạt tính hợp chất chiết xuất từ tế bào và mô.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
73	Thực tập chuyên đề công nghệ vi sinh – sinh hóa	Thực tập chuyên đề vi sinh – sinh hóa cung cấp cho sinh viên có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực vi sinh – sinh hóa trên đối tượng khác nhau. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực vi sinh để phân lập và tuyển chọn vi khuẩn <i>Azotobacter</i> từ đất có khả năng phân giải lân; phân lập và tuyển chọn xạ khuẩn có khả năng tổng hợp enzyme protease và chitinase; xác định sinh khối vi sinh vật đất và lĩnh vực sinh hóa để kiểm nghiệm độ ẩm thực phẩm, kiểm nghiệm tro khoáng, kiểm nghiệm một số thành phần dinh dưỡng hữu cơ thực phẩm: Protein, Lipid, Glucid. Học phần được học sau khi sinh viên học vi sinh vật, TT vi sinh vật, Kiểm nghiệm vi sinh, hóa sinh, kiểm nghiệm hóa thực phẩm, công nghệ enzyme. Thông qua các kiến thức lý thuyết và thực hành sinh viên ngành công nghệ sinh học được những kỹ năng cần thiết để xây dựng và thực hiện thành công một vấn đề liên quan đến chuyên ngành Vi sinh – Sinh hóa.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
74	Công nghệ Enzyme	Công nghệ enzyme (Enzyme Technology) là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành công nghệ sinh học, cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ và kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về công nghệ enzyme. Cụ thể, học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn công nghệ enzyme, ứng dụng của enzyme trong các lĩnh vực khác nhau (nông nghiệp, y dược học, công nghiệp, ngư nghiệp và một số lĩnh vực khác), Các phương pháp nghiên cứu enzyme, enzyme tái tổ hợp, enzyme không tan. Đồng thời, học phần này	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		còn cung cấp các thông tin cập nhật về hướng nghiên cứu và các ứng dụng thực tế của lĩnh vực enzyme trong và ngoài nước trong giai đoạn hiện nay.			
75	Nông nghiệp hữu cơ	Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức và nguyên lý cơ bản trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ; trong đó bao gồm những kiến thức về cơ sở khoa học và sự phát triển của nông nghiệp hữu cơ, thực trạng phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam và trên thế giới. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất và phân bón trong nông nghiệp hữu cơ trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện các biện pháp kỹ thuật canh tác tác động lên đất, cây trồng, đối tượng dịch hại nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vừa bảo vệ được nguồn đất, nước, bảo vệ cây trồng, tăng giá trị của sản phẩm và tăng thu nhập cho người sản xuất.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
76	Thiết kế thí nghiệm và xử lý thống kê	Học phần thiết kế thí nghiệm và phân tích thống kê đào tạo cho sinh viên ngành Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm và Sư phạm Sinh học gồm 7 chương với 02 học phần học trước là toán Xác suất thống kê và Tin học đại cương. Học phần giúp sinh viên nắm được những nguyên lý cơ bản thiết kế thí nghiệm và phân tích số liệu nghiên cứu khoa học trong ngành Sinh học. Học phần lý thuyết gồm 02 nội dung chính: Nội dung thứ nhất: giúp sinh viên nắm được các bước để phân tích một bộ số liệu trong nghiên cứu khoa học, các khái niệm và các tham số dùng trong thống kê mô tả, các mô hình xử lý thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau và đưa ra kết luận có ý nghĩa thống kê; Nội dung thứ hai: giúp sinh viên nắm được các kiến thức về thiết kế thí nghiệm từ việc nêu giả thiết nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, các phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu trong nghiên cứu. Nội dung thực hành của học phần cung cấp các kỹ năng ứng dụng phần mềm MINITAB trong xử lý và phân tích dữ liệu.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
77	Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học	Việc nắm vững các quá trình, nguyên lý vận hành các thiết bị công nghệ sinh học là một yêu cầu bắt buộc trong thực tiễn nghiên cứu, vận hành sản xuất. Học phần cung cấp phương pháp tiếp cận định lượng; các nguyên lý cân bằng và các quá trình vật lý cơ bản; cùng với đó là nguyên lý vận hành các thiết bị cụ thể bao gồm: Lọc, ly tâm, phá vỡ tế bào, chiết, kết tủa, hấp thụ, sắc ký, kết tinh và sấy trong tổng thể một quá trình sản xuất một sản	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		phẩm công nghệ sinh học; cuối cùng là các lý thuyết về phản ứng đồng thể, dị thể và cách thức thiết kế, vận hành lò phản ứng sinh học (bioreactor). Học phần này giúp sinh viên có khả năng nhận diện, nắm vững các quá trình và nguyên tắc vận hành các thiết bị công nghệ sinh học từ đó có khả năng thích ứng nhanh với điều kiện sản xuất thực tiễn.			
78	Vật liệu sinh học	Sự phát triển của khoa học vật liệu sinh học như là một xu hướng tất yếu trong thế kỷ XXI với những ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực y sinh học, nha khoa, và công nghệ sinh học. Học phần vật liệu sinh học được thiết kế bao gồm những kiến thức cơ bản về yêu cầu, phân loại, thuộc tính cơ học; các nguyên liệu sử dụng trong chế tạo; tính tương tác với môi trường sinh học bao gồm sự phân hủy của vật liệu và tính đáp ứng của cơ thể vật chủ; quy trình đánh giá; các ứng dụng trong y sinh học, nông nghiệp và công nghiệp; và những xu hướng phát triển trong tương lai của vật liệu sinh học. Việc nghiên cứu học phần này giúp sinh viên tiếp cận khoa học mới, hiện đại, nhiều tiềm năng ứng dụng và phát triển trong tương lai dựa trên nền tảng công nghệ sinh học.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
79	Công nghệ vi tảo và ứng dụng	Vi tảo là nhóm vi sinh vật có vai trò sinh thái quan trọng và tiềm năng ứng dụng cao trong công nghệ sinh học nhờ khả năng tích hợp các thuộc tính có lợi từ vi khuẩn và thực vật. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức có hệ thống về đặc điểm sinh học, vai trò sinh thái – kinh tế, các ứng dụng tiềm năng, các phương pháp nghiên cứu, các kỹ thuật nuôi trồng từ quy mô phòng nghiệm đến sản xuất đại trà, và giới thiệu một số kỹ thuật phân tử nhằm khai thác tối đa tiềm năng ứng dụng của vi tảo. Học phần giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản có thể áp dụng trong thực tiễn nghiên cứu, nuôi trồng và sản xuất các vi tảo có lợi đã được biết đến, cũng như tìm kiếm, sàng lọc vi tảo có khả năng ứng dụng từ môi trường tự nhiên.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
80	Công nghệ sản xuất phân vi sinh	Một trong những ứng dụng quan trọng của vi sinh vật trong nông nghiệp là dùng để sản xuất phân vi sinh. Học phần Công nghệ sản xuất phân vi sinh bao gồm các nội dung như: khái niệm phân vi sinh và các tiêu chuẩn của nó; các nhóm vi sinh vật được sử dụng để sản xuất phân vi sinh như vi	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		khuẩn cố định đạm, vi khuẩn phân giải lân,...; quy trình phân lập để có được chủng vi sinh vật có hoạt tính phù hợp để sản xuất phân vi sinh; quy trình nhân giống vi sinh vật; quy trình nuôi ủ; quy trình tạo thành phẩm và kiểm tra chất lượng thành phẩm. Học phần này cũng cung cấp phần thực hành bao quát một quy trình sản xuất phân vi sinh. Học phần Công nghệ sản xuất phân vi sinh được thực hiện cho sinh viên ngành Công nghệ Sinh học năm cuối theo tiến trình bình thường.			
81	Virus học	Virus là nhóm vi sinh vật rất đặc biệt, chưa có cấu trúc tế bào và chỉ được quan sát bằng kính hiển vi điện tử. Với đời sống ký sinh bắt buộc, virus là những sinh vật được con người quan tâm lớn bởi khả năng gây các bệnh truyền nhiễm trên người, động vật, thực vật và cả vi sinh vật khác. Học phần Virus học cung cấp các kiến thức cơ bản về phân loại, di truyền của virus làm cơ sở cho sự lý giải các tương tác của virus với ký chủ, hiểu biết cơ chế gây ung thư, hoạt hoá gen ung thư và cung cấp kiến thức về dịch tễ học, bệnh học phát sinh của virus, từ đó có các biện pháp chống virus thích hợp để bảo vệ sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng. Học phần này được thực hiện sau khi sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về virus ở học phần Vi sinh vật học.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
82	Cây thuốc	Cây thuốc là một học phần ngắn giới thiệu cho sinh viên một số những nguyên tắc sử dụng dược liệu trong Đông y, từ đó áp dụng với việc sử dụng dược liệu có nguồn gốc thực vật để chữa bệnh trong Đông y. Sau đó, môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc trong việc trồng trọt, thu hái, chế biến, bảo quản và sử dụng dược liệu có nguồn gốc thực vật sao cho đúng cách và giữ được dược tính của dược liệu một cách tối đa. Ở cuối học phần, sinh viên được tìm hiểu về đặc điểm, dược tính, thời vụ cũng như cách chế biến một số cây thuốc thường gặp nhất ở nước ta, đặc biệt chú trọng tới các cây thuốc bản địa ở nơi mình đang sinh sống và ở Tây Nguyên. Sinh viên sau khi học xong học phần này sẽ có những kiến thức cơ bản làm nền tảng để tiếp học học những học phần như Dược liệu học, dược lý.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
83	Bảo tồn thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học của sinh	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		vật trong tự nhiên, cơ sở luật pháp và các tổ chức, cơ quan liên quan đến bảo tồn thiên nhiên; đề sinh viên có thể vận dụng vào việc giảng dạy, truyền thông, nghiên cứu về vai trò, ý nghĩa của tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh học trong tự nhiên. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Thực vật học, Động vật có xương sống, Động vật không xương sống, Sinh thái học, Môi trường và phát triển			thi cuối kì ≥70%
84	Dược liệu học	Học phần được liệu học phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất tự nhiên trong dược liệu như nguồn gốc, cấu trúc, công dụng, cách định tính, định lượng các nhóm hợp chất này. Học phần này cũng giới thiệu những dược liệu tiêu biểu chứa những nhóm hợp chất cơ bản, công dụng, tác dụng và ứng dụng của những cây dược liệu này trong phòng và chữa bệnh. Phần thực hành cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về thao tác trong phòng thí nghiệm, giúp sinh viên có kiến thức để kiểm nghiệm các nhóm hợp chất trong dược liệu cũng như các đặc điểm về mặt hình thái, giải phẫu thực vật của các cây dược liệu.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
85	Công nghệ sinh học ứng dụng trong thực phẩm	Công nghệ sinh học đã tác động hằng ngày đến đời sống của con người trên toàn thế giới với nhu cầu về thực phẩm phải đảm bảo cân bằng dinh dưỡng, an toàn và nhiều sản phẩm mới. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học thực phẩm; công nghệ sinh học làm tiền đề cho công nghệ thực phẩm; Các ứng dụng của công nghệ sinh học vi sinh vật trong công nghệ thực phẩm; Các kỹ thuật công nghệ sinh học trong lĩnh vực thực phẩm; Các sản phẩm mới của công nghệ sinh học thực phẩm. Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên đánh giá được các tầm quan trọng của công nghệ sinh học thực phẩm trong tương lai và lựa chọn công nghệ và kỹ thuật phù hợp trong công nghệ thực phẩm.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
86	Công nghệ sản xuất và chế biến nấm	Công nghệ sản xuất và chế biến Nấm là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học về công nghệ nuôi trồng và giá trị của Nấm ăn và nấm dược liệu, kỹ thuật nuôi trồng một số loại nấm ăn và nấm dược liệu và các loại sâu bệnh hại trong quá trình nuôi trồng Nấm và biện pháp phòng	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		trừ. Cung cấp các kiến thức về bảo quản và chế biến một số loại nấm thông dụng. Những thông tin về Tình hình nuôi trồng Nấm ở Việt Nam. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành đào tạo cho ngành Công nghệ sinh học.			
87	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật	Công nghệ sinh học đã tác động hằng ngày đến đời sống của con người trên toàn thế giới với nhu cầu về bảo vệ sức khỏe con người trong sản xuất nông nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật; miễn dịch học thực vật; Sự gây hại của nguồn bệnh và sinh lí của cây bị bệnh; Công nghệ sinh học trong bệnh cây; Thành tựu của công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật. Thông qua các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành sinh viên đánh giá được các tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật nhằm bảo vệ sức khỏe của con người cũng như sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc sinh học trong sản xuất nông nghiệp bền vững.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
88	Công nghệ sinh học trong xử lý môi trường	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các quá trình sinh học và các quá trình của công nghệ sinh học môi trường cho việc xử lý ô nhiễm đất, làm sạch khí thải tại nguồn, làm sạch nước mặt và nước ngầm, xử lý chất thải công nghiệp, đưa các kỹ thuật mới vào hoạt động chôn lấp rác thải hợp vệ sinh và ủ phân compost, ...chất thải rắn, lỏng, khí sẽ giúp sinh viên có tổng quan tốt về cơ sở sinh học và các quá trình sinh học có liên quan như quá trình trao đổi chất của vi khuẩn trong các hệ thống xử lý nước thải, quá trình lên men, ứng dụng enzyme trong xử lý chất hữu cơ,.... Đây là nền tảng hữu ích cho những nghiên cứu sâu sau này.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
89	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng	Kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng là một môn học nghiên cứu về áp dụng các kiến thức Sinh lý thực vật và các kiến thức liên quan đã và đang được ứng dụng rộng rãi, hiệu quả trong công nghệ nhân giống vô tính cây trồng bằng con đường nuôi cấy mô (in vitro), giâm chiết cành (in vivo) để cung cấp cho sản xuất cây giống có chất lượng cao. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành đào tạo cho ngành Sinh học, Công nghệ sinh học. Học phần đề cập tới các kỹ thuật nhân giống vô tính cây trồng in vivo và in vitro.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

90	Công nghệ nhà màng 4.0	Học phần Công nghệ nhà màng nhằm giới thiệu đến sinh viên, học viên những kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển, những thành tựu và xu hướng phát triển xây dựng nhà màng, nhà kính nhằm ứng dụng trong nông nghiệp công nghệ cao; Học phần cung cấp các loại mô hình, những vật liệu dùng trong lắp đặt và xây dựng nhà màng; các yếu tố tiểu khí hậu quan trọng trong nhà màng như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, khí CO ₂ /O ₂ , độ pH đất, môi trường dinh dưỡng cho cây trồng; các công nghệ được ứng dụng trong quản lý và điều khiển các yếu tố tiểu khí hậu đó như công nghệ điện toán đám mây, công nghệ IoT, v.v. Giới thiệu các mô hình sử dụng nhà màng để ứng dụng trong canh tác cây trồng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao.	2	HK7	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
91	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp		HK8	Điểm trung bình của các thành viên Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp
92	Chuyên đề tốt nghiệp	Sinh viên sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thành đề tài chuyên đề tốt nghiệp		HK8	Điểm trung bình của các GV chấm
93	Nuôi cấy tế bào động vật	Nuôi cấy tế bào động vật là một phần quan trọng của công nghệ sinh học động vật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nuôi cấy tế bào động vật, tế bào gốc, sinh học tế bào động vật, một số yêu cầu trong nuôi cấy tế bào động vật, nuôi cấy sơ cấp và tạo dòng, kỹ thuật nhận diện, phân tách và bảo quản tế bào, quy trình sản xuất một số chất có hoạt tính sinh học. Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành sau khi sinh viên đã được học một số học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở. Thông qua các kiến thức lý thuyết sinh viên có cái nhìn tổng thể về ứng dụng của nuôi cấy tế bào động vật trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là y học nhằm phục vụ đời sống con người.	2	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

94	Vi sinh môi trường	Vi sinh vật là nhóm đối tượng phân bố rộng rãi trong hầu hết các môi trường tự nhiên cũng như nhân tạo và tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa quan trọng. Học phần Vi sinh môi trường sẽ cung cấp những kiến thức về đặc điểm các môi trường đất, nước, không khí; sự phân bố vi sinh vật trong các môi trường đó; Các quá trình chuyển hóa của vi sinh vật trong tự nhiên như chu trình carbon, chu trình chuyển hóa nitrogen, chu trình chuyển hóa lưu huỳnh, và chu trình chuyển hóa phospho; Vai trò của vi sinh vật trong các quá trình xử lý sinh học, xử lý nước thải; Các quá trình phát tán vi sinh vật trong không khí; Các nhóm vi sinh vật gây bệnh phổ biến trong môi trường. Để thực hiện học phần này, sinh viên phải học trước học phần Vi sinh vật.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
95	Côn trùng học và ứng dụng	Học phần Côn trùng học và ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của côn trùng đối với tự nhiên và con người; đặc điểm sinh học và hình thái cơ thể côn trùng; hệ thống phân loại côn trùng học; các bộ họ thuộc lớp côn trùng thường gặp trong nông nghiệp. Trên cơ sở nắm bắt được các điều kiện sinh thái ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của côn trùng, sinh viên có thể hiểu được cơ sở khoa học và thực tiễn để nhận biết, phân loại côn trùng và đưa ra những nguyên tắc cơ bản điều khiển côn trùng có hại và phát triển côn trùng có lợi, có ích; đồng thời sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu hại có hiệu quả, an toàn môi trường.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
96	Chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực CNSH	Trong bối cảnh kinh tế hiện đại, việc đảm bảo quyền lợi bằng việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các nguồn tri thức, đặc biệt là các ý tưởng, khái niệm mới có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghệ sinh học nói riêng. Môn học cung cấp những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; các lĩnh vực bảo hộ sở hữu trí tuệ: sáng chế, bản quyền và các quyền liên quan, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, và bảo vệ chống cạnh tranh không lành mạnh; vai trò của sở hữu trí tuệ đối với các nước đang phát triển; cách thức thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo khung pháp lý quốc tế và tại Việt Nam; sự phát triển công nghệ và pháp lý sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Qua nghiên cứu học phần này, sinh viên hình thành hệ thống tri thức cơ bản về	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sở hữu trí tuệ, có thể vận dụng linh hoạt, hiệu quả và phù hợp trong việc bảo hộ và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học;			

6.11. Công nghệ KTMT

T T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lenin	Học phần Triết học Mác - Lenin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lenin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lenin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lenin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
6	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.			thi cuối kì ≥70%
7	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
8	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

9	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
10	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
11	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh	2	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.			
12	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
13	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
14	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

15	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
16	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
17	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		ngiht sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.			
18	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt	1	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
19	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
20	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
21	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

22	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
23	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
24	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
25	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ	3	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.			
26	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
27	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

28	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29	Toán B	Học phần Toán B trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phép tính vi tích phân của hàm một biến số, ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính, hàm số nhiều biến số, lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân,... Học phần này được thực hiện cho sinh viên năm nhất. Thông qua việc học Toán B sinh viên có thể soi sáng và củng cố được kiến thức cơ bản đã học ở trung học phổ thông như: giới hạn, liên tục, phép tính vi tích phân của hàm số một biến số; rèn luyện cho sinh viên năng lực tính toán và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lý số liệu trong công việc. Hơn nữa, nắm vững học phần này sinh viên có khả năng mô hình hóa toán học các bài toán thực tế đơn giản, có thể áp dụng các kiến thức này để giải quyết một số bài toán thực tiễn và học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Vật lý B	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các kiến thức toán học liên quan và về vai trò của vật lý học với các môn khoa học khác, học phần có 6 chương bao gồm các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về động học và động lực học chất điểm, chuyển động của vật rắn và cơ học chất lưu; nghiên cứu các hiện tượng nhiệt của chất khí lí tưởng như phương trình cơ bản của thuyết động học phân tử, hai nguyên lý nhiệt động học; trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về dòng điện, tác dụng và ứng dụng của dòng điện lên cơ thể; giới thiệu các hiện tượng đặc trưng cho tính chất điện từ và tính chất hạt của ánh sáng cũng như những ứng dụng thực tế khi	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$

		ánh sáng tương tác với vật chất; nghiên cứu về hạt nhân và tương tác của bức xạ với vật chất cũng như những ứng dụng trong khoa học và đời sống. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
31	Thực hành Vật lý đại cương	Học phần Thực hành Vật lý đại cương (THVLĐC) có 01 tín chỉ và được thiết kế gồm 08 bài thực hành bao gồm các bài thí nghiệm về các kiến thức thuộc bốn lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang để củng cố lại kiến thức và giúp cho sinh viên hiểu sâu hơn những kiến thức Vật lý đã được học trong học phần Vật lý B. Ngoài ra học phần THVLĐC giúp sinh viên làm quen và biết cách sử dụng, đo đạc của một số trang thiết bị như thước kẹp, panme, nhiệt kế, bình điện phân, điện trở, tụ điện, thấu kính, kính hiển vi, ... Đồng thời, học phần THVLĐC cũng rèn luyện cho sinh viên phương pháp học tập, kỹ năng làm thí nghiệm nói chung và thí nghiệm vật lý nói riêng, phương pháp đo đạc và xử lý số liệu thực nghiệm để từ đó sinh viên có niềm tin vững chắc vào khoa học, có sự hăng say và hứng thú hơn với môn học.	1	HK1	điểm thi cuối kì >100%
32	Hóa học đại cương 1	Học phần giới thiệu cho sinh viên về cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học, làm sáng tỏ vai trò to lớn của bảng tuần hoàn các nguyên tố trong khoa học hóa học cũng như các ngành khoa học khác, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp cho sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch, mối liên quan giữa phản ứng hóa học và dòng điện từ đó đưa ra các ứng dụng thực tế của nó. Học phần giúp sinh viên có cơ sở để học tiếp học phần hóa học đại cương 2, thực hành hóa học đại cương và các môn học chuyên ngành có liên quan đến hóa học.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
33	Thực hành các quá	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ thuật phòng thí nghiệm, kỹ năng sử dụng và bảo quản hóa chất, cách pha chế hóa	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

	trình hóa học	chất, cách tiến hành một bài thí nghiệm. Học phần giúp cho sinh viên khắc sâu thêm phần lý thuyết đại cương về hóa học thông qua các bài thí nghiệm như kỹ thuật phòng thí nghiệm, tốc độ phản ứng, sự chuyển dịch cân bằng, pha chế dung dịch chuẩn độ, độ tan của các chất – tích số tan, độ dẫn điện của dung dịch điện li, cách xác định nước kết tinh trong các tinh thể ngậm nước (như $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$, $\text{CoCl}_2 \cdot n\text{H}_2\text{O}$), tính chất của dung dịch loãng, chất chỉ thị màu phản ứng oxi hóa – khử. Nhờ đó sinh viên sẽ lĩnh hội được những kiến thức nền tảng của Hóa học, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục học những học phần chuyên sâu khác.			thi cuối kì $\geq 70\%$
34	Vi sinh vật	Vi sinh vật là nhóm sinh vật phân bố rộng khắp các sinh giới trên Trái Đất, đóng vai trò rất quan trọng trong các quá trình sinh học. Học phần Vi sinh vật cung cấp các nội dung gồm: đặc điểm chung, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và trong nền kinh tế quốc dân; hình thái cấu tạo, đặc điểm của các đối tượng vi sinh vật gồm virus, các vi sinh vật prokaryote, các vi sinh vật Eukaryote; các quá trình dinh dưỡng, trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng phát triển, di truyền của vi sinh vật; đặc điểm và vai trò của hệ thống miễn dịch. Học phần vi sinh đại cương là tiền đề để sinh viên có thể tiếp cận những môn học chuyên ngành có liên quan đến đối tượng vi sinh vật như: vi sinh môi trường, công nghệ sinh học môi trường, công nghệ xử lý nước thải,....	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35	Thực hành vi sinh	Học phần Thực hành vi sinh đại cương đóng vai trò cung cấp kiến thức và kỹ năng thao tác các dụng cụ thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực nghiên cứu vi sinh vật như box cấy vô trùng, nồi hấp áp lực tủ sấy, máy đo quang phổ, kính hiển vi,...; kỹ năng thực hiện quá trình phân lập, nuôi cấy vi sinh vật từ các bước như chuẩn bị hóa chất, dụng cụ và môi trường đến các kỹ thuật pha loãng mẫu, cấy ria, cấy trải; kỹ thuật nhận diện các nhóm vi sinh vật chính như vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm men và nấm mốc dựa vào hình thái khuẩn lạc và tế bào; kỹ thuật tăng sinh, xác định khả năng sinh trưởng của vi sinh vật cũng như xác định mật số vi sinh vật trong một dịch nuôi cấy. Học phần này là nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học thực hành liên quan đến vi sinh vật.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

36	Quá trình và thiết bị công nghệ MT	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các quá trình chuyển khối thường được sử dụng trong lĩnh vực công nghệ môi trường, bao gồm các nội dung về cơ chế và động học của quá trình và về nguyên lý hoạt động cũng như phương pháp tính toán các thiết bị để tiến hành các quá trình chuyển khối.MT2. Nhằm trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá công nghệ, khả năng nghiên cứu thiết kế và vận hành (trong điều kiện tối ưu) các thiết bị và các dây chuyền công nghệ môi trường có mặt các quá trình chuyển khối. Giúp sinh viên trao đổi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình bài báo cáo quá trình và thiết bị môi trường. Tăng khả năng tiếp cận, phân tích và tổng hợp hệ thống, hình thành nên các ý tưởng trong lĩnh vực cơ học – thủy lực – khí nén, truyền nhiệt và truyền khối. Mô phỏng, tối ưu hóa và vận hành các quá trình thiết bị cơ học – thủy lực, truyền nhiệt và truyền khối.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37	Hóa kỹ thuật môi trường	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các quá trình hoá học liên quan đến xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm. Sinh viên biết áp dụng được các quá trình hoá học trong việc xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải. Kỹ năng làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình thiết kế phương án xử lý chất thải. Tạo cho sinh viên thái độ nghiêm túc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu, tự lập cho sinh viên.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường. Sinh viên sau khi hoàn tất học phần này có khả năng viết đề cương đề thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học môi trường nói chung và lĩnh vực kỹ thuật môi trường nói riêng.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
39	Sinh hóa môi trường	Học phần sinh hóa môi trường tập trung chủ yếu vào các khái niệm cơ bản về chất ô nhiễm và khả năng phơi nhiễm sinh học. Các cơ chế xâm nhập, phân hủy/ chuyển hóa, tích lũy và đào thải chất ô nhiễm, sự khuếch đại chất ô nhiễm bởi cơ thể sinh vật. Nhấn mạnh vào việc ứng dụng của khả năng chuyển hóa chất ô nhiễm bởi vi sinh vật và thực vật, đây là hai công cụ chính để trong xử lý chất ô nhiễm ở ngoài môi trường (Công nghệ sinh học	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		môi trường). Tác dụng gây độc (tổng hợp của các cơ chế trên) của chất ô nhiễm lên cơ thể sinh vật nhờ đó người ta sử dụng cơ thể sinh vật, vật chất sinh học để làm chỉ thị sinh học, công cụ thử nghiệm độc học môi trường nước.			
40	Môi trường học cơ bản	Học phần môi trường học cơ bản cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến môi trường như khái niệm môi trường, các chức năng của môi trường, các thành phần chính của môi trường; Các kiến thức cơ bản về hệ sinh thái và sự vận dụng nguyên lý sinh học vào môi trường sống; Trình bày các dạng tài nguyên thiên nhiên, thực trạng của khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của con người; Các dạng ô nhiễm môi trường và sự tác động của con người đến ô nhiễm môi trường; Các công cụ quản lý môi trường tài nguyên; Khái niệm, các nguyên tắc và mục tiêu của phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, học phần còn cập nhật các vấn đề về tài nguyên, ô nhiễm môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường hiện nay.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Thủy lực môi trường	Học phần Thủy lực được biên soạn nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản của chất lỏng ở các trạng thái tĩnh và trạng thái chuyển động, trên cơ sở đó sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức của các môn học khác và vận dụng vào thực tế xây dựng các công trình, thoả mãn các yêu cầu đổi mới về nội dung cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay..	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Sinh thái môi trường	Học phần sinh thái môi trường giúp sinh viên nắm được kiến thức về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật. Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái. Tìm hiểu về khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể. Học về một số khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên và có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Học về cấu trúc, các diễn thế của hệ sinh thái.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

43	Đánh giá tác động môi trường	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đánh giá tác động môi trường như: khái niệm, mục đích, ý nghĩa của ĐTM; Quan điểm và nguyên tắc, khuôn khổ thể chế, chính sách đối với đánh giá tác động môi trường; Quy trình thực hiện đánh giá tác động môi trường; Các kỹ thuật và phương pháp đánh giá tác động môi trường trong một dự án ĐTM; Cách thức xây dựng báo cáo và quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Từ đó, sinh viên biết cách phân tích đánh giá dự đoán các tác động của dự án đến môi trường, đề xuất các giải pháp thích hợp để quản lý, bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động môi trường do các hoạt động của dự án phát triển mang lại.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
44	Vi sinh môi trường	Cung cấp những kiến thức về đặc điểm các môi trường đất, nước, không khí; sự phân bố vi sinh vật trong các môi trường đó; Các quá trình chuyển hóa của vi sinh vật trong tự nhiên như chu trình carbon, chu trình chuyển hóa nitrogen, chu trình chuyển hóa lưu huỳnh, và chu trình chuyển hóa phospho; Vai trò của vi sinh vật trong các quá trình xử lý sinh học, xử lý nước thải; Các quá trình phát tán vi sinh vật trong không khí; Các nhóm vi sinh vật gây bệnh phổ biến trong môi trường.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Thực hành vi sinh môi trường	Cung cấp những phương pháp cơ bản được sử dụng trong định lượng vi sinh trong không khí, phương pháp phân lập vi sinh vật có hoạt tính trong đất cũng như phương pháp xác định hoạt tính vi sinh vật đã phân lập với các nội dung là phát hiện, đánh giá mật độ Vi sinh vật trong môi trường không khí; Phương pháp phân lập vi sinh vật trong đất sử dụng môi trường đặc hiệu; Phương pháp đánh giá hoạt tính của vi sinh vật; Đánh giá một số chỉ tiêu sinh học trong môi trường nước có liên quan đến VSV.	1	HK4	Điểm thi cuối kì 100%
46	Mô hình hóa trong quản lý môi trường	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hoá môi trường làm nền tảng ứng dụng trong ngành môi trường. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức về mô hình hoá các quá trình lan truyền biến đổi của chất ô nhiễm đối với môi trường nước sông, môi trường nước hồ, môi trường không khí, môi trường đất và bãi chôn lấp chất thải rắn... trên cơ sở lý thuyết sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức của các môn học khác và vận	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		dụng ứng dụng mô hình và phỏng đoán các kịch bản vào thực tế xây dựng các công trình giảm thiểu các tác động môi trường trong tương lai.			
47	Phân tích môi trường	Giới thiệu cho sinh viên các phương pháp phân tích thường được sử dụng trong đánh giá ô nhiễm vô cơ và hữu cơ trong môi trường nước, môi trường không khí và môi trường đất. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy mẫu, bảo quản mẫu và xử lý mẫu và phân tích một số chỉ tiêu trong môi trường đất, nước, không khí. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các phương pháp thu mẫu, tách ly và làm giàu vết các hợp chất cần phân tích. Giới thiệu các kỹ thuật phân tích phân huỷ và không phân huỷ mẫu phù hợp với các đối tượng lựa chọn cho mục đích phân tích.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
48	Thực hành phân tích môi trường	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm với các dụng cụ thủy tinh, với hóa chất độc hại, cách chuẩn bị hóa chất, cách tiến hành một bài thí nghiệm, một số kỹ năng về khả năng lấy mẫu của từng loại nước thải, cách bảo quản mẫu, di chuyển mẫu về phòng thí nghiệm để phân tích mẫu. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kỹ năng làm thực nghiệm ngoài thực địa.	2	HK3	Điểm thi cuối kì 100%
49	Tin học ứng dụng trong CNMT	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết, các khái niệm, các lệnh cơ bản nhất về Autocad. Thông qua thực hành rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Các thao tác ban đầu về bản vẽ, các lệnh vẽ cơ bản, các lệnh hiệu chỉnh và sửa đổi bản vẽ, các lệnh vẽ nhanh hỗ trợ cho quá trình thiết kế, quản lý đối tượng theo lớp, khối, đường nét và màu, ghi và hiệu chỉnh văn bản, ghi kích thước cho bản vẽ, vẽ ký hiệu vật liệu và hình cắt mặt cắt, các lệnh về màn hình và in ấn.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
50	Công nghệ sinh học môi trường	Cung cấp cho sinh viên các quá trình sinh học và các quá trình của công nghệ sinh học môi trường cho việc xử lý ô nhiễm đất, làm sạch khí thải tại nguồn, làm sạch nước mặt và nước ngầm, xử lý chất thải công nghiệp, đưa các kỹ thuật mới vào hoạt động chôn lấp rác thải hợp vệ sinh và ủ phân compost, ...chất thải rắn, lỏng, khí sẽ giúp sinh viên có tổng quan tốt về cơ sở sinh học và các quá trình sinh học có liên quan như quá trình trao đổi chất của vi khuẩn trong các hệ thống xử lý nước thải, quá trình lên men, ứng dụng enzyme trong xử lý chất hữu cơ,....	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

51	An toàn, sức khỏe và môi trường	Giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của ngành HSE. Cung cấp kiến thức liên quan đến an toàn; sức khỏe của người lao động cũng như môi trường làm việc của các doanh nghiệp. Phổ biến những quy định pháp luật hiện hành về việc quản lý an toàn; sức khỏe của nhân viên và môi trường làm việc của doanh nghiệp. Tư vấn, hướng dẫn cách thực hiện quản lý sức khỏe, an toàn lao động tại doanh nghiệp. Nhận biết và kiểm soát rủi ro có thể xảy ra, bảo đảm sức khỏe và sự an toàn của người lao động. Xây dựng một hệ thống quản lý môi trường làm việc chuyên nghiệp; đảm bảo sự an toàn cũng như sức khỏe của người lao động.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
52	Kiểm toán môi trường	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kiểm toán môi trường: mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu...Giúp cho sinh viên nắm được các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường. Nắm được quy trình kiểm toán môi trường đối với một loại hình phổ biến môi trường và tại các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra cho sinh viên các bài tập thực hành liên quan đến kiểm toán chất thải để áp dụng các kiến thức đã học trong chương trình. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng các công cụ kiểm toán môi trường một cách hiệu quả trong công tác quản lý môi trường (kỹ năng phát hiện vấn đề, tổ chức thực hiện, kỹ năng điều tra phỏng vấn, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên dụng để kiểm toán môi trường).	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53	Xử lý số liệu và phân tích thống kê	Sinh viên nắm được khái niệm về một số tham số thống kê mô tả, các phương pháp trình bày số liệu nghiên cứu; Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các mô hình phân tích thống kê cho từng loại thí nghiệm khác nhau; Sinh viên nắm được các khái niệm về tương quan và hồi quy, trang bị cho sinh viên các kiến thức về thiết kế một thí nghiệm từ bước xây dựng ý tưởng, lập đề cương nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu và kết luận, sinh viên ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu khoa học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

54	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về khái niệm, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế và nội dung phát triển kinh tế bền vững, có kiến thức nền tảng về Kinh tế học phúc lợi, khái niệm và nguyên nhân ngoại ứng gây nên thất bại thị trường, nắm vững lý thuyết mức ô nhiễm tối ưu, các phương pháp đạt được mức ô nhiễm tối ưu, hiểu biết một cách đầy đủ hơn những nguyên tắc, công cụ phân tích kinh tế áp dụng để phân tích và đánh giá các vấn đề, quyết định, chính sách quản lý và sử dụng tài nguyên và môi trường, có kiến thức cơ bản về định giá giá trị phi thị trường của các sản phẩm, dịch vụ môi trường; lồng ghép giá trị môi trường trong các quyết định chính sách	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
55	Tiếng anh chuyên ngành	Tiếng anh chuyên ngành môi trường là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành môi trường, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ vựng, khả năng đọc và dịch một số các vấn đề về môi trường cụ thể như ô nhiễm môi trường, các hiện tượng tự nhiên và phát triển bền vững. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng có được vốn từ, vốn kiến thức và cách dùng những từ Tiếng Anh thông dụng trong lĩnh vực môi trường, đủ để có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành môi trường. Biết được vốn từ chuyên ngành môi trường và một số thuật ngữ tiếng Anh thường sử dụng trong lĩnh vực môi trường.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56	Mạng lưới cấp thoát nước	Học phần mạng lưới cấp thoát nước trang bị các vấn đề cơ bản cũng như các nguyên tắc thiết kế một hệ thống cấp và thoát nước. Cụ thể giới thiệu chung về hệ thống cấp và thoát nước đô thị; mạng lưới cấp nước bao gồm: hệ thống dẫn và phân phối nước, cấu tạo mạng lưới cấp nước, các thiết bị và công trình trên mạng lưới cấp nước, thi công, quản lý vận hành hệ thống cấp nước; mạng lưới thoát nước bao gồm: các hệ thống và sơ đồ thoát nước, thiết kế mạng lưới thoát nước, thoát nước mưa và hệ thống thoát nước chung, cơ sở kỹ thuật quản lý hệ thống thoát nước. Một số vấn đề kỹ thuật có thể gặp trong quá trình thi công, vận hành và phương pháp đánh giá hiệu quả của hệ thống cấp thoát nước cũng sẽ được đề cập.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
57	Quản lý môi trường	Học phần quản lý môi trường dạy cho sinh viên năm thứ hai ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm

		bản về quản lý môi trường như định nghĩa, mục tiêu và các nguyên tắc quản lý môi trường, các công cụ trong quản lý môi trường bao gồm công cụ luật pháp và hành chính, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ hỗ trợ được áp dụng trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội. Từ đó, sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học để quản lý các thành phần môi trường, các vùng môi trường đặc thù và làm cơ sở ngành quan trọng để nghiên cứu sâu trong lĩnh vực môi trường, giúp cho công tác bảo vệ môi trường có hiệu quả hơn.			thi cuối kì ≥70%
58	Công nghệ xử lý nước cấp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống cấp nước bao gồm các nguồn nước, các loại công trình thu nước và các kỹ thuật xử lý nước, quản lý vận hành, bảo dưỡng các công trình và thiết bị trong nhà máy cấp nước. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phương pháp tính toán thiết kế một số công trình, hệ thống xử lý nước cấp. Học phần được bố trí trong nội dung đào tạo năm thứ 3, trên nền tảng sinh viên đã có kiến thức cơ sở ngành. Học phần công nghệ xử lý nước cấp là một trong những học phần chuyên ngành cốt lõi, nội dung có liên quan đến học phần xử lý nước thải.	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
59	Thực hành xử lý nước cấp	Thực hành xử lý nước cấp là học phần thực hành chuyên ngành, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức cơ sở của quá trình xử lý, vận hành các hệ thống xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp như: lắng, lọc, trao đổi ion, khử sắt, lọc, ... Học phần thực hành xử lý nước cấp là một trong những học phần chuyên ngành cốt lõi, có học phần học trước là Công nghệ xử lý nước cấp.	1	HK6	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
60	Công nghệ xử lý nước thải	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về các loại nước thải, các phương pháp xử lý nước thải: phương pháp cơ học, phương pháp hóa lí, phương pháp sinh học. Trên cơ sở đó, lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với từng loại nước thải trong thực tế. Học phần được bố trí trong nội dung đào tạo năm thứ 3, trên nền tảng sinh viên đã có kiến thức cơ sở ngành. Học phần công nghệ xử lý nước thải là một trong những học phần chuyên ngành cốt lõi, có mối liên hệ với một số học phần khác như: công nghệ xử	3	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		lý nước cấp, công nghệ sinh học môi trường, đồ án xử lý nước, công nghệ xử lý chất thải rắn (bùn thải),...			
61	Thực hành xử lý nước thải	Thực hành xử lý nước thải là học phần thực hành chuyên ngành, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức cơ sở của quá trình xử lý, vận hành các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp như lắng, UASB, Aeroten, lọc sinh học, xử lý hoá lý, xử lý hoá học.... Học phần thực hành xử lý nước thải là một trong những học phần chuyên ngành cốt lõi, có học phần học trước là Công nghệ xử lý nước thải.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62	Đồ án xử lý nước	Đồ án xử lý nước giúp sinh viên củng cố lại kiến thức chuyên ngành về các công nghệ xử lý nước, bao gồm xử lý nước thải và xử lý nước cấp. Học phần đòi hỏi sinh viên có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tế, sử dụng thành thạo phần mềm AutoCad để thiết kế công nghệ, mô phỏng công nghệ dưới dạng thiết lập mô hình. Đồng thời, sử dụng mô hình để thử nghiệm hiệu quả xử lý của công nghệ ở quy mô phòng thí nghiệm. Học phần là sự tích hợp kiến thức các học phần: Công nghệ xử lý nước thải, Công nghệ xử lý nước cấp, Thực hành xử lý nước cấp, Thực hành xử lý nước thải, Tin học ứng dụng trong CNMT.	1	HK7	Điểm thi cuối kì: 100%
63	Công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn	Học phần công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành công nghệ kỹ thuật môi trường. Học phần được chia ra: <i>Phần 1</i> : Các kiến thức cơ bản về ô nhiễm không khí và tiếng ồn như: thành phần không khí, quá trình ô nhiễm, các nguồn ô nhiễm, tác hại của các chất ô nhiễm, quá trình chuyển hoá, lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí, phương pháp giám sát và khống chế ô nhiễm không khí và tiếng ồn. Đề cập đến các vấn đề liên quan đến các nguồn ô nhiễm không khí, các biện pháp thông thoáng, điều hoà không khí, biện pháp giảm thiểu chất ô nhiễm tại nguồn, biện pháp phát tán khí thải và các biện pháp xử lý khí thải ô nhiễm. <i>Phần 2</i> : Công nghệ xử lý khí thải bao gồm: các biện pháp chung để kiểm soát ô nhiễm không khí; phương pháp thu và vận chuyển khí thải từ nguồn phát sinh tới thiết bị xử lý; nguyên lý và các biện pháp xử lý bụi, các thiết bị xử lý bụi cơ bản như: buồng rửa khí rối, Xyclon, nguyên lý xử lý hơi khí độc bao gồm các phương pháp: hấp thụ, hấp	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		phụ... <i>Phần 3: Công nghệ chống ồn và rung bao gồm: các biện pháp chống ồn bằng quy hoạch, chống ồn tại nguồn và chống ồn trên đường lan truyền, các phương pháp và thiết bị chống ồn và rung.</i>			
64	Đồ án xử lý khí thải	Đồ án xử lý khí thải là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành công nghệ KT môi trường. Học phần cung cấp cho Sinh viên kiến thức thực hành các phương pháp giám sát và khống chế ô nhiễm không khí. Tính toán mức độ ô nhiễm không khí trong môi trường thực tế, tính toán hệ thống xử lý khí, các biện pháp thông thoáng - điều hoà không khí, biện pháp giảm thiểu chất ô nhiễm tại nguồn, biện pháp phát tán khí thải và các biện pháp xử lý khí thải ô nhiễm.	1	HK7	Điểm thi cuối kì $\leq 100\%$
65	Xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại là một trong những học phần chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý và hệ thống quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Các kiến thức này bao gồm: nguồn gốc, thành phần, phân loại, tính chất của chất thải rắn và chất thải nguy hại; hệ thống thu gom, lưu trữ chất thải rắn và chất thải nguy hại; hệ thống trung chuyển và vận chuyển chất thải rắn, các phương pháp xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn, từ đó giải thích các thứ bậc ưu tiên trong quản lý chất thải rắn. Bên cạnh đó, học phần còn trình bày các công nghệ tái chế chất thải rắn, các phương pháp xử lý chất thải rắn hiện đại được áp dụng trên thế giới.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66	TH xử lý CTR và chất thải nguy hại	Thực hành xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại bao gồm 08 bài thực hành dựa trên cơ sở lý thuyết học phần xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại đã học. Học phần này giúp sinh viên nắm vững hơn về kiến thức lý thuyết. Đồng thời rèn luyện kỹ năng, thao tác làm thí nghiệm, rèn luyện kỹ năng tính toán, xử lý số liệu. Nội dung của học phần thực hành xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại bao gồm: xác định khối lượng riêng của rác thải, xác định độ ẩm của chất thải rắn, xác định thành phần chất thải rắn, xác định hàm lượng cacbon cố định và chất bay hơi từ rác, kỹ thuật đóng rắn chất thải, kỹ thuật tái chế giấy, kỹ thuật tái chế nylon, ủ phân sinh học từ rác thải.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

67	Xử lý ô nhiễm và thoái hóa đất	Giới thiệu sinh viên các khái niệm về đất, quá trình hình thành, tiến hóa của đất. Các quá trình này luôn thay đổi theo điều kiện thời tiết, khí hậu và hoạt động của con người. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức cần thiết về hoạt động sống của hệ vi sinh vật trong đất, giữa vi sinh vật và cây trồng và đất có mối quan hệ hữu cơ tác động lẫn nhau. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu về bản chất suy thoái và ô nhiễm môi trường đất, những nguyên nhân, hậu quả của nó. Từ đó, đưa ra các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và biện pháp quản lý hữu hiệu, người học sẽ có lựa chọn phương pháp xử lý mang tính đặc thù của từng loại tài nguyên môi trường đất.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68	TH xử lý ô nhiễm và thoái hóa đất	Giới thiệu nguyên lý các phương pháp và công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường đất. Mang đến cho sinh viên các thao tác xử lý và công nghệ, kỹ thuật phòng, chống suy thoái của các loại đất: nông nghiệp, đất đô thị và đất làm nguyên liệu công nghiệp,...cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng về khả năng lấy mẫu của từng loại đất bị ô nhiễm như đất nhiễm dioxin, nhiễm kim loại,...cách bảo quản mẫu, di chuyển mẫu về phòng thí nghiệm để phân tích mẫu	1	KH7	Điểm thi cuối kì 100%
69	Độc học môi trường	Độc học môi trường là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành công nghệ kỹ thuật môi trường. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong cơ bản về các dạng tồn lưu và độc tính của một số chất trong môi trường. Người học có khả năng dự đoán, đánh giá được các sự cố độc chất môi trường và tìm ra biện pháp ngăn ngừa tác hại của chúng đối với môi trường, con người.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
70	Thực hành Độc học môi trường	Thực hành độc học môi trường là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành công nghệ kỹ thuật môi trường. Cung cấp một số phương pháp khảo sát ảnh hưởng của độc chất với thực vật, động vật, như: - Xác định được hàm lượng NO_3^- trong rau cải xanh; - Khảo sát ngưỡng an toàn tối đa cho phép của một số kim loại nặng trong môi trường nước đến cơ thể cá; - Xác định được hàm lượng một số kim loại nặng trong môi trường đất và nước.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

71	Quản lý chất lượng môi trường	Môn học đề cập đến các kiến thức quản lý môi trường, phương pháp xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng môi trường, các công cụ quản lý giám sát chất lượng môi trường cũng như các tiêu chuẩn môi trường quốc tế (ISO 14000).	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72	Thực tập thực tế	Sinh viên tham quan các viện nghiên cứu, công ty xử lý chất thải, doanh nghiệp sản xuất có xử lý chất thải (rượu bia, cà phê, bột ngọt...); các cơ quan quản lý về môi trường, các trung tâm môi trường & các cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra, sinh viên chọn thực tập tại các cơ sở nghiên cứu, các công ty, nhà máy, cơ sở sản xuất thuộc các lĩnh vực nghiên cứu nêu trên, Nâng cao nhận thức trách nhiệm của một kỹ sư môi trường như làm quen với các công việc thực tế của kỹ sư môi trường, vận dụng và củng cố kiến thức chuyên ngành đã học, nâng cao kỹ năng mềm và nghiệp vụ	2	HK7	Điểm thi cuối kì = 100%
73	Rừng và biến đổi khí hậu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích để giải thích tác động qua lại giữa biến đổi khí hậu với sinh thái, sinh trưởng và phát triển rừng từ đó chỉ ra được sự tác động của suy thoái và mất rừng đến quá trình biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, học phần Rừng và biến đổi khí hậu cũng trang bị cho sinh viên kiến thức, khả năng đánh giá được ảnh hưởng của các nhân tố khí hậu thay đổi chính đến hệ sinh thái rừng, từ đó có hướng nghiên cứu, đề xuất giảm thiểu tác động của rừng đến biến đổi khí hậu và ngược lại.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
74	Quy hoạch môi trường	Nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hai nhóm nội dung chính: phần đầu là các lý luận về quy hoạch môi trường, được trình bày trong 05 chương; và phần thứ hai giới thiệu nội dung chính của một số đề tài, dự án quy hoạch môi trường điển hình. Từ đó, sinh viên biết cách phân tích đề xuất các giải pháp, kế hoạch, quy hoạch thích hợp để quản lý, bảo vệ môi trường trong tương lai.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
75	Năng lượng tái tạo	Học phần năng lượng tái tạo giới thiệu cho sinh viên các dạng năng lượng tái tạo mà có thể được sử dụng để chuyển đổi thành năng lượng điện. Các năng lượng tái tạo này có thể bao gồm: năng lượng sinh khối, năng lượng thủy triều, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng biển, năng lượng Biomass. Kiến thức về cơ sở hình thành, khai	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng này sẽ được cung cấp cho sinh viên.			
76	Công trình xử lý môi trường	Công trình xử lý môi trường là học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về các công trình xử lý các loại nước thải dựa trên các phương pháp xử lý nước thải: phương pháp cơ học, phương pháp hóa lý, phương pháp sinh học. Trên cơ sở đó, lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với từng loại nước thải trong thực tế. Học phần được bố trí trong nội dung đào tạo năm thứ 3, trên nền tảng sinh viên đã có kiến thức cơ sở ngành. Học phần công trình xử lý môi trường là một trong những học phần chuyên ngành cốt lõi, có mối liên hệ với một số học phần khác như: công nghệ xử lý nước cấp, công nghệ sinh học môi trường, đồ án xử lý nước, công nghệ xử lý chất thải rắn (bùn thải), giúp sinh viên lựa chọn các công trình xử lý môi trường phù hợp với thực tế.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
77	Quản lý sự cố và hiểm họa môi trường	Học phần Quản lý sự cố và hiểm họa môi trường cung cấp các kiến thức về sự cố và hiểm họa môi trường như các khái niệm, phân loại các sự cố và hiểm họa môi trường, nguyên nhân sự cố và hiểm họa môi trường, các phương pháp để quản lý sự cố và hiểm họa môi trường, trình bày cách nhận định, đánh giá hiểm họa cũng như sự cố môi trường từ đó có biện pháp khắc phục sự cố, phòng tránh sự cố và hiểm họa, giảm thiệt hại xuống mức tối thiểu, bảo vệ môi trường sống, hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và cũng là một công cụ khoa học được sử dụng để dự báo các mối nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường. Bên cạnh đó, học phần còn giúp các nhà ra quyết định cân bằng được giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
78	Chỉ thị môi trường	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh vật chỉ thị trong hệ sinh thái, trang bị cho sinh viên các khái niệm về chỉ thị sinh học, các chỉ số sinh học và các nhóm sinh vật có thể chỉ thị sinh học từ đó có biện pháp quản lý môi trường lập kế hoạch sản xuất đạt năng suất cao và bền vững trong từng môi trường cụ thể.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
79	Khóa luận tốt nghiệp		10		

80	Chuyên đề tốt nghiệp		4		
81	Viễn thám và GIS đại dương	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về i) bản đồ với các phép chiếu, tọa độ, sử dụng bản đồ; ii) kiến thức về VT như: định nghĩa, cơ sở VT, xử lý ảnh vệ tinh, phân tích và ứng dụng ảnh...; iii) các kiến thức của GIS như khái niệm, các thành phần chính của GIS, cấu trúc và mô hình dữ liệu như Vector và Raster trong GIS; mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình thứ bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ, chức năng của GIS trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu như thu thập, xử lý, nhập dữ liệu, xuất dữ liệu ra các định dạng theo yêu cầu của người sử dụng, các phương pháp tích hợp giữa VT và GIS	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
82	Quan trắc môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp xây dựng chương trình quan trắc chất lượng môi trường môi trường nước, khí, đất và sinh học. Vận dụng kiến thức thiết kế các mạng lưới quan trắc môi trường. Sinh viên nắm được kiến thức về quan trắc và đối tượng quan trắc, thiết lập chương trình quan trắc, xác định đối tượng và nội dung quan trắc, xây dựng chương trình giám sát quan trắc ở các doanh nghiệp và môi trường	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
83	Sản xuất sạch hơn	Học phần Sản xuất sạch hơn dạy cho sinh viên năm thứ tư ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (môn chuyên đề) nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức khái quát về vấn đề phát triển kinh tế, kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm, lịch sử quá trình kiểm soát ô nhiễm công nghiệp, cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận về sản xuất sạch hơn, bao gồm: khái niệm SXSH là gì, phân biệt các khái niệm về kiểm soát ô nhiễm, công nghệ sạch, công nghệ làm sạch, phương pháp luận của việc triển khai sản xuất sạch hơn, các kỹ thuật sản xuất sạch hơn, phương pháp cân bằng vật chất và năng lượng, cung cấp cho sinh viên các phương pháp đánh giá vòng đời sản phẩm, các phương pháp đánh giá việc thu lợi từ dự án SXSH, sinh viên sẽ được tìm hiểu các mô hình SXSH đã được áp dụng trong thực tế, từ đó có thể tóm tắt mối quan hệ của sản xuất sạch hơn và phát triển bền vững, cùng nhau đánh giá hiện trạng sản xuất sạch hơn ở Việt Nam.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

84	Giáo dục và truyền thông môi trường	Mục đích môn học nhằm cung cấp cho sinh viên có kỹ năng tiếp cận, giao tiếp, truyền thông; kỹ năng thúc đẩy cộng đồng tham gia các hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên; cung cấp cho một số kiến thức hỗ trợ góp phần nâng cao thái độ giáo dục môi trường.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
85	Luật và chính sách môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên về: Tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường. Lịch sử hình thành và các quá trình phát triển của công tác luật và chính sách môi trường trên Thế giới. Vai trò của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường. Bản chất của luật và chính sách môi trường, phân loại các chính sách môi trường.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

7. Khoa Sư phạm

7.1. Văn học

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tâm lí học đại cương	- Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lí người, cơ sở của tâm lí người, sự hình thành phát triển của tâm lí, ý thức. - Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức. - Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người. - Có sự hiểu biết về chuẩn mực hành vi, chuẩn mực xã hội và cách khắc phục những hành vi sai lệch nhằm hoàn thiện nhân cách con người trong học tập, trong lao động sau khi tốt nghiệp.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 15 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 85 %
2	Tiếng Anh 1	- trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thời gian, thời tiết và khí hậu, ngôn ngữ điện thoại,	3	1	Trọng số điểm bộ phận: 30 %;

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		âm nhạc, nhà cửa, thức ăn; - trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, giới từ chỉ thời gian và nơi chốn (<i>at, in, on, to</i>), trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>like + V-ing, be</i> và <i>do, there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, tính từ so sánh hơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm: /ʌ/, /h/, /aɪ/, /ɪ/, /i:/, /j/, /ŋ/, /əʊ/, /θ/, /ju:/, /eə/, /ɪə/, /s/, /ʃ/, /ea/, /ə/, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc và nhấn trọng âm trong câu (sentence stress); - cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; - trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %</i>
3	Thực hành văn bản tiếng Việt	- Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. - Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. - Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.			
4	Lịch sử tiếng Việt	- Giản yếu được về các họ ngôn ngữ ở Đông Nam Á văn hóa và đặc biệt chú trọng họ ngôn ngữ Nam Á. - Nắm chắc những lập luận chính của A.G. Haudricourt và thống nhất về nguồn gốc của tiếng Việt: thuộc nhóm Việt – Mường, nhánh Môn – Khmer của họ ngôn ngữ Nam Á. - Sinh viên có cái nhìn khái quát về các giai đoạn phát triển chính trong lịch sử tiếng Việt. Từ đó, có cái nhìn tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của tiếng Việt qua hàng nghìn năm lịch sử để có được diện mạo hoàn chỉnh như ngày nay. - Sinh viên hiểu được sự song hành của tiếng Việt và lịch sử dân tộc Việt Nam. Qua đó, hình thành thái độ nghiêm túc, nuôi dưỡng lòng yêu nước cũng như niềm tự hào về tiếng nói của dân tộc; ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đặc biệt trong thời đại ngày nay.	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	- Nắm bắt những khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như: giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ... - Nắm bắt những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp... của ngôn ngữ. - Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được giới thiệu. MT4: Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến khái niệm văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam, các vấn đề cốt lõi của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, cộng đồng và đặc trưng văn hóa ứng xử của người Việt Nam với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những giao thoa, tiếp biến của nó trong quá trình phát triển. - Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để nhận diện, trình bày, phân tích các đặc trưng, giá trị và vai trò của văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. - Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của văn hóa Việt Nam.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
7	Văn học dân gian Việt Nam	- Trang bị kiến thức cho người học về các khái niệm, đặc trưng cơ bản về khoa học văn học dân gian và đặc trưng các thể loại VHDG nói chung và VHDG các dân tộc Việt Nam. - Rèn kỹ năng phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật tác phẩm VHDG Việt Nam, kỹ năng giảng dạy và sưu tầm VHDG theo đặc trưng thi pháp thể loại. - Giáo dục sinh viên thái độ, ý thức trân trọng di sản văn học dân gian Việt Nam và bảo tồn, phát huy giá trị văn học dân gian Việt Nam trong giảng dạy và trong nghiên cứu.	3	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
8	Hán văn cơ sở	- Nắm được những kiến thức cơ bản về chữ Hán. - Nắm được chữ, nghĩa và kết cấu ngữ pháp trong từng câu, từng	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%;

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đoạn đi tới hiểu được nội dung một văn bản chữ Hán cụ thể. - Minh giải một số tác phẩm chữ Hán từ hình thể, âm đọc đến ý nghĩa để mở rộng, nâng cao kiến thức chung về hệ thống từ Hán Việt trong tiếng Việt.			<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
9	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
10	Cờ vua 1 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1		<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
11	Triết học Mác - Lênin	- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. - Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. - Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
12	Tiếng Anh 2	- từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như mô tả người, trang phục, hoạt động trong kì nghỉ, những cụm từ đi với ba giới từ <i>at, in, on</i> , công việc nhà, mua sắm, mô tả một thành phố.	3	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai <i>going to</i>, tương lai đơn, đại từ quan hệ, so sánh tính từ và trạng từ, cấu trúc dùng với <i>too - enough</i>; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, hay gây nhầm lẫn như /ə/ and /ɜ:/, /j/ và /dʒ /, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.			<i>thức học phần:</i> 70%
13	Kỹ năng mềm	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. - Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận:</i> 30%; <i>Trọng số thi kết thúc học phần:</i> 70%
14	Tin học đại cương	– Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. – Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. – Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. – Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận:</i> 30%; <i>Trọng số thi kết thúc học phần:</i> 70%

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		diễn bài báo cáo. – Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.			
15	Công tác quốc phòng và an ninh	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. - SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. - Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
16	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. - SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. - SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo,	3	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
17	Quân sự chung	- Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; - Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; - Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
18	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	- Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. - Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. - Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
19	Bóng chuyền cơ	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyên bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%;</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	bản				<i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
20	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	2	
21	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	2	
22	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	2	
23	Cờ vua 2 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	2	
24	Kinh tế chính trị – Mác Lênin	- Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. - Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. - Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với người học.			
25	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	- Cung cấp cho sinh hệ thông kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sự phân bố dân cư; Đặc trưng thiết chế xã truyền thống và đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Làm cơ sở giúp người học nhận diện được giá trị, vai trò văn hóa Tây Nguyên đối với thực tiễn. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản nhận diện và phân tích đặc điểm, giá trị di sản văn hóa Tây Nguyên và hình thành kỹ năng thực hành bảo tồn văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn. - Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa các dân tộc Tây Nguyên trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
26	Tiếng Anh 3	- từ vựng tiếng Anh về hạnh phúc, các phát minh, các môn học, các môn thể thao, tiểu sử của các nhân vật nổi tiếng, các loài động vật, các nỗi sợ hãi, các loại bệnh tật và các loại ngôn ngữ. - các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý; cách phát âm các nguyên âm /ʊ/ and /u:/, các phụ âm /θ/ and /ð/, /ʃ/, nguyên âm đôi, phụ âm kép, đuôi -ed, chữ i, cách phát âm của had / hadn't, used to / didn't use to, must, mustn't, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy	3	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.			
27	Thực tế chuyên ngành	- Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lí thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế. - Hình thành những kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổng hợp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, văn hóa để phục vụ quá trình hoàn thiện kiến thức trong dạy học và nghiên cứu ở trường PT và kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn. - Hiểu được các giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam; và tầm quan trọng của việc ứng dụng giá trị của di sản văn học, ngôn ngữ, văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.	1	3	Trọng số điểm thực tập: 100%
28	Ngữ âm tiếng Việt	- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác. - Vận dụng các kiến thức về ngữ âm để phân tích các hiện tượng ngữ âm trong các tác phẩm thơ ca. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
29	Văn bản	- Luyện cho sinh viên các kỹ năng phiên âm, giải thích từ vựng,	2	3	Trọng số điểm bộ

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Hán văn Trung Hoa	ngữ pháp và dịch ra tiếng Việt nhằm giúp sinh viên có khả năng đọc hiểu, phiên dịch các văn bản Hán cổ. - Cung cấp những hiểu biết cơ bản về những tác phẩm chữ Hán tiêu biểu của Trung Quốc trong chương trình sách giáo khoa phổ thông hiện hành, từ đó, sinh viên sẽ hiểu hơn về sự ảnh hưởng của văn học Trung Quốc tới nền văn học trung đại Việt Nam. - Minh giải một số tác phẩm chữ Hán từ hình thể, âm đọc đến ý nghĩa để mở rộng, nâng cao kiến thức chung về hệ thống từ Hán Việt trong tiếng Việt.			<i>phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
30	Văn học phương Tây 1	- Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các thể loại trong văn học cổ đại, các trào lưu văn học - tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. Từ những tri thức đó, sinh viên có thể nhận diện được những đặc trưng của văn học phương Tây thời kỳ này. - Trên cơ sở nắm vững hệ thống kiến thức về văn học phương Tây cổ đại và văn học thời đại Phục hưng, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để giải mã các tác phẩm văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây thời cổ đại và Phục hưng.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Văn học Việt Nam trung đại 1	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt Nam. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X - XVII. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
32	Văn học châu Á	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này. - Sinh viên có kỹ năng tự đọc, ghi chép, tìm hiểu, phân tích các tác phẩm văn học châu Á tiêu biểu (chủ yếu thuộc văn học Ấn Độ và Nhật Bản, Lào – Campuchia, Hàn Quốc) ; - Sinh viên yêu thích môn học, tích cực, tự giác tìm đọc tài liệu và kết hợp chặt chẽ với sự trình bày hướng dẫn của giảng viên trên lớp, hướng đến việc tích lũy kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp sau này.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
33	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
34	Teakwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	1	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	3	
36	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	3	
37	Cờ vua 3 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	3	
38	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. - Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
39	Văn học phương Tây 2	- Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các trào lưu văn học – tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. - Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng nhận diện, phân tích	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các tác phẩm văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây ba thế kỷ XVII, XVIII, XIX.			
40	Tiếng Anh 4	- từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ. - ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. - các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. - kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. - các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo,	3	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thư từ - các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
41	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	- Giúp sinh viên hiểu được khái niệm tác phẩm văn học, chỉnh thể then chốt nhất của văn học với những cơ cấu và loại hình cơ bản của nó. Đồng thời, định hướng cho sinh viên bước đầu có kỹ năng phân tích các loại hình tác phẩm. - Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng những lý thuyết đó vào nghiên cứu và phân tích các tác phẩm văn học từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và vận dụng kiến thức đã được học vào nghiên cứu, giảng dạy.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
42	Văn học Việt Nam trung đại 2	- Cung cấp cho người học nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam. - Trang bị cho người học hiểu về hoàn cảnh lịch sử giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. - Cung cấp cho người học nắm được những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
43	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	- Có kiến thức vững vàng về từ vựng tiếng Việt và các quan mối quan hệ ngữ nghĩa trong từ vựng tiếng Việt. - Vận dụng được các kiến thức của môn học để phân tích những	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phạm trù ngữ nghĩa của từ và ngữ cố định trong các văn bản tiếng Việt cũng như trong đời sống. - Sử dụng các kiến thức của môn học để tạo ra những cách diễn đạt hiệu quả trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.			<i>thức học phần: 70%</i>
44	Văn bản Hán –Nôm Việt Nam	- Nắm được những kiến thức cơ bản về chữ chữ Nôm. - Vận dụng vốn chữ Hán, chữ Nôm đã học để mình giải một số tác phẩm thơ ca chữ Hán, chữ Nôm của văn học trung đại Việt Nam. MT3: Thông qua nội dung các văn bản được phân tích, tự hào về nền văn học viết của dân tộc.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
45	Giáo dục đại cương	- Sinh viên lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về của Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích và nhiệm vụ giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân. - Có kiến thức về thực tiễn giáo dục Việt Nam. - Giúp người học hình thành thái độ tích cực khi nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục và thực tiễn giáo dục Việt Nam và thế giới hiện nay. Bước đầu hình thành tình cảm đối với lĩnh vực giáo dục, với khoa học giáo dục, - Bước đầu hình thành tình cảm đối với hoạt động giáo dục, có ý thức trong việc tu dưỡng đạo đức trong định hướng trở thành nhà nghiên cứu về giáo dục hoặc trở thành nhà giáo. Yêu nghề mà mình đã chọn, chuẩn bị hành trang với nghề nghiệp sau này. - Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kỹ năng nghiên cứu của bản thân, có khả năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay. - Trên cơ sở kiến thức lý thuyết, học phần chú trọng việc hình	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành các kỹ năng nhận diện, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn giáo dục, làm cơ sở để hình thành các kỹ năng nghiên cứu các khoa học giáo dục.			
46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. - Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
47	Văn học Việt Nam trung đại 3	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Văn học phương Tây 3	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm chính trị xã hội phương Tây thế kỉ XX; những tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX. - Chương trình của học phần cung cấp kiến thức về đặc điểm văn học, các trào lưu văn học phương Tây hiện đại, các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kĩ năng phân tích tác phẩm để giúp sinh viên giảng dạy tốt môn Văn học nước ngoài ở trường Trung học Phổ thông.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
49	Mỹ học và Nguyên lý, lý luận văn học	- Cung cấp cho người học hiểu biết về chủ thể, khách thể thẩm mĩ; các phạm trù thẩm mĩ cơ bản; các loại hình nghệ thuật. - Cung cấp tri thức về qui luật vận động của văn học; sự tác động qua lại giữa văn học và đời sống, giữa văn học với các loại hình nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội. - Trang bị cho người học kiến thức về nguồn gốc, bản chất của văn học, đặc trưng của văn học với tư cách là nghệ thuật ngôn từ.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
50	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kĩ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1900 đến năm 1945 ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			
51	Ngữ pháp tiếng Việt	- Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. - Học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. - Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
52	Văn học Nga và văn học Xô Viết	- Chương trình của học phần nhằm cung cấp kiến thức về đặc điểm tiến trình Văn học Nga từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì văn học. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cảm thụ tác phẩm Văn học Nga, tạo điều kiện cho việc giảng dạy tốt các tác phẩm, các đoạn trích trong chương trình Ngữ văn ở bậc Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học nước ngoài; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những giá trị của Văn học Nga.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
53	Xã hội học đại cương	- Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. - Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. - Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. - Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			
54	Khởi nghiệp	- Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. - Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. - Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. - Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
55	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). - Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. - Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
56	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ	- Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lịch sử báo chí Việt Nam và đặc điểm ngôn ngữ báo chí.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	báo chí	- Có kĩ năng ứng dụng để viết báo. - Có ý thức trách nhiệm cao khi viết báo.			<i>thức học phần: 70%</i>
57	Phong cách học tiếng Việt	- Hiểu được các khái niệm cơ bản của phong cách học, các phong cách chức năng của hoạt động lời nói và các thể loại văn bản; các phương tiện và biện pháp tu từ của tiếng Việt. - Thành thạo trong việc phân tích và tạo lập các văn bản thuộc các PCCN khác nhau. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
58	Văn học Trung Quốc	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại. Phát hiện, phân tích những đặc điểm cơ bản của văn học Trung Quốc và tìm hiểu nguyên nhân của các đặc điểm ấy. - Hiểu được văn học Trung Quốc ở hai phương diện: khái quát và cụ thể, đi vào trọng tâm, trọng điểm một số thể loại của văn học Trung Quốc như tản văn, Sử ký, thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh, truyện ngắn Lỗ Tấn. - Hình thành kiến thức vững vàng về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các giai đoạn văn học. - Rèn luyện năng lực nghiên cứu tác giả, tác phẩm, năng lực phân tích, phán đoán, giải quyết vấn đề văn học. Rèn luyện kĩ năng trình bày, thuyết trình của sinh viên về một vấn đề văn học. - Hình thành, củng cố kỹ năng giảng dạy các tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc ở trường phổ thông.	3	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
59	Tác giả, tác phẩm văn học	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 đến nay.	3	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Việt Nam hiện đại 2	- Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích một số tác giả tác phẩm tiêu biểu, văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay, từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay trong lịch sử phát triển của văn học dân tộc, làm cơ sở để nhận diện xác thực hơn văn học đương đại. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam thời kì kháng chiến và văn học Việt Nam sau năm 1975 sau năm ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			<i>thức học phần: 70%</i>
60	Tiến trình văn học	- Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản như tiến trình văn học, phong cách nhà văn, trào lưu văn học, phương pháp nghệ thuật; nắm được tiến trình xuất hiện của các trào lưu, những đặc trưng cơ bản của các trào lưu văn học lớn từng xuất hiện trong văn học thế giới. - Kỹ năng đọc, nghe giảng, trả lời câu hỏi; kỹ năng phân tích các tác phẩm văn học thuộc các trào lưu; kỹ năng tìm hiểu về phong cách nhà văn, trào lưu văn học để vận dụng trong học tập ở trường đại học và công việc chuyên môn sau này. - Tích cực, tự giác, cầu thị và chăm chỉ trong quá trình học. - Sinh viên tích cực tự tìm tòi, học hỏi ở những công trình lí luận văn học mới để tự cập nhật kiến thức về tiến trình văn học trong suốt quá trình học và cả khi thực hiện chuyên môn nghề nghiệp sau	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		này.			
61	Cơ sở tiếng Việt	- Bổ sung cho người học kiến thức chuyên sâu ngôn ngữ và tiếng Việt. Bao gồm các vấn đề sau: Trường từ vựng và những ứng dụng của nó; Từ láy trong tác phẩm văn học; Từ đồng nghĩa trong giao tiếp nghệ thuật... Ngoài ra, trong mỗi phần lí thuyết, chuyên đề đặt ra các vấn đề về việc dạy học những vấn đề trên trong phân môn tiếng Việt ở bậc phổ thông. - Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế: người học biết cách vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy và nghiên cứu những nội dung có liên quan trong chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông hoặc ứng dụng vào nghề nghiệp trong quá trình xây dựng và tạo lập văn bản. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
62	Thi pháp học	- Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của Thi pháp học, những biểu hiện cụ thể của thi pháp trong các tác phẩm văn học - Sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức của chuyên đề trong từng trường hợp tìm hiểu tác phẩm, tác giả văn học cụ thể. - Sinh viên có thói quen tìm tòi, cập nhật các bài viết, các công trình nghiên cứu về thi pháp của các tác giả mình quan tâm. - Sinh viên cầu thị trong sự tìm tòi, học hỏi cách vận dụng những kiến thức về thi pháp để tiến hành công tác nghiên cứu văn học phục vụ cho công việc học tập và giảng dạy, nghiên cứu sau này.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
63	Thi pháp văn học	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt	2	6	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	dân gian	Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kĩ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kĩ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
64	Ngữ dụng học	MT1. Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về việc sử dụng tiếng Việt để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. MT2. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông.. MT3. Tôn trọng cái hay và đẹp trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
65	Thuyết trình chuyên ngành	- Người học được trang bị một số vấn đề lí luận cơ bản về kỹ năng thuyết trình chuyên ngành. - Rèn luyện khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng thuyết trình chuyên ngành. - Sinh viên biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong diễn đạt của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện. Có thái độ tự tin, tích cực đổi mới giao tiếp, trong thuyết trình nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
66	Ảnh hưởng	- Cung cấp tri thức về văn học so sánh, về sự ảnh hưởng của văn học	2	6	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	phương Tây đối với văn học Việt Nam hiện đại. Cụ thể là giới thiệu các khái niệm liên quan trong nghiên cứu văn học so sánh, các khuynh hướng nghiên cứu chính và những nội dung của các khuynh hướng nghiên cứu văn học so sánh. Từ lý thuyết, chuyên đề vận dụng khuynh hướng so sánh ảnh hưởng để lý giải sự ảnh hưởng của văn học phương Tây trong văn học Việt Nam qua các giai đoạn cùng các phương diện cũng như các tác giả, tác phẩm trong văn học Việt Nam hiện đại ảnh hưởng của văn học phương Tây. - Sau khi kết thúc HP, SV có kỹ năng nhận diện, lý giải được những tác phẩm văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường PT về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng đánh giá được tầm quan trọng của mối quan hệ giao lưu văn hóa, văn học trong bối cảnh văn hóa toàn cầu ở Việt Nam.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
67	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày các khái niệm về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học. - Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học đạt chất lượng.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
68	Lịch sử văn minh thế giới	- Trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn nhân loại thời cận hiện đại. - Trang bị những kỹ năng cơ bản như kỹ năng phân tích, so sánh; kỹ năng vận dụng.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Rèn luyện tính độc lập, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và trong công việc. - Có thái độ tôn trọng đa dạng văn hóa, biết quý trọng và giữ gìn những thành tựu văn minh nhân loại; có tinh thần ham học, yêu thích các môn Khoa học xã hội.			
69	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	- Quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa - Văn hóa giao tiếp qua lớp từ xưng hô và vùng miền qua địa danh - Văn hóa cộng đồng qua các thể loại văn học dân gian, qua nền văn học viết của dân tộc đó	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
70	Văn học Tây Nguyên	- Giúp người học nắm được một cách khái quát những vấn đề cơ bản về thành phần tộc người, đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất, kho tàng văn học dân gian cũng như văn học viết của các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Tây Nguyên. - Giúp người học biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng, tập soạn giáo án và tập giảng một số tiết dạy có trong chương trình THPT (<i>Dam San đi bắt Nữ thần mặt trời, Rừng xà nu...</i>) - Cung cấp cho người học có được những kỹ năng trong công tác sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian..	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
71	Từ Hán-Việt	- Trang bị cho sinh viên kiến thức về tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Hán và tiếng Việt. - Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng Việt. - Xác định được những từ nào là từ Hán Việt; giải nghĩa được những từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp. Sử dụng đúng và đặc	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		địa từ Hán Việt.			
72	Thơ Đường	- Hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về nguyên nhân hưng thịnh, quá trình phát triển và thành tựu chung của thơ Đường. - Hiểu được những đặc trưng thi pháp thơ Đường; lý giải ý nghĩa triết học và quan niệm nhân sinh được thể hiện qua hình thức nghệ thuật của thơ Đường. - Có kiến thức chuyên sâu về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu được dạy trong chương trình Phổ thông như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Xương Linh, Thôi Hiệu, Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy... - Hiểu được mối quan hệ giữa thơ Đường với thơ ca Việt Nam thông qua sự ảnh hưởng về thể loại, đề tài, thi liệu, cấu tứ. - Vận dụng được kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy thơ Đường ở trường phổ thông.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
73	Tiểu thuyết Minh – Thanh	- Nắm được kiến thức cơ bản, và hệ thống về khái niệm, quá trình phát triển và thành tựu của tiểu thuyết Minh – Thanh. - Hiểu được các đặc trưng thi pháp của tiểu thuyết Minh – Thanh. - Nắm được kiến thức về tác giả, tác phẩm trong mối quan hệ với tư tưởng thời đại cũng như chỉ ra được hạn chế của một số tác phẩm tiêu biểu. - Hiểu được đóng góp của tiểu thuyết Minh – Thanh đối với sự phát triển thể loại tiểu thuyết, ảnh hưởng của nó đối với tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XX. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy các đoạn trích của tiểu thuyết Minh – Thanh trong trường phổ thông, giáo	2	7	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dục và bồi dưỡng cho học sinh năng lực thẩm mỹ và những phẩm chất tốt đẹp.			80%
74	Ngôn ngữ nghệ thuật	- Hiểu rõ đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật - Nhận diện được tín hiệu thẩm mỹ và biết cách phân tích tín hiệu thẩm mỹ - Nắm vững các bước phân tích tác phẩm văn học bằng mô hình nghệ thuật	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
75	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về thi pháp văn học trung đại Việt Nam. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn thi pháp học. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
76	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu, từ đó giúp người học nhận thức được bản chất của vấn đề tác giả và phong cách cá nhân nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam - một vấn đề lớn, có tầm quan trọng đặc biệt trong tiến trình vận động của văn học dân tộc. - Giúp sinh viên có được phương pháp tiếp cận khoa học đối với một đối tượng đặc thù - chủ thể sáng tạo một loại hình văn học độc đáo trong quá khứ, không lặp lại trong lịch sử văn học dân tộc. - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu một số tác gia - phong cách		7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiêu biểu mang tính loại hình của văn học trung đại Việt Nam.			<i>thức học phần: 70%</i>
77	Thành ngữ, tục ngữ TV	- Nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về thành ngữ tục ngữ. - Nhận diện được mối quan hệ giữa thành ngữ, tục ngữ với văn hóa. - Biết khai thác giá trị của thành ngữ, tục ngữ trong hoạt động giao tiếp và nghiên cứu ngôn ngữ.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i> <i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i> <i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
78	Văn học Việt Nam sau 1975	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những đặc trưng khái quát của văn học Việt Nam sau 1975 đến nay. - Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích một số tác giả tác phẩm tiêu biểu, văn học Việt Nam từ sau năm 1975, từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam đương đại. - Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của văn học đương đại Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	2	7	
79	Tiếng Êđê	- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, các mẫu câu đơn giản của tiếng Êđê trong giao tiếp về các chủ đề thông thường.	2	7	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Êđê qua các chủ đề giao tiếp thông thường. - Giáo dục ý thức tự học và tự nghiên cứu tiếng nói và chữ viết của người Êđê.			
80	Logic và tiếng Việt	- Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về Logic học, mối quan hệ của nó với ngôn ngữ cũng như những hiện tượng tiếng Việt được khảo sát và giải thích dưới góc độ Logic. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng Logic tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông. - Tôn trọng tính Logic trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu Logic tiếng Việt.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
81	Ngữ pháp chức năng	- Học phần trang bị cho người học những kiến thức về ngữ pháp chức năng nói riêng và ngữ pháp tiếng Việt nói chung. - Học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên ba bình diện: kết học, dụng học, nghĩa học. - Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của học viên sau khi về lại trường công tác	2	7	
82	Thực tập nghề nghiệp	- Sinh viên có kiến thức thực tế về: Làm báo và thư ký văn phòng, sưu tầm, nghiên cứu ngôn ngữ, văn học, văn hóa dân gian... - Sinh viên tốt nghiệp khoa học Ngữ văn có thể nghiên cứu, làm báo (báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử), thư ký văn phòng, quản lý và soạn thảo văn bản, hướng dẫn tìm hiểu văn hóa - du lịch...	5	8	Trọng số điểm thực tập: 100%
83	Khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu văn học, ngôn ngữ.	10	8	Trọng số điểm khóa luận: 100%

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên nắm được cách thức triển khai một đề tài khoa học - Có kĩ năng thu thập, tổng hợp, xử lí thông tin từ đó hình thành nên được một đánh giá khái quát về các hiện tượng văn học nghệ thuật, ngôn ngữ, văn hóa.			
84	Chuyên đề Tốt nghiệp	- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu văn học, ngôn ngữ. - Sinh viên nắm được cách thức triển khai một đề tài khoa học - Có kĩ năng thu thập, tổng hợp, xử lí thông tin từ đó hình thành nên được một đánh giá khái quát về các hiện tượng văn học nghệ thuật, ngôn ngữ, văn hóa.	4	8	Trọng số điểm chuyên đề: 100%
85	Lí luận văn học	- Giúp sinh viên hệ thống hoá kiến thức cơ bản về lí luận văn học trong chương trình đào tạo. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức lí luận một cách có khoa học, sáng tạo trong việc nghiên cứu các tác giả - tác phẩm văn học. - Rèn luyện kĩ năng và nâng cao kĩ năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề khi giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề của lí luận văn học bậc THPT. - Sinh viên ham thích tìm hiểu những vấn đề của lí luận văn học và vận dụng chúng một cách có hiệu quả trong học tập và nghiên cứu văn học.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
86	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt	- Cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. - Cung cấp kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt...	3	8	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.			<i>thức học phần: 70%</i>
87	Văn học dân gian	- Trang bị cho người học các vấn đề về lí luận văn học dân gian, mối quan hệ giữa văn học dân gian với một số loài hình của văn hóa dân gian. Và những phương pháp cần thiết khi giảng dạy, sưu tầm, nghiên cứu, văn học dân gian. - Rèn luyện kỹ năng phân tích một số vấn đề về lý luận của văn học dân gian vào giảng dạy và nghiên cứu trong trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của VHDG. - Rèn cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò cá nhân trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá...VHDG. - Giáo dục thái độ trân trọng giá trị văn học dân gian, phát huy vai trò cá nhân đối với bảo tồn giá trị VHDG trong giảng dạy và trong thực tiễn.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i> <i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
88	Văn học Việt Nam trung đại	- Giúp người học nắm vững hoàn cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. - Giúp người học biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng; nắm vững kiến thức để soạn giáo án và giảng dạy các tiết dạy có trong chương trình THPT (thuộc phạm vi Văn học trung đại Việt Nam).	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
89	Văn học Việt Nam hiện đại	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những đặc trưng khái quát, những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1900 đến nay. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1900 đến năm 1945 ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

7.2. Sư phạm Ngữ Văn

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Tâm lý học đại cương	- Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lý người, cơ sở của tâm lý người, sự hình thành phát triển của tâm lý, ý thức. - Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức. - Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 15 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 85 %</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách con người. - Có sự hiểu biết về chuẩn mực hành vi, chuẩn mực xã hội và cách khắc phục những hành vi sai lệch nhằm hoàn thiện nhân cách con người trong học tập, trong lao động sau khi tốt nghiệp.			
12	Tiếng Anh 1	- trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thời gian, thời tiết và khí hậu, ngôn ngữ điện thoại, âm nhạc, nhà cửa, thức ăn; - trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, giới từ chỉ thời gian và nơi chốn (<i>at, in, on, to</i>), trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>like + V-ing, be</i> và <i>do</i>, <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, tính từ so sánh hơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm: /ʌ/, /h/, /aɪ/, /ɪ/, /i:/, /j/, /ŋ/, /əʊ/, /θ/, /ju:/, /eə/, /ɪə/, /s/, /ʃ/, /ea/, /ə/, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc và nhấn trọng âm trong câu (sentence stress); - cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; - trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %</i>
13	Thực hành văn bản tiếng Việt	- Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần:</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. - Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết <i>Ngôn ngữ học</i> và <i>Việt ngữ học</i>. - Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.			70%
14	Lịch sử tiếng Việt	- Giải yếu được về các họ ngôn ngữ ở Đông Nam Á văn hóa và đặc biệt chú trọng họ ngôn ngữ Nam Á. - Nắm chắc những lập luận chính của A.G. Haudricourt và thống nhất về nguồn gốc của tiếng Việt: thuộc nhóm Việt – Mường, nhánh Môn – Khmer của họ ngôn ngữ Nam Á. - Sinh viên có cái nhìn khái quát về các giai đoạn phát triển chính trong lịch sử tiếng Việt. Từ đó, có cái nhìn tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của tiếng Việt qua hàng nghìn năm lịch sử để có được diện mạo hoàn chỉnh như ngày nay. - Sinh viên hiểu được sự song hành của tiếng Việt và lịch sử dân tộc Việt Nam. Qua đó, hình thành thái độ nghiêm túc, nuôi dưỡng lòng yêu nước cũng như niềm tự hào về tiếng nói của dân tộc; ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đặc biệt trong thời đại ngày nay.	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
15	Dẫn luận ngôn ngữ học	- Nắm bắt những khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như: giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ... - Nắm bắt những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ,	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp... của ngôn ngữ. - Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được giới thiệu. MT4: Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.			
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến khái niệm văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam, các vấn đề cốt lõi của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, cộng đồng và đặc trưng văn hóa ứng xử của người Việt Nam với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những giao thoa, tiếp biến của nó trong quá trình phát triển. - Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để nhận diện, trình bày, phân tích các đặc trưng, giá trị và vai trò của văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. - Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của văn hóa Việt Nam.	2	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
17	Văn học dân gian Việt Nam	- Trang bị kiến thức cho người học về các khái niệm, đặc trưng cơ bản về khoa học văn học dân gian và đặc trưng các thể loại VHDG nói chung và VHDG các dân tộc Việt Nam. - Rèn kỹ năng phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật tác phẩm VHDG Việt Nam, kỹ năng giảng dạy và sưu tầm VHDG theo đặc trưng thi pháp thể loại.	3	1	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giáo dục sinh viên thái độ, ý thức trân trọng di sản văn học dân gian Việt Nam và bảo tồn, phát huy giá trị văn học dân gian Việt Nam trong giảng dạy và trong nghiên cứu.			
18	Hán văn cơ sở	- Nắm được những kiến thức cơ bản về chữ Hán. - Nắm được chữ, nghĩa và kết cấu ngữ pháp trong từng câu, từng đoạn đi tới hiểu được nội dung một văn bản chữ Hán cụ thể. - Minh giải một số tác phẩm chữ Hán từ hình thể, âm đọc đến ý nghĩa để mở rộng, nâng cao kiến thức chung về hệ thống từ Hán Việt trong tiếng Việt.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
19	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	1	1	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
20	Cờ vua 1 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	1		Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
11	Triết học Mác - Lê nin	- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. - Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. - Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Tiếng Anh 2	- từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như mô tả người, trang phục, hoạt động trong kì nghỉ, những cụm từ đi với ba giới từ <i>at, in, on</i>, công việc nhà, mua sắm, mô tả một thành phố. - các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai <i>going to</i>, tương lai đơn, đại từ quan hệ, so sánh tính từ và trạng từ, cấu trúc dùng với <i>too - enough</i>; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, hay gây nhầm lẫn như /ə/ and /ɜ:/, /j/ và /dʒ /, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh	3	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
13	Kỹ năng mềm	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. - Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
14	Tin học đại cương	– Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. – Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. – Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. – Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng về trình bày,	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. – Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.			
15	Công tác quốc phòng và an ninh	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. - SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. - Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, Anh ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
16	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. - SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. - SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân	3	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
17	Quân sự chung	- Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; - Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; - Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
18	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	- Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. - Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. - Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
19	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	2	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
20	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	2	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Cầu lông cơ bản	Nắm được kĩ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	2	
22	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kĩ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	2	
23	Cờ vua 2 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	2	
24	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. - Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. - Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
25	Đại cương	- Cung cấp cho sinh hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm	2	3	Trọng số điểm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	dân cư, sự phân bố dân cư; Đặc trưng thiết chế xã truyền thống và đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Làm cơ sở giúp người học nhận diện được giá trị, vai trò văn hóa Tây Nguyên đối với thực tiễn. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản nhận diện và phân tích đặc điểm, giá trị di sản văn hóa Tây Nguyên và hình thành kỹ năng thực hành bảo tồn văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn. - Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa các dân tộc Tây Nguyên trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên.			bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
26	Tiếng Anh 3	- từ vựng tiếng Anh về hạnh phúc, các phát minh, các môn học, các môn thể thao, tiểu sử của các nhân vật nổi tiếng, các loài động vật, các nỗi sợ hãi, các loại bệnh tật và các loại ngôn ngữ. - các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý; cách phát âm các nguyên âm /ʊ/ and /u:/, các phụ âm /θ/ and /ð/, /ʃ/, nguyên âm đôi, phụ âm kép, đuôi -ed, chữ i, cách phát âm của had / hadn't, used to / didn't use to, must, mustn't, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy	3	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.			
27	Thực tế chuyên ngành	- Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lí thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế. - Hình thành những kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổng hợp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, văn hóa để phục vụ quá trình hoàn thiện kiến thức trong dạy học và nghiên cứu ở trường PT và kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn. - Hiểu được các giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam; và tầm quan trọng của việc ứng dụng giá trị của di sản văn học, ngôn ngữ, văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.	1	3	Trọng số điểm thực tập: 100%
28	Ngữ âm tiếng Việt	- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác. - Vận dụng các kiến thức về ngữ âm để phân tích các hiện tượng ngữ âm trong các tác phẩm thơ ca. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
29	Văn bản Hán	- Luyện cho sinh viên các kỹ năng phiên âm, giải thích từ vựng,	2	3	Trọng số điểm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	văn Trung Hoa	ngữ pháp và dịch ra tiếng Việt nhằm giúp sinh viên có khả năng đọc hiểu, phiên dịch các văn bản Hán cổ. - Cung cấp những hiểu biết cơ bản về những tác phẩm chữ Hán tiêu biểu của Trung Quốc trong chương trình sách giáo khoa phổ thông hiện hành, từ đó, sinh viên sẽ hiểu hơn về sự ảnh hưởng của văn học Trung Quốc tới nền văn học trung đại Việt Nam. - Minh giải một số tác phẩm chữ Hán từ hình thể, âm đọc đến ý nghĩa để mở rộng, nâng cao kiến thức chung về hệ thống từ Hán Việt trong tiếng Việt.			<i>bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
30	Văn học phương Tây 1	- Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các thể loại trong văn học cổ đại, các trào lưu văn học - tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. Từ những tri thức đó, sinh viên có thể nhận diện được những đặc trưng của văn học phương Tây thời kỳ này. - Trên cơ sở nắm vững hệ thống kiến thức về văn học phương Tây cổ đại và văn học thời đại Phục hưng, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để giải mã các tác phẩm văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây thời cổ đại và Phục hưng.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
31	Văn học Việt	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau	2	3	<i>Trọng số điểm</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nam trung đại 1	khí học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt Nam. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X - XVII. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.			<i>bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
32	Văn học châu Á	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này. - Sinh viên có kỹ năng tự đọc, ghi chép, tìm hiểu, phân tích các tác phẩm văn học châu Á tiêu biểu (chủ yếu thuộc văn học Ấn Độ và Nhật Bản, Lào – Campuchia, Hàn Quốc) ; - Sinh viên yêu thích môn học, tích cực, tự giác tìm đọc tài liệu và kết hợp chặt chẽ với sự trình bày hướng dẫn của giảng viên trên lớp, hướng đến việc tích lũy kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp sau này.	2	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
33	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	1	3	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
34	Teakwondo cơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	1	3	
35	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	1	3	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kĩ thuật chung về Học phần bóng rổ.	1	3	
37	Cờ vua 3 (Dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	1	3	
38	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. - Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
39	Văn học phương Tây 2	- Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các trào lưu văn học – tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. - Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng nhận diện, phân tích các tác phẩm văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX,	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây ba thế kỷ XVII, XVIII, XIX.			
40	Tiếng Anh 4	- từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ. - ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý...để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. - các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. - kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. - các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ	3	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
41	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	- Giúp sinh viên hiểu được khái niệm tác phẩm văn học, chính thể then chốt nhất của văn học với những cơ cấu và loại hình cơ bản của nó. Đồng thời, định hướng cho sinh viên bước đầu có kỹ năng phân tích các loại hình tác phẩm. - Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng những lý thuyết đó vào nghiên cứu và phân tích các tác phẩm văn học từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và vận dụng kiến thức đã được học vào nghiên cứu, giảng dạy.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
42	Văn học Việt Nam trung đại 2	- Cung cấp cho người học nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam. - Trang bị cho người học hiểu về hoàn cảnh lịch sử giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. - Cung cấp cho người học nắm được những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
43	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	- Có kiến thức vững vàng về từ vựng tiếng Việt và các quan mối quan hệ ngữ nghĩa trong từ vựng tiếng Việt. - Vận dụng được các kiến thức của môn học để phân tích những phạm trù ngữ nghĩa của từ và ngữ cố định trong các văn bản tiếng Việt	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần:</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cũng như trong đời sống. - Sử dụng các kiến thức của môn học để tạo ra những cách diễn đạt hiệu quả trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.			70%
44	Văn bản Hán –Nôm Việt Nam	- Nắm được những kiến thức cơ bản về chữ chữ Nôm. - Vận dụng vốn chữ Hán, chữ Nôm đã học để mình giải một số tác phẩm thơ ca chữ Hán, chữ Nôm của văn học trung đại Việt Nam. MT3: Thông qua nội dung các văn bản được phân tích, tự hào về nền văn học viết của dân tộc.	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
45	Giáo dục học đại cương	- Sinh viên lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về của Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích và nhiệm vụ giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân. - Có kiến thức về thực tiễn giáo dục Việt Nam. - Giúp người học hình thành thái độ tích cực khi nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục và thực tiễn giáo dục Việt Nam và thế giới hiện nay. Bước đầu hình thành tình cảm đối với lĩnh vực giáo dục, với khoa học giáo dục, - Bước đầu hình thành tình cảm đối với hoạt động giáo dục, có ý thức trong việc tu dưỡng đạo đức trong định hướng trở thành nhà nghiên cứu về giáo dục hoặc trở thành nhà giáo. Yêu nghề mà mình đã chọn, chuẩn bị hành trang với nghề nghiệp sau này. - Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kỹ năng nghiên cứu của bản thân, có khả năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay. - Trên cơ sở kiến thức lý thuyết, học phần chú trọng việc hình thành các kỹ năng nhận diện, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng phân tích	2	4	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các vấn đề trong thực tiễn giáo dục, làm cơ sở để hình thành các kỹ năng nghiên cứu các khoa học giáo dục.			
46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. - Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
47	Văn học Việt Nam trung đại 3	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Văn học phương Tây 3	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm chính trị xã hội phương Tây thế kỉ XX; những tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX. - Chương trình của học phần cung cấp kiến thức về đặc điểm văn học, các trào lưu văn học phương Tây hiện đại, các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kĩ năng phân tích tác phẩm để giúp sinh viên giảng dạy tốt môn Văn học nước ngoài ở trường Trung học Phổ thông.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
49	Mỹ học và Nguyên lý, lý luận văn học	- Cung cấp cho người học hiểu biết về chủ thể, khách thể thẩm mĩ; các phạm trù thẩm mĩ cơ bản; các loại hình nghệ thuật. - Cung cấp tri thức về qui luật vận động của văn học; sự tác động qua lại giữa văn học và đời sống, giữa văn học với các loại hình nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội. - Trang bị cho người học kiến thức về nguồn gốc, bản chất của văn học, đặc trưng của văn học với tư cách là nghệ thuật ngôn từ.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
50	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 -1945. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kĩ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Văn học Việt Nam từ 1900 đến năm 1945 ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			
51	Ngữ pháp tiếng Việt	- Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. - Học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. - Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
52	Văn học Nga và văn học Xô Viết	- Chương trình của học phần nhằm cung cấp kiến thức về đặc điểm tiến trình Văn học Nga từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì văn học. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cảm thụ tác phẩm Văn học Nga, tạo điều kiện cho việc giảng dạy tốt các tác phẩm, các đoạn trích trong chương trình Ngữ văn ở bậc Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học nước ngoài; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những giá trị của Văn học Nga.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
53	Xã hội học đại cương	- Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa khoa học xã hội khác. - Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. - Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			
54	Khởi nghiệp	- Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. - Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. - Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. - Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	5	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
55	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). - Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. - Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
56	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	- Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lịch sử báo chí Việt Nam và đặc điểm ngôn ngữ báo chí. - Có kỹ năng ứng dụng để viết báo. - Có ý thức trách nhiệm cao khi viết báo.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
57	Phong cách học tiếng Việt	- Hiểu được các khái niệm cơ bản của phong cách học, các phong cách chức năng của hoạt động lời nói và các thể loại văn bản; các phương tiện và biện pháp tu từ của tiếng Việt. - Thành thạo trong việc phân tích và tạo lập các văn bản thuộc các PCCN khác nhau. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
58	Văn học Trung Quốc	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại. Phát hiện, phân tích những đặc điểm cơ bản của văn học Trung Quốc và tìm hiểu nguyên nhân của các đặc điểm ấy. - Hiểu được văn học Trung Quốc ở hai phương diện: khái quát và cụ thể, đi vào trọng tâm, trọng điểm một số thể loại của văn học Trung Quốc như tản văn, Sử ký, thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh, truyện ngắn Lỗ Tấn. - Hình thành kiến thức vững vàng về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các giai đoạn văn học. - Rèn luyện năng lực nghiên cứu tác giả, tác phẩm, năng lực phân tích, phán đoán, giải quyết vấn đề văn học. Rèn luyện kỹ năng	3	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình bày, thuyết trình của sinh viên về một vấn đề văn học. - Hình thành, củng cố kỹ năng giảng dạy các tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc ở trường phổ thông.			
59	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 đến nay. - Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích một số tác giả tác phẩm tiêu biểu, văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay, từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến nay trong lịch sử phát triển của văn học dân tộc, làm cơ sở để nhận diện xác thực hơn văn học đương đại. - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam thời kì kháng chiến và văn học Việt Nam sau năm 1975 sau năm ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	3	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
60	Tiến trình văn học	- Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản như tiến trình văn học, phong cách nhà văn, trào lưu văn học, phương pháp nghệ thuật; nắm được tiến trình xuất hiện của các trào lưu, những đặc trưng cơ bản của các trào lưu văn học lớn từng xuất hiện trong văn học thế giới. - Kỹ năng đọc, nghe giảng, trả lời câu hỏi; kỹ năng phân tích các tác phẩm văn học thuộc các trào lưu; kỹ năng tìm hiểu về phong cách	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhà văn, trào lưu văn học để vận dụng trong học tập ở trường đại học và công việc chuyên môn sau này. - Tích cực, tự giác, cầu thị và chăm chỉ trong quá trình học. - Sinh viên tích cực tự tìm tòi, học hỏi ở những công trình lí luận văn học mới để tự cập nhật kiến thức về tiến trình văn học trong suốt quá trình học và cả khi thực hiện chuyên môn nghề nghiệp sau này.			
61	Cơ sở tiếng Việt	- Bổ sung cho người học kiến thức chuyên sâu ngôn ngữ và tiếng Việt. Bao gồm các vấn đề sau: Trường từ vựng và những ứng dụng của nó; Từ láy trong tác phẩm văn học; Từ đồng nghĩa trong giao tiếp nghệ thuật... Ngoài ra, trong mỗi phần lí thuyết, chuyên đề đặt ra các vấn đề về việc dạy học những vấn đề trên trong phân môn tiếng Việt ở bậc phổ thông. - Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế: người học biết cách vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy và nghiên cứu những nội dung có liên quan trong chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông hoặc ứng dụng vào nghề nghiệp trong quá trình xây dựng và tạo lập văn bản. - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i> <i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
62	Thi pháp học	- Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của Thi pháp học, những biểu hiện cụ thể của thi pháp trong các tác phẩm văn học - Sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức của chuyên đề trong từng trường hợp tìm hiểu tác phẩm, tác giả văn học cụ thể. - Sinh viên có thói quen tìm tòi, cập nhật các bài viết, các công trình nghiên cứu về thi pháp của các tác giả mình quan tâm.	2	6	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên cầu thị trong sự tìm tòi, học hỏi cách vận dụng những kiến thức về thi pháp để tiến hành công tác nghiên cứu văn học phục vụ cho công việc học tập và giảng dạy, nghiên cứu sau này.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
63	Thi pháp văn học dân gian	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kĩ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kĩ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX.	2	6	
64	Ngữ dụng học	MT1. Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về việc sử dụng tiếng Việt để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. MT2. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông.. MT3. Tôn trọng cái hay và đẹp trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu tiếng Việt.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
65	Thuyết trình chuyên	- Người học được trang bị một số vấn đề lí luận cơ bản về kỹ năng thuyết trình chuyên ngành.	2	6	<i>Trọng số điểm</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ngành	- Rèn luyện khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng thuyết trình chuyên ngành. - Sinh viên biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong diễn đạt của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện. Có thái độ tự tin, tích cực đối mới giao tiếp, trong thuyết trình nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.			<i>bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
66	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	- Cung cấp tri thức về văn học so sánh, về sự ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với văn học Việt Nam hiện đại. Cụ thể là giới thiệu các khái niệm liên quan trong nghiên cứu văn học so sánh, các khuynh hướng nghiên cứu chính và những nội dung của các khuynh hướng nghiên cứu văn học so sánh. Từ lý thuyết, chuyên đề vận dụng khuynh hướng so sánh ảnh hưởng để lý giải sự ảnh hưởng của văn học phương Tây trong văn học Việt Nam qua các giai đoạn cùng các phương diện cũng như các tác giả, tác phẩm trong văn học Việt Nam hiện đại ảnh hưởng của văn học phương Tây. - Sau khi kết thúc HP, SV có kỹ năng nhận diện, lý giải được những tác phẩm văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường PT về sau. - Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng đánh giá được tầm quan trọng của mối quan hệ giao lưu văn hóa, văn học trong phối cảnh văn hóa toàn cầu ở Việt Nam.	2	6	<i>Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%</i>
67	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày các khái niệm về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học. - Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học đạt chất lượng.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần:</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%
68	Lịch sử văn minh thế giới	- Trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn nhân loại thời cận hiện đại. - Trang bị những kỹ năng cơ bản như kỹ năng phân tích, so sánh; kỹ năng vận dụng. - Rèn luyện tính độc lập, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và trong công việc. - Có thái độ tôn trọng đa dạng văn hóa, biết quý trọng và giữ gìn những thành tựu văn minh nhân loại; có tinh thần ham học, yêu thích các môn Khoa học xã hội.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
69	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	- Quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa - Văn hóa giao tiếp qua lớp từ xưng hô và vùng miền qua địa danh - Văn hóa cộng đồng qua các thể loại văn học dân gian, qua nền văn học viết của dân tộc đó	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
70	Văn học Tây Nguyên	- Giúp người học nắm được một cách khái quát những vấn đề cơ bản về thành phần tộc người, đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất, kho tàng văn học dân gian cũng như văn học viết của các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Tây Nguyên. - Giúp người học biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng, tập soạn giáo án và tập giảng một số tiết dạy có trong chương trình THPT (<i>Dam San đi bắt Nữ thần mặt trời, Rừng xà nu...</i>) - Cung cấp cho người học có được những kỹ năng trong công tác sưu	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tầm và nghiên cứu văn học dân gian..			
71	Từ Hán–Việt	- Trang bị cho sinh viên kiến thức về tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Hán và tiếng Việt. - Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng Việt. - Xác định được những từ nào là từ Hán Việt; giải nghĩa được những từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp. Sử dụng đúng và đặc địa từ Hán Việt.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
72	Thơ Đường	- Hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về nguyên nhân hưng thịnh, quá trình phát triển và thành tựu chung của thơ Đường. - Hiểu được những đặc trưng thi pháp thơ Đường; lý giải ý nghĩa triết học và quan niệm nhân sinh được thể hiện qua hình thức nghệ thuật của thơ Đường. - Có kiến thức chuyên sâu về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu được dạy trong chương trình Phổ thông như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Xương Linh, Thôi Hiệu, Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy... - Hiểu được mối quan hệ giữa thơ Đường với thơ ca Việt Nam thông qua sự ảnh hưởng về thể loại, đề tài, thi liệu, cấu tứ. - Vận dụng được kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy thơ Đường ở trường phổ thông.	2	7	
73	Tiểu thuyết Minh – Thanh	- Nắm được kiến thức cơ bản, và hệ thống về khái niệm, quá trình phát triển và thành tựu của tiểu thuyết Minh – Thanh. - Hiểu được các đặc trưng thi pháp của tiểu thuyết Minh – Thanh.	2	7	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm được kiến thức về tác giả, tác phẩm trong mối quan hệ với tư tưởng thời đại cũng như chỉ ra được hạn chế của một số tác phẩm tiêu biểu. - Hiểu được đóng góp của tiểu thuyết Minh – Thanh đối với sự phát triển thể loại tiểu thuyết, ảnh hưởng của nó đối với tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XX. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy các đoạn trích của tiểu thuyết Minh – Thanh trong trường phổ thông, giáo dục và bồi dưỡng cho học sinh năng lực thẩm mỹ và những phẩm chất tốt đẹp.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
74	Ngôn ngữ nghệ thuật	- Hiểu rõ đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật - Nhận diện được tín hiệu thẩm mỹ và biết cách phân tích tín hiệu thẩm mỹ - Nắm vững các bước phân tích tác phẩm văn học bằng mô hình nghệ thuật	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
75	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	- Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về thi pháp văn học trung đại Việt Nam. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn thi pháp học. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
76	Tác giả và phong cách	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu, từ đó giúp người học nhận thức được bản chất của vấn đề tác giả và phong		7	

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	cách cá nhân nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam - một vấn đề lớn, có tầm quan trọng đặc biệt trong tiến trình vận động của văn học dân tộc. - Giúp sinh viên có được phương pháp tiếp cận khoa học đối với một đối tượng đặc thù - chủ thể sáng tạo một loại hình văn học độc đáo trong quá khứ, không lặp lại trong lịch sử văn học dân tộc. - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu một số tác gia - phong cách tiêu biểu mang tính loại hình của văn học trung đại Việt Nam.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
77	Thành ngữ, tục ngữ TV	- Nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về thành ngữ tục ngữ. - Nhận diện được mối quan hệ giữa thành ngữ, tục ngữ với văn hóa. - Biết khai thác giá trị của thành ngữ, tục ngữ trong hoạt động giao tiếp và nghiên cứu ngôn ngữ.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
78	Văn học Việt Nam sau 1975	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những đặc trưng khái quát của văn học Việt Nam sau 1975 đến nay. - Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích một số tác giả tác phẩm tiêu biểu, văn học Việt Nam từ sau năm 1975, từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam đương đại. - Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của văn học đương đại Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%;</i> <i>Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
79	Tiếng Êđê	- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, các mẫu câu đơn giản của tiếng Êđê trong giao tiếp về các chủ đề thông thường. - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Êđê qua các chủ đề giao tiếp thông thường. - Giáo dục ý thức tự học và tự nghiên cứu tiếng nói và chữ viết của người Êđê.	2	7	
80	Logic và tiếng Việt	- Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về Logic học, mối quan hệ của nó với ngôn ngữ cũng như những hiện tượng tiếng Việt được khảo sát và giải thích dưới góc độ Logic. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng Logic tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông. - Tôn trọng tính Logic trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu Logic tiếng Việt.	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
81	Ngữ pháp chức năng	- Học phần trang bị cho người học những kiến thức về ngữ pháp chức năng nói riêng và ngữ pháp tiếng Việt nói chung. - Học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên ba bình diện: kết học, dụng học, nghĩa học. - Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của học viên sau khi về lại trường công tác	2	7	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>
82	Thực tập	- Sinh viên có kiến thức thực tế về: Làm báo và thư ký văn phòng,	5	8	Trọng số điểm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ngành nghiệp	sưu tầm, nghiên cứu ngôn ngữ, văn học, văn hóa dân gian... - Sinh viên tốt nghiệp khoa học Ngữ văn có thể nghiên cứu, làm báo (báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử), thư ký văn phòng, quản lý và soạn thảo văn bản, hướng dẫn tìm hiểu văn hóa - du lịch...			thực tập: 100%
83	Khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu văn học, ngôn ngữ. - Sinh viên nắm được cách thức triển khai một đề tài khoa học - Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin từ đó hình thành nên được một đánh giá khái quát về các hiện tượng văn học nghệ thuật, ngôn ngữ, văn hóa.	10	8	Trọng số điểm khóa luận: 100%
84	Chuyên đề Tốt nghiệp	- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu văn học, ngôn ngữ. - Sinh viên nắm được cách thức triển khai một đề tài khoa học - Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin từ đó hình thành nên được một đánh giá khái quát về các hiện tượng văn học nghệ thuật, ngôn ngữ, văn hóa.	4	8	Trọng số điểm chuyên đề: 100%
85	Lí luận văn học	- Giúp sinh viên hệ thống hoá kiến thức cơ bản về lí luận văn học trong chương trình đào tạo. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức lí luận một cách có khoa học, sáng tạo trong việc nghiên cứu các tác giả - tác phẩm văn học. - Rèn luyện kỹ năng và nâng cao kỹ năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề khi giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề của lí luận văn học bậc THPT. - Sinh viên ham thích tìm hiểu những vấn đề của lí luận văn học và vận dụng chúng một cách có hiệu quả trong học tập và nghiên cứu văn học.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
86	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt	- Cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. - Cung cấp kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... - Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
87	Văn học dân gian	- Trang bị cho người học các vấn đề về lí luận văn học dân gian, mối quan hệ giữa văn học dân gian với một số loài hình của văn hóa dân gian. Và những phương pháp cần thiết khi giảng dạy, sưu tầm, nghiên cứu, văn học dân gian. - Rèn luyện kỹ năng phân tích một số vấn đề về lý luận của văn học dân gian vào giảng dạy và nghiên cứu trong trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của VHDG. - Rèn cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò cá nhân trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá...VHDG. - Giáo dục thái độ trân trọng giá trị văn học dân gian, phát huy vai trò cá nhân đối với bảo tồn giá trị VHDG trong giảng dạy và trong thực tiễn.	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
88	Văn học Việt Nam trung đại	- Giúp người học nắm vững hoàn cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. - Giúp người học biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà	3	8	<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giảng viên định hướng; nắm vững kiến thức để soạn giáo án và giảng dạy các tiết dạy có trong chương trình THPT (thuộc phạm vi Văn học trung đại Việt Nam).			<i>Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%</i>
89	Văn học Việt Nam hiện đại	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống những đặc trưng khái quát, những tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1900 đến nay. - Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1900 đến năm 1945 ở Trường Trung học Phổ thông. - Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	3	8	

7.3. Giáo dục tiểu học

TT	TÊN MÔN HỌC	MỤC ĐÍCH MÔN HỌC	SỐ TÍN	LỊCH TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SINH

			CHỈ	H DẠY	VIÊN
1	TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN	- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. - Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. - Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài tập cá nhân (kiểm tra); 70%: Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm.
2	KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN	- Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. - Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. - Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài tập nhóm 10%: Bài kiểm tra định kỳ 70%: Thi tự luận

		đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.			
4	LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 10%: Bài tập cá nhân; 10%: Bài tập nhóm; 70%: Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
5	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Đánh giá thảo luận 10%: Bài kiểm tra định kỳ 70%: Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

		và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			
6	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	M1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. M2: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. M3: Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, vấn đáp, ...
7	DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	MT1: Nắm bắt những khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như: giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ... MT2: Nắm bắt những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp... của ngôn ngữ. MT3: Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được giới thiệu. MT4: Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
8	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến khái niệm văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam, các vấn đề cốt lõi của văn hóa nhận	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

		thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, cộng đồng và đặc trưng văn hóa ứng xử của người Việt Nam với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những giao thoa, tiếp biến của nó trong quá trình phát triển. MT2: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để nhận diện, trình bày, phân tích các đặc trưng, giá trị và vai trò của văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. MT3: Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của văn hóa Việt Nam.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	ĐẠI CƯƠNG VĂN HÓA CÁC DTTS TÂY NGUYÊN	MT1: Cung cấp cho sinh hệ thông kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sự phân bố dân cư; Đặc trưng thiết chế xã truyền thống và đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Làm cơ sở giúp người học nhận diện được giá trị, vai trò văn hóa Tây Nguyên đối với thực tiễn. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản nhận diện và phân tích đặc điểm, giá trị di sản văn hóa Tây Nguyên và hình thành kỹ năng thực hành bảo tồn văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn. MT3: Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa các dân tộc Tây Nguyên trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
10	XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG	MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa học xã hội khác.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

		MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học. MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học và một số chủ đề quan trọng của ngành học như: Chủng tộc, tộc người, ngôn ngữ và văn hóa tộc người, một số vấn đề về xã hội nguyên thủy, về các hình thái tôn giáo sơ khai. MT2: Trang bị những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu nhân học, như quan sát tham gia, phỏng vấn, các kỹ năng về mô tả dân tộc học. MT3: Phát triển khả năng nghiên cứu, tư duy độc lập biện chứng trong học tập, nghiên cứu và công việc. MT4: Trách nhiệm trong công việc, có ý thức hợp tác, có thái độ cầu thị, tôn trọng đa dạng văn hóa, chống chủ nghĩa vị chủng, định kiến, đặt con người trong tính toàn diện và trung tâm của mọi hoạt động.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Tiếng Anh 1	MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i> của	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.

		động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
13	Tiếng Anh 2	MT 1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm. MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai <i>going to</i>, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh. MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	03	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.
14	Tiếng Anh 3	MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật. MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi vấn đáp

		trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.			và trắc nghiệm trên máy tính.
15	Tiếng Anh 4	MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận trên máy tính và thi vấn đáp

		luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
16	THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC GIÁO DỤC	MT1. Các kiến thức liên quan Thống kê trong khoa học giáo dục. Bao gồm: Các kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, lý thuyết tổ hợp; lý thuyết thống kê như lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết và lý thuyết tương quan hồi quy; MT2. Kỹ năng so sánh, phân tích các kiến thức, các dạng bài tập thống kê và vận dụng được các kiến thức thống kê vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên. MT3. Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. MT4. Yêu nghề dạy học, yêu thương học sinh, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, tích cực xây dựng văn hóa nhà trường.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính	02	Năm thứ 1	6%: Chuyên cần; 6%: Bài tập cá nhân;

		điện tử và thực hiện bài báo cáo. MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.			18%: Bài tập kiểm tra định kỳ 70%: Thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle.
18	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	MT1. Trang bị cho người học những kiến thức về cấu trúc, chức năng của môi trường sống, các thách thức môi trường hiện nay; những kiến thức cơ bản về hệ sinh thái và ứng dụng các nguyên lý của Sinh thái học vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của con người. MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, các tác động của con người đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường. Để thấy được vai trò của tài nguyên thiên, môi trường sống đối với sự tồn tại của con người trên Trái đất; từ đó hình thành thói quen sống thân thiện với môi trường. MT3. Người học có được các kiến thức về chuyển cư và đô thị hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
19	SINH LÝ HỌC TRẺ EM	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về mặt cấu tạo và chức phận thể hiện sự thống nhất của cơ thể trẻ em để sinh viên có thể hiểu được các quy luật và đặc điểm của quá trình sinh trưởng, phát triển ở trẻ em. MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em để sinh viên có thể thấy được trong mỗi giai đoạn phát triển của cơ thể trẻ em đều có những đặc điểm giải phẫu – sinh lý riêng, nó cho thấy các mốc phát triển khác nhau của	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		cơ thể trong từng giai đoạn phát triển của cơ thể chịu sự chi phối điều hòa hoạt động của cơ chế thần kinh – thể dịch nhằm đảm bảo sự hoạt động bình thường trong cơ thể và đảm bảo mối liên hệ giữa cơ thể với môi trường xung quanh. MT3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò chức năng của các hệ cơ quan để sinh viên có thể vận dụng những lý thuyết đã được học vào việc chăm nuôi trẻ một cách khoa học.			
20	THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH	MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.	01	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
21	BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN (Tự chọn 1)	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	01	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
22	BOI LỘI CƠ BẢN (Tự chọn 1)	MT1. Nắm được cơ sở lý luận và thực hiện được kỹ thuật bơi ếch.	1	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
23	CẦU LÔNG CƠ BẢN (Tự chọn 2)	MT1. Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	01	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học

					phần..
24	BÓNG BÀN CƠ BẢN (Tự chọn 1)	MT1. Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	01	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
25	THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN (Tự chọn 2)	MT1. Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
26	TAEKWONDO (Tự chọn 2)	MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
27	BÓNG ĐÁ CƠ BẢN (Tự chọn 2)	MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.	01	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..
28	BÓNG RỔ CƠ BẢN (Tự chọn 2)	MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần..

29	CỜ VUA 1	MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.	01	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần...
30	CỜ VUA 2	MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần...
31	CỜ VUA 3	MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra thực hành; 80%: Thi thực hành, kết thúc học phần...
33	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự	03	Năm thứ 2	18%: Chuyên cần; 12%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.			
34	Công tác quốc phòng và an ninh	MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	02	Năm thứ 2	18%: Chuyên cần; 12%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
35	Quân sự chung	MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	01	Năm thứ 2	18%: Chuyên cần; 12%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
36	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và	MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

	chiến thuật	bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
37	VĂN HỌC THIẾU NHI	MT 1: Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần bao gồm những đặc điểm về loại hình văn học cho thiếu nhi, hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. MT 2: Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm Văn học thiếu nhi. MT 3: Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học thiếu nhi; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học thiếu nhi.	03	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
38	TIẾNG VIỆT 1	MT1. Sinh có kiến thức vững vàng về ngữ âm và từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt. MT2. Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào giao tiếp, học tập, nghiên cứu ngôn ngữ và đặc biệt là vào việc giảng dạy những nội dung liên quan trong môn tiếng Việt cho học sinh tiểu học trong tương lai.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
39	TIẾNG VIỆT 2	MT1: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản MT2: Học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận

		MT3: Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác			kết thúc học phần.
40	TIẾNG VIỆT 3	M1: Hiểu được các khái niệm cơ bản của phong cách học, các phong cách chức năng của hoạt động lời nói và các thể loại văn bản; các phương tiện và biện pháp tu từ của tiếng Việt. M2: Thành thạo trong việc phân tích và tạo lập các văn bản thuộc các PCCN khác nhau. M3: Có thái độ yêu quý và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
41	TOÁN HỌC 1	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu về lý thuyết tập hợp và logic Toán. Phát triển khả năng suy luận logic và lập luận chứng minh. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng suy luận logic, lập luận chứng minh, biết vận dụng vào những tình huống cụ thể. MT3: Rèn cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu, ... , có thói quen làm việc có kế hoạch.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
42	TOÁN HỌC 2	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc đại số để sinh viên có thể hiểu được một số cấu trúc đại số quan trọng trong toán học hiện đại cũng như vận dụng chúng vào nghiên cứu các tập hợp số; MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về số học để sinh viên nắm vững một số tập hợp số, qua đó sinh viên có thể hiểu rõ chương trình môn toán ở bậc Tiểu học; MT3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết chia hết để sinh viên có thể giảng dạy tốt các dạng toán về số học trong chương trình Toán ở Tiểu học.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần. (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, ...)
43	TOÁN HỌC 3	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu của cơ sở Hình học và hình học sơ cấp; Những	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

		kiến thức cơ bản, ban đầu của đại lượng và phép đo đại lượng. MT2: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Vẽ hình (dựng hình), nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán hình học ở trường tiểu học; Những kỹ năng cơ bản như: Đong, đo, đếm, nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán đại lượng ở trường tiểu học. MT3: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các yếu tố hình học và yếu tố đại lượng đo lường ở bậc tiểu học; ...			trên lớp; 70%: Thi tự luận, vấn đáp, ... kết thúc học phần.
44	CO SỞ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát liên quan đến các lĩnh vực: thực vật, động vật, con người và sức khỏe, đặc điểm địa lý tự nhiên và xã hội của thế giới và Việt Nam; tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi dựng nước đến nay. MT2: Phân tích tốt những kiến thức cơ bản, vận dụng có hiệu quả các kiến thức có liên quan để dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học. MT3: Trách nhiệm trong công việc, có ý thức hợp tác, có thái độ cầu thị, tự giác học và nghiên cứu tài liệu, tự tin thể hiện bản thân.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
45	CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2	MT1. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản của vấn đề giáo dục sức khỏe và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, tích hợp các nội dung này trong dạy học môn TN&XH và môn Khoa học ở tiểu học. MT2. Phát triển cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức giáo dục sức khỏe và giáo dục kỹ năng sống vào quá trình dạy học. MT3. Hình thành cho sinh viên lối sống lành mạnh, trách nhiệm; sinh viên có thái độ coi trọng công tác giáo dục	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		sống khỏe mạnh và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học; có tinh thần trách nhiệm cá nhân, hợp tác làm việc, ...			
46	KHỞI NGHIỆP	MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
47	KỸ NĂNG MỀM	M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần. (Thi vấn đáp nếu học viên dưới 40)
48	TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	MT1. Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm. MT2. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên MT3. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lý học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	03	Năm thứ 1	5%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 85%: Thi tự luận kết thúc học phần.

49	GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC	MT1. Sinh viên có hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung của Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, giáo dục đối với sự phát triển nhân cách. MT2. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lí luận dạy học ở tiểu học: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình dạy học ở tiểu học; Nguyên tắc dạy học ở tiểu học, Phương pháp và hình thức dạy học ở tiểu học. MT3. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lí luận giáo dục: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình giáo dục ở tiểu học; Nguyên tắc giáo dục ở tiểu học, Phương pháp giáo dục ở tiểu học. MT4. Sinh viên có thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và những vấn đề trong thực tiễn giáo dục ở Việt Nam và thế giới hiện nay. MT5. Hình thành thái độ đúng đắn đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh tiểu học. MT6. Hình thành thái độ tích cực đối với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lí tưởng nghề nghiệp. MT7. Hình thành kĩ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kĩ năng sư phạm của bản thân, có kĩ năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay. MT8. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần PPDH chuyên ngành của bản thân. MT9. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kĩ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh ở tiểu học.	03	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

50	GIÁO DỤC HÒA NHẬP	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập MT2. Bước đầu bồi dưỡng khả năng vận dụng kiến thức giáo dục hòa nhập vào giáo dục học sinh khi đi kiến tập, thực tập sư phạm. MT3. Sinh viên có thái độ tích cực khi tiếp cận những học sinh có những hạn chế, khiếm khuyết về cơ thể, học sinh khuyết tật. MT4. Sinh viên bước đầu hình thành thái độ tôn trọng, thấu hiểu, yêu thương với tất cả học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật. MT5. Phát triển ở sinh viên những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc với học sinh khuyết tật MT6. Hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật, học sinh có những hạn chế, khiếm khuyết về cơ thể	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
51	VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG	Mục tiêu chung nhất của văn hoá học đường là xây dựng trường học lành mạnh, các mối quan hệ thân thiện, tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Kiến thức Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản Văn hóa, Văn hóa học đường; Những kiến thức về nội dung, tầm quan trọng, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa nhà trường, cơ sở để xây dựng nhà trường văn hóa, vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong xây dựng văn hóa học đường. Giúp sinh viên hiểu rõ hệ thống các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý liên quan đến xây dựng văn hóa nhà trường. Sinh viên nắm rõ những nội dung trong “Quy định về việc thực hiện Văn hóa học đường đối với sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên” (Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên).	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		Thái độ Giúp sinh viên hình thành thái độ đúng đắn về vai trò của Văn hóa học đường trong các cơ sở giáo dục hiện nay, có thái độ tích cực trong học tập, xây dựng phương hướng, kế hoạch rèn luyện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của bản thân trong quá trình học tập và công tác sau này. Sinh viên tự giác thực hiện nội quy, quy chế nhà trường; có ý thức tích cực xây dựng văn hóa nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của bản thân và nhà trường. Kĩ năng: Hình thành cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: - Kĩ năng xác định các giá trị đạo đức của cá nhân và giá trị văn hóa. - Kĩ năng nhận diện những giá trị văn hóa trong nhà trường. - Kĩ năng thực hành các giá trị văn hóa trong thực tiễn học tập và nghiên cứu. - Kĩ năng hợp tác, phối hợp, vận động các cá nhân và tổ chức cùng xây dựng và thực hiện các giá trị văn hóa trong nhà trường.			
52	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC	MT1: Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản và các phương pháp nghiên cứu trong khoa học giáo dục. MT2: Sinh viên hiểu được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học và cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục. MT3: Sinh viên thiết kế được đề cương cho một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục. MT4: Sinh viên biểu lộ hứng thú, sẵn sàng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục.	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

53	PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về phương tiện kỹ thuật dạy học và sử dụng phương tiện dạy học trong giảng dạy; MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về phần mềm Power Point và các phần mềm hỗ trợ khác để thiết kế giáo án điện tử ở trường tiểu học; MT3. Thiết kế được giáo án các môn học ở trường tiểu học.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, ... kết thúc học phần.
54	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 1	M1: Cung cấp cho SV những vấn đề lý thuyết chung về phương pháp dạy học tiếng Việt M2: Trang bị cho SV về ưu, nhược điểm của các phương pháp, biện pháp dạy học truyền thống và hiện đại. M3: Rèn luyện kỹ năng tổ chức dạy học các hợp phần trong chương trình tiếng Việt ở tiểu học; Bồi dưỡng nghiệp vụ và bản lĩnh sư phạm, làm chủ các kỹ năng dạy học.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
55	PPDH Tiếng Việt 2	MT1. Sinh viên xác định được những lý luận về Phương pháp dạy học các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Tập đọc: Mục tiêu, cơ sở khoa học, chương trình dạy học, các nguyên tắc dạy học MT2. Sinh viên hình thành và nâng cao các kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
56	PPDH Tiếng	MT1. Sinh viên xác định được những lý luận về	02	Năm	10%: Chuyên cần;

	Việt 3	Phương pháp dạy học các phân môn Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn: Mục tiêu, cơ sở khoa học, chương trình dạy học, các nguyên tắc dạy học MT2. Sinh viên hình thành và nâng cao các kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.		thứ 4	20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
57	ĐẠO ĐỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	- Kiến thức + Những nội dung cơ bản về Đạo đức, Đạo đức học, một số phạm trù đạo đức. + Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học. + Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức trong dạy học môn Đạo đức ở tiểu học hiện hành và chương trình GDPT 2018. - Thái độ + Giúp sinh viên nhìn nhận đúng tầm quan trọng của đạo đức và giáo dục đạo đức cho học sinh hiện nay. + Coi trọng dạy học môn đạo đức nói riêng cho học sinh Tiểu học và công tác giáo dục đạo đức nói chung. + Sinh viên có thái độ tích cực trong việc rèn luyện các kỹ năng dạy học môn Đạo đức. - Kỹ năng + Kỹ năng xác định và xây dựng mục tiêu dạy học từng bài trong chương trình môn Đạo đức ở tiểu học.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		+ Kỹ năng xác định nội dung, xây dựng nội dung dạy học từng bài trong chương trình môn Đạo đức ở tiểu học hiện hành và chương trình GDPT 2018. + Kỹ năng lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học các bài trong chương trình môn Đạo đức ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh. + Kỹ năng thực hành giảng dạy, thực hiện các bước lên lớp, kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động trong giờ lên lớp môn Đạo đức ở tiểu học.			
58	MĨ THUẬT VÀ PP DẠY HỌC	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học. MT2: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như vẽ, nặn, xé cắt - dán... năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài tập và ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy. MT3: Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch, ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, thực hành kết thúc học phần.
59	ÂM NHẠC VÀ PPDH ÂM NHẠC TIỂU HỌC	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm thanh trong âm nhạc, hệ thống bảy âm phương tây. Giúp sinh viên hiểu các kiến thức cung và nửa cung, giá trị độ dài các hình nốt, tiết tấu, nhịp điệu, quãng, đảo quãng, hợp âm năm, hợp âm bảy, cấu tạo điệu thức trưởng, cấu tạo điệu thức thứ, gam; các kí hiệu tăng độ dài, độ cao; các dấu lặng; kí hiệu viết tắt và các thuật ngữ trong âm nhạc. MT2: Giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học; phát triển khả năng tư duy, phân tích, lí luận. MT3: Sinh viên biết sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc để tổ chức các giờ học và các hoạt động âm nhạc ngoài giờ học cho học sinh tiểu học.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần

60	CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và năng lực về phần công nghệ và đời sống, hiểu rõ chương trình công nghệ và đời sống ở tiểu học; MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về thủ công, kỹ thuật, hiểu rõ chương trình phần thủ công, kỹ thuật ở Tiểu học; MT3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về năng lực, dạy học phát triển năng lực công nghệ ở tiểu học và vận dụng dạy học phát triển năng lực công nghệ ở tiểu học.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, ... kết thúc học phần.
61	THỂ DỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	MT1. Nắm vững cơ sở lý luận thực tiễn phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ, phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học trong trường tiểu học. MT2. Hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường tiểu học, hình thành ở người học tác phong, thái độ, ý thức học tập tốt của sinh viên đáp ứng được yêu cầu của người giáo viên xã hội chủ nghĩa	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
62	PHÂN TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC	SV có được những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục, phát triển chương trình giáo dục. Vận dụng kiến thức lý thuyết về chương trình và phát triển chương trình để hiểu được đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam hiện nay, trong đó có chương trình bậc Tiểu học. Sinh viên có kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch dạy học. Sinh viên nâng cao được kỹ năng hợp tác, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp đổi mới giáo dục.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
63	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1	MT1. Các kiến thức và trang bị kỹ năng ban đầu về dạy học môn Toán ở tiểu học. Bao gồm: Các kiến thức đại cương về PP, PPDH, dạy học khái niệm, dạy học giải bài	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

		tập,... ở tiểu học; Kỹ năng so sánh, phân tích, vận dụng các kiến thức cụ thể vào dạy học một số nội dung toán tiểu học. MT2. Có các kỹ năng thiết kế, triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh và giáo dục học sinh theo mục tiêu của giáo dục tiểu học. MT3. Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. MT4. Yêu nghề dạy học, yêu thương học sinh, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, tích cực xây dựng văn hóa nhà trường.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
66	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 2	MT1. Các kiến thức và trang bị kỹ năng về dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học. Bao gồm: Các kiến thức về số học, hình học, đại lượng, thống kê, ... ở tiểu học; Kỹ năng so sánh, phân tích, vận dụng các kiến thức cụ thể vào dạy học một số nội dung toán tiểu học. MT2. Có các kỹ năng thiết kế, triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh và giáo dục học sinh theo mục tiêu của giáo dục tiểu học. MT3. Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. MT4. Yêu nghề dạy học, yêu thương học sinh, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, tích cực xây dựng văn hóa nhà trường.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
67	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 3	MT1: Trình bày được những yêu cầu cơ bản đối với giáo viên khi dạy học giải các bài tập toán ở tiểu học như: Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học, cơ sở lý luận các	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp;

		PP giải toán. MT2: Trình bày được nội dung chương trình, hệ thống kiến thức cơ bản trong chương trình và hệ thống dạng bài tập tương ứng. MT3: Trình bày được các dạng bài tập, các bài toán đặc thù và phương pháp giải của từng loại một cách chặt chẽ. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các PP giải toán thông dụng và PP giải một số loại toán đặc thù ở tiểu học. MT4: Liệt kê và trình bày được các PP giải toán ở tiểu học như nội dung, cách giải, ví dụ minh họa, ... MT5: Trình bày được các dạng toán đặc thù ở tiểu học như cắt ghép hình, dạng toán với chiếc cân đĩa, ... MT6: Nhận diện các PP giải toán và các dạng toán đặc thù ở mỗi tiết dạy cụ thể. MT7: Trình bày được các PP tìm nhiều cách giải cho một bài toán như PP biến đổi biểu thức đáp số, PP sơ đồ diện tích. MT8: Trình bày các cách biến đổi biểu thức số, cách sử dụng PP sơ đồ diện tích ở tiểu học. MT9: Nhận diện được các PP biến đổi biểu thức đáp số, PP sơ đồ diện tích ở mỗi tiết dạy cụ thể.			80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
68	PPDH TỰ NHIÊN - XÃ HỘI	MT1: Những kiến thức chung về môn TNXH ở tiểu học. MT2: Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức dạy học môn TNXH MT3: Giúp SV xác định các PPDH và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng chủ đề trong môn TNXH..	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

69	LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ	MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Việt Nam; những kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế, văn hoá của các vùng miền, đất nước Việt Nam, nắm vững phương pháp dạy học đặc trưng của môn Lịch sử và Địa lí ở trường Tiểu học. MT2: Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích và luận giải các vấn đề thuộc về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội, văn hoá và lịch sử; MT3: Có kỹ năng vận dụng và kết hợp linh hoạt các phương pháp trong dạy học phân môn Lịch sử và Địa lí ở bậc Tiểu học. MT4: : Giúp sinh viên có thái độ ham học, yêu thích các môn Khoa học xã hội; trân trọng những thành quả của con người trong quá khứ; có tinh thần say mê nghiên cứu, luôn đổi mới, sáng tạo trong dạy học.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
70	KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KHOA HỌC	MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề cơ bản của việc dạy học môn Khoa học ở tiểu học. MT2. Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng phân tích, thiết kế và giảng dạy các chủ đề môn Khoa học theo các phương pháp dạy học. MT3. Phát triển cho sinh viên kỹ năng lựa chọn và sử dụng các hình thức, phương tiện dạy học để tổ chức các hoạt động học tập môn Khoa học cho học sinh. MT4. Bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nghề và nghiên cứu giáo dục, thích tổ chức các hoạt động học môn Khoa học cho học sinh, tinh thần trách nhiệm cá nhân, hợp tác làm việc, ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

71	TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	M1. Qua học phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học, trang bị một hệ thống các kiến thức cần thiết về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động M2. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức tiết chào cờ, tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ điểm, có kỹ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm. M3. Góp phần cho sinh viên có thái độ đúng đắn đối với công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học. Tích cực, tự giác và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học.	02	Năm thứ 4	100%: Thi thực hành
72	DẠY HỌC TÍCH HỢP Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về dạy học tích hợp và tích hợp trong dạy học ở trường tiểu học MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về xây dựng nội dung, kế hoạch tổ chức dạy học tích hợp ở Tiểu học; MT3. Vận dụng tổ chức dạy học tích hợp ở tiểu học một cách hiệu quả.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
73	THỰC TẾ CHUYÊN NGÀNH	MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức, thực tiễn về đời sống, văn hóa, xã hội; điều kiện về giáo dục tại địa phương tham quan, thực tế. MT2. Vận dụng những kiến thức thu được vào dạy học ở trường tiểu học.	01	Năm thứ 3	Đánh giá thông qua báo cáo của sinh viên, tinh thần thái độ trong thời gian đi tìm hiểu thực tế
74	DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO ĐỊNH HƯỚNG GIAO TIẾP	MT1. Sinh viên xác định được những lý luận về Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp. MT2. Sinh viên hình thành và nâng cao các kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học,	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... theo quan điểm giao tiếp. MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.			
75	DẠY HỌC HỘI THOẠI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	MT1. Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được những nội dung về hội thoại và dạy học hội thoại ở tiểu học. MT2. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học về nội dung hội thoại cho học sinh tiểu học... MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
76	BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC	MT1. Sinh viên xác định chắc chắn được những nội dung về hoạt động dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở tiểu học: MT2. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Sinh viên có kỹ năng lựa chọn các nội dung về kiến thức và kỹ năng nâng cao phù hợp để vận dụng trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu;	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.			
77	BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI TOÁN Ở TIỂU HỌC	MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi ở bậc Tiểu học; MT2. Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng giải các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở bậc Tiểu học; MT3. Rèn luyện cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề, mến trẻ từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
78	RÈN LUYỆN TƯ DUY TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC	MT1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về một số loại hình tư duy toán học. MT2: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về một số thao tác tư duy toán học và vận dụng vào quá trình dạy học môn toán ở tiểu học. MT3: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cơ bản về các loại hình tư duy toán học, các thao tác tư duy toán học, ... MT4: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, phân tích, tổng hợp, so sánh, .. , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. MT5: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại khi toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
79	LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ ĐỊA PHƯƠNG	Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để dạy học có hiệu quả lịch sử và địa lý địa phương ở nhà trường tiểu học. Sinh viên có kỹ năng chuẩn bị bài dạy lịch sử và địa lý địa phương. Sinh viên thấy được sự cần thiết của việc giảng dạy lịch sử	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		và địa lí địa phương ở trường Tiểu học, gắn lí thuyết với thực tiễn, nhà trường với xã hội.			
80	SỬ DỤNG CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	MT1: Sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về các kĩ thuật dạy học tích cực ở trường tiểu học. MT2: Vận dụng được kiến thức về các kĩ thuật dạy học tích cực để thiết kế giáo án các môn học ở trường tiểu học. MT3: SV phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề, cộng tác làm việc nhóm, thuyết trình. MT4: SV hiểu được trách nhiệm, vai trò, sứ mệnh của người giáo viên trong giai đoạn mới; có tinh thần cầu thị, chủ động thích ứng với sự thay đổi.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
81	RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1	MT1. Sinh viên xác định được những nội dung về đặc điểm của chữ viết Tiếng Việt, quy định và kĩ thuật viết chữ trên giấy, quy định và kĩ thuật viết và trình bày bảng. MT2. Sinh viên rèn luyện để chiếm lĩnh thành thạo kĩ năng viết chữ trên giấy, kĩ năng viết và trình bày bảng đúng, đẹp và khoa học. MT3. Qua việc rèn luyện chữ viết, sinh viên rèn luyện tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	01	Năm thứ 2	10%: Bộ phận 90%: Đánh giá kết quả dựa trên hồ sơ (vở viết, bài thực hành trên bảng) học tập..
82	RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 2	M1. Trình bày được những yêu cầu khi chuẩn bị cho việc nói, những điều kiện để nói có hiệu quả. M2. Mô tả được những yêu cầu về kĩ năng: kể chuyện, điều khiển giờ kể chuyện. M3. Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành nói, kể chuyện. M4. Sinh viên rèn luyện được các kĩ năng nói, kể chuyện cá nhân, trước nhóm, trước lớp. M5. Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kĩ năng đã học cho học các môn học khác, cũng	01	Năm thứ 2	100%: Thi thực hành.

		như tiếp tục tự rèn luyện, nâng cao các kỹ năng này . M6. Bước đầu hình thành thêm được một số kỹ năng cơ bản khác: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề... M7. Sinh viên có tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện; lòng yêu nghề. M8. Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.			
83	GIAO TIẾP SU PHẠM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	MT1: Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp với học sinh tiểu học MT2: Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp với phụ huynh học sinh. MT3: Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 90%: Hồ sơ học tập của sinh viên
84	THỰC HÀNH KỸ NĂNG SU PHẠM	MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học. MT2. Có thái độ tích cực đối với hoạt động rèn nghề. Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp. MT3. Hình thành và phát triển kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục cơ bản và kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với phù hợp với cấp học.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi thực hành
85	CÔNG TÁC ĐỘI TNTP HCM VÀ SAO NHI ĐỒNG	M1: Giúp sinh viên biết, hiểu về các hoạt động đội thiếu niên tiên phong HCM được tổ chức trong trường tiểu học. Các nguyên tắc, phương pháp tổ chức công tác đội, các bài trống cơ bản. M 2: Sinh viên thực hiện được các nghi thức của Đội. M 3: Giúp sinh viên có được kỹ năng tổ chức, quản lý công tác đội.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		M 4: Yêu mến HS, nghiêm túc với các hoạt động tổ chức đoàn đội. Nhiệt tình với hoạt động đoàn đội.			
86	KIẾN TẬP SƯ PHẠM	MT1: Tìm hiểu về Nhà Trường – nơi kiến tập sư phạm. MT2: Tìm hiểu được vai trò và công việc của giáo viên. MT3: Tìm hiểu học sinh – Lớp kiến tập sư phạm. MT4: Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng dự giờ và đánh giá giờ giảng, soạn giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục... MT5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực, trách nhiệm trong việc rèn luyện và học tập.	02	Năm thứ 3	100%: Trường tiểu học đánh giá theo hướng dẫn
87	THỰC TẬP SƯ PHẠM	MT1. Giúp sinh viên hệ thống hóa và vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo; kiến thức, kỹ năng sư phạm vào thực tiễn công tác giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông. MT2. Giúp sinh viên có kiến thức về thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông, phát triển khả năng giao tiếp, quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của nhà giáo. MT3. Giúp sinh viên sư phạm có thái độ tích cực đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà giáo trong công tác giảng dạy, giáo dục nhân cách cho học sinh. MT4. TTSP là khâu rất quan trọng, giúp sinh viên sư phạm hình thành xúc cảm, tình cảm với nghề dạy học; yêu thương, tôn trọng học sinh; mong muốn được cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. MT5. Giúp SV hình thành kỹ năng cơ bản của người giáo viên: Kỹ năng soạn án, lập kế hoạch giảng dạy; kỹ năng lập kế hoạch công tác giáo dục; kỹ năng giảng dạy; kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học	05	Năm thứ 4	100%: Trường tiểu học đánh giá theo hướng dẫn

		sinh; kỹ năng tổ chức các hoạt động phong trào. MT6. Hình thành và phát triển sống, kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, giúp sinh viên sư phạm rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn công tác giáo dục, tạo hành trang vững vàng cho những nhà giáo tương lai.			
88	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC	MT1. Các kiến thức và trang bị kỹ năng về dạy học các vấn đề liên quan môn Toán ở tiểu học. Bao gồm: Các kiến thức đại cương về PP, PPDH, dạy học khái niệm, dạy học giải bài tập,... Các kiến thức về số học, hình học, đại lượng, thống kê, giải toán ở tiểu học; Kỹ năng so sánh, phân tích, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức thực hành dạy học. MT2. Có các kỹ năng thiết kế, triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh và giáo dục học sinh theo mục tiêu của giáo dục tiểu học. MT3. Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe tốt để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. MT4. Yêu nghề dạy học, yêu thương học sinh, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, tích cực xây dựng văn hóa nhà trường.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
89	CƠ SỞ TOÁN Ở TIỂU HỌC	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về toán ở tiểu học. MT2: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: so sánh, phân tích, tổng hợp các kiến thức... , đặc biệt vận dụng vào dạy toán ở trường tiểu học. MT3: Rèn cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu, ... , có thói quen làm việc có kế hoạch.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, vấn đáp, ... kết thúc học phần
90	CHUYÊN ĐỀ PPDH TIẾNG	MT1. Sinh viên xác định được những lý luận về Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo quan điểm giao	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

	VIỆT Ở TIỂU HỌC	tiếp. MT2. Sinh viên hình thành và nâng cao các kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... theo quan điểm giao tiếp. MT3. Sinh viên rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động trong học tập. MT4. Phát triển thái độ yêu quý tiếng Việt, trân trọng nghề nghiệp và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.			trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
91	CƠ SỞ TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC	MT1. Người học xác định được một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. Phần 2, trang bị kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... giúp người học nắm được cấu tạo và quy luật hành chức của tiếng Việt để vận dụng vào quá trình học tập và giao tiếp. MT2. Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, người học chiếm lĩnh được một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. MT3. Người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động,	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần

		hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
92	NGHE TIẾNG JRAI	MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu về kỹ năng nghe Jrai v. Phát triển khả năng suy luận dựa trên từ vựng và lập luận dựa vào những câu giao tiếp. MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng suy luận logic trong cách nghe, lập luận chứng minh, biết vận dụng những kỹ năng nghe vào những tình huống cụ thể. MT3: Rèn cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu, ... , có thói quen làm việc có kế hoạch theo nhóm .	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, vấn đáp, ... kết thúc học phần
93	NÓI TIẾNG JRAI	MT1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến từ vựng về các chủ đề nói cơ bản hằng ngày và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng Jrai. Đồng thời hình thành khả năng nhận biết cho sinh viên về những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa và phong tục tập quán của dân tộc Jrai. Làm cơ sở giúp người học nhận diện được giá trị, vai trò văn hóa Tây Nguyên đối với thực tiễn. MT2: Người học được trang bị kỹ năng nói độc thoại, giới thiệu bản thân, gia đình và kỹ năng nói cơ bản theo dạng hội thoại giữa hai người, đồng thời bổ trợ thêm khả năng trình bày, thuyết trình những vấn đề cơ bản theo chủ đề bằng tiếng Jrai. MT3: Học phần nhằm tạo cho sinh viên yêu thích môn học nói, từ đó tích cực tham gia xây dựng bài, phát huy tinh thần tự học cao. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động nói theo cặp cũng như các hoạt động theo nhóm.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi vấn đáp kết thúc học phần
94	ĐỌC TIẾNG JRAI	MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như các từ vựng theo chủ đề, cách phát âm các	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

		âm tiết có cấu tạo đặc thù, hiểu nội dung và mục đích thông báo các văn bản, có thể đọc, hiểu các đoạn văn; bài đối thoại thông thường. <i>MT2:</i> Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về con người, xã hội, văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Jrai biết vận dụng vào những tình huống cụ thể. <i>MT3:</i> Rèn luyện kỹ năng đọc:phát âm đúng các âm tiết có cấu tạo đặc biệt, đọc và hiểu nội dung bài theo các chủ đề. <i>MT4:</i> Rèn cho sinh viên có thái độ học tập tích cực, có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.			trên lớp; 70%: Thi tự luận và trắc nghiệm kết thúc học phần
95	VIẾT TIẾNG JRAI	<i>MT1:</i> Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như các từ vựng theo chủ đề, cách nhận biết các chữ viết có cấu tạo đặc thù, các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp, hiểu nội dung và mục đích thông báo các văn bản, có thể viết các thông tin ngắn, đoạn văn ngắn, bài văn theo chủ đề thông thường bằng tiếng Jrai. <i>MT2:</i> Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về con người, xã hội, văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Jrai biết vận dụng vào những tình huống cụ thể. <i>MT3:</i> Rèn luyện kỹ năng viết:Viết đúng các âm tiết có cấu tạo đặc biệt, viết chính tả, các đoạn hội thoại, đoạn văn, bài văn, viết thông báo ngắn và hiểu nội dung bài học theo các chủ đề. <i>MT4:</i> Rèn cho sinh viên có thái độ học tập tích cực, có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
96	TỪ VỰNG,		02	Năm	10%: Chuyên cần;

	NGŨ PHÁP TIẾNG JRAI			thứ 1	20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận, vấn đáp... kết thúc học phần

7.4. Giáo dục thể chất

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Học phần bắt buộc	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là môn học bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản về môn Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	Năm thứ I	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
2	Tự chọn 1	Bóng chuyền, Cầu lông, bóng bàn, Bơi lội, Cờ vua 1 là môn học tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về các môn thể thao, giúp cho cơ thể người tập luyện sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn.	1	Năm thứ I	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	Tự chọn 2	Bóng đá, bóng rổ, Thể dục nhịp điệu, Teakwond, Cờ vua 2 là môn học tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về các môn thể thao, giúp cho cơ thể người tập luyện sức khỏe tốt hơn, tinh	1	Năm thứ 2	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn.			
4	Giáo dục học TDTT	Giáo dục học thể thao nghiên cứu về lý luận giáo dục. Lý luận giáo dục phản ánh những đặc điểm, những qui luật về sự giáo dục và hình thành những phẩm chất về chính trị, tư tưởng và đạo đức cho cá nhân người được giáo dục và đồng thời nó cũng chứa đựng những nét chung của các loại hoạt động giáo dục, thích ứng với việc thực hiện từng nhiệm vụ giáo dục bộ phận. Những vấn đề quan trọng và phức tạp như: thái độ lao động, phong cách lao động, thị hiếu thẩm mỹ, lối sống, phong cách thể dục thể thao vv... của mỗi con người đều liên quan mật thiết với thể giới quan và đạo đức của người đó. Những vấn đề này chỉ tiến hành có hiệu quả bằng con đường giáo dục với hệ thống lý luận giáo dục. Giáo dục học thể thao là ngành khoa học nghiên cứu quá trình giáo dục học mà trung tâm là nghiên cứu sự hình thành niềm tin, thái độ, thuộc tính đạo đức, cá tính, hành vi của con người trong hoạt động thể thao. Nó phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, giáo dục học thể thao nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.	1	Học kì I	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
5	Phương pháp NCKH giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ thể dục thể thao có trình độ đại học. Học phần nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao, góp phần vào việc nâng cao kiến thức giúp sinh viên hoàn thành bản khóa luận và chuyên	1	Học kì VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		đề tốt nghiệp có chất lượng cao.			
6	Sinh lý học TDTT	Sinh lý học thể dục thể thao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Giáo dục thể chất của Trường Đại học Tây Nguyên. Sinh lý học thể dục thể thao trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý cơ thể trong hoạt động thể dục thể thao, làm cơ sở nghiên cứu những vấn đề liên quan đến khoa học giáo dục thể chất. Trên cơ sở học tập sinh lý học thể dục thể thao, người học có thể nghiên cứu và tiếp thu có hiệu quả những kiến thức lý luận chuyên ngành và học tập các môn thực hành Thể dục thể thao trong Nhà trường.	2	Học kì II	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
7	Y học TDTT	Y học TDTT là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành Giáo dục thể chất hệ Đại học Trường Đại học Tây Nguyên. Y học TDTT - trước hết đó là một môn khoa học y học thực hành với đầy đủ nhiệm vụ, phương pháp, cơ sở lý luận và các vấn đề nghiên cứu khoa học đặc trưng của riêng mình. Đó là khoa học ứng dụng những kiến thức y sinh học để nghiên cứu và hoàn thiện quá trình giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khoẻ, thành tích của người tập. Y học TDTT là một bộ phận cấu thành của hệ thống phòng và điều trị bệnh lý, chấn thương và là một mắt xích không thể tách rời của hệ thống giáo dục thể chất cho con người.	3	Học kì VI	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
8	Sinh hoá học TDTT	Sinh hóa đại cương gồm khối kiến thức: Nguyên tố và nguyên tử sinh học, cấu tạo hóa học glucid, lipid, protid, nucleotide, các chất xúc tác sinh học enzyme, vitamin, hormone. Sinh hóa động gồm: các quy luật chuyển hóa chất, chuyển hóa năng lượng sinh học, chuyển hóa glucid, protid, lipid. Sinh hóa TDTT gồm: sinh hóa cơ và cơ chế cơ cơ, các	2	Học kì VII	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		nguồn cung cấp năng lượng cơ cơ, các quy luật sinh hóa trong huấn luyện thể thao, những nhân tố xúc tiến khả năng vận động của cơ thể.			
9	Sinh cơ học TDTT	Sinh cơ học Thể dục thể thao là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC kiến thức ban đầu về động học, một số khái niệm về cơ học. Giúp sinh viên hiểu được quy luật vận động của cơ và cấu trúc động tác từ cơ.	2	Học kì VII	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
10	Tâm lí học TDTT	Tâm lý học TDTT là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Tâm lý học TDTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức về đặc điểm tâm lý của bài tập thể chất và đặc điểm tâm lý của hoạt động và thi đấu TDTT. Qua đó hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học TDTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy để nâng cao thành tích chuyên môn. Đồng thời hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học trong công tác sau này.	1	Học kỳ II	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Lịch sử TDTT	TDTT ra đời cùng với sự ra đời của xã hội loài người, dưới sự tác động của môi trường và mối quan hệ cộng đồng, đòi hỏi phải đấu tranh sinh tồn vì cuộc sống như đi, đứng, chạy, nhảy..... Đây là nhân tố khách quan và ý thức chủ quan (săn, bắn, hái, lượm...), luôn gắn chặt với lao động sản xuất để tồn tại. TDTT như là một bộ phận nền văn hóa chung của loài người.	1	Học kỳ V	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Vệ sinh học TDTT	Vệ sinh học thể dục thể thao là môn bắt buộc, làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức khoa học chuyên ngành giáo dục thể chất, giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức về vệ sinh	1	Học kỳ VI	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ;

		thể dục thể thao. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phương pháp vệ sinh chung, vệ sinh khi tập luyện TDTT, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh học đường.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
13	Đo lường TDTT	Đo lường thể dục thể thao (TDTT) là học phần bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất của chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết của đo lường thể thao, phương pháp xử lý kết quả đo lường, cơ sở lý luận của test, lý thuyết đánh giá, các phương pháp đo lường trong thể thao, đo lường kiểm tra VĐV trong tập luyện và thi đấu thể thao, đo lường ứng dụng tuyển chọn tài năng thể thao...	2	Học kỳ VI	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
14	Điền kinh 1 (môn chạy)	Điền kinh 1 (môn chạy) là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn chạy, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	Học kỳ I	15%: Chuyên cần; 15%: Báo cáo nhóm trước lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
15	Điền kinh 2 (môn nhảy)	Điền kinh 2 (Các môn nhảy) là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy các môn nhảy, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng	2	Học kỳ II	15%: Chuyên cần; 15%: Báo cáo nhóm trước lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...			
16	Điền kinh 3 (ném đẩy)	Điền kinh 3 (môn đẩy tạ) là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn chạy, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	Học kì V	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	Thể dục cơ bản + Thực dụng	Thể dục cơ bản và thực dụng là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí môn thể dục trong hệ thống Giáo dục thể chất, thể dục cơ bản, thuật ngữ thể dục, đội hình đội ngũ. Hiểu được ý nghĩa, tác dụng trong việc tập luyện môn thể dục. Biết vận dụng các phương pháp tổ chức tập luyện cho môn thể dục.	2	Học kỳ VI	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
18	Thể dục dụng cụ và Nhào lộn	Học phần Thể dục dụng cụ và nhào lộn thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản về môn Thể dục dụng cụ và nhào lộn. nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông.	3	Học kỳ I	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

19	Thể dục nhịp điệu	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của môn khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một môn nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một môn thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	2	Học kỳ III	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
20	Thể dục đồng diễn	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Thể dục đồng diễn, giúp sinh viên biết phân tích theo chủ đề, nắm được cách biên soạn một màn đồng diễn thể dục. Biết vận dụng kiến thức được trang bị để phân tích và xây dựng phần khung của một màn đồng diễn thể dục. - Sinh viên biết lên kế hoạch và triển khai, tổ chức tập luyện đồng diễn thể dục.	1	Học kỳ III	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
21	Bóng đá	Bóng đá cơ bản là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn bóng đá Futsal cơ bản, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển	2	Học kỳ V	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...			
22	Bóng chuyền	Bóng chuyền là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn Bóng chuyền, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bắt trọng tài ở các giải phong trào, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong.	2	Học kì I	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
23	Bóng ném	Bóng ném là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy học phần bóng ném, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ...	2	Học kì V	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Bóng rổ	Trang bị cho sinh viên các lớp chuyên ngành GDTC những kiến thức hiểu biết cơ bản về lịch sử phát triển môn bóng rổ trên thế giới và ở Việt Nam, những kỹ thuật cơ bản, các kỹ thuật nâng cao của môn Bóng rổ, chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.	2	Học kỳ III	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

25	Cầu lông	Cầu lông là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng và được đưa vào chương trình đào tạo chính quy cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Thể chất tại các Cao Đẳng, Đại học. Tập luyện cầu lông có tác dụng hoàn thiện hệ vận động và phát triển các tố chất thể lực quan trọng của con người. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Học phần Cầu lông trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông; biết phân tích, đánh giá kỹ thuật động tác; khả năng tư duy sáng tạo để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng những yêu cầu mới cao hơn. Hiểu được thực trạng, xu hướng phát triển môn Cầu lông trong nước và quốc tế. Cùng các môn học chuyên ngành khác, Cầu lông góp phần nâng cao thể lực, phát triển toàn diện cho sinh viên; đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo đội ngũ giáo viên, giáo viên Thể dục “vừa hồng vừa chuyên” mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.	2	Học kỳ VII	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
26	Đá cầu	Đá cầu là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn đá cầu, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	Học kỳ III	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

27	Trò chơi vận động	Trò chơi vận động đã trở thành môn học bắt buộc, trong trường thể dục thể thao, trong đó trò chơi vận động đã được khai thác một cách triệt để. Nó là phương tiện hỗ trợ cho việc phát triển các tố chất (sức nhanh, sức mạnh, sức bền, sự khéo léo và mềm dẻo) Hỗ trợ trực tiếp cho các môn thể thao, làm rút ngắn quá trình hình thành và phát triển kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho môn thể thao nhất định. Trong một giờ học trò chơi trò chơi có thể thay thế các bài khởi động chuyên môn ở một chừng mực nhất định, đưa người tập từ trạng thái yên tĩnh bước sang hoạt động một cách tích cực, tránh được các chấn thương đáng tiếc.	2	Học kì II	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	Cờ vua	Cờ vua là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy cờ vua, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	Học kỳ V	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Bơi lội	Bơi lội là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy học phần bơi lội, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn	3	Học kỳ VI	15%: Chuyên cần; 15%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

		luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ...			
30	Võ Taekwondo	Cũng như các môn thể thao khác, Taekwondo là môn thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
31	Bóng bàn	Bóng bàn là một môn thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, môn bóng bàn là một trong những môn cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục thể chất dành cho sinh viên. Học phần bóng bàn trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt. Biết tổ chức, quản lý, giảng dạy, có năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài, biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào công tác.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
32	Lí luận và PP GDTC	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất là môn khoa học về các qui luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực thể thao. Học phần nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, hình thành kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp vào thực tiễn hoạt động TDTT và hình thành niềm tin, tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên tương lai. Ngoài ra học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức,	3	Học kỳ V	Chuyên cần: 15% Bài tập cá nhân: 15% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%

		ý chí, tác phong, ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dạy học và huấn luyện trong các môn thể thao.			
33	Thực tế chuyên ngành	Thực tế chuyên ngành là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ năng lực sư phạm, biết tiếp thu những kiến ở các Trung tâm huấn luyện TDTT, các trường đào tạo chuyên ngành TDTT trong toàn bộ quá trình đi thực tế. Bên cạnh đó góp phần giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học và huấn luyện trong các môn thể thao.	1	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
34	Bóng đá nâng cao 1	Bóng đá Futsal nâng cao 1 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn bóng đá Futsal, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
35	Bóng chuyền nâng cao 1	Bóng chuyền là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy Bóng chuyền, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

		lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bắt trọng tài ở các giải phong trào, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong.			
36	Điền kinh nâng cao 1	Điền kinh nâng cao 1 là học phần tự chọn thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn điền kinh, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	5	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
37	Thể dục nhào lộn nâng cao 1	Thể dục nhào lộn là học phần môn học bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất của chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về phương pháp dạy học sư phạm, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học qua đó mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông. Ngoài ra học phần môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
38	Bơi lội nâng cao 1	Bơi lội nâng cao 1 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy học phần bơi lội, phương pháp cứu nạn, phương pháp hồi sinh và kiểm tra đánh	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

		giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ...			
39	Bóng bàn nâng cao 1	Bóng bàn là một môn thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, môn bóng bàn là một trong những môn cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần bóng bàn trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt. Biết tổ chức, quản lý, giảng dạy, có năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài, biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào công tác.	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
40	Bóng đá nâng cao 2	Bóng đá Futsal nâng cao 2 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn bóng đá Futsal, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
41	Bóng chuyền nâng cao 2	Bóng chuyền là học phần thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10%

		trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn Bóng chuyền, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bắt trọng tài ở các giải phong trào, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong.			Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
42	Điền kinh nâng cao 2	Điền kinh nâng cao 2 là học phần tự chọn thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp giảng dạy môn điền kinh, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
43	Thể dục nhào lộn nâng cao 2	Thể dục nhào lộn là học phần môn học bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất của chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về phương pháp dạy học sư phạm, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học qua đó mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông. Ngoài ra học phần môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

44	Bơi lội nâng cao 2	Bơi lội nâng cao 2 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lí luận, phương pháp giảng dạy học phần bơi lội, phương pháp cứu nạn, phương pháp hồi sinh và kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ...	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
45	Bóng bàn nâng cao 2	Bóng bàn là một môn thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, môn bóng bàn là một trong những môn cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt. Biết tổ chức, quản lý, giảng dạy, có năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài, biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào công tác.	4	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
46	Thực hành giảng dạy môn GDTC	Thực hành giảng dạy môn giáo dục thể chất là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận thực tiễn trong giảng dạy môn thể dục, phương pháp biên soạn giáo án môn thể dục và cách dạy thực	2	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

		hành lên lớp giờ chính khóa. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bên cạnh đó học phần góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, ...			
47	Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất học trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận thực tiễn phương pháp giáo dục thể chất cho sinh viên. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường học, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
48	Kiến tập sư phạm	Tạo điều kiện để giáo sinh tiếp xúc với thực tiễn giáo dục ở trường nơi KTSP. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của trường KTSP, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự kết hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh. Tạo điều kiện để giáo sinh làm quen với công tác giảng dạy ở trường KTSP theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học: Lấy người học làm trung tâm.	2	Học kỳ V	Chuyên cần: 15% Thực hành: 15% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%
49	Thực tập sư phạm	Thực tập sư phạm là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên cách lên lớp giảng dạy môn học thể dục tại các trường học trong hệ thống quốc dân, phát triển năng lực hoạt động dạy học để vận dụng kiến thức đã học trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông; trang bị	5	Học kỳ VIII	Chuyên cần: 15% Thực hành: 15% Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

		cho sinh viên hoạt động giáo dục đó là công tác làm chủ nhiệm lớp học Bên cạnh đó góp phần giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong của người giáo viên khi đứng lớp, tinh thần giao lưu học hỏi, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tôn trọng đồng nghiệp, gần gũi với học sinh ...			

7.5. Giáo dục mầm non

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác -Lênin	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.	3	2	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
2	Kinh tế chính trị Mác - lê nin	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp	2	3	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %

		sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	4		Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc

		chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			học phần: 70 %
6	Quản lý HCNN & QLGDĐT	Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo, cụ thể: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức. Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo.	1		Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
7	Xã hội học đại cương	Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân	2	1	Trọng số điểm bộ phận:

		biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với với các khoa khoa học xã hội khác. Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			20 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 80 %
8	Địa lí Việt Nam đại cương	Địa lí Việt Nam đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức địa lí học, bao gồm: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta; Đặc điểm chung tự nhiên Việt Nam; Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ; Các hợp phần tự nhiên Việt Nam như khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật; Địa lí dân cư.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
9	Tâm lí học giáo dục	Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm	3	1	Trọng số điểm bộ phận: 15 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 85 %

		lý học sư phạm. Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
10	Kỹ năng mềm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội		3	Thực hành tại lớp: 100%
11	Khởi nghiệp	Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %
12	Tiếng Anh 1	- Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thời gian, thời tiết và khí hậu, ngôn ngữ điện thoại, âm nhạc, nhà cửa, thức ăn; - trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, giới từ chỉ thời gian và nơi chốn (<i>at, in, on, to</i>), trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, <i>đại từ</i> tân ngữ, cấu trúc <i>like + V-ing, be</i> và <i>do, there is / there are</i> và <i>there was / there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, tính từ so sánh hơn, thì	3	1	Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %

		hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm: /ʌ/, /h/, /aɪ/, /ɪ/, /i:/, /j/, /ŋ/, /əʊ/, /θ/, /ju:/, /eə/, /ɪə/, /s/, /ʃ/, /ea/, /ə/, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc và nhấn trọng âm trong câu (sentence stress); - cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh; - trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.			
13	Tiếng Anh2	- từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như mô tả người, trang phục, hoạt động trong kì nghỉ, những cụm từ đi với ba giới từ <i>at, in, on</i>, công việc nhà, mua sắm, mô tả một thành phố. - các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai <i>going to</i>, tương lai đơn, đại từ quan hệ, so sánh tính từ và trạng từ, cấu trúc dùng với <i>too - enough</i>; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, hay gây nhầm lẫn như /ə/ and /ɜ:/, /j/ và /dʒ/, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.	3	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
14	Tiếng Anh3	- từ vựng tiếng Anh về hạnh phúc, các phát minh, các môn học, các môn thể thao, tiểu sử của các nhân vật nổi tiếng, các loài động vật, các nỗi sợ hãi, các loại bệnh tật và các loại ngôn	3	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng

		ngữ. - các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý; cách phát âm các nguyên âm /ʊ/ and /u:/, các phụ âm /θ/ and /ð/, /ʃ/, nguyên âm đôi, phụ âm kép, đuôi -ed, chữ i, cách phát âm của had / hadn't, used to / didn't use to, must, mustn't, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu. - kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.			số thi kết thúc học phần: 70%
15	Tiếng Anh 4	- từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ. - ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý.... để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. - các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa. - kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở	3	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, cũng có quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. - các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ - các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.			
16	Giáo dục học mầm non	Giáo dục học mầm non giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Nó cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục, các phạm trù cơ bản của giáo dục học, giáo dục học mầm non. Giáo dục học mầm non còn là sự khái quát những lý luận về công tác giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em lứa tuổi MN. Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng sử dụng các phương pháp và hình thức đặc thù để tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ MN Bên cạnh đó, giáo dục học mầm non còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường mầm non. Vì vậy, giáo dục học mầm non được xem là học phần tiên quyết của một số học phần, trong đó có học phần Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non	3	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

17	Lịch sử Việt Nam đại cương	Lịch sử Việt Nam đại cương là học phần dành cho sinh viên thuộc các ngành không chuyên. Đây là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần Lịch sử Việt Nam đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống các giai đoạn phát triển trong tiến trình vận động của Lịch sử dân tộc từ thời nguyên thủy đến thời đại dựng nước, thời Bắc thuộc, thời phong kiến, cận đại đến quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay. Qua học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy lịch sử, kỹ năng thực hành lịch sử. Qua đó, trau dồi cho sinh viên tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
18	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây nguyên	Nội dung Học phần “Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên” cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sinh tế truyền thống, thiết chế tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
19	Nhân học đại cương	Nhân học là một lĩnh vực nhận thức khoa học trong đó nghiên cứu các vấn đề nền tảng của tồn tại con người trong môi trường tự nhiên, xã hội và nghệ thuật. Nhân học đại cương là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành Nhân học, cụ thể là về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học và một số chủ đề quan trọng của ngành học như: Nguồn gốc loài người và các chủng tộc; Tộc người, các tiêu chí phân định, quá trình tộc người và các loại hình cộng đồng tộc người; Ngôn ngữ và các ngữ hệ trên thế giới; Một số vấn đề về xã hội nguyên thủy; Một số vấn đề về các hình thái tôn giáo sơ khai. Nhân học có mối quan hệ mật thiết với nhiều ngành khoa học khác như triết	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		học, lịch sử, địa lí, kinh tế, sinh học,... vì đặc điểm chính của Nhân học là nghiên cứu con người trong tính toàn diện, lấy con người làm trung tâm			
20	Sinh học đại cương	Sinh học đại cương là học phần bao gồm những kiến thức khái quát nhất về Sinh học; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể sinh vật đa bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị và vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái và các loại diễn thế sinh thái. Rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Tế bào học, Di truyền học, Di truyền y học, Di truyền người và quần thể, Sinh học thực vật, Thực vật học, Hình thái – Giải phẫu thực vật, Phân loại học thực vật, Sinh lý học thực vật, Giải phẫu – Sinh lý người và động vật, Tiến hóa và đa dạng sinh học, Khoa học môi trường, Sinh học phát triển, Hóa sinh, Vi sinh, Lý sinh... Vì thế các kiến thức của học phần là cơ sở để giải thích một số hiện tượng Sinh học trong tự nhiên và đời sống, làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần có liên quan trong chương trình đào tạo của các ngành: Y học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm Sinh, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Thú y, Chăn nuôi - Thú y...	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
21	Tin học đại	Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành	2	2	Trọng số

	cương	phần cơ bản của máy vi tính. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm			điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
22	Logic toán	Học phần trình cung cấp cho sinh viên các nội dung về lý thuyết tập hợp (<i>biểu diễn tập hợp, các phép toán, ...</i>) và logic Toán (<i>mệnh đề, các phép toán logic, ...</i>). Đây là học phần tiên quyết để sinh viên học các học phần liên quan đến môn Toán trong chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục Mầm non.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Nghiên cứu khoa học giáo dục (khoa học, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học giáo dục); Logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục (lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài, xác định mục tiêu nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, nêu các luận cứ để chứng minh giả thuyết. lựa chọn các phương pháp chứng minh giả thuyết); Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học giáo dục (lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu; thu thập thông tin, các bước tiến hành thu thập thông tin, các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin, xử lý thông tin và viết báo cáo khoa học); Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	1	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		(tiêu chí để đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, phương pháp đánh giá công trình khoa học giáo dục).			
24	Thể dục cơ bản và điền kinh	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất	1	1	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
25	Bóng chuyền cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
26	Bơi lội cơ bản	Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
27	Cầu lông cơ bản	Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
28	Bóng bàn cơ bản	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

					phần: 80%
29	Thể dục nhịp điệu	Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác	1	3	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
30	Teawondocơ bản	Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.	1	3	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
31	Bóng đá cơ bản	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu	1	3	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
32	Bóng rổ cơ bản	Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ	1	3	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
33	Cờ vua 1	Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết	1	1	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

34	Cờ vua 2	Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
35	Cờ vua 3	Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết	1	3	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
36	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.	2,5	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

37	Công tác quốc phòng an ninh	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao. SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội... Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao. Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
38	Quân sự chung	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị; Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
39	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			
40	Sinh lý học trẻ em	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non. Thông qua việc học lý thuyết những kiến thức về quá trình phát triển các chỉ số thể chất diễn ra trong cơ thể trẻ em ở lứa tuổi mầm non, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của môn học này trong việc nuôi dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện các mặt về đức, trí, thể, mỹ. Nội dung bài giảng có kết cấu gồm 09 chương: Chương 1. Cấu tạo chung của cơ thể em; Chương 2. Hệ tuần hoàn; Chương 3. Hệ hô hấp; Chương 4. Hệ tiêu hóa; Chương 5. Hệ bài tiết; Chương 6. Hệ sinh dục; Chương 7. Các tuyến nội tiết; Chương 8. Hệ vận động; Chương 9. Hệ thần kinh và các giác quan.	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
41	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em	Học phần Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết về sinh, dinh dưỡng cho trẻ em và vận dụng vào thực tiễn trong việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ mầm non, đáp ứng với việc đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non. Nhiệm vụ chăm sóc trẻ và dinh dưỡng cần phải được quan tâm đúng mức; việc này sẽ giúp trẻ được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần	2	3	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
42	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển chung của trẻ em đặc biệt là của lứa tuổi mầm non. Hiểu biết về đặc điểm sinh lý, bệnh tật thường gặp ở trẻ em lứa tuổi mầm non từ đó lên kế hoạch phòng bệnh phù hợp cho trẻ trên cơ sở góp phần chăm sóc trẻ và bảo vệ trẻ một cách toàn diện hơn. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các bệnh lý thường gặp ở tuổi mầm non, từ đó sinh viên có thể phát	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

		hiện sớm trẻ bệnh và chăm sóc thích hợp đối với trẻ bị bệnh. Học phần còn cung cấp kiến thức về cách sơ cứu một số tai nạn thường gặp ở lứa tuổi mầm non nhằm giảm nguy cơ tử vong ở trẻ. Học phần làm rõ hơn môn Sinh lý học trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, vệ sinh trẻ em mà sinh viên đã được học.			
43	Văn học trẻ em	Khái quát những kiến thức cơ bản về Văn học thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. Cung cấp những kiến thức cơ bản về một số sáng tác của các tác giả được đưa vào giảng dạy ở mầm non và tiểu học như Trần Đăng Khoa, Tô Hoài, Phạm Hổ... Vị trí học phần: Học phần bắt buộc. Kiến thức trang bị cho sinh viên: Chương trình của học phần cung cấp kiến thức về văn học cho thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. Cung cấp những kiến thức cơ bản về một số sáng tác của các nhà văn được đưa vào giảng dạy ở tiểu học như Trần Đăng Khoa, Tô Hoài, Phạm Hổ. Quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo: Bổ sung kiến thức cho sinh viên về văn học thiếu nhi để hoàn thiện tri thức cho sinh viên.	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng số thi kết thúc học phần: 75%
44	Toán học cơ sở	Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức toán học cơ sở như cấu trúc đại số và số học, hình học và đại lượng đo lường. Đặc biệt, chú trọng làm rõ các định nghĩa về số tự	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng

		nhiên trong toán học, bốn phép toán cơ bản trên tập hợp số tự nhiên (bao gồm: cộng, trừ, nhân, chia), ôn lại đặc điểm, tính chất của các loại hình trong mặt phẳng, các khối trong không gian, tìm hiểu về cơ sở xây dựng môn hình học và những loại đại lượng thường dùng trong cuộc sống hàng ngày. Qua học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những nền tảng cơ sở về toán học, đồng thời hiểu rõ hơn về những biểu tượng toán có liên quan đến nội dung giảng dạy cho trẻ mầm non trong quá trình trở làm quen với toán.			số thi kết thúc học phần: 70%
45	Thủ công kỹ thuật và đồ chơi trẻ em	Học phần “thủ công, kỹ thuật và đồ chơi trẻ em” cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết về gấp, cắt xé, đan nan và làm đồ chơi đồng thời hình thành các kỹ năng gấp, cắt xé, đan nan và làm đồ chơi phục vụ giảng dạy ở trường mầm non; hình thành và bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người giáo viên mầm non như chịu khó, kiên trì để làm ra sản phẩm và hình thành thói quen làm việc theo quy trình....	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
46	Tạo hình cơ bản	Tạo hình cơ bản là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong nội dung kiến thức giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng, các kiến thức, các kỹ năng về: Vẽ; Nặn; Xé - Cắt dán cũng như các nguyên tắc, phương pháp để người học có thể vận dụng giải quyết các bài tập thực hành tạo ra sản phẩm từ đó biết yêu quý, trân trọng, gìn giữ và bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày.	2	1	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
47	Âm nhạc cơ bản	Học phần âm nhạc cơ bản là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ Đại học chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên Giáo dục Mầm non những kiến thức cơ bản nhất về âm nhạc và thực hành xướng âm cơ	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc

		bản ở các giọng thường dùng cho các bài hát Mầm non, trên cơ sở lý thuyết âm nhạc cơ bản đã học. Nội dung học phần gồm có 2 phần chính: Lý thuyết âm nhạc cơ bản và Xướng âm. Phần 1 gồm 6 chương. Chương 1: Cao độ của âm thanh, chương 2: Trường độ của âm thanh, chương 3: Quãng, chương 4: Điệu thức – Giọng, chương 5: Quan hệ họ hàng giữa các giọng, chương 6: Hợp âm. Phần 2: Xướng âm. Học phần Âm nhạc cơ bản giữ điều kiện tiên quyết cho các học phần cùng bộ môn trong chương trình đào tạo của chuyên ngành Giáo dục Mầm non là: Hát và đàn Organ, Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ			học phần: 70%
48	Múa cơ bản	Học phần trình bày, giới thiệu các động tác múa dân gian của một số dân tộc đặc trưng nhất, Cách thức xây dựng và ứng dụng động tác múa cho trẻ mầm non. Rèn luyện cho sinh viên có niềm đam mê và có trách nhiệm với công việc dạy học múa cho trẻ mầm non, thể hiện sự năng động, sáng tạo trong việc sưu tầm, lựa chọn tiếp nhận thông tin mới. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như thị phạm và phân tích các luật động trong từng động tác, tổ hợp, bài tập và tác phẩm, cách thức giảng dạy luật động, động tác múa cho trẻ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất liệu múa dân gian của các dân tộc đặc trưng nhất, cách thức xây dựng động tác múa đơn giản cho trẻ, các quy luật, luật động, nhịp phách của từng động tác của các dân tộc	2	2	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
49	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non” là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần:

		trong môi trường giáo dục mầm non. Từ đó hình thành kỹ năng, thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao nhất, cũng như ảnh hưởng của thái độ này đến các đối tượng khác trong quá trình giao tiếp, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp.			70%
50	Giáo dục kỹ năng sống	Học phần Giáo dục kỹ năng sống thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình Giáo dục Mầm non. Nội dung của học phần: Khái quát chung về giáo dục kỹ năng sống; Mục tiêu và nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Những hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Lập kế hoạch và đánh giá giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
51	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non	Học phần giới thiệu những VĐ cơ bản về trò chơi trẻ em; khái niệm trò chơi, ý nghĩa của hoạt động vui chơi; sự hình thành phát triển các loại trò chơi ở trẻ em; Ý nghĩa, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức trò chơi; Lập kế hoạch tổ chức trò chơi; Đánh giá mức độ phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em; Khái niệm hoạt động vui chơi; Sự hình thành phát triển các loại trò chơi ở trẻ em; Ý nghĩa, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức trò chơi. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản kết nối kiến thức lý luận vào thực tế cuộc sống giáo dục mầm non; Có kỹ năng tổ chức và hướng dẫn các hoạt động vui chơi. : Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc thái độ khách quan và có trách nhiệm trong việc giáo dục mầm non. Hình thành yêu nghề yêu trẻ từ đó ý thức tự giác học tập, rèn luyện kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ mầm non	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
52	Hát và đàn Organ	Học phần Hát và Đàn Organ là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ Đại học chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này	2	5	Trọng số điểm bộ phận:

		cung cấp cho sinh viên Giáo dục Mầm non những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về hát và đàn cho các giọng thường dùng cho các bài hát Mầm non, trên cơ sở lý thuyết âm nhạc cơ bản đã học			30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
53	Ứng dụng tin học trong giáo dục mầm non	Học phần “ứng dụng tin học trong giáo dục mầm non cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non, làm rõ vai trò của việc UDCNTT trong dạy học ngày nay. Hướng dẫn sinh viên sử dụng phần mềm PP để thiết kế giáo án điện tử các môn học ở mầm non. Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học và ứng dụng các phần mềm này trong xây dựng các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường Mầm non.	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
54	Tâm lý học gia đình	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về gia đình ở trên thế giới và ở Việt Nam; những đặc điểm tâm lý quan trọng của các thành viên trong gia đình, những chức năng cơ bản của gia đình cũng như những kiến thức về giá trị văn hóa truyền thống, nếp sống, thói quen trong gia đình ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ em. Sự yêu thương, uy quyền, sự đoàn kết và ganh đua trong gia đình; người học cũng được cung cấp những kiến thức biểu hiện về sự rối loạn tâm lý ở trẻ em do cha mẹ sử dụng thái quá uy quyền và tình thương yêu đối với con cái và những vấn đề về xung đột và ly tán gia đình	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
55	Phương pháp đọc diễn cảm	Học phần có vị trí vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo Giáo viên Mầm non. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên năm thứ 3. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, quy trình rèn luyện để hình thành kỹ năng đọc diễn cảm các văn bản nghệ thuật	2	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
56	Lí luận & Phương	Học phần trình bày về bắt nguồn của nghệ thuật múa, Giới thiệu về chất liệu múa dân gian dân tộc Việt Nam, Phương pháp	3	6	Trọng số điểm bộ phận:

	phápday múa ở trường mầm non	biên đạo múa cho trẻ, Một số vấn đề múa và vận động theo nhạc, Thực hành múa Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản chất liệu múa dân gian của các dân tộc đặc trưng nhất, cách thức xây dựng động tác, tuyển đội hình, cấu trúc tác phẩm múa đơn giản cho trẻ, cách vận động múa theo nhạc, thực hành múa, hình thành kỹ năng múa. Xây dựng được các bài múa dựa trên các động tác cơ bản của từng dân tộc. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như cách thi phạm và phân tích các luật động trong từng động tác, tổ hợp, bài tập và tác phẩm, cách thức giảng dạy luật động, động tác múa cho trẻ Rèn luyện cho sinh viên khả năng đam mê và có trách nhiệm với công việc dạy học múa cho trẻ mầm non, thể hiện sự năng động, sáng tạo trong việc sưu tầm, lựa chọn tiếp nhận những chất liệu múa, thể loại múa khác nhau			30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
57	Lí luận & PP tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ Đại học chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên Giáo dục Mầm non những kiến thức về một số vấn đề cơ bản của âm nhạc đối với trẻ mầm non. Đồng thời nêu ra các phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ và soạn giáo án thực hành các hoạt động âm nhạc cho các lứa tuổi ở trường Mầm non trên cơ sở lý thuyết của phần lý luận và phương pháp đã học	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
58	Phương pháp cho trẻ làm	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học là học phần kiến thức nghề nghiệp của chuyên ngành Sư phạm Mầm non trình độ đại học. Học phần này cung cấp	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 25%; Trọng

	quen với tác phẩm văn học	cho người học cái nhìn tổng thể lí thuyết về các đặc điểm của tác phẩm văn học cho trẻ mầm non, các phương pháp để dạy trẻ làm quen với văn học, các kiểu bài làm quen văn học cũng như cách thiết kế các hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non cũng như kĩ năng soạn bài, tập lên lớp các kiểu bài cho trẻ làm quen văn học ở trường mầm non.			số thi kết thúc học phần: 75%
59	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về lí luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non, bao gồm: ý nghĩa, đặc điểm, các nguyên tắc, mục đích, nhiệm vụ của việc hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng, những đặc điểm nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi, nội dung, cách thức và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với 5 loại biểu tượng toán sơ đẳng: tập hợp, số lượng, con số, phép đếm; hình dạng; kích thước; định hướng trong không gian; thời gian. Trên cơ sở đó hình thành và rèn luyện những kĩ năng tổ chức để tiến hành cho trẻ làm quen với toán ở trường mầm non.	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
60	Lí luận & Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ	Học phần LL & Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề chung về phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh; Nội dung cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non, Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh; Phương tiện và điều kiện cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; Tổ chức cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.	3	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
61	Lí luận & PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	Lí luận và phương pháp tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về phương pháp dạy học nói chung và phương pháp tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở bậc mầm non nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật nói chung và tạo	3	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		hình nói riêng, các kiến thức, các kĩ năng về: phương pháp tổ chức các hoạt động tạo hình trong trường mầm non cũng như các nguyên tắc phương pháp để người học có thể vận dụng các kiến thức mang tính lí luận cũng như thực tiễn để có thể lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non trong quá trình thực tập sư phạm cũng như sau khi ra trường đi làm việc ở các trường mầm non			
62	Lí luận & PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em gồm: một số vấn đề lí luận về ngôn ngữ, khái quát một số vấn đề về tiếng Việt; cơ sở và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em; những nội dung và hình thức phát triển lời nói cho trẻ em; cách soạn giáo án cho tiết dạy phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
63	Lí luận và phương pháp GDTC cho trẻ em	Lí luận và phương pháp GDTC cho trẻ em là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lí luận thực tiễn phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường mầm non, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
64	Chương trình và quản lí chương trình mầm non	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình (chương trình đào tạo giáo viên giáo dục mầm non có trình độ đại học, chương trình mầm non ở trường mầm non) và quản lí chương trình mầm non (<i>chương trình đào tạo giáo viên giáo dục mầm non có trình độ đại học, chương trình đào tạo trẻ mầm non ở trường mầm non: các tiêu chuẩn, điều lệ, ...,</i>	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng

		<i>hướng dẫn thực hiện chương trình</i>). Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu chương trình ở trường mầm non; Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như xây dựng chương trình dạy học (năm, tháng, tuần, ngày), kỹ năng phân tích chương trình, kỹ năng quản lý chương trình, ... và vận dụng ở trường mầm non.			số thi kết thúc học phần: 70%
65	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non là học phần thực hiện tiếp theo sau học phần giáo dục học mầm non. Nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về công tác giáo dục ở bậc mầm non: lý luận về tổ chức các hoạt động giáo dục, mục tiêu và các nhiệm vụ giáo dục cụ thể cần thực hiện ở nhà trường mầm non; các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục đó. Bên cạnh đó với thời lượng 01 tín chỉ thực hành sẽ hỗ trợ thêm cho sinh viên các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả, tăng thêm kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên mầm non. Ngoài ra để được học học phần này sinh viên phải hoàn thành học phần tiên quyết là Giáo dục học mầm non. Trang bị cho người học hệ thống tri thức cơ bản về tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non, mục tiêu, nội dung và các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục ở nhà trường mầm non. Sinh viên nắm được các hoạt động cơ bản cần được tổ chức ở mầm non đồng thời có các phương pháp tổ chức thành công các hoạt động giáo dục đó. Trên cơ sở các kiến thức lý luận cơ bản, sinh viên phát triển tư duy khoa học, có khả năng liên hệ với thực tiễn giáo dục mầm non, làm sáng tỏ các vấn đề trong giáo dục mầm non hiện nay. Bước đầu hình thành ở sinh viên kỹ năng tổ chức thực hiện	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		hoạt động giáo dục trong thực tiễn. Hình thành cho sinh viên tâm lý tích cực trong học tập, xây dựng phương hướng, kế hoạch rèn luyện các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của bản thân trong quá trình học tập.			
66	Giáo dục hòa nhập	Học phần giáo dục hòa nhập bước đầu trang bị cho sinh viên những hiểu biết về trẻ có nhu cầu đặc biệt ở mầm non, giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt ở mầm non; Thực hiện giáo dục hòa nhập trong trường mầm non; Thiết kế và tổ chức các hoạt động trong lớp học mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập. Giáo dục hòa nhập bước đầu hình thành kỹ năng sử dụng một số công cụ để đánh giá và lập kế hoạch chăm sóc giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt, thiết kế các hoạt động trong lớp học mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập. Giáo dục hòa nhập hình thành cho sinh viên có thái độ tích cực, đúng đắn với việc thực hiện giáo dục hòa nhập; có ý thức tìm hiểu và vận dụng kiến thức trong thực tiễn liên quan đến giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
67	Thực tế chuyên môn	Học phần thực tế chuyên môn yêu cầu sinh viên sẽ quan sát trải nghiệm ở các cơ sở giáo dục mầm non, các địa điểm thực hành giáo dục tại các địa phương xung quanh. Trong quá trình đi thực tế, sinh viên có sự hướng dẫn của các giảng viên, chuyên gia về các nội dung thực tế khoa học. Sau mỗi điểm đi sẽ có bài học đánh giá rút kinh nghiệm và sinh viên viết bài tập thu hoạch Mô tả được các kỹ năng sư phạm cơ bản của giáo viên mầm	1	3	Trọng số điểm bộ phận: Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

		non. Trình bày được những hiểu biết cơ bản về trường mầm non, cơ sở giáo dục mầm non . Xử lý tốt các tình huống sư phạm. Sinh viên hiểu rõ các kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ môn bằng hoạt động thực tế chuyên môn. Sinh viên có những hiểu biết thực tế về trường mầm non, học sinh mầm non, người giáo viên mầm non và hoạt động dạy học.			
68	Kể chuyện cho trẻ	Học phần có vị trí vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo Giáo viên Mầm non. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên năm thứ 3. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, quy trình rèn luyện để hình thành kỹ năng kể chuyện, kỹ năng hướng dẫn trẻ mầm non kể chuyện. Nội dung học phần được trình bày trong 3 chương.	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
69	Tổ chức và quản lý trường mầm non	Đây là học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non hệ thống kiến thức về khoa học tổ chức và quản lý trường học mầm non nói chung và các lớp mầm non. Đồng thời hình thành năng lực và bước đầu rèn luyện kỹ năng tổ chức và quản lý trường mầm non, cũng như xây dựng cho sinh viên quan niệm đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý trường mầm non	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
70	Giáo dục môi trường ở trường mầm non	Học phần Giáo dục môi trường ở trường mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Nhận thức chung về môi trường, ô nhiễm môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non; Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; Giáo dục bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

71	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về trò chơi học tập, vai trò và ứng dụng của trò chơi đối với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng ở trẻ mẫu giáo, bao gồm: những kiến thức cơ sở về sự hình thành biểu tượng toán ở trẻ mầm non; bản chất, đặc thù, đặc trưng, cấu trúc và phân loại trò chơi học tập, vai trò của trò chơi học tập trong dạy học, giáo dục trẻ và trong quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo; những nguyên tắc, cách thức, điều kiện để sử dụng trò chơi học tập nhằm giúp trẻ mẫu giáo làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng và giới thiệu một số trò chơi học tập biểu tượng toán điển hình.	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
72	Quản lý trong giáo dục mầm non	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nói chung và quản lý GDMN nói riêng. Giới thiệu tổ chức bộ máy trường mầm non và công tác quản lý các nội dung hoạt động ở trường mầm non Sinh viên hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản kiến thức cơ bản về công tác quản lý nhà trường mầm non và quản lý công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. Có kỹ năng kết nối kiến thức lý luận vào thực tế cuộc sống giáo dục mầm non; Có kỹ năng tổ chức và quản lý công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Phát triển thái độ khách quan và có trách nhiệm trong Giáo dục mầm non và Hình thành yêu nghề yêu trẻ từ đó ý thức tự giác học tập, rèn luyện kỹ năng tổ chức quản lý trường mầm non. giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình và có thái độ tôn trọng và hợp tác bảo vệ gia đình	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
73	Ứng dụng kỹ họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	Ứng dụng kỹ họa và cách điệu trong giáo dục mầm non là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật nói chung, nghệ thuật ký họa- cách điệu nói riêng và những ứng dụng của nó trong dạy học tạo hình ở trường mầm non bao gồm: các khái niệm cơ bản, các kiến thức, các kỹ năng vẽ: ký họa- cách điệu cũng như các nguyên tắc	2	6	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc

		phương pháp để người học có thể vận dụnggiải quyết các bài tập thực hành tạo ra sản phẩm từ đó biết yêu quý, trân trọng, gìn giữ và bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Cùng với việc cung cấp kiến thức kỹ năng để hoàn thành những bài tập trong chương trìnhhọc phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp ký họa, cách điệu hoa quả, đồ vật, con vật... làm tài liệu trong dạy học tạo hình ởtrường mầm non			học phần: 70%
74	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với MTXQ	Học phần Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với MTXQ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề chung về trò chơi dân gian; Nguyên tắc, yêu cầu và nội dung trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non; Tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
75	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Học phần vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về các tác nhân gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình thu nhận, chế biến, bảo quản thực phẩm cũng như các biện pháp kiểm soát mối nguy nhằm ngăn chặn những rủi ro do các mối nguy ô nhiễm thực phẩm gây ra. Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm về chất độc, sự ngộ độc, an toàn vệ sinh thực phẩm, tầm quan trọng và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay; nguồn gốc các chất độc có trong thực phẩm, nguyên nhân, triệu chứng ngộ độc, các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm; các điều kiện, biện pháp để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc cho trẻ tại cơ sở giáo dục; pháp luật về an toàn thực phẩm.	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
76	Nghề giáo viên mầm non	Sinh viên có những hiểu biết đúng đắn về giáo dục mầm non và nghề giáo viên mầm non; có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về		7	Trọng số

		hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; hiểu biết đúng và đầy đủ về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của BGD&ĐT; Qui định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của GVMN; các yêu cầu về phẩm chất và năng lực sư phạm của GVMN; có ý thức và định hướng rèn luyện nhân cách đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	2		điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
77	Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết	Học phần có vị trí vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo Giáo viên Mầm non. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên năm thứ 4. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, quy trình rèn luyện để hình thành kỹ năng dạy học Làm quen với chữ cái ở trường Mầm non Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về chữ viết Tiếng Việt: tên gọi, đặc điểm, cách phát âm, cách viết từng chữ cái theo mẫu chữ viết thường; xác định được các phương pháp, biện pháp dạy học; tìm hiểu và phân tích được chương trình dạy học Làm quen với chữ cái ở trường Mầm non. Sinh viên hình thành năng lực viết đúng, đẹp các chữ cái tiếng Việt; hình thành kỹ năng thiết kế giáo án và tổ chức và hướng dẫn cho trẻ mầm non làm quen với chữ cái tiếng Việt. Rèn luyện được các kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học; kỹ năng phân tích chương trình hoạt động để giúp trẻ làm quen với chữ cái ở Mầm non, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho trẻ,...	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
78	Tổ chức thực hiện	Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản và hệ thống về chương trình giáo dục mầm non; tổ chức thực hiện chương trình		7	

	chương trình giáo dục mầm non	giáo dục mầm non, bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ (khái niệm, nguyên tắc và các loại kế hoạch), tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề (khái niệm, yêu cầu, các loại chủ đề và tổ chức thực hiện dạy học tích hợp theo chủ đề), xây dựng môi trường giáo dục (khái niệm cơ bản, vai trò, nguyên tắc và yêu cầu đối với việc xây dựng môi trường giáo dục, hướng dẫn cách thức tại dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động), đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (mục đích yêu cầu, các nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá).	2		Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
79	Giáo dục tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ ở trường mầm non. Tình cảm xã hội, đặc điểm, quy luật, KNXH, GDKNXH Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về đặc điểm tình cảm, kĩ năng xã hội, vai trò giáo dục nhà trường đối với phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội ở trẻ mầm non; Có kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non; Có ý thức và thái độ công bằng, khách quan trong việc nhận biết đánh giá xúc cảm tình cảm của trẻ mầm non. Hình thành lòng yêu thương trẻ.	2	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
80	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (RLNVSP TX) là một trong những hoạt động cơ bản của quá trình đào tạo nghề cho sinh viên ngành sư phạm. Nội dung học phần bao gồm một số biện pháp chung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên: Phương pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản: nghe, nói, đọc, viết, kể chuyện và điều khiển tiết kể chuyện, kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống sư phạm, ...	1	4	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		Rèn luyện kỹ năng tiếp cận giáo dục.			
81	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	TLH, GDH để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục, các quan điểm đường lối chính sách về giáo dục. Vận dụng cơ sở lý luận dạy học và lý luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục (Kỹ năng đọc diễn cảm, kỹ năng thuyết trình một đề tài, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng kể chuyện và điều khiển tiết kể chuyện; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng; thực hành kỹ năng tiếp cận giáo dục mầm non). Tìm hiểu về giáo viên, trẻ mầm non ở các độ tuổi và tổ chức quản lý trường mầm non, đặc điểm công việc của người giáo viên mầm non, quản lý trường mầm non, Trường mầm non đạt chuẩn. Giới thiệu hệ thống phương tiện, thiết bị dạy học; Đồ dùng dạy học tự làm; Các kỹ năng tổ chức hoạt động học của học sinh; Soạn đề cương bài giảng và thực hành giảng.	1	5	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
82	Thực hành kỹ năng sư phạm	Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.	1	7	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
83	Kiến tập sư phạm	Học phần “Kiến tập sư phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động	2	5	Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

		của gv và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật kí kiến tập sư phạm. Qua thời gian đi kiến tập sư phạm sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả			
84	Thực tập sư phạm	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của thực tập sư phạm (TTSP); Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, Trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật kí TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông. Học phần chủ yếu dành thời gian để sinh viên vận dụng toàn bộ những kiến thức, kĩ năng chuyên ngành, năng lực sư phạm đã tích lũy được trong 4 năm học tập, nghiên cứu tại trường sư phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%
85	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	Học phần Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non là học phần tự chọn đối với sinh viên hệ Đại học chuyên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên Giáo dục Mầm non những kiến thức về một số vấn đề cơ bản trong việc tổ chức các hoạt động âm nhạc đối với trẻ mầm non. Nội dung học phần gồm có 4 chương: Chương I. Một số vấn đề chung về Giáo dục âm nhạc trong trường Mầm non.	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
86	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình là một trong những học phần tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật tạo hình nói chung và nghệ thuật tạo hình của trẻ mầm non nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật tạo hình nói chung và nghệ thuật tạo hình của trẻ mầm non nói riêng, các đặc điểm, đặc tính sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		và sự phát triển tính sáng tạo cho trẻ mầm non trong hoạt động tạo hình, các phương pháp tổ chức nhằm phát huy tính sáng tạo của trẻ mầm non trong hoạt động tạo hình Cùng với việc cung cấp kiến thức kỹ năng để hoàn thành những bài tập trong chương trình, học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy nói chung và phương pháp, biện pháp phát huy tính sáng tạo của trẻ thông qua giờ hoạt động tạo hình ở trường mầm non.			
87	Phương pháp dạy múa cho trẻ	Học phần trình bày phương pháp biên đạo múa cho trẻ, một số vấn đề chung về nghệ thuật múa trong trường mầm non, vận động theo nhạc, thực hành múa, biên soạn động tác ở trường mầm non, phương pháp biên đạo múa.	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
88	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quy trình đánh giá trong đổi mới giáo dục mầm non. các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của Bộ giáo dục đào tạo. Có ý thức và thái độ tích cực trong việc rèn luyện để trở thành giáo viên mầm non. Có thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn nghề. Hình thành kỹ năng đánh giá giáo dục mầm non; đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo các độ tuổi.	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%
89	Tư duy Toán học ở mầm non	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về tư duy, đặc điểm tư duy toán học ở mầm non và vận dụng các phương pháp dạy học để phát triển tư duy cho trẻ, bao gồm: tư duy, tư duy toán học, các loại hình tư duy toán học; đặc điểm tư duy của trẻ mầm non, đặc điểm phát triển những biểu tượng về tập hợp, số lượng, con số và phép đếm, hình	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

		dạng, kích thước, định hướng không gian của trẻ mầm non và định hướng thời gian của trẻ mầm non; các phương pháp phát triển tư duy toán học cho trẻ và cách vận dụng các phương pháp hình thành biểu tượng toán để phát triển tư duy cho trẻ mầm non			
90	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Học phần Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề chung về giáo dục tích hợp, quan điểm xây dựng chương trình theo hướng tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non; Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non Trang bị cho sinh viên những kiến thức về giáo dục tích hợp, đặc trưng của giáo dục tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non, so sánh điểm giống và khác nhau giữa chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông; Thiết kế được chương trình giáo dục tích hợp theo các chủ đề ở trường mầm non; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp. Rèn kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non. Giáo dục cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề, yêu trẻ và từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm cho mình.	2	8	Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8. Khoa Y Dược

8.1. Khoa học Y sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2.	Tiếng Anh	Học phần tiếng Anh giúp học viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau)	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					
3.	☐ Phương pháp luận nghiên cứu	Học phần này tập trung vào phương pháp nghiên cứu ứng dụng và định lượng với các bước chính: thu thập số liệu trên thực địa (hoặc bệnh viện), phân tích số liệu để có thông tin (trình bày trong phần kết quả) và lý giải các thông tin (trong phần bàn luận và kiến nghị) đó để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu hay đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề.	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận): 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	cứu trong y học				
4.	☐ Phương pháp viết bào báo nghiên cứu khoa học	Học phần này là cơ sở giúp học viên thực hiện được bài báo của chính mình theo đúng cấu trúc và văn phong khoa học.	1	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần (viết tiểu luận): 70%
5.	Đạo đức y học	Nắm được những nguyên tắc cơ bản về y đức. Vận dụng những nguyên lý y đức vào các mối quan hệ thầy thuốc - bệnh nhân - học viên. Bảo mật thông tin của người bệnh. Sự chấp thuận của người bệnh. Kỳ thị và phân biệt đối xử. Vận dụng những nguyên lý y đức vào các mối quan hệ của các bác sĩ đối với đồng nghiệp và với cộng đồng. Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6.	Miễn dịch học	Học phần này nhằm làm rõ: Miễn dịch học với cấu trúc và các phương thức đáp ứng của hệ thống miễn dịch trong cơ thể người. Chức năng của hệ thống miễn dịch đối với các kháng nguyên ngoại sinh (vi sinh vật, ký sinh trùng, nấm..v.v.), kháng nguyên bản thân (tự kháng nguyên), và vai trò ổn định nội môi bằng cơ chế tầm soát các tế bào đột biến ngăn ngừa sự phát triển ung thư. Đối với kháng nguyên ngoại sinh thì cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được tham gia nhằm loại bỏ tác nhân gây hại để bảo vệ cơ thể (đáp ứng	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		miễn dịch chống nhiễm trùng), nhưng đối với tự kháng nguyên thì biết cách chấp nhận (khả năng dung thứ miễn dịch để ngăn ngừa bệnh tự miễn).			
7.	Sinh học phân tử tế bào	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sinh học phân tử liên quan đến: Cấu trúc tế bào và các chu kỳ trong đời sống tế bào; Tính ổn định và những biến động của DNA; Phiên mã – dịch mã ở eukaryote; Điều hoà biểu hiện của gen của prokaryote và eukaryote; các kỹ thuật cơ bản và những enzyme sử dụng trong nghiên cứu sinh học phân tử. Học phần sinh học phân tử đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực sinh học phân tử, giúp sinh viên tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu các vấn đề sinh học hiện đại và ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử trong các lĩnh vực của đời sống.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8.	Sinh học phân tử trong y dược học	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức sinh học phân tử trong y dược học liên quan đến: Các công nghệ cơ bản trong sinh học phân tử, các kỹ thuật chẩn đoán bệnh bằng phân tử, ứng dụng sinh học phân tử trong sản xuất dược liệu và điều trị bệnh, dự đoán các hành vi và tâm lý liên quan đến những đột biến trên phân tử acid nucleic. Học phần sinh học phân tử trong y dược học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực y dược ở mức độ phân tử, giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức trong học phần vào thực tế trong các lĩnh vực của y tế: chẩn đoán bệnh, điều trị, sản xuất thuốc...	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9.	Y sinh học di truyền	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện rất nhiều kỹ năng hỗ trợ: kỹ năng đặt câu hỏi trên lâm sàng vai trò di truyền của bệnh trong các gia đình, kỹ năng giải thích được vị trí đặc hiệu của các gen trên nhiễm sắc thể (NST).	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Từ đó, học viên có khả năng chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh di truyền trong lĩnh vực hoạt động của mình.			
10.	Vi sinh	Học phần này giúp học viên rèn luyện rất nhiều kỹ năng hỗ trợ: kỹ năng nhận biết vi sinh qua hình thể, kỹ năng xét nghiệm xác định từng loại vi sinh và ứng dụng trong lab chẩn đoán vi sinh vật. Từ đó, học viên có khả năng đọc và nhận biết kháng sinh đồ, lựa chọn phương pháp xét nghiệm tìm vi sinh trong lĩnh vực hoạt động của mình.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức chuyên ngành					
11.	Vi nấm	Vi nấm y học chuyên nghiên cứu các đặc điểm của nấm ký sinh và nấm gây bệnh. Các tác hại gây bệnh và chẩn đoán xét nghiệm bệnh nấm ngoài da và bệnh nấm ngoại biên. Các tác hại gây bệnh và chẩn đoán xét nghiệm các bệnh nấm nội tạng. Hình thể của một số nấm gây bệnh chủ yếu. Nguyên tắc phòng chống bệnh vi nấm.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12.	Sức khỏe môi trường	Học phần này giúp học viên có khả năng xác nhận một số vấn đề nghiên cứu hoặc đề xuất giải pháp phòng chống những tác động gây ảnh hưởng đến sức khỏe trong lĩnh vực hoạt động của mình sau này.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
13.	Dịch tễ học	Học phần này giúp học viên được trang bị các khái niệm và nguyên lý dịch tễ học để dự phòng và chăm sóc sức khỏe. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến các vấn đề sức khỏe và bệnh tật. Từ đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Hiểu và giải thích được những chỉ số đo lường sức khỏe bệnh tật thường gặp trên y văn trong nước và thế giới, học viên có thể đọc và phản biện được những	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết quả từ các nghiên cứu y sinh học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của học viên trong tương lai.			
14.	Da liễu	Học phần này giúp học viên được trang bị kiến thức về Bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh da do ký sinh trùng, côn trùng, bệnh da do vi rút, bệnh da tự miễn, bệnh da dị ứng - Miễn dịch, bệnh đỏ da có vảy, bệnh lây truyền qua đường tình dục, U da, các bệnh da di truyền, rối loạn sắc tố, các bệnh da khác. Từ đó, học viên có khả năng chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh da liễu thường gặp trong lĩnh vực hoạt động của mình.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
15.	Truyền nhiễm	Học phần này giúp học viên có khả năng chẩn đoán, lựa chọn biện pháp điều trị và phòng chống bệnh truyền nhiễm trong lĩnh vực hoạt động của mình.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16.	Sốt rét-đơn bào	Học phần này giúp học viên được rèn luyện rất nhiều kỹ năng hỗ trợ trong chẩn đoán sốt rét – đơn bào. Từ đó, học viên có khả năng nhận biết và đề xuất một số xét nghiệm chẩn đoán bệnh sốt rét và một số đơn bào trong lĩnh vực hoạt động của mình.	3	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17.	Giun-sán	Học phần này nhằm hướng dẫn và cập nhật cho học viên những kiến thức về đặc điểm hình thể của giun sán. Đặc điểm sinh học, chu kỳ phát triển của giun sán. Những kiến thức về đặc điểm dịch tễ, đặc điểm bệnh học và các biện pháp phòng bệnh giun sán.	3	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18.	Bệnh động vật ký sinh	Học phần này nhằm hướng dẫn và cập nhật cho học viên những kiến thức về bệnh động vật ký sinh và cơ sở sinh học của bệnh động vật. Tính phổ biến, tác nhân gây bệnh và đặc điểm của bệnh động vật ký sinh. Chẩn đoán lâm sàng, cận lâm sàng của động vật ký sinh và nguyên tắc phòng chống bệnh động vật ký sinh.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19.	Tiết tuc y học	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức căn bản về tiết tuc y học. Hướng dẫn nhận biết được một số một số tiết tuc thường gặp. Đề xuất một số biện pháp phòng chống tiết tuc thường gặp. Nhận thức vai trò của nghiên cứu một số một số tiết tuc thường gặp. Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác phòng chống tiết tuc.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20.	Phòng chống các bệnh ký sinh trùng đường ruột	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức căn bản về chống phòng các bệnh ký sinh trùng đường ruột. Phân tích được đặc điểm sinh học các bệnh ký sinh trùng đường ruột. Đề xuất biện pháp chống phòng các bệnh ký sinh trùng đường ruột. Nhận thức vai trò của nghiên cứu chống phòng các bệnh ký sinh trùng đường ruột trong hoạt động chăm sóc sức khỏe. Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác chống phòng các bệnh ký sinh trùng đường ruột.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21.	Dược lý học điều trị bệnh ký sinh trùng	Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về: Dược lý học đại cương. Các nhóm thuốc điều trị bệnh Ký sinh trùng. Cơ chế tác dụng của một số thuốc điều trị bệnh Ký sinh trùng. Các chỉ định và chống chỉ định của các thuốc điều trị bệnh Ký sinh trùng. Các tác dụng không mong muốn của các thuốc điều trị bệnh Ký sinh.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
22.	Bệnh ký sinh trùng cơ hội	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức căn bản về một số bệnh ký sinh trùng cơ hội hay gặp. Giải thích được một số biện pháp phòng chống một số bệnh ký sinh trùng cơ hội hay gặp. Đề xuất biện pháp chống phòng một số bệnh ký sinh trùng cơ hội hay gặp. Nhận thức vai trò của nghiên cứu chống phòng một số bệnh ký sinh trùng cơ hội hay gặp trong hoạt động chăm sóc sức khỏe. Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác chống phòng một số bệnh ký sinh trùng cơ hội hay gặp.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Tăng bạch cầu toan tính trong	Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về: Sự gia tăng bạch cầu toan tính. Những nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của tăng bạch	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	bệnh ký sinh trùng	cầu toan tính. Ba giai đoạn của biểu đồ Lavier. Biểu đồ Lavier của những giun sán phổ biến ký sinh người trong giai đoạn trưởng thành. Biểu đồ Lavier của những giun sán phổ biến ký sinh người trong giai đoạn ấu trùng. Một số ứng dụng của bạch cầu toan tính trong lâm sàng và điều tra cơ bản.			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24.	Các kỹ thuật sốt rét - đơn bào chuyên sâu	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức căn bản về các kỹ thuật Sốt rét - Đơn bào chuyên sâu. Thực hiện được một số kỹ thuật Sốt rét - Đơn bào chuyên sâu. Viết được một số quy trình kỹ thuật Sốt rét - Đơn bào chuyên sâu. Nhận thức vai trò của nghiên cứu một số kỹ thuật Sốt rét - Đơn bào chuyên sâu. Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác nghiên cứu các kỹ thuật.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25.	Các kỹ thuật giun sán chuyên sâu	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức căn bản về kỹ thuật xét nghiệm giun sán. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giun sán. Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm giun sán đúng quy trình. Nhận thức vai trò của kỹ thuật xét nghiệm giun sán trong hoạt động chăm sóc sức khỏe. Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác chẩn đoán giun sán.	3	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26.	Luận văn tốt nghiệp		10	Học kỳ IV	

8.2. Chuyên khoa 1 – Nội tổng quát

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	4	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.	Tiếng Anh	Học phần tiếng Anh giúp học viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe (bao gồm việc nghe và có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp;), kỹ năng nói (bao gồm việc có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;), kỹ năng đọc (bao gồm việc có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự), kỹ năng viết (bao gồm việc có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau)	6	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
3.	Tin học	Học phần Tin học là học phần thuộc nhóm đại cương, được thiết kế để trang bị hai nội dung chính là văn bản trong Microsoft word và bảng tính Excel, nhằm giới thiệu đến người học kiến thức và kỹ năng thực hiện một bài báo cáo trên phần mềm Microsoft word; kiến thức và kỹ năng cơ bản về xử lý dữ liệu thống kê khoa học, đặc biệt là thống kê số liệu y khoa bằng phần mềm Microsoft Excel. Các kiến thức này được vận dụng để thực hiện các báo cáo và thống kê cho các học phần khác trong chương trình đào tạo cũng như được vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề báo cáo và thống kê trong cuộc sống hằng ngày.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	Sinh lý	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức căn bản về nguyên lý vận chuyển vật chất qua màng tế bào và cơ chế trao đổi chất trong các cơ quan. Cơ chế cầm máu và đông máu. Quy trình chuyển hóa nước và điện giải, điều hòa pH máu. Sự hình thành điện sinh học và ứng dụng trong lâm sàng. Cơ chế tác dụng của hormone và vai trò của các hormone tham gia điều hòa chuyển hóa glucose, canci, ...	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5.	Sinh lý bệnh	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, các điều kiện phát sinh ra bệnh, cơ chế bệnh sinh và quá trình diễn tiến bệnh từ khi ủ bệnh cho đến khi kết thúc và/hoặc quá trình tử vong.	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
6.	Miễn dịch học	Giới thiệu môn học Miễn dịch học với cấu trúc và các phương thức đáp ứng của hệ thống miễn dịch trong cơ thể người. Chức năng của hệ thống miễn dịch đối với các kháng nguyên ngoại sinh, kháng nguyên bản thân (tự kháng nguyên), và vai trò ổn định nội môi bằng cơ chế tầm soát các tế bào đột biến ngăn ngừa sự phát triển ung thư. Đối với kháng nguyên ngoại sinh thì sẽ có cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được nhằm loại bỏ để bảo vệ cơ thể (đáp ứng miễn dịch chống nhiễm trùng), nhưng đối với tự kháng nguyên thì biết cách chấp nhận (khả năng dung thứ miễn dịch để ngăn ngừa bệnh tự miễn).	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
7.	Dược lý – Dược lâm sàng	Học phần Dược lý – Dược lâm sàng gồm các chuyên đề giúp cho các bác sĩ hệ thống lại các kiến thức về thuốc, đồng thời cập nhật các kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc với các bệnh đang ngày càng phổ biến như các bệnh lý về tim mạch (thuốc điều trị cao huyết áp, thuốc điều trị cơn đau thắt ngực...), các thuốc chống đông, thuốc chống kết tập tiểu cầu, thuốc tiểu đường, thuốc điều trị rối loạn lipid máu...	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
Kiến thức ngành					
8.	Truyền nhiễm	Học phần giúp trang bị các khái niệm cơ bản về bệnh nhiễm trùng - truyền nhiễm. Mô tả được dịch tễ, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh nhiễm trùng - truyền nhiễm thường gặp. Chẩn đoán, điều trị	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và theo dõi một số bệnh nhiễm trùng - truyền nhiễm thường gặp. Giáo dục, tuyên truyền biện pháp dự phòng lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng			
9.	Bệnh học lao	Học phần cung cấp kiến thức về nguyên nhân, đặc điểm, sinh bệnh học; triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh lao nói chung; đặc biệt đối với một số thể lao thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, từ đó làm cơ sở cho học viên có những kỹ năng chẩn đoán, điều trị và thái độ thích hợp,	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
10.	Chẩn đoán hình ảnh	Học phần giúp học viên hiểu rõ các giá trị và hạn chế của nhiều kỹ thuật hình ảnh kinh điển và hiện đại, từ đó có thể chỉ định và chỉ định phối hợp các kỹ thuật hình ảnh một cách phù hợp với từng cơ quan và mỗi bệnh lý cụ thể. Nhiều kỹ thuật kinh điển, đơn giản đã giảm vai trò, nhưng vẫn còn những giá trị nhất định, cần phải tận dụng phục vụ tốt người bệnh. Bên cạnh đó, nhiều kỹ thuật hiện đại xuất hiện và tiếp tục phát triển, phải được khai thác, tùy theo hoàn cảnh y tế mỗi địa phương, để người bệnh được tiếp cận các phương tiện chẩn đoán hiện đại hiệu quả đã trang bị. Ngoài ra học viên có thể diễn giải kết quả X quang và siêu âm một số bệnh lý thường gặp.	3	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
11.	Sinh học phân tử tế bào	Học phần giúp học viên hiểu về đặc điểm, tính chất, hoạt động và cơ chế kiểm soát, điều hoạt động của DNA, nhiễm sắc thể, bộ gen (Genomes). Cơ chế tín hiệu của tế bào (Cell signaling), chu kỳ tế bào (Cell cycle), Quá trình chết tế bào (Cell death) và Ung thư (Cancer). Môn học cũng thực hành một số kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh như PCR, RT-PCR, kỹ thuật nghiên cứu tế bào, mô bằng kính hiển vi điện tử SEM-EDS.	2	Học kỳ I	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
12.	Lão khoa	Học phần Lão khoa là học phần chuyên sâu của nội khoa, tập trung trên bệnh nhân cao tuổi, với các đặc thù về lão hóa, đa bệnh. Người cao tuổi ở Việt Nam hiện tại tuổi thọ thấp hơn bình quân trên thế giới cũng như	3	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất lượng sống còn kém. Học phần Lão khoa giúp trang bị các kiến thức cơ bản về tích tuổi học cũng như các đặc điểm lâm sàng thường gặp ở bệnh nhân cao tuổi. Giúp học viên nhận diện và tích hợp đa mô thức trong xử trí và chăm sóc toàn diện bệnh nhân cao tuổi.			
13.	Tâm thần	Học phần cung cấp kiến thức về các triệu chứng tâm thần thường gặp. Dịch tễ, các giả thuyết bệnh sinh của một số rối loạn tâm thần thường gặp. Tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp. Điều trị một số rối loạn tâm thần thường gặp. Phương pháp quản lý các bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng.	3	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
14.	Phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng	Học phần này tập trung vào các đối tượng là bác sĩ thực hành lâm sàng và qua đó trang bị các phương pháp nghiên cứu sức khỏe căn bản, phương pháp thông kê trong y sinh nhằm cải thiện thực hành lâm sàng. Đồng thời, học viên có khả năng đọc và nhận xét một báo cáo nghiên cứu, lựa chọn chủ đề và phát triển đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động của mình.	3	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức chuyên ngành					
15.	Hồi sức cấp cứu	Học phần phần chủ yếu cung cấp và trang bị kiến thức cho học viên phân đoán nhanh, chẩn đoán và điều trị kịp thời và phù hợp trong thời điểm cấp tính để có thể cứu sống bệnh nhân.	2	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
16.	Thực hành Hồi sức cấp cứu	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên, học viên về kỹ năng cấp cứu; nguyên lý cơ bản và chuyên sâu để hướng dẫn học viên thực hành tốt công tác cấp cứu, hồi sức và chống độc. Giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm các thủ thuật, các	6	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thao tác cấp cứu cơ bản, chuyên sâu trên mỗi bệnh nhân nguy kịch có tính mạng sống bị đe dọa tử vong.			
17.	Nội tim mạch	Học phần chủ yếu cung cấp và trang bị học viên một số kiến thức, kỹ năng và thái độ nâng cao theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này và của chương trình đào tạo.	4	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
18.	Thực hành Nội tim mạch	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc Nội tim mạch thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện học viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa.	8	Học kỳ II	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
19.	Nội hô hấp	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên, học viên về kỹ năng khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định đối với một số bệnh lý hô hấp thường gặp. (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
20.	Thực hành Nội hô hấp	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc hô hấp thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện học viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa.	6	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21.	Nội tiêu hóa	Học phần này chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản, nâng cao có hệ thống, cập nhật mới theo xu hướng chung của thế giới, hướng dẫn và rèn luyện về kỹ năng chuyên ngành áp dụng để học viên sau đại học có thể	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự đưa ra chẩn đoán xác định bệnh, ra được y lệnh điều trị bệnh, tiên lượng và dự phòng bệnh.			
22.	Thực hành Nội tiêu hóa	Học phần Thực hành Nội tiêu hóa cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho học viên chuyên khoa Nội tổng quát một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần gồm: Tiếp cận chẩn đoán, xử trí cấp cứu, điều trị thích hợp và điều trị chuyên sâu các bệnh lý thuộc hệ tiêu hóa .	6	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Nội thận – tiết niệu	Học phần này chủ yếu cung cấp kiến thức về nguyên nhân và giải thích sâu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý trong chuyên ngành thận – tiết niệu. Cung cấp và cập nhật các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh lý thận - tiết niệu theo hội thận học Hoa Kỳ và hiệp hội thận học quốc tế. Hướng dẫn điều trị và cập nhật các phác đồ điều trị một số bệnh lý thận - tiết niệu theo hội thận học Hoa Kỳ và hiệp hội thận học quốc tế, Bộ Y tế Việt Nam. Hướng dẫn áp dụng điều trị cụ thể bệnh lý thận – tiết niệu ở bệnh viện các tuyến nước ta hiện nay.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
24.	Thực hành Nội thận – tiết niệu	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh lý thận – tiết niệu.	2	Học kỳ III	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25.	Nội huyết học	Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh lý huyết học. Học viên cũng được bổ sung thêm các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, mở rộng và nâng cao kiến thức về các bệnh lý huyết học.	1	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
26.	Thực hành Nội huyết học	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh lý	4	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		huyết học thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện học viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa.			
27.	Nội thần kinh	Học phần này cung cấp, trang bị cho học viên một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp điều trị một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Sinh lý bệnh, Dược lý-Dược lâm sàng, Nội tim mạch, Chẩn đoán hình ảnh.	2	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
28.	Thực hành Nội thần kinh	Học phần này cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho học viên chuyên khoa Nội tổng quát một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng gồm: chẩn đoán, điều trị thích hợp, chuyên sâu một số hội chứng và bệnh thần kinh. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Sinh lý bệnh, Dược lý - Dược lâm sàng, Nội tim mạch TH và Chẩn đoán hình ảnh TH.	4	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
29.	Nội tiết	Học phần này cung cấp, trang bị cho học viên về: Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý nội tiết thường gặp. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chuyên sâu của một số bệnh lý nội tiết thường gặp. Cách chẩn đoán toàn diện một số bệnh lý nội tiết thường gặp. Kế hoạch điều trị chuyên sâu một số bệnh lý nội tiết thường gặp. Phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết thường gặp.	1	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
30.	Thực hành Nội tiết	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc nội tiết thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện học viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa.	4	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31.	Nội cơ xương khớp	Môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống, hiện đại và trang bị các kỹ năng thuộc chuyên ngành cơ xương khớp. Học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao những kiến thức mới, những kỹ năng chẩn đoán, điều trị theo khuyến cáo của các hiệp hội chuyên ngành Cơ xương khớp trên thế giới như Hội thấp khớp học Hoa Kỳ, Liên đoàn chống thấp khớp Châu Âu, và theo Bộ Y tế. Từ đó giúp học viên áp dụng để chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh lý cơ xương khớp tại Việt Nam.	1	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 80%
32.	Thực hành Nội cơ xương khớp	Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện học viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định và về kỹ năng làm bệnh án trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh lý cơ xương khớp.	4	Học kỳ IV	- Điểm bộ phận: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

8.3. Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác-Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	3	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
2	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc	3	HK2	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%

		hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này			
3	Tin học Đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.	2	HK1	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
4	Hóa học Đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp cho sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; các vấn đề kiến thức cơ bản trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ. Các kiến thức đại cương này giúp sinh viên vận dụng để học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học. Hơn nữa học phần còn trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm, trên cơ sở các bài thí nghiệm để hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	3	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
5	Sinh học đại cương	Sinh học đại cương là học phần bao gồm những kiến thức khái quát nhất về Sinh học; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể sinh vật đa bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị và vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; các nhân	2	HK1	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		tổ sinh thái trong môi trường sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái và các loại diễn thế sinh thái. Rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Tế bào học, Di truyền học, Di truyền y học, Di truyền người và quần thể, Sinh học thực vật, Thực vật học, Hình thái – Giải phẫu thực vật, Phân loại học thực vật, Sinh lý học thực vật, Giải phẫu – Sinh lý người và động vật, Tiến hóa và đa dạng sinh học, Khoa học môi trường, Sinh học phát triển, Hóa sinh, Vi sinh, Lý sinh... Vì thế các kiến thức của học phần là cơ sở để giải thích một số hiện tượng Sinh học trong tự nhiên và đời sống, làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần có liên quan trong chương trình đào tạo của các ngành: Y học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm Sinh, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Thú y, Chăn nuôi - Thú y...			
6	Di truyền y học	Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: quy luật di truyền các tính trạng, bệnh tật ở người; cơ chế phát sinh bệnh tật ở mức tế bào, phân tử; các nguyên tắc trong phòng và chẩn đoán các bệnh tật di truyền. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các quy luật di truyền ở người (di truyền đơn gen, đa gen, đa nhân tố, di truyền quần thể); các kiểu đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen và ảnh hưởng của chúng trong biểu hiện các tính trạng, bệnh tật ở người; các bước thực hiện chẩn đoán, tư vấn bệnh tật di truyền.	3	HKI	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
7	Thể dục cơ bản và Điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
8	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK2	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%

9	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
10	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tinh đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
11	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.	1	HK2	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%

12	Thể dục Nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
13	Taekwondo	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
14	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.	1	HK3	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
15	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			
16	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
17	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
18	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK3	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
19	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong	2	HK1	Điểm tích lũy =20%, điểm thi cuối kì =80%

		học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành.			
20	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
21	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.	2	HK2	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
22	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.	3	HK3	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%

		Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.			
23	Lý sinh	Các chủ đề của lý sinh là các nguyên tắc vật lý làm nền tảng cho tất cả các quá trình của hệ thống sống. Điều này cũng bao gồm các tác nhân lý sinh môi trường, đại diện cho ảnh hưởng của môi trường vật lý đến các chức năng sinh lý. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức gồm các nguyên lý cơ bản về năng lượng và động lực học của hệ thống sinh học; cơ chế vật lý cơ bản của quá trình trao đổi chất các cấp độ vi mô (tế bào) và vĩ mô (tuần hoàn, hô hấp); thuộc tính điện học của hệ thống sống; và tác động của môi trường vật lý (dòng điện, sóng âm, ánh sáng, và bức xạ ion hóa) lên hệ thống sống. Thông qua nghiên cứu học phần lý sinh, sinh viên có cái nhìn cơ bản về cách thức hệ thống sống vận hành được giải thích trên cơ sở vật lý học, từ đó có thể tiếp cận tốt hệ thống các học phần chuyên sâu về sinh lý thực vật, sinh lý động vật, sinh học phân tử, hóa sinh, nguyên lý các thiết bị công nghệ sinh học, vật liệu sinh học đối với sinh viên khối ngành sinh học và các học phần hóa sinh, dược lý, sinh lý học đối với sinh viên y đa khoa.	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
24	Đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.	3	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
25	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.			
26	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
27	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	HK2	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
28	Giải phẫu 1	Giải phẫu học là môn học nghiên cứu các hình thể và cấu trúc của cơ thể. Mối liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường. Đây là môn học cơ sở rất cần thiết cho các môn học khác cũng như các môn y học lâm sàng. Về phương pháp tiếp cận học phần giải phẫu lồng ghép nhiều phương pháp như giải phẫu chức năng, giải phẫu phát triển, giải phẫu so sánh, giải phẫu định khu, giải phẫu hệ thống. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu các vùng chính của cơ thể. Các kiến thức về vị trí, sự sắp xếp và liên quan của các thành phần xương, cơ, mạch thần kinh của chi, đầu mặt. Cấu tạo, hoạt động và mối tương quan của hệ thần kinh với các phần của cơ thể.	3	HK1	Điểm tích lũy 10%, điểm thi cuối kì 90%

		Đồng thời học phần cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng chi, đầu mặt, thần kinh để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.			
29	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân trong việc thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trình bày một cách có hệ thống một số vấn đề mang tính quy luật trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại như: vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề tôn giáo, vấn đề dân tộc, vấn đề gia đình,...	2	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
30	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.	3		Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
31	Giải phẫu 2	Giải phẫu học là môn học nghiên cứu các hình thể và cấu trúc của cơ thể. Mỗi liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường. Đây là môn học cơ sở rất cần thiết cho các môn học khác cũng như các môn y học lâm sàng. Về phương pháp tiếp cận học phần giải phẫu lồng ghép nhiều phương pháp như giải phẫu chức năng, giải phẫu phát triển, giải phẫu so sánh, giải phẫu định khu, giải phẫu hệ thống. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức tổng hợp theo định khu các vùng chính của cơ thể. Các kiến thức về vị trí, sự sắp xếp, cấu tạo và liên quan của các tạng trong ngực, bụng và chậu. Cấu tạo và đặc điểm của các thành phần tạo nên lồng ngực, ổ bụng và đáy chậu.	4	HK2	Điểm tích lũy 10%, điểm thi cuối kì 90%

		Đồng thời học phần cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng ngực, bụng, chậu để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức các môn chuyên ngành.			
32	Mô phôi	Học phần này gồm các bài học giúp trang bị cho sinh viên kiến thức có thể mô tả và nhận biết được cấu trúc trúc vi thể, siêu vi thể, phân tử của các mô trong cơ thể bình thường và cấu trúc vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người. Môn học cung cấp các thông tin về quá trình hình thành và phát triển của phôi, thai. Từ đó sinh viên có thể liên hệ được giữa cấu trúc mô học với các chức năng mà nó đảm nhận. Nhận ra những thay đổi bệnh học trong các mô và các cơ quan. <u>Những bất thường trong quá trình tạo phôi của các cơ quan.</u>	3	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
33	Thực tập Mô phôi	Học phần này gồm các bài học giúp trang bị cho sinh viên kiến thức có thể mô tả và nhận biết được cấu trúc trúc vi thể của các mô trong cơ thể bình thường và cấu trúc vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người dưới kính hiển vi quang học.	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
34	Sinh lý học 1	Môn Sinh lý học 1 là môn học nghiên cứu chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của y học. Những kiến thức về sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Sinh lý học là một ngành khoa học chức năng vì vậy nó liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học hình thái như giải phẫu học, mô học, và các ngành khoa học tự nhiên như sinh học và lý sinh học...Cấu trúc và chức năng có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó chức năng quyết định cấu trúc, vì vậy để học tốt môn sinh lý học trước hết cần phải có kiến thức về giải phẫu và mô học, cần có sự so sánh liên hệ về chức năng giữa các cơ quan và hệ thống cơ quan, phải đặt chúng trong mối liên quan với nhau và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và phải biết áp dụng các kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng, các triệu chứng trong trường hợp bệnh lý.	2	HK3	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%
35	Thực tập Sinh lý học 1	Môn Sinh lý học 1 là môn học nghiên cứu chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học 1- phần thực hành là môn học thuộc khối y học cơ sở, các bài thực hành minh họa những hiện tượng được mô tả khi dạy lý thuyết, vì vậy các bài thực hành nhằm mục đích rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng và	1	HK3	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%

		khéo léo trong phòng thí nghiệm, nhất là những thí nghiệm trên người và trên động vật thực nghiệm, giúp sinh viên tiếp cận với một số xét nghiệm hoặc thăm dò chức năng đang được sử dụng thường xuyên ở các phòng khám, trung tâm y tế, bệnh viện..., vì vậy sinh viên cần phải nắm được kiến thức lý thuyết trước khi học thực hành để hiểu và giải thích được các hiện tượng trên thí nghiệm.			
36	Tâm lý y học - Y đức	Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tâm lý y học, tâm lý lứa tuổi và tâm lý của bệnh nhân, các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, mối quan hệ của thầy thuốc với bệnh nhân, gia đình, cộng đồng và đồng nghiệp. Các khái niệm đạo đức chung và đạo đức nghề y, nguyên lý cơ bản của đạo đức y học và khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu. Đề cập đến tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng bệnh nhân. Phần này cũng đề cập đến cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân. Những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
37	Miễn dịch đại cương	Miễn dịch học là môn học nghiên cứu về sự bảo vệ của cơ thể chống lại các đại phân tử ngoại lai hoặc vi sinh vật xâm nhập và những đáp ứng của cơ thể với chúng. Các tác nhân xâm nhập bao gồm virus, vi khuẩn, đơn bào hoặc các ký sinh trùng lớn hơn. Ngoài ra, cơ thể có thể sinh ra các đáp ứng miễn dịch chống lại những protein của bản thân (và các phân tử khác) trong tự miễn và các tế bào bất thường của bản thân trong miễn dịch ung thư. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hòa đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và nguyên lý bảo quản và sử dụng các loại vắc xin phòng bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khỏe con người.	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
38	Phơi nhiễm nghề nghiệp	Môi trường bệnh viện được coi là một trong những môi trường làm việc nguy hiểm hàng đầu, bên cạnh áp lực công việc thì nhân viên y tế phải đối mặt với rất nhiều những nguy cơ phơi nhiễm của các tác nhân gây bệnh nguy hiểm. Một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm mà nhân viên y tế có thể gặp lúc hành nghề như viêm gan siêu vi B, viêm gan siêu vi C, vi rút HIV, vi khuẩn Lao... Học phần này sẽ	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		cung cấp cho sinh viên y khoa một số kiến thức, thái độ và kỹ năng về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện, các biện pháp phòng ngừa và xử trí khi xảy ra các tình huống phơi nhiễm nghề nghiệp. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tốt được xem là một tiêu chuẩn quan trọng nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện đồng thời phản ánh trách nhiệm bảo vệ bản thân của người thầy thuốc trong quá trình hành nghề.			
39	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK5	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
40	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
41	Hoá sinh	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hoá các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác và biện luận được các	2	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm

		chỉ số hoá sinh máu và nước tiểu của người bình thường và một số bệnh lý thường gặp. Xét nghiệm sinh hóa máu là loại xét nghiệm nhằm đo nồng độ hay hoạt độ của một số chất trong máu, qua đó giúp đánh giá chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hoá sinh. Theo đó, sinh viên có khả năng thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản trong lĩnh vực Hoá sinh, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý trong cơ thể. Sinh viên có thể đánh giá được chất lượng bệnh phẩm, kiểm tra chất lượng xét nghiệm làm ra, từ đó đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cho các xét nghiệm hoá sinh. Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về các chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu . Biết được thành phần hoá học của máu, ý nghĩa về sự thay đổi một số chất trong máu.			thi cuối kì 70%
42	Thực tập hóa sinh	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hoá các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác và biện luận được các chỉ số hoá sinh máu và nước tiểu của người bình thường và một số bệnh lý thường gặp. Xét nghiệm sinh hóa máu là loại xét nghiệm nhằm đo nồng độ hay hoạt độ của một số chất trong máu, qua đó giúp đánh giá chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hoá sinh. Theo đó, sinh viên có khả năng thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản trong lĩnh vực Hoá sinh, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý trong cơ thể. Sinh viên có thể đánh giá được chất lượng bệnh phẩm, kiểm tra chất lượng xét nghiệm làm ra, từ đó đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cho các xét nghiệm hoá sinh. Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về các chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu . Biết được thành phần hoá học của máu, ý nghĩa về sự thay đổi một số chất trong máu.	1	HK3	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
43	Sinh lý học 2	Môn Sinh lý học 2 nghiên cứu vai trò điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và mối tương quan giữa cơ thể với môi trường, nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển và thích ứng của cơ thể với sự biến đổi của môi trường sống. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của y học. Những kiến thức về sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Sinh lý học là một ngành khoa học chức năng vì vậy nó liên quan chặt chẽ với các	2	HK4	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%

		ngành khoa học hình thái như giải phẫu học, mô học và các ngành khoa học tự nhiên như sinh học và lý sinh học...Cấu trúc và chức năng có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó chức năng quyết định cấu trúc, vì vậy để học tốt môn sinh lý học trước hết cần phải có kiến thức về giải phẫu và mô học, cần có sự so sánh liên hệ về chức năng giữa các cơ quan và hệ thống cơ quan, phải đặt chúng trong mối liên quan với nhau và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và phải biết áp dụng các kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng, các triệu chứng trong trường hợp bệnh lý.			
44	Thực tập Sinh lý học 2	Môn Sinh lý học 2 nghiên cứu vai trò điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và mối tương quan giữa cơ thể với môi trường. Sinh lý học 2 - phần thực hành là môn học thuộc khối y học cơ sở, các bài thực hành minh họa những hiện tượng được mô tả khi dạy lý thuyết, vì vậy các bài thực hành nhằm mục đích rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng và khéo léo trong phòng thí nghiệm, nhất là những thí nghiệm trên người và trên động vật thực nghiệm, giúp sinh viên tiếp cận với một số xét nghiệm hoặc thăm dò chức năng đang được sử dụng thường xuyên ở các phòng khám, trung tâm y tế, bệnh viện..., vì vậy sinh viên cần phải nắm được kiến thức lý thuyết trước khi học thực hành để hiểu và giải thích được các hiện tượng trên thí nghiệm.	1	HK4	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%
45	Vi sinh	Vi sinh là một trong những học phần cơ sở, nghiên cứu về vi khuẩn, vi rút những lợi hại do chúng mang đến cho tự nhiên và sức khỏe con người và cách để kiểm soát chúng. Và với tình trạng các vi sinh vật đang ngày càng đề kháng lại các phương pháp điều trị như hiện nay thì việc nắm được cơ chế đề kháng cũng như mức độ đề kháng của vi sinh vật sẽ giúp cho việc điều trị và dự phòng hiệu quả hơn. Học phần Vi sinh cung cấp cho sinh viên y khoa năm thứ 2 những kiến thức, thông tin cơ bản về lĩnh vực vi sinh y học: hình thể, cấu tạo của vi khuẩn, vi rút, tính chất cụ thể của 1 số vi khuẩn và vi rút gây bệnh, phương pháp định danh và kháng sinh đồ. Học phần này có liên quan đến những học phần chẩn đoán và điều trị khác như: nội, ngoại, sản nhi, truyền nhiễm...	2	HK4	Điểm tích lũy 10%, điểm thi cuối kì 90%
46	Thực tập Vi sinh	Vi sinh là một trong những học phần cơ sở, nghiên cứu về vi khuẩn, vi rút những lợi hại do chúng mang đến cho tự nhiên và sức khỏe con người và cách để kiểm soát chúng. Và với tình trạng các vi sinh vật đang ngày càng đề kháng lại các phương pháp điều trị như hiện nay thì việc nắm được cơ chế đề kháng cũng như mức độ đề kháng của vi sinh vật sẽ giúp cho việc điều trị và dự phòng hiệu quả hơn	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		Học phần Vi sinh cung cấp cho sinh viên y khoa năm thứ 2 những kiến thức, thông tin cơ bản về lĩnh vực vi sinh y học: hình thể, cấu tạo của vi khuẩn, vi rút, tính chất cụ thể của 1 số vi khuẩn và vi rút gây bệnh, phương pháp định danh và kháng sinh đồ. Học phần này có liên quan đến những học phần chẩn đoán và điều trị khác như: nội, ngoại, sản nhi, truyền nhiễm...			
47	Điều dưỡng cơ bản	Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau); Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc và sơ cấp cứu ban đầu cho người bệnh, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà sinh viên y khoa phải thực hiện được bao gồm các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các chỉ định, chống chỉ định, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cấp cứu thông thường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu, Sinh lý,..	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
48	Thực tập Điều dưỡng cơ bản	Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau); Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc và sơ cấp cứu ban đầu cho người bệnh, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà sinh viên y khoa phải thực hiện được bao gồm các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các chỉ định, chống chỉ định, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cấp cứu thông thường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu, Sinh lý,..	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
49	Ký sinh trùng	Học phần Ký sinh trùng cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (Được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Bác sỹ đa khoa có kiến thức cơ bản về một số bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Về kỹ năng: có khả năng đáp ứng chữa bệnh và tham gia công tác phòng chống bệnh ở cộng đồng nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân. Về thái độ: Đây là bệnh phổ biến ở cộng đồng, bệnh của những nước	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		đang phát triển,...Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Dược lý học, Dịch tễ học, Vi sinh, Sinh lý bệnh			
50	Thực hành Ký sinh trùng	Học phần Ký sinh trùng cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Bác sỹ đa khoa có kiến thức cơ bản về một số bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Về kỹ năng: Nhận biết được một số ký sinh trùng thường gặp, có khả năng làm được một số xét nghiệm cơ bản. Về thái độ: Đây là bệnh phổ biến ở cộng đồng, bệnh của những nước đang phát triển,...Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Dược lý học, Dịch tễ học, Vi sinh,...	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
51	Kỹ năng 1(Giao tiếp)	Kỹ năng 1(Kỹ năng giao tiếp) là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa vì nó là nền tảng cho toàn bộ các kỹ năng y khoa khác, quyết định sự thành bại trong quá trình học tập và công tác mai sau của sinh viên. Học phần Kỹ năng 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành kỹ năng y khoa và trước khi thực hành trên người bệnh sinh viên cần được huấn luyện Kỹ năng giao tiếp Theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp trong khai thác bệnh sử, giao tiếp trong các tình huống lâm sàng, giao tiếp khi người bệnh diễn tiến xấu. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Nội TH, Ngoại TH, Sản TH, Nhi TH ...	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
52	Kỹ năng 2(thủ thuật)	Kỹ năng 2(Kỹ năng thủ thuật) là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa vì nó là kỹ năng y khoa cơ bản, là nền tảng trong quá trình học tập và công tác mai sau của sinh viên. Học phần Kỹ năng 2 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành kỹ năng y khoa và trước khi thực hành trên người bệnh sinh viên cần được huấn luyện Kỹ năng này Theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm các kỹ năng thủ thuật cơ bản: kỹ năng thủ thuật cơ bản, trong các tình huống lâm sàng trong chăm sóc chẩn đoán và điều trị người bệnh. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Nội TH, Ngoại TH, Sản TH, Nhi TH ...	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

53	Kỹ năng 3 (Kỹ năng thăm khám)	Trong đào tạo kỹ năng y khoa, chúng ta rất quan tâm đến đào tạo kỹ năng tiền lâm sàng, tức là đào tạo các kỹ năng cho sinh viên trước khi đi bệnh viện. Huấn luyện kỹ năng Y khoa tiền lâm sàng được coi là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Thực hành kỹ năng thăm khám tiền lâm sàng giúp cho sinh viên, biết cách thăm khám người bệnh, thành thạo các kỹ năng: nhìn, sờ, gõ, nghe khi thăm khám bệnh nhân. Nhờ đó, họ sẽ tự tin hơn, thực hành tốt hơn khi tiếp xúc với bệnh nhân thật, trên những tình huống thật. Hiện tại, hầu hết các Học phần kỹ năng thăm khám (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức kỹ năng các động tác thăm khám cơ bản và một số các thủ thuật trong y khoa. Ngoài ra, học phần này còn giúp cho sinh viên xác định được thái độ đúng, tích cực trong suốt quá trình chăm sóc y khoa cho bệnh nhân trong mối quan hệ thầy thuốc-bệnh nhân Sinh viên nắm được các bước tiến hành đồng thời vận dụng các kiến thức đã học (giải phẫu, sinh lý) để thực hành thăm khám cơ bản một số hệ thống cơ quan với các phương pháp và kỹ thuật chuẩn và nhận ra các biểu hiện giải phẫu và sinh lý của một người bình thường trên mô hình và bệnh nhân giả.	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
54	Kỹ năng 4 (Kỹ năng xét nghiệm)	Trong học phần này sinh viên sẽ được trang bị thêm kiến thức về thực hành, cách biện luận, phân tích kết quả xét nghiệm trong chẩn đoán các bệnh liên quan đến gan mật, thận, tim mạch và một số bệnh nội tiết. Trang bị cho học sinh các kiến thức về xét nghiệm hóa sinh – miễn dịch trong bối cảnh thực tế của bệnh viện từ khâu tổ chức, phân luồng làm việc, lấy, nhận, chuyển bệnh nhân. Giao tiếp và ứng xử thích hợp với bệnh nhân, đồng nghiệp, với lãnh đạo bệnh viện và các khoa phòng ban. Rèn luyện kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản chuyên ngành Hóa sinh, miễn dịch, biết giữ an toàn, chống lây nhiễm cho cá nhân và cộng đồng. Tạo điều kiện cho học sinh tích lũy kinh nghiệm, áp dụng các kiến thức chuyên ngành và y đức đã học vào thực tiễn.	1	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
55	Sinh lý bệnh	Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, từ đó nắm được những rối loạn chức năng của từng cơ quan, bộ máy của cơ thể bị bệnh, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân của bệnh, cơ chế bệnh sinh của những triệu chứng, hội chứng và biến chứng, để giúp cho công tác phòng bệnh và điều trị có kết quả.	2	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		Từ việc nghiên cứu qui luật hoạt động của từng bệnh, từng cơ quan bộ máy bị bệnh, đến việc nghiên cứu quy luật hoạt động của cơ thể nói chung trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, môn Sinh lý bệnh học khái quát hoá các quá trình bệnh lý, rút ra những đặc điểm chủ yếu, những điểm chung nhất của bệnh để tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, giúp cho việc phòng bệnh và điều trị ngày càng tốt hơn			
56	Thực tập Sinh lý bệnh	Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, từ đó nắm được những rối loạn chức năng của từng cơ quan, bộ máy của cơ thể bị bệnh, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân của bệnh, cơ chế bệnh sinh của những triệu chứng, hội chứng và biến chứng, để giúp cho công tác phòng bệnh và điều trị có kết quả. Từ việc nghiên cứu qui luật hoạt động của từng bệnh, từng cơ quan bộ máy bị bệnh, đến việc nghiên cứu quy luật hoạt động của cơ thể nói chung trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, môn Sinh lý bệnh học khái quát hoá các quá trình bệnh lý, rút ra những đặc điểm chủ yếu, những điểm chung nhất của bệnh để tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, giúp cho việc phòng bệnh và điều trị ngày càng tốt hơn	1	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
57	Giải phẫu bệnh	Học phần: TẾ BÀO - MÔ BỆNH HỌC được trình bày dưới dạng mô tả tổn thương của bệnh về tổn thương đại thể và tổn thương vi thể của cơ quan bị bệnh, có hình ảnh tổn thương và chú thích để chứng minh bệnh lý, bao gồm hai phần: Phần Mô bệnh học Các nội dung chính như sau: - Mục tiêu tổng quát của chương trình lý thuyết; - Mục tiêu cụ thể của từng bài học, gồm có hai phần: - Phần I: Bệnh học đại cương; - Phần II: Bệnh học cơ quan. Phần kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học Các nội dung chính như sau: - Quy trình kỹ thuật; - Phương tiện, dụng cụ và hóa chất; - Chuẩn bị bệnh nhân; - Phương pháp lấy mẫu tế bào bệnh; - Kỹ thuật nhuộm;	2	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		- Nhận định kết quả dưới kính hiển vi quang học để chẩn đoán tế bào bệnh.			
58	Thực tập Giải phẫu bệnh	Học phần thực hành Giải phẫu bệnh được trình bày dưới dạng hình ảnh màu về tổn thương vi thể để minh họa bệnh lý và cơ quan bị bệnh, có chú thích cụ thể các tổn thương để chứng minh bệnh lý, bao gồm hai phần: 2.1. Phần mô bệnh học. Các nội dung chính như sau: Mục tiêu tổng quát của chương trình thực hành; Mục tiêu cụ thể của từng bài học; Nội dung giảng lý thuyết thực hành gồm: Ôn lại cấu trúc mô học bằng hình ảnh để chẩn đoán cơ quan bị bệnh. Trình bày, phân tích và mô tả các mục tiêu tổn thương vi thể của mỗi bệnh; Hướng dẫn cách mô tả các tổn thương vi thể của bệnh lý. 2.2. Phần kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học. Các nội dung chính như sau: Quy trình kỹ thuật; Phương tiện, dụng cụ và hóa chất; Chuẩn bị bệnh nhân; Phương pháp lấy mẫu tế bào bệnh; Kỹ thuật nhuộm; Nhận định kết quả dưới kính hiển vi quang học để chẩn đoán tế bào bệnh.	1	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
59	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh là chuyên ngành y khoa vô cùng quan trọng, sử dụng các kỹ thuật hình ảnh như chụp X-quang, siêu âm, chụp CT cắt lớp vi tính, MRI cộng hưởng từ... thông qua việc đó bác sĩ sẽ thấy được hình thái, chức năng các cấu trúc bên trong cơ thể người. Từ những hình ảnh được ghi nhận lại sẽ là cơ sở quan trọng giúp bác sĩ tìm bệnh và điều trị hiệu quả hơn. Học phần Chẩn đoán hình ảnh cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số kiến thức về các kỹ thuật X - quang , siêu âm ,CT..qua đó sinh viên có thể biết được hình ảnh bình thường và bất thường. Đồng thời sinh viên mô tả chi tiết được các hình ảnh bất thường để hỗ trợ cho bác sỹ lâm sàng chẩn đoán bệnh. Mặt khác sinh viên có thể chẩn đoán được một số bệnh có hình ảnh điển hình, thường gặp như viêm phổi, lao phổi, u phổi, tràn dịch ,tràn khí màng phổi, gãy xương, viêm xương, u xương điển hình,sỏi đường tiết niệu, sỏi mật, u gan, tụ máu	3	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
60	Nội cơ sở	Học phần Nội cơ sở LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Nội khoa, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, cơ xương khớp và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý Nội khoa sau	3	HK5	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý, Thần kinh, Dị ứng...			
61	Thực hành Nội cơ sở	Học phần Nội cơ sở TH là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám toàn thân và từng bộ phận trong cơ thể (Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, cơ xương khớp); về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Nội khoa) và về kỹ năng làm bệnh án nội cơ sở trên mỗi bệnh nhân hoặc một tình huống cụ thể trong Nội khoa. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Kỳ vọng học phần này nhằm đặt nền tảng quan trọng cho các phần học phần Nội bệnh lý và các học phần liên quan tiếp theo trong chương trình đào tạo. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý TH, Thần kinh, Dị ứng...	3	HK5	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
62	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 5 môn học thuộc các môn lý luận chính trị và được học sau môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về quá trình ra đời, lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng và thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	HK5	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%

63	Dược lý	Dược lý học là một học phần cơ sở rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì đây là môn học góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các môn chuyên ngành đặc biệt phân điều trị. Học phần Dược lý trang bị cho sinh viên y khoa những kiến thức cơ bản về các nhóm thuốc thường sử dụng bao gồm: dược động học, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, tương tác thuốc và liều dùng với mục tiêu sử dụng thuốc một cách an toàn, hiệu quả và hợp lý cho bệnh nhân. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số học phần khác như: lý sinh, giải phẫu, giải phẫu bệnh, hóa sinh, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch, vi sinh, kí sinh trùng...	3	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
64	Thực hành dược lý	Thực hành dược lý là một học phần cơ sở rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì đây là môn học góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các môn chuyên ngành đặc biệt phân điều trị. Học phần Thực hành Dược lý trang bị cho sinh viên y khoa những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu đánh giá tác dụng, hiệu quả của thuốc và thực hành sử dụng thuốc bao gồm: các dạng bào chế thuốc và cách sử dụng, vận dụng các kiến thức về thuốc kê đơn thuốc cho bệnh nhân một cách an toàn, hiệu quả, hợp lý. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số học phần khác như: lý sinh, giải phẫu, giải phẫu bệnh, hóa sinh, sinh lý, dược lý học, sinh lý bệnh – miễn dịch, vi sinh, kí sinh trùng...	1	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
65	Phẫu thuật thực hành	Phẫu thuật thực hành là học phần quan trọng trong công tác đào tạo Bác sĩ đa khoa. Bởi vì một bác sĩ đa khoa phải xử trí được các vết thương cũng như mổ được để điều trị các bệnh đơn giản thực hiện được từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến tỉnh. Như từ khâu vết thương đến cắt ruột thừa, khâu lỗ thủng dạ dày..vv. Học phần Phẫu thuật thực hành cung cấp trang bị cho Sinh viên Y khoa về kiến thức hiểu biết và thực hành theo chuẩn đầu ra của học phần này, là thực hiện được các phẫu thuật trên hệ tiêu hóa, hệ xương khớp, tiết niệu. Học phần này có liên quan mật thiết với một số môn học khác như giải phẫu, ngoại cơ sở, triệu chứng ngoại khoa.	1	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
66	Thực hành Phẫu thuật thực hành	Phẫu thuật thực hành là học phần quan trọng trong công tác đào tạo Bác sĩ đa khoa. Bởi vì một bác sĩ đa khoa phải xử trí được các vết thương cũng như mổ được để điều trị các bệnh đơn giản thực hiện được từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến tỉnh. Như từ khâu vết thương đến cắt ruột thừa, khâu lỗ thủng dạ dày..vv.	1	HK6	Điểm thi cuối kì =100%

		Học phần Phẫu thuật thực hành cung cấp trang bị cho Sinh viên Y khoa về kiến thức hiểu biết và thực hành theo chuẩn đầu ra của học phần này, là thực hiện được các phẫu thuật trên hệ tiêu hóa, hệ xương khớp, tiết niệu. Học phần này có liên quan mật thiết với một số môn học khác như giải phẫu, ngoại cơ sở, triệu chứng ngoại khoa.			
67	Giáo dục và Nâng cao sức khỏe	Giáo dục sức khỏe là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Bởi vì, hiện nay Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của tất cả các cán bộ y tế và các cơ sở y tế. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sĩ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng. Nội dung học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Kiến thức tổng quát về giáo dục và nâng cao sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, các bước thay đổi hành vi; Lựa chọn được các phương pháp, phương tiện truyền thông phù hợp với nội dung giáo dục sức khỏe; Lập được một kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.	1	HK6	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
68	Tiếng Anh chuyên ngành Y	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Y là một trong những học phần thuộc về nhóm kiến thức ngoại ngữ. Tiếng Anh chuyên ngành Y gồm các bài hội thoại tại phòng khám, bệnh án, các bài đọc nhằm cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành y, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết liên quan đến chuyên ngành y. Ngoài ra, Tiếng Anh chuyên ngành còn giúp người học có vốn từ ngữ, thuật ngữ Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành y, phục vụ cho việc đọc và nghiên cứu tài liệu chuyên sâu bằng Tiếng Anh.	3	HK6	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
69	Ngoại cơ sở	Học phần Ngoại cơ sở LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Ngoại khoa, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, chi trên, chi dưới và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý	3	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		Ngoại khoa sau này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý, Thần kinh, Dị ứng...			
70	Thực hành Ngoại cơ sở	Học phần Ngoại cơ sở TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Ngoại cơ sở trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh.	3	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
71	Ung thư đại cương	Học phần Ung thư đại cương LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về phương pháp thăm khám lâm sàng, thăm khám cận lâm sàng, chẩn đoán xác định và chẩn đoán nguyên nhân các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Ung thư, bao gồm các hệ thống tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, huyết học, thần kinh, chi trên, chi dưới và toàn thân, từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chẩn đoán triệu chứng; hội chứng trên lâm sàng và bệnh lý Ung thư sau này, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở TH, Ngoại bệnh lý 1 TH, Ngoại bệnh lý 2 TH, Thần kinh, Dị ứng...	1	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

72	Thực hành Ung thư đại cương	Học phần Ung thư đại cương TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án ung thư đại cương trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh ung thư tuyến giáp, ung thư đường hô hấp, ung thư đường tiêu hóa và ung thư đường tiết niệu thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội tổng hợp LT, Ngoại cơ sở LT.	1	HK6	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
73	Thực tập cộng đồng	Thực tập cộng đồng là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ đa khoa, là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học Bác sỹ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng. Nội dung học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên năm thứ ba thực hành các kiến thức và kỹ năng đã tích lũy được trong suốt quá trình từ năm thứ nhất đến năm thứ ba. Học phần này được thực hiện theo mục tiêu và chuẩn đầu ra với mục đích nhằm tạo ra cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng trong điều kiện thực tế của y tế tuyến huyện và xã. Ngoài việc thực hành các kỹ năng cần thiết đây là cơ hội tốt cho sinh viên học hỏi, quan sát các vấn đề sức khỏe đang xảy ra trong thực tế cộng đồng và các yếu tố môi trường tự nhiên, môi trường xã hội ảnh hưởng đến việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế của cộng đồng.	2	HK6	Điểm tích lũy 0%, điểm thi cuối kì 100%
74	Xác suất và thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất,	2	HK4	Điểm tích lũy 30%, điểm

		các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...			thi cuối kì 70%
75	Phương pháp Nghiên cứu khoa học sức khỏe	Nghiên cứu khoa học sức khỏe dùng để chỉ những nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu về sức khỏe con người. Nghiên cứu sức khỏe cũng nhằm mục đích tìm ra những cách tốt hơn để ngăn ngừa và điều trị bệnh. Nghiên cứu sức khỏe là một cách quan trọng để giúp cải thiện sự chăm sóc và điều trị của mọi người trên toàn thế giới. Có nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau để có được kiến thức mới: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính ... Trong chương trình đào tạo bác sĩ y đa khoa, học phần này chỉ đề cập đến phương pháp nghiên cứu ứng dụng và định lượng với các bước chính: thu thập số liệu trên thực địa (hoặc bệnh viện), phân tích số liệu để có thông tin (trình bày trong phần kết quả) và lý giải các thông tin (trong phần bàn luận và kiến nghị) đó để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu hay đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề.	2	HK7	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
76	Dinh dưỡng học và vệ sinh an toàn thực phẩm	Dinh dưỡng học và vệ sinh an toàn thực phẩm là lĩnh vực có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Ở lĩnh vực dinh dưỡng cơ sở, học phần dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng với sức khỏe - bệnh tật; vai trò, nhu cầu, nguồn gốc của các chất dinh dưỡng cơ bản như: Protein, glucid, lipid, vitamin và khoáng chất. Hướng dẫn cho sinh viên tính toán được nhu cầu năng lượng và nhu cầu các chất dinh dưỡng phù hợp cho từng đối tượng khác nhau về giới, tuổi, nghề nghiệp. Đối với dinh dưỡng lâm sàng, học phần này giúp sinh viên xây dựng được khẩu phần ăn cho một số bệnh mà chế độ ăn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng, điều trị và ngăn ngừa các biến chứng. Bên cạnh đó, học phần sẽ hướng dẫn sinh viên kiến thức về dự phòng một số bệnh lý liên quan tới dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng.	1	HK7	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
77	Nội bệnh lý 1	Học phần Nội bệnh lý 1 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần chủ yếu cung cấp và trang	2	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm

		bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, từ đó làm cơ sở cho sinh viên có những kỹ năng và thái độ thích hợp, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Bệnh bệnh lý 1 TH, Nội cuối khóa TH.			thi cuối kì 80%
78	Thực hành Nội bệnh lý 1	Học phần Nội bệnh lý 1 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 1 LT, Nội tổng hợp TH.	2	HK7	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
79	Ngoại bệnh lý 1	Học phần Ngoại bệnh lý 1 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường.	2	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại cuối khóa TH.			
80	Thực hành Ngoại bệnh lý 1	Học phần Ngoại bệnh lý 1 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, nguyên tắc điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại bệnh lý 1 trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh.	2	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
81	Phụ sản 1	Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác. Ở học phần này sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về sản khoa và kế hoạch hóa gia đình giúp chẩn đoán tiên lượng và xử trí những vấn đề sản khoa thông thường và kế hoạch hóa gia đình.	2	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
82	Thực hành Phụ sản 1	Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng	3	HK7	Điểm tích lũy 20%, điểm

		nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác. Học phần Phụ sản 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số trường hợp thai nghén bình thường; kỹ năng tư vấn quản lý thai nghén và kế hoạch hóa gia đình.			thi cuối kì 80%
83	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu hai phần chính là sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. Trong Sức khỏe môi trường tập trung nghiên cứu các nội dung sau: Tổng quan về sức khỏe môi trường; Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng; Cung cấp nước sạch cho cộng đồng; Ô nhiễm nước và sức khỏe cộng đồng; Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng; Vệ sinh bệnh viện; Vệ sinh trường học; Vệ sinh nhà ở và sức khỏe cộng đồng; Phần sức khỏe nghề nghiệp, bao gồm: Đại cương về sức khỏe nghề nghiệp, ergonomics; Vi khí hậu nóng trong lao động; Bụi trong sản xuất và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; Tiếng ồn trong sản xuất và tác hại lên sức khỏe người lao động; Mệt mỏi trong lao động.	3	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
84	Nội bệnh lý 2	Học phần Nội bệnh lý 2 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, huyết học và cơ xương khớp thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý 2 TH, Nội tổng hợp TH.	2	HK8	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
85	Thực hành Nội bệnh lý 2	với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh,	2	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		tiền lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa, tiết niệu, huyết học và cơ xương khớp thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phân kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 2 LT, Nội tổng hợp TH.			
86	Nhi 1	Nhi cơ sở lý thuyết là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ, hầu hết các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...đều có đặc tính riêng, tốc độ tăng trưởng và biểu hiện bệnh lý hoàn toàn khác so với người lớn. Do vậy, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý trẻ em cũng có nhiều điểm khác biệt. Học phần nhi cơ sở lý thuyết cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước khai thác triệu chứng, tổng hợp hội chứng, tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp phòng ngừa một số hội chứng và bệnh lý thường gặp ở trẻ em.	2	HK8	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
87	Thực hành Nhi 1	Nhi 1 thực hành là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ, hầu hết các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,...đều có đặc tính riêng, tốc độ tăng trưởng và biểu hiện bệnh lý hoàn toàn khác so với người lớn. Do vậy, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý trẻ em cũng có nhiều điểm khác biệt. Học phần nhi 1 thực hành cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước khai thác triệu chứng, làm bệnh án, tổng hợp hội chứng, tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp phòng ngừa, tư vấn một số hội chứng và bệnh lý thường gặp ở trẻ em.9	3	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

88	Dân số học	Dân số học luôn là vấn đề không chỉ có các nhà khoa học, các chuyên gia mà ngay cả các chính phủ, các tổ chức xã hội đều rất quan tâm. Quy mô, cơ cấu, chất lượng và tốc độ tăng dân số có ảnh hưởng rất lớn đến các vấn đề xã hội như y tế, giáo dục ... và quá trình phát triển kinh tế. Ngược lại, phát triển kinh tế xã hội có tác động trực tiếp đến mức sinh, mức chết, phân bố dân số và chất lượng dân cư của một vùng, một quốc gia cụ thể. Môn học gồm 2 nội dung chính về kiến thức là dân số học cơ bản và mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề của phát triển. Qua đó, Chính phủ của các nước có các chính sách phù hợp trong việc thay đổi xu hướng dân số hiện hành vì sự tồn tại và phồn vinh ở mỗi quốc gia.	1	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
89	Y pháp	Học phần: Y pháp được trình bày dưới dạng bài giảng tự luận, có hình ảnh tổn thương và chú thích để chứng minh minh họa, bao gồm: - Mục tiêu tổng quát của chương trình học phần; - Mục tiêu cụ thể của từng bài học.	1	HK8	Trọng số thi kết thúc học phần: 100%.
90	Tổ chức và Quản lý y tế	Nội dung học phần gồm thông tin tổng quan, cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế. Một số khái niệm và nguyên lý cơ bản của quản lý; kiến thức tổng quan về cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế, thông qua các kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để sinh viên ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp. Các khái niệm, nguyên lý cơ bản và nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu được lồng ghép trong các nội dung môn học khác nhằm giúp cho sinh viên vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai	2	HK8	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
91	Truyền nhiễm 1	Truyền nhiễm là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Tùy từng vùng địa lý, khí hậu, tùy trình độ dân trí và điều kiện sống của mỗi vùng mà tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm và cơ cấu bệnh tật khác nhau. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh có thể phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn. Học phần Truyền nhiễm lý thuyết là một học phần áp dụng đối với sinh viên năm 5 chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 6 năm và sinh viên liên thông năm 3 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, thái độ và kỹ năng trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, theo dõi và phòng bệnh với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Học	2	HK9	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		phần này trình bày các nội dung sau: Đại cương bệnh nhiễm trùng, truyền nhiễm; Chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm ; Điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp tại cộng đồng. Các phương pháp phòng bệnh đặc hiệu và không đặc hiệu; Sinh viên tích lũy được các kiến thức cơ bản để phát hiện dịch bệnh tại cộng đồng và nguyên tắc điều trị bệnh dịch.			
92	Thực hành Truyền nhiễm 1	Truyền nhiễm là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Tùy từng vùng địa lý, khí hậu, tùy trình độ dân trí và điều kiện sống của mỗi vùng mà tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm và cơ cấu bệnh tật khác nhau. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh có thể phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn. Học phần Truyền nhiễm thực hành là một học phần áp dụng đối với sinh viên năm 5 chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 6 năm và sinh viên liên thông năm 3 nhằm trang bị cho sinh viên vận dụng những kiến thức ở học phần Truyền nhiễm 1 vào thực tế lâm sàng, trau dồi thêm những kỹ năng trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, theo dõi và phòng bệnh với một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Đồng thời giúp sinh viên nắm được các phương pháp và tư vấn phòng bệnh đặc hiệu và không đặc hiệu bảo vệ bản thân và cộng đồng. Quan trọng hơn hết sinh viên tích lũy được các kiến thức cơ bản để phát hiện dịch bệnh tại cộng đồng và nguyên tắc điều trị bệnh dịch.	2	HK9	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
93	Y học cổ truyền	Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam. - Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược	2	HK9	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
94	Thực hành Y học cổ truyền	- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam. - Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược	2	HK9	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
95	Lao	Lao là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học, đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các bệnh lao hiện nay: Lao sơ nhiễm, Lao màng phổi, Lao phổi, lao hạch, tác hại	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		của bệnh lao đối với cộng đồng; điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia. Nội dung học phần có liên quan một số học phần khác: Giải phẫu, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý... Học phần Lao cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa những thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia.			
96	Thực hành Lao	Lao là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học, đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các bệnh lao hiện nay: Lao sơ nhiễm, Lao màng phổi, Lao phổi, lao hạch, lao màng bụng, lao màng não, tác hại của bệnh lao đối với cộng đồng; điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia. Học phần Lao thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, phòng bệnh lao và chương trình phòng chống lao quốc gia... Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Chẩn đoán hình ảnh TH,...	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
97	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì Y học phục hồi là bước phát triển mới của y học để tiến tới chăm sóc sức khỏe toàn diện và nâng cao sức khỏe cho nhân dân cùng với Y học dự phòng và Y học lâm sàng. Sau khi học xong học phần này giúp sinh viên y đa khoa nắm được các khái niệm cơ bản về Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng; Phân tích được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa tàn tật; Các kỹ thuật thăm khám để phát hiện khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật; Quá trình bệnh lý và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp như Tai biến mạch máu não, Tồn thương tủy sống, Đau lưng, Gãy xương...Biết cách kết hợp các phương pháp điều trị nội, ngoại khoa cùng với Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng nhằm đem lại hiệu quả điều trị tối ưu nhất. Để hoàn thành được học phần này sinh viên cần nắm vững các học phần: Nội khoa cơ sở, Ngoại khoa cơ sở.	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

98	Thực hành Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì Y học phục hồi là bước phát triển mới của y học để tiến tới chăm sóc sức khỏe toàn diện và nâng cao sức khỏe cho nhân dân cùng với Y học dự phòng và Y học lâm sàng. Học phần Phục hồi chức năng thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức, kỹ năng thăm khám trong thực hành lâm sàng, chẩn đoán được các thương tật thứ cấp thường gặp cũng như một số bệnh lý chuyên khoa. Giúp cho sinh viên y khoa có kỹ năng chỉ định đúng các phương thức Vật lý trị liệu trong quá trình điều trị Phục hồi chức năng cũng như trong quá trình điều trị kết hợp với các bệnh lý chuyên khoa như Nội khoa, Ngoại khoa, Thần kinh... Học phần này có liên quan mật thiết với các học phần Nội khoa cơ sở TH, Ngoại khoa cơ sở TH.	1	HK9	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
99	Thần kinh	Thần kinh là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì hệ thần kinh có liên quan chặt chẽ và chi phối hầu hết các hệ cơ quan khác trong cơ thể con người như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,... Hơn thế nữa, bệnh của hệ thần kinh là rất phổ biến, gây tử vong cao và tàn tật nặng nề như đột quỵ thiếu máu não cục bộ cấp, chảy máu trong não, chảy máu khoang dưới nhện, đau đầu migraine,... Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh thần kinh cũng có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của một số hệ cơ quan khác. Học phần Thần kinh cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp điều trị một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Tâm thần,...	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
100	Thực hành Thần kinh	Thần kinh là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì hệ thần kinh có liên quan chặt chẽ và chi phối hầu hết các hệ cơ quan khác trong cơ thể con người như hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp,... Hơn thế nữa, bệnh của hệ thần kinh là rất phổ biến, gây tử vong cao và tàn tật nặng nề như đột quỵ thiếu máu não cục bộ cấp, chảy máu trong não, chảy máu khoang dưới nhện, đau đầu migraine,... Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		và điều trị bệnh thần kinh cũng có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của một số hệ cơ quan khác. Học phần Thần kinh thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Phục hồi chức năng TH, Chẩn đoán hình ảnh TH,...			
101	Tâm thần	Tâm thần LT là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Nội dung cơ bản của môn học: Nghiên cứu các triệu chứng tâm thần và một số bệnh tâm thần: Tâm thần phân liệt; trầm cảm; rối loạn tâm thần thực tổn; nghiện rượu; nghiện ma túy; các rối loạn stress; cấp cứu tâm thần; chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng; chẩn đoán bệnh và các biện pháp tư vấn điều trị; điều trị một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp. Nội dung học phần có liên quan một số học phần khác: Giải phẫu, Sinh lý học, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Dược lý học, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Thần kinh... Học phần Tâm thần LT cung cấp cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp tư vấn điều trị, điều trị một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp.	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
102	Thực hành Tâm thần	Tâm thần là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Kỹ năng thăm khám bệnh tâm thần trên lâm sàng rất quan trọng và khó khăn hơn so với một số bệnh cơ thể khác, các Bác sĩ tâm thần được ví như một nhà điều tra xã hội học vì bệnh tâm thần đa phần không có triệu chứng tổn thương thực thể mà chủ yếu dựa vào các triệu chứng cơ năng hơn nữa các triệu chứng tâm thần luôn luôn biến đổi tùy theo bệnh và giai đoạn của bệnh mà có những biểu hiện lâm sàng khác nhau. Khi xuất hiện các triệu chứng rối loạn tâm thần rõ ràng thì trong một thời gian dài trước đó đã có những biểu hiện rối loạn tâm thần bất thường nhưng bệnh nhân không biết, người nhà không để ý và bỏ qua như bệnh tâm thần phân liệt; bệnh trầm cảm; nghiện rượu; nghiện ma túy; các rối loạn stress;... Vì vậy việc phát hiện và đánh giá triệu chứng tâm thần có nhiều khó khăn vì phụ thuộc vào kinh	1	HK9	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		nghiệm của thầy thuốc, vào thời gian, hoàn cảnh và trạng thái người bệnh lúc tiếp xúc. Học phần tâm thần thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Thăm khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số rối loạn tâm thần và bệnh tâm thần thường gặp. Học phần này có liên quan với một số học phần khác như: Dược lý học, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý TH, Thần kinh TH, ...			
103	Dịch tễ học	Dịch tễ học là <u>khoa học</u> nghiên cứu về tình trạng sức khỏe quần thể và các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe đó. Xác định mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe và yếu tố liên quan từ đó xây dựng giải pháp (như phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật) để can thiệp nhằm nâng cao tình trạng sức khỏe. Dịch tễ học giúp <u>nhân viên y tế</u> xác định các <u>yếu tố nguy cơ</u> của <u>bệnh</u>, phát triển và tối ưu hóa phương thức điều trị của <u>y học lâm sàng</u>. Trong khuôn khổ của chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, không thể đề cập hết những lĩnh vực nghiên cứu dịch tễ học. Ở học phần này sinh viên được trang bị các khái niệm và nguyên lý dịch tễ học để dự phòng và chăm sóc sức khỏe. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến các vấn đề sức khỏe và bệnh tật. Từ đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Hiểu và giải thích được những chỉ số đo lường sức khỏe bệnh tật thường gặp trên y văn trong nước và thế giới, sinh viên có thể đọc và phản biện được những kết quả từ các nghiên cứu y sinh học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của bác sĩ trong tương lai ở tất cả các tuyến y tế khác nhau.	3	HK10	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
104	Dị ứng	- Trên cơ sở kiến thức các học phần học trước như Giải phẫu, sinh lý, miễn dịch học, vi sinh, vv, người học sẽ thấy tầm quan trọng của kiến thức cần thiết để chẩn đoán bệnh lý miễn dịch. - Nhắc lại một số kiến thức về giải phẫu và sinh lý, mô học, sinh lý bệnh- Miễn dịch có liên quan đến bệnh Dị ứng- Miễn dịch. - Quy trình chẩn đoán một số bệnh: HPQ, Dị ứng ngoại sinh, một số bệnh tự miễn. - Cơ sở khoa học của các phương pháp điều trị áp dụng trong điều trị một số bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch. - Các hội chứng và triệu chứng của các bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch.	1	HK10	Điểm tích lũy 10%, điểm thi cuối kì 90%

		- Các cận lâm sàng thường dùng trong chẩn đoán các bệnh lý dị ứng- Miễn dịch. - Kết học đông tây y trong chẩn đoán và điều trị một số nhóm bệnh dị ứng – MD. - Chẩn đoán, cấp cứu và sơ cấp cứu một số nhóm bệnh. Tư vấn và chuyển bệnh nhân đến đúng cơ sở chuyên môn đúng và kịp thời.			
105	Thực hành Dị ứng	- Trên cơ sở kiến thức các học phần học trước như Giải phẫu, sinh lý, miễn dịch học, vi sinh, vvv, người học sẽ thấy tầm quan trọng của kiến thức cần thiết để chẩn đoán bệnh lý miễn dịch. - Trình bày các bước để xây dựng hoàn chỉnh bệnh án bệnh dị ứng miễn dịch. - Quy trình chẩn đoán một số bệnh: HPQ, Dị ứng ngoại sinh, một số bệnh tự miễn. - Cơ sở khoa học của các phương pháp điều trị áp dụng trong điều trị một số bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch. Thực hiện một số thao tác và kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý dị ứng- miễn dịch. - Khai thác và ghi nhận các hội chứng và triệu chứng của các bệnh lý Dị ứng- Miễn dịch. - Chỉ định và đọc kết quả các cận lâm sàng thường dùng trong chẩn đoán các bệnh lý dị ứng- Miễn dịch. - Biết kết hợp đông tây y trong chẩn đoán và điều trị một số nhóm bệnh dị ứng – MD. - Chẩn đoán, cấp cứu và sơ cấp cứu một số nhóm bệnh. Tư vấn và chuyển bệnh nhân đến đúng cơ sở chuyên môn đúng và kịp thời.	1	HK10	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
106	Răng Hàm Mặt	Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý cơ quan RHM, khai thác được quá trình bệnh sử triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất kế hoạch chăm sóc để giúp cho điều trị, Các nguyên tắc cơ bản trong xử trí cấp cứu và trình bày được các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng để phòng bệnh.	1	HK10	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
107	Thực hành Răng Hàm Mặt	Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan RHM, khai thác được quá trình bệnh sử triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất kế hoạch chăm sóc để giúp cho điều trị, Các nguyên tắc cơ bản trong xử trí cấp cứu và trình bày được các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng để phòng bệnh.	1	HK10	Điểm tích lũy 40%, điểm thi cuối kì 60%
108	Tai Mũi Họng	Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan TMH, khai thác được quá trình bệnh sử, triệu chứng cơ	1	HK10	Điểm tích lũy 30%, điểm

		năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất một số xét nghiệm cận lâm sàng để giúp cho chẩn đoán, Sinh viên sẽ được kiến tập cách khám và hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường. Được kiến tập phẫu thuật cắt Amidan, nạo V.A, phẫu thuật nội soi Mũi Xoang, phẫu thuật Vá nhĩ đơn thuần... Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các cấp cứu Tai Mũi Họng như dị vật đường thở, chấn thương thanh khí quản, áp xe não do viêm tai xương chũm, dị vật đường ăn biến chứng thủng mạch máu, Chảy máu mũi các loại, chấn thương các xoang mặt, Mũi. Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các bệnh Ung thư Tai Mũi Họng thường gặp. Trước khi học học phần TMH, sinh viên đã được học phần giải phẫu, sinh lý đại cương, các môn triệu chứng và bệnh học chung. Đã được học thực hành bệnh viện phần khối lượng kiến thức của năm thứ 3, thứ 4 trong chương trình khung.			thi cuối kì 70%
109	Thực hành Tai Mũi Họng	Sinh viên phải nắm vững các mốc giải phẫu, cấu tạo cũng như chức năng cơ bản sinh lý các cơ quan TMH, khai thác được quá trình bệnh sử, triệu chứng cơ năng, diễn tiến của bệnh, đề xuất một số xét nghiệm cận lâm sàng để giúp cho chẩn đoán, Sinh viên sẽ được kiến tập cách khám và hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường. Được kiến tập phẫu thuật cắt Amidan, nạo V.A, phẫu thuật nội soi Mũi Xoang, phẫu thuật Vá nhĩ đơn thuần... Sinh viên sẽ được học về triệu chứng và hướng xử trí các cấp cứu Tai Mũi Họng như dị vật đường thở, chấn thương thanh khí quản, áp xe não do viêm tai xương chũm, dị vật đường ăn biến chứng thủng mạch máu, Chảy máu mũi các loại, chấn thương các xoang mặt, Mũi. Trước khi học học phần TMH, sinh viên đã được học phần giải phẫu, sinh lý đại cương, các môn triệu chứng và bệnh học chung. Đã được học thực hành bệnh viện phần khối lượng kiến thức của năm thứ 3, thứ 4 trong chương trình khung.	1	HK10	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

110	Mắt	Chuyên ngành Mắt là một chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như nội tiết, thần kinh, tai mũi họng, răng hàm mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường như viêm kết mạc, chắp lẹo, hay tật khúc xạ... còn có nhiều bệnh lý có thể gây tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày như bệnh đục thể thủy tinh, glôcôm, bệnh lý võng mạc đái tháo đường. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như điều trị có nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác. Ở học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về giải phẫu sinh lý cơ quan Mắt, về các bệnh thường gặp ở Mắt. Từ đó có thể chẩn đoán, xử trí, điều trị hoặc chuyển tuyến chuyên khoa kịp thời các bệnh về Mắt. Ngoài ra sinh viên có thể phát hiện được những bệnh toàn thân khác có biểu hiện tại Mắt và có thể tư vấn phòng chống bệnh tật cho cộng đồng.	1	HK10	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
111	Thực hành Mắt	Chuyên ngành Mắt là một chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như nội tiết, thần kinh, tai mũi họng, răng hàm mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường như viêm kết mạc, chắp lẹo, hay tật khúc xạ... còn có nhiều bệnh lý có thể gây tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày như bệnh đục thể thủy tinh, glôcôm, bệnh lý võng mạc đái tháo đường. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như điều trị có nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác. Học phần Mắt Thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số bệnh lý mắt thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Phẫu thuật Thực hành, Tai mũi họng TH, Răng hàm mặt TH, Nội bệnh lý TH, Chẩn đoán hình ảnh TH...	1	HK10	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
112	Da liễu	Da liễu là một học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, bao gồm hai nhóm bệnh chính: các bệnh da, các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Mặc dù các bệnh da phần lớn không quá nguy hiểm dẫn đến tử vong nhưng với xu hướng tăng cao do môi trường ngày càng ô nhiễm cùng với cơ chế bệnh sinh nhiều bệnh còn nhiều điểm chưa sáng tỏ, vấn đề điều trị gặp nhiều khó khăn nên ảnh	1	HK10	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		hưởng rất lớn đến chất lượng sống của bệnh nhân và đặt ra những thách thức lớn cho các nhà Da liễu học. Trong học phần này, học viên không chỉ nắm vững các kiến thức về cơ chế bệnh sinh, các bước tiếp cận chẩn đoán, điều trị bệnh da và các bệnh lây qua đường tình dục mà còn cần có khả năng tư vấn, theo dõi bệnh. Học phần Da Liễu cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin cần thiết theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: các bước tiếp cận chẩn đoán và các biện pháp điều trị một số hội chứng trong bệnh lây qua đường tình dục và các bệnh da thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh, Miễn dịch Dị ứng, Vi sinh, Giải phẫu bệnh, Ký sinh trùng, Nội cơ sở và bệnh học.			
113	Thực hành Da liễu	Da liễu là một học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, bao gồm hai nhóm bệnh chính: các bệnh da, các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Mặc dù các bệnh da phần lớn không quá nguy hiểm dẫn đến tử vong nhưng với xu hướng tăng cao do môi trường ngày càng ô nhiễm cùng với cơ chế bệnh sinh nhiều bệnh còn nhiều điểm chưa sáng tỏ, vấn đề điều trị gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sống của bệnh nhân và đặt ra những thách thức lớn cho các nhà Da liễu học. Học phần Da liễu thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: cách khám, chẩn đoán, điều trị, tư vấn, theo dõi, một số bệnh da và bệnh lây qua đường tình dục thường gặp. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh, Miễn dịch Dị ứng, Vi sinh, Giải phẫu bệnh, Ký sinh trùng, Nội cơ sở và bệnh học	1	HK10	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
114	Kinh tế và Chính sách y tế	Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về đại cương kinh tế y tế, hàng hóa sức khỏe và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thị trường chăm sóc sức khỏe. Những nội dung cơ bản về các phương thức đánh giá kinh tế y tế, cách phân tích chi phí, đánh giá kinh tế y tế, thanh toán bảo hiểm y tế và giao dịch trong thị trường bảo hiểm. Ứng dụng các nội dung về chính sách y tế nhằm phân tích mô hình tài chính y tế tại Việt Nam và trên thế giới.	1	HK10	Điểm tích lũy 15%, điểm thi cuối kì 85%

115	Nội bệnh lý 3	Học phần Nội bệnh lý 3 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, xử trí và phòng bệnh một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học cũng như đặc điểm bệnh lý và điều trị ở bệnh nhân cao tuổi, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở LT, Nội bệnh lý 3 TH, Nội tổng hợp TH.	2	HK11	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
116	Thực hành Nội bệnh lý 3	Học phần Nội bệnh lý 3 TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án lâm sàng Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh lý cấp cứu thường gặp cũng như một số bệnh lý thường gặp thường gặp ở người cao tuổi trong thực hành lâm sàng. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Nội cơ sở TH, Nội bệnh lý 3 LT, Nội tổng hợp TH	2	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
117	Ngoại bệnh lý 2	Học phần Ngoại bệnh lý 2 LT là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần cung cấp và trang bị sinh viên Y khoa một số kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, xử trí và phòng bệnh một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong thực hành lâm sàng và trong nghiên cứu khoa học cũng như đặc điểm bệnh lý theo từng lứa tuổi,	2	HK11	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT, Ngoại cuối khóa TH.			
118	Thực hành Ngoại bệnh lý 2	với sinh viên Ngành Y khoa. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại bệnh lý 2 trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT.	2	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
119	Phụ sản 2	Sinh viên phải học các môn học cơ sở và học phần sản khoa 1 trước khi học học phần này Các nội dung: Sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa, sơ sinh, CSSKSS và KHHGD... Kỳ vọng học sinh phải lên lớp đầy đủ, tham gia thảo luận tích cực, chủ động trong học tập, đọc tài liệu trước khi lên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu tham khảo tại thư viện, trên mạng internet và các tài liệu đã được bộ môn cung cấp Học phần này giúp sinh viên có kiến thức rộng hơn và sâu hơn về các vấn đề liên quan đến bệnh lý khó trong sản khoa, trong phụ khoa, sơ sinh, ung thư trong phụ khoa, để học tốt học phần này trước hết sinh viên cần nắm rõ học phần giải phẫu, sinh lý, nội khoa, học phần Phụ sản hành 1 và Phụ sản lý thuyết 1.	2	HK11	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		Từ đó giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp vận dụng một cách linh hoạt trong chẩn đoán, điều trị và phân loại tình trạng bệnh, Phân tuyến điều trị bệnh hợp lý đối với các trường hợp sản bệnh, sản khó, các bệnh lý phụ khoa và sàng lọc và điều trị ung thư trong phụ khoa.			
120	Thực hành Phụ sản 2	Sinh viên phải học các môn học cơ sở và học phần sản khoa 1 trước khi học học phần này. Các nội dung: Sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa, sơ sinh, CSSKSS và KHHGD... Kỳ vọng học sinh phải lên lớp đầy đủ, tham gia thảo luận tích cực, chủ động trong học tập, đọc tài liệu trước khi lên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu tham khảo tại thư viện, trên mạng internet và các tài liệu đã được bộ môn cung cấp Học phần này giúp sinh viên có kiến thức rộng hơn và sâu hơn về các vấn đề liên quan đến bệnh lý khó trong sản khoa, trong phụ khoa, sơ sinh, ung thư trong phụ khoa, để học tốt học phần này trước hết sinh viên cần nắm rõ học phần giải phẫu, sinh lý, nội khoa, học phần Phụ sản hành 1 và Phụ sản lý thuyết 1 Từ đó giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp vận dụng một cách linh hoạt trong chẩn đoán, điều trị và phân loại tình trạng bệnh, Phân tuyến điều trị bệnh hợp lý đối với các trường hợp sản bệnh, sản khó, các bệnh lý phụ khoa và sàng lọc và điều trị ung thư trong phụ khoa.	3	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
121	Nhi 2	(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.) Nhi 2 Lý thuyết là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm: - Học phần này giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của chiến lược chăm sóc trẻ em, vận dụng vào chăm sóc trẻ em theo từng tuyến y tế cụ thể. - Học phần này tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để chẩn đoán và điều trị được các bệnh thường gặp ở trẻ em ngoài các bệnh đã học trong chương trình Nhi 1 LT trước đó. Giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể, lên kế hoạch điều trị và chăm sóc, phòng ngừa bệnh tật cho trẻ em.	2	HK11	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

122	Thực hành Nhi 2	(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.) Nhi 2 thực hành là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, bao gồm: - Sinh viên sẽ có kiến thức đánh giá, phân loại và xử trí bệnh tật trẻ em theo từng tuyến y tế cơ sở một cách nhanh chóng và phù hợp. - Học phần này tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh, hội chứng thường gặp ở trẻ em ngoài các bệnh đã học trong chương trình Nhi 1 TH trước đó. Đồng thời giúp sinh viên có kinh nghiệm tối thiểu để xử trí ban đầu các trường hợp trẻ bệnh. - Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức Y học cổ truyền trong tư vấn chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ bệnh. Qua đó giải thích và loại bỏ dần các thói quen, tập quán lạc hậu trong chăm sóc và điều trị bệnh cho trẻ. Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản phục vụ cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em.	3	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
123	Dược lâm sàng	Dược lâm sàng là học phần giúp sinh viên có kiến thức trong thực hành kê đơn thuốc và phân tích các tình huống sử dụng thuốc trên lâm sàng cho một số bệnh phổ biến và một số trường hợp đối tượng đặc biệt. Học phần này trang bị các nội dung kiến thức về tương tác và tương kỵ của thuốc, nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số đối tượng đặc biệt, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc, nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông thường như kháng sinh, thuốc điều trị bệnh tim mạch. Hơn nữa, học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng kê đơn thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả, coi trọng nguyên tắc kê đơn và kỹ năng đọc tài liệu, cập nhật kiến thức khi thực hành kê đơn và áp dụng trong những tình huống lâm sàng cụ thể.	1	HK11	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
124	Thực hành Dược lâm sàng	Học phần thực hành Dược lâm sàng giúp sinh viên thực hiện được đánh giá, phân loại, chọn lọc các thông tin về thuốc, phân tích được các tương tác thường gặp trong đơn thuốc, nhận biết được các phản ứng có hại có thể xảy ra liên quan đến việc dùng thuốc. Hơn nữa, trong phần thực hành, sinh viên được thực hành phân tích những tình huống lâm sàng cụ thể liên quan đến các đối tượng đặc biệt như phụ	1	HK11	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		nữ có thai, người cao tuổi, trẻ em, bệnh nhân bị suy gan, suy thận. Sinh viên còn được cung cấp kỹ năng phân tích và xử lý thông tin thuốc của một số bệnh thông thường như tăng huyết áp, đái tháo đường, đau thắt ngực và khả năng vận dụng các nhóm thuốc được sử dụng nhiều trên lâm sàng như kháng sinh, giảm đau trong một số tình huống lâm sàng cụ thể.			
125	Truyền Nhiễm 2	Học phần Truyền Nhiễm 2 là một học phần cần thiết và quan trọng trong chương trình đào tạo y khoa bởi bệnh truyền nhiễm đa số là những bệnh thường gặp ở tất cả các nước trên thế giới. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, là nước đang phát triển có điều kiện kinh tế xã hội còn nghèo nàn, có nhiều loại bệnh truyền nhiễm và tỷ lệ mắc bệnh cao. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn, đặc biệt do các bệnh truyền nhiễm diễn tiến nặng, cấp tính trở nên ác tính và có biến chứng, song cũng tồn tại những bệnh mãn tính cần theo dõi và điều trị suốt đời. Học phần Truyền Nhiễm 2 cung cấp, trang bị cho sinh viên y khoa một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm kiến thức về một số thuốc sử dụng trong điều trị bệnh truyền nhiễm, điều trị một số bệnh lý truyền nhiễm ác tính, có biến chứng và bệnh truyền nhiễm mạn tính. Học phần này có liên quan mật thiết đến các học phần: Hóa sinh, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Vi sinh, Kí sinh trùng, Dịch tễ, Dược lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý,...	2	HK11	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
126	Thực hành Truyền Nhiễm 2	Học phần Truyền Nhiễm 2 là một học phần cần thiết và quan trọng trong chương trình đào tạo y khoa bởi bệnh truyền nhiễm đa số là những bệnh thường gặp ở tất cả các nước trên thế giới. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, là nước đang phát triển có điều kiện kinh tế xã hội còn nghèo nàn, nhiều loại bệnh truyền nhiễm và tỷ lệ mắc bệnh cao. Bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ người bệnh sang người lành, nhiều bệnh phát triển thành dịch (thậm chí là đại dịch). Do vậy số lượng bệnh nhân truyền nhiễm rất đông và số lượng tử vong cũng lớn do các bệnh truyền nhiễm diễn tiến cấp tính trở nên ác tính và có biến chứng, song cũng tồn tại những bệnh mãn tính cần theo dõi và điều trị suốt đời. Học phần Truyền Nhiễm 2 thực hành cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng	2	HK12	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chỉ định đúng, hợp lý các loại thuốc sử dụng trong bệnh truyền nhiễm; chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số bệnh lý truyền nhiễm ác tính, có biến chứng và bệnh truyền nhiễm mạn tính. Học phần này có liên quan mật thiết đến các học phần: Hóa sinh, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Vi sinh, Kí sinh trùng, Dịch tễ, Dược lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý,...			
127	Thực hành Nội 4	Học phần Thực hành Nội 4 là là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên Ngành Y khoa, nhất là sinh viên có định hướng học và làm việc theo chuyên ngành Nội khoa sau khi tốt nghiệp ra Trường. Học phần này chủ yếu ôn lại, cập nhật và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám lâm sàng; về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị bệnh, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án lâm bệnh án Nội bệnh lý trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh Nội khoa thường gặp với cập nhật mới nhất từ các Tổ chức/Hiệp hội/Liên đoàn sức khỏe trên toàn thế giới. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp, cập nhật và vững vàng về bệnh lý Nội khoa, góp phần đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường, phù hợp với nhu cầu xã hội khi sinh viên tốt nghiệp Đại học Y khoa. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Thực hành Nội cơ sở, Nội bệnh lý 1, Thực hành Nội bệnh lý 1, Nội bệnh lý 2, Thực hành Nội bệnh lý 2, Nội bệnh lý 3, Thực hành Nội bệnh lý 3, Nội bệnh lý 4.	4	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
128	Thực hành Ngoại 3	Học phần Ngoại cuối khóa TH là học phần chuyên ngành rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Ngành Y khoa trước khi tốt nghiệp ra trường. Học phần này chủ yếu cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về kỹ năng giao tiếp trong khai thác bệnh sử và tiền sử bệnh; về kỹ năng thao tác trong thăm khám	4	HK12	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%

		lâm sàng, về kỹ năng ra quyết định (Chỉ định cận lâm sàng dưới sự hướng dẫn sau khi thăm khám và chẩn đoán lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng theo mục tiêu chỉ định, chẩn đoán xác định bệnh, điều trị, tiên lượng bệnh, dự phòng) và về kỹ năng làm bệnh án làm bệnh án Ngoại cuối khóa TH trên mỗi bệnh nhân mắc bệnh sọ não – cột sống, tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, chi trên, chi dưới thường gặp. Học phần này cũng hướng dẫn và rèn luyện sinh viên về thái độ phù hợp với nội dung của các phần kỹ năng; với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; với đồng nghiệp và với Ngành Y khoa. Ngoài ra, học phần này rèn luyện và củng cố sinh viên cách phân tích và tổng hợp về kiến thức tương ứng dựa trên các kỹ năng và thái độ đã được học ở trên, nhằm đáp ứng theo chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Ngành Y khoa của Trường. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kỹ năng, Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại cơ sở LT, Ngoại bệnh lý 1 LT, Ngoại bệnh lý 2 LT.			
129	Thực hành Phụ sản 3	Phụ sản là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa bởi vì phụ sản là một trong bốn phân ngành y khoa quan trọng của khối lâm sàng. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Hơn thế nữa, bệnh lý sản khoa và các vấn đề về kế hoạch hóa gia đình là rất phổ biến. Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chẩn đoán và điều trị bệnh lý sản khoa có nhiều điểm khác biệt so với các bệnh lý của các hệ cơ quan khác. Học phần Phụ sản 1 thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán, điều trị và chăm sóc thích hợp một số trường hợp thai nghén bình thường; kỹ năng tư vấn quản lý thai nghén và kế hoạch hóa gia đình.	4	HK12	Điểm tích lũy 20%, điểm thi cuối kì 80%
130	Thực hành Nhi 3	(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.) - Học phần này giúp cho sinh viên có khả năng tổng hợp các kiến thức đã học trong suốt chương trình đào tạo. Để sinh viên có đủ kỹ năng để phát hiện, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em một cách chủ động và độc lập.	4	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

		- Giúp sinh viên có tầm nhìn chung về tổ chức, phân loại, sắp xếp khám và chữa bệnh, phòng bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho trẻ em. - Đồng thời giúp sinh viên có kinh nghiệm tối thiểu và kỹ năng để xử trí ban đầu các trường hợp trẻ bệnh. Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản phục vụ cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em. Cập nhật các kiến thức, kỹ thuật, lập luận chẩn đoán mang tính thời sự xã hội.			
131	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp được bố trí vào học kỳ thứ 12, là học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo y đa khoa. Đây là một học phần tổng hợp từ nhiều học phần sinh viên đã được học từ những năm trước như: các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần này hướng dẫn cho sinh viên phương pháp thực hiện và trình bày một khóa luận tốt nghiệp: chuẩn bị cơ sở lý luận, phát triển ý tưởng, đặt câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp, tiến hành thu thập số liệu trên thực địa, tổng hợp và trình bày số liệu, diễn giải thông tin, viết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu trước hội đồng các nhà khoa học.	10	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%
132	Chuyên đề tốt nghiệp	Học phần chuyên đề tốt nghiệp (CĐTN) được thực hiện vào học kỳ thứ 12 (dựa theo kế hoạch đào tạo 12 học kỳ dành cho ngành y đa khoa). Trong học phần này, sinh viên và giảng viên hướng dẫn sẽ lựa chọn một chủ đề liên quan đến sức khỏe, lựa chọn các nghiên cứu thích hợp đã được xuất bản từ các trang web chuyên ngành trong nước và nước ngoài, trình bày chuyên đề một cách hệ thống về chủ đề/vấn đề sức khỏe. Mục đích của học phần chuyên đề tốt nghiệp nhằm cập nhật kiến thức mới; làm rõ một vấn đề hoặc một khía cạnh hiện còn tranh cãi; hoặc vận dụng kiến thức từ chủ đề nghiên cứu để giải quyết một vấn đề trên thực tiễn. Ví dụ: giải quyết việc phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; giải quyết vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng lây truyền HIV/AIDS; phòng chống tai nạn thương tích; chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; phòng chống các bệnh không lây nhiễm, ...) Học phần này cũng sẽ giúp cho sinh viên hoàn thiện nhiều kỹ năng: đặt câu hỏi, truy tìm tài liệu, phân tích và tổng hợp các tài liệu nhằm trau dồi và nâng cao kiến thức về sức khỏe một cách liên tục.	4	HK12	Điểm tích lũy 30%, điểm thi cuối kì 70%

8.4. Xét nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	- Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà. - Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết <i>can</i>, đại từ tân ngữ, cấu trúc <i>there is/there are</i> và <i>there was/there were</i>, mạo từ <i>a</i> và <i>an</i>, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi <i>_ed</i> của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu. - Cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh. - Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.	3	Học kỳ 1 năm 1	- Thi trắc nghiệm - Vấn đáp
2	Thể dục cơ bản và điền kinh	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực). - Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDTT hàng ngày. Kỹ năng -Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng. - Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh. - Biết vận dụng các bài tập thể lực để duy trì và phát triển thể chất. Thái độ - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 1 năm 1	Thi thực hành

3	Cờ vua 1	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Luật di chuyển quân và ăn quân. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ. Các nước đi đặc biệt trong cờ Vua. - Giải Cờ thế. - Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 1 năm 1	Thi thực hành
4	Sinh học đại cương	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động – Thực vật để thấy được vai trò của các hoạt động sống đối với sự tồn tại, phát triển của cơ thể sinh vật và làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần chuyên sâu về Tế bào, Động vật, Thực vật, Vi sinh vật. - Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và cơ chế của Di truyền - Biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các loại biến dị và các qui luật di truyền để thấy được vai trò của Di truyền – Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; là cơ sở để lĩnh hội các kiến thức của học phần Di truyền học, Sinh học phân tử, Giải bài tập sinh học, Chọn giống Động - Thực vật, Công nghệ sinh học, Di truyền y học. - Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về các nhân tố sinh thái, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái để thấy được vai trò của các nhân tố sinh thái đối với đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; là cơ sở cho việc lĩnh hội các kiến thức các kiến thức của Sinh thái học và Khoa học môi trường. - Rèn luyện cho người học các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm sinh học: nguyên tắc giữ vệ sinh - an toàn trong phòng thí nghiệm; nguyên tắc về cách sử dụng, bảo quản các dụng cụ, trang thiết, hóa chất trong phòng thí nghiệm sinh học; kỹ thuật thực hiện một số thí nghiệm, bài thực hành nhằm củng cố các kiến thức lý thuyết của học phần.	2	Học kỳ 1 năm 1	Thi tự luận
5	Triết học Mác - Lênin	- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và thế giới quan, phương pháp luận khoa học.	3	Học kỳ 1 năm 1	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

		- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản một số khái niệm, phạm trù, qui luật, nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. - Góp phần giúp người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, để từ đó vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn. - Bồi dưỡng cho người học có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, có lý tưởng cách mạng, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.			
6	Giải phẫu	- Giúp sinh viên hiểu được vai trò của giải phẫu cơ thể người đối với ngành học. - Giúp sinh viên sử dụng đúng các thuật ngữ của giải phẫu để mô tả các chi tiết giải phẫu và hiểu được các cách sử dụng khác nhau đối với các chi tiết có nhiều thuật ngữ. - Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo giải phẫu theo hệ cơ quan. - Cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các môn học cơ sở cũng như một số liên hệ lâm sàng đối với một số cấu trúc giải phẫu.	3	Học kỳ 1 năm 1	Thi tự luận
7	Sinh lý học	- Cấu trúc chức năng màng tế bào, chức năng vận chuyển chất qua màng tế bào. - Chức năng bơm máu của tim, cơ sở vật lý của tuần hoàn máu, sinh lý hệ mạch máu. - Giải phẫu sinh lý thận, quá trình lọc ở cầu thận, tái hấp thu và bài tiết ở ống thận. - Chức năng thông khí của phổi, chức năng vận chuyển khí của máu, điều hòa hô hấp. - Tiêu hóa ở miệng, thực quản, dạ dày và ruột. - Chức năng các loại tế bào máu, nhóm máu truyền máu, sinh lý cầm máu đông máu. - Chức năng của các hormon của các tuyến nội tiết: vùng dưới đồi, tuyến yên, tuyến giáp, cận giáp, tuyến tụy, tuyến thượng thận, tuyến sinh dục.	3	Học kỳ 1 năm 1	Thi tự luận

8	Kỹ năng mềm	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu. - Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội.	2	Học kỳ 1 năm 1	- Bài tập nhóm - Bảng kiểm
9	Tiếng Anh 2	- Trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm. - Trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai với <i>will</i> và <i>be going to</i>; so sánh với tính từ và trạng từ; các động từ khiếm khuyết <i>can, have to, would like, might, should</i>; các mạo từ và trạng từ; cách phát âm các âm cơ bản và một số âm khó, nhấn từ và nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng. - Cung cấp cho người học các bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của một số quốc gia trên thế giới. - Trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết câu và đoạn văn đơn giản có sử dụng đại từ, liên từ, trạng từ.	3	Học kỳ 2 năm 1	- Bài thi trắc nghiệm khách quan - Vấn đáp
10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	- Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị. - Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

		- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với người học.			
11	Tin học đại cương	- Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính. - Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo. - Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống. - Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo. - Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 2 năm 1	Bài kiểm tra thực hành báo cáo trên máy tính
12	Bóng chuyền cơ bản	- Nắm được 1 số điều luật cơ bản, và biết một số động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản. - Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi thực hành
13	Bơi lội cơ bản	- Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật bơi ếch. - Kiến thức kỹ thuật bơi ếch. - Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi thực hành
14	Cầu lông cơ bản	- Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện cầu lông. - Kiến thức cơ sở lý luận và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. - Kiến thức về một số điều luật cơ bản trong cầu lông. - Hình thành phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ, ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi thực hành
15	Bóng bàn cơ bản	- Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng bàn. - Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng bàn. - Trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy bóng bàn cơ bản. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Bóng bàn. - Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi thực hành
16	Cờ vua 2	- Trang bị cho sinh viên kiến thức các thuật ngữ trong Cờ Vua. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ Vua. Khai cuộc.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi thực hành

		- Giải Cờ thể. - Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt.			
17	Mô phôi	- Mô tả được cấu tạo bình thường trong từng mô, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường ở mức độ vi thể, siêu vi thể. - Nhận biết được các mô, các cơ quan và các cấu tạo chi tiết bình thường dưới kính hiển vi quang học trong một thời gian nhất định.	2	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận
18	Di truyền đại cương	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: (1) Các quy luật di truyền chi phối sự hình thành, phát triển các tính trạng ở người; (2) Sự di truyền của một số nhóm tính trạng phổ biến ở người; (3) Tư vấn và xét nghiệm di truyền. - Trang bị cho sinh viên các kỹ năng về: (1) Phân tích quy luật di truyền của một số bệnh đơn gene; (2) Thực hiện tiêu bản về phân bào nguyên nhiễm và vật thể giới; (3) Sắp xếp bộ nhiễm sắc thể ở người. - Giúp cho sinh viên hình thành ý thức tôn trọng sự đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường sống, bảo vệ nguồn gene của sinh vật; có niềm tin vào khoa học trong việc phòng ngừa, tư vấn và điều trị bệnh tật di truyền; rèn luyện thái độ nghiêm túc, tinh thần học hỏi cao trong các buổi học lý thuyết và thực hành; có cái nhìn đúng đắn, khoa học trong nhận biết, phân tích các quy luật di truyền chi phối sự hình thành tính trạng ở người.	2	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận
19	Điều dưỡng cơ bản - Sơ cứu ban đầu	- Trình bày được mục đích, nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định các kỹ thuật cơ bản về chăm sóc người bệnh, các tai biến có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình điều dưỡng. - Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng và xử trí sơ - cấp cứu ban đầu người bệnh bị nạn: Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn, điện giật, ngạt nước, sặc (thủ thuật Heimlich), sơ cứu - cấp cứu nạn nhân gãy xương, chảy máu.	2	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận
20	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	- Nắm được các kiến thức cơ bản về Hóa sinh Y học, Huyết học, Vi sinh Y học, Ký sinh trùng Y học, Sinh học phân tử trong Y học, Giải phẫu bệnh. - Nhận xét và đánh giá các loại bệnh phẩm cụ thể. - Thực hiện được các quy trình kỹ thuật xét nghiệm. - Kiểm tra và đánh giá kết quả xét nghiệm sau khi thực hiện các quy trình kỹ thuật.	2	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận

21	Tâm lý học - Y đức	- Cung cấp cho sinh viên những khái niệm tâm lý và tâm lý y học, các phương pháp nghiên cứu tâm lý y học. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nội dung tâm lý cơ bản theo từng nhóm tuổi và từng nhóm bệnh. - Trang bị cho sinh viên những khái niệm bệnh, bệnh nhân, các nội dung chính về chứng bệnh y sinh. - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về biến đổi tâm lý người bệnh và cách tiếp xúc của cán bộ y tế đối với người bệnh. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.	1	Học kỳ 2 năm 1	Thi tự luận
22	Công tác quốc phòng và an ninh	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra đạt kết quả cao. - Sinh viên nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội,... Thi kết thúc đạt kết quả cao. - Mỗi sinh viên phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận hoặc trắc nghiệm
23	Quân sự chung	- Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. - Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị. - Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận
24	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	3	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận

	Việt Nam	- Sinh viên nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra đạt kết quả cao. - Sinh viên nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc đạt kết quả cao.			
25	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	- Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao. - Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1. - Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi thực hành
26	Thể dục nhịp điệu cơ bản	- Cấu trúc của bài thi Thể dục Aerobics. - Trang bị những kỹ năng thực hành động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác. - Giảng dạy bài mẫu	1	Học kỳ 1 năm 2	Thi thực hành
27	Taekwondo cơ bản	- Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn Taekwondo, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. - Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về môn Taekwondo. - Tham gia các giải phong trào do Câu lạc bộ, Khoa, Trường tổ chức. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và phương pháp trọng tài trong môn Taekwondo. - Tham gia học tập đầy đủ, có thái độ và ý thức học tập tốt.	1	Học kỳ 1 năm 2	Thi thực hành
28	Bóng đá cơ bản	- Kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ môn Bóng đá.	1	Học kỳ 1	Thi

		- Kiến thức kĩ thuật Bóng đá. - Thái độ đúng đắn về môn học và ý thức học tập tốt.		năm 2	thực hành
29	Bóng rổ cơ bản	- Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ, vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng. - Nắm được 1 số điều luật cơ bản môn bóng rổ. - SV hiểu được trách nhiệm, vai trò, sứ mệnh của người giáo viên trong giai đoạn mới; có tinh thần cầu thị, chủ động thích ứng với sự thay đổi.	1	Học kỳ 1 năm 2	Thi thực hành
30	Cờ vua 3	- Trang bị cho sinh viên kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ Vua. Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua. - Giải Cờ thế. - Sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các buổi học.	1	Học kỳ 1 năm 2	Thi thực hành
31	Tiếng Anh 3	- Từ vựng tiếng Anh về cuộc sống, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, ngôn ngữ, phương tiện giao thông, du lịch, sức khỏe, thức ăn và bệnh tật. - Các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các các loại câu hỏi, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ chỉ sự thường xuyên, cấu trúc ‘be going to’, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, các mẫu câu dùng để thể hiện điều thích làm và không thích làm, các mẫu câu dùng để chỉ đường, các mẫu câu dùng dùng khi gọi điện thoại, các mẫu câu dùng để đưa lời khuyên; cách phát âm đuôi ‘ed’, cách phát âm nhanh ‘going to’, cách phát âm dạng yếu của ‘have’, ‘have to’, ‘was, were’, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, cách thể hiện ngữ điệu, cách phát âm các âm câm. - Kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh. - Bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.	3	Học kỳ 1 năm 2	- Bài thi trắc nghiệm khách quan - Vấn đáp
32	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm.

		những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.			
33	Hóa sinh 1	- Trình bày được các kiến thức về cấu tạo hóa học, phân loại, tính chất một số chất quan trọng trong cơ thể như glucid, lipid, protid acid nucleic, hemoglobin. - Nêu được cấu trúc, phân loại, cơ chế hoạt động của các chất xúc tác sinh học. - Thực hiện và giải thích được cơ chế của các thí nghiệm trong thực hành.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận
34	Vi sinh 1	- Hướng dẫn tầm quan trọng của ngành vi sinh vật y học. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về ngành vi sinh vật như đại cương vi khuẩn, virus, kháng nguyên vi sinh vật, độc lực vi sinh vật, kháng sinh, huyết thanh, vacxin - Trang bị các quy trình pha chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn thường dùng tại các phòng xét nghiệm vi sinh. - Hướng dẫn tầm quan trọng của các biện pháp tiệt trùng, khử trùng. - Trang bị quy trình nuôi cấy vi khuẩn trên lâm sàng.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận
35	Miễn dịch	- Những kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể: miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, các cơ chế đáp ứng miễn dịch, bệnh lý miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh và chẩn đoán bệnh. - Những hiểu biết cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, cơ chế của các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh. - Khả năng giao tiếp, cách ứng xử và cách giải quyết các vấn đề có liên quan đến miễn dịch.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận
36	Xác suất thống kê	- Cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên. - Ứng dụng lý thuyết xác suất để nghiên cứu thống kê.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi (Thi tự luận, Thực hành, vấn

		- Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng.			đáp, trắc nghiệm)
37	Y Sinh học phân tử	- Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức lý thuyết cơ bản về sinh học phân tử quanh vấn đề cấu trúc vật chất di truyền và các cơ chế hoạt động, điều hoà hoạt động của gen ở Prokaryote và Eukaryote giúp sinh viên nắm nguyên tắc của một vài kỹ thuật sinh học phân tử. - Trang bị cho sinh viên các kiến thức giúp nhận biết cấu trúc phân tử của các đại phân tử sinh học, genome, gen prokaryote, gen Eukaryote. Phân tích các cơ chế phân tử của sao chép, phiên mã, dịch mã, điều hòa biểu hiện gen ở các sinh vật prokaryote và eukaryote. - Trang bị cho sinh viên các quy trình thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học phân tử, việc vận dụng các kỹ thuật này trong nghiên cứu khoa học và trong các lĩnh vực sức khỏe,... - Cung cấp cho sinh viên một số nguyên tắc an toàn thí nghiệm và các bước thực hiện pha hoá chất, thao tác trên các trang thiết bị, dụng cụ của lĩnh vực sinh học phân tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức thực hành quy trình tách và tinh sạch cũng như phân tích phân tử acid nucleic. - Trang bị cho sinh viên các quy trình thực hiện kỹ thuật PCR để nhân bản một đoạn DNA đích được yêu cầu xét nghiệm.	2	Học kỳ 1 năm 2	Thi tự luận
38	Tiếng Anh 4	- Từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng. - Ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý,... để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn. - Các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa.	3	Học kỳ 2 năm 2	- Bài thi trắc nghiệm khách quan - Vấn đáp

		- Kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm. - Các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ - Các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mỗi quân tâm cá nhân.			
39	Hóa sinh 2	- Trình bày được sự chuyển hóa của glucid, lipid, protid acid nucleic, hemoglobin.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
40	Vi sinh 2	- Cung cấp các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. - Hướng dẫn các bước tiếp cận chuẩn đoán và kế hoạch điều trị một số bệnh do các vi khuẩn, virus thường gặp gây nên. - Hướng dẫn tầm quan trọng của các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật. - Trang bị quy trình kỹ thuật kháng sinh đồ định tính thường được sử dụng trên lâm sàng. - Trang bị các quy trình xét nghiệm tìm một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong các bệnh phẩm trên lâm sàng.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
41	Ký sinh trùng 1	- Phân tích đúng một số khái niệm về ký sinh trùng. - Mô tả chi tiết để nhận biết một số hình thể giun, sán thường gặp ở Việt Nam. - Nhận biết đúng một số giun, sán thường gặp ở Việt Nam. - Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm phân cơ bản.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
42	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

		- Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống. - Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.			
43	Huyết học tế bào 1	- Trang bị những kiến thức về quá trình phát triển, trưởng thành của các dòng tế bào máu và quá trình chuyển hóa sắt. - Nhận định được những giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý. - Nhận định chính xác được các dòng tế bào máu trưởng thành. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: pha hóa chất, lấy máu, đếm các dòng tế bào máu bằng phương pháp thủ công.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
44	An toàn trong phòng xét nghiệm y học	- Hướng dẫn tầm quan trọng của an toàn sinh học tại các phòng xét nghiệm. - Cung cấp các nguyên tắc xây dựng một phòng xét nghiệm an toàn sinh học. - Trang bị một số kỹ thuật an toàn tại phòng xét nghiệm thường dung. - Trang bị các biện pháp khử trùng, tiệt trùng thường dùng tại các phòng xét nghiệm. - Cung cấp các kiến thức về công tác tổ chức quản lý và tập huấn về an toàn sinh học ở Việt Nam.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
45	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	- Vai trò của dịch tễ học trong lĩnh vực y tế công cộng và y học lâm sàng. - Các phương pháp nghiên cứu trong dịch tễ học để mô tả tình trạng sức khỏe và xác định các yếu tố nguy cơ, đánh giá các biện pháp can thiệp. - Tính toán và lý giải các chỉ số thường dùng trong nghiên cứu dịch tễ học. - Coi trọng việc phát hiện các yếu tố nguy cơ để đề xuất biện pháp dự phòng thích hợp.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi trắc nghiệm
46	Dinh dưỡng - VSATTP - Sức khỏe môi trường	- Vai trò, nhu cầu, nguồn gốc của các chất dinh dưỡng thiết yếu đối với cơ thể người. - Ngộ độc thức ăn và các biện pháp dự phòng. - Mối liên quan giữa môi trường đối với sức khỏe người.	2	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận

		- Các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người.			
47	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	- Tầm quan trọng của Truyền thông - Giáo dục sức khỏe và trách nhiệm của cán bộ y tế trong công tác Truyền thông - Giáo dục sức khỏe. - Các khái niệm về giáo dục và nâng cao sức khỏe. Vị trí, vai trò và mục đích của TT- GDSK trong chăm sóc sức khỏe. - Các khái niệm hành vi và hành vi sức khỏe, các bước của quá trình thay đổi hành vi. - Các khâu cơ bản của quá trình truyền thông. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông. - Các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe. - Lập được kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	1	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
48	Tổ chức Y tế - CTYTQG	- Mô hình sức khỏe và bệnh tật ở Việt Nam. - Tổ chức hệ thống y tế Việt Nam. - Chính sách y tế, quản lý bệnh viện. - Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh nguy hiểm không lây giai đoạn 2015 - 2025.	1	Học kỳ 2 năm 2	Thi tự luận
49	Huyết học tế bào 2	- Trang bị các kiến thức về hệ thống kháng nguyên, kháng thể hệ hồng cầu. - Trang bị các kiến thức để có thể vận hành máy huyết học tự động. - Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm: đo thể tích khối hồng cầu, định lượng huyết sắc tố,... - Nhận định được tất cả các tế bào và các thành phần khác trong cặn lắng nước tiểu. - Phân tích được kết quả của xét nghiệm công thức máu.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận
50	Xét nghiệm tế bào 1	- Trang bị những kiến thức cơ bản về lĩnh vực giải phẫu bệnh - tế bào học. - Hướng dẫn nhận xét và đánh giá các loại bệnh phẩm tế bào cụ thể. - Hướng dẫn thực hiện một số phương pháp kỹ thuật xét nghiệm tế bào học thường quy. - Hướng dẫn kiểm tra và đánh giá tiêu bản sau khi thực hiện các quy trình kỹ thuật, xem xét mức độ đạt yêu cầu kỹ thuật dùng cho chẩn đoán tế bào học.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận

51	Hóa sinh 3	- Trình bày được quá trình chuyển hóa của muối nước trong cơ thể và thực hiện, giải thích được nguyên nhân, hậu quả của sự rối loạn muối nước. - Biện luận được giá trị các xét nghiệm gan mật, tiết niệu trong huyết tương và nước tiểu. - Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm về gan mật, tiết niệu trong huyết tương và nước tiểu.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận
52	Vi sinh 3	- Cung cấp các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp. - Hướng dẫn các bước tiếp cận chuẩn đoán và kế hoạch điều trị một số bệnh do các vi khuẩn thường gặp gây nên. - Hướng dẫn tầm quan trọng của các phương pháp chẩn đoán huyết thanh học. - Trang bị quy trình kỹ thuật kháng sinh đồ định lượng thường được sử dụng trên lâm sàng. - Trang bị các quy trình xét nghiệm tìm một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong các bệnh phẩm trên lâm sàng.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận
53	Ký sinh trùng 2	- Phân tích đúng đặc điểm một số đơn bào thường gặp. - Trình bày chi tiết đặc điểm một số đơn bào thường gặp. - Mô tả chi tiết đúng một số hình thể nấm ký sinh thường gặp. - Nhận biết và phân tích đúng đặc điểm một số nấm ký sinh thường gặp.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận
54	Huyết học truyền máu	- Trang bị những kiến thức về tiêu chuẩn của người hiến máu và phân loại được các chế phẩm máu. - Trình bày được các biện pháp bảo đảm an toàn và những tai biến có thể xảy ra trong truyền máu. - Thực hiện được các xét nghiệm phân loại nhóm máu và xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường. - Thực hiện được xét nghiệm hòa hợp nhóm máu để truyền cho bệnh nhân.	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận
55	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm	2	Học kỳ 1 năm 3	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

		lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). - Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. - Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.			
56	Khởi nghiệp	- Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân. - Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó. - Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp. - Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.	2	Học kỳ 1 năm 3	Đề án startup thu hoạch
57	Hóa sinh 4	- Biện luận được giá trị các xét nghiệm tim mạch, bệnh nội tiết, ung thư. - Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm về tim mạch, bệnh nội tiết, ung thư. - Biết được các chỉ dấu ung thư. - Biết các thành phần và xét nghiệm dịch sinh vật.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận
58	Vi sinh 4	- Hướng dẫn tầm quan trọng của nguyên tắc thu thập vào bảo quản bệnh phẩm. - Hướng dẫn các trang thiết bị cơ bản của một phòng xét nghiệm vi sinh. - Hướng dẫn tầm quan trọng của các kỹ thuật khảo sát trực tiếp bệnh phẩm vi sinh. - Trang bị các quy trình xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm vi sinh thường gặp trên lâm sàng.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận
59	Ký sinh trùng 3	- Phân tích được đặc điểm hình thể từng loại ký sinh trùng sốt rét. - Trình bày được quy trình xét nghiệm máu phát hiện ký sinh trùng sốt rét.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận

		- Phân tích được đặc điểm hình thể một số loại tiết tủy y học thường gặp. - Trình bày quy trình bắt muỗi, mổ muỗi, định loại muỗi.			
60	Xét nghiệm tế bào 2	- Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản, những biến đổi hình thái học của tế bào trong một số bệnh lý cụ thể. - Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản, những biến đổi hình thái học của tổ chức mô trong một số bệnh lý cụ thể. - Hướng dẫn đánh giá, đối chiếu kết quả tế bào học và mô bệnh học các bệnh lý thường gặp, qua đó củng cố lại các kỹ thuật tế bào. - Hướng dẫn kiểm tra và đánh giá tiêu bản sau khi thực hiện các quy trình kỹ thuật, xem xét mức độ đạt yêu cầu kỹ thuật dùng cho chẩn đoán tế bào - mô bệnh học.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận
61	Bệnh học nội khoa	- Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý Nội khoa thường gặp. - Triệu chứng một số bệnh lý Nội khoa thường gặp. - Chẩn đoán một số bệnh lý Nội khoa thường gặp. - Điều trị một số bệnh lý Nội khoa thường gặp. - Phòng bệnh một số bệnh Nội khoa thường gặp.	1	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận
62	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	- Trình bày được các nguyên tắc và các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học. - Trình bày được các mục cần có trong đề cương nghiên cứu. - Viết được một đề cương nghiên cứu theo trình tự qui định. - Nhận thức vai trò của y học thực chứng thông qua nghiên cứu khoa học. - Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi tự luận
63	Thực tập Vi sinh 1	- Hướng dẫn tầm quan trọng của các phương pháp thu thập, vận chuyển và bảo quản bệnh phẩm vi sinh trên lâm sàng. - Hướng dẫn các bước thực hiện pha chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn thường dùng tại phòng xét nghiệm vi sinh. - Hướng dẫn tầm quan trọng của các kỹ thuật khảo sát trực tiếp các bệnh phẩm vi sinh. - Cung cấp các biện pháp khử trùng, tiệt trùng thường dùng tại các phòng xét nghiệm	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi thực hành

		- Trang bị quy trình chẩn đoán các cầu khuẩn Gram dương và trực khuẩn Gram âm thường gặp trên lâm sàng.			
64	Thực tập Hóa sinh 1	- Trang bị những kiến thức về các xét nghiệm về Hormon. - Hướng dẫn xét nghiệm các chất điện giải. - Hướng dẫn xét nghiệm về dịch thấm và dịch tiết. - Hướng dẫn kiểm tra và đánh giá đúng về quy trình kỹ thuật các xét nghiệm Hormon, các chất điện giải, các xét nghiệm hóa sinh.	2	Học kỳ 2 năm 3	Thi thực hành
65	Thực tế nghề nghiệp	- Hướng dẫn sinh viên hệ thống hóa và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đã được đào tạo vào thực tiễn tại cơ sở y tế. - Hướng dẫn sinh viên hiểu được chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của cơ sở y tế cũng như chức năng, nhiệm vụ của một cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học. - Trang bị kiến thức cho sinh viên về thực tiễn công tác xét nghiệm ở cơ sở y tế, phát triển khả năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế cũng như kỹ năng làm việc nhóm, phân công công việc hiệu quả. - Trang bị cho sinh viên kỹ năng tay nghề, thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật xét nghiệm cũng như những công việc liên quan. - Trang bị kiến thức cho sinh viên về quy trình nội kiểm, ngoại kiểm, an toàn sinh học và quản lý, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, vật tư hóa chất trong phòng xét nghiệm.	2	Học kỳ 2 năm 3	Sổ tay thực tế nghề nghiệp
66	Thực tập Huyết học 1	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về huyết học để sinh viên có thể áp dụng trong thực tiễn sau khi ra trường. - Ôn tập cho sinh viên lại những kiến thức đã được học ở những học phần trước đó để sinh viên có thể nắm được những kiến thức nền tảng của ngành huyết học. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình xét nghiệm huyết học, biện luận được kết quả xét nghiệm huyết học và xử lý chúng. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết học.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi thực hành
67	Thực tập Ký sinh trùng 1	- Hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật thu thập và bảo quản phân để xét nghiệm tìm ký sinh trùng. - Hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi thực hành

		- Hướng dẫn thực hiện quy trình tập trung ký sinh trùng trong phân, cấy phân và nhuộm mẫu phân. - Hướng dẫn thực hiện được kỹ thuật đếm trứng theo phương pháp Kato - Katz và phương pháp Stoll.			
68	Thực tập Giải phẫu bệnh 1	- Trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong quy trình mô bệnh học thường quy. - Hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật bảo quản, cắt lọc, chọn mẫu bệnh phẩm. - Hướng dẫn thực hiện thành thạo kỹ thuật xử lý mô và nhuộm cơ bản trong quy trình mô bệnh học thường quy. - Hướng dẫn kiểm tra và đánh giá chất lượng tiêu bản sau khi thực hiện quy trình xét nghiệm, xem xét mức độ đạt yêu cầu kỹ thuật dùng cho chẩn đoán mô bệnh học.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi thực hành
69	Huyết học đông máu	- Trang bị những kiến thức về các yếu tố tham gia vào quá trình đông máu và cầm máu. - Trang bị những kiến thức về phân loại, vai trò tính chất vật lý và hóa học các loại protein đông máu, sơ đồ đông máu - cầm máu giai đoạn sơ khởi và giai đoạn huyết tương. - Nhận định được vai trò của các chất ức chế quá trình đông cầm máu. - Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm đông - cầm máu. - Biện luận được các kết quả của xét nghiệm đông - cầm máu.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận
70	Xét nghiệm huyết học nâng cao	- Trang bị những kiến thức về bệnh lý huyết học trên dòng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu. - Trang bị những kiến thức để sinh viên hiểu được cơ chế bệnh sinh và mô tả được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm chẩn đoán bệnh. Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành biện luận kết quả xét nghiệm và nghiên cứu khoa học. - Thực hiện đúng kỹ thuật, nhận diện được hình dạng, các chỉ số bình thường và bất thường của các loại tế bào máu từ non đến trưởng thành trong máu ngoại biên, các bệnh lý về máu thường gặp và các xét nghiệm huyết học chẩn đoán bệnh. - Thực hiện khả năng đọc, nhận dạng đúng và biện luận được kết quả huyết đồ.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận

71	Bệnh học ngoại khoa	- Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp. - Triệu chứng một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp. - Chẩn đoán một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp. - Điều trị một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp. - Phòng bệnh một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, cơ quan vận động: chi trên, chi dưới, sọ não, cột sống thường gặp.	1	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
72	Dược lý	- Đặc điểm dược động học của thuốc. - Tác dụng chính và tác dụng phụ thường gặp của một số nhóm thuốc thông thường. - Các thông tin về chỉ định, chống chỉ định của một số nhóm thuốc thông thường.	1	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận
73	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	- Hướng dẫn tầm quan trọng của các biện pháp chống nhiễm khuẩn bệnh viện. - Hướng dẫn xây dựng các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện. - Trang bị các biện pháp phòng ngừa phơi nhiễm với HIV, viêm gan B, viêm gan C do nghề nghiệp tại các cơ sở y tế khám chữa bệnh. - Trang bị các biện pháp khử trùng, tiệt trùng, vệ sinh môi trường bệnh viện thường được sử dụng. - Cung cấp kiến thức về các vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và cách phòng ngừa sự lan truyền của chúng.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận
74	Enzyme học lâm sàng	- Trang bị những kiến thức về cấu tạo và cơ chế hoạt động của Enzyme và CoE. - Hướng dẫn nhận xét và nhận định được các xét nghiệm Enzyme trong chẩn đoán và điều trị. - Hướng dẫn thực hiện thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật của các xét nghiệm Enzyme và CoE. - Hướng dẫn kiểm tra và đánh giá được kết quả sau khi thực hiện các quy trình kỹ thuật, xem xét mức độ đạt yêu cầu kỹ thuật dùng trong chẩn đoán và điều trị.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận hoặc trắc nghiệm

75	Đề kháng kháng sinh và các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt	- Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu về thuốc kháng sinh và các cơ chế kháng thuốc ở vi sinh vật - Trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết về kỹ thuật thực hiện kháng sinh đồ cơ bản và chuyên biệt. Ứng dụng trong phát hiện các vi sinh vật kháng ESBL, MRS, MLS_B. - Trang bị cho sinh viên các quy trình thực hiện các kỹ thuật PCR trong xác định vi sinh vật kháng thuốc - Cung cấp cho sinh viên một số nguyên tắc an toàn thí nghiệm và các bước thực hiện xét nghiệm kháng sinh đồ phát hiện vi sinh vật kháng thuốc - Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành quy trình xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật kháng thuốc theo kỹ thuật kháng sinh đồ cơ bản và chuyên biệt.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận
76	Hóa sinh máu	- Trang bị những kiến thức cơ bản về chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu. - Hướng dẫn thực hiện thành thạo, đúng qui trình kỹ thuật các xét nghiệm về hoá sinh máu. - Hướng dẫn biện luận được sự thay đổi các chỉ số Hóa sinh máu trong lâm sàng. - Hướng dẫn nhận xét và đánh giá sự thay đổi các chỉ số Hóa sinh trong máu.	2	Học kỳ 1 năm 4	Thi tự luận hoặc trắc nghiệm
77	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	- Hướng dẫn tầm quan trọng của đảm bảo chất lượng xét nghiệm. - Cung cấp các quy trình bảo dưỡng, bảo trì, hiệu chuẩn định kỳ thiết bị xét nghiệm. - Hướng dẫn được quy trình đánh giá chất lượng xét nghiệm trong phòng xét nghiệm (Nội kiểm tra chất lượng) và so sánh với các phòng xét nghiệm khác (Ngoại kiểm tra).	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi tự luận
78	Thực tập Giải phẫu bệnh 2	- Hướng dẫn thực hiện kỹ thuật nhuộm Papanicolaou. - Hướng dẫn thực hiện thành thạo quy trình xét nghiệm, chẩn đoán tầm soát ung thư cổ tử cung. - Hướng dẫn đánh giá chất lượng tiêu bản. - Hướng dẫn giải thích, biện luận kết quả xét nghiệm tế bào cổ tử cung.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành
79	Thực tập Vi sinh 2	- Hướng dẫn tầm quan trọng của các phương pháp thu thập, vận chuyển và bảo quản bệnh phẩm vi sinh trên lâm sàng.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành

		- Cung cấp các bước thực hiện pha chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn thường dùng tại phòng xét nghiệm vi sinh. - Trang bị quy trình thực hiện kỹ thuật kháng sinh đồ định tính và định lượng. - Trang bị quy trình chẩn đoán vi sinh vật ở các bệnh phẩm vi sinh thường gặp trên lâm sàng.			
80	Thực tập Ký sinh trùng 2	- Hướng dẫn nhận dạng được hình thể, đặc điểm sinh học, hình thể, chu trình phát triển của ký sinh trùng sốt rét, tiết túc và một số vi nấm thường gặp. - Hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật thu thập, bảo quản và vận chuyển đúng nguyên tắc. - Hướng dẫn thực hiện thành thạo kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, xét nghiệm vi nấm và thu thập tiết túc.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành
81	Thực tập Huyết học 2	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về huyết học để sinh viên có thể áp dụng trong thực tiễn sau khi ra trường. - Ôn tập cho sinh viên lại những kiến thức đã được học ở những học phần trước đó để sinh viên có thể nắm được những kiến thức nền tảng của ngành huyết học. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình xét nghiệm huyết học, biện luận được kết quả xét nghiệm huyết học và xử lý chúng. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết học.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành
82	Thực tập Hóa sinh 2	- Trang bị những kiến thức về các xét nghiệm, thử nghiệm dùng để thăm dò chức năng Tụy, Gan, Thận. - Hướng dẫn các xét nghiệm dùng để chẩn đoán tình trạng nhiễm độc - Hướng dẫn các xét nghiệm định lượng các chất chỉ điểm ung thư. - Hướng dẫn kiểm tra, bảo quản tốt máy móc, thiết bị, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và trung thực trong thao tác kỹ thuật.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành
83	Khóa luận tốt nghiệp	- Viết được một báo cáo nghiên cứu theo đúng trình tự qui định. - Nhận thức vai trò nghiên cứu khoa học trong công việc chăm sóc sức khỏe. - Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác nghiên cứu khoa học.	10	Học kỳ 2 năm 4	Khóa luận tốt nghiệp
84	Chuyên đề	- Viết được một báo cáo nghiên cứu theo đúng trình tự qui định.	4	Học kỳ 2	Chuyên đề

	tốt nghiệp	- Nhận thức vai trò nghiên cứu khoa học trong công việc chăm sóc sức khỏe. - Hợp tác và chia sẻ với các bên liên quan trong công tác nghiên cứu khoa học.		năm 4	tốt nghiệp
85	Ký sinh trùng cuối khóa	- Hướng dẫn nhận dạng được hình thể, đặc điểm sinh học, hình thể của các ký sinh trùng phổ biến. - Hướng dẫn vận dụng chu trình phát triển cũng như các tính chất sinh học của ký sinh trùng để giải thích đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và phòng ngừa các bệnh do ký sinh trùng gây ra.	1	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành
86	Vi sinh cuối khóa	- Hướng dẫn tầm quan trọng của về an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm. - Cung cấp các kiến thức về vi khuẩn gây bệnh thường gặp và phương pháp chuẩn đoán các vi khuẩn này trên lâm sàng. - Trang bị các kỹ thuật kháng sinh đồ định tính và định lượng. - Cung cấp lại các kiến thức cơ bản về một số kỹ thuật vi sinh đã được học ở những học kỳ trước như pha chế thuốc nhuộm, môi trường nuôi cấy, kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn,...	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi tự luận
87	Hoá sinh cuối khóa	- Trang bị những thức về nguyên lý của các xét nghiệm thường dùng trong chẩn đoán, theo dõi một số bệnh gan mật, thận, tim mạch, tuyến giáp và một số tuyến nội tiết khác. - Hướng dẫn thực hiện được các xét nghiệm thường dùng trong chẩn đoán, theo dõi một số bệnh gan mật, thận, tim mạch, tuyến giáp và một số tuyến nội tiết khác. - Hướng dẫn đánh giá và biện luận được các xét nghiệm thường dùng trong chẩn đoán, theo dõi một số bệnh gan mật, thận, tim mạch, tuyến giáp và một số tuyến nội tiết khác. - Hướng dẫn kiểm tra và bảo quản tốt máy móc, thiết bị, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và trung thực trong thao tác kỹ thuật.	2	Học kỳ 2 năm 4	Thi tự luận hoặc trắc nghiệm
88	Huyết học cuối khóa	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về huyết học để sinh viên có thể áp dụng trong thực tiễn sau khi ra trường. - Ôn tập cho sinh viên lại những kiến thức đã được học ở những học phần trước đó để sinh viên có thể nắm được những kiến thức nền tảng của ngành huyết học.	1	Học kỳ 2 năm 4	Thi thực hành

		- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình xét nghiệm huyết học, biện luận được kết quả xét nghiệm huyết học và xử lý chúng. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết học.			

8.5. Điều dưỡng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
2.	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó góp phần rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
6.	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc và kỹ năng viết cho sinh viên năm thứ nhất không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi

		1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở học phần Tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.			cuối kì ≥60%
7.	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
8.	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK4	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%

9.	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
10.	Xác suất và thống kê	Học phần xác suất thống kê gồm hai phần chính. Phần một cung cấp khái niệm về lý thuyết xác suất và quy luật phân phối xác suất, bao gồm: định nghĩa xác suất, các công thức tính xác suất, lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Phần hai trình bày lý thuyết thống kê. Cụ thể, vận dụng các quy luật xác suất để nghiên cứu thống kê, bao gồm các phần chính sau đây: thu thập số liệu, tính toán các tham số thống kê mẫu, trình bày lý thuyết ước lượng các tham số thống kê của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết tương quan hồi quy. Trình bày một số mô hình thống kê thông dụng trong các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp, sinh học, chăn nuôi thú y, y học, giáo dục...	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
11.	Tin học đại cương	Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

		liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.			
12.	Hóa học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp cho sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, khái niệm về dung dịch và các đặc điểm của dung dịch; các vấn đề kiến thức cơ bản trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ. Các kiến thức đại cương này giúp sinh viên vận dụng để học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học. Hơn nữa học phần còn trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm, trên cơ sở các bài thí nghiệm để hiểu sâu sắc thêm phần lí thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
13.	Sinh học đại cương	Sinh học đại cương là học phần bao gồm những kiến thức khái quát nhất về Sinh học; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể sinh vật đa bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị và vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái và các loại diễn thế sinh thái. Rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm. Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Tế bào học, Di truyền học, Di truyền y học, Di truyền người và quần thể, Sinh học thực vật, Thực vật học, Hình thái – Giải phẫu thực vật, Phân loại học thực vật, Sinh lý học thực vật, Giải phẫu – Sinh lý người và động vật, Tiến hóa và đa dạng sinh học, Khoa học môi trường, Sinh học phát triển, Hóa sinh, Vi sinh, Lý sinh... Vì thế các	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		kiến thức của học phần là cơ sở để giải thích một số hiện tượng Sinh học trong tự nhiên và đời sống, làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần có liên quan trong chương trình đào tạo của các ngành: Y học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm Sinh, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Thú y, Chăn nuôi - Thú y...			
14.	Di truyền đại cương	Học phần Di truyền đại cương được thiết kế cho sinh viên ngành Điều dưỡng nhằm mục đích cung cấp kiến thức về: Các quy luật di truyền người; di truyền trong y học; và di truyền học lâm sàng. Với nội dung trên, học phần Di truyền đại cương cung cấp kiến thức nền tảng cho người học để có thể nhận diện một số bệnh di truyền, cách phòng tránh các bệnh di truyền. Trên cơ sở đó, người học có thể: (1) chăm sóc bệnh nhân, đặc biệt là các bệnh nhân mắc bệnh di truyền tốt hơn, (2) tham gia vào một số công đoạn trong công tác tư vấn di truyền, (3) tiếp tục học tập và nghiên cứu sâu hơn về các lĩnh vực liên quan.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
15.	Thể dục cơ bản và điền kinh	Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
16.	Cờ vua 1	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
17.	Bóng chuyền cơ bản	Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

		hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			
18.	Bơi lội cơ bản	Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
19.	Cầu lông cơ bản	Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động. Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
20.	Bóng bàn cơ bản	Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi

		bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt			cuối kì ≥80%
21.	Cờ vua 2	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.	1	HK2	Điểm tích lũy ≤20%, điểm thi cuối kì ≥80%
22.	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
23.	Taekwondo cơ bản	Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.	1	HK3	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%
24.	Bóng đá cơ bản	Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể	1	HK3	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%

		lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thể hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.			
25.	Bóng rổ cơ bản	Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
26.	Cờ vua 3	Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
27.	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.			
28.	Công tác quốc phòng và an ninh	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
29.	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		tiền công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).			
31.	Giải phẫu	Học phần Giải phẫu trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: - Giải phẫu học là môn học nghiên cứu các hình thể và cấu trúc của cơ thể. Mối liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường. Đây là môn học cơ sở rất cần thiết cho các môn học khác cũng như các môn y học lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức cấu tạo giải phẫu theo hệ thống các hệ cơ quan: hệ xương, hệ cơ, hệ thần kinh – giác quan, hệ nội tiết, hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, hệ sinh dục. Đồng thời học phần cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng chi, đầu mặt, thần kinh để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức các môn chuyên ngành.	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 10\%$, điểm thi cuối kì $\geq 90\%$
32.	Mô phôi	Học phần này gồm các bài học giúp trang bị cho sinh viên kiến thức có thể mô tả và nhận biết được cấu trúc vi thể của các mô trong cơ thể bình thường và cấu trúc vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người. Nhận ra những thay đổi bệnh học trong các mô và các cơ quan. .	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
33.	Sinh lý	Môn Sinh lý học là môn học nghiên cứu chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường, nghiên cứu vai trò điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể. Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của y học. Những kiến thức về sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Sinh lý học là một ngành khoa học chức năng vì vậy nó liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học hình thái như giải phẫu học, mô học, và ngành khoa học tự nhiên như: sinh học và lý sinh học...Cấu trúc và chức năng có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó chức năng quyết định cấu trúc, vì vậy để học tốt môn sinh lý học trước hết cần phải có kiến thức về giải phẫu và mô học, cần có	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		sự so sánh liên hệ về chức năng giữa các cơ quan và hệ thống cơ quan, phải đặt chúng trong mối liên quan với nhau và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường và phải biết áp dụng các kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng, các triệu chứng trong trường hợp bệnh lý.			
34.	Hóa sinh	Hoá sinh là môn học mô tả cấu tạo và chuyển hoá các chất trong cơ thể, như glucid, lipid, protid, vai trò và cấu trúc, phân loại, cơ chế hoạt động của các chất xúc tác sinh học (enzym), các cơ chế để tạo ra năng lượng cho tế bào hoạt động. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự chuyển hóa các chất glucid, lipid, protid, hệ thống thận và nước tiểu. Qua đó, sinh viên hiểu được mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và mối liên quan giữa quá trình chuyển hóa các chất với các bệnh lý cụ thể. Trong quá trình chuyển hóa sẽ gây ra một số rối loạn chuyển hóa từ đó gây ra các bệnh cảnh trên lâm sàng. Từ đó sinh viên có thể lý giải nguyên nhân, cơ chế và cách phòng ngừa các bệnh này. Phần thực hành sẽ giúp sinh viên thực hiện, giải thích được cơ chế phản ứng của các thí nghiệm trong thực hành từ đó giúp sinh	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
35.	Vi sinh vật	Vi sinh là một trong những học phần cơ sở, nghiên cứu về vi khuẩn, vi rút những lợi hại do chúng mang đến cho tự nhiên và sức khỏe con người và cách để kiểm soát chúng. Và với tình trạng các vi sinh vật đang ngày càng đề kháng lại các phương pháp điều trị như hiện nay thì việc nắm được cơ chế đề kháng cũng như mức độ đề kháng của vi sinh vật sẽ giúp cho việc điều trị và dự phòng hiệu quả hơn Học phần Vi sinh cung cấp cho sinh viên cử nhân điều dưỡng năm thứ 2 những kiến thức, thông tin cơ bản về lĩnh vực vi sinh y học: hình thể, cấu tạo của vi khuẩn, vi rút, tính chất cụ thể của 1 số vi khuẩn và vi rút gây bệnh, phương pháp định danh và kháng sinh đồ. Học phần này có liên quan đến những học phần chẩn đoán và điều trị khác như: nội, ngoại, sản nhi, truyền nhiễm...	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36.	Ký sinh trùng	Phần lý thuyết (7,5 tiết): Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng Y học, những đặc điểm cơ bản về hình thể, sinh lý, sinh thái của một số bệnh ký sinh trùng phổ biến ở Việt nam và Tây Nguyên. Sinh viên sẽ phân tích được tác hại của các loại ký sinh trùng, đưa ra biện pháp phòng	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi

		chống. Phần thực tập (15 tiết): Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhận biết hình thể một số đơn bào, giun truyền qua đất, sán dây, sán lá thường gặp ở Việt nam và Tây Nguyên. Hướng dẫn cách lấy bệnh phẩm phân và lấy máu và xử lý mẫu bệnh phẩm.			cuối kì ≥70%
37.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Sinh lý bệnh là môn học nghiên cứu về những quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, từ đó nắm được những rối loạn chức năng của từng cơ quan, bộ máy của cơ thể bị bệnh, nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân của bệnh, cơ chế bệnh sinh của những triệu chứng, hội chứng và biến chứng, để giúp cho công tác phòng bệnh và điều trị có kết quả. Từ việc nghiên cứu qui luật hoạt động của từng bệnh, từng cơ quan bộ máy bị bệnh, đến việc nghiên cứu quy luật hoạt động của cơ thể nói chung trong những trường hợp bệnh lý cụ thể, môn Sinh lý bệnh học khái quát hoá các quá trình bệnh lý, rút ra những đặc điểm chủ yếu, những điểm chung nhất của bệnh để tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, giúp cho việc phòng bệnh và điều trị ngày càng tốt hơn	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
38.	Dược lý học	Dược lý học là một học phần cơ sở rất quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì đây là môn học góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các môn chuyên ngành đặc biệt là phần chăm sóc bệnh nhân. Học phần Dược lý trang bị cho sinh viên cử nhân điều dưỡng những kiến thức cơ bản về thuốc bao gồm: dược động học, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, tương tác thuốc và liều dùng với mục tiêu sử dụng thuốc một cách an toàn, hiệu quả và hợp lý cho bệnh nhân. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số học phần khác như: lý sinh, giải phẫu, giải phẫu bệnh, hóa sinh, sinh lý, sinh lý bệnh – miễn dịch, vi sinh, kí sinh trùng...	4	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
39.	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	Dịch tễ học là khoa học nghiên cứu về tình trạng sức khỏe quần thể và các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe đó. Xác định mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe và yếu tố liên quan từ đó xây dựng giải pháp (như phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật) để can thiệp nhằm nâng cao tình trạng sức khỏe. Dịch tễ học giúp nhân viên y tế xác định các yếu tố nguy cơ của bệnh, phát triển và tối ưu hóa phương thức điều trị của y học lâm sàng.	2	HK6	Điểm tích lũy ≤40%, điểm thi cuối kì ≥60%

		Trong khuôn khổ của chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng, không thể đề cập hết những lĩnh vực nghiên cứu dịch tễ học. Ở học phần này học viên được trang bị các khái niệm và nguyên lý dịch tễ học để dự phòng và chăm sóc sức khỏe. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến các vấn đề sức khỏe và bệnh tật. Hiểu và giải thích được các chỉ số sức khỏe cho bệnh nhân, người nhà, đồng nghiệp và cộng đồng			
40.	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	Dinh dưỡng học và vệ sinh an toàn thực phẩm đã là lĩnh vực có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Về lĩnh vực dinh dưỡng cơ sở, học phần dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng với sức khỏe - bệnh tật; vai trò, nhu cầu, nguồn gốc của các chất dinh dưỡng cơ bản như: Protein, glucid, lipid, vitamin và khoáng chất. Hướng dẫn cho sinh viên tính toán được nhu cầu năng lượng và nhu cầu các chất dinh dưỡng phù hợp cho từng đối tượng khác nhau về giới, tuổi, nghề nghiệp và nguyên tắc xây dựng chế độ ăn cho một số bệnh mãn tính. Học phần này cũng sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Thành phần, giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm; các bệnh có thể gặp khi ăn các loại thực phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh; một số ngộ độc thức ăn theo nguyên nhân và cách phòng tránh.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41.	Sức khỏe môi trường	Học phần sức khỏe môi trường phân tích mối quan hệ mật thiết giữa môi trường sống của con người nói riêng và sinh vật trên trái đất nói chung, để tìm ra các hiểu biết cần thiết và các biện pháp hữu hiệu nhất bảo vệ sức khỏe con người và sinh vật trên trái đất. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về tác động của ô nhiễm môi trường sống, môi trường lao động đến sức khỏe con người và sinh vật trên trái đất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra những giải pháp phù hợp cải thiện môi trường để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
42.	Dân số học	Dân số học luôn là vấn đề không chỉ có các nhà khoa học, các chuyên gia mà ngay cả các chính phủ, các tổ chức xã hội đều rất quan tâm. Quy mô, cơ cấu,	1	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

		chất lượng và tốc độ tăng dân số có ảnh hưởng rất lớn đến các vấn đề xã hội như y tế, giáo dục ... và quá trình phát triển kinh tế. Ngược lại, phát triển kinh tế xã hội có tác động trực tiếp đến mức sinh, mức chết, phân bố dân số và chất lượng dân cư của một vùng, một quốc gia cụ thể. Môn học gồm 2 nội dung chính về kiến thức là dân số học cơ bản và mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề của phát triển. Qua đó, Chính phủ của các nước có các chính sách phù hợp trong việc thay đổi xu hướng dân số hiện hành vì sự tồn tại và phồn vinh ở mỗi quốc gia.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
43.	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Bởi vì, hiện nay Giáo dục sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của tất cả các cán bộ y tế và các cơ sở y tế. Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học Cử nhân Điều dưỡng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng. Nội dung học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên Điều dưỡng một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: Kiến thức tổng quát về giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, các bước thay đổi hành vi; lựa chọn được các phương pháp, phương tiện truyền thông, giao tiếp phù hợp với nội dung giáo dục sức khỏe; lập được một kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
44.	Tổ chức y tế	Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao. Đòi hỏi những người hoạt động trong lĩnh vực y tế không chỉ phải phát triển năng lực về chuyên môn khám chữa bệnh. Bên cạnh đó, các nhà quản lý y tế cần phải chú trọng để cải thiện toàn diện chất lượng dịch vụ từ kiến thức đến kỹ năng quản lý tổ chức, giao tiếp truyền thông giáo dục sức khỏe. Học phần Tổ chức y tế gồm các kiến thức cơ bản về tổ chức hệ thống y tế, quản lý bệnh viện và chính sách y tế. trên cơ sở đó sẽ giúp các bạn sinh viên là những nhân viên y tế trong tương lai có thể hiểu biết sâu về các vấn đề chính trị, xã hội, quản lý, từ đó giúp họ có thể tổ chức thực hiện các	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		hoạt động, dịch vụ y tế có hiệu quả ngày càng cao đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.			
45.	Tâm lý Y học – Y đức	Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tâm lý y học, tâm lý lứa tuổi và tâm lý của bệnh nhân, các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp, mối quan hệ của thầy thuốc với bệnh nhân, gia đình, cộng đồng và đồng nghiệp. Các khái niệm đạo đức chung và đạo đức nghề y, nguyên lý cơ bản của đạo đức y học và khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu. Đề cập đến tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng bệnh nhân. Phần này cũng đề cập đến cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân. Những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
46.	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 20\%$, điểm thi cuối kì $\geq 80\%$
47.	Tiếng anh Điều dưỡng	Học phần Tiếng Anh Điều Dưỡng là một trong những học phần thuộc về nhóm kiến thức ngoại ngữ. Tiếng Anh điều dưỡng gồm các bài hội thoại tại bệnh viện, phòng khám, các bài đọc, bài nghe, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức về từ vựng Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành điều dưỡng, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết liên quan đến chuyên ngành điều dưỡng. Ngoài ra học phần Tiếng Anh điều dưỡng còn giúp người học có vốn từ ngữ, thuật ngữ Tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành điều dưỡng phục vụ cho việc đọc và nghiên cứu tài liệu chuyên sâu bằng Tiếng Anh.	3	HK6	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$

48.	Điều dưỡng cơ bản 1	Học phần này thuộc nhóm học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần nhằm tập trung chính vào vai trò của người điều dưỡng trong việc cung cấp các thực hành chăm sóc cơ bản cho người bệnh. Sinh viên sẽ được cung cấp đầy đủ những kiến thức về lý luận cơ bản của điều dưỡng: lịch sử ngành điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng. Kiến thức, kỹ năng cần thiết về lập quy trình chăm sóc người bệnh, tiếp nhận người bệnh vào viện, quy trình chuyển viện, xuất viện. Ghi chép hồ sơ chăm sóc theo quy định. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị kiến thức để hỗ trợ người bệnh và người nhà người bệnh về mặt tinh thần. Thực hành các kỹ năng chăm sóc đáp ứng nhu cầu cơ bản: vệ sinh da, tóc, móng, thiết lập môi trường chăm sóc ăn toàn và tạo sự thoải mái cho người bệnh. Kỹ năng nhận định, giải quyết vấn đề được phát triển của học phần này sẽ là nền tảng cho việc chăm sóc dựa vào chứng cứ và thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành điều dưỡng.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
49.	Điều dưỡng cơ bản 2 LT	Học phần này nhằm tập trung chính vào vai trò của người điều dưỡng trong việc cung cấp các thực hành chăm sóc. Sinh viên sẽ được cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng cơ bản về các quy trình kỹ thuật điều dưỡng, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Qua học phần này sinh viên được hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, ra quyết định, giải quyết vấn đề.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
50.	Điều dưỡng cơ bản 2TH	Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng theo quy trình kỹ thuật (có bảng kiểm) như hút đờm rãi, thở oxy, rửa dạ dày, cho ăn qua thông, tiêm thuốc, truyền dịch ... Các kỹ thuật chăm sóc - cấp cứu cho bệnh nhân như thay băng vết thương, cắt chỉ vết khâu....Các bước tiến hành trong thực hiện kỹ thuật có sử dụng máy chuyên dụng như: bơm tiêm điện, máy truyền dịch....	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
51.	Thực hành bệnh viện điều dưỡng cơ bản	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về mục đích, nguyên tắc, và các quy trình kỹ thuật điều dưỡng, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh. Sinh viên thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và nhận biết, xử trí các tai biến của các kỹ thuật. Qua học phần này sinh viên sẽ được hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, ra quyết định giải quyết vấn đề. Trang bị cho sinh viên những năng lực cần thiết, làm nền tảng cho sự phát	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		triển tư duy, tạo nên nền tảng để cung cấp chứng cứ cơ bản cho việc chăm sóc điều dưỡng.			
52.	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	Học phần này gồm những bài học, giúp trang bị, bổ sung và cập nhật kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên về công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về Phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn, góp phần đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng. Học phần giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện và cộng đồng an toàn và hiệu quả.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
53.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	Nghiên cứu khoa học sức khỏe dùng để chỉ những nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu về sức khỏe con người. Nghiên cứu sức khỏe cũng nhằm mục đích tìm ra những cách tốt hơn để ngăn ngừa và điều trị bệnh. Nghiên cứu sức khỏe là một cách quan trọng để giúp cải thiện sự chăm sóc và điều trị của mọi người trên toàn thế giới. Có nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau để có được kiến thức mới: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính ... Trong chương trình đào tạo ngành cử nhân điều dưỡng, học phần này chỉ đề cập đến phương pháp nghiên cứu ứng dụng và định lượng với các bước chính: thu thập số liệu trên thực địa (hoặc bệnh viện), phân tích số liệu để có thông tin (trình bày trong phần kết quả) và lý giải các thông tin (trong phần bàn luận và kiến nghị) đó để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu hay đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 40\%$, điểm thi cuối kì $\geq 60\%$
54.	Điều dưỡng nội 1LT	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.			
55.	Điều dưỡng nội 1TH	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
56.	Điều dưỡng nội 2LT	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

57.	Điều dưỡng cơ bản 2TH	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
58.	Điều dưỡng ngoại 1LT	Học phần Điều dưỡng Ngoại 1 LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Điều dưỡng. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của điều dưỡng Ngoại khoa, hiểu được các khái niệm và lý thuyết về vấn đề sức khỏe Ngoại khoa, những kiến thức cơ bản về các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp, ở các hệ cơ quan trên cơ thể bao gồm hệ tiêu hóa, hệ da, nội tiết. Từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong việc nhận định được tình trạng bệnh nhân mắc một số bệnh lý Ngoại khoa (hệ tiêu hóa, hệ da, nội tiết). Xác định được các vấn đề sức khỏe, nhu cầu chăm sóc của bệnh nhân để hình thành chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp điều dưỡng. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
59.	Điều dưỡng ngoại 1TH	Học phần Điều dưỡng Ngoại 1 TH là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Điều dưỡng. Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức lý thuyết cơ bản của điều dưỡng ngoại khoa, về đặc điểm các bệnh lý ngoại khoa thường gặp trong thực hành chăm sóc bệnh nhân Ngoại khoa- bao gồm hệ tiêu hóa, hệ da, và nội tiết. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trong thực hành chăm sóc cơ bản và nâng cao với các kỹ thuật điều dưỡng chuyên biệt của Ngoại khoa trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng. Áp dụng được các	1	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan, chuyên ngành Ngoại khoa để chăm sóc và tư vấn giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp ở hệ tiêu hóa, hệ da, và nội tiết.			
60.	Điều dưỡng ngoại 2LT	Học phần Điều dưỡng Ngoại 2 LT là học phần rất cơ bản, quan trọng và bắt buộc đối với sinh viên Điều dưỡng. Học phần cung cấp và trang bị cho sinh viên các kiến thức về các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp, ở các hệ cơ quan trên cơ thể bao gồm hệ tiết niệu, hô hấp, cơ xương khớp. Từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền tảng trong việc nhận định được tình trạng bệnh nhân mắc một số bệnh lý Ngoại khoa (tiết niệu, lồng ngực, chấn thương chỉnh hình...). Xác định được các vấn đề sức khỏe, nhu cầu chăm sóc của bệnh nhân để hình thành chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp điều dưỡng. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
61.	Điều dưỡng ngoại 2TH	Đây là một học phần quan trọng không thể thiếu được trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lý thuyết của học phần Điều dưỡng Ngoại 2 LT về các bệnh cấp tính, mạn tính thường gặp ở Ngoại khoa Hệ lồng ngực, Hệ tiết niệu và chấn thương chỉnh hình trong thực hành chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa trên lâm sàng tại bệnh viện. Giúp sinh viên hệ thống lại và áp dụng được các kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan, chuyên ngành Ngoại vào thực tiễn để chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa tại bệnh viện. Đồng thời, có thể trang bị đầy đủ kỹ năng thực hành về lĩnh vực này để sinh viên có thể hành nghề sau khi ra Trường.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
62.	Điều dưỡng nhi LT	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những đặc điểm giải phẫu sinh lý, chức năng và sự phát triển thể chất, vận động, tinh thần bình thường của trẻ theo các lứa tuổi, nuôi dưỡng trẻ em, các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ các biện pháp phòng ngừa tai nạn rủi ro, một số rối loạn về thể chất tâm lý, lịch tiêm chủng,... Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những năng lực điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh, trẻ bệnh và dị tật bẩm sinh, tư vấn cho	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		người chăm sóc trẻ và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nhi khoa			
63.	Điều dưỡng nhi TH	Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lý thuyết sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động trẻ qua các giai đoạn phát triển, cũng như các bệnh cấp tính, mạn tính thường gặp ở Nhi khoa trong thực hành chăm sóc trẻ mắc bệnh Nhi khoa. Áp dụng được các kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan, chuyên ngành Nhi để chăm sóc trẻ mắc bệnh Nhi khoa, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc trẻ của bố mẹ và người thân.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
64.	Điều dưỡng phụ sản LT	Học phần Điều dưỡng Phụ Sản lý thuyết là một học phần bắt buộc, giúp sinh viên hoàn thiện hệ thống kiến thức nền tảng trước quá trình thực hành trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh toàn diện. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe bà mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, và thời kỳ mẫn kinh và các biến chứng, các bệnh lý sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản, nâng cao và toàn diện về Sản – phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ). Học phần này giúp cho sinh viên biết cách chăm sóc người bệnh mắc bệnh phụ khoa cấp tính và mạn tính. Áp dụng các kiến thức điều dưỡng và lý thuyết bệnh học liên quan để chăm sóc người phụ nữ trước, trong, sau khi sinh và người bệnh mắc bệnh phụ khoa, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc người bệnh của gia đình người bệnh.	3	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
65.	Điều dưỡng phụ sản TH	Học phần Điều dưỡng phụ sản thực hành là một học phần bắt buộc, giúp sinh viên hoàn thiện hệ thống kiến thức nền tảng và nâng cao sau quá trình học lý thuyết chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh toàn diện. Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức thực tế lâm sàng về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, các biến chứng sản khoa thường gặp và KHHGĐ. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản, và nâng cao thực tế lâm sàng trong công tác chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý đi kèm trước, trong và sau khi mang thai.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
66.	Điều dưỡng	Điều dưỡng truyền nhiễm là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này trang bị cho sinh viên các vấn đề về bệnh	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

	truyền nhiễm LT	học và chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm cũng như phòng lây nhiễm một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Từ đó, sinh viên có những năng lực điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
67.	Điều dưỡng truyền nhiễm TH	Điều dưỡng truyền nhiễm là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này trang bị cho sinh viên các vấn đề về bệnh học và chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm cũng như phòng lây nhiễm một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Từ đó, sinh viên có những năng lực điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe. Sinh viên được học học thực hành tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên (hình thức học: giao ban, giảng bài trên giường bệnh, bình kế hoạch chăm sóc, thảo luận ca bệnh...)	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
68.	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi LT	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người cao tuổi và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp ở người cao tuổi. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh cao tuổi tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
69.	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi TH	Học phần chăm sóc sức khỏe người cao tuổi là môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng, thực hành trong chăm sóc, xử trí người bệnh cao tuổi mắc các bệnh mạn tính. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về những thay đổi tâm lý, sinh lý của người cao tuổi, thực hiện các kỹ năng chăm sóc các bệnh thường	1	HK7	Điểm thi cuối kì 100%

		gặp ở người cao tuổi; thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh cao tuổi tại bệnh viện và cộng đồng.			
70.	Phục hồi chức năng LT	Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì nó là chuyên ngành gắn liền với sự chăm sóc bệnh nhân một cách toàn diện nhất. Sau khi học xong học phần này giúp sinh viên cử nhân điều dưỡng nắm được các khái niệm cơ bản về Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng; Phân tích được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa tàn tật; Các thương tật thứ cấp; Các kỹ thuật thăm khám để phát hiện các thương tật thứ cấp; Quá trình bệnh lý và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp như Tai biến mạch máu não, Tồn thương tủy sống...Biết cách kết hợp các kỹ thuật chăm sóc nội, ngoại khoa cùng với Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng nhằm đem lại hiệu quả chăm sóc tối ưu nhất. Để hoàn thành được học phần này sinh viên cần nắm vững các học phần: Nội khoa cơ sở, Ngoại khoa cơ sở.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
71.	Phục hồi chức năng TH	Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì nó là chuyên ngành gắn liền với sự chăm sóc bệnh nhân một cách toàn diện nhất. Học phần Phục hồi chức năng thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên điều dưỡng một số kiến thức, kỹ năng thăm khám lượng giá điều dưỡng trong thực hành lâm sàng về các thương tật thứ cấp thường gặp cũng như một số bệnh lý chuyên khoa. Giúp cho sinh viên điều dưỡng có kỹ năng áp dụng đúng các phương thức Vật lý trị liệu trong quá trình chăm sóc Phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc các bệnh lý chuyên khoa như Nội khoa, Ngoại khoa, Thần kinh... Học phần này có liên quan mật thiết với các học phần Nội khoa cơ sở TH, Ngoại khoa cơ sở TH.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
72.	Y học cổ truyền LT	Phục hồi chức năng là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì nó là chuyên ngành gắn liền với sự chăm sóc bệnh nhân một cách toàn diện nhất. Học phần Phục hồi chức năng thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên điều dưỡng một số kiến thức, kỹ năng thăm khám lượng giá điều dưỡng trong thực hành lâm sàng về các thương tật thứ cấp thường	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		gặp cũng như một số bệnh lý chuyên khoa. Giúp cho sinh viên điều dưỡng có kỹ năng áp dụng đúng các phương thức Vật lý trị liệu trong quá trình chăm sóc Phục hồi chức năng cho bệnh nhân mắc các bệnh lý chuyên khoa như Nội khoa, Ngoại khoa, Thần kinh... Học phần này có liên quan mật thiết với các học phần Nội khoa cơ sở TH, Ngoại khoa cơ sở TH.			
73.	Y học cổ truyền TH	- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam. - Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược	1	HK7	Điểm thi cuối kì 100%
74.	Điều dưỡng LCK hệ nội LT	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Nội là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì học phần này có liên quan đến một số bệnh lý phổ biến và ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe con người như lao phổi, đột quỵ, trầm cảm, chàm, ghẻ,... Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chăm sóc các bệnh kể trên cũng có nhiều điểm khác biệt so với một số bệnh lý của một số hệ cơ quan khác. Học phần Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Nội cung cấp, trang bị cho sinh viên điều dưỡng một số thông tin quan trọng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần này (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm cả quy trình chăm sóc một số bệnh thường gặp trong liên chuyên khoa hệ Nội. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng Nội khoa,...	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
75.	Điều dưỡng LCK hệ nội TH	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Nội là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng bởi vì học phần này có liên quan đến một số bệnh lý phổ biến và ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe con người như lao phổi, đột quỵ, trầm cảm, chàm, ghẻ,... Bên cạnh đó, các bước tiếp cận chăm sóc các bệnh kể trên cũng có nhiều điểm khác biệt so với một số bệnh lý của một số hệ cơ quan khác. Học phần Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Nội thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học	1	HK6	Điểm thi cuối kì 100%

		phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán điều dưỡng và chăm sóc một số bệnh thường gặp trong liên chuyên khoa hệ Nội. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Điều dưỡng cơ bản TH, Điều dưỡng Nội khoa TH, Phục hồi chức năng TH, Chẩn đoán hình ảnh TH,...			
76.	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ ngoại LT	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Ngoại là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng, là 3 chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường còn có nhiều bệnh lý có thể gây tử vong như áp xe não do tai, ung thư TMH, chấn thương đầu mặt cổ, tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như chăm sóc bệnh có nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác. Ở học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về giải phẫu sinh lý cơ quan Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, về các bệnh thường gặp ở Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt. Ngoài ra sinh viên có thể phát hiện được những bệnh toàn thân khác có biểu hiện tại Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt và có thể tư vấn phòng chống bệnh tật cho cộng đồng. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những năng lực điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, tư vấn đối với các bệnh nhân Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt và cộng đồng để phòng bệnh cũng như tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
77.	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ ngoại TH	Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Ngoại là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng, là 3 chuyên ngành quan trọng trong lĩnh vực Y khoa, có mối liên quan với nhiều chuyên ngành khác như Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt... Ngoài một số bệnh lý thông thường còn có nhiều bệnh lý có thể gây tử vong như áp xe não do tai, ung thư TMH, chấn thương đầu mặt cổ, tổn thương thị lực nặng nề cho người bệnh, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày. Việc tiếp cận chẩn đoán cũng như chăm sóc bệnh có	2	HK6	Điểm thi cuối kì 100%

		nhiều điểm khác biệt mang tính chất đặc thù so với các chuyên ngành y khoa khác. Ở học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về giải phẫu sinh lý cơ quan Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, về các bệnh thường gặp ở Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt. Ngoài ra sinh viên có thể phát hiện được những bệnh toàn thân khác có biểu hiện tại Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt và có thể tư vấn phòng chống bệnh tật cho cộng đồng. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những năng lực điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, tư vấn đối với các bệnh nhân Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt và cộng đồng để phòng bệnh cũng như tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt. Học phần Điều dưỡng liên chuyên khoa hệ Ngoại thực hành (TH) cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên y khoa một số kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (được trình bày chi tiết trong các phần sau), bao gồm: chẩn đoán điều dưỡng và chăm sóc một số bệnh thường gặp trong liên chuyên khoa hệ Ngoại. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Dược lý học, Điều dưỡng cơ bản TH, Điều dưỡng Ngoại khoa TH, Ngoại TK, Chẩn đoán hình ảnh TH,...			
78.	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu LT	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu. Tư vấn được cho bệnh nhân và thân nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh cho người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

79.	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu TH	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu. Tư vấn được cho bệnh nhân và thân nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh cho người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trong khoa Hồi Sức Cấp Cứu tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
80.	Quản lý điều dưỡng	Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ người Điều dưỡng trong hệ thống quản lý Điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
81.	Điều dưỡng cộng đồng	Điều dưỡng cộng đồng là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng, là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học Cử nhân điều dưỡng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng. Nội dung học phần này cung cấp cho sinh viên có kiến thức tổng quát Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, Nhằm phục hồi sức khỏe, định hướng phục vụ cộng đồng, các nhóm người có nguy cơ, các gia đình và các cá nhân một cách liên tục theo suốt cuộc đời họ, chứ không phải chỉ là khi họ bị bệnh tật hoặc thương tật. Nó được tổng hòa giữa khoa học y tế công cộng với kỹ thuật đặc thù của ngành điều dưỡng.	1	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

82.	Thực tập điều dưỡng cộng đồng	Thực tập điều dưỡng cộng đồng là một học phần rất quan trọng trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng, là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học Cử nhân điều dưỡng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc nói chung và trường Đại học Tây Nguyên nói riêng. Nội dung học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò người điều dưỡng trong cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc sức khỏe tại trạm y tế xã, phường và các cụm dân cư được cơ sở y tế công nhận là cơ sở thực hành của trường. Học phần này được thực hiện theo mục tiêu và chuẩn đầu ra với mục đích nhằm tạo ra cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng trong điều kiện thực tế của y tế tuyến huyện và xã. Ngoài việc thực hành các kỹ năng cần thiết đây là cơ hội tốt cho sinh viên học hỏi, quan sát các vấn đề sức khỏe đang xảy ra trong thực tế cộng đồng và các yếu tố môi trường tự nhiên, môi trường xã hội ảnh hưởng đến việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế của cộng đồng.	2	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
83.	Khởi nghiệp	Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.	2	HK5	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
84.	Điều dưỡng	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến vấn đề sức khỏe Ngoại khoa do tổn thương hệ thần kinh. Nhận định được các vấn đề	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

	ngoại thần kinh	chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân mắc bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Áp dụng được cách làm quy trình điều dưỡng trong thực hành để chăm sóc người mắc các bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân hoặc người nhà trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân tổn thương hệ thần kinh trên lâm sàng.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
85.	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Đây là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lý thuyết và thực hành trong chăm sóc người bệnh tại phòng phẫu thuật trên lâm sàng bệnh viện. Học phần này cung cấp các kiến thức về phòng mổ, giúp sinh viên áp dụng được các kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan vào thực tiễn để chăm sóc bệnh nhân tại phòng phẫu thuật ở bệnh viện. Qua đó, có thể trang bị đầy đủ kiến thức về lĩnh vực này để sinh viên có thể hành nghề sau khi ra Trường.	1	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
86.	Chăm sóc người bệnh có bệnh truyền nhiễm nâng cao	Chăm sóc người bệnh có bệnh truyền nhiễm nâng cao là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng giúp nâng cao kiến thức về bệnh truyền nhiễm. Ở học phần này sinh viên được trang bị cung cấp và rèn luyện cho sinh viên điều dưỡng một số kiến thức và kỹ năng liên quan đến các vấn đề về bệnh học và chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm nâng cao bao gồm chăm sóc và theo dõi diễn biến, triệu chứng, tiến triển và biến chứng, phòng lây nhiễm một số bệnh truyền nhiễm nâng cao, thực hành y lệnh chăm sóc, điều trị, dinh dưỡng và vệ sinh thân thể. Học phần này có liên quan mật thiết với một số học phần khác như: Điều dưỡng nội khoa TH, điều dưỡng nhi khoa TH, Sinh lý bệnh, Dịch tễ học,... Sinh viên được học học thực hành tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên (hình thức học thực hành: giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng bài bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh...)	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
87.	Chăm sóc người bệnh ung thư	Chăm sóc bệnh nhân ung thư là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này trang bị cho sinh viên các vấn đề về đại cương và chăm sóc giảm nhẹ đối với bệnh nhân mắc các bệnh ung thư. Từ	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		đó, sinh viên có những năng lực điều dưỡng để nhận định, theo dõi diễn biến, lập kế hoạch chăm sóc theo từng bước tương ứng các giai đoạn bệnh cho đến sau khi bệnh nhân mất, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe. Sinh viên được học thực hành tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên (hình thức học thực hành: giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng bài bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh...)			cuối kì ≥70%
88.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần đòi hỏi những kỹ năng giao tiếp và khả năng tiếp cận với thực tiễn của sinh viên. Thông qua thực tập tại các cơ sở y tế: bệnh viện, các trung tâm y tế, trạm y tế; và viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức về thực hành chuyên ngành điều dưỡng đồng thời bước đầu tiếp cận việc nghiên cứu khoa học theo một chuyên đề cụ thể.	10	HK8	Hoàn thành báo cáo theo quy định. Trình bày các nội dung liên quan đến báo cáo =100%
89.	Chuyên đề tốt nghiệp	- Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học, nghiên cứu việc triển khai trong thực tế tại đơn vị thực tập. - Tìm hiểu, học hỏi các vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc bệnh nhân thông qua kinh nghiệm của các cán bộ của đơn vị thực tập. - Thực hiện một chuyên đề tốt nghiệp phù hợp với ngành học hoặc gần ngành học dưới sự hướng dẫn của giáo viên được phân công.	3	HK8	Hoàn thành báo cáo theo quy định. Trình bày các nội dung liên quan đến báo cáo =100%
90.	Điều dưỡng nội TH	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập	4	HK8	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

		và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.			
91.	Điều dưỡng ngoại TH	Đây là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Học phần này giúp cho sinh viên hệ thống lại và vận dụng những kiến thức về lý thuyết cơ bản và nâng cao về các bệnh cấp tính, mạn tính thường gặp ở lĩnh vực Ngoại khoa trong thực hành chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa trên lâm sàng tại bệnh viện. Giúp sinh viên củng cố kiến thức và áp dụng một cách toàn diện các kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan, chuyên ngành Ngoại vào thực tiễn để chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa tại bệnh viện. Qua đó, có thể trang bị đầy đủ kiến thức về lĩnh vực này để sinh viên có thể hành nghề sau khi ra Trường.	4	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
92.	Điều dưỡng phụ sản TH	Học phần Điều dưỡng phụ sản thực hành là một học phần bắt buộc, giúp sinh viên hoàn thiện hệ thống kiến thức nền tảng và nâng cao sau quá trình học lý thuyết chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh toàn diện. Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức thực tế lâm sàng về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, các biến chứng sản khoa thường gặp và KHHGĐ. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản, và nâng cao thực tế lâm sàng trong công tác chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý đi kèm trước, trong và sau khi mang thai.	4	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
93.	Điều dưỡng nhi TH	Học phần này giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lý thuyết sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động trẻ qua các giai đoạn phát triển, cũng như các bệnh cấp tính, mạn tính thường gặp ở Nhi khoa trong thực hành chăm sóc trẻ mắc bệnh Nhi khoa. Áp dụng được các kiến thức y khoa cơ sở và chuyên ngành liên quan, chuyên ngành Nhi để chăm sóc trẻ mắc bệnh Nhi khoa, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc trẻ của bố mẹ và người thân.	4	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
94.	Chuyên đề điều dưỡng nội cuối khóa	Môn học tập trung vào vai trò của điều dưỡng đánh giá và xác định các vấn đề sức khỏe liên quan đến người bệnh mắc bệnh nội khoa và đưa ra các quyết định về thực hành và mục tiêu chăm sóc; Nhu cầu chăm sóc của người bệnh mắc bệnh nội khoa và vai trò của người điều dưỡng. Nội dung chính của học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm	1	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

		lý và các vấn đề sức khỏe của người bệnh mắc bệnh nội khoa; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người bệnh mắc bệnh nội khoa. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.			
95.	Chuyên đề điều dưỡng ngoại	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến khái niệm và lý thuyết về vấn đề sức khỏe Ngoại khoa nâng cao. Vận dụng được quy trình điều dưỡng để nhận định và phân tích được vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của người bệnh và gia đình khi mắc bệnh Ngoại chuyên khoa nâng cao (tim mạch can thiệp, cấp cứu ngoại khoa...) Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa nâng cao. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng.	1	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
96.	Chuyên đề điều dưỡng phụ sản	Cung cấp những kiến thức nâng cao về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe bà mẹ khi có thai, trong và sau khi sinh, các biến chứng sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nâng cao và toàn diện cho bà mẹ mang thai có nguy cơ cao trước, trong và sau khi sinh.	1	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
97.	Chuyên đề điều dưỡng nhi	Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức về những đặc điểm giải phẫu sinh lý và bệnh lý của trẻ qua các lứa tuổi. Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng điều dưỡng để nhận định, phân tích các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ. Thông qua đó sinh viên tự thiết lập được kế hoạch chăm sóc các bệnh thường gặp và tư vấn cho người chăm sóc trẻ và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nhi khoa	1	HK8	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Lâm sản ngoài gối	2011	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
2	Cây chè	2011	
3	Công trình nông thôn	2010	
4	Cơ khí chăn nuôi	2010	
5	Máy trong bảo vệ thực vật	2011	
6	Kỹ thuật điện	2011	
7	Gỗ và công nghệ gia công gỗ	2011	
8	Học phần Nội cơ sở		
9	Giống cây rừng	2011	
10	Ngữ âm - Âm vị Tiếng anh		
11	Nuôi ong mật	2013	
12	Tiếng Việt thực hành		
13	Giải phẫu động vật		
14	Trồng trọt đại cương	2014	
15	Chọn giống cây trồng	2014	
16	Di truyền thực vật		
17	Bệnh ký sinh trùng thú y I		
18	Dinh dưỡng vật nuôi	2014	
19	Chuyên đề tiếng Ê Đê	2015	
20	Bài tập kinh tế vĩ mô	2017	
21	Khuyến nông	2018	
22	Khuyến nông lâm	2018	
23	Đại số hiện đại	2019	
24	bài tập và lời giải nguyên lý kế toán	2019	
25	xã hội học đại cương	2019	
26	vật lý khí quyển	2019	
27	Toán Học 2	2019	
28	Hóa học lập thể	2019	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
29	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học phổ thông	2019	
30	Hướng dẫn thực hành giải phẫu bệnh	2019	
31	Song ngữ Luật tục Bahnar - Việt	2019	
32	Sử thi Ê đê Aghan Mdroing dam và Aghan Ykhang Jui - Bhia Yáo	2019	
33	Luật tục Bahnar trong đời sống đương đại	2019	
34	Cây Cao su	2019	
35	Hướng dẫn thực hành cơ học	2020	
36	Rèn kỹ năng viết chữ cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học	2020	
37	Đánh giá đất đai phục vụ tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	2020	
38	Quản lý hành chính Nhà nước, và quản lý giáo dục đào tạo	2020	
39	Hướng dẫn phân tích đất và cây trồng	2020	
40	Nguyên lý kế toán	2020	
41	Quản trị chiến lược	2020	
42	Quản trị doanh nghiệp	2020	
43	Kinh tế công nghiệp	2020	
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN	2020	
45	Toán C2	2020	
46	Văn học Phương Tây 1	2020	
47	Quang học	2020	
48	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học	2021	
49	Văn hóa học đường	2021	
50	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm	2020	
51	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	2020	
52	Xác suất thống kê	2021	
53	Tập hợp Logic toán	2021	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
54	Khai thác gỗ tác động thấp	2021	
55	Cây ăn quả		2022
56	Vi sinh vật đất	2021	
57	Đánh giá đất đai	2021	
58	Không gian Symplectic và dạng vi phân	2022	
59	Nhập môn lý thuyết kỳ dị	2022	
60	Hóa học đại cương	2021	
61	Phương pháp NCKH kinh tế		2022
62	Quản trị học		2022
63	Văn học nước ngoài trong chương trình phổ thông		2022
64	Giáo dục kỹ năng sống		2021-2022
65	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	2022	
66	Thức ăn chăn nuôi	2022	
67	Cây thức ăn chăn nuôi	2022	
68	Thực hành Ký sinh trùng		2022

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Khoa Nông lâm nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Nghiên cứu liều lượng phân N:P2O5:K2O cho giống bơ Booth 7 trồng trên đất nâu đỏ bazan (Rhodic ferralsols) tại tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn An Ninh	TS. Trịnh Đức Minh PGS.TS. Phan Văn Tân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Thiết lập và thẩm định mô hình ước tính sinh khối trên mặt đất cây rừng khộp ở Việt Nam	Nguyễn Thị Tình	GS.TS. Bảo Huy	
		Nghiên cứu xác định công thức phân bón phù hợp cho cây hồ tiêu trên đất nâu đỏ tỉnh Đắk Lắk qua tính toán cân bằng dinh dưỡng	Nguyễn Văn Bình	PGS.TS. Trình Công Tư PGS.TS. Trần Trung Dũng	
		Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhằm tái canh ngay cây cà phê vối (<i>Coffea canephora</i> Pierre var. robusta) tại tỉnh Đắk Lắk	Hoàng Quốc Trung	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam TS. Trương Hồng	
		Nghiên cứu bón phân N, P, K cho cây Mắc ca giai đoạn kinh doanh trên đất nâu đỏ tỉnh Đắk Nông	Hồ Công Trực	PGS.TS. Trình Công Tư PGS.TS. Trần Trung Dũng	
		Hoàn thiện biện pháp kỹ thuật sản xuất cây giống sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv.)	Đinh Văn Phê	PGS.TS. Lê Hùng Lĩnh PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
		Nghiên cứu một số yếu tố sinh lý, sinh thái và biện pháp tác động đến sự ra hoa, đậu quả trên cây bơ BOOTH7 và TA1 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đặng Đình Đức Phong	PGS.TS. Phan Văn Tân TS. Trịnh Đức Minh	
2	Thạc sĩ	So sánh một số giống Sắn mới trên đất đỏ và đất xám tại huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	Hoàng Thị Kim Anh	TS. Nguyễn Văn Minh	
		So sánh một số tổ hợp ngô lai có triển vọng vụ Hè Thu - Thu Đông năm 2021 tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Trung Kiên	TS. Trần Văn Thủy TS. Trần Ngọc Duyên	
		So sánh 15 tổ hợp ngô lai có triển vọng tại Trung tâm Khuyến nông – Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Nữ	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá hiệu lực phân bón hữu cơ sinh học Fertisoa đối với cây sầu riêng giai đoạn kinh doanh tại huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk và huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	Trần Tú Trân	TS. Trương Hồng TS. Nguyễn Văn Sanh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu ảnh hưởng liều lượng đạm, lân, kali đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của khoai môn địa phương được trồng tại Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Bảo Trung	TS. Trịnh Đức Minh TS. Đỗ Thị Kiều An	
		Ảnh hưởng của mật độ gieo sạ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất, chất lượng của một số giống lúa thảo dược trong vụ Hè Thu 2021 tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Trường Trung	TS. Trần Văn Thủy TS. Trần Ngọc Duyên	
		Nghiên cứu các biện pháp trồng và chăm sóc cây Chân danh hoa thưa (<i>Euonymus laxiflorus</i> Champ ex Beth) tại VQG Yok Đôn, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Ngọc Hà	GS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
		Nghiên cứu nhân giống cây Chân danh hoa thưa (<i>Euonymus laxiflorus</i> Champ) bằng biện pháp giâm cành trong vườn ươm	Lê Thừa Hoài Sơn	GS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
		Điều tra hiện trạng sản xuất và xác định một số giống chuối phù hợp với tỉnh Đắk Lắk	Đặng Thị Thắm	TS. Nguyễn Văn Minh TS. Hoàng Mạnh Cường	
		Ứng dụng phương pháp nhân nhanh trong nhà màng Tunnel và khảo nghiệm một số dòng/giống sản mới kháng bệnh khảm lá trên đất nâu đỏ Bazan tại Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thị Thủy	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu nhân giống cây Sâm cau (<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn) <i>in vitro</i> tại tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Thị Mai Trang	TS. Nguyễn Ngọc Hữu	
		Nghiên cứu phương pháp nhân nhanh bằng hom ít mắt và khảo nghiệm một số dòng/giống sản mới kháng bệnh khảm lá trên đất xám tại tỉnh Đắk Lắk	Vũ Nhân Văn	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu ảnh hưởng của than sinh học và chế phẩm Trichoderma đến sinh trưởng và phát triển cây cà phê vối tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trình Công Huyền Vy	TS. Đỗ Thị Kiều An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu mật độ trồng và lượng phân bón vô cơ cho giống sắn HN3 (kháng bệnh khảm lá) tại huyện Cư M'gar	Nguyễn Bảo Trung	TS. Nguyễn Văn Minh	
3	Đại học – Khóa luận tốt nghệp	Đánh giá hiệu lực của thuốc trừ sâu sinh học đối với một số sâu hại chính trên cây rau cải ngọt (<i>Brassia integrifolia</i>) tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thế Phương	ThS. Trần Thị Phụng	
		Điều tra thành phần, diễn biến một số loài sâu hại và thiên địch chính trên cây cà phê tại xã Tân Thượng, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	K' Đỏi	ThS. Trang Thị Nguyệt Quế	
		Nghiên cứu ứng dụng nấm ký sinh côn trùng <i>Paecilomyces lilacinus</i> trong phòng trừ rệp sáp hại rễ hồ tiêu tại Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Hà	ThS. Trần Thị Huệ	
		Điều tra tình hình bệnh hại trên cây xoài Đài Loan và đánh giá hiệu quả phòng trừ nấm bệnh bằng thuốc hóa học tại xã Đắk Gàn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.	Vũ Hoàng Anh Hải	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		Điều tra thành phần, diễn biến một số loài sâu hại và thiên địch chính trên cây cà phê tại xã Ia Ley, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Thị Thu Hoài	ThS. Trang Thị Nguyệt Quế	
		Điều tra tình hình cỏ dại gây hại cây cam và biện pháp quản lý tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Huỳnh Thị Huệ	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		Nghiên cứu ảnh hưởng của phân vô cơ và mật độ trồng đến năng suất giống sắn HLS12 tại huyện Ea Sup.	Hồ Nguyễn Song Hương	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của củ cải đỏ trên hệ thống khí canh, thủy canh, nhỏ giọt trong điều kiện nhà màng tại Đại học Tây Nguyên.	Lê Thị Linh	ThS. Nguyễn Tuấn	
		So sánh 15 dòng sắn nhập nội tại thành phố Buôn Ma Thuột.	Nguyễn Thị Ngọc Nga	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu ứng dụng nấm ký sinh côn trùng <i>Metarhizium</i> sp. trong phòng trừ rệp sáp hai rệp hồ tiêu tại Đắk Lắk.	Phan Phúc Phú	ThS. Trần Thị Huế	
		Đánh giá ảnh hưởng thành phần giá thể, công thức phân bón đến sinh trưởng phát triển và phẩm chất của cây dưa lưới tại trường Đại học Tây Nguyên	Phan Thị Bích Trâm	ThS. Nguyễn Tuấn	
		Nghiên cứu ảnh hưởng của phân vô cơ và mật độ trồng đến năng suất giống sắn HLS14 tại huyện Ea Sup.	Võ Vinh Vũ	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu thời vụ trồng thích hợp cho giống diêm mạch Atlas trên đất xám	Hoàng Thái Bảo	TS. Trần Ngọc Duyên	
		Đánh giá đặc điểm vi sinh vật đất ở rừng khộp tại huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	Y Thuel BKông	ThS. Nguyễn Hải Đăng	
		Nghiên cứu mật độ trồng cho giống diêm mạch Atlas trên đất nâu đỏ bazan tại trung tâm Khảo nghiệm giống cây trồng Tây Nguyên.	Nguyễn Bùi Thanh Hằng	TS. Trần Ngọc Duyên	
		Nghiên cứu lượng phân đạm và kali cho giống diêm mạch Atlas trên đất xám tại huyện Cư Jút	Lê Thị Minh Huyền	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu lượng phân đạm và kali cho giống diêm mạch Atlas trên đất nâu đỏ tại thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thị Mỹ Hà Lan	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu mật độ trồng cho giống diêm mạch Atlas trên đất xám tại xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút.	Nguyễn Phan Sơn Nữ	TS. Trần Ngọc Duyên	
		Xác định lượng phân kali cho giống diêm mạch Cahui trồng trên đất nâu đỏ tại trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Tây Nguyên	Huỳnh Thị Anh Thư	ThS. Trần Thị Biên Thùy	
		Nghiên cứu thời vụ trồng thích hợp cho giống diêm mạch Atlas trên đất nâu đỏ bazan	Lê Quang Đạo	TS. Nguyễn Văn Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Hoàng Thị Thanh Huyền	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa bàn huyện Cư'Mgar, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Thị Bích Ngọc	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.	Trần Trung Tín	ThS. Vũ Hải Nam	
		Nghiên cứu thu nhận bột lá cây Đinh lăng lá nhỏ (Polyscias fruticosa (L.) Harmars) được trồng tại Đắk Lắk để làm nguyên liệu sản xuất trà túi lọc.	Hoàng Văn Công	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
		Khảo sát đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của mười sáu giống thuốc lá trên đất cát pha vụ Đông Xuân tại xã Giang Ré, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Bùi Thị Bích	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		Nghiên cứu phương pháp nhân nhanh dòng sản kháng bệnh khảm lá (C83) trong nhà màng Tunnel tại Buôn Ma Thuột	Nguyễn Minh Dương	ThS. Nguyễn Tuấn	
		Điều tra thực trạng cỏ dại gây hại trong vườn cà phê tại Đắk Lắk và biện pháp quản lý	Hoàng Đình Nhi	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		So sánh một số giống dưa lưới trồng trong Nhà màng tại Khoa nông Lâm nghiệp, trường Đại học Tây Nguyên.	Mun Văng Ayua	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu lượng phân đạm và kali cho giống diêm mạch Cahui trên đất nâu đỏ tại thành phố Buôn Ma Thuột	Lê Văn Đức	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chủng vi khuẩn vùng rễ có khả năng cố định đạm đến sự sinh trưởng, phát triển của cây lúa tím trong điều kiện nhà màng.	Trần Văn Huân	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu hương pháp nhân nhanh giống sắn kháng bệnh khảm lá (HN5) trong nhà màng Tunnel tại Buôn Ma Thuột.	Trần Anh Thái Sơn	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu phương pháp nhân nhanh dòng sắn kháng bệnh khảm lá (C80) trong nhà màng Tunnel tại Trung tâm khảo nghiệm sản phẩm giống cây trồng Tây Nguyên.	Trần Tiến Thông	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Phân tích các gen liên quan đến khả năng kháng bệnh và kháng hạn trong genome cây cà phê vối (coffea canephora) bằng các phần mềm tin sinh học.	Phan Nguyễn Hoài Na	TS. Nguyễn Đình Sỹ	
		Phân tích thay đổi thảm phủ rừng tỉnh Đắk Nông dựa vào ảnh vệ tinh đa thời gian	Lã Tất Nam	ThS. Cao Thị Hoài	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Mai Thị Quỳnh Anh	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá tình hình hoạt động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Tân Phát	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Trần Đồng Phúc	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
		Khảo sát khả năng kháng khuẩn của một số dịch chiết thu hồi từ phụ phẩm nông nghiệp	Phan Thị Bích Thảo	ThS. Nguyễn Thị Vân	
	Dại học - Chuyên đề tốt nghiệp	Thực trạng phát triển rừng trồng trên địa bàn huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.	Đinh Ngọc Duy	ThS. Ngô Thế Sơn	
		Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình sâu bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại xã Đắk Sô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Kim Thanh	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Nghiên cứu mật độ trồng và lượng phân hữu cơ vi sinh cho giống sắn HLS11 tại xã Cư Kty	Vũ Minh Hải	TS. Nguyễn Văn Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Tìm hiểu ảnh hưởng của một số yếu tố tự nhiên và kỹ thuật đến chất lượng vườn cao su tái canh ở thời kỳ kiến thiết cơ bản tại Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk – Chi nhánh Nông trường cao su Phú Xuân.	Phạm Phi Sơn	TS. Trần Ngọc Duyên	
		Khảo sát thực trạng mua bán, sử dụng động vật hoang dã làm sinh vật cảnh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.	Võ Thị Thu Phương	ThS. Hồ Đình Bảo	
		Thực trạng bảo vệ cây trồng và tài sản trên đất rẫy đề phòng ngừa xung đột Voi Người tại buôn Đrang Phôk, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	K' Brùm	TS. Cao Thị Lý	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Ea Ktul, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	H' Uyên Arul	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Hòa Xuân, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Lò Thị Cẩm Tuyền	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Điều tra tình hình một số sâu bệnh hại chính trên cây Cà phê tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và đề xuất biện pháp phòng trừ.	Nông Thị Nga	ThS. Trần Thị Phụng	
		Điều tra thành phần sâu hại trên cây hồ tiêu tại phường khánh xuân, Thành phố Buôn Ma Thuột.	Ngân Thị Vui Thắm	ThS. Trần Thị Phụng	
		Điều tra sâu bệnh hại trên 10 dòng tại xã Ia Rvê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	H Brôk Niê	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
		Ảnh hưởng của lượng phân bón và mật độ trồng cho giống sản HLS 10 tại nông trường cao su Cư Kbô	Bùi Nguyễn Hợp	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020.	Đinh Văn Chính	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
		Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của 3 giống cây dưa lưới “Goldenboy, Earl’s Red, Saket” trên hệ thống nhỏ giọt tại nhà màng đại học Tây Nguyên.	Trương Việt Hoàng	ThS. Nguyễn Tuấn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái học loài rệp sáp <i>Formicococcus polysperes</i> Williams hại rễ cây hồ tiêu tại xã Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk	Lê Linh	ThS. Trần Thị Huế	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	Phan Hồ Trung Đức	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Châu Hoàng Vy	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Tìm hiểu thực trạng lửa rừng và đề xuất một số biện pháp quản lý cháy rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.	Bùi Quốc Dương	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Theo dõi và đánh giá khả năng sinh trưởng của cây con cà te trong giai đoạn vườn ươm.	Trần Đức Kỳ	ThS. Trần Thị Xuân Phần	
		Ảnh hưởng của phân tổng hợp NPK đến khả năng sinh trưởng của cây con cà te.	Y - Thơi Byă	ThS. Trần Thị Xuân Phần	
		Đánh giá công tác quản lý bảo vệ rừng tại hạt kiểm lâm Konchro, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2015-2020.	Y Bak Ksor	ThS. Phan Thị Hằng	
		Đánh giá sinh trưởng rừng trồng cảnh quan tại Trường Đại học Tây Nguyên.	Hoàng Liên Sơn	TS. Đặng Thành Nhân	
		Đánh giá hiệu quả sử dụng nấm <i>Peacilomyces lilacinus</i> trong phòng trừ rệp sáp hại hồ tiêu trong điều kiện phòng thí nghiệm.	Thái Thị Thanh Hiền	ThS. Trần Thị Huế	
		So sánh sinh trưởng, năng suất và chất lượng của một số giống dưa lưới trồng trong nhà màng tại trường Đại học Tây Nguyên.	Đỗ Thị Hoàng Linh	ThS. Chung Như Anh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đánh giá ảnh hưởng của công thức phân bón Kali đến sinh trưởng, phát triển và phẩm chất của giống dưa lưới Sweet 999 trong nhà lưới tại trường đại học Tây Nguyên.	Phạm Nghĩa	ThS. Nguyễn Tuân	
		Đánh giá tình trạng giống tiêu Vĩnh Linh trên trụ sống và trụ chết ở phường Ea Tam thành phố Buôn Ma Thuột.	Trịnh Văn Việt Anh	TS. Nguyễn Xuân An	
		Ảnh hưởng của giá thể đến hoa lan Phi Điệp tại phường Ea Tam thành phố Buôn Ma Thuột.	Lê Thanh Bình	TS. Nguyễn Xuân An	
		Nghiên cứu lượng phân bón hữu cơ vi sinh cho giống Diêm mạch Atlas trên đất nâu đỏ Bazan tại xã Eatu.	Mai Thảo Hmők	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu lượng phân hữu cơ vi sinh cho cây diêm mạch trên đất xám tại huyện Cư Jut.	Sầm Thị Huyền Linh	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.	H' Lora Ayũn	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Điều tra tình hình bệnh hại trên cây Hồ tiêu tại xã Đắk Mol, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Hoàng Văn Cường	ThS. Nguyễn Tuân	
		Điều tra bệnh hại trên cây hồ tiêu (Piper nigrum) tại huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Quốc Trung	ThS. Trần Thị Huế	
		Xác định năng suất và hiệu quả rừng trồng thông 3 lá tại xã Krông Nô, huyện Lắk làm cơ sở đề xuất biện pháp kinh doanh	Trần Thị Ngọc Bình	TS. Đặng Thành Nhân	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Hoàng Long	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Tìm hiểu quy trình chế biến cà phê ướt tại viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên	Trần Nguyên Bình	TS. Trần Văn Cường	
		Điều tra tình hình sâu bệnh hại trên cây cà phê ở thôn Cao Thành, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Quang Tuyền	TS. Nguyễn Xuân An	
		Nghiên cứu mật độ và lượng phân hữu cơ vi sinh cho giống sắn HLS14 tại Nông trường Cư Kbo	Nguyễn Văn Lịnh	TS. Nguyễn Văn Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu lượng phân đạm cho giống Diêm mạch 27-R trồng trên đất nâu đỏ tại Đắk Nông	Đậu Thị Cẩm Ly	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá sinh trưởng của Keo lai (Acacia mangiauriculiformis Kha) tại công ty TNHH MTV Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Thanh Dung	ThS. Phan Thị Hằng	
		Tổng hợp danh mục và phân tích đa dạng khu hệ động vật rừng ở hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	TS. Cao Thị Lý	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Đào Duy An	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
		Đánh giá thực trạng sử dụng đất tại xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Duy Bình	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
		Đánh giá tình hình sử dụng đất tại xã Eabar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Mỹ Duyên	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Đỗ Việt Hoàng	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai tại Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Cảnh Sơn	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Cư M'Gar, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk	Hồ Nhật Sương	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Ea Nam, huyện Ea H,leo, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Ngọc Tuấn	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Đánh giá tình hình sử dụng đất tại xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Đặng Thanh Tú	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Mạnh Tường	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu các đặc tính cảm quan, tính chất hóa lý và khả năng chống oxy hóa của mật ong hoa cà phê tại huyện Cư M'ngar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thùy Dung	ThS. Lê Cao Linh Chi	
		Quy trình kiểm soát chất lượng cà phê nhân tại Công ty XNK 2-9 Đắk Lắk (Simexco Daklak)	Đinh Thị Phụng	TS. Trần Văn Cường	
		Điều tra tình hình sâu hại trên cây cà phê tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và biện pháp quản lý	Trần Thị Kim Anh	ThS. Trần Thị Phụng	
		Thí nghiệm so sánh sự sinh trưởng và khả năng chống chịu sâu bệnh của các giống cây thuốc lá mới	Lê Văn Bình	ThS. Trần Thị Phụng	
		Điều tra sâu bệnh hại trên 12 dòng sản tại xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	Vũ Nguyễn Dương Lê	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống cà chua bi trồng trên hệ thống nhỏ giọt tại nhà màng trường ĐHTN	Trần Hữu Mỹ	ThS. Nguyễn Tuấn	
		Điều tra thực trạng cỏ dại trong vườn cà phê tại Cư M,Ngar, tỉnh Đắk Lắk	Lê Hữu Phước	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		So sánh sinh trưởng, năng suất và chất lượng của một số giống dưa leo trồng trong nhà màng tại Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Minh Quân	ThS. Chung Như Anh	
		Đánh giá ảnh hưởng của công thức đạm đến sinh trưởng phát triển của một số loài rau cải trên hệ thống thủy canh tại trường Đại học Tây Nguyên	Đỗ Cao Trí	ThS. Nguyễn Tuấn	
		Hiện trạng sử dụng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp ở Hòn Rông của người dân phường Cam phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Phạm Vy Na	TS. Cao Thị Lý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu thực trạng công tác bảo vệ rừng của Hạt Kiểm lâm huyện Đăkglei, tỉnh Kon Tum	Đinh Y Tú Lệ	ThS. Trần Đình Thế	
		Điều tra thành phần sâu hại trên cây keo tại tỉnh Khánh Hòa	Nguyễn Mộng Kiều Băng	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Điều tra thành phần sâu hại trên cây keo tại tỉnh Quảng Nam	Y Hậu	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Trần Hà Mạnh Dũng	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
		Điều tra hiện trạng canh tác và thành phần sâu bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại xã Hoà Đông, huyện Krong Păk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Quốc Huy	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Nghiên cứu đặc điểm phân bố của loài dầu hassel (Dipterocarpus hasseltii) tại Vườn Quốc Gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	Kpă Chiêm	ThS. Phan Thị Hằng	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	Y Kha Niê	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Ngọc Anh	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và tư liệu viễn thám thành lập bản đồ thảm phủ huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Lê Vy	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Khảo sát quy trình sơ chế và bảo quản cà phê nhân tại xưởng Km7 Công ty TNHH một thành viên Simexco Đắk Lắk	Lò Thị Tâm	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
		Tìm hiểu về chất tạo màu tổng hợp và cơ chế cảm nhận màu	Trịnh Ngọc Hoàn Thiện	ThS. Lê Cao Linh Chi	
		Đánh giá thực trạng sử dụng đất thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thế Nguyên	ThS. Nguyễn Thúy Cường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Điều tra thành phần bộ cánh vảy tại rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp	Tạ Quang Mỹ Duyên	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Điều tra tình hình sản xuất cà phê tại xã Eakly, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Thị Dung	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Nghiên cứu lượng phân bón và mật độ trồng giống Diêm mạch ISLuga tại xã EaTu.	Đinh Thanh Nhã	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá thực trạng công tác Quản lý bảo vệ rừng tại Khu bảo tồn Nam Ka - huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	Đào Duy Ngọc	ThS. Cao Thị Hoài	
		Công tác quản lý rừng bền vững tại vườn quốc gia Chư Yang Sin từ năm 2017-2020	Phan Thanh Phước	ThS. Trần Đình Thế	
		Điều tra thành phần thực vật thân gỗ tại khu du lịch Kotam, thành phố Buôn Ma Thuột.	Đinh Xuân Thành	ThS. Nguyễn Đức Định	
		Đánh giá sinh trưởng Bạch đàn tại công ty Lâm nghiệp M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thọ Thương	ThS. Lê Đình Nam	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Trọng Nghĩa	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Khảo sát quy trình chế biến cà phê bột tại xưởng gia công km7 công ty TNHH mộ thành viên xuất nhập khẩu simexco Đắk Lắk	Hoàng Xuân Hùng	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Ea Trang, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	H Navi Byă	ThS. Đỗ Tiến Thuán	
		Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã Đắk D'Rông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.	Nông Thị Hà	ThS. Đỗ Tiến Thuán	
		Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã EaTul, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.	H Nit Mlô	ThS. Đỗ Tiến Thuán	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng của hạt kiểng lâm tại Vườn Quốc Gia Chư Yang Sin giai đoạn 2017 - 2020.	Trần Thị Mơ	ThS. Trần Đình Thế	
		Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng tại vườn quốc gia Chư Mon Rây, tỉnh Kon Tum.	Phạm Minh Quang	ThS. Trần Đình Thế	
		Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng của hạt Kiểng Lâm huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.	Nay Đình Việt	ThS. Trần Đình Thế	
		Ảnh hưởng của phân xanh từ lạc dại (Pinto plamut) đến tính chất hóa học của đất đỏ	Nguyễn Thanh Sang	ThS. Trần Thị Biên Thùy	
		Điều tra sâu bệnh hại trên cây Cà phê tại xã Thuận Hà, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.	Ngô Tiến Hào	TS. Nguyễn Xuân An	
		Điều tra tình hình sản xuất Tiêu tại xã Ea Tin, huyện Ea Hleo, tỉnh Đăk Lăk.	Nguyễn Trường Nhật	TS. Nguyễn Xuân An	
		Điều tra thành phần bệnh hại chính và diễn biến bệnh thán thư tiêu	Phạm Thị Hồng Diệu	ThS. Trần Thị Phụng	
		Nghiên cứu xử lý đất bệnh trong nhà lưới bằng biện pháp kích kháng tại Gia Lai	Nguyễn Ngọc Thắng	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Nghiên cứu xử lý đất bệnh trong nhà lưới bằng biện pháp tổng hợp tại Gia Lai	Nguyễn Tiến Trình	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Nghiên cứu, đánh giá khả năng kháng bệnh của một số giống tiêu trong nhà lưới tại tỉnh Gia Lai	Ngô Quang Tùng	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Điều tra thành phần sâu hại chính trên cây hồ tiêu tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk	Võ Thị Thanh Xuân	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Đánh giá hiện trạng sản xuất Sầu riêng tại Đăk Lăk	Trần Văn Sơn	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Thực trạng phòng ngừa, giảm nhẹ xung đột Voi - Người ở buôn Drăng Phôk, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	H' Diêm Niê	TS. Cao Thị Lý	
		Đánh giá tình hình đăng kí, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Xuân Bích	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	H' Rễ Niê	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.	Nay Riot	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại phường Eatam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Thanh Tâm	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.	Ma Thảo	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	RCom - H'Miên	ThS. Vũ Hải Nam	
		Điều tra sau bệnh hại trên bảy dòng sản nhập nội tại Easup.	Vũ Văn Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
		Ảnh hưởng của mật độ trồng và lượng phân bón cho giống sản HLS12 tại xã Cư Kpô.	Bùi Thị Kiều Lương	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Ảnh hưởng của mật độ trồng và lượng phân bón cho giống sản HLS11 trên đất xám tại xã Cư Kty.	Lý Thị Diễm Sương	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá sinh trưởng của Keo lai (Acacia mangiauriculiformis Kha) tại công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.	K' Mong	ThS. Phan Thị Hằng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất xã EaHuar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Vũ Quốc Cường	ThS. Đỗ Tiến Thuán	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã EaKao, thành phố Buôn Ma Thuột	H'Wik H'Đơk	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Iatul, huyện Iapa, tỉnh Gia Lai	Kpă H'Rong	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Đắk Glong	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá thực trạng thị trường bất động sản tại Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Hoàng Mỹ Kiều	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Thị trường bất động sản và ảnh hưởng của nó đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hoài Trâm	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	H Ê Mi Ly Byă	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đoàn Xuân Viên	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Nghiên cứu các đặc tính cảm quan, tính chất hóa lý và khả năng kháng oxy hóa của mật ong hoa cà phê tại xã Ea Kao, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk.	Đào Ngọc Bích	PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh	
		Điều tra thành phần bệnh hại chính trên cây hồ tiêu tại xã Quảng Hiệp, huyện Cư'Mgar, tỉnh Đắk Lắk.	Mạnh Sơn Hải	ThS. Nguyễn Tuấn	
		Điều tra tình hình trồng xen trong vườn cao su tái canh ở thời kì kiến thiết cơ bản tại Chi nhánh công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.	Hồ Sĩ Dũng	TS. Trần Ngọc Duyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Mô hình chuyển đổi từ các nhân tố lâm phần sang sinh khối và trữ lượng carbon cho rừng khộp.	Đậu Xuân Hoàng	ThS. Nguyễn Thị Tình	
		Tìm hiểu tình hình lửa rừng và đề xuất một số biện pháp quản lý cháy rừng tại Vườn Quốc Gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Lương Ngọc Hiếu	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Khảo sát quy trình chế biến cà phê bột tại xưởng gia công km7 công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Simexco Đắk Lắk.	Trần Thanh Bình	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
		Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình sâu, bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại xã Cư Né, huyện Krông Puk, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Đình Nguyên	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình sâu, bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại xã Ea Kiết, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.	Dương Văn Tình	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Đánh giá hệ thống cây trồng và đề xuất giải pháp cải tiến tại xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Ngọc Lý	Nguyễn Thị Hương Cẩm	
		Đánh giá công tác quản lý cháy rừng tại công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Hoàng Phúc	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Ước tính sinh khối, trữ lượng carbon theo khối lượng thể tích gỗ (WD) và các nhân tố điều tra của các loài cây rừng khộp.	Trần Đức Thao	ThS. Nguyễn Thị Tình	
		Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	Đào Văn Phương	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường EaTam, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2020	Từ Quốc Tú	ThS. Vũ Hải Nam	
		Điều tra thực trạng sản xuất Hồ tiêu tại xã Cư M'Ngar, huyện Cư M'Ngar, tỉnh Đắk Lắk.	Y Titi Kbuôr	TS. Nguyễn Xuân An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Điều tra tình hình sản xuất cà phê tại xã Ea Phê, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Phụng	TS. Nguyễn Xuân An	
		Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất trên cây cà phê vối tại xã Ea Sol, huyện Ea Hlê, tỉnh Đắk Lắk.	Hồ Việt Anh	ThS. Trần Thị Biên Thùy	
		Đánh giá sự sinh trưởng và phát triển của giống cà pháo Tiểu Yến TN136 tại xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Dương Hoàng Phụng	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
		Điều tra thành phần bệnh hại trên cây hồ tiêu tại thành phố Buôn Ma Thuột.	Lê Khắc Tiến	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
		Cộng đồng và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học tại khu rừng thuộc buôn Ako Dong, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	H Yom Hwing	TS. Cao Thị Lý	
		Sự tham gia của cộng đồng quản lý khu rừng tại buôn Ako Dong, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	H Sa Ka Kpă	TS. Cao Thị Lý	
		Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Lâm Trung Cấp	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quên	
		Ứng dụng phần mềm gcam và microstation V8i thành lập bản đồ địa chính từ file số liệu đo đạc có sẵn trên địa bàn xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.	Nguyễn Lê Chương Nhân	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Đánh giá biến động thảm phủ mặt đất ứng dụng công nghệ GIS và nguồn tư liệu ảnh viễn thám đa thời gian tại huyện Cư M'Ngar, tỉnh Đắk Lắk.	Y - Nghiệp Niê	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
		Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai tại thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.	Bùi Lê Cao Trí	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.	Lê Thị Thanh Nga	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.	Ksor Khuin	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá tình hình sản xuất rau tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Đức Truyền	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
		Điều tra thành phần, diễn biến của một số loài sâu hại và thiên địch chính của chúng trên cây Sầu riêng tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.	Đinh Thị Ngọc Ánh	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Ảnh hưởng của chế phẩm sinh học tổng hợp đến sinh trưởng và khả năng diệt tuyến trùng hại cây hồ tiêu giai đoạn vườn ươm tại tỉnh Đắk Lắk.	Trần Phan Ái Thảo	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
		Nghiên cứu mật độ trồng và lượng phân hữu cơ vi sinh cho giống sắn HLS12 tại xã Cư Kbo.	Trịnh Xuân Thuần	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Hoàng	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.	Phạm Minh Thư	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Đánh giá công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Hà Tiên	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Tú Trinh	ThS. Vũ Hải Nam	
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020.	Đinh Văn Chính	ThS. Nguyễn Xuân Vững	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Cư Suê, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Như Thảo	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
		Khảo sát quy trình chế biến cà phê nhân tại công ty TNHH cà phê Hà Lan Việt Nam.	Võ Đình Hưng	TS. Trần Văn Cường	
		So sánh 15 dòng sản nhập nội tại xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	Vũ Trường Giang	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
		Điều tra thành phần sâu hại, thiên địch và diễn biến sâu keo mùa thu (<i>Spodoptera frugiperda</i> Smith) trên cây ngô tại xã Ea Sô huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Nông Đức Hòa	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Điều tra tình hình cỏ dại gây hại hồ tiêu tại Đắk Lắk là biện pháp quản lý.	Đoàn Thị Minh Huyền	TS. Đỗ Thị Kiều An	
		Nghiên cứu sử dụng nấm kí sinh côn trùng <i>Beauveria</i> sp. trong phòng trừ rệp sáp hại rễ hồ tiêu tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Cao Hoài Nhân	ThS. Trần Thị Huế	
		Điều tra thành phần diễn biến của một số loại sâu hại và thiên địch chính của chúng trên cây Nhân tại xã Ea Pil, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Xuân Phúc	ThS. Ngô Đăng Duyên	
		Nghiên cứu sử dụng nấm kí sinh côn trùng <i>Lecanicillium</i> sp. trong phòng trừ rệp sáp hại rễ hồ tiêu tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Bùi Đức Thịnh	ThS. Trần Thị Huế	
		Nghiên cứu sử dụng nấm kí sinh côn trùng <i>Metarhizium</i> sp. trong phòng trừ rệp sáp hại rễ hồ tiêu tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Đỗ Thị Kiều Trinh	ThS. Trần Thị Huế	
		Điều tra tình hình cỏ dại gây hại cây hồ tiêu tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và biện pháp quản lý	Đoàn Xuân Trí	TS. Đỗ Thị Kiều An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Điều tra thành phần sâu hại, thiên địch và diễn biến sâu keo mùa thu (<i>Spodoptera frugiperda</i> Smith) trên cây ngô tại xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Đình Việt	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		Điều tra thành phần sâu hại, thiên địch và diễn biến sâu keo mùa thu (<i>Spodoptera frugiperda</i> Smith) trên cây ngô tại xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Như Trung	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
		So sánh 7 giống Diêm mạch nhập nội trồng trong mùa khô tại xã Ea Tul, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Thị Hoa Mai	TS. Nguyễn Văn Minh	
		Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.	Nay H'net	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	

2. Khoa Kinh tế

1. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt

1	Đại học	Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại xã Pong Drang huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	H Bic	Mlô	GVC.ThS. Bùi Ngọc Tân	- Một số lý luận cơ bản về thu nhập và yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ - Tình hình cơ bản của xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk; - Thực trạng thu nhập của nông hộ tại xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk: nguồn lực của nông hộ, thực trạng thu nhập của nông hộ, thu nhập bình quân, cơ cấu thu nhập của nông hộ - Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk: nhân khẩu, vốn, đất đai, trình độ học vấn, giới tính, kinh nghiệm sản xuất, số lao động, tín dụng, lãi suất; - Giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ nông dân trên địa bàn xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.
2	Đại học	Hiệu quả kinh tế sản xuất chanh dây trên địa bàn huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Xuân	Nương	GVC.ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	- Phân tích thực trạng và hiệu quả kinh tế sản xuất chanh dây tại huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai gồm: Tình hình sản xuất chanh dây, hiệu quả sử dụng vốn, đất và lao động trên địa bàn huyện Đắk Đoa; - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sản xuất chanh dây tại huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai gồm: Điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, khí hậu và các nhân tố khác; nguồn lực sản xuất như lao động, vốn, kỹ thuật canh tác, khoa học kỹ thuật; các yếu tố về thị trường và các chính sách hỗ trợ; - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng

					cao hiệu quả kinh tế sản xuất chanh dây tại huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai.
3	Đại học	Đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	Lê Thị Việt Trinh	ThS. Nguyễn Đức Quyền	- Thực trạng đa dạng hoá thu nhập của nông hộ tại huyện Đăk , tỉnh Đăk Nông: Các nguồn lực của nông hộ, thực trạng thu nhập của nông hộ, mức độ đa dạng hoá thu nhập của nông hộ. - Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông: tuổi của chủ hộ, học vấn của chủ hộ, dân tộc của chủ hộ, số lao động của chủ hộ, thời gian sống của chủ hộ, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp (SXNN) của chủ hộ, giá trị nhà ở, khoảng cách vị trí sản xuất kinh doanh đến thị trấn... - Giải pháp nhằm giúp tăng thu nhập theo hướng đa dạng hoá thu nhập của các nông hộ trên địa bàn huyện Đăk R' Lấp, tỉnh Đăk Nông.
4	Đại học	Tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk	Bế Thị Thanh Trúc	GVC.ThS. Võ Xuân Hội	- Đánh giá thực trạng về tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk gồm có tình hình cung ứng và sử dụng vốn của tín dụng trên địa bàn - Phân tích tác động của vốn tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk chủ yếu tập trung vào tín dụng ngân

					hàng đối với thu nhập, đối với xóa đói giảm nghèo và việc làm, cải thiện mức sống... - Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk
5	Đại học	Phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Thu	Phuong	GVC.TS. Đỗ Thị Nga - Thực trạng phát triển sản xuất cà phê đặc sản ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Tăng trưởng quy mô sản xuất, hiệu quả sản xuất, thu nhập của người sản xuất; - Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất cà phê đặc sản ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Điều kiện tự nhiên, nguồn lực sản xuất, thị trường, chính sách, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ; - Các giải pháp nhằm phát triển sản xuất cà phê đặc sản ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

6	Đại học	Thực trạng sử dụng lao động tại nhà máy chế biến hồ tiêu Chi nhánh Long Bình - Công ty TNHH Olam Việt Nam	Lâm Thị Minh	Thư	GVC.ThS. Vũ Trinh Vương	- Đề tài nghiên cứu thực trạng sử dụng lao động và hiệu quả sử dụng lao động tại nhà máy chế biến hồ tiêu chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam thông qua các nội dung như công tác bố trí việc làm, công tác đào tạo lao động, các chính sách tạo động lực và hiệu quả sử dụng lao động. - Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng lao động tại nhà máy chế biến hồ tiêu chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam gồm các yếu tố thuộc về người lao động, yếu tố thuộc về nhà máy chế biến hồ tiêu hay các yếu tố khác. - Đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại nhà máy chế biến hồ tiêu chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam thông qua việc phân tích thực trạng sử dụng lao động và yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng lao động.
7	Đại học	Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Phạm	Tuân	GVC.TS. Ao Xuân Hòa	- Đánh giá được thực trạng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. - Đề xuất được một số giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

2. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Chính sách xóa đói giảm nghèo tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Trần Quốc Bảo	GVC.ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	- Một số vấn đề lý luận về chính sách xóa đói giảm nghèo và một số vấn đề thực tiễn về xóa đói giảm nghèo trên thế giới và ở Việt Nam - Tình hình tổ chức thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo cụ thể là chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn (2016-2020) tại huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk về tiến độ thực hiện; kết quả thực hiện, phổ biến tuyên truyền về chính sách XĐGN; tổ chức bộ máy và phân công thực hiện chính sách XĐGN; kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện chính sách. - Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo ở Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk.
2	Đại học	Giảm nghèo trên địa bàn huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Ngọc Huyền	GVC.TS. Dương Thị Ái Nhi	- Đánh giá được thực trạng giảm nghèo về thu nhập và giảm nghèo đa chiều trên địa bàn huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến giảm nghèo trên địa bàn huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk bao gồm nguồn lực của hộ nghèo, điều kiện tự nhiên và các chính sách giảm nghèo của Nhà nước. - Đề xuất được các giải pháp nhằm giảm nghèo theo thu nhập và giảm nghèo theo đa chiều trên địa bàn huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

3	Đại học	Chính sách phát triển du lịch ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Tâm	GVC.TS. Dương Thị Ái Nhi	- Khái quát và đánh giá được tình hình thực hiện các chính sách phát du lịch ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk trong đó tập trung vào chính sách đầu tư cho quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch, chính sách phát triển nguồn nhân lực du lịch, chính sách khuyến khích, ưu đãi về tài chính, tín dụng, chính sách quảng cáo và xúc tiến du lịch, chính sách khuyến khích cầu du lịch, chính sách bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch,... - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách phát triển du lịch bao gồm: Môi trường thực hiện chính sách; chủ thể chịu trách nhiệm thực thi chính sách; các bên liên quan trong thực hiện chính sách; - Đề xuất được một số giải pháp để thực hiện thành công các chính sách phát triển du lịch ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.
4	Đại học	Phát triển kinh tế nông nghiệp ở huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Văn Hoàng Minh	GVC.ThS. Vũ Trinh Vương	- Nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn từ năm 2016 tới năm 2020 bao gồm: sự tăng trưởng quy mô, mức độ đóng góp của nông nghiệp huyện vào nền kinh tế toàn tỉnh, chất lượng sản phẩm nông nghiệp của huyện Krông Pắc. - Phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp mà chủ yếu là những yếu tố nguồn lực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp. - Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp ở địa bàn nghiên cứu

5	Đại học	Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Hoài	Trung	GVC.ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế trang trại về số lượng, loại hình trang trại, quy mô sản xuất; các nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất; tiêu thụ sản phẩm; liên kết sản xuất; kết quả sản xuất kinh doanh. - Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức trong quá trình sản xuất và phát triển kinh tế trang trại (cơ chế chính sách, điều kiện nội tại của các trang trại và các điều kiện khách quan tác động hạn chế tới sự phát triển). Những tiềm năng chưa được khai thác cần được đưa vào phục vụ cho sự phát triển của các trang trại trong thời gian tới. - Đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
6	Đại học	Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Trần Ngọc	Hiển	GVC.TS. Nguyễn Văn Hóa	- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bao gồm sự tăng trưởng quy mô, doanh thu, mức độ đóng góp của ngành du lịch - Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk (yếu tố về kinh tế, văn hóa xã hội, cơ sở vật chất và hạ tầng du lịch, vốn đầu tư phát triển du lịch, công tác xúc tiến và quảng bá du lịch, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực, chính sách và công tác quản lý của nhà nước - Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk.

7	Đại học	Phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đinh Thị Ngọc	Hoài	ThS. Trương Văn Thảo	-Nghiên cứu về các cơ sở lý luận về hệ thống logistics như: khái niệm phát triển, dịch vụ, logistics và dịch vụ logistics, đặc điểm logistics, phân loại dịch vụ logistics, các yếu tố bên trong, bên ngoài doanh nghiệp ảnh hưởng đến dịch vụ logistics và lợi ích của dịch vụ, nội dung phát triển dịch vụ logistics. - Nghiên cứu thực trạng phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Bao gồm tăng trưởng quy mô dịch vụ logistics, đóng góp của ngành dịch vụ logistics vào nền kinh tế TP Buôn Ma Thuột như đóng góp về mặt kinh tế và đóng góp về mặt xã hội. - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bao gồm các yếu tố bên trong các doanh nghiệp dịch vụ logistics và yếu tố bên ngoài các doanh nghiệp dịch vụ logistics. - Nghiên cứu điểm mạnh-điểm yếu-cơ hội-thách thức phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

8	Đại học	Phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	GVC.TS. Ao Xuân Hòa	Nghiên cứu thực trạng phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong thời gian từ 2015 đến 2019 bao gồm: - Các cơ sở lý luận liên quan đến thương mại dịch vụ như: Khái niệm, phân loại, vai trò, đặc điểm của thương mại dịch vụ... - Thực trạng phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố; - Sự tăng trưởng quy mô, mức độ đóng góp của thương mại dịch vụ vào nền kinh tế thành phố, chất lượng thương mại dịch vụ của thành phố; - Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thương mại dịch vụ của thành phố, bao gồm ảnh hưởng từ các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài; - Một số giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố.
9	Đại học	Thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Phương Thảo	GVC.TS. Đỗ Thị Nga	- Thực trạng thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư, phương thức thu hút VĐT, kết quả và hiệu quả thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk. - Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội. - Một số giải pháp chủ yếu nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

10	Đại học	Hiệu quả kinh tế sản xuất sầu riêng tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thương	GVC.ThS. Bùi Ngọc Tân	- Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất sầu riêng tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian từ năm 2016 tới năm 2020 bao gồm: Hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả sử dụng lao động. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sản xuất sầu riêng tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Điều kiện tự nhiên, chi phí đầu tư sản xuất, nguồn lực sản xuất, khoa học kỹ thuật, thị trường tiêu thụ và chính sách hỗ trợ. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất sầu riêng trên địa bàn nghiên cứu.
11	Đại học	Phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Trà Thị Thùy Trang	GVC.TS. Ao Xuân Hòa	- Nghiên cứu thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 bao gồm: thực trạng phát triển nông nghiệp về mặt kinh tế (sự tăng trưởng quy mô, sự chuyển dịch cơ cấu ngành, tình hình sử dụng các nguồn lực, phương thức sản xuất, mức độ đóng góp của ngành nông nghiệp vào kinh tế huyện Buôn Đôn); thực trạng phát triển nông nghiệp về mặt xã hội (lao động, việc làm, thu nhập, nghèo đói, bất bình đẳng, dân trí); thực trạng phát triển nông nghiệp về mặt môi trường (mức tưới, mức sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, độ che phủ rừng, chất lượng môi trường đất và nước). - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bao gồm (điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa- hiện đại hóa, chủ trương, chính

					sách. - Đề xuất các giải pháp từ phía người quản lý và người dân địa phương nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững ở địa bàn nghiên cứu.
12	Đại học	Quản lý và sử dụng lao động tại Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Dương Trọng Vinh	GVC.ThS. Vũ Trinh Vương	-Phân tích thực trạng quản lý và sử dụng lao động tại công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk. -Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng lao động tại công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk. -Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý và sử dụng lao động tại công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.
13	Đại học	Tình hình xuất khẩu hàng nông sản tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Bích Thảo	GVC.TS. Dương Thị Ái Nhi	Tình hình xuất khẩu hàng nông sản tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 tại thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk trong thời gian 5 năm từ năm 2016 – 2020 bao gồm: - thực trạng xuất khẩu, hiệu quả xuất khẩu cà phê và hồ tiêu - những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả xuất khẩu cà phê và hồ tiêu - giải pháp mà công ty sử dụng để nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất khẩu cà phê, hồ tiêu

3. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đại Việt, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Đinh Thị Kim Chi	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	Nghiên cứu về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đại Việt, cụ thể : -Nghiên cứu về tình hình đặc điểm hoạt động bán hàng tại Công ty. -Nghiên cứu về các phương pháp kế toán áp dụng, các loại chứng từ sử dụng, thủ tục luân chuyển chứng từ tại Công ty. -Nghiên cứu quá trình hạch toán về xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. -Đánh giá thực trạng tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. -Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
2	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV cao su EaHleo, huyện EaHleo, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Kim Chi	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	-Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cao Su EaH'leo. -Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mủ nước tại Công ty TNHH MTV Cao Su EaH'leo. -Giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mủ nước tại Công ty TNHH MTV Cao Su EaH'leo.

3	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất nông sản SAPO Đắk Lắk, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Phùng Thị Lý Hiền	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	-Nghiên cứu lý luận, thực tiễn về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. -Tìm hiểu một số đặc điểm về quá trình hình thành, quy trình kế toán, hình thức kế toán và một số vấn đề liên quan đến bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nông Sản SAPO Đắk Lắk. -Tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nông Sản SAPO Đắk Lắk. -Đánh giá về thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nông Sản SAPO Đắk Lắk. -Phân tích một số chỉ tiêu tài chính nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nông Sản SAPO Đắk Lắk. -Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Nông Sản SAPO Đắk Lắk.
4	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Duy Anh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đào Thị Thu Huyền	GVC.ThS. Nguyễn An Thạch	-Nội dung nghiên cứu: +Tìm hiểu công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Duy Anh +Phân tích tình hình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty +Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

5	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2/9, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	H- Djoañ Knul	GVC.ThS. Bùi Thị Hiền	-Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. -Nghiên cứu các chứng từ, sổ sách liên quan và thực trạng đến kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk. -Đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
6	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH Tâm Nguyên Phát, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Lý Hoàng Bảo Lâm	GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Phân tích báo cáo tài chính của Công ty qua 3 nội dung chính: -Phân tích kết cấu các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. -Phân tích hệ thống các chỉ tiêu của báo cáo tài chính: phân tích các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, phân tích chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn, phân tích các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng chi phí của công ty, phân tích các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, phân tích các chỉ tiêu về khả năng sinh lời từ quá trình sản xuất kinh doanh, phân tích khả năng sinh lời của VCSH qua mô hình Dupont. -Phân tích những kết quả đạt được và hạn chế, từ đó chỉ ra nguyên nhân và giải pháp nhằm hoàn thiện việc phân tích báo cáo tài chính góp phần nâng cao kết quả hoạt động tài chính của Công ty.

7	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH Một Thành Viên In Đắc Lắc, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Khánh Linh	GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Yến	-Phân tích báo cáo tài chính của công ty thông qua phân tích kết cấu tài chính gồm: Cơ cấu bảng cân đối kế toán, kết cấu bảng Kết quả kinh doanh, kết cấu báo cáo lưu chuyển tiền tệ. -Phân tích báo cáo tài chính của Công ty thông qua phân tích các chỉ số tài chính như: chỉ số khả năng thanh toán ,chỉ số hiệu quả hoạt động kinh doanh, chỉ số cơ cấu tài sản nguồn vốn, chỉ số khả năng sinh lời. -Nhận xét về công tác phân tích báo cáo tài chính tại Công ty, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thành phân tích báo cáo tài chính nâng cao kết quả hoạt động của Công ty.
8	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH Nguyên Trung, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Minh	GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Yến	-Phân tích kết cấu tài chính thông qua: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. -Phân tích hệ thống các chỉ tiêu tài chính: Phân tích nhóm tỷ số về khả năng thanh toán, phân tích nhóm tỷ số về cơ cấu tài sản và nguồn vốn, phân tích hiệu quả hoạt động của Công ty, phân tích các chỉ số lợi nhuận. -Đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân về phân tích BCTC của Công ty. -Đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

9	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Trọng Tuấn Nguyên, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	GVC.TS. Nguyễn Thanh Trúc	-Tìm hiểu về quá trình phát triển, cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Trọng Tuấn Nguyên. -Tìm hiểu về phương pháp, quy trình, hình thức kế toán của Công ty TNHH MTV Trọng Tuấn Nguyên. -Thu thập, tổng hợp chứng từ, sổ kế toán liên quan đến kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
10	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nhà hàng Hương Liễu, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Lê Thị Thúy	GVC.ThS. Nguyễn Đức Tình	-Tìm hiểu về đặc điểm của công ty TNHH MTV Nhà hàng Hương Liễu. -Nghiên cứu về phương pháp, quy trình kế toán, hình thức kế toán và thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nhà hàng Hương Liễu. -Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
11	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Khánh Dương M'drak, huyện M'drak, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Trang	GVC.TS. Nguyễn Thị Hải Yến	-Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. -Tìm hiểu thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Khánh Dương M'Drak, tỉnh Đắk Lắk. + Kế toán các khoản doanh thu (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản giảm trừ doanh thu) + Kế toán giá vốn hàng bán + Kế toán các khoản chi phí (Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp) + Kế toán xác định kết quả kinh doanh -Đánh giá công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết

					quả kinh doanh của công ty TNHH đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Khánh Dương M'Drak. Từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
12	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV 72, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Vũ Thị Mai Trang	ThS. Bùi Thị Hiền	-Nghiên cứu lý luận, thực tiễn về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. -Nghiên cứu về đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV 72. -Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH MTV 72. -Đánh giá thực trạng về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. -Nghiên cứu phương pháp, quy trình kế toán, hình thức kế toán và một số vấn đề liên quan đến bộ máy kế toán tại Công ty. -Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

13	Đại học	Kế toán Doanh thu, chi phí và XĐ KQKD tại công ty TNHH MTV thương mại Hạnh Vân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Bích Trọng	GVC.ThS. Bùi Thị Hiền	-Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. -Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV thương mại Hạnh Vân. -Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp giúp Công ty làm tốt hơn trong công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD.
14	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quantum, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Thu Uyên	GVC.ThS. Bùi Thị Hiền	-Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn các nghiệp vụ kế toán và sổ sách tài liệu về kế toán xác định kết quả kinh doanh. -Tìm hiểu về đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH XNK Quantum. -Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH XNK Quantum. -Đánh giá thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. -Định hướng một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH XNK Quantum.

15	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH FOOD Ban Mê, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Cao Thị Thủy Vân	GVC.ThS. Vũ Nhật Phương	– Tìm hiểu hệ thống quản lý, hệ thống kế toán của công ty. – Phân tích tình hình lao động, tình hình tài sản và nguồn vốn, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. – Tìm hiểu thực trạng về công tác hạch toán kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh và tình hình tài chính tại Công ty TNHH Food Ban Mê. – Phương pháp, quy trình, hình thức kế toán và một số vấn đề liên quan đến bộ máy kế toán tại Công ty. – Phân tích một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty. – Đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp Công ty có những hướng phát triển hơn trong xu thế toàn cầu như hiện nay.
16	Đại học	Kế toán trách nhiệm tại Công ty TNHH MTV thương mại Hạnh Vân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	-Khóa luận nghiên cứu về cách thức vận dụng kế toán trách nhiệm tại Công ty TNHH MTV thương mại Hạnh Vân thông qua việc tổ chức các trung tâm trách nhiệm; công tác lập báo cáo kế hoạch tại Công ty; tổ chức các báo cáo trách nhiệm cho từng trung tâm trách nhiệm và cách đánh giá thành quả các trung tâm.

4. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt

1	Đại học	Kế toán lưu chuyển hàng hóa tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Quang An	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	- Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của lưu chuyển hàng hóa - Thực trạng về lưu chuyển hàng hóa tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk. - Nhận xét đánh giá vấn đề lưu chuyển hàng hóa tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk. - Giải pháp nâng cao công tác lưu chuyển hàng hóa tại công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk.
2	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH cơ điện máy Trường An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đặng Thị Cúc	GVC.ThS. Vũ Nhật Phương	- Nghiên cứu cơ sở lý luận về phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nói chung. Phân tích báo cáo tài chính của công ty TNHH cơ điện máy Trường An trong giai đoạn 3 năm gần đây. Đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính của công ty TNHH cơ điện máy Trường An
3	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH xây dựng và công nghệ Hoàng Anh, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thu Giang	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	- Phân tích thực trạng tình hình tài chính tại công ty thông qua phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH xây dựng và công nghệ Hoàng Anh, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk - Đánh giá thực trạng tình hình tài chính tại Công ty. - Tìm hiểu ưu điểm, nhược điểm và một số nguyên nhân về thực trạng tình hình tài chính của công ty. - Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của công ty.

4	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH MTV cà phê 721 huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	GVC.ThS. Vũ Nhật Phương	Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Đánh giá thực trạng về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV cà phê 721. Từ kết quả nghiên cứu đã đạt được, rút ra các ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV cà phê 721.
5	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Tuyết Trang Đắk Nông	Trần Thị Hương	GVC.TS. Nguyễn Thanh Trúc	- Tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác hạch toán kế toán tiêu thụ và xác định KQKD tại cty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Tuyết Trang Đắk Nông. -Tìm hiểu về phương pháp kế toán, quy trình kế toán, hình thức kế toán và 1 số vấn đề liên quan đến bộ máy kế toán tại Công ty. - Phân tích các chỉ số tài chính ảnh hưởng đến KQKD của Công ty. Từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp Công ty có những hướng phát triển hơn trong xu thế toàn cầu hiện nay.
6	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Đàm Thị Minh Khuê	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	Tìm hiểu về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương. - Đánh giá thực trạng của công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương. - xác định ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân của thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

					TNHH TMDV Nữ Vương. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương.
7	Đại học	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Thùy Lương	ThS. Nguyễn Thị Trà Giang	- Tìm hiểu về thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương - Đánh giá thực trạng hệ thống KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty, xác định ưu điểm, nhược điểm của hệ thống - Đề xuất các biện pháp, các thủ tục nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại công ty
8	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH TMDV Nữ Vương, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Tuyết Mai	GVC.ThS. Nguyễn An Thạch	Tìm hiểu về kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương. - Đánh giá thực trạng của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương. - Xác định ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân của thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương.

9	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần bao bì Tân Khánh An, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Lê Đăng Mão	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	- Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, phân loại, nội dung của chi phí sản xuất và kế toán tính giá thành sản xuất. - Tìm hiểu thực trạng tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung về thành phẩm bao bì của Công ty. - Tìm hiểu thực trạng việc tính giá thành thành phẩm bao bì của Công ty. - Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.
10	Đại học	Kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần cà phê Ea Pôk, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị Hồng Nhung	GVC.ThS. Nguyễn Đức Tình	-Tìm hiểu những vấn đề chung về tài sản cố định và những chuẩn mực kế toán Việt Nam về tài sản cố định;- Đánh giá kế toán tăng giảm, khấu hao, sửa chữa tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Cà phê EaPôk;- Đề xuất giải pháp , nhận xét, đáng giá từ đó rút ra giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Cà phê EaPôk.
11	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV cà phê 721, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Như Quỳnh	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	- Tìm hiểu về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. - Tìm hiểu, đánh giá thực trạng về công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. - Tìm hiểu những tồn tại, nguyên nhân của thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. - Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

12	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ya Yuong Ayun, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	GVC.ThS. Nguyễn An Thạch	Tìm hiểu công tác hạch toán kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ya Yuong Ayun, phân tích các chỉ số tài chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp công ty có những hướng phát triển hơn trong xu thế toàn cầu như hiện nay.
13	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Cà phê 52, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Uyên	Thảo	GVC.TS. Nguyễn Thanh Trúc	Đề tài tập trung nghiên cứu kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng công tác hạch toán kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Cà phê 52, phân tích tình hình tiêu thụ, tình hình lợi nhuận và các chỉ số tài chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp doanh nghiệp có những hướng phát triển hơn trong xu thế toàn cầu như hiện nay.
14	Đại học	Kế toán tiêu thu và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH TM Thái Phúc, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị	Thảo	GVC.TS. Nguyễn Thanh Trúc	Tìm hiểu công tác hạch toán kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Thái Phúc, phân tích các chỉ số tài chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp công ty có những hướng phát triển hơn trong xu thế toàn cầu như hiện nay.
15	Đại học	Kiểm soát nội bộ chu trình Bán hàng - Thu tiền tại công ty TNHH Tùng Hạnh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị Kim	Trâm	ThS. Nguyễn Thị Trà Giang	Khóa luận nghiên cứu chu trình Bán hàng – Thu tiền và công tác KSNB trong chu trình này tại Công ty TNHH Tùng Hạnh. Từ đó, đưa ra những đánh giá, nhận xét và ý kiến đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện công tác KSNB chu trình Bán hàng – Thu tiền nói

					riêng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
16	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TM &DV MÀU ĐỎ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Huyền Trang	ThS. Nguyễn An Thạch	- Tìm hiểu về quá trình phát triển, cơ cấu tổ chức, bộ máy kế toán của công ty TNHH MTV TM &DV MÀU ĐỎ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. - Tìm hiểu về phương pháp, quy trình, tổ chức kế toán của Công ty. - Nghiên cứu đặc điểm dịch vụ, doanh thu, chi phí liên quan đến kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. - Thu thập, tổng hợp chứng từ, sổ kế toán liên quan đến kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
17	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tùng Hạnh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Thanh Vân	ThS. Nguyễn Thị Trà Giang	Khóa luận tập trung nghiên cứu về công tác kế toán tiêu thụ tại Công ty TNHH Tùng Hạnh, cũng như kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Từ đó đưa ra những đánh giá, nhận xét và ý kiến, đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện kế toán tiêu thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tùng Hạnh.

18	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Cà phê EaPók, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk	Lương Thị Thu Uyên	ThS. Nguyễn Đức Tình	- Phân loại lao động, nhiệm vụ kế toán lương và các khoản trích theo lương - Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Cà phê EaPók - Chứng từ, sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty - Kiến nghị và đề xuất một số phương hướng nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.
19	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cà phê Ea Pók, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Thị Tường Vi	GVC.ThS. Nguyễn Đức Tình	- Những vấn đề chung và nhiệm vụ của kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cà phê EaPók. - Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Cà phê EaPók. - Quy trình ghi sổ kế toán tiêu thụ. - Chứng từ, sổ sách về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê EaPók. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cà phê EaPók.

5. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực của Công ty	Chu Nữ Diệp Đan	GVC.TS. Nguyễn Văn Đạt	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực, từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao công tác quản trị

		TNHH sản xuất đầu tư Kim Vũ, tỉnh Bình Dương			nguồn nhân lực của Công ty TNHH sản xuất đầu tư Kim Vũ, tỉnh Bình Dương
2	Đại học	Thực trạng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đắk Lắk	Lưu Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Trịnh Thanh Nguyên	Đánh giá thực trạng cho vay khách hàng cá nhân, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao công tác cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đắk Lắk
3	Đại học	Tạo động lực thúc đẩy người lao động tại Trung tâm viễn thông Buôn Ma Thuột - Viễn thông Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hiếu	ThS. Hà Thị Kim Duyên	Đánh giá thực trạng tạo động lực thúc đẩy người lao động, từ đó đề xuất giải pháp tạo động lực thúc đẩy người lao động tại Trung tâm viễn thông Buôn Ma Thuột - Viễn thông Đắk Lắk
4	Đại học	Chiến lược phát triển kinh doanh cà phê tại công ty TNHH TM Lai Vi, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Hòa	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	Chiến lược phát triển kinh doanh cà phê tại công ty TNHH TM Lai Vi, tỉnh Đắk Lắk
5	Đại học	Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Xuân Hương	GVC.ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

6	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của người lao động tại Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex Buôn Ma Thuột	Phạm Thị Hương	ThS. Phan Thị Thúy	Đánh giá sự hài lòng của người lao động tại Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex Buôn Ma Thuột
7	Đại học	Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng chi nhánh Đắk Lắk	Lê Thị Xuân Lộc	ThS. Lê Thanh Hà	Đánh giá thực trạng Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng chi nhánh Đắk Lắk
8	Đại học	Giải pháp phát triển dịch vụ e-banking tại Phòng giao dịch EaTam - Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á	Nguyễn Châu Lệ Mai	ThS. Hà Thị Kim Duyên	Đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ e-banking, từ đó đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ e-banking tại Phòng giao dịch EaTam - Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á
9	Đại học	Nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu tại Tổng công ty cà phê Việt Nam	Đàm Bảo Ngân	GVC.TS. Lê Thế Phiệt	Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu tại Tổng công ty cà phê Việt Nam
10	Đại học	Phân tích công tác tạo nguồn và mua hàng tại Công ty TNHH FOOD Ban Mê	Hoàng Thị Nguyệt	ThS. Lê Thanh Hà	Đánh giá thực trạng công tác tạo nguồn và mua hàng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao công tác tạo nguồn và mua hàng tại Công ty TNHH FOOD Ban Mê
11	Đại học	Phát triển dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Công ty Bảo Việt Đắk Lắk	Nguyễn Thị Huệ Quân	GVC.TS. Lê Thế Phiệt	Đánh giá thực trạng dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, từ đó đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Công ty Bảo Việt Đắk Lắk

12	Đại học	Phát triển tín dụng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch Lê Duẩn	Lê Thu Thảo	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	Đánh giá thực trạng tín dụng cá nhân, từ đó đề xuất giải pháp phát triển tín dụng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch Lê Duẩn
13	Đại học	Nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Phòng giao dịch Đắk Song, Đắk Nông	Trần Thị Thảo	ThS. Phạm Thảo Vy	Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ tín dụng cho khách hàng cá nhân, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Phòng giao dịch Đắk Song, Đắk Nông
14	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn điểm đến Đắk Lắk của khách du lịch	Đỗ Thị Thêm	GVC.ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn điểm đến Đắk Lắk của khách du lịch, từ đó đề xuất giải pháp phát triển du lịch địa phương trong thời gian tới.
15	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động marketing của Chi nhánh Mobifone Đắk Lắk trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	Trịnh Xuân Thịnh	GVC. TS. Nguyễn Ngọc Thắng	Đánh giá thực trạng hoạt động marketing, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động marketing của Chi nhánh Mobifone Đắk Lắk trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột
16	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn	Nguyễn Thị Thu Thủy	GVC.ThS. Phạm Thị Oanh	Đánh giá thực trạng công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, từ đó đề xuất giải pháp Hoàn thiện công tác tuyển dụng, đào tạo và

		nhân lực tại Công ty cổ phần Misa			phát triển nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Misa	
17	Đại học	Mức độ nhận biết thương hiệu Ngân hàng TMCP Nam Á tại thành phố Buôn Ma Thuột	Hoàng Minh Anh	Thư	GVC.ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	Đánh giá thực trạng nhận biết thương hiệu, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu Ngân hàng TMCP Nam Á tại thành phố Buôn Ma Thuột
18	Đại học	Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của người lao động tại Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex Buôn Ma Thuột	Nguyễn Phương	Uyên	ThS. Phan Thị Thúy	Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của người lao động tại Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Intimex Buôn Ma Thuột

6. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại công ty cao su Đắk Lắk (Dakruco)	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Huỳnh Thị Nga	Đánh giá thực trạng nhân sự và động lực làm việc. Từ đó đề xuất giải pháp tạo động lực làm việc cho nhân viên tại công ty cao su Đắk Lắk (Dakruco)

2	Đại học	Thực trạng và giải pháp cho quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hưng	Phạm Minh Anh	ThS. Nguyễn Trịnh Thanh Nguyên	Đánh giá thực trạng quản trị nguồn nhân lực. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất giải pháp quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hưng
3	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng của Mobifone chi nhánh Buôn Ma Thuột	Cao Thị Thanh Hiền	ThS. Phạm Thị Oanh	Đánh giá chất lượng chăm sóc khách hàng, từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng của Mobifone chi nhánh Buôn Ma Thuột
4	Đại học	Xây dựng dự án đầu tư trường học liên cấp Phú Xuân của Công ty TNHH Phú Xuân, TP. Buôn Ma Thuột	Trần Văn Khỏe	ThS. Phạm Thảo Vy	Xây dựng dự án đầu tư trường học liên cấp Phú Xuân của Công ty TNHH Phú Xuân, TP. Buôn Ma Thuột
5	Đại học	Nghiên cứu giải pháp Marketing nhằm mở rộng thị trường tại công ty Bảo Minh Đắk Lắk	Cao Thị Lưu	GVC.ThS. Huỳnh Thị Nga	Đánh giá thực trạng Marketing, từ đó, đề xuất giải pháp Marketing nhằm mở rộng thị trường tại công ty Bảo Minh Đắk Lắk
6	Đại học	Nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty Bảo Minh Đắk Lắk	Huỳnh Thị Châu Ly	GVC.TS. Nguyễn Văn Đạt	Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty Bảo Minh Đắk Lắk
7	Đại học	Dự báo tình hình tiêu thụ cà phê của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2030 sử dụng mô hình dự báo Xám	Hoàng Thị Nguyệt	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Thắng	Đánh giá thực trạng tiêu thụ cà phê, từ đó đưa ra dự báo tình hình tiêu thụ cà phê của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2030 sử dụng mô hình dự báo Xám (Grey forecasting model)

		(Grey forecasting model)				
8	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại phòng giao dịch Buôn Ma Thuột, ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế - chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hồng	Thẩm	GVC.ThS. Huỳnh Thị Nga	Đánh giá chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại phòng giao dịch Buôn Ma Thuột, ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế - chi nhánh Đắk Lắk
9	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại công ty CP Misa Đắk Lắk	Hoàng Thị Ngọc	Thúy	GVC.ThS. Huỳnh Thị Nga	Đánh giá thực trạng chăm sóc khách hàng, từ đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại công ty CP Misa Đắk Lắk

7. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt

1	Đại học	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đắk Lắk	Bùi Đình Chiến	GVCC.PG S.TS. Lê Đức Niêm	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ thẻ tại ngân hàng SCB - chi nhánh Đắk Lắk, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ thẻ trong thời gian tới tại điểm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy dịch vụ thẻ của ngân hàng trong giai đoạn 2018 - 2020 hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động dịch vụ thẻ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và quy mô thị trường, hệ thống cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ khách hàng, dịch vụ thanh toán qua mạng của ngân hàng còn tắc nghẽn khi phát sinh giao dịch lớn. Do đó, ngân hàng cần tăng cường công tác truyền thông quảng bá sản phẩm đến khách hàng, phát triển hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đầu tư các công nghệ hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm thẻ cùng với nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
2	Đại học	Phân tích kết quả huy động vốn bằng hình thức nhận tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Phạm Thị Hồng Đào	Th.S Phạm Thanh Hùng	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng huy động vốn bằng hình thức nhận tiền gửi của Techcombank, từ đó đề xuất các gợi ý nhằm phát triển hoạt động huy động vốn trong thời gian tới tại điểm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động huy động vốn bằng hình thức nhận tiền gửi của ngân hàng trong giai đoạn 2018 - 2020 đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn này, quy mô nguồn vốn tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng liên tục tăng trưởng. Thêm vào đó, cơ cấu tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng có xu hướng thay đổi theo chiều hướng tăng dần tỷ trọng của loại tiền gửi không kỳ hạn. Điều này đã giúp cho Techcombank có chi phí trả lãi bình quân thấp hơn nhiều so với các ngân hàng khác cùng quy mô và góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng. Tuy nhiên, kết quả huy động nguồn vốn bằng hình thức nhận tiền gửi của Techcombank khi so sánh với một số ngân hàng cạnh tranh trực tiếp vẫn còn thấp hơn về mặt quy mô. Do đó, trong thời gian tới Techcombank cần tiếp tục duy

					trì những kết quả đã đạt được đồng thời tăng cường áp dụng các giải pháp marketing để thu hút được lượng tiền gửi của khách hàng nhiều hơn.
3	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - chi nhánh Đắk Lắk	Trương Hồng Hạnh	Th.S Nguyễn Thị Bích Ngọc	Đề tài đã tiến hành tìm hiểu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về hoạt động cho vay của ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. Đồng thời, dựa trên các số liệu thứ cấp và sơ cấp, đề tài đã phân tích đánh giá tình hình hoạt động cho vay của ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020. Từ các phân tích đánh giá đề tài đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động cho vay tại ngân hàng Hợp tác xã chi nhánh Đắk Lắk. Cần đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh hoạt động marketing, đa dạng hóa đối tượng khách hàng, tăng thị trường cho vay, đẩy mạnh hoạt động huy động vốn, hoạt động cho vay, xây dựng chính sách lãi suất hợp lý, linh hoạt..., Điều này giúp ngân hàng ngày một phát triển hơn, khẳng định được vị thế, bắt kịp với nền kinh tế thị trường.

4	Đại học	Nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Ea Kar	Nguyễn Thị Hồng	GVC.Th.S . Trương Ngọc Hằng	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích thực trạng chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông- Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch Eakar, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng tín dụng tại OCB Đắk Lắk – PGD Eakar có xu hướng ngày một được cải thiện, cụ thể: Dư nợ tín dụng, doanh số cho vay và doanh số thu nợ có xu hướng tăng dần qua các năm, qua đó nhận thấy quy mô cho vay của phòng đang ngày càng được mở rộng hơn. Nguồn vốn mà ngân hàng huy động được đều được sử dụng một cách có hiệu quả. Bên cạnh đó, ngân hàng còn duy trì được lượng lớn khách hàng truyền thống đến giao dịch với ngân hàng và thu hút thêm được nhiều khách hàng mới nhờ sự uy tín, danh tiếng của ngân hàng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được thì vẫn tồn tại một số hạn chế: nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng dần lên kéo theo đó là tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cũng tăng cao, điều này gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng của ngân hàng. Nguồn vốn mà ngân hàng huy động được chủ yếu là nguồn vốn ngắn hạn nhưng đặc thù sản phẩm cho vay của ngân hàng chủ yếu là cho vay trung dài hạn, nên sự mất cân đối này tạo ra nhiều khó khăn trong công tác cho vay của ngân hàng. Thêm vào đó, trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng vẫn còn hạn chế, sản phẩm vay của ngân hàng còn tập trung vào một số sản phẩm truyền thống do đó làm thiếu tính cạnh tranh so với các ngân hàng khác trên cùng địa bàn. Trên cơ sở đó nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp cụ thể: Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tín dụng; Kiểm soát các khoản nợ quá hạn và nợ xấu ở mức thấp nhất; Mở rộng quy mô tín dụng; Nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo minh bạch, chính xác; Xây dựng chính sách đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ tín dụng.

5	Đại học	Các giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	Ngô Văn Nam	GVC.Th.S . Nguyễn Thị Phương Thảo	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng tại ngân hàng này. Kết quả cho thấy Ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam đã thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro tín dụng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn tồn tại một số hạn chế liên quan đến con người trong quá trình thực hiện quy trình, giám sát thực hiện quy trình. Do đó, ngân hàng cần hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay, kiểm tra giám sát tín dụng chặt chẽ, nâng cao vai trò của công tác kiểm soát nội bộ ngân hàng.
6	Đại học	Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	Tô Thị Nhung	GVC.Th.S Trần Thị Ngọc Hạnh	Đề tài đã tiến hành tìm hiểu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về tín dụng và chất lượng tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Đồng thời, dựa trên các số liệu thứ cấp và sơ cấp, đề tài đã phân tích đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội huyện Krông Buk tỉnh Đắk Lắk. Có thể thấy được, nhờ các chương trình tín dụng ưu đãi của ngân hàng đã giúp nhiều đối tượng vay cũng như các đối tượng chính sách cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, giúp xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế trên toàn huyện. Tuy nhiên bên cạnh đó, hoạt động tín dụng cũng còn một số hạn chế như hạn mức cho các đối tượng vẫn còn thấp so với nhu cầu thực sự. Từ các phân tích đánh giá đề tài đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Krông Buk tỉnh Đắk Lắk.
7	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Đắk Lắk	Mai Trần Thảo Quyên	GVC. Th.S. Võ Xuân Hội	Nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Đắk Lắk (BAC A BANK). Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại BAC A BANK chi nhánh Đắk Lắk.

8	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam-chi nhánh Đắk Lắk	Trần Huỳnh Hạnh	Tiên	Th.S Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nghiên cứu nhằm đánh giá hoạt động huy động vốn của Co-op Bank Đắk Lắk, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động huy động vốn trong thời gian tới tại điểm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động huy động vốn của ngân hàng trong giai đoạn 2018-2020 đạt nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn này, nguồn vốn huy động tại ngân hàng liên tục tăng trưởng. Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn vốn huy động tại ngân hàng có xu hướng tăng dần tỷ trọng theo đối tượng dân cư; huy động loại tiền VNĐ; huy động vốn ngắn hạn; huy động tiền gửi có kỳ hạn. Tuy nhiên, còn một số hạn chế trong công tác huy động vốn. Do đó, trong thời gian tới Co-op Bank Đắk Lắk cần duy trì những kết quả đã đạt được đồng thời đẩy mạnh các giải pháp đa dạng hóa các hình thức huy động vốn và chăm sóc khách hàng để thu hút được nhiều khách hàng hơn.
9	Đại học	Giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Bùi Như Gia	Uyên	GVC. Th.S. Bùi Thị Thu Hằng	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) là một khái niệm đang “bùng nổ” trên toàn thế giới và các doanh nghiệp (DN) đều chuyển hướng sang thực hiện một số hoạt động CSR. Nghiên cứu về CSR của ngân hàng thương mại (NHTM) đã được một số học giả thực hiện. Tuy nhiên, công bố của tác giả là kết quả nghiên cứu ở phạm vi một ngân hàng cụ thể được lựa chọn là NHTM cổ phần Quân Đội (MB). CSR của ngân hàng được đo lường bằng phương pháp phân tích nội dung. Tiếp đó, phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá thực trạng thực hiện và công bố thông tin CSR của MB trong giai đoạn 2016-2020. Kết quả cho thấy, gần như toàn bộ các chỉ tiêu đo lường trách nhiệm với người lao động (NLĐ), cộng đồng và môi trường của MB đều cao hơn trung bình ngành ngân hàng. Thêm vào đó, một khảo sát các khách hàng để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện và công bố thông tin CSR của MB cũng đã được thực hiện. Trên cơ sở đó, một số kiến nghị được đề xuất để gia tăng tỷ lệ công bố thông tin CSR của MB trong thời gian tới.

8. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP CỦA HỌC VIÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên học viên		CB Hướng dẫn	Nội dung tóm tắt của đề tài LV thạc sĩ
1	Thạc sĩ	Cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	Phan Công	Thân	PGS.TS. Lê Đức Niêm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn tại các NHTM. Phân tích thực trạng cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn tại Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh. Đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hoạt động cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn tại Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu bao gồm: Phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp xử lý dữ liệu, phương pháp phân tích số liệu và đề xuất được các chỉ tiêu đánh giá hoạt động cho vay KHCN khu vực nông thôn. 3. Kết quả nghiên cứu - Đề tài làm rõ được thực trạng cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh; Thực trạng phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh. Trên cơ sở đó đề xuất 7 nhóm giải pháp phát triển cho vay khách hàng cá nhân khu vực nông thôn.

9. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP CỦA HỌC VIÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên học viên		CB Hướng dẫn	Nội dung tóm tắt của đề tài LV thạc sĩ
1	Thạc sĩ	Quản lý nguồn vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đắk Lắk - Đắk Nông	Trần Thị Cẩm	Anh	TS. Nguyễn Văn Đạt	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu quản lý nguồn vốn ODA nhằm đánh giá thực trạng quản lý nguồn vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đắk Lắk - Đắk Nông từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn ODA tại Chi nhánh trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu, thông tin. - Phương pháp xử lý số liệu. - Phương pháp phân tích số liệu. 3. Kết quả nghiên cứu - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn vốn ODA. - Đánh giá thực trạng quản lý nguồn vốn ODA của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đắk Lắk - Đắk Nông. - Đề ra các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường công tác quản lý nguồn vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đắk Lắk - Đắk Nông trong thời gian tới.

2	Thạc sĩ	Quản trị chuỗi cung ứng tại Công ty TNHH MTV Cao su Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Ba	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng quản trị chuỗi cung ứng và đề xuất hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng tại Công ty TNHH MTV Cao su Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn cũng đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp gồm: thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp, tổng hợp và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 16, thống kê mô tả và thống kê so sánh trong phân tích. 3. Kết quả nghiên cứu - Tác giả đã khái quát hoạt động chuỗi cung ứng cao su thiên nhiên tại Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk, dựa trên các số liệu thứ cấp và sơ cấp để phân tích thực trạng chuỗi cung ứng của Công ty trong giai đoạn 2018 - 2020 qua các tiêu chí: lập kế hoạch, tìm nguồn cung cấp, sản xuất, phân phối và thu hồi. Bên cạnh đó tác giả đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của Công ty bao gồm: sự bất ổn về thị trường, công nghệ thông tin, các mối quan hệ trong chuỗi cung ứng và sự hài lòng của khách hàng. - Qua đó tác giả đã đánh giá ưu và nhược điểm của hoạt động quản trị chuỗi cung ứng tại Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk và đưa ra giải pháp nâng qua hiệu quả hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của Công ty trong thời gian tới thông qua việc hoàn thiện công tác lập kế hoạch, tìm nguồn cung cấp, sản xuất, phân phối và thu hồi.

3	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị sản tại Đắk Lắk	Đặng Văn Dũng	TS. Ao Xuân Hoà	1. Mục tiêu nghiên cứu - Mục tiêu chung: + Đánh giá được thực trạng chuỗi giá trị sản tại Đắk Lắk; các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng sản của nông dân trong chuỗi giá trị sản ở tỉnh Đắk Lắk; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập từ trồng sản của nông dân và phát triển chuỗi giá trị sản tại Đắk Lắk - Mục tiêu cụ thể: + Góp phần làm rõ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về chuỗi giá trị; + Đánh giá thực trạng chuỗi giá trị sản; các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng sản của nông dân trong chuỗi giá trị sản tại tỉnh Đắk Lắk; + Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập từ trồng sản của nông dân và phát triển chuỗi giá trị sản tại Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu Luận văn đã sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau: - Phương pháp chọn điểm nghiên cứu - Phương pháp chọn mẫu - Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chuỗi giá trị nói chung và chuỗi giá trị sản. - Đánh giá thực trạng chuỗi giá trị sản hiện nay ở Đắk Lắk. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng sản của nông dân trong chuỗi giá trị sản. - Đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập từ trồng sản của nông dân và phát triển chuỗi giá trị sản tại Đắk Lắk. - Trên cơ sở sử dụng phương pháp thống kê mô tả, sử dụng mô hình toán kinh tế trong phân tích yếu tố ảnh hưởng và sử dụng phương pháp phân tích chuỗi giá trị trong phân tích các chỉ tiêu kinh tế.

4	Thạc sĩ	Quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk	Hàn Thị Thu Hằng	TS. Lê Thế Phiệt	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu thực trạng cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk từ năm 2016 đến năm 2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Thông qua phương pháp thu thập số liệu (số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp) và phương pháp phân tích (Phương pháp thống kê mô tả, so sánh, xử lý thông tin, phương pháp chuyên gia) để phân tích cụ thể các nghiên cứu liên quan đến đề tài. 3. Kết quả nghiên cứu - Chỉ ra những tồn tại trong công tác quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk. Đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác lập kế hoạch, cấp phát, thanh toán, quyết toán và thanh tra kiểm tra vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk. Luận văn cũng đã đề xuất các kiến nghị với Cơ quan nhà nước, Kho bạc nhà nước và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.

5	Thạc sĩ	Cho vay hộ kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Văn	Hoàng	TS. Nguyễn Văn Hoá	1. Mục tiêu nghiên cứu: - Phân tích thực trạng hoạt động cho vay đối với hộ kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Huyện Cư Kuin Tỉnh Đắk Lắk thời gian qua, đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với hộ kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Huyện Cư Kuin Tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới 2. Phương pháp nghiên cứu - Để thực hiện mục tiêu nói trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc, Phương pháp khảo sát, điều tra, phương pháp chuyên gia, Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp... 3. Kết quả nghiên cứu: - Luận văn khái quát được tình hình cho vay khách hàng hộ kinh doanh và chỉ ra được những nhân tố nào ảnh hưởng tới cho vay hộ kinh doanh tại Agribank Cư Kuin, đánh giá được mức độ tác động của các nhân tố đến cho vay hộ kinh doanh tại chi nhánh trong giai đoạn 2018-2020. Từ đó nâng cao khả năng tiếp thị khách hàng hộ kinh doanh tại Agribank Cư Kuin trong thời gian tới.

6	Thạc sĩ	Quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Huy Hoàng	TS. Nguyễn Văn Hoá	1. Mục tiêu nghiên cứu - Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về quản trị quan hệ khách hàng cá nhân. Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Giải pháp để hoàn thiện quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài sử dụng các phương pháp gồm: Phương pháp thu thập số liệu, phương pháp xử lý số liệu, phương pháp phân tích số liệu. Bên cạnh đó, đề tài cũng đề xuất hệ thống các chỉ tiêu phục vụ nghiên cứu. 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn làm rõ được thực trạng quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; Đánh giá công tác quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở đó đưa ra được các giải pháp hoàn thiện quản trị quan hệ khách hàng cá nhân tại Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

7	Thạc sĩ	Quản lý nhân sự tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nguyên liệu TH vùng Đông Bắc Nghệ An	Nguyễn Đình	Hùng	TS. Dương Thị Ái Nhi	1. Mục tiêu nghiên cứu - Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý nhân sự, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhân sự của công ty; đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhân sự của công ty trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu a. Phương pháp thu thập dữ liệu - Thông tin và dữ liệu thứ cấp: được thu thập từ sách, báo, tác phẩm, công trình nghiên cứu có liên quan, internet và báo cáo, quy chế, tài liệu... của Công ty. - Thông tin và số liệu sơ cấp: được thu thập thông qua khảo sát cán bộ, nhân viên văn phòng và công nhân lao động trong Công ty. b. Phương pháp phân tích dữ liệu - Sử dụng hai phương pháp là Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh. 3. Kết quả nghiên cứu - Thực trạng công tác quản lý nhân sự tại Công ty (2018-2020): Tình hình lao động; Hoạch định nhân sự; Phân tích công việc; Tuyển dụng; Bố trí sử dụng lao động; Đào tạo phát triển; Đánh giá thực hiện công việc; Chính sách đãi ngộ. - Nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhân sự tại Công ty: Nhóm nhân tố bên ngoài (hệ thống chính sách, pháp luật; đặc điểm tình hình địa phương); nhóm nhân tố bên trong (quan điểm của lãnh đạo, chiến lược kinh doanh, đội ngũ làm nhân sự, khả năng tài chính... của Công ty). - Các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhân sự trong thời gian tới: (1) Hoàn thiện công tác hoạch định; (2) Hoàn thiện phân tích công việc phù hợp điều kiện thực tiễn; (3) Nâng cao chất lượng truyền dụng, bố trí sử dụng lao động; (4) Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua đào tạo và phát triển; (5) Hoàn thiện công tác đánh giá thực hiện công việc; (6) Cải thiện chính sách đãi ngộ thù lao.

8	Thạc sĩ	Cho vay phát triển sản xuất nông nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, Chi nhánh Đắk Lắk	Đoàn Đức Hùng	TS. Phan Xuân Lĩnh	1. Mục tiêu nghiên cứu - Từ việc đánh giá được thực trạng cho vay phát triển SXNN của VPBank CN Đắk Lắk đề xuất các giải pháp phát triển cho vay phát triển SXNN tại VPBank CN Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp, phương pháp phân tổ, phương pháp so sánh để đánh giá thực trạng cho vay phát triển SXNN của VPBank CN Đắk Lắk. 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã đánh giá được tình hình hoạt động cho vay tại VPBank CN Đắk Lắk và thực trạng cho vay phát triển SXNN của VPBank CN Đắk Lắk. Từ đó, luận văn đưa ra các giải pháp phát triển cho vay phát triển SXNN tại VPBank CN Đắk Lắk trong thời gian tới.

9	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Đình Huy	TS. Dương Thị Ái Nhi	1. Mục tiêu nghiên cứu - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về QLNN về du lịch; - Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về du lịch ở địa bàn nghiên cứu. 2. Phương pháp nghiên cứu - Ba địa điểm có thể mạnh thu hút khách du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được lựa chọn để nghiên cứu luận văn là thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Buôn Đôn và huyện Lắk. Ngoài nguồn số liệu thứ cấp, luận văn sử dụng nguồn số liệu sơ cấp thông qua phương pháp điều tra xã hội học đối với khách du lịch, doanh nghiệp và các cửa hàng kinh doanh dịch vụ. Phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh được sử dụng để phân tích thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 3. Kết quả nghiên cứu - Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bao gồm i) Ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư; ii) Quản lý tài nguyên du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch và hướng dẫn du lịch trên địa bàn; iii) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường, an toàn thực phẩm tại khu du lịch, điểm du lịch, nơi tập trung nhiều khách du lịch; iv) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân để bảo đảm môi trường du lịch thân thiện, lành mạnh và văn minh; v) Tổ chức bố trí nơi dừng, đỗ cho các phương tiện giao thông đã được cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch để tiếp cận điểm tham quan du lịch, cơ sở lưu trú du lịch; vi) Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của khách du lịch; vii) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

10	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk	Đặng Ngọc Xuân	Khang	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đề tài đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập số liệu bao gồm số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. - Phương pháp xử lý số liệu : Xử lý và tính toán, phân tích các số liệu, các chỉ tiêu, nội dung nghiên cứu từ kết quả thu thập và điều tra dựa trên hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu. - Phương pháp phân tích số liệu: sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp thống kê so sánh. - Phương pháp chuyên gia: Tham khảo ý kiến chuyên môn của những cán bộ quản lý có kinh nghiệm về quản lý tài chính. 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến quản lý tài chính tại đơn vị sự nghiệp. - Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý tài chính tại trường. - Trên cơ sở đó luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk.

11	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông	Hồ Tấn Lộc	PGS.TS. Lê Đức Niêm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng để đánh giá thực trạng, xác định được nguyên nhân tác động đến công tác quản lý Quỹ BHXH và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý quỹ này tại BHXH tỉnh Đắk Nông. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài sử dụng phương pháp chủ yếu như sau: Phương pháp thu thập số liệu; Phương pháp xử lý số liệu; Phương pháp phân tích số liệu. 3. Kết quả nghiên cứu: - Đề tài hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý quỹ BHXH. - Đề tài phân tích thực trạng quản lý quỹ BHXH tại BHXH tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. - Đề tài phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý quỹ BHXH tại BHXH Đắk Nông thời gian qua. - Đề tài đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý quỹ BHXH tại BHXH Đắk Nông thời gian tới.

12	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Nguyễn Tiến Lợi	TS. Đỗ Thị Nga	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột trong những năm gần đây. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định lượng, đi từ tổng hợp lý thuyết liên quan lĩnh vực nghiên cứu đến lựa chọn mô hình nghiên cứu, kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, kỹ thuật phân tích nhân tố EFA, hồi quy đa biến để xác định mức ý nghĩa của mô hình nghiên cứu và mức độ tác động của từng nhân tố hài lòng đối với dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột. Toàn bộ dữ liệu hồi đáp sẽ được xử lý với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 18.0. - Phương pháp tiếp cận khách hàng. - Phương pháp điều tra không toàn bộ (cụ thể ở đây là lấy mẫu phi ngẫu nhiên theo phương pháp thuận tiện). - Phương pháp mô hình hóa. 3. Kết quả nghiên cứu - Tác giả đã tiến hành phân tích Cronbach Alpha và EFA để đánh giá độ tin cậy và giá trị thang đo cho các khái niệm nghiên cứu. Kết quả phân tích Cronbach Alpha và EFA cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu. Tác giả cũng đã tiến hành phân tích hồi quy và ANOVA để kiểm định các giả thuyết của mô hình nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ làm thủ tục hành khách tại Cảng hàng không Buôn Ma Thuột. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 5 thành phần đều có tác động dương đến mức độ thỏa mãn của sự hài lòng của khách hàng, cụ thể mức độ tác động được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: sự đồng cảm, sự tin cậy, năng lực phục vụ, khả năng đáp ứng, yếu tố cảm quan.

13	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách Nhà nước của Huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Vĩnh Bảo	Long	TS. Lê Văn Nghĩa	1. Mục tiêu nghiên cứu - Dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn về chi thường xuyên NSNN và kết quả phân tích đánh giá thực trạng chi ngân sách trên địa bàn, đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách trên địa bàn huyện Krông Búk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập tài liệu - Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu - Phương pháp phân tích 3. Kết quả nghiên cứu - Góp phần hệ thống hoá và làm sáng tỏ thêm một số vấn đề về lý luận; các cơ chế quản lý, điều hành chi ngân sách, chi thường xuyên ngân sách của huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. - Phân tích, đánh giá đúng thực trạng quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước huyện Krông Búk giai đoạn 2017-2020, chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân. - Đề xuất được phương hướng và một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN huyện Krông Búk nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn NSNN, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền để hoàn thành tốt các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển KT-XH của huyện trong giai đoạn 2021-2025.

14	Thạc sĩ	Nâng cao năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hoàng Mai	TS. Đỗ Thị Nga	1. Mục tiêu nghiên cứu a. Mục tiêu chung - Trên cơ sở đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk, luận văn đề xuất các giải pháp chủ yếu góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. b. Mục tiêu cụ thể - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; - Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk, Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk; - Đề xuất các giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh của MobiFone tỉnh Đắk Lắk như thế nào trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn tập trung vào các phương pháp nghiên cứu: + Phương pháp thu thập số liệu: phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và phương pháp thu thập số liệu thứ cấp; + Phương pháp xử lý số liệu: số liệu nghiên cứu được xử lý bằng Excel; + Phương pháp phân tích: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê so sánh, phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tích SWOT 3. Kết quả nghiên cứu - Thực trạng năng lực cạnh tranh tại MobiFone tỉnh Đắk Lắk; - Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế; - Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của MobiFone Tỉnh Đắk Lắk.

15	Thạc sĩ	Nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Nguyên	Phạm Quỳnh My	TS. Nguyễn Văn Đạt	1. Mục tiêu nghiên cứu - Mục tiêu của đề tài nhằm phân tích thực trạng, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu, thông tin - Phương pháp xử lý số liệu - Phương pháp phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu - Đề tài cho thấy bức tranh về tình hình hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Công ty bảo hiểm BIDV Tây Nguyên. - Góp phần đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình thị trường dịch vụ bảo hiểm, nhận diện được đối thủ cạnh tranh và đánh giá năng lực cạnh tranh của công ty so với các đối thủ cạnh tranh. - Đề ra những giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Nguyên trong thời gian tới.

16	Thạc sĩ	Quản lý chi Quỹ Bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thúy	Nga	TS. Dương Thị Ái Nhi	1. Mục tiêu nghiên cứu - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý chi quỹ BHXH; trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý chi quỹ BHXH, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi quỹ BHXH trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi quỹ BHXH trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn tập trung vào các phương pháp nghiên cứu: phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp; phương pháp xử lý số liệu; phương pháp phân tích số liệu và đưa ra hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu để xác định thực trạng của việc quản lý chi quỹ bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 3. Kết quả nghiên cứu - Thực trạng nội dung quản lý chi quỹ BHXH trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020 gồm: thực trạng quản lý lập dự toán chi quỹ BHXH; quản lý tổ chức thực hiện chi quỹ BHXH; quản lý công tác quyết toán chi quỹ BHXH; công tác kiểm tra, giám sát chi quỹ BHXH; xử lý vi phạm trong công tác chi quỹ BHXH; phân tích các yếu tố ảnh hưởng bên trong và bên ngoài, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý chi quỹ BHXH trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

17	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc	Nguyễn Thị Nga	TS. Nguyễn Thanh Trúc	1. Mục tiêu nghiên cứu - Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, đã phân tích đánh giá được thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực ở Công ty gồm các nội dung: Hoạch định nguồn nhân lực, hoạt động phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thực hiện công việc, bố trí và sử dụng nhân lực, thù lao và phúc lợi. Từ đó tìm ra các nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty giai đoạn 2018-2020; đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Để nghiên cứu công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu thu nhập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, phương pháp xử lý số liệu, phương pháp phân tích. 3. Kết quả nghiên cứu - Đề tài góp phần khái quát hệ thống và phát triển những nội dung lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp; Đề tài chỉ ra những thực trạng trong công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty trong giai đoạn 2018 - 2020. Từ đó, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực có tính khoa học và khả thi, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu 2-9 Đắc Lắc đáp ứng với tình hình thực tế và tương lai.

18	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách xã trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu	Nhi	PGS.TS. Lê Đức Niêm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác quản lý ngân sách xã. Đánh giá thực trạng công tác quản lý ngân sách xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, về kết quả đạt được, làm rõ hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu gồm: Phương pháp thu thập thông tin, xử lý số liệu, phương pháp tổng hợp thông tin, phương pháp phân tích, phương pháp chuyên gia và đề xuất các chỉ tiêu nghiên cứu. 3. Kết quả nghiên cứu - Đề tài đánh giá được thực trạng quản lý ngân sách xã trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020, trong đó có rút ra các thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế. Từ đó đề xuất 6 nhóm giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý ngân sách xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong thời gian tới.

19	Thạc sĩ	Quản lý nguồn nhân lực tại Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	H' Sinh	Niê	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Phân tích thực trạng quản lý nguồn nhân lực tại Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua, từ đó đề xuất những giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác quản lý nguồn nhân tại Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp chọn điểm nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu tại đại bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, trong đó chọn 03 xã Hòa Sơn, Cư Drăm và Cư Kty để khảo sát bằng bảng hỏi. Dùng phương pháp lựa chọn mẫu ngẫu nhiên với tổng số phiếu cần điều tra là 76 phiếu. - Phương pháp thu thập số liệu và thông tin: Gồm số liệu thứ cấp và sơ cấp. - Phương pháp xử lý thông tin và số liệu: Dùng phần mềm Excel. - Phương pháp phân tích: Gồm phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh. 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã góp phần hệ thống hóa các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực, sử dụng các tài liệu thống kê, điều tra để đánh giá thực trạng, chỉ rõ những kết quả, hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong quản lý nguồn nhân lực trong 05 năm gần đây tại Hội LHPN huyện Krông Bông. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nguồn nhân lực tại Hội LHPN huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk; đồng thời kiến nghị với cấp ủy, chính quyền địa phương, Hội LHPN các cấp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn nhân lực tại Hội LHPN huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

20	Thạc sĩ	Phát triển Bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Hồng	Phúc	TS. Phan Xuân Lĩnh	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng; phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển BHXHTN và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển BHXHTN trên địa bàn. 2. Phương pháp nghiên cứu - Với đề tài này tác giả đã đưa ra phương pháp chọn địa điểm nghiên cứu; Phương pháp thu thập số liệu (sơ cấp, thứ cấp); Phương pháp xử lý số liệu; Phương pháp phân tích số liệu (thống kê mô tả, thống kê so sánh); Phương pháp phân tích ma trận SWOT. 3. Kết quả nghiên cứu - Từ việc nghiên cứu, đề tài sẽ hệ thống hóa và bổ sung những vấn đề lý luận về phát triển BHXHTN. Đồng thời đề tài sẽ chỉ ra thực trạng; phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển BHXHTN trong thời gian vừa qua để từ đó tác giả sẽ đưa ra những giải pháp phù hợp để phát triển BHXHTN trên địa bàn TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

21	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Đắk Lắk - PGD Cư M'gar,	Trần Thanh Quân	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Cư M'gar, trên những cơ sở đó nhằm đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại đơn vị 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập số liệu và phương pháp phân tích 3. Kết quả nghiên cứu - Để nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Quân đội, Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện Cư M'gar, trong thời gian tới : Phòng giao dịch cần nâng cao chất lượng thẩm định trước khi vay và kiểm tra giám sát, hỗ trợ khách hàng sau khi vay vốn, hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên, coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực; Thực hiện tốt việc cho vay thông qua các tổ chức đoàn thể tại địa phương, đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm của khách hàng vay.

22	Thạc sĩ	Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk	Võ Thị Thanh	Tâm	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu để làm rõ thực trạng quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay. Qua đó đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tại Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp PTNT tỉnh Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn tập trung vào các Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Phương pháp xử lý số liệu thống kê mô tả, thống kê so sánh, phương pháp chuyên gia và đưa ra các hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu để xác định thực trạng về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tại Ban QLDA. 3. Kết quả nghiên cứu - Thực trạng công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý dự án để từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thiện công tác quản lý dự án các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

23	Thạc sĩ	Đào tạo nhân lực tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk	Huỳnh Nguyễn Hồ Tân	TS. Lê Văn Từ	1. Mục tiêu nghiên cứu - Góp phần hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo nhân lực. - Đánh giá thực trạng, từ đó chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến công tác đào tạo nhân lực tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua. - Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng những phương pháp sau: + Phương pháp thu thập số liệu + Phương pháp xử lý số liệu + Phương pháp phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã tập trung khảo sát thực trạng nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk và thực trạng đào tạo nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, luận văn đã tập trung vào các vấn đề chính như : Phân tích thực trạng nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk và thực trạng đào tạo nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk trong thời gian từ năm 2018 – 2020, dựa trên nội dung cơ sở lý luận về đào tạo nhân lực, đưa ra những đánh giá về thực trạng đào tạo nhân lực tại BHXH tỉnh Đắk Lắk, Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới đào tạo nhân lực của BHXH tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua, đồng thời luận văn đã đưa ra những quan điểm, mục tiêu và giải pháp nhằm đẩy mạnh đào tạo nhân lực của BHXH tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

24	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Thanh	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian vừa qua, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của huyện trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn đã sử dụng các phương pháp như: phương pháp thu thập số liệu; tổng hợp và xử lý số liệu; phương pháp thống kê mô tả, so sánh; phương pháp điều tra phỏng vấn... 3. Kết quả nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu của Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Đánh giá thực trạng về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở huyện Buôn Đôn. Đưa ra một số nhận xét làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của huyện Buôn Đôn trong thời gian tới.

25	Thạc sĩ	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quỳnh Thảo	PGS.TS. Lê Đức Niêm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thu thập thông tin - Phương pháp chuyên gia - Phương pháp thống kê kinh tế - Phương pháp xử lý số liệu - Phương pháp phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn “Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” đã giải quyết được một số vấn đề sau: + Hệ thống hoá các lý luận cơ sở cơ bản về hoạt động khởi nghiệp ĐMST và HST khởi nghiệp ĐMST. Khái quát những thành phần chính cấu tạo nên HST khởi nghiệp ĐMST. + Phân tích kinh nghiệm phát triển khởi nghiệp ĐMST của một số quốc gia và thực trạng khởi nghiệp ĐMST Việt Nam và tỉnh Đắk Lắk, từ đó rút ra một số bài học. Cụ thể, việc phát triển khởi nghiệp đối với một HST còn non trẻ như Việt Nam cần tập trung đẩy mạnh vai trò hỗ trợ của Chính phủ với các chính sách và khuôn khổ pháp lý tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; Ngoài ra, tạo dựng và lan toả văn hoá khởi nghiệp phù hợp sẽ là một yếu tố thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp lan toả rộng rãi, là tiền đề cho một quốc gia khởi nghiệp.

26	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Mobifone tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Bích Thảo	TS. Đỗ Thị Nga	1. Mục tiêu nghiên cứu Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác chăm sóc khách hàng tại MobiFone Đắk Lắk, luận văn đề xuất các giải pháp chủ yếu góp phần hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại MobiFone Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu Luận văn tập trung vào các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu số liệu sơ cấp và thứ cấp; Phương pháp xử lý số liệu; Phương pháp tổng hợp, phân tích số liệu, phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tổ số liệu...và đưa ra hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu để xác định thực trạng về công tác chăm sóc khách hàng tại MobiFone Đắk Lắk. 3. Kết quả nghiên cứu Thực trạng công tác chăm sóc khách hàng tại MobiFone Đắk Lắk giai đoạn 2018-2010. Các yếu tố ảnh hưởng bên trong, bên ngoài từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp để hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại MobiFone Đắk Lắk:

27	Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Dương Công Thọ	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu thực trạng từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn đã trình bày được các phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và nội dung của luận văn gồm phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, phương pháp thu thập số liệu sơ cấp từ khảo sát 177 cán bộ nhân viên của Công ty bằng thang đo Likert và Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu về công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk. 3. Kết quả nghiên cứu - Xem xét về thực trạng quản trị nhân lực của Công ty được bám sát cơ sở lý luận, bao gồm các đánh giá về các nội dung của quản trị nhân lực như: (1) Hoạch định nguồn nhân lực; (2) Phân tích công việc; (3) Tuyển dụng; (4) Bố trí và sử dụng nhân lực; (5) Đào tạo và phát triển nhân lực; (6) Đánh giá thực hiện công việc; (7) đãi ngộ.

28	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	Tô Quốc Toàn	TS. Nguyễn Văn Hoá	1. Mục tiêu nghiên cứu - Trên cơ sở nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn tập trung vào các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thu thập thông tin. Phương pháp xử lý số liệu. Phương pháp phân tích: + Phương pháp thống kê mô tả; + Phương pháp so sánh; + Phương pháp chuyên gia. 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã đi vào đánh giá khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên giai đoạn 2017-2020. Đồng thời, luận văn đi sâu phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên giai đoạn 2017 – 2020 thông qua hệ thống các chỉ tiêu. Trên cơ sở phân tích đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên.

29	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Mai	Trình	TS. Nguyễn Thanh Trúc	1. Mục tiêu nghiên cứu - Phân tích thực trạng công tác QLNN đối với hoạt động đào tạo nghề và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QLNN về hoạt động đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. - Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác QLNN về đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp thống kê mô tả - Phương pháp thống kê so sánh - Phương pháp phân tích SWOT 3. Kết quả nghiên cứu - Luận văn đã khái quát một số cơ sở lý luận và có cơ sở thực tiễn đối với công tác quản lý đào tạo nghề như: khái quát cơ sở lý luận về đào tạo; công tác đào tạo nghề; vai trò của công tác đào tạo nghề; tầm quan trọng của đào tạo nghề đối sự phát triển KT – XH và thực trạng công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. - Trên cơ sở các phối thức kết hợp của ma trận SWOT, luận văn tập trung trình bày rõ quan điểm, mục tiêu, phương hướng đào tạo nghề cho nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở đó, đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ nay đến năm 2025.

30	Thạc sĩ	Hiệu quả hoạt động của quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk	Đặng Tấn	Trọng	PGS.TS. Lê Đức Niêm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Trên cơ sở tổng kết cơ sở lý thuyết và thực tiễn về hoạt động của quỹ đầu tư phát triển địa phương, luận văn đánh giá thực trạng và đề ra hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk. 2. Phương pháp nghiên cứu - Sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả và tổng hợp so sánh số tương đối tuyệt đối. Phân tích môi trường bên trong và bên ngoài tác động đến hiệu quả hoạt động và kết hợp việc sử dụng ma trận SWOT để xây dựng các chiến lược giúp nâng cao hiệu quả hoạt động thời gian tới quá đó đánh giá hiệu quả hoạt động của - Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk thời gian qua nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới. 3. Kết quả nghiên cứu - Cải thiện và phát huy chức năng huy động vốn từ nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế trong thời gian tới, để nâng tổng nguồn vốn hoạt động, Đóng vai trò khởi xướng, dẫn dắt là vốn mỗi thực thi có hiệu quả về đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

31	Thạc sĩ	Quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phan Văn Tuấn	TS. Lê Văn Nghĩa	1. Mục tiêu nghiên cứu a. Mục tiêu chung - Mục tiêu chung của nghiên cứu đề tài là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của quản lý Ngân sách nước trên địa bàn TP. Buôn Ma Thuột đặt trong khung khổ chính sách chung của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đánh giá thực trạng trong công tác quản lý ngân sách, đề xuất các giải pháp hoàn thiện trong công tác quản lý Ngân sách nhà Nước trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. b. Mục tiêu cụ thể - Góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý Ngân sách Nhà nước; - Phân tích, đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản lý Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2016 – 2020, rút ra những nhận định về thành công, hạn chế và nguyên nhân. - Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục hoàn thiện Quản lý Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu a. Phương pháp thu thập số liệu - Phương pháp chủ yếu để thu thập số liệu thứ cấp là phương pháp tổng hợp tài liệu. Nguồn dữ liệu được thu thập từ các cơ quan, ban ngành, UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Các Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn

				2016 – 2020; Các Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện công tác thu chi ngân sách trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017 – 2020. b. Phương pháp xử lý số liệu - Đối với tài liệu thứ cấp sau khi thu thập được xử lý để loại bỏ những tài liệu kém tin cậy, tính toán lại các số liệu cần thiết để phục vụ quá trình nghiên cứu. Số liệu sau khi được tổng hợp sẽ được xử lý bằng phần mềm xử lý số liệu Excel trong phần mềm ứng dụng Microsoft Office 2010 và phần mềm SPSS thông qua phân tổ thống kê theo các tiêu thức phù hợp. Đây là cơ sở để so sánh, phân tích và rút ra các kết luận cần thiết. c. Phương pháp phân tích số liệu - Phương pháp thống kê, thu thập thông tin: Thống kê số liệu thu, chi Ngân sách Nhà nước thành phố Buôn Ma Thuột qua các năm. - Phương pháp so sánh: So sánh các số liệu tương đối và tuyệt đối về các chỉ tiêu phản ánh công tác quản lý Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột để mô tả thực trạng. - Phương pháp phân tích: Từ thực trạng đó phân tích nguyên nhân tăng, giảm của các chỉ tiêu và đưa ra các nhận xét, đánh giá về công tác quản lý Ngân sách Nhà nước trong thời gian nghiên cứu. - Phương pháp tổng hợp: Tổng hợp lại các kết quả nghiên cứu để đưa ra những khuyến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện công tác quản lý Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong

				thời gian tới. d. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu - Tình hình thu chi ngân sách nhà nước qua các năm: Thông qua các chỉ tiêu phản ánh tốc độ tăng trưởng bình quân; Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu thu chi ngân sách nhà nước; Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch về thu chi ngân sách nhà nước. 3. Kết quả nghiên cứu - Qua phân tích và đánh giá quản lý Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cho thấy: Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến đời sống, phát triển kinh tế - xã hội và công tác thu, chi ngân sách của thành phố... song, cùng với việc xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm, việc lập dự toán thu, chi NS cũng được thực hiện theo quy định của Luật NS. Công tác lập dự toán thu, chi NS thành phố cơ bản đảm bảo đúng trình tự theo qui định của Luật NSNN, bám sát các chỉ thị, chủ trương chỉ đạo của cấp uỷ, Nghị quyết của HĐND thành phố và trên cơ sở tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Dự toán NS thành phố được lập căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; tình hình thực hiện NS của các năm trước đặc biệt là của năm báo cáo; các chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức cụ thể về thu, chi NS của Nhà nước. - Các xã, phường đã rất chủ động trong công tác tìm kiếm, khai thác nguồn thu, động viên kịp thời các nguồn thu vào NS, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán được giao. Đảm bảo thu

				đúng, thu đủ, thu kịp thời. Thường xuyên tuyên truyền bằng nhiều hình thức về các chính sách thuế, phí, lệ phí của Nhà nước đến người dân. Các phòng, ban chức năng của cấp thành phố đã tăng cường phối kết hợp trong giám sát, lập, thẩm định các dự án đầu tư, thực hiện cắt giảm các khoản chi không đúng thiết kế dự toán, không đúng tiêu chuẩn định mức đầu tư góp phần tiết kiệm chi cho NSNN. - Công tác Quyết toán thu, chi NS của thành phố đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, báo cáo kế toán, quyết toán NSDP theo luật định. Việc phối hợp xử lý các tình huống và đối chiếu số liệu kế toán, quyết toán NSNN giữa cơ quan Tài chính các cấp và Kho bạc Nhà nước thực hiện khá tốt. Công tác thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Ngân sách Nhà nước cũng như việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách trên địa bàn thành phố trong thời gian qua. - Tuy nhiên, công tác quản lý Ngân sách Nhà nước trong đầu tư Ngân sách Nhà nước còn những tồn tại nhất định, nhất là sự chưa hoàn thiện của Luật pháp và các quy định có liên quan, tiếp theo là khâu chấp hành ngân sách cũng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến tình trạng lập dự toán ngân sách chưa sát với thực tế.

32	Thạc sĩ	Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Lưu Minh Tuấn	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	1. Mục tiêu nghiên cứu + Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng. + Phân tích thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. + Đề xuất các giải pháp góp phần phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn tới. 2. Phương pháp nghiên cứu Luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau: - Phương pháp chọn điểm nghiên cứu - Phương pháp thu thập số liệu - Phương pháp tổng hợp, phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu Luận văn đã khái quát một số cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn đối với phát triển du lịch cộng đồng như: một số khái niệm liên quan đến du lịch cộng đồng, tài nguyên du lịch, các nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng, các nội dung đánh giá, cơ sở thực tiễn và các nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu. Luận văn đánh giá thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn nghiên cứu, bao gồm việc trình bày các tài nguyên phát triển du lịch cộng đồng, các nội dung phát triển du lịch cộng đồng và phân tích SWOT đối với phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở các phối thức kết hợp của ma trận SWOT, luận văn đề xuất một số nhóm giải pháp thiết thực góp phần phát triển DLCD trên địa bàn huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới, bao gồm nhóm giải pháp từ nội lực của cộng đồng và nhóm giải pháp bên ngoài.

33	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	Phan Văn Tùng	TS. Nguyễn Thị Thu Nguyên	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, luận văn đề xuất giải pháp nhằm quản lý hiệu quả đối với diện tích đất này trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Luận văn sử dụng phương pháp thu thập số liệu gồm: Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo, tài liệu của một số cơ quan chức năng liên quan; Số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua điều tra xã hội học với 110 phiếu. Phương pháp xử lý số liệu được thực hiện bằng phần mềm Excel. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh nhằm làm rõ công tác quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp ở huyện Ea Súp. 3. Kết quả nghiên cứu - Thứ nhất, qua quá trình nghiên cứu đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đất lâm nghiệp và tổng quan kinh nghiệm về quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp ở một số địa phương, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho huyện Ea Súp trong công tác này. - Thứ hai, nghiên cứu đã khảo sát và phân tích thực trạng công tác quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Ea Súp ở 6 nội dung quản lý: ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp; thống kê, kiểm kê; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê và thu hồi đất lâm nghiệp; đăng ký lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo liên quan đến đất lâm nghiệp. - Thứ ba, dựa trên kết quả nghiên cứu về thực trạng ở từng nội dung và các yếu tố ảnh hưởng về quản lý Nhà nước đối với đất lâm nghiệp, luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này ở huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

34	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Thị Nhâm Tý	TS. Lê Thế Phiệt	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Tây Nguyên và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý tài chính của Nhà trường trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Thu thập, xử lý, thống kê mô tả và thống kê so sánh để phân tích số liệu, tham khảo ý kiến của chuyên gia và hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu để thêm cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Tây Nguyên. 3. Kết quả nghiên cứu - Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về quản lý tài chính tại các trường Đại học công lập; Đánh giá được thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Tây Nguyên, bao gồm: công tác tổ chức bộ máy quản lý tài chính; các nội dung quản lý tài chính (i) Công tác lập kế hoạch, (ii) Công tác quản lý nguồn thu, (iii) Công tác quản lý các khoản chi, (iv) Công tác phân phối kết quả tài chính; Đề xuất được một số nhóm giải pháp (i) Hoàn thiện công tác lập kế hoạch tài chính, (ii) Huy động tối đa các nguồn lực tài chính, (iii) Sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, (iv) Hoàn thiện phân phối kết quả tài chính, (v) Hoàn thiện hệ thống quy định về quản lý tài chính, (vi) Tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực của cán bộ tài chính kế toán, (vii) Hoàn thiện hệ thống kiểm tra giám sát. Các giải pháp này giúp cho Lãnh đạo Trường có thêm cơ sở hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý tài chính của Nhà trường trong thời gian tới.

35	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Tường	Việt	TS. Nguyễn Văn Đạt 1. Mục tiêu nghiên cứu: Trên cơ sở đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và mô hình NTM ở thành phố Buôn Ma Thuột thời gian qua đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng XD NTM trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu: Đánh giá thực trạng địa phương về tình hình thực hiện các tiêu chí NTM, phân tích cụ thể từng tiêu chí đạt được qua điều tra, số lượng mẫu được chọn ngẫu nhiên từ các hộ của 03 xã (được chọn điểm) thành phố Buôn Ma Thuột. 3. Kết quả nghiên cứu: Luận văn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu, khái quát cụ thể các khái niệm về nông thôn, phát triển nông thôn, quan điểm về xây dựng nông thôn mới, đưa ra các nội dung nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới. Phân tích tổng thể bức tranh toàn cảnh về xây dựng nông thôn mới của thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đã chỉ ra được các nguyên nhân, yếu kém, tồn tại trong quá trình thực hiện chương trình, những yếu tố tác động ảnh hưởng đến công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố. Từ đó, tác giả đưa ra được 6 nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

36	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thiên	Việt	TS. Nguyễn Thanh Trúc	1. Mục tiêu nghiên cứu - Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực trong ngân hàng. - Đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; - Đề xuất những giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Đề tài được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính, đi từ tổng hợp lý thuyết liên quan lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực để xác định các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực tại ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Toàn bộ dữ liệu hồi đáp sẽ được xử lý với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 18.0. - Phương pháp thống kê, thu thập thông tin. - Phương pháp so sánh. - Phương pháp phân tích. - Phương pháp tổng hợp. 3. Kết quả nghiên cứu - Tác giả đã tiến hành phân tích hiện trạng phát triển nguồn nhân lực; đánh giá các yếu tố bên ngoài và bên trong ảnh hưởng đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực tại ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; chỉ ra những yếu điểm và đề xuất giải pháp cải thiện hoạt động phát triển nguồn nhân lực tại ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.

37	Thạc sĩ	Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị kinh tế quốc phòng trực thuộc quân khu V	Nguyễn Long	Vọng	TS. Lê Thế Phiệt	1. Mục tiêu nghiên cứu - Nghiên cứu thực trạng, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị kinh tế quốc phòng trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong thời gian tới. 2. Phương pháp nghiên cứu - Thông qua phương pháp thu thập số liệu (số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp) và phương pháp phân tích (PP thống kê mô tả, PP thống kê so sánh, PP xử lý thông tin) để phân tích cụ thể các nghiên cứu liên quan đến đề tài. 3. Kết quả nghiên cứu - Chỉ ra được những tồn tại trong công tác lập kế hoạch, thẩm định dự án, bố trí vốn; cấp phát, quản lý, sử dụng vốn đầu tư. Đưa ra nhiều giải pháp khắc phục những tồn tại về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; Các kiến nghị với Nhà nước và Bộ Quốc phòng cũng đã đề xuất. Nổi bật là việc phân cấp rộng và chịu trách nhiệm giải trình với các tổ chức và cá nhân thực hiện.

38	Thạc sĩ	Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	K Loát	Knul	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	1. Mục tiêu nghiên cứu - Đánh giá thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn TP. Buôn Ma Thuột, làm cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trong thời gian tới nhằm nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương, góp phần phát triển du lịch bền vững. 2. Phương pháp nghiên cứu - Sử dụng các phương pháp gồm: + Phương pháp chọn điểm và chọn mẫu nghiên cứu + Phương pháp thu thập số liệu và thông tin + Phương pháp xử lý thông tin và số liệu + Phương pháp phân tích số liệu 3. Kết quả nghiên cứu - Làm rõ được thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Tình hình phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Đưa ra các giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Khoa ngoại ngữ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	AN INVESTIGATION INTO THE USE OF STATIVE VERBS OF FIRST-YEAR ENGLISH MAJORS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY	Nguyễn Ngọc Ánh	ThS. Đoàn Thị Dung	Using the British language effectively requires knowledge of grammar, one of the most important elements of the language. The verb is an integral part of this language. The absence of verbs makes sentences meaningless. In English, it's important to know how to use verbs correctly, and one of them is the stative verb. Due to the fact that previous studies have primarily focused on analyzing the errors learners make when using this type of verb, little attention has been

				paid to the difficulties learners encounter, so this study examined the difficulties learners encounter and their understanding of stative verbs. The research subjects in this study are first-year English majors at Tay Nguyen University who were interviewed via questionnaire. Results of the study reveal the level of understanding and application of stative verbs in each context and examine the difficulties students face when learning and using stative verbs. As well as recommendations for learning and using stative verbs, this study also offers suggestions for teaching stative verbs in an educational setting, as well as suggestions for future research.
2.	A CONTRASTIVE ANALYSIS OF ENGLISH AND VIETNAMESE SLANGS	Lê Thị Ngọc Anh	ThS. Tổng Thị Lan Chi	Language is effective creation of humans. Thus, in the process of development, many kinds of features in language are incurred. Slang is an excellent example. Each language has its own slang with similarities and differences to other languages. So on, in the process of language acquisition, the learners usually make a comparison between the mother tongue and the goal language to be able to gain insight into the language. The qualitative method, the synthetic method, the analytical method, and the comparative method are used in the study to collect and analyze the data. The finding of this study helps the researcher figure out the similarities and differences between English and Vietnamese slang. At the same time, the researcher could give the factors which are affected these similarities and differences between slang in both languages and some elements should be avoided while using slang in English and Vietnamese. The results of this study are meaningful references for the contrastive analysis between English and Vietnamese.
3.	AN INVESTIGATION INTO PRAGMATIC FEATURES IN TOEFL-iBT LISTENING PRACTICE TESTS	Võ Triệu Nghi	ThS. Y Cuôr Bkrông	To prove their level and ability in using English, learners have to take a standard test of English such as TOEFL-iBT and listening comprehension is an important skill in the test. The researcher focused on testing the illocutions of the speech acts and the functions of Discourse Markers in the lectures. One of the prominent results from data synthesis and analysis is that the speech acts used in the lectures as the listening practice tests of TOEFL-iBT having pragmatic functions with a various illocutionary acts of the teacher's the instructive and interactive purposes in the lectures. The three structural forms such

				as declarative, interrogative, imperative can be used for direct illocutions and indirect illocutions. Moreover, this study are found that Discourse Markers in the lectures also have structural forms such as single word, to infinitives, noun phrases, comment clauses and sentences with various functions in linking paragraphs. The findings of the investigation have been completed by using diverse methods through combining these methods for inducing, interpreting insights from materials, books and other sources in the Internet and library to have an analysis carefully.
4.	ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF USING ELECTRONIC DICTIONARIES IN LEARNING VOCABULARY OF 2ND YEAR MAJORED ENGLISH STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY	Lê Khắc Sơn	ThS. Nguyễn Thiện Khoa	The researcher investigates the views of English-majored students in using electronic dictionaries to learn words. English vocabulary. The findings of using electronic dictionaries to learn vocabulary are both encouraging and disturbing. Students believe that most of the features of electronic dictionaries are their advantages in learning vocabulary. However, there are still some disadvantages that need to be limited and overcome. E-dictionaries assist students by familiarizing them with many aspects of vocabulary learning, including reference information, illustrations, pronunciation, mobility, convenience, etc. Besides, the electronic dictionary also brings many disadvantages such as distraction, dependence, and botheration
5.	USING ED- TECH TOOLS FOR SPEAKING SKILLS ENHANCEMENT IN AN ONLINE SPEAKING COURSE: A MIXED METHOD STUDY	Đặng Yến Vi	ThS. Thân Thị Hiền Giang	Using educational technology (ed-tech) tools has become more and more popular in recent years, especially in the time of social distancing. Previous studies on using ed-tech tools have primarily focused on the use of a single tool in teaching and learning English speaking, but have paid little attention to how several tools can be combined in a speaking course. To be more specific, the combination of Google Jamboard, Otter and Padlet is focused on. This research is to investigate the particular learning activities in the course, the attitudes of students towards each tool, the challenges faced by students while using the tools and to look for workable solutions to deal with these challenges. This research paper applies a mix-method approach to the subjects who are members of the English Pedagogy K19 class. In particular, a questionnaire was sent to the class for quantitative data. Additionally, two

				interviewees, one male and one female, were selected randomly from the class for the interview, which sought for more in-depth information. The findings demonstrate that the subjects have used Jamboard, Otter and Padlet for crucial activities in teaching & learning speaking such as learning vocabulary, brainstorming, class interactions & feedback, pronunciation practice & speech production and practice speaking. Concerning the students' perception of the three tools, the majority of the respondents appreciated their effectiveness, yet there were obstacles faced by students in the process of using the tools. The thesis concludes with the recommendations on using Google Jamboard, Otter and Padlet for learning and teaching English speaking. Suggestion for future researchs is also provided
6.	A STUDY ON THE EFFECTS OF MAKING ENGLISH ORAL PRESENTATION ON THE DEVELOPMENT OF SOFT AND LEARNING SKILLS OF TAY NGUYEN UNIVERSITY'S FOURTH YEAR ENGLISH MAJORS	Hứa Phùng Lâm	ThS. Tống Thị Lan Chi	This study examines the potential benefits of making an English oral presentation for English majors as well as the contribution of presentation to the learning material. Specifically, this study aims to investigate the students' perception of the contribution of English oral presentation to the development of soft skills and learning class material examine the factors of presentation contributing to students' development of soft skills and learning. The study focuses on 70 fourth-year English majors from both classes English linguistic Course 2018 and Pedagogy of English Course 2018. The results indicate that students gain various benefits from making oral presentations. Not only presenter but also non-presenters take benefits on improving course learning and soft skill development. The most beneficial factors of contribution towards developing soft skills are, respectively arranging the time of delivering a presentation, opportunity to speak in public, unprovided relevant information, analyzing deeply the assigned work, group working. On the other hand, students perceive the statements of careful preparation, interaction among students, various perspectives from presenters and student-focused class as the factors contributing to improve student course learning
7.	A STUDY ON THE DIFFICULTIES IN PRACTICING	Ngô Huyền Linh	ThS. Tống Thị Lan Chi	Today, when the world is more and more developed and globalized, the importance of interpreters is also becoming more and more precious. However, becoming an interpreter is never easy. Many people tend to

	INTERPRETING SKILLS AND THE VIEWS TOWARDS THE INTERPRETER PROFESSION OF TAY NGUYEN UNIVERSITY'S FOURTH-YEAR ENGLISH MAJORS			think that if they can speak two languages, they can become interpreters. However, interpreters need more than that, specialized skills and knowledge are also an important part of becoming an interpreter. The purpose of this study is to provide knowledge about interpreters and the difficulties of interpreting skills. This study investigated the difficulties faced by fourth-year students in practicing their interpreting skills. In addition, it was also to explore students' perspectives on the profession of interpreters. To answer the research question, the researcher sent a questionnaire to 60 fourth-year English language students at Tay Nguyen University. Research results from 60 respondents showed that most students have difficulty in lack of understanding the source language and lack knowledge in specialized fields. In addition, listening comprehension at the same time or lack of vocabulary also causes difficulties for students in taking notes and practicing interpreting skills. Through this study, the researcher hopes to be able to help students somewhat understand the difficulties they are facing and offer some methods to improve their interpreting skills.
8.	A STUDY ON ERRORS IN PRONOUNCING ENGLISH VOWELS BY THE SECOND- YEAR ENGLISH- MAJORED STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY	Trần Bích Ngọc	ThS. Nguyễn Lê Hằng	The study on errors in pronouncing English vowels may help the students to recognize their problems in pronouncing the English vowels and get the appropriate method to remedy these problems. The participants in the study were 30 second-year English- majored at Tay Nguyen University. Questionnaires and experiments are the two research methods used to collect the data. The findings show that most of the students agree that it is important to pronounce the English vowels correctly. However, most of the students still make pronunciation errors in pronouncing the English vowels. From the collected results in the study, some suggestions were used to improve the ability to pronounce the English vowels the students. Hopefully, the research will help not only the second-year English- majored students but also the English-majored students at Tay Nguyen University to understand more about the importance of pronouncing the English vowels correctly, recognize the problems in pronouncing the

				English vowels, and find out the appropriate method to remedy the problems
9.	A STUDY ON THE EFFECTS OF GROUP WORK ACTIVITIES ON TRANSLATION LEARNING OF THE FOURTH-YEAR ENGLISH-MAJORED STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY	Doãn Thị Nguyệt	ThS. Thân Thị Hiền Giang	Group work is now widely applied in several subjects and classes, in particular, translation classes. Translation is a complex process with a collaboration of multiple people, facilities, and tasks. Therefore, to reach the effectiveness of learning translation, group work activities play a major role in it. This study aimed to investigate four core questions: (1) What do the fourth-year English-majored students at Tay Nguyen University students perceive of group work? (2) In what ways do group work activities offer benefits to students' translation learning? (3) What are the difficulties students face in doing group work in translation? (4) What strategies can students follow to overcome the difficulties above? The data were collected via a questionnaire from 67 fourth-year English majors, Tay Nguyen University, and interviews with three random students who had answered the questionnaire and agreed to partake in the interview. The obtained results show that most students highly appreciated the significant benefits of group activities in translation class. The current study also allows concluding that in spite of some drawbacks, the group work facilitates the development of the students's experience, skills and language competence in translation

4. Khoa Lý luận chính trị

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	Đại học	Khả năng thích ứng với hình thức học trực tuyến của sinh viên khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên	Y Ka Rôn Adrong	ThS. Vũ Thị Việt Anh	Những vấn đề lý luận chung về khả năng thích ứng với hình thức học trực tuyến của sinh viên khoa Lý luận chính trị. Thực trạng và giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với thích ứng với hình thức học trực tuyến của sinh viên khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Tây Nguyên

2.	Đại học	Khả năng thích ứng của sinh viên khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên với kế hoạch giảng dạy	Rơ Lan Chan	ThS. Vũ Thị Việt Anh	Những vấn đề lý luận chung về khả năng thích ứng với kế hoạch giảng dạy của sinh viên khoa Lý luận chính trị. Thực trạng và giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với kế hoạch giảng dạy của sinh viên khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Tây Nguyên.
3.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên	Y Chí	TS. Nguyễn Minh Hải	Đề tài nêu lên thực trạng học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh của sinh viên khoa Lý luận chính trị Trường Đại học Tây Nguyên năm học 2020 - 2021 và học kỳ 1 năm học 2021 -2022. Trên cơ sở thực trạng học tập, tác giả đề ra hệ thống giải pháp bao gồm: giải pháp đối với sinh viên; giải pháp đối với giảng viên; giải pháp đối với Nhà trường, khoa Lý luận chính trị, nhằm nâng cao hiệu quả học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên khoa Lý luận chính trị Trường Đại học Tây Nguyên trong thời gian tới.
4.	Đại học	Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh đại dịch Covid-19	H' Lan Kpă	TS. Trương Văn Thủy	Nghiên cứu khái quát hóa những vấn đề lý luận liên quan đến vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, tác động của đại dịch Covid-19 và xác định những nhân tố ảnh hưởng đến đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, khóa luận phân tích thực trạng đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, rút ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân từ

					đó đề xuất những giải pháp góp phần tăng cường đảm bảo an sinh xã hội ở huyện Krông Năng trong thời gian tới.
5.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả học tập học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên khối ngành sư phạm Trường Đại học Tây Nguyên	H Chín Buôn Krông	TS. Phạm Phương Anh	Khoá luận trình bày những vấn đề lý luận chung về học phần triết học Mác – Lênin và chỉ ra thực trạng học tập học phần triết học Mác – Lênin của sinh viên khối ngành Sư phạm trường đại học Tây Nguyên. Trên cơ sở thực trạng đề tài đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả học tập học phần triết học Mác – Lênin cho sinh viên khối ngành Sư phạm trường đại học Tây Nguyên.
6.	Đại học	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân gian của người M’Nông ở xã Đăk Liêng, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk.	Y Hon Ông	ThS. Lê Thị Hồng Hạnh	Khóa luận khái quát thực trạng văn hóa dân gian của người M’Nông ở xã Đăk Liêng, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao việc giữ gìn và phát huy văn hóa dân gian M’Nông tại xã Đăk Liêng, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk.
7.	Đại học	Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 11 ở một số trường Trung học phổ thông trên địa bàn	K’Tiến	TS. Nguyễn Thị Khuyên	- Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc vận dụng PPDHNVĐ; - Tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm tra tính khả thi của đề tài; - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc vận dụng PPDHNVĐ trong dạy học GD CD 11 ở một

		thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk			số trường trung học phổ thông trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
ST T	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	Đại học	Ý nghĩa của việc phân loại các hình thức vận động trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” của Phri-đrich Ăng-ghe-n	Lê Thị Phương Lan	TS. Phạm Phương Anh	Chuyên đề khái quát nội dung tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” của Phri-đrich Ăng-ghe-n và phân loại các hình thức vận động trong tác phẩm. Từ việc phân loại các hình thức vận động rút ra ý nghĩa của việc phân loại các hình thức vận động trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” của Phri-đrich Ăng-ghe-n.
2.	Đại học	Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Thị Tường Vy	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Quan điểm đại đoàn kết các dân tộc là một bộ phận cấu thành tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh. Do vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu vấn đề này theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về đại đoàn kết các dân tộc nhằm góp phần làm rõ tính khoa học và cách mạng cũng như tính tất yếu phải nhận thức và vận dụng sáng tạo trong việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc. Buôn Ma Thuột là vùng có vị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của cả nước. Nơi đây mệnh danh là “thủ phủ cà phê” của nước ta và là địa bàn cư trú của trên 40 dân tộc anh em. Do những đặc điểm về địa lý, lịch sử và dân tộc nên việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân

					tộc có ý nghĩa sống còn trong việc duy trì sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của đất nước
3.	Đại học	Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	H Hương Ayun	TS. Nguyễn Thị Thu Nguyên	Chuyên đề đã làm rõ được một số vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nghiên cứu đã đưa ra được một số giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
4.	Đại học	Bí tích hôn nhân trong Thiên Chúa giáo với việc xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Đắk Lắk	H Quynh Byă	TS. Phạm Phương Anh	Chuyên đề phân tích thực trạng ảnh hưởng của Bí tích hôn nhân trong Thiên chúa giáo đối với việc xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Đắk Lắk, phân tích làm rõ một số giải pháp nhằm xây dựng gia đình văn hóa.
5.	Đại học	Phát triển nông nghiệp hàng hóa ở huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	H Dinh Niê	TS. Nguyễn Thị Thu Nguyên	Nghiên cứu đã phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp hàng hoá ở huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở địa phương này trong thời gian tới
6.	Đại học	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng nguyên tắc phát triển trong đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường định	Lê Thị Tố Uyên	ThS. Nguyễn Đình Huân	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự đột phá trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ và hết sức phức tạp, gắn bó giữa việc nhận thức quy luật khách quan với phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; là kết quả một quá trình tìm tòi,

		hướng xã hội chủ nghĩa			thể nghiệm lâu dài, từ chưa đầy đủ đến ngày càng đầy đủ, từ chưa sâu sắc đến ngày càng sâu sắc hơn. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng nguyên tắc phát triển của phép duy vật biện chứng, tham khảo kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trên thế giới và từ thực tiễn phát triển Việt Nam, Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCH. Đây là bước phát triển mới về tư duy lý luận, một sự vận dụng độc lập, sáng tạo của Đảng ta trong quá trình đổi mới và là sự vận dụng sáng tạo từ chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH.
7.	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại từ năm 2011 đến nay	Hồ Văn Hùng	TS. Nguyễn Minh Hải	Chuyên đề khái quát một số nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và sự vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 2011 đến nay. Sự vận dụng thể hiện ở các quan điểm đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt nam như: giữ vững quyền dân tộc cơ bản; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; quan điểm đối ngoại hòa bình, tự vệ, chống chiến tranh xâm lược; hòa hiếu, thêm bạn bớt thù; dĩ bất biến ứng vạn biến.
8.	Đại học	Vận dụng quan điểm toàn diện của Triết học Mác – Lênin vào phân tích sự tác động của	Phan Thị Thúy Vy	ThS. Nguyễn Đình Huân	Trong xã hội hiện đại, triết học ngày càng có vai trò vô cùng to lớn, đặc biệt là triết học duy vật biện chứng do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng. Triết học duy vật biện chứng với một hệ thống chức năng quan trọng của mình, trong đó đặc biệt là chức năng

		đại dịch Covid-19 ở Việt Nam			phương pháp luận đang ngày càng trở thành một nhân tố quyết định đối với tư duy và hành động của con người cũng như các cộng đồng người, dân tộc trong thời đại nhiều biến động của toàn cầu hoá hiện nay. Xét về hiện tượng, đại dịch dường như chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người nhưng thực chất, Covid-19 tác động trên tất cả các mặt đến đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội. Chính điều này lại chứng minh tính khách quan của mối liên hệ phổ biến và nguyên tắc toàn diện của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong việc nhận thức và giải quyết đúng đắn những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, trong đó có tác động của đại dịch Covid-19.

5. Khoa Chăn nuôi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
Cao học – Khóa luận tốt nghiệp		Một số đặc điểm dịch tễ bệnh dịch tả lợn châu phi tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Anh Đài	TS. Đinh Nam Lâm	
		Một số đặc điểm bệnh do <i>Elichia Canis</i> gây ra trên chó và hiệu quả điều trị tại Pet Freinds hospital thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đinh Nguyễn Lan Phương	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khảo sát điều kiện tiêu khí hậu chuồng nuôi, đánh giá hiệu quả xử lý phân bằng một số chế phẩm sinh học trong chăn nuôi gà đẻ tại thành phố Buôn Ma Thuột	Đặng Thị Phương Thảo	TS. Đinh Nam Lâm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
		Khảo sát bệnh viêm tử cung trên chó và hiệu quả điều trị tại một số phòng khám thú y tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Như Quý	TS. Nguyễn Phúc Khánh	
		Khảo sát tình hình bệnh do Parvovirus trên chó được khám và điều trị tại hệ thống phòng khám thú y 199, Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Đức Thắng	TS. Nguyễn Phúc Khánh	
		Tình hình nhiễm <i>Babesia spp.</i> trên chó và hiệu quả điều trị bằng Imidocarb tại một số phòng khám thú y trên địa bàn thành phố Đà Lạt	Dương Anh Thy	PGS.TS. Trần Ngọc Bích	
		Tình hình chăn nuôi và bệnh trên gà bản địa của đồng bào tại chỗ nuôi tại huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thủy	TS. Nguyễn Cảnh Tụ	
		Bệnh cầu trùng trên đàn gà nuôi thả vườn tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và hiệu quả phòng trị của thảo dược Bactrill - L100	Trần Quốc Hoàng	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Bệnh giun đũa (<i>Toxocara Vitulorum</i>) trên bê tại huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk và biện pháp phòng trị	Phan Văn Oánh	PGS-TS. Nguyễn Văn Diên	
		Bạch cầu trùng (<i>Coccidiosis</i>) ở đàn gà tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và biện pháp phòng trị	Phan Thị Phụng	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Bệnh giun đũa lợn (<i>Ascariois</i>) trên đàn lợn tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và hiệu quả tẩy trừ của một số thuốc thường dùng	Nguyễn Văn Thuận	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình nhiễm giun móc (<i>Ancylostomatidea</i>) trên chó tại phòng khám thú y Dương Tuấn, thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Một số bệnh thường gặp ở hệ tiết niệu của chó, mèo tại phòng khám thú y Thanh Xuân và phương pháp điều trị	Võ Nguyễn Gia Ngọc	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Tình hình nhiễm giun xoắn dạ múi khế trên đàn bò nuôi tại huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Thắm	TS. Nguyễn Ngọc Đình	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
Đại học – Khóa luận tốt nghệ	Ngành Thú y				
	Khảo sát một số bệnh thường gặp ở heo con theo mẹ tại trại Hoàng Công Bảo, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	ThS. Lương Huỳnh Việt Thắng		
	Tình hình chăn nuôi và quy trình phòng bệnh trên gà nuôi tại trại Lương Thanh Tùng xã Cư Suê, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Phạm Thiên Hoàng	ThS. Nguyễn Đức Điện		
	Ảnh hưởng của bổ sung probiotic đến tốc độ sinh trưởng của gà lai tại Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phan Tấn Phước	ThS. Hoàng Thị Anh Phương		
	Khảo sát hiện tượng chậm sinh trên bò cái sinh sản tại trại Notifood và ứng dụng PGF2 alpha trong điều trị	Nguyễn Văn Hoài	ThS. Lương Huỳnh Việt Thắng		
	Các yếu tố liên quan đến nhiễm bọ chết và tình hình nhiễm vi khuẩn Bartonella ở bọ chết trên chó nuôi tại Thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Văn Lộc	ThS. Nguyễn Văn Trọng		
	Đánh giá khả năng sinh trưởng và hội chứng tiêu chảy trên heo con giai đoạn theo mẹ tại trại heo Công ty C.P Việt Nam	Trần Văn Minh	ThS. Bùi Thị Như Linh		
	Tình hình hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ và công tác vệ sinh thú y tại trại heo Buôn Đôn 1 thuộc công ty CP, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Huyền My	ThS. Nguyễn Văn Thái		
	Khảo sát tình hình nhiễm Parvovirus trên chó tại phòng khám Thú y Ban Mê Vet- TP. Buôn Ma Thuột	Bùi Đăng Nam	TS. Nguyễn Ngọc Đình		
	Đánh giá khả năng sinh trưởng và các bệnh thường gặp trên heo con giai đoạn theo mẹ tại trại C.P Việt Nam	Lê Quang Anh Phong	ThS. Nguyễn Mạnh Thuật		
	Ảnh hưởng của tanin trong chế phẩm Silvafeed đến hiệu quả chăn nuôi heo con sau cai sữa trong điều kiện chuồng hở tại chăn nuôi công ty Ánh Dương	Vũ Thanh Quang	TS. Đinh Nam Lâm		
	Khảo sát tình hình nhiễm Leptospira spp. trên chó tại huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	Lê Ngọc Quốc	ThS. Nguyễn Văn Thái		
	Thực trạng bệnh viêm tử cung và biện pháp phòng trị trên đàn lợn nái ngoại nuôi tại trang trại heo nái công ty CP Việt Nam	Bùi Thị Thu Thảo	ThS. Hoàng Thị Anh Phương		
	Khảo sát khả năng sinh sản và một số bệnh sản khoa thường gặp trên heo sinh sản tại trại heo nái thuộc công ty CP Việt Nam	Nguyễn Duy Thảo	ThS. Nguyễn Mạnh Thuật		

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
		Ảnh hưởng của peptide kháng khuẩn đến hiệu quả chăn nuôi heo con sau cai sữa trong điều kiện chuồng lạnh tại trại chăn nuôi công ty Hồng Hà	Huỳnh Văn Thiện	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khảo sát tình hình nhiễm giun tròn trên vịt tại nuôi huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thuý	ThS. Lê Anh Dương	
		Một số bệnh thường gặp ở heo con theo mẹ tại trại heo công ty CP Việt Nam	Bùi Thị Kim Thuý	ThS. Hoàng Thị Anh Phương	
		Khảo sát quy trình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên heo nái tại trại heo công ty CP Việt Nam	Đặng Nguyễn Toàn	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Khảo sát tình hình nhiễm ghẻ tai trên mèo tại phòng khám Thú y Ban Mê Vet, TP. Buôn Ma Thuột	Vũ Minh Trang	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	
		Khảo sát tình hình nhiễm ký sinh trùng đường máu trên chó tại phòng khám Thú y Ban Mê Vet, TP. Buôn Ma Thuột	Hoàng Văn Trọng	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Một số đặc điểm dịch tễ học của Giun xoắn dạ múi khế ở dê nuôi tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phan Đức Trọng	ThS. Lê Anh Dương	
		Tình hình nhiễm cầu trùng trên vịt nuôi tại huyện Krông Ana, Tỉnh Đắk Lắk	Đinh Thị Bảo Yến	ThS. Lê Anh Dương	
		Sự lưu hành các serova <i>Leptospira</i> và các yếu tố nguy cơ lan truyền <i>Leptospira</i> spp. ở chó tại huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	Hồ Thị Thúy An	ThS. Nguyễn Văn Thái	
		Bệnh ký sinh trùng thường gặp, công tác phòng trị bệnh trong quá trình sản xuất giống cá Chép tại Công ty Thủy sản Đắk Lắk	H Jôl Ayun	ThS. Lý Ngọc Tuyên	
		Tình hình viêm vú trên bò sữa tại trang trại Nutifood	Hồ Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Quốc Hiếu	
		Ảnh hưởng của bổ sung Tannin đến tỷ lệ tiêu chảy và khả năng sinh sản của gà Ai Cập trắng đẻ trứng thương phẩm nuôi tại trại gà công ty Deheus	Nguyễn Thị Xuân Diệp	ThS. Nguyễn Đức Điện	
		Khảo sát một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và hiệu quả điều trị bệnh trên gà thịt, nuôi tại trại Phan Mai Ngân (thuộc Cty Japfa), xã Cư Suê, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Dung	ThS. Trần Thị Thanh Vân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
		Khảo sát quy trình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên heo nái sinh sản tại trại heo công ty CP.	Lý Thị Duyên	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	
		Ảnh hưởng của bổ sung peptide kháng khuẩn (AMP) đến hiệu quả nuôi heo thịt tại Công ty Cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà Bình Định	Đinh Xuân Dũng	ThS. Nguyễn Đức Điện	
		Khảo sát tình hình chăn nuôi và một số bệnh ở heo tại trại Phú Xuân thuộc công ty Hòa Phát	Hoàng Minh Đức	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Ảnh hưởng của bổ sung tanin đến hiệu quả nuôi heo thịt tại Công ty Cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà Bình Định	Nguyễn Kỳ Hải	ThS. Nguyễn Đức Điện	
		Tình hình hội chứng tiêu chảy ở chó đến khám tại phòng khám thú y Phùng Nhân, thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Huỳnh Như Hạnh	ThS. Nguyễn Văn Trọng	
		Bệnh ký sinh trùng thường gặp, công tác phòng trị bệnh trong quá trình sản xuất giống cá Trắm cỏ tại trại Thủy sản Công ty Đắk Lắk	Huỳnh Bảo Hân	ThS. Lý Ngọc Tuyên	
		Khảo sát quy trình chăn nuôi và tình hình bệnh viêm tử cung trên đàn bò sữa tại trại bò Công ty NutiFood, huyện Mang Yang , tỉnh Gia Lai	Hoàng Thị Bích Hiền	ThS. Bùi Thị Như Linh	
		Hội chứng tiêu chảy trên heo con cai sữa tại một số trại heo thuộc công ty CP Việt Nam	Huỳnh Thị Thu Hiền	TS. Vũ Tiến Quang	
		Đánh giá hiệu quả phòng và điều trị ghẻ trên chó bằng cao lá dứa liệu tại TP. Buôn Ma Thuột	Trịnh Thị Thị Thu Hiền	ThS. Hoàng Thị Anh Phương	
		Hội chứng tiêu chảy trên heo con sau cai sữa tại trại heo thuộc công ty CP Việt Nam	Nguyễn Cao Quỳnh Hương	ThS. Nguyễn Quốc Hiếu	
		Một số bệnh thường gặp và qui trình vệ sinh thú y trên gà nuôi tại trại Phan Mai Ngân (thuộc Cty Japfa), xã Cư Suê, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Hiếu kiều	ThS. Lê Anh Dương	
Ngành Thú y					
	Đại học – Chuyên	Tình hình chăn nuôi heo nái và công tác vệ sinh thú y tại trại heo Ngọc Khang thuộc công ty CP, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Minh	ThS. Nguyễn Văn Thái	
		Tình hình chăn nuôi và quy trình phòng bệnh trên đàn bò thịt tại trại bò công ty Thagrico, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Kim Nga	ThS. Bùi Thị Như Linh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
đề tốt nghiệp		Tình hình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên đàn heo nái tại heo Công ty CP khu vực miền Trung-Tây Nguyên	Nguyễn Ngọc Thái Sơn	ThS. Bùi Thị Như Linh	
		Khảo sát tình hình nhiễm <i>Babesia sp.</i> trên chó tại Trạm xá Thú y Đại học Tây Nguyên	Trương Thị Phương Thảo	ThS. Lương Huỳnh Việt thắng	
		Khảo sát một số bệnh thường gặp trên gà đẻ nuôi tại trại gà Giao Thơm, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.	Nguyễn Thị Thu Thuyền	ThS. Trần Thị Thanh Vân	
		Tình hình chăn nuôi heo nái và công tác vệ sinh tại trại heo Buôn Đôn 1 thuộc công ty CP, huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Minh Trương	ThS. Nguyễn Văn Thái	
		Tình hình chăn nuôi và hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ tại trại heo thuộc công ty CJ	Triệu Thị Thu Trang	ThS. Nguyễn Văn Trọng	
		Hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ và các yếu tố liên quan tại trại thuộc công ty CJ	Lê Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Văn Trọng	
		Một số bệnh thường gặp trên heo nuôi tại trại Đỗ Thị Thanh (Cty Hòa Phát), xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Công Minh Chiến	ThS. Lê Anh Dương	
		Công tác phòng và trị bệnh bại liệt sau đẻ trên bò sữa tại trang trại Nutifood	Bùi Thị Bạch Cúc	PGS. TS. Văn Tiến Dũng	
		Ảnh hưởng của bổ sung tanin trong chế phẩm Silvafeed đến hiệu quả nuôi bê tập ăn sau cai sữa tại trại chăn nuôi Gia súc lớn Bình Dương	Trương Huỳnh Công Danh	ThS. Nguyễn Đức Điện	
		Khảo sát hội chứng tiêu chảy trên heo con theo mẹ tại trại heo công ty Greenfeed	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Bệnh ký sinh trùng thường gặp, công tác phòng trị bệnh trong quá trình sản xuất giống cá Trôi tại trại Thủy sản Công ty Đắk Lắk	Ngô Gia Hậu	ThS. Lý Ngọc Tuyên	
		Tình hình chăn nuôi và công tác thú y trên heo nái tại trại heo công ty CP Việt Nam	Võ Ngọc Hoa	ThS. Nguyễn Đức Điện	
		Bệnh ký sinh trùng thường gặp của cá nước ngọt nuôi thương phẩm tại trại cá Công ty thủy sản Đắk Lắk	Đào Thị Thanh Hoài	ThS. Lý Ngọc Tuyên	
		Tình hình chăn nuôi và công tác thú y trên đàn bò sữa tại trại bò Công ty NutiFood, huyện Mang Yang , tỉnh Gia Lai	Võ Thu Hoài	ThS. Bùi Thị Như Linh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Thú y					
		Một số chỉ tiêu sinh sản của heo Yorkshire và công tác thú y trên heo nuôi tại trại công ty CP Việt Nam	Vũ Văn Hoàng	ThS. Mai Thị Xoan	
		Tình hình mắc ghẻ ở chó đến khám tại phòng khám thú y Pet Friends, thành phố Nha Trang	Huỳnh Thị Bích Hồng	ThS. Nguyễn Văn Trọng	
		Tình hình mắc bệnh do vi rút (Parvovirus và Canine distemper virus) trên chó tại phòng khám thú y Bích Ngọc, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Đinh Thị Bích Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Hiếu	
		Tình hình nhiễm nấm da trên mèo tại phòng khám thú y Bích Ngọc, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Nguyễn Xuân Khoa	ThS. Nguyễn Quốc Hiếu	
		Khảo sát một số bệnh thường gặp trên bò vàng tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Rơ Ô H Khúk	PGS. TS. Văn Tiến Dũng	
		Một số chỉ tiêu sinh sản và bệnh viêm tử cung sau khi sinh trên bò sữa HF nuôi tại trại Nutrifood, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Lâm	PGS. TS. Văn Tiến Dũng	
		Bệnh ký sinh trùng thường gặp, công tác phòng trị bệnh trong quá trình sản xuất giống cá Mè hoa tại Công ty Thủy sản Đắk Lắk	H Lê Kđoh	ThS. Lý Ngọc Tuyên	
Ngành Chăn nuôi					
	Tiến sĩ – Luận án tốt nghiệp	Sinh trưởng, năng suất, chất lượng thịt của các tổ hợp bò lai Brahman, Red Angus và Blanc-Blue-Belgium ở tỉnh Đắk Lắk và tương quan đa hình của gen PIT-1	Ngô Thị Kim Chi	GS. TS. Lê Đức Ngoan PGS. TS. Phạm Thế Huệ	
	Đại học – Chuyên đề tốt nghiệp	Khả năng sinh sản của đàn heo nái nuôi tại trại Trần Cường - Greenfeed	Nguyễn Phi Hùng	TS. Đinh Nam Lâm	

6. Khoa Khoa học Tự nhiên và công nghệ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt

1	Đại học	Hình học affin thực và ứng dụng trong chương trình toán THPT	Vũ Thị Kim Trang	TS. Ngô Đình Quốc	Hình học affin thực và ứng dụng trong chương trình toán THPT
2	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính	Đỗ Mai Kim Anh	ThS. Lê Bá Thông	Một số phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính
3	Đại học	Một số bài toán về hình cầu trong Toán THPT	Mai Xuân Cường	TS. Trần Thanh Tùng	Một số bài toán về hình cầu trong Toán THPT
4	Đại học	Phép tính tenxơ trong không gian affin	Phù Chí Trí	TS. Ngô Đình Quốc	Phép tính tenxơ trong không gian affin
5	Đại học	Phương pháp tách biến giải Phương trình Laplace trong mặt phẳng	Sơn Thái Vũ	ThS. Đoàn Thị Thúy Vân	Phương pháp tách biến giải Phương trình Laplace trong mặt phẳng
6	Đại học	Thiết kế giáo án chương “Dòng điện không đổi” – Vật lý 11 theo định hướng công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Nguyễn Thị Mai	ThS. Phùng Thị Tố Loan	Thiết kế giáo án chương “Dòng điện không đổi” – Vật lý 11 theo định hướng công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7	Đại học	Xây dựng một số hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông môn vật lý lớp 10	Phạm Minh Hồng	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Xây dựng một số hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông môn vật lý lớp 10
8	Đại học	Ứng dụng một số phần mềm trong dạy học môn Vật lý ở trường phổ thông	Trần Thanh Thanh	ThS. Phùng Thị Tố Loan	Ứng dụng một số phần mềm trong dạy học môn Vật lý ở trường phổ thông
9	Đại học	Xây dựng bộ kit thực hành cảm biến phục vụ giảng dạy chuyên đề “Mở đầu về điện tử học” chương trình Vật lý 11	Võ Thị Thanh Tuyền	TS. Lê Minh Tân	Xây dựng bộ kit thực hành cảm biến phục vụ giảng dạy chuyên đề “Mở đầu về điện tử học” chương trình Vật lý 11
10	Đại học	Xây dựng website các khóa học trực tuyến bằng Django framework	Y Dik Mlô	ThS. Nguyễn Thị Như	Xây dựng website các khóa học trực tuyến bằng Django framework

11	Đại học	Khóa học Python cho người mới bắt đầu	Nguyễn Thanh Tú	ThS. Phan Thị Đài Trang	Khóa học Python cho người mới bắt đầu
12	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết khả năng hấp phụ của LINDANE (Gamma-hexachlorocyclohexane) trên than hoạt tính và than hoạt tính biến tính bởi sắt.	H Liđa Kmăn	ThS. Phạm Thị Bé	Nghiên cứu lý thuyết khả năng hấp phụ của LINDANE (Gamma-hexachlorocyclohexane) trên than hoạt tính và than hoạt tính biến tính bởi sắt.
13	Đại học	Nghiên cứu khả năng ức chế enzyme α -glucosidase từ cây chân danh bằng tính toán hóa lượng tử.	Đồng Quang Minh	TS. Phan Tứ Quý	Nghiên cứu khả năng ức chế enzyme α -glucosidase từ cây chân danh bằng tính toán hóa lượng tử.
14	Đại học	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS trong dạy học chương Oxi – Lưu huỳnh Hóa học 10 THPT	Nguyễn Thị Tiên	ThS. Đặng Thị Thùy My	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS trong dạy học chương Oxi – Lưu huỳnh Hóa học 10 THPT
15	Đại học	Khảo sát khả năng chống oxi hóa các hợp chất phân lập từ cây chân danh bằng tính toán hóa lượng tử.	Nguyễn Chung Lan Hương	TS. Phan Tứ Quý	Khảo sát khả năng chống oxi hóa các hợp chất phân lập từ cây chân danh bằng tính toán hóa lượng tử.
16	Đại học	Điều tra đa dạng thành phần loài nấm lớn tại tiểu khu 1350, 1351, 1354 ở Vườn quốc gia Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Xa Thanh Dung	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Điều tra đa dạng thành phần loài nấm lớn tại tiểu khu 1350, 1351, 1354 ở Vườn quốc gia Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.
17	Đại học	Điều tra về thành phần loài chi nấm Ramaria Holmsk (1970) tại các tiểu khu 1210, 1351 VQG Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Rahlan H Nhon	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	Điều tra về thành phần loài chi nấm Ramaria Holmsk (1970) tại các tiểu khu 1210, 1351 VQG Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

18	Đại học	Tổng hợp phức hợp nano selenium từ vi khuẩn lam <i>Mimunostoc cylin dricum</i> và đánh giá một số hoạt tính sinh học ứng dụng trong y học	Nguyễn Thanh Mai	ThS. Nguyễn Minh Trung	Tổng hợp phức hợp nano selenium từ vi khuẩn lam <i>Mimunostoc cylin dricum</i> và đánh giá một số hoạt tính sinh học ứng dụng trong y học
19	Đại học	Xác định thành phần một số hợp chất tự nhiên và hoạt tính kháng khuẩn của cao chiết từ cây Bìm trắng (<i>Ipomoea alba</i> L.)	H Nắc Mlô	TS. Nguyễn Thị Thanh	Xác định thành phần một số hợp chất tự nhiên và hoạt tính kháng khuẩn của cao chiết từ cây Bìm trắng (<i>Ipomoea alba</i> L.)
20	Đại học	Phân tích một số chỉ tiêu trong đất trồng rau ở phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột	Lê Trung Tiến	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	Phân tích một số chỉ tiêu trong đất trồng rau ở phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột
21	Đại học	Một vài dạng toán bất đẳng thức quen thuộc trong chương trình toán phổ thông	Hồ Viết Hiệp	TS. Nguyễn Ngọc Huệ	Một vài dạng toán bất đẳng thức quen thuộc trong chương trình toán phổ thông
22	Đại học	Định lí giá trị trung gian, Định lí giá trị trung bình và ứng dụng	H Trần Rím Niê	ThS. Nguyễn thị Ngọc Bích	Định lí giá trị trung gian, Định lí giá trị trung bình và ứng dụng
23	Đại học	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Hoàng Kim (<i>pleurotus Citrinopileatus</i>)	Đặng Mỹ Uyên	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Hoàng Kim (<i>pleurotus Citrinopileatus</i>)
24	Đại học	Nghiên cứu khả năng kháng oxy hóa và giữ ẩm của polysaccharide ngoại bào từ vi khuẩn lam <i>Minunostoc cylindricum</i>	Nông Thuý Hường	ThS. Nguyễn Minh Trung	Nghiên cứu khả năng kháng oxy hóa và giữ ẩm của polysaccharide ngoại bào từ vi khuẩn lam <i>Minunostoc cylindricum</i>
25	Đại học	Dạng đơn điệu của định lý L'hospital và ứng dụng	Hoàng Thị Loan	ThS. Đoàn Thị Thúy Vân	Dạng đơn điệu của định lý L'hospital và ứng dụng
26	Đại học	Chéo hóa đồng dư đồng thời hai ma trận Hermite	Bùi Thị Xuân Thảo	ThS. Nguyễn Thị Ngân	Chéo hóa đồng dư đồng thời hai ma trận Hermite

27	Đại học	Khối lượng neutrino phân bậc chuẩn trong mô hình mở rộng B-L với nhóm đối xứng D_4 và Z_4	Nguyễn Thị Ngọc Bích	PGS. TS. Võ Văn Viên	Khối lượng neutrino phân bậc chuẩn trong mô hình mở rộng B-L với nhóm đối xứng D_4 và Z_4
28	Đại học	Chế tạo một số bộ thí nghiệm trực diện phân Điện từ Vật lí 11	Hoàng Thị Mỹ Duyên	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Chế tạo một số bộ thí nghiệm trực diện phân Điện từ Vật lí 11
29	Đại học	Chế tạo bộ IoT kiểm soát nồng độ chất dinh dưỡng cho vườn rau khí canh	Lê Võ Hà Thanh	TS. Lê Minh Tân	Chế tạo bộ IoT kiểm soát nồng độ chất dinh dưỡng cho vườn rau khí canh
30	Đại học	Khảo sát tính chẵn-lẻ của phổ phát xạ sóng điều hòa bậc cao từ nguyên tử hydro trong trường laser kết hợp với điện trường tĩnh	Trần Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Khảo sát tính chẵn-lẻ của phổ phát xạ sóng điều hòa bậc cao từ nguyên tử hydro trong trường laser kết hợp với điện trường tĩnh
31	Đại học	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học khám phá nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học trong dạy học học chương 5, 6, 7 Hóa học 10 THPT	Đinh Thị Phương Hiền	ThS. Đặng Thị Thùy My	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học khám phá nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học trong dạy học học chương 5, 6, 7 Hóa học 10 THPT
32	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết cấu trúc của $g-C_3N_4$ và $g-C_3N_4$ biến tính bởi Fe và Ni ứng dụng trong xúc tác quang hóa	Đỗ Ngọc Huyền	TS. Phạm Thị Bé	Nghiên cứu lý thuyết cấu trúc của $g-C_3N_4$ và $g-C_3N_4$ biến tính bởi Fe và Ni ứng dụng trong xúc tác quang hóa
33	Đại học	Sử dụng các phương pháp hiện đại chiết xuất và xác định thành phần hoá học của cây cỏ mực thu hái ở Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	TS. Phan Tứ Quý	Sử dụng các phương pháp hiện đại chiết xuất và xác định thành phần hoá học của cây cỏ mực thu hái ở Đắk Lắk
34	Đại học	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ lân hữu cơ trong bắp cải canh tác tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thị Lan Phương	ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ lân hữu cơ trong bắp cải canh tác tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma

					Thuật
35	Đại học	Nghiên cứu chiết xuất, xác định thành phần hóa học và hoạt tính sinh học cây kinh giới (<i>Elsholt ciliata</i>) ở Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quý Vy	TS. Ngũ Trường Nhân	Nghiên cứu chiết xuất, xác định thành phần hóa học và hoạt tính sinh học cây kinh giới (<i>Elsholt ciliata</i>) ở Đắk Lắk
36	Đại học	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamat trong bắp cải canh tác tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thu Hương	ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamat trong bắp cải canh tác tại xã Eakao, thành phố Buôn Ma Thuột
37	Đại học	Nghiên cứu khả năng ổn định đường huyết của cao chiết Trâm vồ đỏ (<i>Syzygium zeylanicum</i> L. (DC)) trên mô hình cá ngựa vằn (<i>Danio rerio</i>)	Nông Thị Hồng Liên	ThS. Nguyễn Minh Trung	Nghiên cứu khả năng ổn định đường huyết của cao chiết Trâm vồ đỏ (<i>Syzygium zeylanicum</i> L. (DC)) trên mô hình cá ngựa vằn (<i>Danio rerio</i>)
38	Đại học	Nghiên cứu cải tiến quy trình nhân giống loài nấm linh chi <i>Ganoderma applanatum</i> (Pers.) Pat. 1887 có nguồn gốc tại Vườn quốc gia Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk	Lê Quang Vịnh	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Nghiên cứu cải tiến quy trình nhân giống loài nấm linh chi <i>Ganoderma applanatum</i> (Pers.) Pat. 1887 có nguồn gốc tại Vườn quốc gia Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk
39	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính prebiotic của cao chiết Trâm vồ đỏ (<i>Syzygium zeylanicum</i> L. (DC)) trên mô hình <i>in vitro</i>	Nguyễn Ngọc Hà Giang	ThS. Nguyễn Minh Trung	Nghiên cứu hoạt tính prebiotic của cao chiết Trâm vồ đỏ (<i>Syzygium zeylanicum</i> L. (DC)) trên mô hình <i>in vitro</i>
40	Đại học	Nghiên cứu độ bền và cấu trúc của dây cluster Cu _n (n = 2-7) bằng phương pháp hoá học tính toán	Đặng Thị Tường	TS. Phan Tứ Quý	Nghiên cứu độ bền và cấu trúc của dây cluster Cu _n (n = 2-7) bằng phương pháp hoá học tính toán
41	Đại học	Xác định thành phần hoá học của tinh dầu lá tía tô và khảo sát khả năng ức chế virus HPV (Human	Cao Trung Nguyên	TS. Phan Tứ Quý	Xác định thành phần hoá học của tinh dầu lá tía tô và khảo sát khả năng ức chế virus

		Papilloma Virus) gây ra bệnh mụn cóc ở người qua docking phân tử			HPV (Human Papilloma Virus) gây ra bệnh mụn cóc ở người qua docking phân tử
42	Đại học	Xác định hàm lượng chì có trong loài hến tại hồ Ea Nao - TP. Buôn Ma Thuột bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Nguyễn Thị Hồng Oanh	ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Xác định hàm lượng chì có trong loài hến tại hồ Ea Nao - TP. Buôn Ma Thuột bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử
43	Đại học	Xác định hàm lượng chì có trong loài ốc tại hồ Ea Nao - TP. Buôn Ma Thuột bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Nguyễn Thị Hồng Yên	ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Xác định hàm lượng chì có trong loài ốc tại hồ Ea Nao - TP. Buôn Ma Thuột bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử
44	Đại học	Sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học chương Hidrocacbon – Nhiên liệu Hóa học 9 THCS	Đoàn Anh Tuấn	ThS. Đặng Thị Thùy My	Sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học chương Hidrocacbon – Nhiên liệu Hóa học 9 THCS
45	Đại học	Điều tra thành phần loài của họ Vang (Caesalpiniaceae) tại các tiểu khu 477, 502, 523 của vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	H Zu Ni Niê	ThS. Nguyễn Thị Thu	Điều tra thành phần loài của họ Vang (Caesalpiniaceae) tại các tiểu khu 477, 502, 523 của vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk
46	Đại học	Ảnh hưởng của Các chủng vi khuẩn Bacillus. Sp đến sinh trưởng và phát triển của giống ngô LVN 146.	Nguyễn Thị Thuý An	TS. Trần Thị Phương Hạnh	Ảnh hưởng của Các chủng vi khuẩn Bacillus. Sp đến sinh trưởng và phát triển của giống ngô LVN 146.
47	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của Các chủng vi khuẩn Bacillus. Sp đến sự sinh trưởng của cây Bạc hà á.	Hồ Thị Ngọc Ánh	TS. Trần Thị Phương Hạnh	Nghiên cứu ảnh hưởng của Các chủng vi khuẩn Bacillus. Sp đến sự sinh trưởng của cây Bạc hà á.
48	Đại học	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng hệ sợi của nấm Trân Châu (<i>Agrocybe aegerital</i>)	H Joa Hwing	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng hệ sợi của nấm Trân Châu

					(<i>Agrocybe aegerital</i>)
49	Đại học	Xác định thành phần một số hợp chất tự nhiên và khả năng kháng oxi hóa của các cao chiết từ cây Bìm trắng (<i>Ipomoea alba</i> L.)	H Nặc Mlô	TS. Nguyễn Thị Thanh	Xác định thành phần một số hợp chất tự nhiên và khả năng kháng oxi hóa của các cao chiết từ cây Bìm trắng (<i>Ipomoea alba</i> L.)
50	Đại học	Xây dựng hệ thống dịch vụ cho trang thương mại điện tử	Kiều Ngọc Hoàng Hòa	Nguyễn Thị Như	Xây dựng hệ thống dịch vụ cho trang thương mại điện tử
51	Đại học	Xây dựng máy bay 4 cánh tự cân bằng có camera	Hoàng Xuân Phú	Nguyễn Đức Thắng	Xây dựng máy bay 4 cánh tự cân bằng có camera
52	Đại học	Định lý cơ bản của đồng cấu vành và ứng dụng vào lý thuyết mở rộng trường	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Phạm Hữu Khánh	Định lý cơ bản của đồng cấu vành và ứng dụng vào lý thuyết mở rộng trường
53	Đại học	Xây dựng website bán đồ thể thao bằng laravel	Hứa Văn Nhó	Nguyễn Thị Như	Xây dựng website bán đồ thể thao bằng laravel
54	Đại học	Xây dựng website thời trang	Lê Đức Nhật	Nguyễn Thị Như	Xây dựng website thời trang
55	Đại học	Giám sát hệ thống mạng bằng phần mềm zabbix.	Đỗ Chính Hải Nguyên	Nguyễn Đức Thắng	Giám sát hệ thống mạng bằng phần mềm zabbix.
56	Đại học	Xây dựng website nghe nhạc trực tuyến	Nguyễn Hoàng Đức	Nguyễn Thị Như	Xây dựng website nghe nhạc trực tuyến
57	Đại học	Xây dựng website các khóa học trực tuyến bằng Django framework	Y Dik Mlô	Nguyễn Thị Như	Xây dựng website các khóa học trực tuyến bằng Django framework
58	Đại học	Xây dựng ứng dụng truy vết người nhiễm COVID	Đặng Hoài Sang	Nguyễn Thị Như	Xây dựng ứng dụng truy vết người nhiễm COVID
59	Đại học	Ứng dụng máy học trong nhận dạng chữ viết tay	Nguyễn Tuấn Vũ	Trần Xuân Thắng	Ứng dụng máy học trong nhận dạng chữ viết tay
60	Đại học	Xây dựng website bán giày online	Huỳnh Ngọc Anh	Nguyễn Quốc Cường	Xây dựng website bán giày online
61	Đại học	Xây dựng trang thương mại điện tử theo mô hình phục vụ gói hàng	Trần Gia Bảo	Nguyễn Thị Như	Xây dựng trang thương mại điện tử theo mô hình phục vụ gói hàng

62	Đại học	Xây dựng website thông tin điện tử của cửa hàng máy tính	Phạm Tiến Danh	Nguyễn Quốc Cường	Xây dựng website thông tin điện tử của cửa hàng máy tính
63	Đại học	Xây dựng website bán sách	Nguyễn Thị Thu Giang	Nguyễn Quốc Cường	Xây dựng website bán sách
64	Đại học	Hệ thống quản lý phòng khám	Nguyễn Văn Huy	Nguyễn Thị Như	Hệ thống quản lý phòng khám
65	Đại học	Xây dựng phần mềm kiểm thử các chức năng trang web (Automation testing) sử dụng Robot Framework	Lê Văn Sỹ	Phan Thị Đài Trang	Xây dựng phần mềm kiểm thử các chức năng trang web (Automation testing) sử dụng Robot Framework
66	Đại học	Xây dựng website đặt đồ uống cho quán cà phê	Phạm Thế Việt	Nguyễn Thị Như	Xây dựng website đặt đồ uống cho quán cà phê
67	Đại học	Xây dựng phần mềm quản lý kho hàng	Trần Thế Vũ	Phan Thị Đài Trang	Xây dựng phần mềm quản lý kho hàng
68	Đại học	Xây dựng website mua bán xe máy cũ	Vũ Xuân Bắc	Phan Thị Đài Trang	Xây dựng website mua bán xe máy cũ
69	Đại học	Sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học chương Kim Loại Hóa học 9 THCS	H' Mỹ Linh Du	ThS. Đặng Thị Thùy My	Sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học chương Kim Loại Hóa học 9 THCS
70	Đại học	Khảo sát chất lượng nước mặt hồ Ea Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Rah Lan Khương	Lê Thị Thúy Loan	Khảo sát chất lượng nước mặt hồ Ea Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
71	Đại học	Thiết kế và mô phỏng hệ thống mạng cho trường tiểu học quốc tế	Lưu Quang Thuận	ThS. Nguyễn Quốc Cường	Thiết kế và mô phỏng hệ thống mạng cho trường tiểu học quốc tế
72	Đại học	Tạo kết nối VPN truy cập an toàn vào mạng máy tính nội công ty.	Y Doanh Niê	ThS. Nguyễn Đức Thắng	Tạo kết nối VPN truy cập an toàn vào mạng máy tính nội công ty.
73	Đại học	Nền tảng đặt lịch & tư vấn sức khỏe trực tuyến	Nguyễn Công Hậu	ThS. Nguyễn Quốc Cường	Nền tảng đặt lịch & tư vấn sức khỏe trực tuyến

74	Đại học	Vận dụng phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề trong dạy học phân Dẫn xuất của hidro cacbon - Hoá học 11 nâng cao	Trần Thị Bích Phương	ThS. Đặng Thị Thuý My	Vận dụng phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề trong dạy học phân Dẫn xuất của hidro cacbon - Hoá học 11 nâng cao
75	Đại học	Thành phần loài của chi Sục sác (Crotalaria) tại các tiểu khu 287, 437, 458 và 471 của Vườn quốc gia Yok Don, Đắk Lắk	Rmah Jen	ThS. Nguyễn Thị Thu	Thành phần loài của chi Sục sác (Crotalaria) tại các tiểu khu 287, 437, 458 và 471 của Vườn quốc gia Yok Don, Đắk Lắk
76	Đại học	So sánh một số giống ngô lai trong nước có triển vọng tại Đắk Lắk	Phùng Quốc Vương	TS. Trần Thị Phương Hạnh	So sánh một số giống ngô lai trong nước có triển vọng tại Đắk Lắk
77	Đại học	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của hệ sợi loài nấm chân dài (<i>Clitocybe maxima</i>)	Bùi Văn Hữu	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Khảo sát một số nhân tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của hệ sợi loài nấm chân dài (<i>Clitocybe maxima</i>)

7. Khoa Sư phạm

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung
1	Đại học	Một số biện pháp chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi sẵn sàng vào lớp 1 ở Trường Mầm non Thực hành 11-11	H Hạ	ThS. Vũ Trọng Hào	Biện pháp chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi sẵn sàng vào lớp 1 ở Trường Mầm non Thực hành 11-11
2	Đại học	Hình thành năng lực khám phá khoa học cho trẻ 4 - 5 tuổi thông qua hoạt động thí nghiệm tại trường mầm non.	Thị Nhuê	ThS. Vũ Trọng Hào	Đề xuất biện pháp hình thành năng lực khám phá khoa học cho trẻ 4 - 5 tuổi thông qua hoạt động thí nghiệm tại trường mầm non.
3	Đại học	Giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho trẻ 5 - 6 tuổi thông qua tổ chức trò chơi dân gian ở	Bùi Thị Minh Trúc	TS. Trương Thị Hiền	Tìm hiểu lý luận và đề xuất biện pháp Giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho trẻ 5 - 6 tuổi

		trường Mầm non			thông qua tổ chức trò chơi dân gian ở trường Mầm non
4	Đại học	Một số giải pháp giáo dục kỹ năng vệ sinh cá nhân phòng chống dịch bệnh cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non	H Thu	ThS. Trần Thị Thùy Trang	Qua nghiên cứu thực trạng kỹ năng vệ sinh của trẻ đề xuất một số giải pháp giáo dục kỹ năng vệ sinh cá nhân phòng chống dịch bệnh cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non
5	Đại học	Biện pháp hình thành thói quen tiết kiệm cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường Mầm non	H Êly Ryam	ThS. Trần Thị Thùy Trang	Nghiên cứu biện pháp hình thành thói quen tiết kiệm cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường Mầm non
6	Đại học	Biện pháp phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc hình thành hứng thú đến trường cho trẻ 3-4 tuổi tại trường Mầm non Thực Hành 11-11	H Nong	ThS. Trần Thị Thùy Trang	Tìm hiểu thực trạng và đề xuất Biện pháp phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc hình thành hứng thú đến trường cho trẻ 3-4 tuổi tại trường Mầm non Thực Hành 11-11
7	Đại học	Ứng dụng một số bài dân ca Việt Nam vào hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ 5-6 tuổi tại trường Mầm non	Trần Thị Hiền	ThS. Đinh Thị Trang	Ứng dụng một số bài dân ca Việt Nam vào hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ 5-6 tuổi tại trường Mầm non
8	Đại học	Thực trạng tổ chức trò chơi âm nhạc cho trẻ tại trường Mầm non Thực Hành 11/11	Nguyễn Thị Kim Uyên	ThS. Đinh Thị Trang	Tìm hiểu thực trạng tổ chức trò chơi âm nhạc cho trẻ tại trường Mầm non Thực Hành 11/11 và đề xuất biện pháp tổ chức trò chơi âm nhạc cho trẻ

9	Đại học	Một số biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ 5-6 tuổi ở trường Mầm non Thực hành 11-11	Trần Thị Thanh Xuân	ThS. Vũ Trọng Hào	Một số biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ 5-6 tuổi ở trường Mầm non Thực hành 11-1
10	Đại học	Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ toán học cho trẻ 4-5 tuổi	Lê Phương Hồng Duyên	ThS. Vũ Trọng Hào	Nghiên cứu Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ toán học cho trẻ 4-5 tuổi
11	Đại học	Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ toán học cho trẻ 5-6 tuổi	Ngô Thị Thùy Trang	TS. Trương Thị Hiền	Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ toán học cho trẻ 5-6 tuổi
12	Đại học	Vận dụng một số tác phẩm múa kết hợp vận động theo nhạc cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường Mầm non	H Sang Ndu	ThS,Trần Thị Lệ	Tìm hiểu lý luận và thực trạng Vận dụng một số tác phẩm múa kết hợp vận động theo nhạc cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường Mầm non
13	Đại học	Thực trạng biên đạo múa chất liệu múa dân gian dân tộc Việt của sinh viên ngành giáo dục mầm non tại Trường Đại học Tây Nguyên.	H Ra	ThS,Trần Thị Lệ	Tìm hiểu thực trạng biên đạo múa chất liệu múa dân gian dân tộc Việt của sinh viên ngành giáo dục mầm non tại Trường Đại học Tây Nguyên.
14	Đại học	Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non thực hành 11-11	Lê Thị Linh Chi	ThS,Trần Thị Lệ	Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non thực hành 11-11
15	Đại học	Biện pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời tại trường mầm non Thực hành 11-11	Nguyễn Thị Yến Nhi	TS. Vũ Minh Chiến	Xây dựng cơ sở lý luận và đề xuất biện pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời tại trường mầm non Thực hành 11-11
16	Đại học	Thực trạng giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non Thực hành 11-	Lê Thị Thu Thảo	ThS. Đinh Thị Trang	Khảo sát thực trạng giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non Thực hành 11-

		11, tp Buôn Ma Thuột			11, tp Buôn Ma Thuột và đề xuất giải pháp giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non
17	Đại học	Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá cho trẻ 5-6 tuổi thông qua giờ đón - trả trẻ tại trường mầm non Thực hành 11-11	H Nhan	ThS. Vũ Trọng Hào	Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá cho trẻ 5-6 tuổi thông qua giờ đón - trả trẻ tại trường mầm non Thực hành 11-11
18	Đại học	Thực trạng tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời ở trường mầm non thực hành 11/11	Huỳnh Thị Ngọc Phúc	TS. Vũ Minh Chiến	Tìm hiểu thực trạng tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ 4-5 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời ở trường mầm non thực hành 11/11
19	Đại học	Thực trạng kỹ năng tạo hình của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non thực hành 11-11	Hoàng Lê Hoài Linh	CN. Nguyễn Xuân Tuyền	Tìm hiểu Thực trạng kỹ năng tạo hình của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non thực hành 11-11

STT	Tên đề tài	Trình độ đào tạo	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Lý giải nghĩa của từ đa nghĩa bằng lý thuyết nghiệm thân (Trường hợp các từ có nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể con người hoặc động vật)	Đại học	H Dip Byă	ThS. Vũ Hoàng Cúc	Vận dụng lý thuyết nghiệm thân trong nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận để nghiên cứu những từ đa nghĩa có nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể con người hoặc động vật
2	Ẩn dụ về ý niệm về hôn nhân trong ca dao, thành ngữ, tục ngữ Việt Nam		H Nhung Buôn Dap	ThS. Vũ Hoàng Cúc	Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm về hôn nhân trong ca dao, thành ngữ và tục ngữ Việt Nam
3	Hình tượng nhân vật trẻ em trong		H Hiêm	TS.	Nghiên cứu hệ thống hình tượng trẻ em trong truyện

	truyện Nguyễn Nhật Ánh			Trương Thông Tuần	Nguyễn Nhật Ánh từ phương diện đặc điểm và nghệ thuật xây dựng hình tượng.
4	Bỉ kịch tình yêu hôn nhân trong sáng tác của Ernest Hemingway		Nguyễn Phương Quỳnh Anh	ThS. Nguyễn Thị Kim Hồng	Nghiên cứu bí kịch tình yêu và hôn nhân trong tác phẩm của E. Hemingway.

STT	Tên đề tài	Trình độ đào tạo	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thế giới nhân vật của Haruki Murakami qua các tiểu thuyết: Lắng nghe gió hát, Cuộc săn cừu hoang, Nhảy nhảy nhảy và Kafka bên bờ biển.	Đại học	Lê Thị Thanh Mai	ThS. Hoàng Thị Thúy	Đề tài: <i>Thế giới nhân vật của Haruki Murakami qua các tiểu thuyết: “Lắng nghe gió hát”, “Cuộc săn cừu hoang”, “Nhảy nhảy nhảy”, “Kafka bên bờ biển”</i> hướng vào những mục tiêu sau: - Chỉ ra thế giới nhân vật và nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong các tiểu thuyết: “Lắng nghe gió hát”, “Cuộc săn cừu hoang”, “Nhảy nhảy nhảy” và “Kafka bên bờ biển” để thấy rõ hơn tài năng sáng tạo văn chương của Haruki Murakami. - Góp phần khẳng định phong cách của Haruki Murakami cũng như hiểu hơn về văn học Nhật Bản đương đại.
2	Văn hóa ứng xử trong gia đình qua tục ngữ Êđê	Đại học	Ka'Hu yền	PGS.TS. Buôn Krông Tuyết Nhung	Đề tài tìm hiểu về 3 vấn đề chính như sau: - Khái quát chung về tục ngữ và quan niệm ứng xử gia đình: khái quát chung về khái niệm, nội dung và nghệ thuật tục ngữ; khái niệm văn hóa ứng xử, quan niệm về gia đình; đặc điểm gia đình người Êđê. - Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ gia đình của dân tộc Êđê qua tục ngữ. Khái quát thành các vấn đề như sau: quan hệ ứng xử vợ chồng, quan hệ ứng xử giữa cha mẹ và con cái, quan hệ ứng xử giữa anh – chị - em, quan hệ ứng xử cậu cháu và quan hệ ứng xử giữa cháu và ông bà. - Vị thế và vai trò giới trong gia đình dân tộc Êđê qua tục ngữ qua các

					phương diện sau: Thứ nhất, vị thế của người phụ nữ trong gia đình Êđê đó là: người phụ nữ tượng trưng cho quyền lực, là người giữ vai trò quan trọng trong xây dựng cuộc sống gia đình, là người góp phần lớn trong sự duy trì giống nòi và phát triển dòng tộc, trong các hoạt động văn hóa tâm linh. Thứ hai, vị thế và vai trò của người đàn ông qua tục ngữ. Thứ ba, tìm hiểu về sự phân công lao động trong gia đình Êđê qua tục ngữ
3	Âm hưởng nữ quyền sinh thái trong tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy	Đại học	Thị Lê	ThS. Hoàng Lê Anh Ly	Giữa nữ giới và tự nhiên luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhà văn trẻ Đỗ Bích Thúy đã phát hiện ra những điểm tương đồng đó, chị đã lấy đó làm nguồn cảm hứng trong sáng tác của mình. Nữ giới và tự nhiên đều là nạn nhân của sự thống trị nam giới, không chịu khuất phục trước số phận bị thống trị tự nhiên và nữ giới đã vùng lên đấu tranh phản kháng, đòi lại sự công bằng, được tự do và hạnh phúc. Những tác phẩm tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy đã giúp cho nữ giới và tự nhiên nói lên tiếng nói đấu tranh mạnh mẽ và quyết liệt.
4	Cái tôi trữ tình trong thơ của Bertolt Brecht	Đại học	Nguyễn Quỳnh Phương	ThS. Nguyễn Thị Kim Hồng	Nghiên cứu đề tài "Cái tôi trữ tình trong thơ Bertolt Brecht" nhằm đưa đến cho người đọc cái nhìn mới về thơ Bertolt Brecht, từ đó thấy được lòng nhân ái sâu xa của Bertolt Brecht, giúp người đọc cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của nhà thơ đối với những con người bất hạnh, luôn đấu tranh cho chân lý hoà bình và cái tôi luôn khao khát tình yêu, hạnh phúc. Đồng thời cho người đọc thấy được nét độc đáo trong nghệ thuật thơ ca của Bertolt Brecht. Góp phần khẳng định phong cách cũng như hiểu hơn về thơ ca Bertolt Brecht. Từ đó, khẳng định vai trò và những đóng góp to lớn của Bertolt Brecht đối với nền thơ ca Đức và toàn nhân loại.
5	Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh	Đại học	Lò Thị Nhân	ThS. Phan Thị Tâm Thanh	- Tìm hiểu vài nét về Bồ Tùng Linh và tác phẩm Liêu trai chí dị. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong Liêu trai chí dị thông qua việc miêu tả trên ba phương diện: miêu tả ngoại hình, miêu tả ngôn ngữ hành động và miêu tả tâm lí nhân vật. Để thấy rõ đặc trưng tích cách nhân vật trong Liêu trai từ đó góp phần làm sáng tỏ nội dung, tư tưởng của tác phẩm, đồng thời khẳng định tài năng văn chương của Bồ Tùng Linh
6	Con người và thiên nhiên trong một số tập truyện ngắn của nhà văn Trần Thùy	Đại học	Nguyễn Thị Ái Kiều	ThS. Trần Thị Lệ Thanh	Đề tài : “Con người và thiên nhiên trong một số tập truyện ngắn của nhà văn Trần Thùy Mai.” Tìm hiểu về các vấn đề chính như sau: Chương 1: Con người trong truyện ngắn Trần Thùy Mai. Trong chương 1 tìm hiểu về các vấn đề như sau: Thứ nhất, người phụ nữ trong truyện ngắn

	Mai				Trần Thùy Mai bao gồm: Hình ảnh người phụ nữ chủ động tìm kiếm tình yêu và hạnh phúc; Hình ảnh người phụ nữ khoan dung vị tha. Thứ hai, nhân vật nam giới trong truyện ngắn Trần Thùy Mai bao gồm: Hình ảnh nam giới thụ động, nhát nhòa; Hình ảnh nam giới tha hóa; Hình ảnh nam giới cao thượng. Chương 2: Hình ảnh thiên nhiên trong một số tập truyện ngắn của Trần Thùy Mai. Chương 2 khái quát đến các vấn đề về thiên nhiên như: Vườn, rừng; Biển, sông, suối; Gió, trăng. Chương 3: Nghệ thuật thể hiện con người và thiên nhiên trong truyện ngắn Trần Thùy Mai ở các phương diện sau: Thứ nhất, nghệ thuật khắc họa tâm lí nhân vật. Thứ hai, ngôn ngữ nhân vật trong đó đề cập đến: Ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Thứ ba, là nghệ thuật biểu hiện thiên nhiên bao gồm: Nghệ thuật thể hiện không gian; Nghệ thuật thể hiện màu sắc. Từ đó giúp chúng ta có thể : Nhận diện hình tượng con người trong truyện ngắn Trần Thùy Mai: Nhân vật nữ giới và nam giới; Nhận diện các yếu tố về thiên nhiên; Tìm hiểu về giá trị thiên nhiên trong mối tương quan với con người. Giúp người đọc hiểu về quan niệm nghệ thuật về con người.
7	Nhân vật tuổi mới lớn trong truyện ngắn Đoàn Thạch Biền	Đại học	Y Ôp Phen Êban	TS. Đoàn Tiến Dũng	Nội dung chính đề tài <i>Nhân vật tuổi mới lớn trong truyện ngắn Đoàn Thạch Biền</i> cụ thể như sau: - Văn học tuổi mới lớn của thời kì đổi mới và sự xuất hiện của Đoàn Thạch Biền. - Những đặc điểm cơ bản của nhân vật tuổi mới lớn trong truyện ngắn Đoàn Thạch Biền. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật tuổi mới lớn trong truyện ngắn Đoàn Thạch Biền.
8	Lối ứng xử trong nông nghiệp qua tục ngữ Êđê	Đại học	Võ Hoàng Thanh Phươn g	PGS.TS. Buôn Krông Tuyết Nhung	Đề tài: “Lối ứng xử trong nông nghiệp qua tục ngữ Êđê” đã khai thác ba phương diện chính như sau: 1. Cơ sở lý luận: Thứ nhất, bài viết đã đề cập đến các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu (Lối ứng xử, văn hoá nông nghiệp). Thứ hai, khái quát khái niệm, đặc điểm nội dung, hình thức, và vai trò, ý nghĩa của tục ngữ. Thứ ba, khái quát tục ngữ Êđê từ quá trình hình thành đến đặc điểm nội dung, hình thức và vai trò, ý nghĩa của chúng. 2. Lối ứng xử của người Êđê trong dự đoán thời tiết, canh tác nông nghiệp

					và chăn nuôi qua tục ngữ: Thứ nhất, thông qua việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên (mây, gió,...), quan sát thực vật và quan sát động vật, người Êđê đã đúc kết ra những kinh nghiệm trong việc dự báo thời tiết. Thứ hai, trong kinh nghiệm canh tác nông nghiệp thì ngoài trồng lúa người Êđê còn trồng thêm hoa màu như là nguồn sống chính. Thứ ba, trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, người Êđê không chỉ biết thuần hoá mà nuôi dưỡng con vật rất chu đáo. Tất cả các kinh nghiệm đều được truyền thụ lại thông qua các câu tục ngữ. 3. Lối ứng xử của người Êđê trong nông nghiệp qua tục ngữ: Thông qua việc xử dụng các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên thiên nhiên sẵn có (đất, nước, rừng). Người Êđê đã tận dụng các sản phẩm vào cuộc sống trong việc ăn uống, ăn mặc, ăn ở. Ngoài ra, động vật không chỉ để lấy thịt, mà còn làm phương tiện trao đổi, biểu tượng tâm linh, phương tiện di chuyển và sức kéo hỗ trợ con người. Người Êđê còn rằng dạy con cháu phải biết giữ lấy đất, nước, rừng thông qua các luật tục và các nghi lễ của riêng họ.
9	Nhân vật anh hùng văn hóa trong sử thi Ot Ndrong với đời sống cộng đồng dân tộc M'ông	Đại học	Thái Trần Giang	TS.Triệu Văn Thịnh	Đề tài: “Nhân vật anh hùng văn hóa trong sử thi Ot Ndrong với đời sống cộng đồng dân tộc M'ông” Gồm những nội dung chính như sau: Đề tài tiến hành khảo sát, nghiên cứu nhân vật anh hùng văn hóa trong sử thi M'ông để thấy được vị trí, vai trò của nó trong tác phẩm Ot ndrong và trong đời sống văn hóa - xã hội của dân tộc M'ông. Anh hùng văn hoá là hình tượng trung tâm, là nhân vật được gán những khả năng sáng tạo kỳ diệu. Tiăng là hình tượng biểu đạt đầy đủ nhất của nhân vật anh hùng văn hóa trong sử thi M'ông. Ot Ndrong phản ánh những vấn đề lớn của xã hội M'ông, những vấn đề về đời sống người M'ông từ thời khai thiên lập địa đến sinh hoạt văn hoá và chiến tranh bộ tộc được tập trung phản ánh qua hệ thống các nhân vật anh hùng. Trong đó nhân vật anh hùng văn hóa đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển và tồn tại của cộng đồng dân tộc M'ông. Có thể nói Tiăng như là bậc tiên tổ - đáng sáng tạo – anh hùng văn hóa của cộng đồng người M'ông.Tiăng là người dạy cho cộng đồng về việc

					làm, giúp họ hiểu biết về truyền thống văn hóa của dân tộc và đưa xã hội phát triển, chàng là biểu tượng của người anh hùng khai sáng. Tiếng là hình tượng biểu đạt đầy đủ nhất của nhân vật anh hùng văn hóa trong sử thi M'Nông.
10	Hình ảnh con người thời đại qua sáng tác của E.Hemingway	Đại học	H'Hoài Ênuôl	Nguyễn Thị Kim Hồng	Đề tài: Hình ảnh con người thời đại qua sáng tác của E.Hemingway. Chương 1: Khái quát về tác giả E.Hemingway. Tìm hiểu về Cuộc đời, sự nghiệp sáng tác. Các tác phẩm tiêu biểu gồm truyện ngắn, tiểu thuyết của ông. Chương 2: Biểu hiện về hình ảnh con người thời đại qua sáng tác của E.Hemingway. Thứ nhất là Khái quát về lịch sử thời đại gồm hoàn cảnh lịch sử thời đại và hình ảnh con người thời đại trong văn học nghệ thuật. Thứ hai là Hình ảnh con người thời đại qua sáng tác của E.Hemingway gồm Con người với bi kịch vỡ mộng; Con người mang bi kịch tình yêu gồm Bi kịch những đổ vỡ trong khát vọng tìm kiếm tình yêu; Bi kịch từ những cảm nhận về sự cô đơn và mất mát trong tình yêu. Thứ ba là Con người thuộc thế hệ mất mát Chương 3: Tìm hiểu về Phương thức nghệ thuật thể hiện hình ảnh con người thời đại qua sáng tác E.Hemingway gồm Ngôn ngữ đối thoại; Ngôn ngữ độc thoại nội tâm; Nguyên lí tăng bằng trôi E.Hemingway đã cho thấy cuộc sống của con người sau chiến tranh vẫn luôn là những vết thương, những đau khổ, dằn vặt, sự vỡ mộng và nỗi cô đơn. Trong tác phẩm của E.Hemingway, nội dung chủ yếu là đề cập đến cái chết và sự tuyệt vọng của con người, tập trung thể hiện sự vô nghĩa, hư vô của cuộc sống. Con người thời đại thâm vào nội dung tác phẩm của E.Hemingway, con người thời đại thể hiện qua những nỗi buồn, sự đau thương, sự thất bại của con người đầy khát khao vươn tới những điều tốt đẹp nhưng lại bị thực tế nghiệt ngã vùi dập. Con người thời đại trong tác phẩm của E.Hemingway đã mang lại cho con người nhiều cảm xúc: đồng cảm, day dứt, trăn trở. Qua bi kịch của các nhân vật, ta thấy tình cảm nhân đạo của nhà văn đối với con người, đặc biệt là sự quan tâm của nhà văn với Thế hệ mất mát.
11	Kiểu nhân vật vắng	Đại học	H El	Thái Thị	- Khái quát về nhân vật văn học cũng như cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của

	mặt trong sáng tác của Tạ Duy Anh		Niê	Hoài An	Tạ Duy Anh để làm cơ sở nghiên cứu về nhân vật vắng mặt trong sáng tác của nhà văn. - Nghiên cứu đặc điểm của nhân vật vắng mặt trong sáng tác của Tạ Duy Anh. - Phát hiện những đặc trưng nghệ thuật xây dựng kiểu nhân vật vắng mặt trong sáng tác của Tạ Duy Anh.
12	Vấn đề sinh thái đô thị trong sáng tác Niê Thanh Mai	Đại học	H Quyết Alio	Hoàng Lê Anh Ly	Nội dung chính đề tài “Vấn đề sinh thái đô thị trong sáng tác Niê Thanh Mai”: - Giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc hơn về môi trường sinh thái đô thị Tây Nguyên về sự trải nghiệm cuộc sống, con người đô thị. - Nhà văn luôn mang trong mình nỗi bất an và lo lắng trước sự tha hóa về đạo đức, lối sống, sự xuống cấp và mai một dần về văn hóa. Ý thức bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống quý giá của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên trong cuộc sống hôm nay. - Về phương diện nghệ thuật Niê Thanh đã sử dụng linh hoạt ngôi kể, xây dựng nhân vật, hệ thống ngôn ngữ, để viết lên bức tranh về cuộc sống và con người đô thị hiện lên vừa chân thực, khách quan
13	Bi kịch tình yêu trong Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần	Đại học	Nguyễn Trần Hoài Thư	Phan Thị Tâm Thanh	Đề tài “Bi kịch tình yêu trong Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần” nghiên cứu về 3 vấn đề chính như sau: Thứ nhất: khái quát về tác giả Tào Tuyết Cần là người viết chính của tác phẩm (80 hồi đầu) và Cao Ngạc với 40 hồi sau. Hoàn cảnh sáng tác và khái niệm về bi kịch. Thứ hai: những biểu hiện của bi kịch tình yêu trong tác phẩm thông qua các nhân vật Lâm Đại Ngọc, Giả Bảo Ngọc, Tiết Bảo Thoa và một vài nhân vật khác. Qua đó thấy được tấn bi kịch của xã hội Trung Quốc trên bước suy tàn của chế độ phong kiến. Vạch trần sự thối nát của xã hội phong kiến. Thứ ba: nghệ thuật thể hiện bi kịch tình yêu trong tác phẩm thông qua việc sử dụng các yếu tố nghệ thuật tài tình của tác giả.
14	Tín hiệu thẩm mỹ trong các tác phẩm văn xuôi Việt Nam của chương trình Ngữ văn 12	Đại học	Vũ Thị Trà Mi	Vũ Hoàng Cúc	Đề tài: “ <i>Tín hiệu thẩm mỹ trong các tác phẩm văn xuôi Việt Nam của chương trình Ngữ văn lớp 12</i> ” gồm 3 phần như sau: Phần 1: Những đề lý thuyết gồm các vấn đề sau: Thứ nhất là khái niệm tín hiệu thẩm mỹ, thứ hai là nguồn gốc của các tín hiệu thẩm mỹ, thứ ba là phương thức phân tích tín hiệu thẩm mỹ trong các tác phẩm văn chương.

					Phần 2: Mô hình nghệ thuật - sự tổ chức logic của các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương gồm các vấn đề như sau: Thứ nhất là khái niệm mô hình nghệ thuật, thứ hai là phương tiện mô hình nghệ thuật trong tác phẩm văn xuôi 12. Phần 3: Vận dụng lý thuyết tín hiệu thẩm mỹ vào giải mã các tác phẩm văn xuôi Việt Nam của chương trình ngữ văn lớp 12 gồm các vấn đề như sau: Thứ nhất là tín hiệu thẩm mỹ trong các tác phẩm văn xuôi Việt Nam lớp 12. Thứ hai là xây dựng mô hình tín hiệu thẩm mỹ của các tác phẩm văn xuôi Việt Nam lớp 12. Cụ thể là các tác phẩm: <i>Vợ Nhặt</i>, <i>Vợ Chồng A Phủ</i>, <i>Rừng Xà Nu</i>, <i>Bắt sấu rừng U Minh Hạ</i>, <i>Những đứa con trong gia đình</i>, <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i>, <i>Mùa lá rụng trong vườn</i>, <i>Một người Hà Nội</i>.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học yếu tố số học môn Toán lớp 2 nhằm phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh	Lê Thị Lan Anh Êban	ThS. Bùi Thị Phương Thảo	
2	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Lịch sử lớp 5 theo hướng phát triển năng lực học sinh	Puih H' Thiên	ThS. Trần Tấn Hải	
3	Đại học	Vận dụng phương pháp quan sát để phát triển năng lực khoa học cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1	Võ Thị Hà Thu	ThS. Bùi Thị Tâm	
4	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học yếu tố số học môn Toán lớp 4 nhằm phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh	Trần Thị Minh Tú	ThS. Bùi Thị Phương Thảo	
5	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học viết văn miêu tả quang cảnh cho học sinh lớp 5	Lê Thị Hồng Hạnh	ThS. Lưu Thị Dịu	
6	Đại học	Biện pháp rèn luyện kỹ thuật đọc cho học sinh lớp 2 người dân tộc Jrai trong dạy học môn Tiếng Việt.	RăhLan Sana	ThS. Lưu Thị Dịu	
7	Đại học	Sử dụng Rubric trong đánh giá thường xuyên môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học	Di Nhi Adrong	ThS. Lê Thị Thúy An	

8	Đại học	Nâng cao hiệu quả các kỹ năng học trực tuyến cho học sinh ở Tiểu học	H Chính Byă	ThS. Ngô Thị Hiếu	
9	Đại học	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược (Flipped classroom) trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Tiểu học	Nguyễn Thị Mai Dung	ThS.Lê Thị Thúy An	
10	Đại học	Thiết kế kế hoạch bài dạy đọc văn bản trong môn Tiếng Việt lớp 5 theo hướng phát triển năng lực	Nai Duyên	ThS. Lưu Thị Dịu	
11	Đại học	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và xã hội lớp 2	H Trinh Diêr	ThS. Bùi Thị Tâm	
12	Đại học	Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ toán học cho học sinh lớp 1	H En	ThS. Bùi Trần Tuyết Hạnh	
13	Đại học	Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề để phát triển năng lực điều chỉnh hành vi cho học sinh thông qua dạy học môn Đạo đức lớp 4	H Bích Êban	TS. Phạm Trọng Lượng	
14	Đại học	Khảo sát tình hình tổ chức hoạt động dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới ở trường tiểu học Phan Đăng Lưu, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	H Dram Êban	TS. Vũ Minh Chiến	
15	Đại học	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 4 theo phương pháp dạy học dự án nhằm phát triển năng lực cho học sinh.	Nguyễn Thị Hương Giang	TS. Vũ Minh Chiến	
16	Đại học	Vận dụng kĩ luật tích cực trong xây dựng nội quy lớp học ở trường Tiểu học	Phạm Trà Giang	ThS. Ngô Thị Hiếu	
17	Đại học	Thiết kế chủ đề tích hợp trong dạy học môn Tự nhiên và xã hội lớp 2 nhằm phát triển năng lực học sinh	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	ThS. Bùi Thị Tâm	
18	Đại học	Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm để phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 4	Nông Thị Hằng	ThS. Trần Quỳnh Mai	
19	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học yếu tố số học môn Toán lớp 3 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Nguyễn Thị Hậu	ThS. Bùi Thị Phương Thảo	
20	Đại học	Biện pháp rèn luyện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 2	H Nao H Đok	ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai	

21	Đại học	Ứng dụng Quizizz trong dạy học môn Lịch sử lớp 5	Hoàng Thị Hương	ThS. Đinh Thị Kiều Loan	
22	Đại học	Vận dụng phương pháp thực hành giao tiếp để dạy nghe nói trong môn Tiếng Việt lớp 2	K Liễu	ThS. Lưu Thị Dịu	
23	Đại học	Rèn kĩ năng đặt câu hỏi để phát triển năng lực khoa học cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và xã hội lớp 2	Mo Lom Luyn	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
24	Đại học	Sử dụng trò chơi để nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến môn Lịch sử ở (bậc tiểu học) ở lớp 4	Ka Lương	ThS. Trần Tấn Hải	
25	Đại học	Biện pháp nâng cao khả năng tập trung chú ý trong môn Toán học thông qua phương pháp trò chơi cho học sinh lớp 1	H My	TS. Vũ Thị Vân	
26	Đại học	Tích hợp Lịch sử, Địa lí địa phương trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho học sinh tiểu học	La My	ThS. Trần Tấn Hải	
27	Đại học	Thực trạng kĩ năng học tập trực tuyến của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Ngọc Trà My	ThS. Lê Thị Thúy An	
28	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học dự án để phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học môn khoa học lớp 4	Tống Thùy Thanh Ngân	TS. Phạm Trọng Lượng	
29	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Tự nhiên và xã hội lớp 3	Nông Thị Nguyệt	TS. Phạm Trọng Lượng	
30	Đại học	Biện pháp hình thành năng lực tư duy phản biện trong môn Khoa học lớp 4	Hồ Thị Quỳnh Như	ThS. Lê Quang Hùng	
31	Đại học	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh lớp 2 thông qua dạy học dự án môn tự nhiên và xã hội	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	ThS. Bùi Thị Tâm	
32	Đại học	Tìm hiểu năng lực nhận thức bản thân theo mô hình Năng lực cảm xúc xã hội thông qua môn Đạo Đức của học sinh lớp 3	Ka' B rui Thúy Vân	ThS. Lê Thị Thảo Nguyên	
33		Sử dụng phần mềm Liveworksheets để tạo phiếu bài tập trong dạy học môn phân môn Lịch sử lớp 4	Lê Thúy Vân	ThS. Đinh Thị Kiều Loan	

8. Khoa Y dược

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Khoa học Y sinh					
	Cao học – Luận văn tốt nghiệp	Tỷ lệ nhiễm, thành phần loài giun móc/mỏ qua hình thái học và sinh học phân tử ở người dân xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, năm 2022.	Trần Trinh Vương	TS. Lê Đức Vinh	1. Nghiên cứu về tỷ lệ nhiễm giun móc/mỏ ở người dân tại Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, năm 2022. 2. Nghiên cứu mối liên quan giữa tỷ lệ nhiễm giun móc/mỏ với các yếu tố dân số học và hành vi nguy cơ. 3. Nghiên cứu thành phần loài giun móc/mỏ bằng kỹ thuật sinh học phân tử và một số chỉ số hình thái học.
		Thành phần, mật độ và mức độ nhạy cảm với hóa chất của muỗi sốt rét ở hai xã sốt rét lưu hành vừa và nặng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên năm 2022.	Nguyễn Chánh Trực	TS. Nguyễn Xuân Quang	1. Nghiên cứu thành phần loài, phân bố và mật độ muỗi Anopheles tại hai xã sốt rét lưu hành vừa và nặng tại huyện Sông Hinh. 2. Nghiên cứu mức độ nhạy cảm với hóa chất của muỗi sốt rét tại các điểm nghiên cứu.
		Thực trạng nhiễm giun móc/mỏ và thiếu máu ở học sinh tiểu học tại xã Ea Phê, huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk, năm 2022.	Nguyễn Thọ Hời	TS. Bùi Khắc Hùng	1. Nghiên cứu về tỷ lệ, cường độ và thiếu máu do nhiễm giun móc/mỏ ở học sinh tiểu học tại xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, năm 2022. 2. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun móc/mỏ ở học sinh tiểu học tại địa điểm nghiên cứu.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Khoa học Y sinh					
		Tỷ lệ huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara</i> spp. và một số yếu tố liên quan của trẻ em đến khám tại Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng, tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.	Phạm Đình Vũ	PGS.TS Nguyễn Văn Chương	1. Nghiên cứu về tỷ lệ huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara</i> spp. của trẻ em đến khám tại Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng, tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022. 2. Nghiên cứu về một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara</i> spp. của trẻ em tại địa điểm nghiên cứu trên.
		Tỉ lệ và một số yếu tố liên quan đến huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara Canis</i> ở người dân đến khám tại Bệnh viện Đại học Tây Nguyên năm 2022	Phạm Thanh Huy	PGS.TS Thân Trọng Quang	1. Nghiên cứu về tỷ lệ huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara canis</i> ở người dân đến khám tại bệnh viện Đại học Tây Nguyên năm 2022. 2. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ huyết thanh dương tính với ấu trùng <i>Toxocara canis</i> ở đối tượng tại điểm nghiên cứu.
		Tỷ lệ và cường độ nhiễm giun móc(<i>Acylostoma duodenale</i>)/mỏ(<i>Necator americanus</i>) và một số yếu tố liên quan ở người dân xã Bông Krang, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, năm 2022.	Chu Thị Kim Hương	PGS.TS Phan Văn Trọng	1. Nghiên cứu về tỷ lệ, cường độ nhiễm giun móc (<i>Ancylostoma duodenale</i>)/mỏ (<i>Necator americanus</i>) ở xã Bông Krang, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk năm 2022. 2. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ nhiễm giun móc (<i>Ancylostoma</i>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Khoa học Y sinh					
					duodenale)/mỏ (<i>Necator americanus</i>) tại xã Bông Krang, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk năm 2022.
		Tỷ lệ huyết thanh dương tính với giun lươn (<i>Strongyloides Stercoralis</i>) và một số yếu tố liên quan đến ở bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Đại học Tây Nguyên, năm 2022	Phùng Thị Thảo Nguyên	PGS.TS Phan Văn Trọng	1. Nghiên cứu về tỉ lệ huyết thanh dương tính với giun lươn ở bệnh nhân đến khám tại phòng khám Ký sinh trùng, bệnh viện Đại học Tây Nguyên, năm 2022. 2. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến huyết thanh dương tính với giun lươn ở bệnh nhân đến khám tại phòng khám Ký sinh trùng, bệnh viện Đại học Tây Nguyên, năm 2022.
		Tỷ lệ huyết thanh dương tính, một số đặc điểm cận lâm sàng nhiễm sán lá gan lớn ở bệnh nhân đến khám tại Viện Sốt rét – Ký sinh trùng- Côn trùng Quy Nhơn năm 2022.	Phan Hoàng Thái Bảo	PGS.TS. Hồ Văn Hoàng	1. Nghiên cứu về tỷ lệ huyết thanh dương tính với sán lá gan lớn ở bệnh nhân đến khám tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn. 2. Nghiên cứu một số đặc điểm cận lâm sàng, tổn thương gan trên siêu âm ở bệnh nhân nhiễm sán lá gan lớn. 3. Nghiên cứu mối liên quan giữa tỷ lệ huyết thanh dương tính với một số chỉ số cận lâm sàng và hình ảnh tổn thương gan ở bệnh nhân nhiễm sán lá gan lớn.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Ngành Khoa học Y sinh					
	Ngành Y Khoa				
	Đại học – Khóa luận tốt nghiệp	Nghiên cứu tỷ lệ bệnh nhân có khí hóa cuốn mũi giữa tại Khoa Tai mũi họng- Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	Phạm Nữ Thục Quyên	ThS. BS. Mai Quang Hoàn	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân có khí hóa cuốn mũi giữa tại Khoa Tai mũi họng- Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên 2. Tỷ lệ bệnh nhân có khí hóa cuốn mũi giữa tại Khoa Tai mũi họng- Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên
		Tỷ lệ hiện mắc tiền tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y khoa, Trường Đại học Tây Nguyên năm 2022.	Tạ Ngọc Anh Thư	TS. BS. Đinh Hữu Hùng	1. Nghiên cứu về tỉ lệ hiện mắc tiền tăng huyết áp ở sinh viên Y khoa hệ chính quy tại Trường Đại học Tây Nguyên năm 2022 2. Nghiên cứu về một số yếu tố có liên quan đến tỉ lệ hiện mắc tiền tăng huyết áp ở sinh viên Y khoa hệ chính quy tại điểm nghiên cứu.
		Đặc điểm vòng đầu của trẻ sơ sinh non tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu nhi – sơ sinh tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2022	Phạm Hoài Phương	ThS. BS. Trương Ngô Ngọc Lan	1. Mô tả đặc điểm chung vòng đầu của trẻ sơ sinh non tháng 2. Tìm hiểu sự phát triển vòng đầu của trẻ sơ sinh non tháng điều trị tại khoa Hồi sức cấp cứu Nhi - Sơ sinh từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022.

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	10	Đại học	Y khoa	

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
ĐỀ TÀI KHCN CÁC CẤP						
ĐỀ TÀI KHCN CẤP CƠ SỞ						
1	Tổng quát dạng lũy thừa thực của một số bất đẳng thức giữa các đại lượng trung bình và ứng dụng	TS. Dương Quốc Huy		7/2021-6/2022 Gia hạn 12/2022	118,385	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
2	Nghiên cứu sự đa dạng các loài ong bắt mồi thuộc họ ong vàng (Hymenoptera: vespidae) trên một số vùng	ThS. Bùi Thị Quỳnh Hoa		11/2021-10/2022	60,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài

	trồng cây công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk					liệu tham khảo cho Nhà trường
3	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động Khoa học công nghệ của trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Trương Hải		11/2021-10/2022	99,996	01 Báo cáo khoa học Phần mềm ứng dụng Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
4	Mô phỏng sự tạo sợi của protein trên bề mặt	TS. Phùng Nguyễn Thái Hằng		01/2021-12/2021 Gia hạn 6/2022	50,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
5	Nghiên cứu sinh tổng hợp nhóm hoạt chất phenazines trong hệ thống Bioreactor và khảo sát một số hoạt tính sinh học	TS. Nguyễn Văn Bốn		7/2021-6/2021	119,999	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
6	Khả năng thích ứng với chương trình đào tạo bậc đại học của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Vũ Thị Việt Anh		10/2021-9/2022	59,897	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
7	Ứng dụng ảnh vệ tinh đa thời gian trong phát hiện thay đổi	ThS. Cao Thị Hoài		01-12/2022	38,135	01 Báo cáo khoa học

	thảm phủ rừng tại tỉnh Đắk Nông					01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
8	Ảnh hưởng của các phương pháp chiết tách đến tính chất của tinh bột hạt mít Thái lá bàng (<i>Artocarpus Heterophyllus</i>)	ThS. Hồ Thị Hào		01-12/2022	39,970	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
9	Đặc điểm phân bố của loài Xá xị (<i>Cinnamomum Balansae</i>) và dầu Hassel (<i>Dipterocarpus Hasseltill</i>) tại Vườn Quốc Gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	ThS. Phan Thị Hằng		01-12/2022	39,999	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường, Trung tâm ứng dụng và tư vấn nông nghiệp
10	Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của một số phế phẩm thực phẩm ứng dụng trong ngâm rửa rau xà lách	ThS. Nguyễn Thị Vân		01-12/2022	39,895	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chủng vi khuẩn vùng rễ chọn lọc đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa thảo dược tại tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

12	Phân vùng và dự báo nguy cơ sạt lở đất trên địa bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Hồ Đình Bảo		01-12/2022	39,800	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
13	Xác định các khu vực cần thực hiện hoạt động phục hồi rừng phù hợp tại huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc		01-12/2022	39,405	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
14	Điều tra thực trạng tình hình cỏ dại và đánh giá hiệu quả của một số biện pháp quản lý cỏ dại trong vườn cà phê tại Đắk Lắk	TS. Đỗ Thị Kiều An		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
15	Đánh giá tình hình và xác định nguyên nhân gây bệnh chết héo hại rừng trồng Keo lai (<i>Acacia hybrid</i>) tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Chung Như Anh		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
16	Xác định sự phân bố các loại bệnh hại trên cây lúa và dự báo các vùng có nguy cơ nhiễm bệnh tại địa bàn huyện Krông Ana, Tỉnh Đắk Lắk	ThS. Trần Thị Phụng		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

17	Điều tra thành phần sâu hại, thiên địch và bước đầu đánh giá khả năng của một số loài thiên địch chính trong phòng trừ sâu hại cây có quýt tại Đắk Lắk	ThS. Trang Thị Nguyệt Quế		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
18	Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị theo hướng phát triển năng lực người học tại trường Đại học Tây Nguyên	TS. Phạm Phương Anh		01-12/2022	119,975	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
19	Nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên hiện nay	CN. Phạm Thị Tâm		01-12/2022	34,056	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
20	Văn hóa ứng xử của người M'Nông với môi trường tự nhiên ở Đắk Nông hiện nay	ThS. Lê Thị Hồng Hạnh		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
21	Một số đặc điểm dịch tễ của Giun Xoăn dạ múi khế ở dê nuôi tại thành phố Buôn Ma Thuột và biện pháp phòng trị	BSTY. Phạm Thị Tú Anh		01-12/2022	39,984	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

22	Một số đặc điểm dịch tễ giun tròn kí sinh trong đường tiêu hóa của Vịt nuôi tại Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Lê Anh Dương		01-12/2022	39,998	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
23	Sự lưu hành Leptospira spp. và một số yếu tố nguy cơ lây lan ở chó tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Văn Thái		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
24	Hiệu quả phòng, trị bệnh ghẻ trên chó bằng dược liệu từ lá Bạch đàn, Muồng trâu và Xà cừ	ThS. Hoàng Thị Anh Phương		01-12/2022	39,999	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
25	Xác định thành phần loài vi khuẩn Bartonella ở bọ chét trên chó tại thành phố Buôn Ma Thuột	ThS. Nguyễn Văn Trọng		01-12/2022	39,995	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
26	Tình hình nhiễm Babesia sp. trên chó tại trạm xá thú y trường Đại học Tây Nguyên và hiệu quả điều trị của Clindamycin và Imidocarb	ThS. Lương Huỳnh Việt Thắng		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

27	Nghiên cứu các hiệu ứng vật lý mới trong mô hình chuẩn mở rộng với đối xứng nhị diện và hoán vị	PGS.TS. Võ Văn Viên		01-12/2022	120,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
28	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học khám phá nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học cho học sinh lớp 10 trong chương trình giáo dục phổ thông môn hóa học mới	ThS. Đặng Thị Thùy My		01-12/2022	39,516	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
29	Nghiên cứu lý thuyết cấu trúc của một số hệ vật liệu trên cơ sở Graphitic Carbon Nitride (g-C ₃ N ₄) ứng dụng trong quang xúc tác xử lý thuốc bảo vệ thực vật khó phân hủy	ThS. Phạm Thị Bé		01-12/2022	39,674	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
30	Xây dựng bộ tiêu bản chi nấm Russula Pers. 1796 thu thập tại Vườn quốc gia Yok Đôn	ThS. Trần Thị Kim Thi		01-12/2022	39,852	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
31	Chế tạo một số bộ thí nghiệm trực diện phân điện – quang trong nội dung kiến thức Vật lý phổ thông	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương		01-12/2022	39,979	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

32	Chế tạo thiết bị kiểm soát tự động thông số vi khí hậu cho nhà lưới dựa trên nền tảng IoT	CN. Tôn Thất Trường Nam		01-12/2022	39,932	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
33	Ứng dụng công nghệ IoT chế tạo hệ thống pha phân tự động sử dụng trong canh tác cây trồng trong điều kiện nhà màng	TS. Lê Minh Tân		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
34	Nghiên cứu tính chấn-lẻ của phổ phát xạ sóng điều hòa bậc cao từ nguyên tử hydro trong trường laser kết hợp với điện trường tĩnh	ThS. Nguyễn Thị Hiền		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
35	Đánh giá mức độ nhiễm vi sinh vật gây hại trên một số loại thực phẩm tại phường Eatam, Thành phố Buôn Ma Thuột	ThS. Nguyễn Thị Tình		01-12/2022	39,968	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
36	Thành phần loài của chi Sục sục (crotalaria L.) trong họ Đậu (Fabaceae Lindl.) ở Vườn quốc gia Yok Don, Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Thu		01-12/2022	39,978	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

37	Ảnh hưởng của Bacillus sp. đến sinh trưởng và hàm lượng Menthone và Menthol trong cây Bạc hà (<i>Mentha piperita</i> .) ở điều kiện nuôi cấy in vitro và ex vitro	TS. Trần Thị Phương Hạnh		01-12/2022	39,999	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
38	Một số bất đẳng thức kiểu Fejér cho hàm lồi mạnh theo cấp trung bình tựa số học và áp dụng	TS. Nguyễn Ngọc Huệ		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
39	Đặc trưng kiểu bộ trội của hàm h- lồi mạnh và ứng dụng	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích		01-12/2022	39,884	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
40	Ứng dụng đa thức xác định thông qua không gian con trên trường hữu hạn để sửa hai lỗi xóa của mã RS	ThS. Đinh Thị Xinh		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
41	Xây dựng bộ tiêu bản các loài Địa lan ở Vườn quốc gia Yok Don, Đắk Lắk	ThS. Vũ Bích Thủy		01-12/2022	39,983	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

42	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số điều kiện tiên xử lý đến hiệu suất chưng cất tinh dầu từ một số cây gia vị trồng tại Đắk Lắk	TS. Nguyễn Thị Thanh		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
43	Ứng dụng tin sinh học trong sàng lọc và phân tích các họ gen liên quan đến sinh trưởng, khả năng kháng bệnh và chịu hạn trong genome cây cà phê vối (<i>coffea canephora</i>)	TS. Nguyễn Đình Sỹ		01-12/2022	39,936	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
44	Xây dựng bộ tiêu bản các loài bò sát thuộc bộ Có vảy (Squamata) ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	ThS. Trương Bá Phong		01-12/2022	39,884	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
45	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong bắp cải canh tác tại xã Eakao thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.	CN. Đàm Thị Bích Hạnh		01-12/2022	39,780	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
46	Nghiên cứu khả năng kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne</i> sp. của chủng vi khuẩn vùng rễ <i>Bacillus velezensis</i> RB.EK7	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang		01-12/2022	59,982	3 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

47	Nghiên cứu hoạt tính sinh học của các hoạt chất trong cao dược liệu Chân danh hoa thưa (<i>Euonymus laxiflorus</i> Champ.) bằng tính toán hoá lượng tử kết hợp với các kỹ thuật mô phỏng hiện đại	TS. Phan Tứ Quý		01-12/2022	120,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
48	Chéo hóa đồng dư đồng thời các ma trận thực đối xứng, tính chất ảnh của ánh xạ toàn phương và ứng dụng	ThS. Nguyễn Thị Ngân		01-12/2022	120,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
49	Sử dụng kết hợp mã vạch DNA và đặc điểm hình thái để nghiên cứu đa dạng loài họ nhện nhày (Araneae, Salticidae) tại Vườn quốc gia Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Hoàng Quang Duy		01-12/2022	120,000	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
50	Xác định thành phần hóa học và đánh giá hoạt tính sinh học của cây kinh giới <i>Elsholt ciliata</i> ở Đắk Lắk	TS. Ngũ Trường Nhân		01-12/2022	60,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
51	Ứng dụng mô hình học sâu trong nhận diện biển số xe	ThS. Trần Xuân Thắng		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

52	Kiến thức và thực hành đánh giá Ngôn ngữ của Giảng viên Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Đoàn Thị Dung		01-12/2022	26,791	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
53	Vai trò của tục ngữ Êđê đối với đời sống văn hóa và đề xuất giải pháp phát huy giá trị tục ngữ trong thực tiễn	CN. Rơ Lan A Nhi		01-12/2022	39,954	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
54	Thực trạng áp dụng phản tư trong việc dạy Ngoại ngữ tại Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Trần Thị Mai Hương		01-12/2022	23,745	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
55	Mô hình bệnh tật và tình hình điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk năm 2021	ThS. Lê Thị Mơ		01-12/2022	39,926	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
56	Thực trạng sử dụng thuốc hạ huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2022	ThS. Nguyễn Hoàng Anh Thư		01-12/2022	38,356	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

57	Đánh giá thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trường Trung học Phổ thông Thực hành Cao Nguyên và các yếu tố liên quan	BS. CKII. Nguyễn Thanh Hải		01-12/2022	39,884	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
58	Tình trạng dinh dưỡng và thực trạng nuôi dưỡng người bệnh tại khoa hồi sức tích cực chống độc bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên năm 2022	ThS. BS. Nguyễn Thị Pháp		01-12/2022	39,810	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
59	Tỉ lệ đau thắt lưng, một số yếu tố liên quan và ảnh hưởng của đau thắt lưng ở sinh viên y khoa, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. BS. Đặng Thị Xuyên		01-12/2022	39,853	Đang thực hiện 01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
60	Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Y khoa, Khoa Y dược, trường Đại học Tây Nguyên	CN. Ninh Thị Kim Loan		01-12/2022	39,722	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
61	Một số trở ngại tâm lý trong giao tiếp với bệnh nhân trên lâm sàng ở sinh viên năm thứ 3, khoa Y dược, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Vũ Thị Lan Anh		01-12/2022	39,777	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

62	Nguyên cơ tế ngã và một số yếu liên quan ở bệnh nhân cao tuổi đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	ThS. Phan Thị Huyền Trang		01-12/2022	39,997	Đang thực hiện 01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
63	Đánh giá sự biến đổi thể chất của sinh viên khóa 2021 sau khi hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất, trường Đại học Tây Nguyên	TS. Phạm Hùng Mạnh		01-12/2022	37,815	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
64	Nhân vật trung tâm trong sử thi M'ông với đời sống văn hóa xã hội tộc người	TS. Triệu Văn Thịnh		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
65	Nghiên cứu việc tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới ở các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	TS. Vũ Minh Chiến		01-12/2022	39,885	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
66	Nâng cao năng lực thiết kế hoạt động dạy học yếu tố Số học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Bùi Thị Phương Thảo		01-12/2022	39,212	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

67	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai		01-12/2022	39,925	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
68	Thực trạng kỹ năng sư phạm của sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp Giáo viên	ThS. Lưu Thị Diệu		01-12/2022	39,955	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
69	Vận dụng lý thuyết nghiệm thân và sơ đồ tỏa tia của Ngôn ngữ học tri nhận vào dạy học từ đa nghĩa	ThS. Vũ Hoàng Cúc		01-12/2022	39,685	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế uy tín Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
70	Nghiên cứu đánh giá trình độ thể lực chung cho sinh viên năm nhất chuyên ngành giáo dục thể chất, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Chu Vương Thìn		01-12/2022	31,831	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
71	Vận dụng định hướng giáo dục STEM trong đào tạo giáo viên tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên	CN. Nguyễn Hữu Hiếu		01-12/2022	36,850	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

72	Văn xuôi của các tác giả nữ dân tộc thiểu số Việt Nam đương đại từ góc nhìn nữ quyền sinh thái thổ dân	ThS. Hoàng Lê Anh Ly		01-12/2022	39,865	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
73	Thực trạng năng lực ứng xử sư phạm của sinh viên sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên	TS. Vũ Thị Vân		01-12/2022	39,815	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
74	Biện pháp nâng cao năng lực biên đạo chất liệu múa dân gian dân tộc việt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Đinh Thị Trang		01-12/2022	39,980	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
75	Vận dụng mô hình học trải nghiệm của David Kolb trong dạy học các học phần thực hành trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học ở trường Đại học Tây Nguyên	CN. Lê Thị Cẩm Lệ		01-12/2022	37,135	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
76	Nâng cao kĩ năng học tập trực tuyến cho sinh viên khoa Sư phạm – Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Lê Thị Thúy An		01-12/2022	39,515	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

77	Thực trạng năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành Sư phạm trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Lê Thị Thảo Nguyên		01-12/2022	39,769	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
78	Thiết kế bài tập nhằm nâng cao năng lực tự học Âm nhạc cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Trần Thị Lệ		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
79	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp tại Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh		01-12/2022	39,915	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
80	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Đức Quyền		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
81	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiểu biết về Tài chính cá nhân của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo (A)		01-12/2022	39,989	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

82	Nhận thức của thanh niên về du lịch có trách nhiệm - trường hợp nghiên cứu tại thành phố Buôn Ma Thuột	ThS. Phạm Thị Oanh		01-12/2022	39,952	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
83	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu viễn thông Mobifone nhìn từ góc độ khách hàng tại Đắk Lắk	ThS. Phạm Thảo Vy		01-12/2022	39,985	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
84	Các nhân tố tác động đến việc vận dụng bảng điểm cân bằng của các doanh nghiệp tại Tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo (B)		01-12/2022	39,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
85	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp hành pháp luật thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Đặng Thị Thu Vân		01-12/2022	39,995	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
86	Nhận thức của hộ sản xuất cà phê về canh tác giảm tác động đến môi trường tại huyện Cư Mgar, Tỉnh Đắk Lắk	TS. Phan Thị Thúy		01-12/2022	39,985	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

87	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia bảo hiểm nhân thọ: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk	TS. Trần Thị Lan		01-12/2022	60,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
88	Tích hợp Địa lí tự nhiên tỉnh Đắk Lắk trong dạy học địa lý lớp 12 cho học sinh Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	CN. Lại Văn Văn		01-12/2022	38,103	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
89	Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội cho học sinh lớp 12 Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	ThS. Lương Văn Hà		01-12/2022	36,505	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
90	Xây dựng một số chủ đề STEM trong dạy học môn Toán ở trường THPT	ThS. Vũ Thị Phương		01-12/2022	39,935	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
91	Xác định tỷ lệ đạt mục tiêu HbA1c và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 tại bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên	BS. Lê Huỳnh Phương Trinh		01-12/2022	29,552	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

92	Hiệu quả tiết trừ <i>Helicobacter Pylori</i> của phác đồ 4 thuốc có Bismuth 10 ngày trên bệnh nhân viêm dạ dày tại Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên năm 2022	BS.CKI. Nguyễn Thị Lệ		01-12/2022	31,825	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
93	Phân lập và sàng lọc xạ khuẩn có hoạt tính chitinase cao tại vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Đỗ Thị Tú Oanh		01-12/2022	39,985	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
94	Khảo sát các điều kiện nuôi cấy để tăng cường biểu hiện <i>chitinase</i> của <i>Bacillus velezensis</i> tái tổ hợp trong tế bào <i>Escherichia coli</i>	ThS. Huỳnh Nguyễn Tố Uyên		01-12/2022	39,932	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
95	Nghiên cứu nhân giống <i>in vitro</i> và huấn luyện <i>ex vitro</i> cây địa lan kiếm tiên vũ (<i>Cymbidium finlaysonianum</i>)	ThS. Mai Quốc Quân		01-12/2022	39,926	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
96	Sử dụng bột cá lên men và mật rỉ đường để nhân sinh khối và phát triển chế phẩm vi khuẩn <i>Bacillus velezensis</i> KN12	ThS. Ngô Văn Anh		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

97	Vận dụng Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam trong quản lý và rèn luyện sinh viên của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Phạm Huy Tựa		01-12/2022	39,955	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
98	Văn hóa công sở tại trường Đại học Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp	ThS. Nguyễn Văn Minh		01-12/2022	40,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
99	Tuyển chọn chủng vi sinh vật tổng hợp agarase phục vụ xử lý, chế biến nguyên liệu giàu Agar	ThS. Đặng Thị Thanh Hà		3/2022-9/2023	120,000	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
100	Mở rộng của một số bất đẳng thức thông qua tính lồi của hàm và ứng dụng	ThS. Đoàn Thị Thúy Vân		3/2022-2/2023	120,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
101	Nghiên cứu chiết xuất phân tích thành phần và xác định hoạt tính sinh học của các hoạt chất chính thuốc ở vườn quốc gia	TS. Đoàn Mạnh Dũng		5/2022-10/2023	119,970	01 Báo cáo khoa học 02 bài báo quốc tế Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

102	Tình hình sử dụng insulin ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2019-2020.	ThS. Trần Thị Nguyên Đăng		01-12/2022	16,800	01 Báo cáo khoa học 01 bài báo Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
103	Sự lưu hành của Salmonella trên vịt tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	sv Lương Đoàn Minh Châu Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh Đoàn Thị Hồng Nhung Hứa Vi Thị Thỏ Nguyễn Thị Minh Thu Lớp Thú y K18		7/2021-6/2022	19,999	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
104	Khảo sát ký sinh trùng đường máu trên chó nuôi tại Tp. Buôn Ma Thuột	sv Trần Quỳnh Lưu Nguyễn Hoàng Ngọc Lợi Hoàng Thị Thơm Hoàng Thị Thương Nguyễn Doãn Quyết Lớp Thú Y K19		7/2021-6/2022 gia hạn 12/2022	19,999	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
105	Độc lực và tính kháng kháng sinh của Escherichia coli phân lập từ vịt tại tp. BMT	sv. Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Thị Mai Đỗ Văn Tiến Phan Đình Quang Huy Lớp Thú y K18		7/2021-6/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
106	Sự lưu hành của vi khuẩn Bartonella ở bọ chét ký sinh trên chó tại TP. BMT	Sv. Trần Lê Thanh Bùi Khắc Luật Rô H'Nam Trần Phước Giới Nguyễn Thị Uyên Lớp Thú y K19		7/2021-6/2022 gia hạn 12/2022	19,999	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

107	Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Beta Glucan (AB Glucan) lên khả năng tăng trưởng của gà ta lai chọi nuôi tp. BMT	Sv. Đoàn Thị Trà My Đào Thị Mỹ Hồng Nguyễn Hoàng Hải Âu Lớp Thú y K19		7/2021- 6/2022	19,582	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
108	Khảo sát khả năng sinh trưởng, năng suất chất lượng thịt vịt giống vịt Frimaud nuôi sản tại TP. BMT	sv. Phạm Ngô Hữu Thịnh Lưu Việt Anh Sa Lê Rat Nguyễn Huy Tân Long Lớp Thú y K19		7/2021- 6/2022	19,582	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
109	Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập học phần tiếng Anh tổng quát 1,2,3,4 của sinh viên năm thứ nhất khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tây Nguyên	Sv. Nguyễn Ngọc Anh Nguyễn Thị Hương Ngô Thư Kỳ Lớp Sư phạm Anh K19		7/2021- 6/2022	15,655	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
110	Thái độ học tập môn tiếng Pháp của sinh viên khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Tây Nguyên	sv. Nguyễn Hà Ánh Ngọc Nguyễn Huyền Linh Phan Thị Hảo Nguyễn Thị Khánh Ly Lớp Sư phạm Anh K19		7/2021- 6/2022	18,831	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
111	Khả năng phân biệt mạo từ tiếng Anh và tiếng pháp của sinh viên khoa Ngoại ngữ trường Đại học Tây Nguyên	sv. Nguyễn Công Minh Nguyễn Đặng Phương Nga Lê Thị Thu Ngân Bùi Thị Kim Ngân Lớp Ngôn ngữ Anh K20A		7/2021- 6/2022	19,958	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
112	Tìm hiểu việc tự học từ vựng và phát âm tiếng Pháp của sinh viên khoa Ngoại ngữ trường Đại học Tây Nguyên	sv. Nguyễn Thị Khánh Uyên Nguyễn Thùy Trang Mạc Thị Kim Thắm Phan Thị Thùy Nhung Lớp Ngôn ngữ Anh K19B		7/2021- 6/2022	19,749	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

113	Làm việc nhóm trong học tập của sinh viên khoa Ngoại ngữ trường Đại học Tây Nguyên	sv Trịnh Thị Bích Ngọc Lê Thị Quỳnh Giang Lớp Ngôn ngữ Anh K19A		7/2021- 6/2022	17,195	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
114	Văn hóa học đường của sinh viên khoa Ngoại ngữ trường Đại học Tây Nguyên	sv Nguyễn Lục Minh Anh Trần Ngọc Thảo Nguyên Lớp Sư phạm Tiếng Anh K19		7/2021- 6/2022	18,235	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
115	Thực trạng sử dụng công nghệ trong việc tự học tiếng Anh của sinh viên Khoa Ngoại ngữ	sv Đỗ Bảo Hương Võ Hoàng My Lớp Ngôn ngữ Anh K19A		7/2021- 6/2022	16,852	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
116	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện sản xuất nước mắm của đồng (<i>Somanniathephusa sinensis</i>)	sv. Nguyễn Trọng Phú Nguyễn Thị Mỹ Linh Lành Thị Hòa Ksor Chiến Lớp CNTPK19 Nguyễn Thị Anh Thư		7/2021- 6/2022	18,440	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
117	Tiếp cận có sự tham gia phân tích thực trạng sử dụng, quản lý rừng và đất lâm nghiệp ở núi hòn rồng, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Sv. Phạm Vy Na Lớp Lâm Sinh K17 Hồ Thị Ánh Hậu Y Hậu		7/2021- 6/2022 gia hạn 12/2022	19,688	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

118	Đánh giá khả năng kháng bệnh héo vàng do fusarium sp. Của một số sản phẩm nano chitosan thương mại trên cây arabidopsis thaliana	Thonh Phạm Ngọc Khánh Trần Thị Kim Thìn Hoàng Như Nguyệt Đào Thiên Hương Lý Thị Trang Hồng Trần Quang Huy Lớp BVTV K19		7/2021- 6/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
119	Thực trạng về kỹ năng phân tích tác phẩm của sinh viên Ngữ Văn trường ĐH Tây Nguyên	sv. Phạm Nguyễn An Khang Nguyễn Thị Hằng Nhi Mai Hoàng Trúc Nhi Lớp SP Ngữ Văn K19		7/2021- 6/2022	15,510	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
120	Vận dụng kỹ luật tích cực trong quản lý lớp học ở trường tiểu học	sv. Tam Bó Ka Huynh Phạm Trà Giang Trần Thị Huyền Lớp GDTH K18		7/2021- 6/2022	19,713	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
121	Thực trạng sử dụng trò chơi dân gian ở một số trường Mâm non trên địa bàn tp.BMT	sv. Bùi Thị Minh Trúc Lê Thị Thu Thảo Trần Thị Thanh Xuân Lớp GDMN K18		7/2021- 6/2022	19,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
122	Tìm hiểu việc tổ chức dạy học môn Tự nhiên và xã hội lớp 1 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tp.BMT	sv. Võ Thị Hà Thu Lê Thị Lan Anh Êban Lớp GDTH Jrai K18		7/2021- 6/2022	19,934	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

123	Đánh giá hệ thống Test phát triển sức nhanh trong chạy ly 100m cho sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐHTN	Sv. Liêng Hót Mộng Thu Đinh Trọng Nghĩa Lớp GDTC K19		7/2021- 6/2022	15,120	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
124	Thiết kế một số công cụ đánh giá năng lực đọc của học sinh lớp 1	sv. Lưu Hữu Thuyền Nguyễn Ngọc Bích Hoài Lớp GDTH K19		7/2021- 6/2022	19,913	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
125	Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tiếng Anh của sinh viên Khoa Kinh tế, trường ĐHTN	Sv. Nguyễn Thanh Hương Lớp Kinh doanh thương mại K18 Sv. Nguyễn Thị Bích Phượng Lớp Kinh tế NNK18		7/2021- 6/2022	19,555	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
126	Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk	sv. Trần Thị Mỹ Linh Đinh Xuân Hiên Nguyễn Thị Tuyết Trâm Lớp Kinh tế K19		7/2021- 6/2022	19,975	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
127	Ảnh hưởng của việc làm thêm đến sự hình thành ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên trường ĐHTN	sv H Hạnh Mlô H Hạ Liêng Nguyễn Thị Bích Phượng Lớp KTNK18		7/2021- 6/2022	19,575	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
128	Đánh giá thực trạng về nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường ĐHTN	Sv. Nguyễn Võ Huyền Trang Trần Thị Thu Thảo Lớp Kế toán K18		7/2021- 6/2022	19,927	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

129	Chế tạo kính thiên văn phản xạ tích hợp chức năng chụp ảnh thiên thể	sv. Nguyễn Thị Mai Uyên Đặng Bình An Lương Thị Thúy Hà Huy Thạch Nguyễn Tuấn Đạt Lớp Sp vật Lý K18		7/2021- 6/2022	19,976	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
130	Tổng quát dạng lũy thừa thực của bất đẳng thức Young	sv. Phạm Thị Phương Trang Hồ Xuân Thiên Bá Lớp SP Toán K19		7/2021- 6/2022	19,400	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
131	Xác định ảnh hưởng của một số chủng Bacillus đến sinh trưởng và hàm lượng tinh dầu cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i> L.) trong điều kiện vườn ươm	Sv. Nguyễn Thị Hồng Phúc Nguyễn Thị Lại Ka Mai Hương Nguyễn Đăng Bảo An Lớp CNSH K19		7/2021- 6/2022	19,999	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
132	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nanocomposites TiO ₂ /ZnO	Sv. Nguyễn Thị Thanh Vân Trần Hoàng Thanh Tuyền Lớp Sp Hóa K19		7/2021- 6/2022	19,986	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
133	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy của hợp chất lai hóa từ Graphene và Polyphenol bằng phương pháp hóa tính toán	sv. Đinh Thị Phương Hiền Lớp SP Hóa K18		7/2021- 6/2022	19,976	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

134	Điều tra thành phần sâu hại chính trên cây dưa leo trong nhà lưới tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và bước đầu khảo sát hiệu quả của một số chủng nấm kí sinh trong phòng trừ một số loài sâu chính hại trên cây dưa leo trong phòng thí nghiệm	sv. Huỳnh Hoàng Việt H'En Niê Trần Thị Vân Anh Lớp BVTV K18		01-12/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
135	Ảnh hưởng của một số dung dịch bảo quản đến trứng giun móc, giun đũa trong phân chó	sv. Hồ Mạnh Hùng Hà Ngô Trâm Anh Nguyễn Đăng Long Cái Nguyễn Huyền Trang Lớp Thú y K19		01-12/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
136	Đánh giá khả năng ức chế vi khuẩn từ chế phẩm probiotic đối với một số chủng vi khuẩn E.coli phân lập trên heo	sv. Mai Thị Hiền Mai		01-12/2022	19,765	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
137	Kết hợp phương pháp thực nghiệm và hóa tính toán nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của một số hợp chất hữu cơ chiết xuất từ quả ngũ vị tử (Fructus Schisandrae)",	sv. Lê Đức Hiệp Trần Minh Đăng Sư phạm Hóa K19		01-12/2022	19,965	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
138	Xây dựng bản đồ quản lý sinh viên trên website	sv. Huỳnh Hoàng Hiến Trần Hoàng Anh Vũ Lớp CNTT K 2020		01-12/2022	18,830	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

139	Xây dựng website cung cấp khóa học trực tuyến về Internet of things cho học sinh phổ thông	sv. Tăng Quốc Tiến Nguyễn Quốc Duy Lớp CNTT2020		01-12/2022	19,950	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
140	Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng ngừa lây nhiễm vi rút viêm gan B ở sinh viên y khoa trường Đại học Tây Nguyên năm 2022	sv Trần Ánh Bắc Bạch Thị Thanh Hậu Nguyễn Bùi Thanh Diện Mai Đình Hậu Nguyễn Thị Hoài Lớp Y K17A1		01-12/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
141	Tỷ lệ thiếu máu và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên năm 2022	sv. Bùi Thị Xuân Thương - Lớp YK17A3 Trương Yên - Lớp Y K17B Vũ Đức An - Lớp YK18A1 Nguyễn Đức Bình - Lớp YK18A1 Trần Thanh Bảo - Lớp YK19A1		01-12/2022	19,998	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
142	Chất lượng giấc ngủ và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Y khoa, trường Đại học Tây Nguyên năm 2022	sv. Huỳnh Hiếu Kiên - Lớp YK18A2 Huỳnh Tâm Nguyên - Lớp YK18A2 Đỗ Tấn Nam - Lớp YK18A2 Trần Thực Nghi - Lớp YK18A2 Lê Thị Thùy Dung - Lớp YK19A1 Nguyễn Anh Đức - Lớp YK19A1		01-12/2022	17,939	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

143	Thiết kế chủ đề giáo dục STEAM hướng dẫn trẻ 5-6 tuổi khám phá khoa học ở trường Mầm non thực hành 11-11	sv. H-Noih Niê Kdăm Nguyễn Thị Quyên Phạm Vũ Thục Quyên Lớp GDMN K19		01-12/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
144	Thiết kế chủ đề giáo dục STEAM trong Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh	sv. Nguyễn Ngọc Bích Hoài Nguyễn Ngọc Thùy Linh Lớp GDTH K19		01-12/2022	20,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
145	Đặc điểm nghệ thuật thơ Thanh Thảo sau 1975	sv. Phùng Thị Nguyên Nhung, Nguyễn Đoàn Nguyên Chương Nguyễn Ngọc Trâm Lớp Sp Ngữ Văn K19		01-12/2022	13,095	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
146	Vận dụng lý thuyết chuyển trường nghĩa vào việc phân tích các biểu thức ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm Văn học Việt Nam của chương trình Ngữ văn lớp 12	sv. H'Thủy Mlô Nguyễn Văn Lộc Lớp Văn học - Ngôn Ngữ K19		01-12/2022	18,000	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
147	Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên đối với việc học trực tuyến tại trường đại học Tây Nguyên	sv. Nguyễn Thanh Nhân Võ Thị Ý Nhi Vũ Thị Minh Nguyệt Huỳnh Thị Bích Hà Lớp KDTM K19		01-12/2022	19,985	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường
148	Đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong bối cảnh dịch Covid-19	sv. Nguyễn Thị Tường Vi		01-12/2022	19,500	01 Báo cáo khoa học Địa chỉ áp dụng: tài liệu tham khảo cho Nhà trường

ĐỀ TÀI KHCN CẤP BỘ						
1	B2020-TTN-01: Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	PGS.TS. Lê Đức Niêm TS. Lê Thế Phiệt TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Nguyễn Văn Hóa ThS. Nguyễn Đức Quyền ThS. Võ Xuân Hội ThS. Hà Thị Kim Duyên CN. Nguyễn Việt Nhân CN. Đoàn Thị Kim Oanh CN. Nguyễn Thị Quỳnh Thảo		1/2020 - 12/2021	370	Đang thực hiện
2	B2020-TTN-02: Nghiên cứu sự lưu hành, đặc điểm dịch tễ học và biện pháp phòng trị sán dây và ấu trùng sán dây (<i>Taenia solium</i> , <i>T. saginata</i> , <i>T. asiatica</i> và <i>T. hydatigena</i>) ở bò, heo và chó tại tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Văn Trọng ThS. Ngô Quốc Hiếu PGS.TS. Nguyễn Văn Diên ThS. Lương Huỳnh Việt Thắng ThS. Nguyễn Văn Thái ThS. Hoàng Hải Phúc CN. Hoàng Thị Kim Trang		1/2020 - 12/2021	390	Đã nghiệm thu cấp cơ sở
3	B2020-TTN-03: Nghiên cứu tuyển chọn giống và một số biện pháp kỹ thuật trồng cây diêm mạch (<i>Chenopodium quinoa</i> Wild.) tại Tây Nguyên	TS. Nguyễn Văn Minh TS. Đỗ Thị Nga TS. Hoàng Văn Chuyển ThS. Nguyễn Ngọc Hữu ThS. Nguyễn Hải Đăng ThS. Trần Thị Biên Thùy PGS.TS. Nguyễn Việt Long KS. Lê Đình Thắng		1/2020 - 12/2021	300	- 01 Bài báo quốc tế - 02 Bài báo trong nước - 01 Sách tham khảo về kỹ thuật trồng cây Diêm mạch tại Tây Nguyên - 01 Đào tạo thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng đề tài)

						- 01 Giống Diêm mạch - 01 Quy trình kỹ thuật canh tác cây diêm mạch
4	B2020-TTN-04: Nhân dòng phân tử và phân tích hệ thống gene chitinase từ vi khuẩn <i>Bacillus velezensis</i> RB.IBE29 được phân lập ở Tây Nguyên	TS. Trần Minh Định PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh TS. Nguyễn Văn Bốn TS. Nguyễn Thị Phương Hạnh ThS. Trịnh Thị Huyền Trang ThS. Ngô Văn Anh ThS. Nguyễn Thị Huyền CN. Huỳnh Nguyễn Tổ Uyên CN. Vũ Bích Thủy		1/2020 - 12/2021	410	- 01 Bài báo quốc tế - 01 Bài báo trong nước - 02 Đào tạo thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng đề tài) - 02 Protein tái tổ hợp tinh sạch - 01 Báo cáo phân tích về gen và protein các gen chitinase và protein AA10 từ vi khuẩn <i>B. velezensis</i> RB.IBE29

5	B2021-TTN-02: Phát triển bền vững chuỗi giá trị sản ở Tây Nguyên	ThS. Ao Xuân Hòa TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Lê Thế Phiệt TS. Đỗ Thị Nga TS. Nguyễn Văn Minh ThS. Võ Xuân Hội ThS. Vũ Trinh Vương ThS. Nguyễn Văn Toàn ThS. Trương Văn Thảo CN. Lê Nguyễn Hồng Huệ		1/2021- 12/2022	365	Đang thực hiện
6	B2021-TTN-03: Nghiên cứu thành phần, cấu trúc hoá học và hoạt tính kháng oxy hoá và hạ đường huyết của các hợp chất tự nhiên từ cây ổi rừng tại M'Drak, Đắk Lắk dùng làm nguyên liệu phát triển thực phẩm chức năng hỗ trợ bệnh đái tháo đường	PGS. TS. Nguyễn Quang Vinh ThS. Nguyễn Thị Thảo TS. Trần Minh Định TS. Trần Văn Cường ThS. Lê Cao Linh Chi ThS. Mai thị Hải Anh ThS. Ngô Thị Ngọc Yến CN. Nguyễn Thị Anh Thư Nguyễn Thị Lan		1/2021- 12/2022	385	Đang thực hiện
7	B2021-TTN-04: Nghiên cứu ảnh hưởng tính đa hình gen PIT1 đến năng suất, chất lượng thịt của quần thể bò lai Red Angus, bò lai Blanc Bleu Belge và bò lai Charolais nuôi tại Đắk Lắk nhằm cải tiến công tác nhân giống và nuôi dưỡng bò thịt	PGS.TS. Phạm Thế Huệ PGS.TS. Trần Quang Hạnh ThS. Mai Thị Xoan ThS. Bùi Như Linh ThS. Ngô Thị Kim Chi KS. Trần Thị Thắm		1/2021- 12/2022	255	Đang thực hiện

8	B2022-TTN-01: Mô hình can thiệp để nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ pháp lý của đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn Tây Nguyên	TS. Trương Thị Hiền ThS. Lê Thị Thúy An TS. Bùi Hồng Quý TS. Thái Thị Hoài An ThS. Lê Thị Hồng Gái ThS. Lưu Thị Diệu CN. Phan Thị Hiền CN. Lê Thị Thơm CN. Lê Văn Thế CN. Vũ Thị Kim Giang		1/2022- 12/2023	230	Đang thực hiện
9	B2022-TTN-02: Phát triển nguồn nhân lực đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Nguyễn Ngọc Thắng TS. Ao Xuân Hòa ThS. Huỳnh Thị Nga ThS. Võ Xuân Hội ThS. Nguyễn Thị Minh Phương ThS. Phạm Thảo Vy ThS. Vũ Trinh Vương CN. Nguyễn Thị Nhâm Tý CN. Hoàng Minh Hải		1/2022- 12/2023	260	Đang thực hiện
10	B2022-TTN-03: Quản lý cảnh quan tổng hợp trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Đắk Lắk	ThS. Bùi Ngọc Tân TS. Nguyễn Văn Hóa TS. Dương Thị Ái Nhi ThS.NCS. Nguyễn Trịnh Thanh Nguyên ThS.NCS. Hà Thị Kim Duyên TS. Nguyễn Văn Đạt ThS. Lê Việt Anh CN. Nguyễn Thị Mai Trinh CN. Nguyễn Sơn Hưng CN. Nguyễn Quang Dương		1/2022- 12/2023	220	Đang thực hiện

11	B2022-TTN-04: Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng Tây Nguyên	TS. Lê Thế Phiệt TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Ao Xuân Hòa ThS. Võ Xuân Hội ThS. Vũ Trinh Vương ThS. Nguyễn Đức Quyền ThS. Phạm Thảo Vy ThS. Nguyễn Anh Tuấn ThS. Y Mơ Mlô CN. Đỗ Danh Lam		1/2022- 12/2023	240	Đang thực hiện
12	B2022-TTN-05: Xác định giá trị khoa học của các loài Nấm lớn sử dụng trong các bài thuốc của người đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Hữu Kiên ThS. Trần Thị Kim Thi TS. Trần Thị Thu Hiền ThS. Trần Thị Thanh Thảo ThS. Nguyễn Thị Thủy ThS. Nguyễn Thị Tinh CN. Trương Thị Minh Hiền		1/2022- 12/2023	220	Đang thực hiện
13	B2022-TTN-06: Nghiên cứu lên men phụ phẩm nông nghiệp để tạo Prodigiosin, Nano/micro-prodigiosin ứng dụng kiểm soát sinh học trong nông nghiệp	TS. Nguyễn Văn Bốn ThS. Ngô Văn Anh GS.TS. Nguyễn Anh Dũng TS. Trần Minh Định ThS. Nguyễn Thị Huyền TS. Đoàn Mạnh Dũng ThS. Hồ Nhật Được ThS. Trần Thị Hà Trang CN. Nguyễn Thị Hạnh CN. Nguyễn Đại Nam		1/2022- 12/2023	500	Đang thực hiện
SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM & TƯ VẤN						

1	Sản xuất meo nấm Linh chi cho mô hình sản xuất nấm linh chi dưới tán rừng	GS.TS Nguyễn Anh Dũng	Công ty TNHH hệ sinh thái VOS	tháng 2 - tháng 4/2022	127	- Sản xuất nấm linh chi theo mô hình trồng nấm linh chi dưới tán rừng. - Nguồn nguyên liệu cho sản xuất nấm từ khúc gỗ cây keo lai
2	Chế phẩm Chitosan Oligomer + 15%Zn	GS.TS Nguyễn Anh Dũng	Công ty TNHH Nông Á	tháng 3/2022	73	- Hỗ trợ sinh trưởng với cây trồng - Tăng khả năng đề kháng cho cây
3	Sản phẩm gieo hạt lan kiếm với các phép lai của dòng kiếm Phan Trí	ThS. Mai Quốc Quan	Công ty TNHH MTV hoa lan Phương Mai	tháng 2/2022	120	- Cung cấp giống mới cho người trồng lan

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Tây Nguyên	6/2020	Đạt	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục -Đại học Đà Nẵng	Đạt; Quyết định số 195/QĐ-CEA.UD ngày 27/10/2020 của Trung tâm KĐCLGD-Đại học	Tháng 10/2020	Tháng 10/2025

STT	Tên cơ sở đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
					Đà Nẵng		

STT	Tên chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Sư phạm Ngữ văn	2013	Đạt	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GDĐT	Đạt	Tháng 3/2013	Tháng 3/2018
2.	Giáo dục Tiểu học	2021	Đạt	Trung tâm KĐCLGD-Đại học Đà Nẵng	Đạt	2022	2027
3.	Quản trị Kinh doanh	2021	Đạt	Trung tâm KĐCLGD-Đại học Đà Nẵng	Đạt	2022	2027
4.	Công nghệ Sinh học	2021	Đạt	Trung tâm KĐCLGD-Đại học Đà Nẵng	Đạt	2022	2027

Đắc Lắc, ngày 30 tháng 06 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thanh Trúc